

CLAIRE HOY
VICTOR OSTROVSKY



MOSSAD

cơ quan mật vụ

ISRAEL

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Table of Contents

Mossad - Cơ Quan Mật Vụ Israel

LỜI NÓI ĐẦU

CUỘC TẬP KÍCH NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN CỦA IRAQ

CUỘC HÀNH QUÂN BABYLONNE

Phần thứ nhất: Học sinh sỹ quan khóa 16

Chương I: TUYỂN MỘ

Chương II: TRƯỜNG HỌC

Chương III: NHỮNG NHIỆM VỤ XANH

Chương IV: NHỮNG HỌC SINH NĂM THỨ HAI

Chương V: NHỮNG NGƯỜI MỚI VÀO NGHỀ

Phần thứ hai: Bên trong và bên ngoài

Chương I: CHIẾC BÀN CỦA BỈ

Chương II: BỘ TÓC GIẢ

Chương III: CHÀO VÀ VĨNH BIỆT

Phần thứ ba: Lừa bịp đủ kiểu

Chương I: TÊN LỬA STRELLA

Chương II: CARLOS

Chương III: TÊN LỬA EXOCET (CÁ CHUỒN)

Chương IV: CỜ VÀ NƯỚC BÍ

Chương V: GIÚP ĐỠ ARAFAT

Chương VI: CHỈ Ở NƯỚC MỸ

Chương VII: HOẠT ĐỘNG MOISE

Chương VIII: BẢO HIỂM Ở CẢNG

Chương IX: BEYROUTH

PHẦN KẾT

CHÚ GIẢI

Mossad - Cơ Quan Mật Vụ Israel

Tác giả: *Claire Hoy, Victor Ostrovsky*

Người dịch: *Thu Hà*

Nhà xuất bản: *Nxb Công an nhân dân*

Khối lượng: *450.00 gam*

Kích thước: *13x19 cm*

Ngày phát hành: *09/2002*

Số trang: *575*

Nguồn: *giaitich*

OCR: *tran ngoc anh*

Phục hồi bìa: *mr.black*

Sửa chính tả: *tran ngoc anh, Văn.Cường*

Hiệu đính & làm ebook (tve-4u.org): *tran ngoc anh*

Mong các bạn dẫn nguồn khi chia sẻ lại sản phẩm của chúng tôi!



LỜI NÓI ĐẦU

Trong hơn hai mươi năm làm nghề báo chí, tôi đã học được điều là không bao giờ từ chối nghe một câu chuyện cho dù nó là câu chuyện kỳ quặc. Và, câu chuyện của Victor Ostrovsky đối với tôi cũng vậy.

Một buổi chiều tháng 4 năm 1988, tôi đang làm việc tại phòng trưng bày của báo chí Nghị viện ở Ottawa thì Victor Ostrovsky gọi điện thoại nói rằng ông có một câu chuyện rất đặc biệt có thể làm tôi quan tâm. Tôi vừa cho xuất bản cuốn **Những người bạn ở địa vị cao**, trong đó, tôi vạch những vụ bê bối làm liên lụy đến Thủ tướng Canada hiện nay và Chính phủ của ông. Victor tuyên bố với tôi rằng ông thích cách mổ xẻ vấn đề của tôi và đó là điều khiến ông quyết định nói chuyện với tôi. Ông không đi vào chi tiết vấn đề, mà đề nghị tôi dành cho ông mười lăm phút tại quán cà phê. Trong ba giờ đồng hồ, tôi luôn bị ông ta cuốn hút. Phải nói rằng câu chuyện của Victor rất giá trị.

Phản ứng đầu tiên của tôi, tất nhiên là phải suy nghĩ: “Làm thế nào biết được điều ông ta khẳng định là đúng?” Một cuộc điều tra nhanh chóng trong giới hữu trách, thêm vào ý muốn của ông ta là việc kể ra những tên thật và sự buộc tội chính bản thân mình đã thuyết phục tôi thấy ông là một người tốt, một cựu điệp viên chân chính của Mossad.

Cuốn sách này sẽ gây bối rối cho nhiều người, nó không cho thấy tính nhân đạo trong cái ngày tốt nhất của Victor. Một số người sẽ nhìn Victor như kẻ phản bội lại Israel. Không quan trọng, về phần mình, tôi xem ông ta là một người tin tưởng sâu sắc Mossad, một tổ chức tốt nhưng đã bị làm biến chất, một lý tưởng không thực tế mà các giấc mơ của nó đã bị phá bỏ bởi một thực tế khắt khe, bởi một ai đó tin rằng Mossad như mọi tổ chức khác của Chính phủ - phải chịu trách nhiệm công khai về những hành động của mình. Ngay cả CIA cũng phải báo cáo các tài khoản của mình với một Quốc hội được bầu ra, còn Mossad thì không.

Ngày 1 tháng 9 năm 1951, Thủ tướng đương thời, David Ben Gourion, bằng sắc lệnh, đã quyết định thành lập Cơ quan Tình báo Mossad, không phụ thuộc Bộ Ngoại giao Israel. Mặc dù mọi người đều biết sự tồn tại của nó - những nhà chính trị đôi khi ngạo mạn với những thắng lợi của mình - cơ quan Mossad vẫn tồn tại là một tổ chức ma. Nó không lấy lương trong ngân sách của Nhà nước Israel. Và tên tuổi của người phụ trách nó không bao giờ được công bố, chừng nào người đó còn đương nhiệm. Một trong các chủ đề của cuốn sách này là dựa trên chính kiến của Victor cho rằng Mossad đã tránh không chịu bất kỳ sự kiểm soát nào. Thủ tướng, chính thức mà nói là chịu trách nhiệm, nhưng ông đã không có một chút quyền nào đối với những hoạt động của Mossad, mà ngược lại, ông thường bị Mossad điều khiển.

Ở Israel, ngay cả Thủ tướng, nguyên tắc chịu trách nhiệm với các Cơ quan Mật vụ, cũng chỉ biết đã có một nhiệm vụ bí mật khi công việc này đã được kết thúc. Còn công khai, ít khi có sự thông báo về một nhiệm vụ bí mật và không có một uỷ ban nào giám sát các hoạt động của Mossad, cũng như các nhân viên của họ.

Tầm quan trọng của công việc kiểm tra chính trị các Cơ quan Mật vụ đã được ngài William Stephenson nhấn mạnh trong lời nói đầu của cuốn **A man called intrepid** (Một người dũng cảm - ND), trong đó ông chứng minh rằng tình báo là không thể thiếu được đối với các nước dân chủ, nó bảo vệ các nước dân chủ tránh khỏi một sự tàn phá, và có thể tránh cho họ một sự huỷ diệt hoàn toàn.

“Trong số những kho vũ khí ngày càng trở nên phức tạp và tăng lên trên thế giới - Ông viết - tình báo là một vũ khí chủ yếu, thậm chí có thể là quan trọng nhất. Nhưng nó cũng là nguy hiểm nhất, vì những bí mật đang bao quanh nó. Để tránh có sự lạm dụng, người ta phải lập nên hàng rào bảo vệ phải không ngừng kiểm tra chúng một cách nghiêm ngặt. Nhưng, cũng như trong bất kỳ một doanh nghiệp nào, nhân phẩm và sự khôn ngoan

của những người gánh vác trách nhiệm đó là những điều quyết định. Tự do của nhân dân hoàn toàn dựa trên sự liêm khiết của những người đang kiểm soát các Cơ quan Tình báo”.

Câu chuyện của Victor nêu lên một vấn đề khác: Một nhân viên bé nhỏ của Học viện (người ta gọi là Mossad), làm thế nào có thể biết được như vậy về tổ chức này? Vậy mà, câu trả lời lại bắt nguồn từ một sự đơn giản ngây thơ.

Thoạt đầu, Mossad là một tổ chức nhỏ bé.

Cơ quan Mossad - bạn có thể tin hoặc không, chỉ được cấu tạo bởi từ 30 đến 35 sỹ quan, hay gọi là katsa, được trải ra toàn thế giới, cắt nghĩa cho con số thấp không thể tin được, như các bạn đã biết trong cuốn sách này, dựa trên thực tế là, khác với các nước khác, Israel có thể tuyển mộ trong cộng đồng những người Do Thái trên thế giới những cán bộ tận tụy cho những vị trí then chốt. Israel, vì thế mà có cả một mạng lưới những người tình nguyện Do Thái trợ lực, gọi là các Sayanim, độc nhất vô nhị trên thế giới. Victor đã ghi trong một cuốn nhật ký những kinh nghiệm riêng của mình và nhiều điều khác mà người ta đã kể cho ông nghe. Nếu như chữ viết của ông chưa hoàn hảo, thì ngược lại, ông có một trí nhớ ghi lại các bản đồ, kế hoạch và những tư liệu khác có thể thấy là, không thể thiếu được đối với những thắng lợi của các hoạt động tình báo. Nhờ ở tầm cỡ nhỏ bé của tổ chức và nhờ có những mối quan hệ chặt chẽ với các nhân viên của tổ chức, ông có thể tham khảo được các hộp phiếu thông tin bí mật và thu lượm được những câu chuyện với giọng nói sinh động, điều mà một điệp viên trẻ của CIA hoặc của KGB, không bao giờ làm được. Thậm chí khi họ đã ở trong thời kỳ bùng nổ thông tin, các đồng nghiệp của ông và chính ông có thể hỏi trung tâm điện toán của Mossad, và họ mất nhiều giờ để nghiên cứu những chi tiết nhỏ nhất về những hoạt động thực sự của Mossad, mà mục đích là để dạy cho những tân binh trẻ chuẩn bị bước vào hoạt động sẽ tránh vấp phải những sai lầm đã xảy ra trong quá khứ.

Ngoài ra, sự gấn bó đặc biệt mang tính lịch sử của cộng đồng người Do Thái, chính kiến của họ, ngoại trừ những sự bất đồng về chính trị, tất cả người Do Thái phải đoàn kết lại để đương đầu với kẻ thù, đem theo lòng tin giữa những nhân viên của Mossad với nhau mà người ta không thể tìm thấy điều đó trong các điệp viên của CIA hoặc của KGB chẳng hạn. Tóm lại, họ cảm thấy tự do trong nói chuyện với nhau và không phải giấu giếm.

Tôi muốn cảm ơn Victor về việc ông đã đem đến cho tôi cơ may để làm sáng tỏ câu chuyện đáng chú ý này. Tôi cũng muốn bày tỏ sự cảm ơn với vợ tôi, bà Lydia, về những sự động viên đáng kể của bà. Việc xuất bản cuốn sách này, đã làm tôi lo lắng và phiền muội hơn cả những công việc điều tra có tính chính trị thông thường.

Tôi cũng xin ghi nhận rằng, thư viện của Nghị viện Ottawa, lúc nào cũng là một nguồn giúp đỡ quý báu đối với tôi.

Tháng 7 năm 1990

Claire Hoy

CUỘC TẬP KÍCH

NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN CỦA IRAQ

(Đầu đề trên do chúng tôi đặt. Trong cuốn hồi ký do tác giả viết có tựa đề Operation Sphinx - tôi tạm dịch là Chiến dịch Sphinx).

Phải chê trách thế nào đây đối với Butrus Eben Halim, vì ông đã chú ý đến người phụ nữ trẻ, có mái tóc hoe vàng, kêu gọi trong chiếc quần bó sát người và chiếc áo sơ mi cực ngắn, đủ để làm trỗi dậy niềm đam mê của bất kỳ người đàn ông nào.

Đã một tuần nay, hàng ngày, người phụ nữ ấy cứ tới đợi xe buýt tại điểm dừng xe ở Villejuif, ngoại ô phía Nam của Paris. Vì chỉ có hai chiếc ô tô buýt đi qua đây, mà một chiếc phục vụ vùng xung quanh và một chiếc chạy tới Paris, và chỉ có một số ít người đi trên những chiếc xe ấy. Cái khó cho Halim là ông không hề biết gì về cô. Nên Halim không nghi ngờ gì cả, nhưng mục đích đi tìm kiếm chính lại là ở đó.

Dường như vào tháng 8 năm 1978, người phụ nữ trẻ có mái tóc vàng cũng có cùng một thời gian biểu đi xe như Halim. Cô ta đã có mặt tại điểm dừng xe khi Halim đi đến đón xe buýt, và một lát sau đó, một người đàn ông có đôi mắt xanh, nước da sáng, ăn mặc lịch sự, đi trên chiếc ô tô hòm Ferrari BB512, hai chỗ, màu đỏ đến đỗ đối diện với hè đường. Rồi người đàn bà bước lên xe. Chiếc xe nổ máy phóng đi ngay. Halim là người Iraq, có vợ là Samira. Đã chán ghét người vợ của mình cũng như cuộc sống tẻ nhạt ở Paris, ông đã dành nốt phần còn lại của đời mình để suy nghĩ về người phụ nữ trẻ kia. Halim không phải loại người hay chuyện phiếm với hàng xóm. Mặt khác, các Cơ quan An ninh của Iraq đã dạy cho ông biết đi theo một con đường vòng, chuyển hướng để đạt tới công việc của mình, và phải biết thay đổi công việc một cách thường xuyên. Chỉ có hai sự lựa chọn đối với ông: Một là điểm đỗ ô tô buýt Villejuif, ngay gần nhà ông và hai là

ga xe điện ngầm Khu học xá (Cité Universitaire). Từ ga đó, Halim đi tàu điện tới Saclay, ở phía Tây-Nam Paris, nơi ông đang làm một chương trình bí mật hàng đầu để xây dựng một lò phản ứng hạt nhân cho Iraq.

Một hôm, xe buýt đến trước chiếc xe Ferrari của người phụ nữ này. Cô gái tóc vàng chăm chú nhìn trên đường với hi vọng thấy chiếc xe Ferrari, rồi cô nhún vai, bước lên xe buýt. Chiếc xe buýt của Halim bị chậm vì một “tai nạn không trầm trọng”: Một chiếc xe Peugeot đã vượt trước nó và đã gây ra sự cố.

Một lát sau, chiếc Ferrari tới. Người tài xế đảo mắt tìm người phụ nữ trẻ. Halim thấy vậy thét to bằng tiếng Pháp với người tài xế rằng cô ta đã đi xe buýt rồi. Người lái xe đáp lại bằng tiếng Anh: *Thật rắc rối*. Halim đã giải thích bằng tiếng Pháp cho người tài xế.

Để tỏ lòng biết ơn, người lái xe hỏi Halim đi đâu. Halim trả lời rằng ông đến ga Porte d'Orléans, chỉ mất mấy phút đi từ Khu học xá đến đó thôi, và thế là người lái xe, Ran S. - mà Halim chỉ biết dưới cái tên Jack Donovan, một công dân Anh - nói ông ta cũng đi về hướng đó và mời Halim lên xe đưa đến ga.

— Sao lại không nhỉ? - Halim trả lời đồng thời bước lên xe.

Cá đã cắn câu và dịp may đã đến, điều đó cho thấy Mossad (Cơ quan Tình báo của Israel) đã làm được một cuộc đi câu ngoạn mục.

Cuộc oanh tạc nhà máy điện hạt nhân được hoàn thành một cách ly kỳ vào ngày 7 tháng 6 năm 1981, khi những chiếc máy bay ném bom, do Mỹ sản xuất, của Không lực Israel phá huỷ lò phản ứng nghiên cứu Tamouz 17 (hay Osirak), ở Tuwaitha, nằm ở ngoại vi Thủ đô Bagdad, trong một cuộc tập kích cảm tử vào sâu trong lãnh thổ Iraq, kết thúc những năm tháng của các âm mưu, kết thúc những nỗ lực ngoại giao, những vụ phá hoại, hay ám sát do Mossad dàn dựng nhằm làm chậm lại công cuộc xây dựng nhà máy

điện hạt nhân, mà cho tới trước đó, mọi mưu đồ làm cho dự án xây dựng này bị thui chột, đã thất bại.

Sau khủng hoảng về dầu lửa năm 1973, nước Pháp đã ký một Hiệp định nhằm trang bị cho Iraq, khi đó là nước cung cấp dầu lửa thứ hai cho Pháp, một trung tâm nghiên cứu hạt nhân. Từ đó mối lo lắng ngày càng tăng lên ở Israel. Cuộc khủng hoảng đã làm trầm trọng thêm mối quan tâm đối với hạt nhân chừng nào nguồn năng lượng chuyển theo hướng khác và những nước xây dựng các nhà máy điện chạy bằng năng lượng hạt nhân tăng cường một cách đáng kể những nỗ lực thương mại của họ. Vào thời kỳ này, nước Pháp muốn bán cho Iraq một lò phản ứng hạt nhân 700 mê-ga-oát. Iraq nhấn mạnh vào việc sử dụng lò phản ứng này phục vụ mục đích hoà bình, như cung cấp điện cho Thủ đô Bagdad chẳng hạn. Israel, về phần mình, không phải không có cơ sở, lo sợ rằng lò phản ứng đó sẽ được dùng để chế tạo ra những quả bom nguyên tử nhằm huỷ diệt.

Người Pháp đã chấp nhận cung cấp Uranium được làm giàu tới 93% từ các nhà máy làm giàu quặng Pierrelatte cho hai lò phản ứng hoạt động. Nước Pháp cũng đồng ý bán cho Iraq 4 dàn nạp nhiên liệu: Toàn bộ là 67 kg Uranium đã được làm giàu, đủ để sản xuất ít ra cũng được 4 quả bom hạt nhân. Jimmy Carter, khi đó là Tổng thống Hoa Kỳ, đã đưa ra lá bài trong chính sách đối ngoại của mình với việc không truyền bá hạt nhân, những nhà ngoại giao Mỹ “quấy rầy” người Pháp và người Iraq để họ thay đổi dự án của mình.

Người Pháp ý thức được ý đồ của Iraq khi Iraq không chấp nhận việc thay thế Uranium được làm giàu bằng một thứ nhiên liệu kém nguy hiểm hơn được gọi là “Caramen”. Chất này có thể sản xuất ra năng lượng hạt nhân nhưng không sản xuất ra được bom nguyên tử.

Iraq không thay đổi lập trường. Buôn bán là buôn bán. Trong một cuộc họp báo ở Bagdad vào tháng 7 năm 1980, ông Saddam Hussein đã mỉa mai nói về những lo ngại của Israel bằng cách nhắc lại rằng vài năm trước đây,

“những nhân vật sioniste châu Âu đã chế nhạo người Ả Rập. Họ nói, người Ả Rập là một dân tộc lạc hậu, chỉ giỏi cười lạc đà đi trong các sa mạc. Các bạn hãy xem, ngày nay, cũng chính những nhân vật ấy lại mặc nhiên khẳng định rằng Iraq đang sắp chế tạo một quả bom nguyên tử”.

Lập trường kiên định của Iraq về điểm này, vào cuối những năm 70, đã dẫn tới chỗ làm cho AMAN, Cơ quan Tình báo của Israel, gửi một thông điệp được xếp vào loại “đen”, hay nói một cách khác là bí mật hàng đầu, cho Tsvy Zamir, nguyên là một tướng quân đội, một con người cao và bị hói bẩm sinh, khi đó phụ trách Mossad. AMAN muốn có những thông tin chính xác về các giai đoạn khác nhau trong dự án của Iraq.

Zamir triệu David Biran, phụ trách cơ quan Tsomet, cơ quan tuyển dụng của Mossad đến. Sau đó, Biran, nhà tình báo chuyên nghiệp, một con người béo mũm mĩm, đã ra lệnh cho chỉ huy của các cơ quan tìm ra các mối quan hệ của Iraq ở trung tâm nghiên cứu hạt nhân Saclay, càng nhanh, càng tốt.

Hai ngày tìm kiếm cấp tập không đem lại kết quả nào. Biran phải nhờ cậy đến người phụ trách phân ban ở Paris. David Arbel, một sỹ quan có tay nghề của Mossad, biết nhiều thứ tiếng và xác định rõ cho ông ta mọi chi tiết về nhiệm vụ mới trong tương lai. Cũng như các phái bộ khác, phái bộ Paris được đặt ngầm bên dưới toà Đại sứ. Với tư cách người chịu trách nhiệm của Mossad, Arbel là người có thứ bậc cao nhất của chính bản thân Đại sứ quán. Các nhân viên của Mossad kiểm tra các va li ngoại giao và xem xét tỉ mỉ mọi tin tức do Đại sứ quán gửi đi. Họ cũng có nhiệm vụ sắp đặt những nơi ẩn náu, được gọi là “các địa điểm hoạt động”. Vì thế, phân ban London là chủ sở hữu của hơn một trăm căn hộ và là người đứng tên thuê khoảng năm mươi căn hộ khác.

Paris cũng có một số *Sayanim* (những người Do Thái hỗ trợ tình nguyện trên mọi phương diện), và một trong hai số đó có mật danh là Jacques Marcel, làm việc trong cơ quan nhân sự của Trung tâm nguyên tử Saclay. Nếu như nhiệm vụ không cấp bách, người ta không yêu cầu ông cung cấp

những tài liệu gốc. Ông có thể thông báo miệng hoặc có thể phô tô lại các tài liệu. Ăn cắp một tài liệu là có những nguy hiểm và tạo ra mỗi nguy cơ không cần thiết cho một *Sayan*. Nhưng lần này, Mossad quyết định phải có tài liệu gốc vì trong chừng mực nào đó, tên của những người Ả Rập có sự vay mượn dễ nhầm lẫn (không hiếm các trường hợp ngoại kiều Ả Rập sử dụng những cái tên khác nhau trong bối cảnh đó). Vì vậy, để cú đánh của họ được chắc chắn, người Israel đã đề nghị Marcel đánh cắp danh sách những người Iraq đang làm việc ở trung tâm.

Marcel, người mà tuần sau đó phải tham dự một cuộc họp ở Paris, đã nhận được lệnh để danh sách đó trong cốp xe của ông, lẫn trong giấy tờ mà ông phải mang theo. Chiều hôm trước, ông đã đưa cho một *katsa* (sỹ quan xử lý) của Mossad một chìa khoá mở cốp xe (có hai chìa). Viên chức này đã tiếp xúc và giao cho ông những chỉ thị. Marcel phải đi đến trường quân chính bằng xe con và đi theo con đường kế bên trong khoảng một giờ. Tại đó, ông nhìn thấy chiếc xe Peugeot màu đỏ với một rèm che đặc biệt ở kính sau. Chiếc xe có thể được thuê từ hôm trước và đỗ suốt đêm trước một quán cà phê để giữ chỗ bởi ở Paris chỗ đỗ xe rất hiếm. Theo sự chỉ dẫn trước, Marcel phải đảo một vòng quanh ngôi nhà, và khi ông quanh vòng thứ hai tới trước chiếc xe Peugeot, thì chiếc xe này tách đi ra để nhường chỗ đậu xe cho ông. Tiếp đó, ông chỉ việc thản nhiên đi đến cuộc họp đồng thời để tài liệu lại trong cốp xe.

Những người làm việc trong một số khu vực đặc biệt dễ có thể bị kiểm soát mọi lúc. Cơ quan Mossad đã theo dõi Marcel, không để ông biết hôm hẹn gặp. Sau khi biết chắc chắn rằng không bị theo dõi, hai nhân viên của Mossad lấy tài liệu và đem vào trong quán cà phê. Trong lúc một người gọi đồ uống, người kia đi vào trong phòng vệ sinh. Trong nhà vệ sinh, viên sỹ quan kéo chiếc máy ảnh đặc biệt có giá đỡ từ trong áo vét ra chụp. Chiếc máy ảnh này cho phép tranh thủ thời gian vì nó đã được tính toán, điều chỉnh trước. Người này đã dùng những hộp phim của Mossad sản xuất và nó cho phép chụp được tới 500 kiểu trong cùng một cuộn phim. Sau khi

chụp được ba trang giấy, anh ta đứng dậy ra khỏi quán cà phê, để trả tài liệu về chỗ cũ và đi mất hút.

Danh sách các tên tuổi lập tức được văn phòng chịu trách nhiệm ở Paris chuyển ngay về Tel Aviv qua máy tính bằng cách dùng hệ thống mã hoá hai lần có hiệu lực với Mossad. Người ta thêm nhiều thuật ngữ vào mỗi âm tiết. Giả sử như tên là Abdul, “Ab” sẽ có con số 7, và “dul” có số 21.

Để làm cho phức tạp thêm, mỗi số lại có một mật mã- hoặc là một chữ hay là một số khác - và mỗi khóa mật mã lại được thay đổi hàng tuần. Ngoài những sự phòng ngừa này, mỗi một bức điện lại chỉ được chuyển đi một nửa. Một nửa chứa nội dung mật mã của mật mã đối với “Ab” và nửa kia chứa mật mã của mật mã “dul”. Bằng cách đó, trong trường hợp phát hiện được một bức điện, thì bản thân bức điện không có ý nghĩa gì đối với người phá được khoá mã ấy. Chính vì thế mà bản danh sách những người Iraq làm việc ở Saclay được phát chuyển về Tel Aviv bằng hai lần. Ngay từ khi tên các người làm và cương vị tương xứng của họ được giải mã ở Tel Aviv, thì lập tức nó được thông báo cho Vụ Nghiên cứu của Mossad, thế nhưng ở đó Mossad còn thiếu một mảng lớn trong các hồ sơ của mình vì rằng nhân sự Iraq ở Saclay là những người làm khoa học. Trước đây họ không bị coi là nguy hiểm.

Vậy là viên chỉ huy của Tsomet giao toàn quyền cho phái bộ Paris tìm thật nhanh một con mồi. Và người ta đã tung con mồi như Butrus Eben Halkn như thế đấy. Hậu quả chứng tỏ rằng vận may đã mỉm cười với họ, nhưng lúc bắt đầu tiến hành, chỉ duy nhất có Halim là mục tiêu được chọn bởi vì ông ta là nhà nghiên cứu Iraq duy nhất đã cho biết địa chỉ của cá nhân. Điều đó có nghĩa rằng những người khác thận trọng hơn, hoặc họ sinh sống trong các khu gần nhà máy. Mặt khác, Halim đã có vợ, người Iraq, song đôi vợ chồng này không có con. Một người Iraq, 42 tuổi, không con cái, chắc chắn không phải là dấu hiệu của một cuộc hôn nhân hạnh phúc.

Lúc này, họ đã xác định được mục tiêu của mình. Cái khó là việc tuyển mộ được ông ta, vì Tel Aviv đã chỉ rõ: Tuyệt đối không để xảy ra thất bại.

Hai nhóm được chỉ định để hoàn thành hoạt động này.

Nhóm thứ nhất của chi nhánh Yarid chịu trách nhiệm về an ninh ở châu Âu. Nhóm này phải xác lập được lịch làm việc của Halim, cũng như thời gian biểu của vợ ông, bà Samira, kiểm tra xem ông ta có bị phía Iraq hoặc người Pháp theo dõi không, và qua trung gian một *Sayan* “bất động sản” thuê một căn hộ bên cạnh. Một trong những *Sayanim* của Paris làm việc trong lĩnh vực bất động sản, sẽ nói cho người đó khi phải thuê bí mật một căn hộ trong khu vực đã định.

Nhóm thứ hai, thuộc chi nhánh Neviot, lo toan về căn hộ của mục tiêu (đối tượng): Ăn trộm, đặt máy nghe - một thứ “đồ gỗ” nếu như công cụ cần phải ngụy trang trong đồ đạc bằng gỗ, hay một cái “ly” (một cái cốc, một mắt kính) nếu dính đến nghe điện thoại.

Chi nhánh Yarid của Vụ An ninh được cấu tạo bởi 3 nhóm, mỗi nhóm có từ 7 đến 9 người. Hai nhóm làm việc ở nước ngoài và một nhóm làm việc trong nước Israel. Chọn một nhóm luôn tung ra công việc thầu khoán khó khăn, vì mỗi nhóm phải coi công việc của mình là sinh tử.

Chi nhánh thứ hai cũng bao gồm 3 nhóm với các chuyên gia thành thạo về dùng các đồ dùng, bao gồm bẻ khoá, đào ngạch, ảnh tài liệu, lắp đặt micro trong các phòng hay trong đồ dùng gia đình mà không để lại dấu vết. Những nhóm này có những người am hiểu phần lớn các khách sạn ở Châu Âu, và chi nhánh không ngừng cải tiến trang thiết bị của mình để mở các cánh cửa đóng mở bằng điện, bằng thẻ từ tính, bằng mật mã. Các buồng của một số khách sạn hiện nay, cửa chỉ mở khi có dấu ấn các ngón tay của khách.

Khi những máy nghe đã được đặt trong căn hộ của Halim, thì một nhân viên của Shicklut (Cơ quan phụ trách việc nghe trộm), có nhiệm vụ kiểm tra lại và ghi tất cả các cuộc nói chuyện. Chiếc cát xét đầu tiên được chuyển ngay về Tổng hành dinh ở Tel Aviv, tại đó, tiếng địa phương được phân tích một cách tỉ mỉ. Sau đó, người ta phải gấp đến Paris một marats (một nhân viên nghe quen với tiếng đó), để tiếp tục theo dõi bằng điện tử và giao cho phái bộ Paris một bản dịch ngay lập tức.

Tới giai đoạn này của công việc, Mossad không chỉ còn có một địa chỉ và một cái tên đơn thuần nữa. Mossad thậm chí không có lấy những tấm ảnh của người Iraq và không có bất kỳ một tin tưởng nào về sự hữu ích của người đó. Nhóm Yarid bắt đầu theo dõi ngôi nhà từ phía đường cái, nhờ một chỗ ẩn náu của căn hộ bên cạnh. Vấn đề phải biết Halim và vợ ông ta có sở thích gì.

Cuộc tiếp xúc thực sự đã xảy ra hai ngày sau đó. Một người phụ nữ trẻ quyến rũ với bộ tóc được cắt như con trai, gõ cửa nhà Halim, và tự xưng tên là Jaqueline. Thực ra người phụ nữ tên là Dina. Cô này là một nhân viên của Yarid chịu trách nhiệm xác định rõ người vợ của Halim và sau đó miêu tả cho các đồng nghiệp trong nhóm theo dõi, nói một cách khác là để bắt đầu công việc. Dina tự giới thiệu là người chào bán hàng tại nhà của một hãng nước hoa, dĩ nhiên điều đó chỉ là một vỏ bọc. Đem theo một chiếc hộp và một cuốn sổ yêu cầu ở tay, người phụ nữ này cũng bấm chuông các căn hộ khác trên tầng ba để chào bán các sản phẩm của mình, mục đích để tránh sự nghi ngờ. Người phụ nữ đến nhà Halim, khi ông đã tới sở làm việc.

Cũng như những người phụ nữ khác trong khu nhà, Samira thử hàng mới của Jacqueline, điều đó cũng không có gì ngạc nhiên cả, những nước hoa chào hàng khá rẻ hơn so với ở các cửa hàng bán lẻ. Các bà mua hàng phải trả một nửa tiền theo tính toán, phần còn lại sẽ giao cùng với lời hứa có một tặng phẩm bất ngờ cho từng khách mua.

May làm sao, bà Samira lại mời Jacqueline vào nhà. Và bà tâm sự với cô rằng: Chồng bà không đạt được tham vọng, bà xuất thân từ một gia đình sung túc có cuộc sống khá đầy đủ với tài sản riêng của bản thân. Nhưng - với một cái chau mày - bà phải trở về Iraq trong hai tuần, sau khi mẹ bà chịu một cuộc phẫu thuật nghiêm trọng. Vì thế, chồng bà sống một mình và dễ bị tác động.

Jacqueline tự giới thiệu là một nữ sinh viên, sinh ra trong một gia đình ở miền Nam nước Pháp, đi bán nước hoa để có tiền tiêu vặt, đã chăm chú nghe với vẻ thông cảm. Nhiệm vụ lúc đầu của Jacqueline chỉ là thăm tra người vợ, nhưng kết quả này đã vượt quá mong muốn của mình. Trong quá trình theo dõi, mỗi một chi tiết được báo cáo và được thảo luận trong Hội nghị, tại một nơi kín đáo mà nhóm hàng ngày tiếp nhận được các tin tức rồi họ quyết định công việc tiếp theo. Điều đó có nghĩa là có sự bàn cãi gay gắt trong nhiều giờ. Các thành viên của nhóm, hút thuốc lá nhiều và ngón hàng lút cà phê, bầu không khí nơi họp kín trôi đi nặng nề hàng giờ.

Một trong các cuộc họp như thế này, đã đi đến quyết định khai thác mối quan hệ đã có giữa Dina (Jacqueline) với bà Samira. Vì thế, người ta giao cho Dina nhiệm vụ kéo cho được người phụ nữ Iraq kia ra khỏi căn hộ hai lần. Lần thứ nhất để nhóm xác định xem đặt micro ở đâu và lần thứ hai là lắp đặt chúng. Người ta đã phải vào căn nhà, chụp ảnh, đo đạc, lấy mẫu các bức tranh, để cho phép chế tạo một vật chính xác giống hệt vật mà sẽ gài đặt micro vào đó. Như mọi việc Mossad làm, tiêu chuẩn chính là giảm được các mối nguy hiểm.

Trong buổi nói chuyện đầu tiên của mình với Jacqueline, bà Samira có than phiền là không tìm được hiệu làm đầu nào tốt trong khu phố để nhuộm tóc. Hai ngày sau, khi đến, Jacqueline mang theo hàng (lần này thì đến trước lúc Halim đi làm một chút để xem ông ta quan tâm đến gì), cô nói về người quen của mình có một cửa hiệu làm đầu ở bên kia sông.

— Tôi chỉ nói hai câu thôi - Cô tuyên bố như vậy với André và ông này sẽ vui vẻ chăm sóc tóc cho bà. Chỉ cần bà đến đó hai lần. Bà hiểu cho, hơi đặc biệt một chút.

Samira chớp lấy dịp may đó. Vợ chồng bà không có những người bạn thực sự trong khu phố, và quan hệ xã hội lại eo hẹp.

Phong cảnh thành phố lướt qua khác xa với cuộc sống nhàm chán không chịu nổi ở căn hộ làm bà rất vui.

Vật kỷ niệm bất ngờ đối với người mua nước hoa mà Jacqueline trao tặng bà Samira là một cái đeo chìa khoá rất đẹp - mỗi chìa có một cái vòng riêng.

— Xin bà đưa chìa khoá của bà cho tôi - Jacqueline nói - tôi sẽ chỉ cho bà thấy nó vận hành như thế nào.

Samira không nhìn thấy Jacqueline nhét chiếc chìa khoá bà vừa đưa cho cô, vào trong một chiếc hộp nhỏ 5 cm, giống như tặng phẩm bất ngờ kia, nhưng đựng đầy bột làm khuôn mẫu phủ bột hòa tan được để chiếc chìa khoá không dính vào. Bằng cách đóng hộp đè lên chiếc chìa khoá, với một áp lực mạnh, người ta có một mẫu để chế tạo ra chiếc chìa thứ hai.

Nhóm *Neviot* đã có thể thâm nhập vào căn hộ mà không có chìa khoá, nhưng tại sao phải chuốc lấy những nguy hiểm không cần thiết khi người ta có thể vào nhà một người nào đó như vào chính nhà mình? Khi vào trong nhà rồi, chỉ cần lấy chiếc ghế tì lên nền nhà chèn chặt quả đấm cửa, làm thế nào để nếu có một ai đó đến (sẽ làm hỏng việc theo dõi) và mở cửa không được, sẽ nghĩ rằng ổ khoá bị kẹt và thế là đi nhờ giúp, việc đó giúp cho những người ở trong nhà có thời gian tẩu thoát mà không bị phát hiện.

Ngay khi đã kiểm tra rõ Halim, nhóm *Yarid* sử dụng sự “theo dõi bất động”, một phương pháp để phát hiện thời gian biểu làm việc của một người nào đó mà không gây sự chú ý. Và đây là biện pháp đó: Một người

chốt ở gần nhà mục tiêu và quan sát con đường mục tiêu này đi, nhưng không đi theo mục tiêu. Vài ngày sau, một người khác chốt xa nhà mục tiêu hơn một chút và cũng thực hiện công việc như người trước. Và cứ thế tiếp tục. Trong trường hợp hàng ngày Halim toàn đi xe buýt từ cùng một địa điểm, thì không có gì khó khăn.

Nhờ nghe trộm, nhóm biết chính xác khi nào bà Samira phải bay về Iraq. Nhóm cũng chốt dạ về một câu chuyện trong đó Halim giải thích với bà rằng ông được triệu tới Đại sứ quán để kiểm tra sự an toàn (an ninh). Điều này làm cho Mossad phải tăng thêm sự thận trọng. Nhưng, Mossad vẫn không biết làm thế nào để lôi kéo, tuyển mộ ông ta và họ không có thời gian để đảm bảo là Halim có chấp nhận hợp tác không.

Ý nghĩ sử dụng một oter (một người Ả Rập được trả lương để móc nối với một người Ả Rập khác), đã bị uỷ ban An ninh dẹp sang một bên. Ủy ban thấy những nguy hiểm quá lớn trong trường hợp dùng một người như vậy. Họ không có quyền được phạm các sai lầm. Hy vọng Dina (Jacqueline) tiếp xúc được với Halim đã vụt bay biến. Sau hai lần hẹn đến hiệu làm đầu, Samira không còn muốn nghe nói đến Jacqueline nữa.

— Ôi chào ôi! Tôi thấy rõ ông ngăm nhìn con bé đó như thế nào rồi! - Bà Samira gào lên trong khi không ngớt lên án chồng - Đó không phải là vì tôi đi vắng mà ông tranh thủ nó. Tôi biết rõ cả rồi, thôi đi đi!

Chính vì điều này đã quyết định việc Mossad phải đưa ra kịch bản người phụ nữ trẻ có mái tóc vàng đứng ở nơi chờ ô tô buýt, với *katsa* Ran S. trong vai Jack Donovan, một người Anh lịch sự. Chiếc xe Ferrari đi thuê và vẻ giàu có bề ngoài của Donovan đã làm nốt phần việc còn lại.

Lần đầu tiên, khi đi cùng với Donovan một đoạn đường, Halim không nói gì đến công việc của mình. Halim khoe rằng đang theo học - Ran S. thì nghĩ rằng đối với một sinh viên, Halim hơi lớn tuổi. Ông ám chỉ tới chuyến

đi của vợ, nói đến những món ăn ngon, nhưng là một người Hồi giáo ngoan đạo, ông không uống rượu.

Donovan tỏ ra lơ đãng nói có thể phải sắp xếp lại một kịch bản tự do lớn hơn. Ông ta quyết định sang làm việc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và mời Halim tới thăm toà villa của Ran S. S. ở nông thôn hoặc đi ăn cơm tối trong thành phố khi nào vợ Halim đi rồi. Halim không có ý kiến gì.

Sáng hôm sau, người phụ nữ có mái tóc vàng đến, Donovan qua đón cô ta đi. Ngày tiếp theo, Donovan lái chiếc Ferrari tới, nhưng không thấy người phụ nữ kia đâu, và một lần nữa, Donovan lại mời Halim lên xe đưa vào thành phố. Lần này, ông ta đề nghị Halim dừng lại uống cà phê. Donovan giải thích về người bạn gái quyến rũ kia:

— Ôi! Một cô gái mà tôi đeo bám như vậy đây! Cô ấy bắt đầu trở nên khó tính, lúc mà tôi lỡ bỏ đón cô. Cô ấy có những nét thật tuyệt vời.

— Anh có hiểu tôi muốn nói gì không? Cuối cùng, đó không phải là những người phụ nữ dễ dứt đi được đâu, ông bạn ạ!

Halim không nói gì với bà Samira về người bạn mới của mình, ông muốn giữ bí mật.

Sau khi bà Samira đi, Donovan, người vẫn đều đặn qua đón Halim, và ngày càng trở nên thân thiện, đã thông báo rằng anh ta sẽ phải vắng mặt khoảng 10 ngày. Một chuyến đi làm ăn ở Hà Lan, lẽ dĩ nhiên đó chỉ là vỏ bọc, nhưng văn phòng do một nữ thư ký chăm lo vẫn làm việc trong trường hợp Halim gọi điện thoại đến hoặc Halim định qua. Văn phòng nằm trong một căn nhà mới được tân trang ở phía trên Champs-Élysées.

Tuy nhiên, trên thực tế, Ran S. (Donovan) vẫn ở chỗ nấu nướng theo dõi và sau mỗi cuộc gặp gỡ với Halim, Ran S. cùng với người phụ trách phái bộ hoặc viên phó của ông ta quyết định chi tiết những bước đi tiếp theo, và lại,

anh ta phải viết báo cáo, đọc những băng nghe trộm, đồng thời có thể kiểm tra lại kịch bản.

Để đi đến địa điểm bí mật, Ran đã đổi hướng đi nhằm tránh bị theo dõi. Một khi đến rồi, Ran đổi hộ chiếu Anh thay cho hộ chiếu thật của mình. Sau đó anh ta viết hai bản báo cáo. Một báo cáo có nội dung thông tin những gì thu thập được qua các cuộc nói chuyện. Một báo cáo có tính chất nghiệp vụ trả lời năm câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu? Vì sao? Sau đó, báo cáo nghiệp vụ được cắt làm hai phần chuyển đi để không có thể giải mã được. Thí dụ: Phần thứ nhất nói: “Tôi đã gặp untel ở”, và địa điểm được nói trong phần thứ hai của báo cáo. Cứ như vậy mà tiếp tục. Người ta đặt cho mỗi người hai tên mật danh mà bản thân con người đó cũng không biết: Mật danh mang tính chất thông tin và mật danh mang tính nghiệp vụ.

Việc thận trọng trong truyền tin là mối lo chính của Mossad. Họ biết rằng những gì mà họ có khả năng và họ tính toán được thì những người khác cũng có khả năng như vậy.

Samira đi rồi, Halim thay đổi thói quen: Sau giờ làm việc, Halim vào thành phố, ăn cơm tối ở hiệu hoặc vào xem chiếu bóng. Một buổi chiều, ông điện thoại cho Donovan và để lại lời nhắn gửi. Ba ngày sau, Donovan gọi điện thoại cho Halim. Vì Halim có mong muốn đi, Donovan đã chở ông ta đi ăn tối ở một tiệm ăn sang trọng và giành được trả tiền thanh toán.

Halim không uống rượu. Chiều tối, Donovan trình bày những nét lớn về dự án của mình. Dự án này nhằm bán lại cho các nước châu Phi những container cũ để cho họ dùng làm nhà ở.

— Ở đó còn có những khu nghèo khổ không thể tưởng tượng được - Donovan giải thích như vậy- Thế là họ có thể làm tổ ấm trong đó. Những container ấy có cửa ra vào, cửa sổ cho họ và họ sống ở bên trong! Tôi có một mối cho chuyển hàng ở Toulon mà nó có thể chẳng có nghĩa lý gì với tôi. Cuối tuần tôi cho hàng xuống tàu. Tại sao anh lại không đi với tôi?

— Tôi không biết tý gì về làm ăn - Halim cam đoan - Tôi sẽ làm phiền anh hơn thôi.

— Không có gì đâu. Sự có mặt của anh giúp cho chuyển đi và về thẳng lợi thôi. Tôi khao khát có bạn đồng hành. Ta sẽ ngủ tại Toulon và chủ nhật quay về. Và lại, anh có việc gì để làm đâu?

Kế hoạch đã bị thất bại vì *Sayan* ở Toulon, vào phút chót đã lo sợ. Một *katsa* đã thay thế vị trí “người làm ăn” định bán những container cho Donovan.

Trong hai cuộc thảo luận khác về giá cả, Halim đã chú ý đến một trong những container mà người ta cầu lên có để bị han rỉ (tất cả đều như thế và Donovan hi vọng là Iraq sẽ không phát hiện ra điều đó). Halim đã bí mật lưu ý điều này với Donovan, để anh ta có thể thương lượng với giá rẻ hơn cho khoảng 1.200 container.

Trong bữa cơm chiều hôm đó, Donovan đã biếu Halim 1.000 USD.

— Xin anh cầm lấy - Donovan khẩn khoản- Anh đã làm cho tôi tiết kiệm được nhiều khi báo cho biết những container bị han gỉ. Cái đó không thay đổi khi bán, nhưng kiểu cách thì không có thể ước đoán ra sao.

Đột nhiên Halim nhận ra là anh bạn mới không chỉ đem lại cho mình thời gian bổ ích mà cũng còn giúp kiếm tiền cho mình nữa. Với Mossad, họ hiểu rằng tiền bạc, gái, và một vài lý do về tâm lý, hoặc cả ba yếu tố này gộp lại cho phép giành được tất cả. Con người mà họ (nói Halim) đã nắm, chắc là móc nối được. Thời gian đã chín muồi để chuyển qua những việc nghiêm túc với Halim.

Khi chắc chắn rằng Halim tin tưởng tuyệt đối vào chiếc vỏ bọc của mình, Donovan, sau đó mời anh bạn Iraq tới Khách sạn Sofitel - Bourbon ở tầng 32, đường Saint Dominique. Donovan đã lo đưa đến một cô gái gọi (Call Girl), tên là Marie - Claude Magal. Sau khi đã gọi đặt cơm tối,

Donovan đột nhiên báo rằng anh ta phải vắng mặt vì một công việc đột xuất và bước ra, để lại một bức telex giả trên bàn, trường hợp đó có thể làm cho Halim hoài nghi.

— Tôi thực sự lấy làm buồn, ông bạn ạ Donovan nói trong lúc bước ra - Nhưng điều đó không cản trở anh ăn, vui đâu nhé. Hẹn gặp lại!

Halim và cô gái không làm khách, nhận ngay. Và để ăn chơi, họ đã ăn chơi! Mọi sự đùa giỡn của Halim đã được quay phim, không chỉ đơn thuần để đe dọa, bắt ép, mà còn để biết Halim làm gì, nói gì. Một nhà tâm lý Israel phân tích một cách tỉ mỉ mọi sự việc và hành động nhỏ nhất của Halim ghi lại trong các báo cáo và lập tức tìm ra cách thức tốt nhất để tác động đến anh bạn Iraq.

Hai ngày sau, Donovan gọi Halim. Ngồi trước tách cà phê, Halim nhận ngay ra rằng người bạn mình có điều gì bất khoan.

— Tôi chết đuối người đi - Donovan giải thích - Một công ty Đức bán những ống đựng khi mà ta có thể sử dụng trong việc chuyển vận nguyên liệu phóng xạ dùng cho công tác nghiên cứu y học. Một dịp kiếm ra tiền, nhưng khốn nỗi đó là lĩnh vực mà tôi chả biết gì cả. Người ta giới thiệu cho tôi một chuyên gia người Anh. Ông ta đồng ý giúp kiểm tra những ống đó cho, nhưng đắt quá, vả lại tôi thấy không tin tưởng ở ông ta. Tôi cho rằng ông ta thông đồng với bọn Đức.

— Có lẽ, tôi có thể giúp anh được - Halim nêu vấn đề.

— Tôi xin cảm ơn anh, nhưng tôi cần một nhà khoa học dày dạn trong nghề.

— Đúng rồi, chính tôi đây.

— Vậy sao? - Donovan tỏ vẻ ngạc nhiên - Tôi nghĩ rằng anh là một sinh viên cơ mà.

— Vâng, tôi phải nói thế vì ở đây tôi có nhiệm vụ đặc biệt. Tôi tin chắc là giúp anh được.

Sau này Ran kể lại rằng lúc Halim thú nhận chức trách của mình rồi, anh ta có cảm giác như được tiếp thêm sức mạnh để làm việc. Sau đó, anh cần phải tuyệt đối im lặng.

— Này anh, tôi phải gặp họ ở Amsterdam cuối tuần này. Tôi cần phải đi sớm một hoặc hai ngày, nhưng anh tính sao nếu tôi gửi vé máy bay của tôi cho anh sáng thứ bảy?

Halim chấp nhận.

— Anh đừng có buồn phiền - Donovan hứa - Nếu như những cái đó còn trong tình trạng tốt, một nhà kiểm tra lỗi lạc sẽ bắt đầu đấy.

Do tác động về tình huống của công ty Donovan, một chiếc máy bay Learjet được phái cấp tốc từ Israel tới. Văn phòng ở Amsterdam thuộc quyền của một người thầu khoán Do Thái giàu có. Ran không muốn cùng đi với Halim qua biên giới, vì anh đi du lịch bằng hộ chiếu thật.

Điều đó tránh những rủi ro không cần thiết khi qua hải quan.

Còn Halim đến văn phòng ở Amsterdam trong chiếc xe Limousine đón anh ở sân bay về. Những người khác đã ở đó sẵn. Hai nhà làm ăn là *katsa* Itsik E. và Benjamin Goldstein, là một chuyên gia vật lý hạt nhân uyên bác của Israel, có sẵn hộ chiếu của Đức. Ông này mang một trong số những ống đựng khí để Halim xem xét.

Sau một vài thủ tục giới thiệu ban đầu, Ran và Itsik bỏ ra ngoài, lấy cơ thảo luận về tiền nong để cho hai nhà bác học trao đổi về kỹ thuật. Nhờ có những quan tâm chung về khoa học, hai người nhanh chóng có cảm tình với nhau và Goldstein hỏi Halim do đâu mà ông có được những kiến thức về nền công nghiệp hạt nhân như vậy. Đó chỉ là một quả bóng tung ra để thử

thôi, nhưng Halim, do sự đề phòng kém, đã nói hết công việc của mình cho Goldstein.

Sau đó, khi Goldstein kể lại cho Itsik về sự mù quáng của Halim, họ quyết định cùng nhau mời gã Iraq khù khờ kia đi ăn tối. Ran tìm cách xin lỗi không đến được.

Trong bữa ăn, hai người đưa ra những nét lớn về dự án họ đang làm: Bán những nhà máy điện hạt nhân cho các nước thế giới thứ ba - tất nhiên là để sử dụng vào mục đích hoà bình.

Dự án nhà máy điện hạt nhân của anh là một kiểu mẫu tuyệt hảo cho các nước này - Itsik tuyên bố như vậy - Nếu các anh có thể cung cấp cho chúng tôi các đồ án của những nhà máy đó, một cơ nghiệp mà chúng tôi đang chờ mong. Nhưng điều này cần giữ kín trong chúng ta thôi. Nếu như Ran biết được việc này, cậu ta cũng có thể muốn có phần. Chúng ta đã có những cuộc nói chuyện với nhau về công nghệ, Donovan không giúp gì cho chúng ta cả.

— Điều đó làm tôi hơi buồn - Halim đáp lại - Donovan là con người rất hào phóng. Và nữa, cái đó... ôi... cái đó nguy hiểm đấy.

— Không sao đâu, không có gì đáng lo lắng cả - Itsik cam đoan như vậy - Anh được tiếp xúc với các đồ án, chúng tôi chỉ đề nghị anh cho những bản sao thôi. Không ai biết, không ai thấy, và anh sẽ được trả tiền hậu, và lại đây cũng là những ứng dụng đang thịnh hành.

— Được rồi, tôi nghĩ đã - Halim nói - không quyết định dứt khoát, nhưng quan tâm tới ý sẽ kiếm được nhiều tiền. Thế các anh định như thế nào đối với Donovan? Tôi không hài lòng khi làm điều gì đó sau lưng anh ta.

— Vậy, anh có tin là Donovan làm cho anh lợi lộc trong các hợp đồng không? Anh hãy yên tâm, cậu ta sẽ không biết việc này đâu. Công việc sẽ

không làm anh mất bạn và anh vẫn tiếp tục làm ăn với cậu ta được. Hãy tính cho chúng ta, chúng ta sẽ không để cậu ta biết tí gì cả, chừng nào cậu ta biết việc này thì cậu ta đòi có phần.

Họ đã giữ kín điều này. Viễn cảnh tiền nhét đầy túi quá hấp dẫn. Halim có lòng tin đối với Goldstein và nói rằng, sau mọi việc, Halim không làm gì nữa, kể cả việc giúp họ chế tạo một quả bom nguyên tử.

Halim đã chính thức được tuyển mộ và cũng như những người khác, ông ta vẫn chẳng biết gì.

Donovan trả cho Halim 8.000 đô la vì sự giúp đỡ kỹ thuật của ông, và ngày hôm sau, sau buổi liên hoan ăn mừng trong phòng với một cô gái gọi chính cái anh chàng Iraq ngây ngô ấy đã lên máy bay tư nhân về Paris. Đến giai đoạn này, Donovan cần phải rút khỏi chu trình để giảm nhẹ tình trạng bối rối cho Halim. Vì thế, anh ta cần biến đi, tuy nhiên vẫn để lại một số điện thoại ở London để Halim liên lạc. Donovan nói rằng những công việc ở Anh giữ anh lại đó và anh không biết sẽ phải vắng mặt trong thời gian bao lâu.

Hai ngày sau, Halim gặp lại những người cộng tác mới ở Paris, Itsik hấp dẫn hơn Donovan, muốn có những đồ án nhà máy điện hạt nhân của Iraq, với sự lượng định chính xác về việc lắp đặt nhà máy, khả năng của nó và chương trình của những công việc được xây dựng.

Lúc mới đầu, anh chàng Iraq vui lòng chiều theo những đòi hỏi của họ. Hai người Israel kia dạy Halim cách phô tô “từng tờ một”. Người ta đặt tờ giấy đặc biệt lên tài liệu cần phô tô, dùng sức nặng của một quyển sách hay bất kỳ một đồ dùng nào khác cũng được, đè lên nó trong nhiều giờ. Tờ giấy sẽ thấm hình ảnh vào trong đó, bề ngoài trông vẫn giống một tờ giấy bình thường, nhưng sau khi xử lý, hình ảnh phô tô sẽ hiện lên.

Itsik càng bòn rút tin tức đối với Halim, trả tiền anh ta hậu hĩnh, thì anh chàng Iraq càng phát triển những tín hiệu của cái mà người ta gọi là “hội chứng của tình báo”: Những giọt mồ hôi nóng và lạnh, toát ra từ cơn sốt, mất ngủ, sự dày vò, những triệu chứng thể chất gây ra do sợ hãi bị bắt. Và càng hợp tác khăng khít, người ta càng sợ những hậu quả của nó.

Làm gì đây? Halim nghĩ ngay tức khắc đến anh bạn Donovan của mình. Anh ta sẽ biết. Anh ta quen biết nhiều người làm việc trong hàng ngũ quan chức cao cấp bí ẩn.

— Hãy giúp tôi, tôi xin anh - Halim nói tha thiết khi Donovan trả lời qua điện thoại - Tôi có những nỗi ưu phiền, nhưng tôi không thể nói những điều đó trên điện thoại. Tôi muốn có sự giúp đỡ của anh.

— Về điều ấy, bạn bè phải giúp thôi- Donovan đảm bảo vậy.

Hai ngày nữa, Donovan sẽ có mặt ở Paris và hẹn gặp Halim tại Khách sạn Sofitel sau khi anh tới.

— Tôi bị rơi vào bẫy sau cú giao kèo mù quáng bí mật với công ty Đức ở Amsterdam rồi - Halim bịa ra thế - Tôi ngao ngán lắm. Anh mới thực sự là người bạn của tôi, nhưng tôi lại để cho đồng tiền cám dỗ. Vợ tôi thì luôn luôn trách móc là không biết kiếm đủ tiền, không có tham vọng, khi tôi bỏ lỡ cơ hội. Tôi đã cư xử như một người ích kỷ và là một thằng đần. Tôi xin anh, tha lỗi cho tôi và hãy giúp tôi.

Donovan tỏ ra hào hiệp.

— Thôi bỏ qua chuyện đó đi, cái chính là làm ăn! - Donovan nói - Nhưng - Donovan nói bóng gió - những người Đức đó có thể là gián điệp của CIA.

Halim tảng lờ như không nghe.

— Nhưng... nhưng, tôi đã nói cho họ tất cả những gì tôi biết - Halim kêu lên (điều này làm Donovan khoái chí). Và những cái đó không đủ cho họ sao!

— Gượng đã, để tôi suy nghĩ. Tôi có những mối quan hệ. Chẳng phải anh là người đầu tiên bị đồng tiền cám dỗ đâu. Anh hãy thư giãn một chút và tạo cho mình thời gian tốt. Sự việc cũng không đến nỗi trầm trọng như người ta nghĩ khi nhìn nó với ánh mắt đầu tiên đâu.

Buổi chiều hôm đó, Donovan và Halim cùng nhau đi ăn tối và uống vài chén. Buổi tối, Donovan thuê một cô gái gọi cho Halim.

— Nào ông bạn, cô gái sẽ giúp anh khỏi phiền muộn đấy - Donovan trêu đùa.

Nhiệm vụ thật khó khăn! Gần năm tháng trôi đi kể từ khi bắt đầu chiến dịch, một khoảng thời gian tương đối ngắn đối với nhiệm vụ loại này, nhưng đã thấy tầm quan trọng của cái cần được, việc thực hiện nhanh chóng là chủ yếu. Dù sao, sự thận trọng vẫn có hiệu lực với giai đoạn này, và Halim đang trong tâm trạng căng thẳng, khiếp sợ, cần khẩn trương nương nhẹ với anh ta.

Sau một buổi thảo luận quyết liệt ở nơi bí mật, quyết định được đưa ra là Ran S. cần phải làm cho Halim tin rằng đó là cú đòn của CIA.

— Thế thì họ sẽ đến bắt tôi! - Halim hốt hoảng - Chắc chắn họ sẽ đến bắt tôi!

— Không đâu - Donovan đảm bảo điều đó- Đó không phải như anh đã làm việc cho Israel, không có gì trầm trọng cả. Và nữa, có ai sẽ biết việc này? Tôi sẽ thoả thuận với họ. Họ chỉ cần nắm tình hình, duy nhất có thể thôi. Họ sẽ để cho anh yên.

— Còn những gì? Liệu tôi có phải nói cho họ thêm nữa không?

— Đây, cái đó chả có nghĩa gì với tôi đâu nhé, nhưng tôi nghĩ rằng anh hiểu - Donovan trả lời, đồng thời rút một trang giấy trong túi ra - đúng chưa! Đây này: Họ muốn biết phản ứng của Iraq khi nước Pháp đề nghị chuyển giao, chất đó gọi là gì? Caramel phải không? Thay thế cho chất Uranium đã được làm giàu. Anh đã nói với họ cái đó và anh sẽ không bao giờ nghe nói về họ nữa.

Halim nói rằng Iraq muốn mua Uranium đã được làm giàu, nhưng bằng mọi cách, Yahia El Meshad, một nhà vật lý gốc Ai Cập, trong vài ngày tới phải đến thanh sát dự án và chính ông là người thay mặt cho Iraq đưa ra quyết định cuối cùng.

— Liệu anh có dịp gặp ông ta không? - Donovan hỏi.

— Ô! Dĩ nhiên, ông ta phải gặp tất cả những người làm việc về dự án chứ!

— Tuyệt! Thế thì, anh có thể lấy được tin tức và anh sẽ thoát khỏi vụ việc.

Được an ủi, Halim đột nhiên thấy cần phải đi. Từ khi có tiền, Halim quyến luyến với cô gái gọi, có tên là Marie Claude Magal. Đó là một người phụ nữ trẻ dùng chỉ điểm cho cảnh sát, thế nhưng trên thực tế, chính Mossad đã thuê và trả tiền cho người này. Còn Halim, anh ta đã nói với Magal là muốn trở thành khách hàng thường xuyên. Cô gái này, theo gợi ý của Donovan, đã giới thiệu cho Halim cô bạn gái của mình.

Donovan năn nỉ nài Halim đứng ra tổ chức một bữa ăn tối với Meshad trong một quán rượu mà do ngẫu nhiên, anh ta cảm thấy ở đó “dễ chịu”.

Vào một buổi chiều đã định, Halim, bất ngờ giới thiệu Donovan với Meshad. Người Ai Cập này rất thận trọng, đành lòng nói xã giao “xin hân hạnh” rồi đi đến ngồi vào một bàn đồng thời nói Halim quay lại với ông khi nào nói chuyện với bạn xong. Quá bồn chồn, Halim không có khả năng đề

cập về chủ đề chất Caramel nữa và Meshad không quan tâm gì đến những thông tin của Halim về Donovan, “người này mua tất và có thể mai một nó có ích cho họ”.

Sau đêm hôm đó, Halim điện thoại cho Donovan để báo cho biết là anh ta đã không thể moi được gì của Meshad. Chiều hôm sau, sau sự việc ở Khách sạn Soffitel, Donovan thuyết phục Halim tìm hiểu xem ngày nào các nguyên liệu hạt nhân được đưa xuống tàu gửi sang Iraq. Donovan đảm bảo rằng CIA bằng lòng và sẽ giữ yên lặng về việc đó.

Nhờ một nhân viên “da trắng” (không phải người Ả Rập), được trả tiền đang làm việc cho Chính phủ Pháp, Mossad biết được rằng Iraq từ chối việc thay Uranium được làm giàu bằng chất Caramel. Nhưng, Meshad, người chịu trách nhiệm về dự án của Iraq, có thể trở thành một tân binh có giá trị lớn. Làm thế nào để quyết định được việc đó?

Bà Samira từ Iraq trở về để tìm Halim. Tự phụ có được sự thăng tiến và đồng lương được nâng cao, Halim tỏ ra lãng mạn hơn, đưa vợ đi ăn hiệu. Thậm chí họ tính toán mua một chiếc xe ô tô.

Halim có thể là một nhà khoa học sáng giá. Ông ta có cố gắng nhiều nhưng không phải vì thế mà khôn ngoan hơn. Một đêm, không lâu sau khi vợ trở về, Halim không thể không nói cho vợ nghe về Donovan và những lo âu với CIA. Bà Samira nổi cơn thịnh nộ lên, dồn dập quở trách và nói rằng hai vụ việc đó có thể ông đã làm ăn với người Israel chứ không phải là CIA.

— Tại sao người Mỹ quan tâm đến dự án này Samira gầm lên - Còn ai khác, ngoài những người Israel và phải chăng tôi là người ngu, thậm chí chuốc lấy nỗi khổ để nói với ông những lời này?

Những tài xế của hai chiếc xe tải chở các động cơ máy bay Mirage từ nhà máy Dassault- Breguet tới kho La Seyne-surimer, gần cảng Toulon, đã không chú ý khi một chiếc xe tải thứ ba nổi vào họ.

Trong chiếc xe thứ ba, một loại ngựa thành Troie hiện đại, người Israel giấu trong container bằng thép, một nhóm phá hoại và một nhà nguyên tử học. Nhờ vào những thông tin của Halim, họ hi vọng sẽ đưa được những người phá hoại thâm nhập vào vùng được kiểm tra rất khắt khe, đồng thời cũng biết rằng những người gác kiểm tra hàng ra khỏi kho tỉ mỉ hơn hàng đưa vào kho. Trong trường hợp đó, họ ra hiệu cho xe vượt lên. Ít ra thì những người Israel cũng đã tính toán được những việc nói trên. Nhà nguyên tử học thì từ Israel đến bằng máy bay để xác định chính xác những nơi để gài vào trong các động cơ hạt nhân những lượng thuốc nổ, nhằm thu được hiệu quả tối đa.

Một trong số những người phục vụ gác là nhân viên mới, nhưng việc tra cứu của anh ta quả là chắc chắn mà không ai nghi vấn anh ta ăn cắp chìa khoá trong nơi lưu giữ vật liệu vài ngày nữa sẽ đưa xuống tàu gửi sang Iraq. Theo sự hướng dẫn của nhà vật lý, nhóm phá hoại đã gài vào trong các động cơ phản lực năm liều thuốc nổ bọc nhựa tại năm nơi chính xác.

Đột nhiên, một tai nạn trên lòng đường thu hút sự chú ý của những người đứng gác xung quanh kho. Một người qua đường, một phụ nữ trẻ đẹp, vừa bị một chiếc xe ô tô con làm té ngã. Hình như cô ta bị va chạm không trầm trọng. Dù thế nào đi nữa, những tiếng nói của cô vẫn nguyên vẹn và cô trách móc một cách thiện chí người lái xe không may kia.

Một nhóm tò mò xúm lại, trong đó những người phá hoại đã leo lên lưới sắt của nhà kho bên cạnh và họ đã trà trộn vào đám đông. Đảm bảo đầu tiên là những người gác không tới, một trong số những người phá hoại đã bí mật tì lên một kíp nổ nhỏ xíu rất tinh vi, bằng một cú đã tiêu huỷ 60% các cấu kiện của lò phản ứng, gây thiệt hại khoảng 23 triệu đô la, làm cho dự án của Iraq chậm lại nhiều tháng, nhưng lạ thay là không làm hỏng được phần còn lại của những vật liệu được lưu giữ trong kho.

Ngay khi có tiếng nổ, những người gác đổ dồn về phía nhà kho. Chiếc xe tranh thủ lách đi, trong khi những người phá hoại và cô gái “bị thương”

kia vui sướng đi trên những con đường bên cạnh, họ đã được luyện tập tốt trò thể thao này. Nhiệm vụ được hoàn thành thắng lợi, các kế hoạch của Iraq bị chậm lại một cách nghiêm trọng, tạo ra sự bối rối lớn nhất cho Saddam Hussein.

Một nhóm nhỏ trong những nhà sinh thái học Pháp, tới lúc đó chưa ai biết đến, nhận trách nhiệm về vụ phá hoại, một hướng tìm mà cảnh sát đã gạt ra ngoài. Nhưng, trước sự im lặng của cảnh sát trong quá trình tiến hành điều tra, mỗi một tờ báo lại đưa ra những giả thiết riêng. Chẳng hạn tờ *Nước Pháp buổi chiều* nói rằng cảnh sát đang điều tra những “người cánh tả”, trong khi đó tờ *Buổi sáng* lại thiên về một vụ phá hoại của người Palestine đang hoạt động ủng hộ Lybie. Tuần báo *Le Point* chĩa sự nghi ngờ của mình vào FBI. Còn một số tờ báo khác thì buộc tội cho Mossad, nhưng người phát ngôn của Chính phủ Israel đã bác bỏ lời buộc tội này và cho đó là “bài Do Thái”.

Sau khi ăn tối ở một quán bên tả ngạn con sông, Samira và Halim trở về nhà vào lúc quá nửa đêm. Halim mở đài ra nghe với hi vọng thư giãn một chút, bằng cách nghe nhạc trước khi đi ngủ. Thay vì được thư giãn Halim đã bật thẳng dậy vì tin thời sự chớp nhoáng liên quan đến vụ nổ.

Halim tự thấy hoảng sợ.

Halim bắt đầu bước đi trong nhà, ném tất cả cái gì ông có trong tay một cách hung dữ, và hét lên một cách rời rạc.

— Cái gì bắt ông như thế? - Samira kêu lên át cả tiếng ồn ào - Có phải ông điên rồi không?

— Chúng phá nổ lò phản ứng rồi - Halim thốt lên - Chúng đã phá lò phản ứng! Sẽ đến lượt tôi, chúng sẽ giết tôi!

Halim gọi điện thoại cho Donovan.

Khoảng gần một giờ sau, Donovan gọi lại.

— Trước hết, không được làm cái gì bậy bạ- Donovan đề nghị như vậy - Anh hãy bình tĩnh. Không ai có thể động tới chỗ anh đâu. Chiều mai hãy đến khách sạn của tôi.

Halim run sợ và ngẫu nhiên hôm sau đến Khách sạn Soffitel trình diện. Anh ta đã không cạo râu và không chớp mắt suốt đêm qua.

— Những người Iraq sẽ đến bắt tôi, đó là điều chắc chắn- Halim nói - Sau đó, họ sẽ giao tôi cho người Pháp. Người Pháp sẽ chém đầu tôi.

— Anh chả có gì để mà xem xét - Donovan cam đoan và suy nghĩ trong hai giây - Không ai có lý do để chê trách anh.

— Thật tồi tệ. Tồi tệ. Liệu anh có nghĩ rằng người Israel đứng đằng sau vụ đó không? Samira nghĩ là có. Có thể như vậy ư?

— Thôi, nào anh bạn, hãy trấn tĩnh lại. Anh định nói về cái gì? Những người mà tôi làm việc với họ không bao giờ dính líu vào một vụ đánh bom. Chắc chắn đó là một câu chuyện của tình báo công nghiệp. Chính đó là lĩnh vực tranh giành tàn bạo, chính anh đã nói với tôi điều này.

Halim tuyên bố là ông sẽ quay về Iraq. Vợ ông muốn trở về, và thời gian Halim ở Paris đã đủ rồi. Càng sống xa những con người như vậy, Halim càng thấy tốt hơn. Thậm chí họ sẽ không theo đuổi ông đến tận Bagdad!

Donovan, người muốn gạt bỏ mọi trách nhiệm dính líu của người Israel, vẫn giữ lý lẽ do phá hoạt về công nghiệp và nói với Halim rằng nếu Halim có mong muốn thay đổi thực sự cuộc sống của mình sao lại không bắt tay tiếp xúc với người Israel? Donovan có hai lý do để đưa ra lời khuyên với Halim: Không nghi anh ta làm ăn với người Israel và nhất là chuẩn bị dọn đường cho việc tuyển mộ dứt khoát Halim.

— Họ sẽ trả tiền hậu hĩnh. Họ sẽ kiếm cho anh một căn cứ mới và bảo vệ anh. Họ phải chết vì ham muốn biết những gì anh biết về nhà máy điện nguyên tử.

— Không, không thể như vậy được - Halim đáp lại - Không, nhất định không làm ăn với họ. Tôi về nước mình.

Và thế là Halim về.

Vấn đề còn lại: Meshad, một trong số những nhà thông thái Ả rập nổi tiếng trong lĩnh vực hạt nhân, gần gũi với các giới chức dân sự và quân sự cao cấp của Iraq, một con người của lĩnh vực này có thể làm Mossad quan tâm. Mặc dù có sự giúp đỡ tự nguyện của Halim, nhưng nhiều vấn đề chủ yếu vẫn còn bị gác lại. Chính trong một chuyến đi thường xuyên của mình đến Paris, ngày 7 tháng 6 năm 1980, mà Meshad phải có quyết định dứt khoát liên quan đến việc mua bán. Tại một chuyến viếng thăm ở trung tâm Saclay, ông đã tuyên bố với các nhà bác học Pháp: “Chúng tôi sẽ thay đổi tiến trình lịch sử của thế giới Ả rập”, và chính đó thực sự là mối lo ngại cho Israel. Mossad nhận được bức telex từ Pháp ghi rõ ngày, giờ đến của Meshad cũng như số phòng khách sạn dành cho ông (9041 ở Méridien) điều đó tạo thuận lợi cho việc đặt micro nghe trộm.

Meshad, sinh ngày 11 tháng 1 năm 1932 tại Banham, Ai Cập. Đó là một nhà bác học nghiêm túc và tài giỏi, với mái tóc đen bị rụng đi chút ít.

Hộ chiếu của ông cho thấy ông là Hiệu trưởng ở Trường Đại học Tổng hợp Alexandrie, trong ban Khoa học hạt nhân.

Sau này, trong một cuộc nói chuyện với một nhà báo Ai Cập, vợ Meshad, bà Zamba, kể rằng họ đã chuẩn bị đi nghỉ hè ở Thủ đô Lơ-ke cùng với ba người con (hai gái, một trai). Meshad đã mua vé máy bay, khi một người chịu trách nhiệm của trung tâm Saclay điện thoại cho ông. Bà Zamba nghe được ông ta trả lời: “Tại sao phải là tôi? Tôi có thể cử một trong số

những cộng sự của mình”. Bà cũng nói rằng bắt đầu từ lúc đó, chồng bà trở nên bị căng thẳng đầu óc và cáu kỉnh, và bà nghĩ rằng một nhân viên tình báo Israel đã chui vào trong Chính phủ Pháp, giăng một cái bẫy đối với chồng bà. “Tất nhiên công việc của ông ấy thật nguy hiểm. Ông thường nói rằng ông sẽ chế tạo một quả bom nguyên tử với bất cứ giá nào, thậm chí phải trả giá bằng cả cuộc sống của mình”.

Một bản giải thích chính thức do nhà cầm quyền Pháp công bố với báo chí khẳng định rằng ông Meshad đã bị một người phụ nữ làm tiền bắt chuyện trong cầu thang máy khi ông lên phòng ở tầng 9 vào lúc 19 giờ ngày 13 tháng 6 năm 1980. Mossad đã biết Meshad miệt mài với thói loạn dâm khoái dâm (sado-masochisme) và ông là khách thường xuyên của một cô gái gọi tên là Marie Express. Ông đã thoả thuận là cô gái sẽ đến thăm ông vào lúc 19 giờ 30 phút. Tên thật của cô ta là Marie Claude Magal, chính là cô gái mà Ran S. đã giới thiệu cho Halim. Cô ta đã làm việc rất nhiều cho Mossad cho dù cô chẳng biết tên những người thuê mình. Thế nhưng khi cô được trả tiền hậu, cô không thắc mắc gì.

Người Israel hiểu rằng Meshad là một con người cứng rắn và người ta không có thể lừa ông ta một cách dễ dàng như anh chàng Halim cả tin kia. Vì ông ta chỉ ở Paris có vài ngày, nên cần có quyết định đặt vấn đề một cách thẳng thừng. “Nếu ông ta chấp nhận, người ta sẽ cam kết với ông ta - Arbel giải thích như vậy - Nếu không, ông ta sẽ chết”. Ông ta khước từ. Yehuda Gil, một *katsa* nói tiếng Ả Rập, có mặt ở trong phòng của Meshad trước khi Magal đến một lúc. Với tính đa nghi, Meshad hé mở cánh cửa mà không cắt bỏ dây xích an toàn.

— Ông là ai? - Meshad kéo nhều hỏi - Ông cần gì?

— Tôi được một cường quốc cử đến. Cường quốc đó sẵn sàng trả đất giá cho một vài thông tin - Gil nói.

— Ông xéo đi ngay, một loài chó, hay tôi phải gọi cảnh sát!

Gil rút lui. Thực ra ông bay ngay về Israel để người ta không thể quy trách nhiệm về hậu quả của những sự kiện.

Còn đối với Meshad, số phận của ông đã được xác định.

Mossad chỉ giết những người mà bàn tay họ đã nhuộm máu. Và Meshad biết có thể sẽ có những bàn tay nhuộm máu trẻ em Israel, nếu như dự án của ông ta được thực hiện. Vậy tại sao còn chậm trễ?

Tuy vậy, Mossad vẫn đợi cho Magal toại nguyện với người khách của mình và đợi cô đi khỏi. Hai người lặng lẽ lẻn vào phòng của Meshad trong khi ông đang ngủ và cắt cổ ông. Sáng ngày hôm sau, một cô hầu phòng phát hiện thấy một xác chết đầy máu. Cô ta đã đến phòng nhiều lần, nhưng tấm màn “không bị lộn xộn”. Đợi mãi, cuối cùng cô gõ cửa, không thấy có tiếng trả lời và cô vào phòng. Cảnh sát Pháp cho nguyên nhân là về công việc chuyên môn. Người ta không ăn cắp gì cả, không lấy tiền, không lấy tài liệu. Nhưng, cảnh sát phát hiện trong chiếc khăn ở phòng tắm có dấu môi son đỏ.

Magal đã bị một cú choáng khi nhận được tin về vụ giết người. Meshad còn sống khi cô ta từ giã ông. Nhằm được một nghi vấn và để bảo vệ mình, Magal đi tìm cảnh sát và khai rằng, khi cô đến, cô thấy Meshad khùng lên với một gã đang cố nài thuê tiền ông ta, chỉ trong một lát thế thôi.

Magal đã thổ lộ với người bạn, một khách hàng cũ “đều đặn”- Halim. Đến lượt mình, Halim kể lại câu chuyện cho một nhân viên của Mossad nghe.

Đêm 12 tháng 7 năm 1980, Magal làm nghề của mình trên đại lộ Saint - Germain, giữa lúc đó, một người dừng chiếc xe Mercedes đen bên lề đường và ra hiệu cho cô đến.

Không có gì ngạc nhiên về điều đó cả. Trong khi Magal đang trao đổi với người khách giàu có của mình, một chiếc Mercedes đen khác tách ra và

lao thẳng trên đại lộ. Vì chiếc xe chạy lướt qua họ, người đàn ông đang trao đổi với Magal đã đẩy cô gái gọi một cái mạnh. Do mất thăng bằng, cô gái ngã vào chiếc xe đang lao qua và chết ngay tức khắc. Hai chiếc xe kia đã biến đi trong đêm.

Ngay cả những bản án giống nhau đối với Meshad và Magal, những suy nghĩ mà nó đưa ra trước với họ là khác nhau xa. Đầu tiên là về Magal, Tổng hành dinh ở Tel Aviv nhận được những báo cáo, khi đã được giải mã, họ thấy Magal đã nói với cảnh sát. Những khó khăn có thể có từ hậu quả đó làm cho những người Israel lo ngại.

Thông qua cấp chỉ đạo, những lo ngại này đã được chuyển ngay cho người lãnh đạo Mossad. Chỉ huy Mossad đã quyết định phải “thanh toán” Magal.

Ngược lại, đối với vụ giết Meshad, người đã có tên trong danh sách “những người phải giết”, quyết định xuất phát từ một chu trình hết sức bí mật và cần có sự đồng ý của Thủ tướng Israel.

Con số tên người được phác hoạ trong danh sách thay đổi một cách đáng kể, từ một hoặc hai cho đến một trăm hay hơn nữa, chuyển biến theo cường độ của các cuộc khủng bố chống Israel.

CUỘC HÀNH QUÂN BABYLONNE

Việc Mỹ và Anh cho các máy bay chiến đấu của họ liên tiếp tấn công các mục tiêu trên lãnh thổ Iraq, với lý do do họ tự đặt ra “bảo vệ vùng cấm bay, bảo vệ người Kurt”... không chỉ vi phạm thô bạo chủ quyền của một nước thành viên Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, mà làm dư luận liên tưởng tới cuộc tập kích phá hủy nhà máy điện hạt nhân của Iraq cách đây 20 năm do không quân Israel tiến hành với cái tên “Cuộc hành quân Babylonne”. Dưới đây, chúng tôi phỏng dịch lại sự kiện trên do nhà báo Claire Hoy viết theo lời kể của Victor Ostrovsky.

“Ngày 7 tháng 6 năm 1980, vào lúc 16 giờ, một ngày chủ nhật nắng đẹp, 12 chiếc F-15 và 16 do Mỹ sản xuất, đã cất cánh từ căn cứ Beersheba (không phải từ căn cứ Eilat như các phương tiện thông tin của thế giới thông báo, vì căn cứ này quá gần các trạm rada của Jordanie), để thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt nguy hiểm, diễn ra trong 90 phút. Sau khi bay 1000 km trên lãnh thổ kẻ thù, những chiếc máy bay này đã tới Tuwaitha, nằm sát Thủ đô Bagdad, và phá huỷ nhà máy điện nguyên tử của Iraq”. Một chiếc máy bay giống như máy bay chuyển thư đường dài của công ty Air Lingus cùng bay với các máy bay Israel (vì người Irlandais thuê máy bay của họ cho các nước Ả Rập, sự có mặt của nó không làm ai ngạc nhiên). Nhưng, đó thực ra là một máy bay Boeing 707 của Israel, một chiếc máy bay vận tải, các máy bay cường kích triển khai theo đội hình hẹp, chiếc 707 bay đúng bên dưới họ để nguy trang và bay theo hành lang đường bay của máy bay dân sự. Các phi công lái máy bay giữ “yên lặng”, điều đó có nghĩa là họ không chuyển bất kỳ một bức điện nào cả, nhưng họ luôn nhận được tín hiệu của một máy bay được trang bị máy móc thông tin hỗ trợ để phục vụ cho việc làm nhiều các tín hiệu khác, bao gồm cả những ra đa của địch.

Bay chừng nửa quãng đường trên lãnh thổ Iraq, thì chiếc Boeing tiếp nhiên liệu cho các máy bay chiến đấu trên không; nếu không tiếp nhiên liệu,

các máy bay sẽ không đủ nhiên liệu để quay trở lại Israel chừng nào họ bị truy đuổi. Hoàn thành nhiệm vụ, chiếc Boeing 707 được hai máy bay chiến đấu bảo vệ, bay một nửa vòng, cắt ngang qua Syrie, để cuối cùng hạ cánh xuống Ai Cập. Hai máy bay chiến đấu rời khỏi chiếc Boeing ngay khi họ bay khỏi không phận của Iraq, và quay trở về căn cứ ở Beersheba.

Trong thời gian này, các máy bay khác vẫn tiếp tục hành trình của mình. Các máy bay được trang bị tên lửa Sidewinder, bom phá thành từng mảnh nhỏ và một tấn bom điều khiển bằng la de.

Nhờ có những thông tin của Halim, người Israel biết chính xác đánh vào đâu để gây ra những tổn thất tối đa. Mục tiêu là phá huỷ cái vòm lớn của lò phản ứng của nhà máy điện. Từ mặt đất, một người Israel dùng một máy phát có công suất mạnh phát tín hiệu hướng dẫn các phi công đến mục tiêu.

Chỉ có hai phương pháp đạt tới mục tiêu.

Phương pháp thứ nhất, mục tiêu chỉ có thể nhìn thấy, khi máy bay phải bay với tốc độ là 1.200km/giờ. Cần nhận rõ mặt đất, nhất là mục tiêu lại nhỏ. Đương nhiên, các phi công Israel không có thời gian rảnh rỗi để luyện tập trên vùng trời Bagdad. Tuy nhiên, họ đã được luyện tập trên lãnh thổ Israel với mẫu giống nhà máy này.

Biện pháp thứ hai là làm công việc hướng dẫn bằng cọc tiêu, một người làm vật để tìm kiếm. Từ đó, mới có mặt của một chiến sỹ Israel ở sát cạnh nhà máy điện. Nhưng với biện pháp thận trọng, Mossad cũng đã tuyển mộ được một kỹ thuật viên Pháp và đề nghị người này giấu một vali các cọc tiêu ở bên trong nhà máy điện nguyên tử. Vì những lý do gì đó, anh ta đã kẻ cà trong nhà máy và là nạn nhân duy nhất của cuộc tấn công cảm tử này. Lúc 18 giờ 30 phút, giờ địa phương, những chiếc máy bay đã bay là là mặt đất để tránh ra-đa phát hiện, giữ ở độ cao đúng 600m trước khi tới mục tiêu.

Trận đánh nhanh đến nỗi nó làm thất bại sự phòng vệ của ra-đa và thêm vào đó, mặt trời lặn phía sau lưng những người tấn công làm loé mắt những người Iraq đang điều khiển các bệ pháo phòng không. Những chiếc máy bay tấn công khi bổ nhào xuống mục tiêu, cái nọ tiếp theo cái kia, bất thành lĩnh đến mức những người Iraq chỉ có thể bắn những loạt đạn vô hại lên bầu trời. Không có bất kỳ chiếc tên lửa Sam nào được bắn lên, cũng không có một chiếc máy bay Iraq nào được lệnh truy kích những chiếc máy bay chiến đấu của Israel. Họ đã bay trên một độ cao để trở về căn cứ và lần này đã sử dụng con đường ngắn hơn, qua không phận của Jordanie. Saddam Hussein, người muốn biến nước Iraq trở thành một cường quốc hạt nhân, đã thấy những mơ ước của mình bị tiêu tan.

Nhà máy điện hạt nhân đã hoàn toàn bị phá hủy. Chòm cao đồ sộ bảo vệ xung quanh lò phản ứng đã bị sập xuống tận móng và những bức tường bê tông cốt thép đã bay tung lên thành từng mảnh. Hai trong số những toà nhà quan trọng nhất đã bị hư hại nghiêm trọng. Các phi công đã quay phim hoạt động bằng máy quay video và họ đã chiếu những hình ảnh ghi được cho một uỷ ban Nghị viện Israel xem. Người ta đã nhìn thấy phần trung tâm của lò phản ứng nổ tung lên và đổ sập xuống thùng tái làm lạnh.

Do Mossad biết được là lò phản ứng sẽ đưa vào vận hành ngày 1 tháng 7, Begin đã ra lệnh tấn công trước vào cuối tháng 4. Nhưng, các báo đã cho đăng tải bài bình luận của cựu Bộ trưởng Quốc phòng, Ezer Weizman, nói rằng ông Begin “đã chuẩn bị một chiến dịch bầu cử đại dột (khinh xuất)”, do cuộc tấn công đã đem lại.

Một ngày khác được ghi nhận, ngày 10 tháng 5, bảy tuần trước ngày bầu cử, cũng bị bãi bỏ khi bà Simon Perés, Chủ tịch Đảng Lao động, gửi một bức thư “cá nhân” và “tuyệt mật” cho ông Begin, ra lệnh từ bỏ cuộc tấn công với cái cớ: Những thông tin của Mossad không “thực Perés cũng đã dự tính là cuộc tấn công sẽ gây ra việc cô lập Israel “như một người Ả Rập đứng giữa sa mạc”.

Ba giờ đồng hồ sau khi cất cánh, các phi công đã trở về căn cứ của mình an toàn. Thủ tướng Menahem Begin ngồi chờ đợi tin tức ngay ở nhà mình, trên đường Smolenskinne cùng đầy đủ các quan chức văn phòng của mình.

Vài phút trước lúc 19 giờ, tướng Rafael Eitan, Tham mưu trưởng Quân đội Israel, đã gọi điện thoại cho Begin, để thông báo thắng lợi của nhiệm vụ (được gọi tên là cuộc hành quân Babylonne) và bảo đảm với ông rằng đã không có bất cứ sự thiệt hại nào về phía Israel.

Người ta dự tính là Begin sẽ kêu lên: Baruch Hashem! Câu đó nghĩa là: “ơn trời đã ban phúc”!

Phản ứng nóng của Saddam Hussein đã không bao giờ được công bố.

Phần thứ nhất:

Học sinh sỹ quan khóa 16

Chương I:

TUYỂN MỘ

Cuối tháng 4 năm 1979, tôi trở về Tel Aviv, sau hai ngày ngồi trong một chiếc tàu ngầm. Viên chỉ huy của tôi đưa cho tôi một lệnh triệu tập: Tôi phải trở về căn cứ quân sự Shalishut, gần Ramat Gan, trong vùng ngoại vi Tel Aviv để có một cuộc gặp ở đây.

Khi đó, tôi là thiếu tá hải quân, chỉ huy bảo quản vũ khí ở Tổng hành dinh của Hải quân ở Tel Aviv, trong ban tác chiến.

Tôi sinh ngày 28 tháng 11 năm 1949, tại Edmonton, tỉnh Alberta, Canada. Khi cha mẹ tôi chia tay, tôi còn là một đứa trẻ con. Trong Đại chiến thế giới thứ hai, cha tôi đã phục vụ trong Lực lượng Không quân Hoàng gia Canada và đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ khi lái chiếc máy bay ném bom Lancaster trên bầu trời nước Đức. Sau chiến thắng, ông đã gia nhập đội quân Do Thái Palestine để tham gia vào cuộc chiến tranh Độc lập. Là đại úy, ông được giao chỉ huy Căn cứ Không quân Sede Dov, nằm ở vùng ngoại vi phía Bắc Tel Aviv. Mẹ tôi, một người Do Thái Palestine, cũng đã phục vụ đất nước trong thời gian chiến tranh. Bà đã hướng dẫn một đoàn xe vận tải cho người Anh từ Tel Aviv đến Cai Rô. Cuộc chiến tranh kết thúc, bà gia nhập Haganah, cuộc kháng chiến của người Do Thái. Là giáo sư, bà đem tôi theo sống với bà ở London, trong vùng Ontario, rồi một thời gian ngắn ở Motréan. Sau cùng chúng tôi ở Holon, gần Tel Aviv. Khi tôi 9 tuổi, cha tôi đã phải di cư từ Canada sang Hoa Kỳ.

Chúng tôi có trở lại Canada, nhưng khi 13 tuổi, chúng tôi lại về sống ở Holon. Sau đó, mẹ tôi trở lại hãn Canada, để tôi ở với ông bà nội, Haim vào

Margolin. Ông bà tôi đã phải chạy trốn khỏi cuộc tàn sát ở Nga năm 1912 cùng với người con trai là Rafa. Ông bà tôi mất một người con trai trong một cuộc tàn sát và có hai người con khác ở Israel: Một trai là Maza và một gái, Mira là mẹ tôi. Ông bà tôi là người đi khai khẩn, mở đường. Là một kế toán có nghề, nhưng ông cam lòng phải làm việc lau rửa sàn nhà cho một hãng Do Thái, trong lúc chờ các bằng tốt nghiệp của mình từ Nga chuyển tới. Sau đó ông trở thành chuyên gia kế toán được kính trọng.

Tôi tiếp nhận một nền giáo dục sioniste. Trước khi thành lập Nhà nước Israel, cậu Maza của tôi đã tham gia vào một đơn vị ưu tú của quân đội trong tương lai, những “con chó Samson”, và nhờ nó, đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh giành độc lập.

Nhưng ông bà tôi là những người duy tâm (không thực tế). Tôi lớn lên với hình ảnh một nước Israel mà ở đó sữa và mật ong tràn ngập, hình ảnh nước Israel đã minh chứng cho mọi sự hi sinh. Đối với tôi, Israel là một nước mẫu mực cho toàn thế giới về sự hào hiệp, tốt bụng. Mong sao có một vụ bê bối về chính trị hoặc tài chính, tôi muốn thấy sai sót của sự quan liêu nhỏ nhặt của Chính phủ và Chính phủ sẽ tự sửa chữa. Tôi thực sự tin tưởng vào những con người vĩ đại đã bảo vệ quyền lợi của chúng tôi, như Ben Gourion, người mà tôi ngưỡng mộ vô hạn. Tôi căm thù ông Begin, con người mà tôi không thể chịu nổi. Tôi lớn lên giữa lúc khao khát sự khoan dung, mà những người Ả Rập được coi như những người nhân đạo. Trước đây chúng tôi sống hoà bình với họ và chúng tôi tin chắc rằng sẽ có một ngày, sự đồng cảm giữa chúng tôi sẽ thắng thế. Đó là cái nhìn của một người Israel như tôi.

Trước khi đủ 18 tuổi, tôi đã tòng quân và vào lính trong ba năm. Chín tháng sau, tôi được nhận quân hàm thiếu úy trong đơn vị quân cảnh.

Tôi là viên sỹ quan trẻ nhất trong Quân đội Israel.

Tôi đã phục vụ trên kênh đào Suez, trong vùng cao nguyên Golan, trên các triền sông của Jordanie. Tôi phục vụ ở đó khi người Jordanie đang đánh đuổi PLO ra khỏi đất nước họ và chúng tôi đã cho phép các xe tăng của họ vượt qua biên giới của chúng tôi để bao vây quân Palestine. Đó thực sự là lạ lùng. Jordanie là kẻ thù của chúng tôi, nhưng PLO còn là kẻ thù lợi hại hơn.

Trong tháng 11 năm 1971, sau khi tôi mãn hạn nghĩa vụ quân sự, tôi lại quay trở về sống ở Edmonton. Tôi đã sống ở đó năm năm. Tôi đã kiếm sống bằng cách làm việc quảng cáo hoặc điều hành một cửa hàng bán thảm. Chính vì thế mà tôi không tham gia cuộc chiến tranh Kippour năm 1973, và tôi biết rằng tôi sẽ không phải vướng víu vào gánh nặng này sau khi đã trả hết món nợ của mình. Tôi trở lại Israel năm 1977, để gia nhập vào hải quân.

Khi tôi tới trình diện tại căn cứ Shalishut, người ta đưa tôi vào một phòng nhỏ. Trong phòng, có một người nước ngoài, ngồi sau chiếc bàn làm việc đón tôi.

— Tên anh đã được tuyển chọn trong máy tính - Ông ta vừa giải thích cho tôi tay vừa lật một vài trang giấy - Anh đã đáp ứng được những tiêu chuẩn của chúng tôi. Anh đã phục vụ cho Tổ Quốc mình, nhưng còn một cách để anh phục vụ hữu ích hơn. Liệu anh có thể ra đi được không?

— Thật sung sướng! Đó là việc gì?

— Trước hết anh phải qua các cuộc kiểm tra, chúng tôi phải kiểm tra xem anh có tài năng cần thiết không. Người ta sẽ triệu tập anh.

Hai ngày sau, tôi nhận được lệnh trình diện tại một căn nhà ở Herzlia vào lúc hai mươi giờ. Và thật bất ngờ, một thầy thuốc tâm thần của căn cứ hải quân ra mở cửa cho tôi. Mọi việc mở đầu tốt đẹp ! Ông ta báo trước cho tôi biết rằng ông đã đi tìm hiểu tôi thay cho một nhóm an ninh và dặn tôi không phải nói một lời nào ở căn cứ hải quân cả. Tôi hứa rằng sẽ yên lặng.

Trong bốn tiếng đồng hồ, họ đã kiểm tra tôi đủ kiểu: Dấu mực, phản xạ tâm lý...

Một tuần sau, người ta hẹn gặp tôi ở phía Bắc Tel Aviv, gần Bait Hahayal. Tôi đã nói mọi việc với vợ tôi và chúng tôi có cảm giác là Mossad đứng đằng sau tất cả. Khi người ta lớn lên ở Israel, người ta sẽ cảm thấy điều đó. Và rồi, những điều khác nữa có thể là gì đây?

Cuộc nói chuyện này, với một người tên là Ygal, là cuộc nói chuyện đầu tiên của một loạt những cuộc thảo luận tiếp theo xung quanh một tách cà phê Scala Tel Aviv. Ygal, luôn kết thúc cuộc gặp của chúng tôi bằng một lời nói độc thoại không có kết để chuyển đến tôi niềm tin của ông ta. Tôi cũng phải trả lời hàng trăm câu hỏi như: *“Nếu anh phải giết một ai đó vì Tổ Quốc, anh có cho đó là một tội phạm không? Tự do có quan trọng đối với anh không? Phải chăng có cái gì đó quan trọng hơn tự do?”*. Tôi chắc chắn rằng đó là vì Mossad, Tôi hiểu những câu trả lời mà họ đang chờ ở tôi. Và vì tôi cũng muốn gia nhập Mossad bằng mọi giá.

Không lâu, các cuộc nói chuyện này cứ ba ngày diễn ra một lần và kéo dài suốt bốn tháng. Sau đó, người ta kiểm tra y tế đầy đủ đối với tôi trong một căn cứ quân sự. Thông thường, những người đi khám bệnh trong quân đội, có tới một trăm năm mươi người, họ phải xếp hàng. Đó là làm việc theo dây chuyền. Nhưng ở đó, tôi có cả một đơn vị y tế (mười phòng khám, mỗi phòng có một bác sỹ, một y tá) cho riêng mình tôi và chính họ lại phải chờ đợi tôi! Mỗi một bác sỹ nghe khám cho tôi trong hơn nửa giờ. Người ta bắt tôi làm một loạt xét nghiệm. Hình như tôi thấy có một ai đó nữa.

Nhưng người ta thường không giải thích cho tôi biết là họ mong chờ gì ở tôi. về phần mình, tôi đã sẵn sàng tất cả. Ygal, cuối cùng cho tôi biết việc tập luyện chủ yếu ở trong nước Israel, nhưng xa nhà. Tôi chỉ gặp gỡ gia đình được hai hay ba tuần gì đó. Tôi lo ngại người ta sẽ gửi tôi ra nước ngoài và trong trường hợp đó, tôi có thể quay về nhà trong hai tháng. Tôi từ chối. Ngoại trừ vấn đề là tôi vắng mặt quá lâu. Tuy nhiên, khi người ta yêu

cầu tôi suy nghĩ kỹ trước khi đưa ra câu trả lời quyết định, tôi chấp nhận. Khi đó họ liên hệ với Bella vợ tôi, và trong tám tháng sau, họ liên tiếp điện thoại cho chúng tôi.

Tôi đã đi lính, do vậy, tôi không cảm thấy mình có lỗi với đất nước. Hơn nữa, tôi lại là một người dân tộc thiên tả. Tôi tin rằng điều có thể được, trước hết là ở trong nước Israel. Rút cuộc, tôi mong muốn vừa nhận công việc, đồng thời không rời bỏ gia đình.

Tôi chả biết gì về cương vị tôi sẽ làm sau đó, nhưng sau này, khi tôi gia nhập Mossad, tôi hiểu rằng người ta đào tạo tôi để đưa vào đơn vị Kidon, một ngành hoạt động của Metsada. Metsada sau đó trở thành Komemiute, là một vụ gồm các chiến sỹ của Mossad. Nhưng đối với thời đó, tôi không sẵn sàng bỏ những người thân của mình.

Tôi đã từ giã hải quân vào năm 1981, sau khi đã phục vụ ở Lyban, lúc cuộc chiến tranh bắt đầu. Là một họa sĩ, tôi quyết định đến với lợi ích của mình, và tôi đã lao vào vẽ tranh trên kính. Tôi cố gắng bán những sản phẩm của mình, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng, những tranh vẽ trên kính không đem lại hiệu quả ở Israel. Không còn nghi ngờ gì nữa là những tranh vẽ trên kính đã gợi lại quá nhiều về các nhà thờ. Không một ai mua tranh của tôi, nhưng kỹ thuật vẽ của tôi đã làm mọi người quan tâm. Vì vậy, tôi đã chuyển cửa hàng tranh ảnh của mình thành trường học.

Tháng 10 năm 1982, tôi nhận được một bức điện ra lệnh cho tôi gọi một số số điện thoại vào thứ năm tiếp theo, trong khoảng từ chín giờ đến mười chín giờ và hỏi Deborah. Tôi tuân lệnh.

Người ta cho tôi một địa chỉ ở tầng trệt trong ngôi nhà Handar Dafna, trên đại lộ Roi-Saul ở Tel Aviv, một trong số những tháp bằng bê tông, như người ta thường thấy ở khắp nơi trên đất nước Israel. Chỉ có các văn phòng làm việc ở địa chỉ này.

Về sau tôi hiểu đó là nơi ngự trị của Tổng hành dinh Mossad.

Tôi bước vào phòng đợi. Chỉ có một chiếc ghế băng ở bên phải và ở bên trái lối vào có một tấm bảng bí mật, chỉ dẫn: “Cơ quan An ninh. Tuyển mộ”. Kinh nghiệm trước đây vẫn còn ám ảnh tôi.

Tôi có linh cảm đã bỏ lỡ một cơ hội.

Với lòng kiên nhẫn và lo âu, tôi đã đến nơi hẹn trước một giờ. Tôi ngồi ở chỗ bán cà phê trên tầng hai để giết thời gian. Phía bên này của toà nhà, quán cà phê, các nhà băng, các công ty tư nhân, tất cả hiện ra một cách tẻ nhạt, nhưng Tổng hành dinh của Mossad như một toà nhà trong một toà nhà. Tôi gọi một chiếc bánh mì kẹp jam bông, pho mát, tôi còn nhớ rằng khi đó, trong lúc nhai bánh, tôi liếc xung quanh xem có những tân binh khác không.

Giờ hẹn đã tới. Tôi đi xuống văn phòng đã được chỉ dẫn và người ta dẫn tôi sang một phòng nhỏ có một chiếc bàn to bằng gỗ sáng. Trên bàn, có một chiếc khay công văn và một máy điện thoại. Trên tường, treo một chiếc gương, một tấm ảnh của ai đó mà trông mặt tôi thấy quen thuộc, nhưng tôi không có thể đặt một cái tên cho khuôn mặt đó.

Ngồi sau chiếc bàn làm việc là một người có vẻ mặt dễ gần. Ông ta giờ một tập hồ sơ mỏng, lướt qua nhanh rồi nói với tôi:

— Chúng tôi tuyển anh. Mục đích của chúng ta là bảo vệ những người Do Thái trong cộng đồng quốc tế và chúng tôi nghĩ rằng đó là thẩm quyền của anh. Điều đó nghĩa là chúng ta là một gia đình lớn, phải không? Tôi không giấu anh, đó là một công việc khó, và thậm chí nguy hiểm. Nhưng tôi không thể nói gì hơn với anh vì anh đã qua một số sát hạch (kiểm tra).

Ông ta tiếp tục giải thích và báo cho tôi biết trước là người ta sẽ cho triệu tập tôi sau mỗi loạt kiểm tra. Nếu tôi không đạt ở loạt kiểm tra nào đó

thì người ta sẽ dừng ở đấy. Nếu tôi vượt qua được thì người ta sẽ chỉ dẫn cho tôi những công đoạn tiếp theo.

— Nếu anh không đạt, hoặc nếu anh bỏ, anh không cần phải tìm để tiếp xúc với chúng tôi nữa. Những quyết định của chúng tôi là dứt khoát. Như thế rõ rồi chứ?

— Vâng.

— Rất tốt. Sau hai tuần nữa hãy đến đây vào lúc chín giờ. Chúng ta sẽ bắt đầu những môn kiểm tra.

— Liệu tôi có phải xa gia đình trong thời gian lâu không?

— Không, điều đó sẽ không cần thiết.

— Thế thì đồng ý. Trong hai tuần nữa, tôi sẽ tới.

Đúng ngày hẹn, người ta đưa tôi vào một phòng đợi, ở đó có chín người khác đã ngồi vào những chiếc bàn dành cho học sinh. Người ta phát cho chúng tôi câu hỏi dày ba mươi trang gồm các câu hỏi về cá nhân, những câu kiểm tra đủ loại, để biết chúng tôi là ai, điều chúng tôi suy nghĩ và tại sao. Khi các câu hỏi được trả lời đầy đủ và được thu lại, người ta nói với chúng tôi:

— Chúng tôi sẽ triệu tập các anh.

Thực ra, một tuần sau, tôi đã được triệu tập và có một người kiểm tra trình độ tiếng Anh của tôi. Tôi nói tiếng Anh không có trọng âm. Người ta hỏi tôi nghĩa của một số thuật ngữ tiếng lóng mà trong đó một số từ được ghi lại, chẳng hạn như “sensass”. Người ta cũng hỏi tôi về các thành phố của Canada và của Hoa Kỳ, tên Tổng thống Hoa Kỳ và cứ như thế họ tiếp tục hỏi.

Các cuộc triệu tập nối tiếp nhau trong ba tháng, nhưng lần này các cuộc kiểm tra diễn ra trong toà nhà của Mossad. Tôi và các bạn tôi qua kiểm tra y tế không biết đến lần thứ mấy rồi. Họ hỏi chúng tôi hai lần với máy phát hiện nói dối. Ngoài ra, họ không ngớt nhắc chúng tôi là không tiết lộ một điều gì với những tân binh khác.

Thời gian càng trôi qua thì tôi càng trở nên sốt ruột. Người hỏi kiểm tra tôi tên là Uzi. Về sau tôi biết ông rõ hơn với cái tên đầy đủ: Uzi Nákdimon. Đó là người chịu trách nhiệm tuyển mộ. Cuối cùng, người ta nói với tôi rằng, tôi đã vượt qua tất cả các cuộc kiểm tra và không còn bài kiểm tra nào nữa. Nhưng trước đây, họ muốn gặp Bella.

Cuộc hỏi chuyện đã kéo dài sáu tiếng đồng hồ với rất nhiều câu hỏi kỳ cục không chỉ về bản thân tôi, mà còn về sự giáo dục chính trị của tôi, cuộc hỏi chuyện như xem xét phẩm chất của con người với một cuộc kiểm tra tỉ mỉ tình cảm đối với nước Israel và với vị trí của nước này trên thế giới. Ông bác sỹ tâm lý có mặt trong cuộc hỏi chuyện, đã giữ im lặng.

Khi Bella kết thúc mọi việc, Uzi gọi tôi lại để nói với tôi là đến trình diện ở trụ sở vào lúc bảy giờ sáng thứ hai sau. Tôi phải mang theo một va ly đầy quần áo, phòng khi cuộc kiểm tra cuối cùng có thể kéo dài ba hoặc bốn ngày. Họ thông báo với tôi rằng tôi phải theo một khoá đào tạo trong hai năm và tiền lương của tôi sẽ tương đương với tiền lương của cấp cao hơn cấp của tôi. Tôi nghĩ không đến nỗi tồi. Khi đó tôi đang là đại úy bảo quản vũ khí, tôi sẽ ăn lương cấp tá. Tôi không còn ở cương vị cũ: Tôi đã thành đạt! Tôi tự coi mình là con ông, cháu cha, nhưng chẳng bao lâu, tôi thấy hàng nghìn người khác cũng được tuyển chọn như vậy. Theo trình tự của số thí sinh, những thực tập sinh được tổ chức trong khoảng ba năm. Có năm nghìn người xin vào nhưng chỉ lựa chọn mười lăm người. Những người này còn phải qua một kỳ kiểm tra cuối cùng. Đôi khi có mười lăm người đạt, đôi khi chẳng có ai cả. Đây không phải là một cuộc thi và không có tỷ lệ quy định (không có chỉ tiêu).

Là người ưu tú của một dân tộc! Trong trường hợp ấy, điều này không có nghĩa là những người giỏi nhất, nhưng là những người thích hợp nhất. Sự khác biệt là tầm cỡ. Phần lớn những người được lựa chọn là những người ở trên đất liền. Họ nghiên cứu những nghề nghiệp cụ thể. Nhưng, người ta sẽ không nói ra điều đó bởi muốn để chúng tôi tin rằng mình là những người ưu tú, đã được chọn lọc. Chẳng bao lâu, trước ngày đã dự định, một nhân viên đưa thư đem đến cho tôi một bức thư khẳng định ngày và địa điểm hẹn gặp và nhắc tôi đem theo một bộ đồ quần áo. Mặt khác tôi phải viết lý lịch tóm tắt dưới một biệt danh để làm căn cước mới. Tôi đã chọn cho mình cái tên Simon Lahav. Simon là họ của bố tôi và người ta nói với tôi rằng Ostrovsky, trong tiếng Nga hay tiếng Ba Lan có nghĩa là lưỡi kiếm. Trong tiếng Hébreu (tiếng dân tộc Hébreu - người Do Thái, ND) gọi là Lahav.

Tôi khai là họa sĩ và ghi địa chỉ ở Holon, trên thực tế, Holon tương xứng với một địa danh mơ hồ nào đấy.

Một buổi sáng mưa của tháng giêng năm 1983, đúng ngày đã định, tôi đến điểm hẹn trước bảy giờ một chút. Cả thảy chúng tôi có mười người, hai nữ và tám nam, cùng với ba hay bốn người gì đó, có lẽ họ là người huấn luyện. Mỗi người trong chúng tôi đều nộp một phong bì trong có bản sơ yếu lý lịch (CV), và căn cước mới của chúng tôi. Họ chờ chúng tôi trên một chiếc xe buýt tới Câu lạc bộ Tổ Quốc (Country Club), một trung tâm phức hợp du lịch, ở cửa ngõ của Tel Aviv, trên đường Haifa. Câu lạc bộ Tổ Quốc tự cho là có những thiết bị giải trí tốt nhất của Israel.

Họ cho hai người ở một phòng và ra lệnh mở va ly của chúng tôi rồi sau đó tập trung chúng tôi trong toà nhà số một. Trên một ngọn đồi phía trên Câu lạc bộ Tổ Quốc. Thực ra, mọi người đều biết ngôi nhà đó ở Israel, gọi là Midrasha, trường huấn luyện của Mossad, hay còn được gọi là Viện Hàn lâm. Ngay khi vừa tới, tôi đã nhận ra Viện Hàn lâm. Với một sự xúc động, tôi hỏi, liệu sau khi thực tập, tôi có được chấp nhận vào đây không. Nhưng

tôi tin chắc rằng mọi người sẽ gây trở ngại cho tôi. Liệu họ có thấy tôi mắc bệnh tự mãn không? Nhưng hãy hiểu cho đó là một phẩm chất của nghề nghiệp.

Trong toà nhà có một phòng rộng mênh mông, người ta để ở đó những chiếc bàn dài. Quầy ăn đồ nát mà chưa bao giờ tôi thấy ở đâu giống như vậy, cũng không có những người phụ trách khách sạn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của khách. Chúng tôi gồm khoảng hai mươi khách ăn. Khoảng mười giờ rưỡi sáng, một nhóm đứng dậy sang phòng bên cạnh và các thí sinh ngồi vây quanh một chiếc bàn dài ở giữa phòng, trong khi các huấn luyện viên ngồi cả phía sau họ, bên chiếc bàn nhỏ kê sát tường. Một bầu không khí êm ái lan toả, chúng tôi vừa có được một sự gắn bó dễ chịu. Cà phê được đem tới và như thường lệ, mọi người đều hút thuốc.

— Xin chào mừng các cậu cử - Uzi Nakdimon thốt lên với chúng tôi - Các anh sẽ ở đây ba ngày. Đừng có làm những điều các anh suy nghĩ, người ta đang chờ đợi ở các anh. Hãy sử dụng lương tri của các anh cho dù trong hoàn cảnh nào đi nữa. Chúng tôi đã tìm được những con người có tài năng đích thực. Các anh đã thành công qua một số cuộc kiểm tra, và có thể đảm bảo với các anh rằng các anh đã đáp ứng tốt sự mong đợi của chúng tôi.

Ông ta nói tiếp: - Mỗi một người trong các anh sẽ có một huấn luyện viên hướng dẫn. Tất cả các anh chọn cho mình một cái tên và một nghề nào đó. Hãy cố giữ gìn cái vỏ bọc của mình, nhưng cố gắng lột được chiếc vỏ bọc của bạn các anh, đó là công việc của các anh.

Tôi không biết việc đó, nhưng nhóm của chúng tôi là nhóm đầu tiên. Có những áp lực về chính trị để các bà vợ có thể trở thành các *katsa*. Vì thế, người ta đã quyết định thử một vài bà vợ. Dĩ nhiên, không có ý định bắt họ phải trở thành những *katsa*. Trước hết vì những người phụ nữ là những người dễ bị tổn thương hơn, nhưng trên hết vẫn là vì mục tiêu ưu đãi của Mossad. Đó là những người Ả Rập. Một người Ả Rập có thể mắc bẫy của

một người đàn bà, nhưng không bao giờ người đó sẽ chấp nhận làm việc cho người này. Bởi thế họ không thể bị những người phụ nữ tuyển mộ.

Chúng tôi bắt đầu tự giới thiệu. Dần dần, chúng tôi kể về mình, những người khác đặt các câu hỏi, đôi khi các huấn luyện viên ngồi phía sau chúng tôi.

Lúc đến lượt tôi, tôi không muốn nói chính xác là tôi đã làm việc cho công ty này hay công ty kia, có thể có ai đó biết việc đó. Tôi nói rằng tôi là cha của hai đứa con, nhưng tôi khẳng định là tôi có con trai, vì là tôi không coi như đưa ra những chi tiết thật sự. Tuy thế, tôi cố gắn nó vào thực tế. Cái đó dễ. Tôi không cảm thấy có một chút sợ sệt nào. Đó giống như một trò chơi thôi, tôi tự nói vui như thế.

Trò tập luyện này kéo dài khoảng ba giờ đồng hồ. Khi đó, tôi đưa ra những câu hỏi cho một trong số những đồng nghiệp, có một huấn luyện viên ngả người về phía tôi và hỏi: *“Xin lỗi, thế trước đây tên anh là gì?”*. Cần phải kiên trì với sự cẩn thận của ông ta.

Sau buổi luyện tập, họ ra lệnh cho chúng tôi trở về phòng của mình, thay trang phục, và khoác những bộ quần áo của chúng tôi như mọi ngày. Người ta bảo chúng tôi: *“Các anh sẽ vào thành phố”*.

Chúng tôi được chia thành từng nhóm ba người leo lên một xe mà ở trong xe đã có hai thầy giáo ngồi đợi. Vào Tel Aviv, hai thầy giáo nữa gia nhập với chúng tôi ở góc đại lộ Roi Saul và ở góc đường Ibn Geverol. Lúc đó gần mười sáu giờ ba mươi phút. Một trong số những giáo viên quay về phía tôi nói:

— Anh nhìn cái ban công đó, cái thấp ấy? Anh có ba phút để suy nghĩ. Sau đó, tôi muốn anh đi vào ngôi nhà đó, và sáu phút sau, không hơn, tôi muốn anh gặp người chủ nhà hoặc người thuê ngôi nhà trên chiếc ban công với một cốc nước cầm trong tay.

Đây là điều tôi thực sự sợ. Chúng tôi không ai có căn cước, ở Israel, đó là không hợp pháp. Hơn nữa chúng tôi phải dùng tên giả, điều gì sẽ xảy ra. Và, nếu chúng tôi gặp rắc rối với cảnh sát, chúng tôi sẽ phải kể cho họ nghe câu chuyện mà chúng tôi chọn làm vỏ bọc.

Làm gì đây? Trước tiên phải phát hiện ra căn hộ nào ứng với cái ban công đó đã. Sau một hồi lâu do dự, tôi tuyên bố với giáo viên là tôi đã sẵn sàng.

— Kế hoạch của anh ra sao, phác hoạ vài nét lớn được không? - Người giáo viên hỏi tôi.

— Tôi chuẩn bị quay phim -Tôi trả lời.

Người giáo viên luôn nhấn mạnh đến sự việc bột phát, nhưng cũng muốn chúng tôi có một kế hoạch cơ bản và họ không bao giờ nói những lời như những người Ả Rập: *Ala bab Allah*, “*Số phận của chúng tôi nằm trong tay Thánh Allah*” hay nói một cách khác: “*Advienne que pourra*” (Muốn ra sao thì ra).

Tôi đi vào khu nhà một cách lanh lợi và gõ cửa. Một bà già khoảng sáu mươi tuổi ra mở cửa:

— Chào bà - Tôi nói tiếng Hébreu - tôi là Simon, thuộc đơn vị đảm bảo an ninh trên đường. Chúng tôi biết ngã tư đường phố của bà rất nguy hiểm, đã xảy ra nhiều vụ tai nạn.

Tôi dừng lại để nghe sự phản ứng của bà ta.

— Ôi dào, không phải nói với tôi điều đó nữa! - Bà ta nói. (Xem cách thức mà người Israel điều hành thì biết, ở mọi ngã tư đường phố đều có nhiều tai nạn. Tôi không vì thế mà muốn mình dị lụy đến thanh danh của ai).

— Chúng tôi muốn thuê ban công nhà bà, thưa bà.

— Thuê ban công nhà tôi ư?

— Dạ vâng, chúng tôi muốn quay phim cảnh đi lại ở địa điểm này. Xin bà hãy an tâm, không ai làm phiền bà. Chúng tôi chỉ muốn đặt một camera cố định trên ban công của bà thôi. Liệu bà có thể cho tôi ngắm qua chiếc ban công một chút được không? Nếu góc này tốt, chúng tôi có thể quyết định ký hợp đồng với bà. Mong rằng bà sẽ vui lòng với giá thuê 500 livres một tháng được chứ?

—Ồ! Chắc là được! Đi lối này - Bà chủ nhanh nhẩu hướng dẫn tôi ra xem ban công.

— Xin bà làm ơn cho cốc nước được không? Hôm nay, trời nóng quá.

Một lát sau, cả hai chúng tôi quay ra ban công ngắm quang cảnh người, xe đi lại. Ở bên dưới những anh em khác quan sát, theo dõi tôi. Khi bà chủ vừa quay lưng đi vào, tôi giơ chiếc cốc về hướng mọi người như chào họ. Trước khi rời căn nhà, tôi ghi tên và số điện thoại của bà chủ và nói chúng tôi sẽ đi xem một số chỗ khác, nếu quyết định chọn ban công nhà bà, chúng tôi sẽ gọi điện thoại lại.

Khi tôi quay lại với nhóm, một trong số những người dự tuyển đã đi làm nhiệm vụ của họ. Người này phải đứng quan sát đằng trước một máy bán vé và phải vay được 10 Livres của người đầu tiên sử dụng máy. Anh ta khẩn khoản với người khách không quen biết là vợ anh ta đang đẻ, nên anh ta nhất thiết phải thuê tắc xi đến bệnh viện để gặp vợ, và anh ta không mang tiền theo người. Anh ta ghi tên và địa chỉ của người cho vay tiền và hứa sẽ trả lại 10 Livres. Người khách lạ đã cấp cứu cho anh ta.

Người dự tuyển thứ ba đã không có được những may mắn như thế. Anh ta cũng có nhiệm vụ như tôi. Anh ta phải leo lên ban công của một căn hộ khác. Anh ta đã thành công trong việc trèo lên mái nhà, làm như một người

sửa chữa ăng ten của máy vô tuyến truyền hình. Nhưng thật không may cho anh ta là khi tụt xuống căn hộ đã nói ở trên để hỏi xem liệu anh ta có thể sử dụng ban công để kiểm tra lại ăng ten được không, thì anh ta phát hiện ra người thuê căn hộ này thực sự là một người sửa chữa ăng ten.

— Anh nói tầm bậy cái gì với tôi thế? Người chủ căn hộ kêu lên - Ăng ten vẫn hoạt động rất tốt.

Người chủ có ý muốn gọi cảnh sát và anh chàng dự tuyến này rút lui một cách vội vã.

Sau bài thi này, họ dẫn chúng tôi tới đường Hayarkon. Đó là một con đường quan trọng, với các khách sạn lớn nằm hai bên kéo dài tới tận Méditerranée. Người ta dẫn chúng tôi vào một phòng lớn của Khách sạn Sheraton và bảo chúng tôi ngồi xuống.

— Anh hãy nhìn khách sạn trước mặt kia, Khách sạn Basel thấy không? - Một trong số những giáo viên huấn luyện hỏi tôi - Hãy đi tới đó lấy cho tôi tên người khách có mặt trong sổ ghi của họ. Người thứ ba tính từ trên xuống.

Trong các khách sạn ở Israel, nhìn chung, những người làm lễ tân - cũng như những người khác - thường để sổ ghi chép của họ phía sau quầy. Đêm xuống, trong khi vượt sang đường, tôi không biết mình đến đó lấy sổ như thế nào để có cái tên ấy. Tôi biết rằng mình có vỏ bọc và việc đó chỉ là một màn kịch.

Vừa bị căng thẳng và lại bị kích thích quá độ. Tôi muốn giành thắng lợi!

Biết rằng có thể được đón tiếp tốt hơn nếu tôi đóng vai một người du lịch nước ngoài, tôi quyết định nói tiếng Anh. Trong khi tôi tiếp cận với lễ tân, để hỏi liệu có ai nhận nhủ gì không, tôi lại nghĩ đến chuyện tầm phào là có ai đó gọi điện thoại hoặc muốn nói gì với Dave. Anh gọi điện thoại nhiều lần, có ai đó trả lời là anh quay nhầm số rồi, trong khi anh tỏ bực bội. Sau

cùng, anh gọi lại và nói: “*Alô, Dave nói đây. Có thông điệp gì cho tôi không?*”.

— Có phải ông xuống khách sạn không? - Người lễ tân hỏi.

— Không - Tôi đáp - nhưng tôi có hẹn với một khách của các anh.

Người lễ tân bảo đảm rằng không có một thông điệp nào cho tôi. Tôi đi lại ngồi ở phòng đợi.

Tôi kiên nhẫn nhìn đồng hồ trôi qua chừng nửa giờ, rồi quay lại lễ tân.

— Ông ta đã ở đây rồi mới phải - Tôi khẳng định - Xin anh có thể kiểm tra lại được không?

— Thế ông ấy tên gì? - Anh ta hỏi tôi.

Tôi lẩm nhẩm cái tên hình như giống “*Kamalunke*” và anh rút cuốn sổ ghi tên ra rồi bắt đầu lướt qua.

— Thế anh viết tên đó thế nào?

— Tôi không biết gì hơn. Với chữ c hay K gì đó!

Tôi quay người lại phía trên quầy như muốn giúp người phục vụ tìm kiếm, thực ra là để đọc cái tên thứ ba từ trên xuống.

—Ồ, nhưng tôi đang ở Khách sạn Basel! - Tôi thốt lên, cùng lúc làm ra vẻ ngạc nhiên - Xin lỗi, tôi cứ tin rằng anh là người thành phố. Tôi quả là ngốc.

Tôi sững phát điên lên. Đột nhiên, tôi tự hỏi, làm sao giáo viên huấn luyện biết được tôi tìm được cái tên thích ứng. Thế rồi, tôi nhớ ra rằng, ở Israel, họ có thể hiểu tất cả.

Vì trong phòng chờ của khách sạn rất đông, nên hai giáo viên kéo tôi ra phố. Một trong hai giáo viên nói với tôi là tôi còn bài kiểm tra cuối cùng, và đưa cho tôi chiếc micro của máy điện thoại. Tôi phải vào trong Khách sạn Tal, đi đến chiếc máy điện thoại ở phía tường trong phòng chờ, thay chiếc micro bằng chiếc người ta giao cho tôi, và mang chiếc cũ lại, trong khi đó để máy điện thoại ở chế độ hoạt động.

Nhiều người xếp hàng trước máy chờ đợi, nhưng tôi tự động viên mình, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ với mọi giá. Khi đến lượt, tôi nhét chiếc thẻ điện thoại vào máy và quay số một cách băng quơ. Hai đầu gối tôi run lên cầm cập. Tôi nhắc máy nghe lên, đưa máy lên tai nghe, đồng thời tháo vít của loa. Tôi lấy cuốn sổ tay trong túi ra và giả vờ ghi chép. Tôi kẹp ống nghe giữa tai và vai, rồi nói tiếng Anh.

Một người đợi đến lượt đứng sau tôi gần đến nỗi tôi thấy hơi thở thổi vào cổ mình. Tôi nhét cuốn sổ vào túi và buông một cái nhìn bực mình về phía anh ta. Anh ta lùi lại và tỏ ra hơi bẽn lẽn. Thế là tôi mắc dây vào micro. Cuối cùng thì có một cú điện thoại trả lời tôi: “*Alô, ai ở đầu dây?*” Nhưng tôi đã treo nó trở lại ngay khi tôi vặn lại vít của máy nghe.

Trong khi run lên cầm cập, tôi lục tìm chiếc micro vừa đánh cắp để trong túi. Đây là lần đầu tiên tôi ăn cắp. Tôi đã phát ốm vì nó. Tôi lão đảo quay lại gặp người giáo viên và giơ chiến lợi phẩm ra.

Chúng tôi quay trở về Câu lạc bộ Tổ Quốc mà không nói lấy một lời. Sau bữa cơm tối, người ta ra lệnh cho tôi viết một báo cáo đầy đủ về tất cả những hoạt động trong ngày, không bỏ sót bất cứ một chi tiết nào, thậm chí chi tiết đó chẳng có ý nghĩa gì để nộp vào sáng hôm sau.

Vào lúc nửa đêm khi chúng tôi xem vô tuyến (Anh bạn cùng phòng và tôi), cùng một nhòai, thì người giáo viên gõ cửa vào. Ông ta bảo tôi mặc chiếc quần Jean vào rồi theo ông. Ông ta đưa tôi đến một vườn cây ăn quả

là nơi sẽ có cuộc họp. Người ta nghe thấy tiếng chó rừng hú lên ở phía xa xa, và những tiếng inh ỏi không dứt của những chú dế mèn.

— Đến đây, tôi sẽ chỉ cho cậu chỗ ẩn nấp - Ông ta nói với tôi như vậy - Tôi muốn biết có bao nhiêu người sẽ tham dự cuộc họp này và họ sẽ nói gì. Tôi để cậu tiêu khiển trong hai hoặc ba giờ đồng hồ.

— Ông hãy tin vào tôi - Tôi khẳng định.

Tôi đi theo ông ta đến một con suối (Wadi — nước của con suối này chỉ chảy trong mùa mưa). Chỉ có một một mạch nước, và một kênh đào bằng xi măng có đường kính 60 cm chảy bên dưới con đường.

— Kia kìa - Ông chỉ ra hướng nước chảy, và nói - Đó là nơi ẩn náu tốt. Cậu hãy dùng những tờ báo cũ này làm bình phong.

Chà, đây lại là một cuộc sát hạch nữa. Tôi sợ nơi kín đáo, và họ không thể không biết điều đó, với tất cả các bài kiểm tra mà tôi đã vượt qua. Tôi rất sợ những con rắn, con gián, con sâu, con chuột. Tôi cũng không ưa bơi lội trong hồ, vì dưới đáy phủ đầy một lớp bùn. Tôi đã bị gài vào bẫy. Đến nỗi tôi cũng không phân biệt được đầu cuối của con kênh nữa. Thời gian ba giờ này là kéo dài nhất trong đời tôi. Và dĩ nhiên chả có một ai tới cả, chẳng có cuộc họp nào, chả có gì hết. Để đấu tranh chống lại sự buồn ngủ, tôi luôn miệng lặp đi, lặp lại rằng mình đang ở trong những cái cống.

Cuối cùng, giáo viên tới.

— Tôi muốn có một báo cáo về cuộc họp - Ông ta đòi tôi.

— Tôi chả thấy ai cả.

— Cậu tin chắc như vậy chứ?

— Tuyệt đối chắc chắn.

— Đúng là cậu đã ngủ.

— Không đâu, hoàn toàn không.

— Thế cậu có nhìn thấy tôi khi tôi đi qua đó không?

— Chắc thầy giáo nhầm lẫn rồi. Nhìn từ đây thì chẳng có ai đến cả.

Trên đường trở về, người giáo viên yêu cầu tôi không nói gì về sự việc vừa xảy ra.

Chiều hôm sau, người ta yêu cầu tôi ăn mặc thích hợp. Người ta sẽ dẫn chúng tôi tới Tel Aviv. Mỗi đứa chúng tôi sẽ theo dõi một toà nhà ở đó. Chúng tôi phải ghi lại bằng chữ tất cả những gì chúng tôi sẽ lưu tâm. Chúng tôi cũng phải bịa ra một câu chuyện để minh chứng cho sự có mặt của chúng tôi tại những địa điểm đó.

Khoảng hai mươi giờ, hai người đưa tôi vào thành phố trên một chiếc xe nhỏ. Một trong hai người đó là Shai Kauly, một *katsa* kỳ cựu có nhiều sự mạng trong bảng thành tích của mình (xem trong chương I, phần 3: Les Strella). Họ để tôi tại một chòm nhà trên đường Dizengoff, trục đường chính của Tel Aviv, và ra lệnh cho tôi theo dõi ngôi nhà năm tầng, ghi chép những người ra vào, giờ vào, giờ ra, mô tả những con người đó, ánh đèn còn chiếu và khi ánh sáng tắt vào lúc mấy giờ. Họ nói với tôi là sẽ đến đón tôi muộn và bảo tôi nhận ra ám hiệu quy định bằng pha đèn.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là giấu mình vào đâu đó. Đúng, nhưng ở đâu? Người ta lại yêu cầu tôi đứng nhìn. Ai đó sẽ ra vào? Đột nhiên tôi có ý nghĩ: Ngồi phệt xuống đất và vẽ ngôi nhà. Tôi ghi chép các thông tin bằng tiếng Anh, viết ra mặt sau để che giấu ý nghĩ. Nếu như có ai đó hỏi rằng tôi đang làm gì, thì tôi trả lời tôi vẽ cảnh ban đêm bởi vì những vui chơi, giải trí cũng thừa thớt, và ánh sáng không quan trọng lắm khi người ta vẽ chỉ có màu đen trắng.

Khoảng nửa giờ thì có một chiếc xe đến đỗ cách tôi vài bước chân với tiếng lốp xe phanh gấp. Một người đàn ông bước xuống xe và giơ cho tôi xem chiếc phù hiệu.

— Ông là ai? - Người đó hỏi tôi.

— Simon Lahav.

— Ông làm cái gì ở kia?

— Tôi đang vẽ.

— Một người hàng xóm ở đây phàn nàn. Người ta khẳng định là ông đang theo dõi nhà băng.

Thực tế là ở tầng một có nhà băng.

— Tôi không làm gì cả, tôi đang vẽ - Tôi phản ứng đồng thời đưa tờ giấy mình vẽ ra - Các ông hãy xem đây.

— A lê, không lộn xộn gì nữa. Tôi bắt giữ anh.

Họ tổng tôi lên xe. Hai cảnh sát giữ tôi. Đó là một chiếc xe Ford áp giải bình thường. Khi đẩy tôi xuống chiếc ghế phía sau, tôi nghe thấy viên cảnh sát ngồi cạnh tay lái xe thông báo việc bắt giữ tôi bằng vô tuyến điện. Viên cảnh sát không ngớt hỏi tôi là ai. Tôi hai lần trả lời “*Simon*”.

Rồi người này quay lại, vì tôi vừa mới nói, nên viên cảnh sát ngồi cạnh tát tôi một cái.

— Câm mồm! - Hắn ta hét lên.

— Nhưng ông ta hỏi tôi - Tôi phản kháng lại.

— Người ta không hỏi gì cả đâu mà trả lời.

Tôi làm như thằng điếc - Thế thì những giáo viên của tôi đi qua đâu? - Viên cảnh sát bắt giữ tôi hỏi tôi từ đâu tới. Tôi trả lời ông ta là từ Holon, nhưng viên cảnh sát ngồi trước đập một cái vào trán tôi.

— Tôi hỏi tên anh - Hẳn gào the thé, nước bọt bắn tung ra. Tôi lặp lại, tên tôi là Simon. Và từ Holon tới. Khi đó, người ngồi cạnh ghé tôi cười ở lên:

— A, tên này là một gã ma lạnh!

Đến đó, hẳn ta tháo một sợi dây buộc và khoá tay tôi về phía sau lưng. Hẳn thả một chuỗi lời nguyên rủa và đối xử với tôi rất bẩn thỉu.

Tôi cam đoan là tôi chỉ ngồi vẽ. Rồi hẳn ta hỏi nghề nghiệp của tôi là gì và tôi trả lời hẳn tôi là một nghệ sỹ.

Vừa lái xe, gã tài xế vừa quay lại báo cho tôi biết người ta sẽ chăm sóc tôi và tôi sẽ biết thế nào là đau đớn. Một trong số họ giật lấy những bức vẽ của tôi, vò nhàu chúng rồi ném xuống ghế. Sau đó, họ ra lệnh cho tôi cởi giày. Việc đó quả là khó, vì tôi bị khoá tay.

— Anh giấu thuốc phiện ở đâu? - Một người hỏi.

— Thuốc phiện nào cơ? Tôi không hiểu! Tôi là một nghệ sỹ, không có gì khác nữa.

— Nếu anh không nói bây giờ thì tí nữa sẽ phải nói, anh hãy tin lời tôi.

Và những loạt mưa roi tuôn xuống. Tôi thấy hàm mình bị một cú móc mạnh và tôi tin là đã gãy một chiếc răng.

Người ngồi cạnh gã tài xế túm cổ tôi kéo lại phía hẳn, găm lên, vè dọa nạt hiện lên mặt, bắt tôi khai giấu thuốc phiện ở đâu. Trong khi đó, xe chạy qua thành phố mà không có một mục đích nào.

Phải chăng họ hoạt động do tính tàn bạo đơn thuần? Tôi đã nghe nói về những câu chuyện như ở trên. Người ta lượm một người trên đường phố và ra sức hành hạ người ấy. Càng ngày, càng thấy lo lắng, tôi đề nghị người ta đưa tôi đến sở Cảnh sát để tôi có thể gọi một luật sư biện hộ.

Sau một giờ lo liệu, một trong số họ hỏi tôi tên phòng tranh mà tôi có trưng bày ảnh. Vì tôi biết tất cả các phòng tranh ở Tel Aviv và vào giờ này các nơi đó đóng cửa cả, nên tôi chỉ nói với họ tên một phòng tranh. Tối trước một tủ kính, do tay vẫn bị trói, tôi kêu lên và dùng đầu chỉ địa điểm:

— Chính nơi đó! Tranh của tôi trưng bày ở đó!

Thật tồi tệ là tôi không có căn cước. Tôi khẳng định là tôi quên căn cước ở nhà. Họ lột quần của tôi để tìm thuốc phiện. Tôi không đem theo thứ đó, thế rồi họ bớt căng thẳng hơn và hình như tin tôi. Tôi nói với họ là tôi muốn quay trở lại chỗ cũ, vì người ta sẽ đến đó đón tôi, nhưng tôi không biết đường. Tôi tuyên bố là tôi không có tiền và một người bạn sẽ qua đón tôi sau đó.

Họ đưa tôi đến chỗ tôi bị bắt và cho xe đỗ vào gần điểm chờ ô tô buýt. Một trong số những gã cảnh sát lượm những bức vẽ của tôi và quăng ra cửa xe. Họ cởi khoá tay cho tôi bắt ngồi đợi trong xe. Họ sửa lại báo cáo. Một chiếc xe buýt đến. Người ngồi cạnh tôi đẩy tôi ra khỏi xe và tôi lăn xuống đất. Họ ném cho tôi đôi giày và cái quần rồi phóng xe đi, không quên ra lệnh cho tôi phải đi ngay trước khi họ quay trở lại.

Tôi ngồi bệt xuống đất, không mặc quần, hổ thẹn vì những cái nhìn của khách qua lại đang xuống xe buýt. Nhưng điều cần thiết là phải thu lại các bức tranh. Khi tôi làm xong thì cũng như tôi đã leo lên tới đỉnh dãy núi Evrest. Ôi, cảm giác của người chiến thắng!

Ba mươi phút sau, mặc quần áo vào, tôi quay lại nhiệm sở khi nhận ra tín hiệu pha đèn gọi. Tôi leo lên xe và người ta đưa tôi về Câu lạc bộ Tổ

Quốc, nơi tôi phải tu sửa bản báo cáo. Mãi về sau này, tôi có bốn phận tìm lại ba người “*cảnh sát*” kia.

Tất nhiên họ không phải là cảnh sát, và hình như các tân binh khác cũng chịu những thử thách như tôi tối hôm đó.

Một trong số những người xin vào làm việc, đứng chầu trực dưới một gốc cây, bị mấy viên thanh tra ghé sát vào hỏi. Được yêu cầu giải thích sự có mặt của mình, anh ta trả lời rằng đứng quan sát những con chim cú. Khi người ta lưu ý với anh ta rằng ở đây không có con chim cú nào, anh ta vịn lại:

— Rõ ràng là các ông đã làm cho chúng khiếp sợ.

— Người ta có quyền đi dạo chơi trên xe, anh ta cũng vậy.

Một anh chàng khác cũng bị “bắt” trong Quảng trường Kiker Hamdina nổi tiếng, nơi mà người ta thường so sánh nó với quảng trường của nước Israel, về mùa hè, rạp xiếc đặt ở đó, và về mùa đông, người ta lội bì bõm trong những vũng bùn nước. Lớp tân binh có ít mảnh khoe. Họ nói với cảnh sát là họ đang làm nhiệm vụ đặc biệt, rằng họ là những người do Mossad tuyển dụng và người ta đang đưa họ đi thực hiện các bài thi. Vì thế họ bị đánh trượt.

Thực ra, chỉ có duy nhất một nữ tân binh mà sau này tôi gặp lại là một trong hai người nữ dự tuyển, là giáo viên dạy bơi ở bể bơi của Mossad vào ngày nghỉ cuối tuần, khi các gia đình của nhân viên Mossad được quyền tới đó.

Ngày thứ ba, sau bữa ăn sáng, người ta đưa chúng tôi vào Tel Aviv một lần nữa. Thử thách đầu tiên của tôi là đi vào một cửa hiệu ăn, bắt chuyện với một người đàn ông mà họ chỉ định cho tôi từ xa, và hẹn gặp ông ta vào ngay buổi chiều hôm đó. Tôi nghiên cứu nơi đến trước khi vào và chú ý thấy người phục vụ ân cần chăm sóc, phục vụ người đàn ông đó. Tôi suy

ngắm có thể đây là ông chủ. Tôi tiến đến ngồi vào bàn bên cạnh và liếc thấy ông ta đang đọc một tạp chí điện ảnh.

Việc đó đã khẳng định thêm sự suy đoán của tôi. Tôi nói với người phục vụ là muốn nói chuyện với ông chủ, và tôi là một nhà điện ảnh muốn dùng cửa hiệu ăn làm nền cho một bộ phim. Tôi chưa nói dứt lời, thì ông chủ đã đến ngồi ở bàn tôi. Tôi nói ngay là tôi đang bận vì một công việc phải làm. Chúng tôi đi đến thống nhất là hẹn gặp lại nhau vào buổi chiều, rồi chúng tôi bắt tay nhau. Tôi rời khỏi cửa hàng.

Sau đó, người ta dẫn cả mười người chúng tôi ra một công viên, ngay cạnh đại lộ Rothschild, nơi chúng tôi phải theo dõi sự đi lại của một người cao to khỏe mạnh choàng một chiếc áo vải ca rô màu đen và trắng. Chúng tôi tiến hành việc theo dõi một cách bí mật. Không dễ gì tiến hành theo dõi bí mật khi chúng tôi có mười người, nhất là lại có hai mươi người khác đang quan sát chúng tôi. Khắp nơi đều có những người đứng trên ban công, sau những rặng cây, ở mọi góc phố. Nhưng các giáo viên, những người đang sát hạch chúng tôi, lại muốn biết trước hết là các ứng tác và phương pháp của chúng tôi.

Bài thi này kết thúc và chúng tôi viết sửa báo cáo. Họ phân riêng từng người chúng tôi ra. Lần này, tôi còn được đưa tới đường Ibn Gevirol, nhưng trước Ngân hàng Hapoalim. Người ta yêu cầu tôi vào đó hỏi tìm tên ông giám đốc, địa chỉ riêng của ông ta và tập hợp được những thông tin một cách đầy đủ về ông ta.

Các bạn nên nhớ rằng ở Israel, mọi người đều dè chừng với tất cả và với bất cứ thứ gì. Tôi thâm nhập vào ngân hàng và hỏi một nhân viên ở bên cạnh về tên của ông giám đốc. Người đó nói tên và chỉ cho tôi văn phòng ông giám đốc ở tầng hai. Tôi lên đó và yêu cầu được gặp ông ta với yêu cầu là tôi đã sống lâu năm ở Hoa Kỳ, bây giờ tôi mong muốn trở về sống ở Israel. Tôi muốn chuyển một khoản tiền lớn vào một tài khoản mới.

Bước vào phòng, tôi lưu ý ngay tới tấm biển của B'Nai Brith trên bàn người thư ký của ông (B'Nai Brith, tiếng Do Thái nghĩa là: Fils de alliance - Những đứa con của Liên minh, được thành lập năm 1843 tại Hoa Kỳ, để giúp những người mới nhập cư. Ngày nay, Tổ chức này có mặt tại 45 nước và bao gồm khoảng 100.000 nhân viên). Tôi bắt đầu ngay câu chuyện đã nói trên và điều bất ngờ lớn nhất đó là ông giám đốc mời tôi tới nhà ông. Chẳng bao lâu sau, ông ta được chuyển sang làm phó giám đốc tại New York. Chúng tôi trao đổi địa chỉ với nhau rồi tôi hứa sẽ trở lại thăm ông ta. Tôi cũng nói trước với ông ta là tôi chưa có số điện thoại, vì tôi ghé dừng chân ở đây, nhưng tôi sẵn sàng gọi điện cho ông, nếu ông cho tôi số điện thoại.

Các thể thức chuyển tiền mất chừng mười lăm phút thảo luận, sau đó, chúng tôi nói chuyện phiếm. Trong gần một giờ đồng hồ, tôi đã hiểu tất cả về ông giám đốc ngân hàng.

Sau bài kiểm tra này, người ta đưa tôi đến Khách sạn Tal cùng với hai người mới tuyển nữa, và người ta lệnh cho chúng tôi phải chờ những người khác. Chúng tôi ngồi đợi chừng mười phút, thì có sáu người đàn ông đi vào phòng đợi.

— Chính người đó - Một trong hai người mới tuyển nói và giơ tay chỉ cho tôi.

— Hãy đi theo chúng tôi - Người kia nói.

— Sẽ diễn ra cái gì đây? - Tôi lấy làm ngạc nhiên - Tôi chẳng làm cái gì cả.

— Nào đi, ba người các anh, hãy theo tôi. Người thứ ba ra hiệu và dẫn giọng.

Họ cho chúng tôi lên một chiếc xe tải nhỏ, bịt mắt chúng tôi lại. Chiếc xe nổ máy đi. Chà, lại bắt đầu một cuộc viễn du lộn xộn qua thành phố đây.

Cuối cùng, chúng tôi đã đến một ngôi nhà, nhưng vẫn bị bịt mắt. Tới đó, họ phân chia chúng tôi ra. Bị nhốt vào trong một phòng hẹp, tôi chỉ nghe thấy tiếng động của người đi, lại Sau hai hay ba giờ gì đó, người ta tháo băng bịt mắt và bảo tôi đi ra. Tôi được ngồi trên một chiếc ghế văn phòng trong một phòng tắm nhỏ. Khi đó, tôi không biết đây là đâu nhưng sau này, tôi được biết rằng đó là tầng hai của Viện Hàn lâm (Trường huấn luyện của Mossad). Người ta đưa tôi vào một phòng có cửa sổ không mở được, do một người to lớn chiếm giữ. Ông có một điểm đen trong con mắt khiến người ta tưởng rằng có hai con người. Ông bắt đầu hỏi một cách nhẹ nhàng: Tên tôi là gì? Tại sao tôi lại điều hành điện thoại của khách sạn? Phải chăng tôi dự tính một mưu đồ phá hại gì? Địa chỉ của tôi ở đâu?

Sau hàng loạt câu hỏi như vậy, ông ta nói sẽ thả tôi về nhà tôi, thế là tôi phá lên cười. Vì ông ta hỏi có điều gì làm cho tôi vui nhộn, tôi giải thích cho ông ta rằng tôi nhận thấy tình huống nực cười. Thực ra, tôi tự thấy mình đang đi đến một vùng đất hão huyền nào đó, rồi thốt lên: “*Nhà tôi! Nhà tôi qua đâu rồi?*”. Tôi không thể kiềm chế được tiếng cười của mình.

— Tất cả những việc này nghĩa là gì? - Tôi ngạc nhiên tự hỏi - Các anh muốn gì ở tôi?

Ông ta lấy chiếc áo vét Pierre Balmain của tôi. Sau đấy, tôi bị cởi hoàn toàn quần áo. Người ta đến thu nhận tôi, trần truồng trong phòng tắm, và trước khi đóng cửa, người ta đổ một xô nước vào người tôi.

Tôi đứng đó, trần truồng, run rẩy mất chừng hai mươi phút. Cuối cùng tôi trở lại phòng của con người dễ sợ kia. Ông ta đón tôi một mình:

— Thế nào? Anh luôn luôn muốn cười phải không?

Người ta đưa tôi vào một phòng làm việc trong một phòng tắm nhỏ tới sáu lần. Mỗi lần, họ đập cửa phòng làm việc, tôi lại trốn xuống gầm bàn.

— Xin lỗi, chúng tôi làm sai - Cuối cùng ông ta thông báo.

Người ta đem trả quần áo cho tôi và hứa đưa tôi về khách sạn. Họ bịt mắt chúng tôi, đẩy lên xe.

Khi người lái xe nổ máy đi, một ai đó kêu lên:

— Đợi đã! Hãy đón nốt nó!

— Chắc là anh nhầm -Tôi phản ứng, và một lần nữa, họ nhốt tôi vào phòng tắm.

Hai mươi phút qua đi, họ lại đưa tôi vào phòng làm việc.

Với vẻ đau buồn, người đàn ông to lớn kia xin lỗi. Đó là một lỗi lầm.

Họ để tôi trước cửa Câu lạc bộ Tổ Quốc và một lần nữa xin lỗi rồi ra đi.

Buổi sáng ngày thứ tư, người ta lại đưa chúng tôi đến một phòng làm việc, từng người vào một.

— Sao, anh đang nghĩ gì? Anh có tin là anh sẽ trúng tuyển không? - Họ hỏi tôi.

— Tôi không biết gì về việc đó- Tôi trả lời - Tôi không biết các ông mong đợi gì ở tôi. Tôi đã làm hết sức tất cả những gì tôi có thể.

Tôi chỉ ở trong phòng làm việc vài phút, còn những người khác sau nửa giờ mới ra. Cuối cùng, người ta nói với chúng tôi:

— Cảm ơn tất cả. Chúng tôi sẽ gọi đến các anh.

Và thế là hai tuần sau điều đó đến với chúng tôi. Tôi nhận được một giấy triệu tập để có mặt vào đầu giờ sáng hôm sau.

Tôi đã trúng tuyển! Bây giờ, mọi việc nghiêm túc sẽ bắt đầu.

Chương II:

TRƯỜNG HỌC

Ở Israel, nhiều người cho rằng, Quốc gia thường xuyên trong tình trạng nguy khốn, và cho rằng một quân đội dù mạnh đến đâu, thì cũng không thể đảm bảo được an ninh. Tôi cũng nghĩ như vậy.

Tất cả mọi người đều ý thức được nhu cầu to lớn về an ninh, và đều đã nghe nói đến Mossad. Về danh chính ngôn thuận, Mossad không tồn tại, nhưng không một ai bị mắc lừa cả. Và nếu như anh gia nhập vào hàng ngũ của Mossad, khi chết, anh sẽ trở thành một nhân vật trong huyền thoại, những con người theo đuổi mưu tính của mình, anh sẽ vâng lời mà không đặt bất cứ một điều kiện nào, sẽ tin vào một sức mạnh siêu thực đối với sự nghiệp và người ta sẽ giải thích cho anh trong chốc lát.

Khi người ta lớn lên ở Israel, xem như bản chất thứ hai mà người ta nhồi nhét vào đầu óc anh ngay từ những đội hiến binh trẻ măng. Chính ở đó, người ta dạy anh bắn súng. Vào tuổi 14, tôi đã được xếp thứ hai trong cuộc thi quốc gia về bắn súng Các bin. Với một khẩu súng có kính ngắm bắn Schtutser, tôi đạt được thành tích 192/200 điểm, thua người đứng đầu bốn điểm.

Về sau, tôi đã trải qua một thời gian dài trong quân ngũ. Vì thế mà tôi biết, tôi mong đợi điều gì, ít ra đó cũng là điều tôi tin tưởng.

Tất nhiên, tất cả những người Israel không vâng lệnh một cách mù quáng, nhưng các tân binh của Mossad biết lựa chọn những cái mồi của họ. Nếu như anh đã chấp nhận chịu đựng chừng ấy thử thách (bài thi), không một chút nghi ngờ gì nữa là anh sẽ vâng lời một cách răm rắp. Điều đó không phải là anh không ra tay góp vào một hoạt động, trong lúc đưa ra những câu hỏi thừa.

Vào thời đó, tôi gia nhập Đảng Lao động và tôi có những lý tưởng tự do hơn. Từ ngày tôi gia nhập Mossad, tôi bị giằng xé giữa những chính kiến của mình và lòng trung thành với tổ chức mà hệ thống của nó đơn giản là: Lựa chọn những tân binh có đủ khả năng nhất. Người ta đã nhồi nhét các học thuyết cho tân binh, nhờ những kỹ thuật tẩy não tinh xảo. Và khi đạt tới cực điểm rồi, người ta mới đưa họ vào khuôn mẫu. Điều ấy đòi hỏi một số thiên hướng bẩm sinh, anh sẽ thích hợp với nó.

Sáu tuần đầu tiên của tôi đã trôi qua, trong sự đơn điệu. Tôi làm việc trong nhiệm sở như một nhân viên chạy vặt, hay như một nhân viên viết lách. Rồi vào một buổi sáng tháng hai mát mẻ, năm 1984, người ta chở tôi trên một chiếc xe mini buýt cùng với 14 tân binh khác mà tôi không quen biết. Tất cả chúng tôi đều cảm động và nổi xúc động của chúng tôi lên tới cực điểm, khi chiếc xe, sau một hồi vòng vèo trên đồi, đã vượt qua cổng gác có lính canh phòng, và đỗ lại trước một toà nhà xây bằng gạch trắng, hai tầng và mái bằng. Đó là Viện Hàn lâm.

Chúng tôi đã đi vào nơi thiêng liêng nhất. Giữa phòng rộng lớn là một bàn bóng bàn, trên các bức tường, những bức ảnh Tel Aviv nhìn từ trên không xuống, đằng sau một bức ngăn bằng kính, một vườn hoa bên trong, từ đó có hai phòng tranh, và một cầu thang bằng xi măng, hình như dẫn lên lầu hai. Sàn nhà được phủ bằng đá hoa cẩm thạch và các bức tường ốp gạch vuông trắng.

Tôi nhận ra nơi này ngay tức khắc. Hồi người ta lôi tôi vào một phòng tắm nhỏ trong thời gian làm các bài thi tuyển chọn. Tôi nhận ra chiếc cầu thang, mặc dù khi đó mắt tôi bị bịt một tấm băng.

Một lát sau, một người đàn ông có nước da xỉn, mái tóc hoa râm bước vào và yêu cầu chúng tôi theo ông ta. Chúng tôi đi qua cửa ở phía cuối phòng, sau khi vượt qua một cái sân, ông ta đưa chúng tôi vào một toà nhà bằng xi măng đúc sẵn, gồm có bốn phòng học. Viên giám đốc không chần chừ, tuyên bố sẽ là người hướng dẫn của chúng tôi.

Căn phòng chúng tôi vào, rộng rãi và được chiếu sáng bởi hai cửa sổ. Trên một chiếc bàn dài hình chữ T, có một đầu máy chiếu video hướng lên phía tấm bảng đen treo trên tường. Nhóm của chúng tôi, người ta cho biết, được gọi là “Học sinh sỹ quan thứ 16”, bởi vì đó là khoá tuyển mộ lần thứ 16 của Mossad.

Có những bước đi lạo xạo, nhanh nhẹn, trên sân sỏi, và ngay sau đó, ba người đàn ông bước vào. Một người thấp, tóc nâu, khá đẹp trai; người thứ hai, mà tôi đã nhận ra, lớn tuổi hơn, ăn mặc chải chuốt, lịch sự; người thứ ba, tóc hoe vàng, cao một mét chín mươi, khoảng năm mươi tuổi, đeo một chiếc kính gọng vàng và một chiếc sáng dây trên áo sơ mi mở cổ. Ông này ngồi bàn đầu, trong khi đó hai người kia chọn chỗ ngồi phía cuối lớp.

— Tên tôi là Aaron Sherf - Ông ta mở đầu- Tôi là Giám đốc Viện Hàn lâm, xin chào mừng các bạn tới Mossad. Mossad còn có nghĩa là: Ha Mossad, le Modiyinve le Tafkidim Mayuhadim (nghĩa là Học viện Tình báo và các hoạt động đặc biệt), nhưng, câu châm ngôn của chúng tôi lại là: “Với sự lừa bịp, chiến tranh sẽ tới”.

Tôi cảm thấy chán ngán. Tôi biết rõ là mình đang ở trụ sở của Mossad, nhưng lại là một sự xác nhận tàn bạo... Tôi cần không khí. Sherf, được biết rõ hơn với cái tên Araleh, cái tên thu nhỏ của Aaron, đang ngả người trên bàn nói:

— Các bạn tạo thành một đội - Ông ta nói tiếp với một giọng trầm tĩnh và chắc chắn - Người ta đã lựa chọn các bạn từ hàng nghìn thí sinh khác. Chúng tôi đã sàng lọc, qua nhiều tính toán để đi đến kết quả này. Các bạn là những người có khả năng đáp ứng yêu cầu của chúng tôi. Chúng tôi sẽ cung cấp cho các bạn dịp may để phục vụ đất nước, vì ít ai có được may mắn như vậy.

Các bạn hãy hiểu rõ. Ở đây, không có chỉ tiêu. Chúng tôi chúc mừng các bạn, vì chúng tôi thiếu người. Nhưng xin các bạn hãy nghe rõ, chúng tôi chỉ

chấp nhận vào hàng ngũ của mình những người có tài 100% và nếu chúng tôi phải đánh hỏng tất cả các bạn, chúng tôi không do dự cho dù trong giây lát. Điều đó đã xảy ra.

Trường này không giống các trường khác. Các bạn sẽ tạo thuận lợi cho sự nhập môn của mình, nếu như, các bạn chấp nhận tự biến đổi mình. Vào lúc này, các bạn mới chỉ như những nguyên liệu thô cần được chế biến. Khi nào các bạn ra khỏi đây, chúng tôi sẽ biến các bạn trở thành những nhân viên tình báo giỏi nhất thế giới.

Ở trường chúng ta, không có các giáo sư, nhưng có những con người mà vì trận mạc đã hi sinh một phần thời gian của họ cho Hàn lâm viện. Khi nhiệm vụ của họ hoàn thành, họ sẽ trở lại với thực địa. Đó là những người cùng hội, cùng thuyền trong tương lai, những người đồng nghiệp chứ không phải chỉ là những giảng viên.

Đừng bao giờ tin vào những lời nói của họ- Chân lý, đó chính là những kinh nghiệm mà các anh đã nắm bắt được và nó cũng không phải giống nhau đối với mọi người. Một cách chính xác, sự hiểu biết của chúng tôi dạy các bạn được thiết lập trên nền tảng kinh nghiệm của chúng tôi. Và, đó là điều các bạn cần phải tiếp thu. Hay nói theo một thuật ngữ khác, những người thầy giáo sẽ truyền cho các bạn kinh nghiệm đã được đúc kết lại. Những báo cáo của Mossad, là những gì mà họ đã thu nhận được, trải qua những thành công và những thất bại.

Công việc mà các bạn sẽ gánh vác là nguy hiểm, nhưng bổ ích. Đây không phải một công việc như những công việc khác, và người ta không phải luôn luôn vượt qua nó mà không bị tổn hại. Đừng bao giờ quên rằng, đó là một nghề. Và sự kề vai, sát cánh là điều sống còn.

Tôi lãnh đạo trường đào tạo này. Tôi luôn sẵn sàng phục vụ và cánh cửa nhà trường luôn mở ra đối với các bạn. Thôi, chúc các bạn may mắn! Tôi xin nhường lời cho các giáo viên.

Ông hiệu trưởng đi ra.

Một hôm, tôi phát hiện ra sự nực cười chua chát trong một tấm áp phích được niêm yết trên cánh cửa của Sherf. Đó là câu nói của một Tổng thống Hoa Kỳ trước đây, ngài Warren Harding: *“Không bao giờ dùng những phương pháp vô đạo đức vào các mục đích đạo đức”*, đúng là điều trái ngược với những gì người ta dạy ở Hàn lâm viện.

Trong lúc ông Sherf đọc diễn văn, một người đàn ông to lớn, bước vào. Khi ông hiệu trưởng đi rồi, ông này tiến lên đầu bàn và tự giới thiệu:

— Tôi là Eiten. Ông ta nói với trọng âm của Bắc châu Phi - Tôi chịu trách nhiệm về An ninh nội bộ. Tôi xin nói rõ với các bạn một vài chi tiết, nhưng, tôi không giữ các bạn ở lại lâu. Nếu các bạn có những vấn đề cần hỏi, đừng ngại ngắt lời tôi.

Như chúng tôi đã học, tất cả các giáo viên đều bắt đầu bài giảng của họ cách này.

Xin các bạn hãy nghe rõ lời khuyên của tôi: Tai vách, mạch rừng (nguyên bản tiếng Pháp: Les murs ont des oreilles - các bức tường đều có tai). Công nghệ không ngừng phát triển, Các bạn sẽ học những kỹ thuật mới. Nhưng, thậm chí có những vấn đề mà chúng tôi cũng chưa biết. Tất cả các bạn đã phục vụ trong quân đội, và người ta đã dạy các bạn phải giữ mồm, giữ miệng, thế nhưng, những điều bí mật các bạn thấy ở đây, lại có một tầm quan trọng đáng kể hơn những bí mật của quân đội. Vậy, các bạn hãy giữ bí mật. Hãy nghĩ tới điều này trong mọi lúc.

Hãy quên ngay, từ bây giờ, cái từ Mossad. Hãy vứt nó ra khỏi đầu óc các bạn. Tôi không bao giờ muốn nghe nhắc tới nó nữa. Trong câu chuyện của các bạn, hãy dùng chữ “Văn phòng” (Bureau). Mong rằng không bao giờ tôi phải nghe thấy các bạn nói tới chữ Mossad nữa! Các bạn hãy nói với bạn bè là các bạn làm việc ở Bộ Quốc phòng, và các bạn tuân thủ bảo mật -

Eiten nói tiếp. Họ sẽ hiểu rõ là các bạn không làm việc trong ngân hàng, không làm việc trong một nhà máy, vì thế, trước khi họ tỏ ra quá tò mò, thì các bạn sẽ nói như vậy. Không có một người bạn mới nào lại không đồng ý với tôi. Hiểu cả chứ?

Trên điện thoại, khi nói chuyện cũng không trao đổi về công việc của mình. Người nào mà tôi bắt được nói trên điện thoại từ “Văn phòng” sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc, hãy tin vào lời nói của tôi. Tôi có thể kiểm tra tất cả các cuộc nói chuyện của các bạn trên điện thoại, kể cả điện thoại ở nhà riêng. Hãy nhớ là tôi chịu trách nhiệm bảo vệ an ninh của “Văn phòng”. Tôi sẽ biết tất và dùng mọi phương tiện để đạt được điều đó.

— Về vấn đề này, câu chuyện lưu truyền trong nghề của tôi, vào thời gian tôi đang ở Shaback (Cảnh sát An ninh nội bộ), câu chuyện đó nói rằng: Tôi đã ngẫu nhiên bóc hai hòn dái của một gã trong một cuộc xét hỏi... , đó chỉ là một câu chuyện giả tạo.

— Người ta đưa anh này qua máy kiểm tra nói dối suốt trong ba tháng. Cũng vẫn việc ấy, khi đi nghỉ hè ở nước ngoài trở về, lại đề cập tới một kỳ nghỉ dài hay chỉ đơn giản đi và về.

Các bạn có quyền từ chối loại kiểm tra này, nhưng trong trường hợp đó, là tôi, tôi có quyền giết các bạn.

Chúng ta sẽ còn nhiều dịp gặp lại nhau, và chúng tôi sẽ đi sâu vào một số vấn đề. Các bạn sẽ nhận căn cước trong vài ngày nữa. Một thợ chụp ảnh sẽ lo chụp ảnh chân dung cho các bạn. Các bạn sẽ đem cho tôi tất cả những căn cước hay hộ chiếu cấp ở nước ngoài. Căn cước của các bạn, của vợ, con, của các bạn. Vì các bạn sẽ không dùng đến nó trong một thời gian dài. Chúng tôi sẽ cất giữ cho các bạn.

— Như thế có nghĩa là tôi phải nộp tất cả các hộ chiếu do Canada cấp cho gia đình tôi.

Nói tới những câu này, Eiten đã làm hài lòng chúng tôi bằng cái gật đầu rồi đi ra. Chúng tôi chỉ biết im lặng. Eiten đã nói như thế. Ông ta mới bị ối làm sao! Hai tháng sau, ông ta được chuyển đi và không bao giờ tôi gặp lại ông ta cả.

Đến lượt người đàn ông cùng đi với chúng tôi phát biểu. Tên ông ta là Oren Riff. Ông là người điều khiển khoá học chúng tôi. Ông nói:

— Hỡi các bạn trẻ của tôi, người ta đã giao cho tôi trách nhiệm về các bạn. Tôi sẽ làm tất cả những gì trong khả năng của tôi để làm cho thời gian các bạn lưu lại đây được dễ chịu. Tôi xin chúc các bạn học tập tốt và giành được nhiều thắng lợi, Ông giới thiệu người phó của ông, Ran, một người đẹp trai, nhỏ nhắn (đây chính là Donovan trong *Chiến dịch Sphinx*, đã nói trong phần mở đầu-ND). Một người khác nữa, ăn mặc lịch sự, chính là Shai Kauly, một trong số những giáo viên của tôi trong thời gian kiểm tra, chọn lọc người.

Ông là Phó Giám đốc của Hàn lâm viện.

Trước khi bắt đầu khoá học, Riff đã giới thiệu một cách nhanh chóng những hoạt động trong quá khứ của ông. Ông làm việc cho “Văn phòng” từ nhiều năm. Một trong những nhiệm vụ đầu tiên của ông là lãnh đạo “Văn phòng” ở Iraq. Tại đó, ông đã trợ giúp người Kurdes trong cuộc đấu tranh giành độc lập của họ. Với tư cách là *katsa* của chi nhánh ở Paris, ông đã làm nhân viên liên lạc cho văn phòng của Golda Meir (khi đó là Thủ tướng - ND), và ông đã đi khắp bốn phương trên thế giới, trong quá trình thực hiện nhiều nhiệm vụ. “*Và vào lúc này - Ông kết luận - có rất ít nơi ở Châu Âu mà tôi có thể tới đó an toàn*” (xem chương II, phần 3: Carlos).

Tiếp đó, Riff đã giới thiệu với chúng tôi, hai chủ đề sẽ chiếm phần lớn thời gian chúng tôi học trong những tháng tới. Chủ đề thứ nhất là vấn đề an ninh mà các giáo viên của Shaback đã giảng cho chúng tôi. Chủ đề thứ hai

là NAKA, chữ viết tắt của “Hệ thống tiêu chuẩn chữ viết” bằng tiếng Hébreu (tiếng Do Thái - ND).

Tôi sẽ giải thích - Ông ta xác định rõ - Điều đó có nghĩa là có một cách soạn thảo báo cáo và chỉ có một cách thôi. Nếu anh không soạn viết được một báo cáo về những việc anh đã làm, nghĩa là anh đã chả làm được cái gì. Dĩ nhiên, mặt khác, nếu anh viết được vài điều gì đó mà anh không làm, người ta lại có thể nghĩ rằng anh đã làm việc đó - Ông ta nói và cười.

Được. Chừng ấy thôi, các anh sẽ làm quen ngay tức khắc với NAKA.

Cách trình bày một báo cáo có thể thay đổi, nhưng nghiêm ngặt. Giấy dùng để viết có khổ vuông hoặc chữ nhật, luôn luôn phải trắng. Người ta viết bên trên trang giấy độ mật mã an toàn, gạch chân kiểu khác nhau tùy theo bức điện; mật, tuyệt mật, hay bình thường (không quan trọng- ND).

Trên phía bên phải tờ giấy, phải ghi tên người nhận cũng như tên người xử lý, ngay khi nhận được bức điện. Cái đó có thể liên quan đến một, hai hoặc ba người, nhưng phải gạch dưới mỗi tên. Phía dưới tờ giấy là tên những người được nhận bản sao điện mà không tham dự vào xử lý thông tin. Người gửi, thường là một cơ quan hơn là một cá nhân.

Ngày, tháng được ghi ở bên trái, cùng với độ khẩn cần thiết: điện tín, hoả tốc, tiêu chuẩn (bình thường-ND)... cùng với số để xác định.

Tiếp đó, ở chính giữa phía dưới, tóm tắt nội dung trong một câu, luôn gạch chân và có hai chấm kèm theo.

Ở chính giữa bên dưới, người ta còn có thể ghi, ví dụ: “Liên quan đến bức thư thứ ba của anh”, kèm theo ngày, tháng của bức thư đó. Nếu trong số những người có tên được nhận điện, nhưng họ không có bức thư đó, thì phải chuyển cho họ bản sao bức thư kia. Nếu trong một bức điện, anh đề cập đến nhiều chủ đề, anh cần đánh số cho mỗi vấn đề, cùng với lời trích dẫn cho từng nội dung. Một khi anh viết con số: (thí dụ: “Tôi yêu cầu 35

cuộn giấy vệ sinh”), anh phải lặp lại “Tôi yêu cầu 35x35 cuộn...”). Bằng cách này, thậm chí nếu máy tính hoạt động không tốt, con số vẫn được lưu lại để xem. Bên dưới báo cáo, phải ký tên mật danh của anh.

Những hoạt động chính của tổ chức, là thu thập các thông tin. Chúng tôi sẽ dùng nhiều thời gian để chúng ta luyện tập với NAKA.

Ngày thứ hai, là một bài giảng về an ninh đã bị huỷ bỏ, và người ta phân phát cho chúng tôi một xấp báo, trong đó có một số tin được khoanh đỏ. Người ta yêu cầu chúng tôi làm báo cáo về những tin đó. Chúng tôi phải hoàn thành báo cáo của chúng tôi theo một công thức: “Không có những thông tin khác nữa”, điều này có nghĩa là công việc điều tra đã kết thúc vào lúc đó. Người ta cũng dạy chúng tôi, chỉ chọn một tiêu đề, một lần cho bản báo cáo đã hoàn tất.

Cuối cùng, người ta giao cho chúng tôi căn cước của mình. Căn cước không gây được sự chú ý nào: Nó chỉ đơn giản là một tấm bìa trắng với một mật mã được gạch ngang bên dưới tấm ảnh.

Khoảng cuối tuần đầu, Riff thông báo là chúng tôi sẽ nghiên cứu việc đảm bảo an toàn của con người. Ông ta vừa bắt đầu bài giảng, thì cánh cửa phòng mở ra và hai người xuất hiện. Một người vung khẩu súng lục cỡ lớn ra và người kia cầm khẩu tiểu liên trong tay. Ngay khi vừa đến, họ nổ súng. Các học sinh sững sờ cúi rạp xuống đất, trong khi đó, Riff và Ran S. ngã vật xuống, người đầy máu.

Trước khi người ta có thời gian để nói out (ra ngoài), thì hai gã kia đã biến mất trên một chiếc xe nổ máy sẵn với những chiếc mũ tròn. Tất cả chúng tôi đều chịu một cú kinh hoàng, chúng tôi chưa kịp hoàn hồn, thì Riff đã đứng dậy nói một cách cộc lốc với Jerry, một trong số học sinh:

— Rất tốt, dưới con mắt của chúng, tôi đã bị bắn chết. Hãy mô tả lại những kẻ bắn súng kia. Có bao nhiêu phát đạn đã được bắn? Anh có lưu ý

tới một chi tiết nào để cho phép nhận dạng ra họ không?

Riff viết những thông tin nói với Jerry lên bảng. Ông hỏi một người chứng kiến khác trong số học sinh, rời rời khỏi phòng và bước vào với hai “sát thủ”. Đây, các anh có tin là họ hay không, không có ai nhận ra họ cả. Họ chẳng giống gì với chân dung những người máy mà chúng tôi mô tả.

Chúng tôi đã nhận ra hai người là Mousa M., phụ trách bài giảng về hoạt động bảo đảm an toàn, APAM, và người phó của ông, Dov L. Mousa giống với Telly Savalas, người đóng vai chính trong Kojak.

— Sau này, tôi sẽ giải thích cho các anh lợi ích của màn kịch này - Mousa nói - Nhưng, phải biết là ngay từ lúc này, chúng ta đang hoạt động ở bên ngoài lãnh thổ. Hãy ghi nhớ kỹ điều này: Chúng ta không có bạn bè. Chúng ta chỉ có kẻ thù hay các mục tiêu thôi.

Điều ấy không vì thế mà cần phải trở thành những người mắc chứng bệnh paranoia: Nếu các anh bị ám ảnh bởi mối nguy hiểm, các anh sẽ không bao giờ hoạt động được.

APAM là một công cụ quý báu (APAM, viết tắt của chữ Hébreu: Avtahat paulut Modienit: Nghiệp vụ An ninh của Tình báo). Đó chính là công việc bảo vệ của Tình báo. Vai trò của nó là: trang bị cho các anh những mô thức để các anh có thể hoàn thành những nhiệm vụ của mình một cách an toàn. Hãy nhớ rằng, trong cuộc sống, các anh có quyền phạm sai lầm, nhưng trong nghề Tình báo thì không bao giờ có.

Các anh sẽ học các thủ thuật (mánh khéo) trong lúc thực tập. Nhưng, tôi xin nhắc nhở các anh rõ điều này: Tôi không cần thành tích của các anh trong các môn học khác, nếu như các anh không làm cho tôi hài lòng ở đây, các anh sẽ bị đánh trượt. APAM không đòi hỏi phẩm chất đặc biệt, cần phải lao động, thế thôi. Để làm được điều này, các anh phải học cách chế ngự

được mọi sợ hãi và học cách thường xuyên giữ gìn nhiệm vụ của mình trong tâm trí.

Hệ thống mà chúng tôi sẽ giảng dạy trong những năm tới cho các anh là: Không để xảy ra sai lầm nào. Hệ thống đó sẽ có những bài kiểm tra và chúng tôi sẽ không ngừng cải tiến. Nó thật sự hoàn hảo, thật sự lô gích, và thậm chí, khi kẻ thù của các anh biết rõ nó, chúng cũng không thể dùng nó để chống lại chúng ta được.

Mousa cho chúng tôi biết Dov sẽ là giáo viên của chúng tôi, nhưng bản thân ông còn tham gia vào một số bài giảng, hoặc một số công việc thực hành. Riff đưa ra cho chúng tôi bản sao thời khoá biểu và tuyên bố:

— Các anh nhìn thấy khoảng trống giữa bài vừa giảng của ngày và bài giảng đầu tiên của ngày hôm sau không? Đó là thời gian rỗi của các anh phải không? Vậy thì, hãy hiểu là thời giờ đó thuộc về tôi.

Hãy tranh thủ chớp lấy ngày cuối tuần cuối cùng này của các anh. Từ tuần tới, chúng tôi sẽ bắt đầu mở mắt cho các anh. Cánh cửa của chúng tôi luôn luôn mở ra với các anh, nếu các anh có bất cứ vấn đề gì, xin đừng ngần ngại đến nói với tôi, tôi ở đó vì vấn đề này. Nhưng nếu tôi có gì khuyên bảo các anh, thì các anh cần theo.

Lần cuối cùng tôi nghe nói đến Mousa, là lúc ông ta phụ trách vấn đề an ninh ở châu Âu. Ông ta cũng thuộc Đơn vị 504, một đơn vị của người biên giới. Đơn vị này làm nhiệm vụ tình báo quân sự. Ông ta là một con người cứng rắn, nhưng đằng sau vẻ nghiêm khắc của ông , vẫn ẩn giấu một con người nhạy cảm, một con người lý tưởng chủ nghĩa tận tụy và đầy tính hài hước (xem chương V, phần 3).

Trước khi đi nghỉ phép cuối tuần, chúng tôi phải trình diện Ban Thư ký của nhà trường, do bà Ruty Kimchy nắm quyền. Chồng bà, trước kia là người phụ trách Vụ Tuyển mộ, và sau này với tư cách Bộ trưởng Ngoại

giao, ông đã đóng một vai trò quan trọng lớn trong lúc nổ ra cuộc chiến tranh tàn khốc của Lyban. ông ta dính líu vào vụ Irangate (một vụ bê bối ở Iran).

Thời gian ngày làm việc của chúng tôi, được chia làm năm phần: 8 giờ đến 10 giờ, 10 giờ đến 11 giờ, 11 giờ đến 13 giờ, 14 giờ đến 15 giờ và 15 giờ đến 20 giờ. Chúng tôi có khoảng thời gian nghỉ đều đặn là 20 phút, khoảng trống hơn một nửa giờ để ăn cơm trưa. Chúng tôi ăn trưa trong ngôi nhà khác, phía bên dưới chân đồi một chút. Trên con đường tới nhà ăn tập thể, chúng tôi ngang qua một ki ốt. Người ta có thể mua thuốc lá ở đó và thông thường chỉ bán thuốc lá thôi. Thời đó, một ngày tôi hút từ hai đến ba bao, vả lại, phần lớn tôi hút khi học bài.

Chúng tôi có bốn lĩnh vực học tập: NAKA, APAM, học quân sự và học kỹ thuật về vỏ bọc.

Chương trình học quân sự thì rộng: Thiết giáp, máy bay, hải quân, tính đặc thù của các nước láng giềng, đường lối, chính sách, tôn giáo, cấu trúc xã hội của họ. Riêng về cấu trúc xã hội thì do các giáo sư đại học giảng dạy.

Với thời gian như thế, chúng tôi biết không thể giải trí gì được. Chúng tôi vui, đùa ngay trong lớp và bầu không khí thật vui nhộn. Ba tuần sau khi bắt đầu các bài học, chúng tôi đón một người mới 24 tuổi, tên là Yosy. Đó là bạn của Heim M. Heim M là một thành viên trong nhóm của chúng tôi, 35 tuổi, đầu hói, vạm vỡ mà bộ mặt luôn có nụ cười xảo quyệt cộng với cái mũi dô lên. Cậu ta đã có vợ và hai con.

Yosy, đã từng làm việc trong đơn vị 504 ở Lyban, nay trở lại Jelusalem, nơi mà trước kia cậu ta đã theo học một khoá cấp tốc tiếng Ả Rập, thứ tiếng cậu ta nói thông thạo. Ngược lại, tiếng Anh của cậu ta thì rất tồi. Bản thân cậu ta cũng đã có vợ và vợ cậu ta đang có mang. Là một người theo đạo Do Thái chính thống, Yosy thường xuyên mang một chiếc áo đan kippa, nhưng

lại được nhiều phụ nữ chú ý tới. Cậu ta có duyên. Nhiều phụ nữ đã điều đứng vì cậu và cậu ta thì không e ngại để tận dụng điều đó.

Các buổi học tan, thường tôi còn nấn ná ở Kapusky, trong Ramat Hasharon để uống một ly cà phê và ăn vài cái bánh ngọt, trước khi trở về nhà ở Hetzliya. Tôi gặp Yosy, Heim và Michel M, một chuyên gia Pháp về truyền tin đã đến Israel trước cuộc chiến tranh Kippuor và là người đã phục vụ trong đơn vị 8200. Michel cũng đã làm việc cho Mossad ở Châu Âu như một “chuyên gia tài cán”, trước khi vào làm việc. Chiếc bằng Cao học tiếng Pháp của anh ta, tiếng mẹ đẻ của anh ta đã tạo cho anh ta trở thành một thí sinh tốt. Anh ta được tuyển vào với sự che chở (nghĩa là có ai đó giúp đỡ).

Tất cả chúng tôi tạo thành một nhóm, vui vẻ. Chúng tôi xem lại thế giới, chúng tôi đã thảo luận về chiến lược. Thường thì sau mỗi lần gọi một ly cà phê, Yosy lại rời khỏi chúng tôi. “*Tôi sẽ trở lại ngay lập tức*” - Cậu ta nói. Rồi nửa giờ sau đó, cậu ta lại xuất hiện, và xin lỗi do bị cô này hay cô kia níu kéo. “*Mình không thể từ chối, thậm chí một việc phục vụ nhỏ cho cô ta!*” Thật là điên rồ với cái mà cậu ta làm như những việc “*phục vụ*”. Chúng tôi đã vận lại: Đó không phải là một việc tầm thường đâu.

Các *katsa* Shai Kauly và Ran S. giảng dạy cho chúng tôi về kỹ thuật vỏ bọc.

— Khi các anh thu thập được những tin tức tình báo, thì các anh được gọi là *katsa*, các anh không gọi là Victor, là Heira hay là Yosy nữa. Các anh không bắt chuyện với một gã và nói: Xin chào! Tôi là một nhân viên Tình báo Israel, tôi sẵn sàng trả tiền cho ông về tất cả những tin tức mà ông đã cung cấp cho tôi.

Các anh sử dụng vỏ bọc. Có nghĩa là không bao giờ khẳng định mình là tình báo. Một *katsa* phải tỏ ra uyển chuyển. *Uyển chuyển*, đó là một từ chủ đạo. Có thể, trong một ngày các anh có tới ba cuộc hẹn gặp và các anh phải

thay đổi ba lần căn cước. Các anh cần phải có sự uyển chuyển để liên tục trở thành một người khác.

Thế nào là một vỏ bọc tốt? Một tấm căn cước không thôi không thể giải thích được, và nó chỉ là một nấc thang rộng lớn nhất của các khả năng có thể được. Một nha sỹ chẳng hạn, cũng là một vỏ bọc tuyệt vời. Mọi người đều biết nha sỹ là ai, chừng nào các anh không rơi vào tay một ai đó, mà người ta yêu cầu các anh mở miệng cho người đó khám thì các anh vẫn được che đậy.

Chúng ta đã bỏ nhiều giờ để luyện tập. Chúng ta đã nghiên cứu các thành phố từ A đến Z, để nói về nó như là chúng ta đã sống ở đó cả đời mình. Chúng ta cũng đã học cách kiến tạo cho chúng ta thành một nhân vật mới trong một ngày, với kiến thức hoàn hảo của nghề nghiệp. Chúng ta đã luyện tập với các *katsa* dày dặn kinh nghiệm, những người đã kiểm tra lại tính vững chắc đối với vỏ bọc của các anh.

Những bài luyện tập này được tiến hành trong một phòng có trang bị camera để các học sinh khác có thể theo dõi các buổi tập luyện trên vô tuyến truyền hình đặt ở phòng bên cạnh.

Sự khéo léo nằm ở chỗ không để bị bộc lộ quá nhiều chi tiết, điều đó cũng không đơn giản như người ta tưởng. Trong chốc lát, chúng tôi nhận ra điều này trên màn ảnh của mình lúc diễn ra cuộc nói chuyện giữa Tsvy, một nhà tâm lý học 42 tuổi với học sinh năm thứ nhất, bồn chồn, lo lắng, và một người nghiên cứu - một *katsa*. Tsvy đọc thoại trong vòng hai mươi phút liên tiếp, ông ta kể tất cả những gì mà ông biết về thành phố của mình, nghề vỏ bọc của mình, thậm chí ngay cả trước khi viên *katsa* hỏi ông đó là cái gì. Bốn đứa chúng tôi đã rút ra trước khỏi màn hình của mình. “*Ra thôi, tôi đã khéo léo rút ra khỏi đây!*”. Ông ta thốt lên, lúc chúng tôi gặp nhau. Bài kiểm tra đã kết thúc. Ông ta thấy mãn nguyện với mình lắm!

Trong quân đội, chúng tôi đã biết đến sự đoàn kết. Khi Kauly hỏi tôi nghĩ gì về cuộc trao đổi kia. Tôi trả lời rằng Tsvy đã học gạo, thuộc lòng chủ đề của ông ta, và ông ta thuộc lòng thành phố của ông ta. Một học sinh khác thì cho rằng ông nói rõ ràng, mạch lạc.

— Xin một phút - Ran S. kêu lên và đứng phắt dậy Liệu các anh muốn làm cho tôi tin là các anh đã tiêu hoá được mớ hỗn độn ấy không? Xin đừng nói với tôi điều sai phạm mà các anh không lưu ý đến do ông ta mắc phải! Hãy nói điều ông ta đã khẳng định là một nhà tâm lý học! Còn các anh, là những người khác, do vậy các anh chẳng có gì trong trí não của mình phải không? Lần này đây, tôi muốn được nghe điều mà các anh thực sự đang nghĩ. Chúng ta hãy bắt đầu từ Tsvy.

Do lo lắng, Tsvy đã nhượng bộ, ông ta đã làm quá nhiều việc. Việc tự phê bình của ông ta đã giải phóng cho chúng tôi. Ran S. yêu cầu chúng tôi đánh giá những thành tích của ông ta, nhấn mạnh vào sự việc mà trong tương lai chúng tôi sẽ phải đương đầu thực sự với hoàn cảnh như thế, và chúng tôi sẽ gặp nguy hiểm cho mình nếu chúng tôi không biết đóng hài kịch.

— Chính do học cách bảo vệ vỏ bọc của mình, mà các anh sẽ tồn tại trong cuộc sống - Ran S. giải thích.

Trong khoảng hơn một giờ, Tsvy đã bị mệt nhoài, bị chìm xuống hàng rất xoàng. Chúng tôi xem lại băng video không biết chán để chú ý tới điều phi lý này hoặc phi lý khác. Và, tôi cũng thừa nhận rằng chúng tôi cũng thấy ở đó những điều lý thú.

Đó, cái điều đã diễn ra khi người ta làm cho cuộc ganh đua căng thẳng lên trong một nhóm, và người ta đã bỏ mất những nguyên tắc sơ đẳng, phải tôn trọng người khác. Sự dữ dội của bạo lực là không ngờ tới. Hiện nay, mỗi khi nghĩ về việc làm đó, tôi thấy mình đã gây nên ảnh hưởng xấu.

Chính cái thùng kêu to nhất lại là cái thùng rỗng (nguyên văn trong tiếng Pháp: Chính người mà đập mạnh nhất, thì ở đó, lại làm điều xấu nhất-ND). Khi những điều phê phán đã lắng xuống, Ran S. và Kauly lại mời cho ngọn lửa bùng lên với một hay hai câu hỏi. Những bài tập mang tính khiêu khích hiểm hoi này chỉ diễn ra hai hay ba lần trong một tuần. Họ dạy chúng tôi rằng, chính đó là cách tôi luyện cho chúng tôi có những vỏ bọc hữu hiệu.

Vào thời kỳ của các bài học trong tháng thứ ba, chúng tôi theo một kiểu công việc thực hành mới. Họ dạy chúng tôi biết thưởng thức rượu, nói về hương vị của nó, đoán xem xuất xứ của rượu từ đâu. Chúng tôi vẫn ăn cơm trưa tại Viện Hàn lâm, trong một phòng ăn theo nghi lễ của Thủ tướng. Tại đó, người ta dạy chúng tôi cách đọc những món ăn của các khách sạn lớn, gọi một thực đơn ra sao, ngồi vào bàn ăn như thế nào.

Trong phòng chơi bóng bàn, một chiếc vô tuyến chiếu 24/24 giờ các chương trình nổi tiếng của Canada, Anh, Mỹ, và của châu Âu, để chúng tôi làm quen với nó. Chúng tôi có khả năng nhận biết bất kỳ buổi phát thanh nào ngay từ khi có một vài điệu nhạc phát mở đầu.

Cần luôn luôn chú ý tới các chi tiết nhỏ. Lấy thí dụ, tin về đồng 1 đô la mới của Canada chẳng hạn. Ở Montreal, người ta gọi những đồng đô la mới đó là: “loonies” (Timbrées - những con tem có đóng dấu). Nếu các anh không hiểu điều đó mà lại khẳng định mình là người Canada, thì chiếc vỏ bọc của các anh là buồn cười.

Với APAM, chúng tôi học nghệ thuật theo dõi (bị tình nghi), lúc đầu là ở tổ, sau là cá nhân. Làm thế nào để hoà vào trong đám đông, chọn những địa điểm chiến lược, làm thế nào để biến đi, việc theo dõi ở những giờ -cao điểm, những giờ ít hoạt động, quan niệm về không gian/thời gian (đánh giá khoảng cách mà một cá nhân dùng trong một thời gian xác định).

Giả dụ, mục tiêu của các anh ngoặt sang một góc của con đường rồi biến mất, thậm chí lúc chính anh cũng tới đó. Các anh hãy suy tính xem,

liệu mục tiêu có thời gian quay sang góc của phố tiếp theo đó, nếu không, thì mục tiêu phải vào một ngôi nhà nào đó.

Bên cạnh việc theo dõi, có việc chống theo dõi: Hãy phát hiện xem liệu bản thân người ta có bị theo dõi không.

Kỹ thuật chống theo dõi được giảng dạy trong một phòng của toà nhà chính, trên tầng hai. Đó là một phòng rất lớn, trang bị hai mươi chiếc ghế máy bay, những gạt tàn thuốc ở ngay trên tay ghế, những chiếc bàn có thể gấp lại được. Trên bục giảng, có một chiếc bàn và một chiếc ghế kê sát tường, có một màn ảnh lớn để người ta chiếu các phim diapositif (dương bản) của Tel Aviv, và ở chính phía trước, có một chiếc bảng bằng thủy tinh hữu cơ. Lần lượt, từng người chúng tôi bước lên bảng và chúng tôi phải giải thích về hành trình của mình. Hành trình (đường đi) là nền tảng cho công việc của chúng tôi. Không có nó, thì không thể có cái gì.

Người ta chỉ định nơi ở cho mỗi học viên. Người học viên, sau đó phải rời nơi ở vào một giờ thích hợp, theo một số đường đi và phải tính toán liệu có được hay không. Người ta sẽ theo dõi việc đó. Nếu người kia bị theo dõi, anh ta phải chỉ rõ bị bao nhiêu người theo dõi, khi nào, ở đâu và cho biết rõ các tín hiệu của họ. Những ai khẳng định mình không bị theo dõi, cần chỉ rõ ở đâu và khi họ đã kiểm tra, và cho biết rõ thái độ của họ. Người ta vẽ dần dần cuộc hành trình trên tấm pa-nô bằng thủy tinh hữu cơ.

Chỉ có sáng hôm sau, sau khi chúng tôi làm báo cáo, người ta mới vạch cho chúng tôi biết ai đã bị theo dõi.

Nhưng, kiểm tra hay không, thì điều quan trọng là chỉ đối với một số trường hợp, còn một số trường hợp không theo dõi. Nếu anh tin là mình bị theo dõi, trong khi người ta không theo dõi anh, thì việc làm của anh bị gác lại. Thí dụ, ở châu Âu, nếu một *katsa* khẳng định bị theo dõi, thì cả bộ phận lập tức dừng mọi hoạt động trong một hoặc hai tháng, là thời gian để kiểm tra ai theo dõi và vì sao.

Một hành trình được chia thành hai đoạn chính, mà người ta xác định rõ bằng một bản đồ. Anh rời một địa điểm cho trước có khí hậu có thể là tự nhiên nhất, rồi anh phải đi tới một địa điểm chiến lược 4, một địa chỉ mà anh có những lý do tốt để đến, rồi từ đó anh có thể nhìn được mà không ai thấy. Thí dụ, ở nhà một người nha sỹ, mà văn phòng của người này ở tầng ba của một toà nhà.

Từ cửa sổ của một thềm nghỉ, anh có thể quan sát đường phố. Nếu anh bị theo dõi, anh sẽ đưa mắt nhìn người theo mình và đứng chờ hồi lâu.

Nếu tôi bị theo dõi bởi một nhóm, mà tôi từ một khách sạn đi ra, tôi sẽ bị tóm cổ, Tôi đi rất nhanh để những người theo tôi bị cách quãng, rồi tôi đi ngoặt nhiều để đến được một trong những điểm chiến lược của tôi. Từ đó, tôi quan sát họ và nhìn thấy họ tổ chức nhau lại. Tôi lại đi ra, tôi lên một chiếc xe buýt đưa tôi đến một khu khác, rồi tôi lại bắt đầu hoạt động, nhưng với một cách chậm chạp, để cho họ khỏi mất những việc theo dõi của họ.

Việc cuối cùng phải làm, là trả những người bám đuôi ra, nếu không, làm sao bảo đảm được hành trình học rồi anh bỏ rơi họ? Thế là ngay khi tôi biết mình bị theo dõi, tôi ngừng tất cả mọi hoạt động và vào xem chiếu bóng.

Chúng tôi luôn luôn có một kippa trong túi, và khi chúng tôi biết chắc bị theo dõi, chúng tôi phải trùm lên, gọi điện thoại từ một ca bin, quay số điện thích hợp, nói rõ tên mình và cho biết là chúng tôi đang bị theo dõi, rồi trở về nhà chúng tôi. Chúng tôi gặp lại nhau ở nhà người này hay ở nhà người khác, thảo luận lâu về tình huống.

Trong suốt quá trình luyện tập này, tôi chỉ phạm phải một sai lầm. Rồi một ngày nào đó, tôi tin là tôi đã nhầm vì nghĩ là bị theo dõi. Một trong số những học sinh, đã sao chép hành trình của tôi, và đi theo sau, cách tôi chừng năm phút. Tôi đã xác định được nhóm làm công việc theo dõi và tôi nghĩ rằng họ đang làm điều đó sau tôi.

Khoá đào tạo được chia thành những nhóm nhỏ. Người ta cảm thấy dễ bị tổn thương trong các bài học mà ở đó, mỗi người phải chịu đựng đối với những cuộc tấn công được phối hợp của phần còn lại của lớp! Và thế là, sau những bài học, người ta lại tập hợp nhau chừng ba hoặc bốn người để tranh luận, để khuyên nhủ, và để nâng đỡ về mặt đạo đức.

Các giáo viên huấn luyện của chúng tôi, chuyển qua giảng dạy giai đoạn hai.

— Bây giờ, các anh sẽ học tự bảo vệ, các anh sẽ học làm các tân “binh”. Các anh đi vào trong một thành phố, các anh kiểm tra thấy mình không bị theo dõi, các anh tuyển mộ và sau đó, các anh viết báo cáo, dùng phương pháp NAKA.

Tôi còn nghe thấy Mousa tuyên bố:

— Các anh đã sẵn sàng chưa, chúng ta bắt đầu ra khỏi cái vỏ của chúng ta.

Này, coi chừng với thời tiết xấu!

Chương III: **NHỮNG NHIỆM VỤ XANH**

Những kiến thức về kỹ thuật mà chúng tôi thu được trong học tập, đòi hỏi phải được thử nghiệm trên hiện trường, việc mà mỗi ngày chúng tôi làm hai lần. Người ta gọi điều đó là làm “những quán hàng ngoài trời”. Mục đích khác là làm cho chúng tôi quen với những cuộc họp được tổ chức sau mỗi lần tiếp xúc với một tân binh.

Ở đó còn nữa, những thành tích của chúng tôi được chuyển qua một phòng kế bên, nơi để các học sinh sẽ quan phân tích và phê phán nó. Mỗi cuộc họp mỗi xẻ kéo dài khoảng 1 giờ 30 phút là một việc làm man rợ khủng khiếp.

Mỗi lời nói, mỗi cử chỉ đều được rà soát. “Và anh có tin rằng nó sẽ căn vào mỗi câu của anh không? Vì sao anh khen ngợi bộ quần áo của nó đẹp? Anh muốn đi tới đâu?”.

Những sai lầm phạm phải trong “khi làm các quán hàng” rồi bời lên, chắc hẳn là vậy, nhưng không có gì nguy hại. Sau này, trong thế giới Tình báo, những thành tích của chúng tôi là không thể phủ nhận được. Tuy nhiên, chính trong cái thế giới đó, chúng tôi đã sống những ngày nóng bỏng.

Mọi người đều cố gắng dành được những điểm tốt nhất, nhưng sự thất bại vẫn thường xuyên là nỗi ám ảnh. Chúng tôi đã trở thành những con nghiện nghề Tình báo. Ngoài Mossad ra, cuộc sống của chúng tôi rất tẻ nhạt: Phải chăng, ở đó có những sự thôi thúc kích lệ?

Chính Amy Yaar, là người phụ trách Vụ Viễn Đông và châu Phi đối với Tevel (sự liên lạc), người đã truyền dạy cho chúng tôi sau này. Lúc ông ta

kể câu chuyện đầy quyến rũ của mình, tất cả chúng tôi thấy sẵn sàng lao vào công việc Tevel.

Những người mà Yaar chỉ huy, được-phân bổ qua phương Đông, và ít làm Tình báo. Họ nhảy vào các cơ sở của hợp tác về thương mại, nhằm tạo ra hay tăng cường các mối quan hệ ngoại giao. Chẳng hạn, một người trong số họ đã sống ở Djakarta với hộ chiếu Anh để làm nhiệm vụ môi giới, tạo thuận lợi cho việc bán vũ khí trong vùng. Chính phủ Indonesia biết người này thuộc Mossad. Khi cần, một giải pháp đã được dự tính trước, để người này rút đi. Yaar cũng có một người ở Nhật, một người ở Ấn Độ, một người ở châu Phi, và khi có dịp, đưa người tới Sri Lanka, Malaysia. Hàng năm, ông ta tập hợp người của ông về Seychelles. Công việc của ông ta không thật nguy hiểm, và ông ta vui thích với thời gian quý báu của mình. Ở châu Phi, những nhân viên liên lạc của ông Yaar đã tung hứng nhiều triệu đô la dành cho việc giao bán vũ khí. Công việc của họ chia làm ba thời kỳ. Trước hết, đánh giá nhu cầu của một nước, biết tiềm năng của kẻ thù nước đó và những mục tiêu nguy hiểm của cuộc xung đột. Sau đó, gắn vào những mối quan hệ sức mạnh và để nghe xem liệu Israel có thể cung cấp cho chính phủ của các nước đang đặt vấn đề về vũ khí, về kỹ thuật... Ví dụ, một khi nước nào đó phụ thuộc vào vũ khí và công nghệ của Israel, người của Mossad sẽ tác động để họ cũng mua trang bị nông nghiệp của Israel. Dần dà, người đứng đầu của các nước này sẽ tiến đến nói chuyện hoặc thiết lập những quan hệ ngoại giao với Israel, nếu như họ muốn tiếp tục được hưởng sự giúp đỡ về kinh tế và quân sự của Israel. Mục tiêu của hoạt động là thiết lập các quan hệ ngoại giao, nhưng việc bán vũ khí quá thường xuyên đã đem lại nhiều lợi lộc khiến những nhân viên liên lạc, thậm chí không được làm khó khăn đối với việc chuyển qua giai đoạn tiếp theo. Thế mà, ở Sri Lanka, họ đã hoàn thành tất cả nhiệm vụ của họ. Amy Yaar chăm lo về các mối quan hệ, chuyển giao những hợp đồng về thiết bị quân sự, trong số đó gồm cả những tàu phóng ngư lôi nhằm bảo vệ các bờ biển. Cùng trong thời gian đó, Yaar và những người của ông ta, cung cấp những vũ khí chống tàu phóng ngư lôi cho những người Tamoul, để giúp họ chống lại các lực lượng của

các chính phủ. Những người Israel cũng huấn luyện những đơn vị kiểu mẫu của cả hai phe, hiển nhiên là giải quyết khó khăn cho cả bên này và bên kia (xem chương I, phần 2). Ngoài ra, họ còn giúp Sri Lanka chiếm đoạt hàng triệu đô la đối với Ngân hàng thế giới và của những nhà đầu tư khác, để trả tiền mua vũ khí của những người Israel bán cho họ.

Đất nước có những vấn đề kinh tế kinh niên và sự khuấy động của người nông dân gây lo ngại cho Chính phủ Sri Lanka, người đang tìm cách dập tan những cuộc nổi loạn, trong lúc di chuyển một bộ phận nông dân qua phía khác của hòn đảo. Nhưng để làm điều đó cần phải kiếm một cái cớ.

Chính ở đó, Amy Yaar đã lao vào đạo diễn. Do sáng kiến của ông, mà người ta phải làm một dự án khổng lồ cho “đập Mahaweli”, nhằm thay đổi dòng chảy của con sông Mahaweli, để tưới cho đất đai khô cằn. Chiếc đập phải đáp ứng hai vấn đề là sản xuất ra năng lượng thủy điện, và mở rộng diện tích trồng trọt tới 300.000 ha. Ngoài Ngân hàng thế giới, Thụy Điển, Canada, Nhật, Đức, CEE và cả Hoa Kỳ nhận sẽ hợp tác với dự án 2,5 tỷ đô la.

Ngay từ lúc khởi đầu, đó là một công trình có tham vọng lớn, nhưng Ngân hàng thế giới cũng không hơn gì những nhà đầu tư khác, đã không nhận ra điều đó và tất cả cứ tin là dự án vẫn luôn được duy trì. Lúc đầu, chương trình phải trải dài trong ba mươi năm, Tổng thống Sri Lanka, Junius Jayawardene, phát hiện ra trong năm 1977 rằng, cùng với sự giúp đỡ của Mossad, người ta có thể kéo chương trình ra trong một thời kỳ dài hơn.

Sự thành công của dự án kéo theo việc trưng dụng đất đai của những người nông dân và thuyết phục Ngân hàng thế giới, là người đang tung vào đó 250 triệu đô la. Mossad đóng góp hai viện sỹ Hàn lâm của Israel. Một kinh tế gia của Trường Tổng hợp Jerusalem và một giáo sư nông học, chịu trách nhiệm in những bản báo cáo xác định ích lợi của dự án và đưa ra con số giá thành của nó. Ngoài ra, một phần của giao kèo thuộc về một công ty lớn của Israel, Công ty Solel Bonah.

Thỉnh thoảng, các đại diện của Ngân hàng thế giới tới Sri Lanka để thanh sát những bước tiến của công việc, nhưng Yaar giải thích cho những nhà chức trách địa phương, tại sao lại mất cảnh giác với các vị đại diện này: Để mạo xưng vì lý do an ninh, người ta hướng dẫn những đại diện của Ngân hàng thế giới đi con đường khác, ở ngay công trường, được xây dựng do hoàn cảnh tạo nên.

Về sau, khi tôi làm việc cho vụ của Yaar, ở Tổng hành dinh của Mossad, tôi làm cận vệ cho con dâu của Tổng thống Jayawardene, khi bà sang thăm bí mật Israel. Người đàn bà trẻ này tên là Penny và làm quen với tôi, một người mang cái tên là “Simon”.

Tôi hướng dẫn bà đi khắp nơi mà bà muốn và chúng tôi đã nói chuyện với nhau. Chủ đề là do bà ta đề cập tới. Bà ta giải thích cho tôi vì sao vốn dành cho xây dựng một chiếc đập nổi tiếng lại bị dùng để tài trợ mua trang bị quân sự. Chiếc đập nước chỉ còn là bản vẽ. Tôi thừa nhận điều đó, khi chúng tôi tạo ra một dự án bằng mọi cách để rút được tiền ở Ngân hàng thế giới, tiền để dùng vào việc mua vũ khí!

Thời kỳ đó, Israel không duy trì quan hệ ngoại giao với Sri Lanka, mà ngược lại, nước này tham gia vào cấm vận chống chúng tôi. Penny kể cho tôi nghe về những cuộc gặp gỡ bí mật giữa hai quốc gia. Một số báo chí phong phanh biết được các cuộc gặp gỡ này, thậm chí nêu ra sự có mặt của hàng trăm *katsa* ở Sri Lanka, thực ra, lúc đó, chúng tôi không có chừng ấy nhân viên ở trên toàn thế giới. Trong thực tế, Amy Yaar và một trong số những người giúp việc của ông ta, là những nhân viên duy nhất của chúng tôi ở Colombo, và lại họ cũng chỉ lưu lại ở đó một thời gian ngắn.

Bất ngờ thứ hai của chúng tôi, là khi chúng tôi tham dự khoá học về PAHA. PAHA, là một vụ của Paylut Hablanit Oynet hay nói một cách khác là “phá hoại kẻ thù”, và liên quan chủ yếu tới PLO. Những người làm viên chức cho PAHA, chủ yếu lại là những người làm văn phòng. Họ là những người làm công việc nghiên cứu giỏi nhất của mọi tổ chức.

Người ta đưa chúng tôi vào một phòng ở tầng sáu của Tổng hành dinh Mossad, nơi, người ta nói với chúng tôi, mọi tin tức hàng ngày về việc di chuyển của các thành viên PLO và của các tổ chức khủng bố khác được báo về. Phần sau đã làm chúng tôi sửng sốt. Người giáo viên mở một tấm pa nô trên tường, lớn khoảng ba chục mét chiều rộng, dưới chân tấm pa nô là các bàn máy tính sát tường. Trên tấm pa nô, mà người ta chiếu các bản đồ lên, được chia thành những ô vuông nhỏ, sáng nhấp nháy hoặc chiếu sáng. Giả dụ rằng người ta lập chương trình “Arafat” trên bàn phím máy tính, thì tức khắc một ô vuông loé sáng trên tấm bản đồ, chỉ nơi ở cuối cùng của ông ta. Nếu người ta hỏi “Arafat, trong ba ngày”, người ta sẽ thấy sự di chuyển của ông trong ba ngày vừa qua. Dinh thự cuối cùng của ông ta được chỉ dẫn bằng ánh sáng mạnh hơn. Các chỉ dẫn đó sẽ giảm đi trong chừng mức mà những di chuyển đó đã xảy ra trong thời gian lâu rồi.

Nếu người ta muốn biết việc di chuyển của mười thành viên có vai vế của PLO, chỉ cần lập chương trình với tên của họ trên máy tính, thì ngay tức khắc các ô vuông trên pa nô sẽ sáng lên với màu ánh sáng khác nhau. Người ta cũng có thể thu được các ấn bản của những thông tin này. Bản đồ này cho phép có được các thông tin ngay tức khắc: Giả dụ, tám trong số mười thành viên của PLO đang nói tới, có mặt ở Paris trong cùng một ngày người ta có thể khấu trừ bớt các ô vuông trên bản đồ là vì họ cùng chuẩn bị một hoạt động và Israel phải chống lại cùng một kế hoạch của họ.

Máy tính trung ương của Mossad có bộ nhớ lưu giữ hơn một triệu rưỡi tên. Những ai là thành viên của PLO, hoặc của các tổ chức khủng bố khác, được sắp xếp theo PAHA, tùy thuộc từng vụ. Máy tính của PAHA có chương trình riêng, nhưng cũng có thể sử dụng bộ nhớ của máy trung ương, một máy Burroughs, trong khi đó Quân đội và các Cục Tình báo khác sử dụng các máy IBM.

Nếu cần, một chi tiết nào đó của bản đồ trên tường, có thể được phóng đại, và cung cấp bản đồ của cả một thành phố chẳng hạn. Khi một tin nào

liên quan đến PLO, đến tới máy tính của PAHA, một ánh sáng tức khắc loé lên ngay trên màn hình. Người trực ghi tin lại và yêu cầu có một bản in trên máy tính. Không một động thái nào PLO làm mà không có tên trên màn ảnh khổng lồ này.

Khi tới phiên một người nào trực gác, thì phản xạ đầu tiên của người đó là yêu cầu có một báo cáo đầy đủ trên máy tính về các sự việc và hành động của các thành viên tổ chức PLO trong hai mươi bốn giờ qua. Nếu một người quan sát thấy có hai chiếc xe tải chạy tới một trại của người Palestine, ở phía Bắc Lyban, thì người ấy, lập tức thông báo cho PAHA. Giai đoạn kế tiếp là phát hiện xem những chiếc xe đó chở gì. Sự liên lạc như vậy với những người quan sát, theo dõi đã diễn ra hàng ngày, đôi khi hàng giờ, tùy theo mức đe dọa đè lên Israel.

Kinh nghiệm cho thấy là những chi tiết tưởng không quan trọng lại có thể phát hiện ra những hoạt động trên quy mô lớn. Trước cuộc chiến tranh Ly ban, một điệp viên đã báo cho biết, có một tàu chở hàng thịt bò loại một, thứ thực phẩm hiếm thấy của những người Palestine, đã được chuyển giao cho một trại của PLO. Mossad biết là PLO đang chuẩn bị một cuộc tấn công, nhưng chưa biết chính xác ngày, giờ của cuộc tấn công đó. Chuyển tàu chở hàng đã làm trời dậy sự nghi ngờ của họ. Thế mà họ biết thịt bò được gửi tới để ăn mừng chiến thắng của cuộc tấn công. Với sự hỗ trợ của tin này, một đơn vị biệt kích hải quân đã tổ chức một cuộc tấn công phòng ngừa, và diệt mười một du kích PLO vào đúng lúc họ đang leo lên những chiếc ca nô cao su ở ngay đó.

Một chi tiết, về hình thức không có ý nghĩa gì, lại có thể có một tầm quan trọng lớn như vậy. Đó là vì sao lại cần các báo cần phải tỉ mỉ.

Vào đầu tháng thứ hai của chúng tôi, người ta giao cho chúng tôi vũ khí cá nhân, những khẩu Beretta 22 dài, loại vũ khí chính thức của các *katsa*, và lại những vũ khí đó cũng hiếm thấy họ mang bên mình, do lo ngại về an toàn, ở Anh chẳng hạn, việc đeo vũ khí bị cấm, do vậy, chừng nào không có

nguy hiểm, không phải mang vũ khí. Ngoài ra, một *katsa* giỏi không cần mang vũ khí. Trong trường hợp có phiền hà, tốt hơn là lui đi hay dùng cách thuyết phục.

Nếu người ta phải sử dụng súng của mình để chống lại kẻ thù, điều đó nói lên rằng không có sự thương hại, chính đối với anh hay với kẻ thù. Vì vậy, người ta dạy chúng tôi học bắn để giết người.

Các buổi học bắn như các vở kịch múa ba lê.

Người ta dạy cách thay đổi, cách biến động mục tiêu.

Thông thường, người ta giắt súng ngắn ở thắt lưng mình, trên hông. Hiếm khi các *katsa* đeo bộ dây súng qua vai. Người ta chỉ bảo cho các anh làm thế nào lấy súng trong áo vét của các anh ra nhanh với viên đạn chì để không bị ngượng nghịu, hành động gồm động tác quanh người, đồng thời người xạ thủ quỳ gối xuống để làm giảm mục tiêu của mình một cách tối đa nếu có thể được. Thời gian trôi đi, để lấy khẩu súng từ trong áo vét anh ra, sẽ làm anh trở thành một người chết.

Nhưng, trong trường hợp bắt buộc thì không được do dự nhả hết cơ số đạn của anh vào mục tiêu và một khi đối thủ của anh lăn ra đất, anh hãy lại gần hẳn và bắn vào đầu hẳn. Có vậy, anh mới được bình yên.

Những *katsa* thường sử dụng đạn đum đum (đạn nổ hai lần) để gây ra sự công phá lớn khi nó bắn vào người. Chỉ bị một vết thương không thôi, cũng có thể gây chết người. Những buổi học bắn của chúng tôi diễn ra ở căn cứ quân sự Petah Tiqva, nơi những người Israel huấn luyện một số đơn vị đặc biệt do các Chính phủ nước ngoài gửi tới. Chúng tôi luyện tập trên các mục tiêu cố định và trong các hành lang, khi chúng tôi tiến, thỉnh thoảng lại có những mục tiêu bằng các tông xuất hiện.

Một trong số những địa điểm như vậy được bố trí trong hành lang của khách sạn. Bài luyện tập gồm quay sang trái, rồi quay sang phải, một tay

xách một cái hòm nhỏ, tay kia cầm chìa khoá. Thình thoảng, chúng tôi sắp tới “các phòng của mình” mà không xảy ra việc gì rắc rối. Những lần khác, cánh cửa mở, lộ ra một đám người và mục tiêu vụt xuất hiện, cần phải nằm cả xuống và bắn.

Người ta cũng dạy chúng tôi bắn nhau trong cửa hàng ăn, hoặc vừa lăn xuống đất, vừa bắn trên mặt bàn, hoặc nằm xuống và lật ngược bàn lên để bắn cùng một động tác. Đối với tôi, chưa bao giờ tôi tự làm chủ được kỹ thuật này.

Rồi, những người khách hàng không may kia, các bạn sẽ nói gì với tôi đây? Người ta dạy chúng tôi là không bao giờ đặt câu hỏi này ra cả. Nếu có một loạt đạn nổ, một người đi qua sẽ trở thành nhân chứng và những người làm chứng thì luôn luôn thấy khó chịu. Chỉ có một mục tiêu duy nhất, đó chính là sự an toàn của chúng tôi. cần phải quên đi mọi tình cảm. Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ tất cả những ai thuộc Mossad, và chúng ta là những người của Mossad. Khi người ta hiểu ra điều đó, người ta không sợ sự ích kỷ xuất hiện. Ngược lại, chủ nghĩa ích kỷ trở thành phẩm chất mà sau này, người ta phải đau khổ để giữ bỏ nó.

— Lúc này là lúc các anh học cách sử dụng vũ khí của mình, các anh hãy quên những chuyện kia đi - Riff nói với chúng tôi như vậy - Sau buổi tập bắn. Các anh sẽ không cần đến những cái đó đâu.

Thế đấy! Những xạ thủ nhanh nhất của phương Tây đã bị lên án là không chịu hành động! Tuy vậy, mọi người đều tự nói: *“Nguyên nhân là muôn thủa, còn tôi, tôi biết rằng mình sẽ sử dụng vũ khí”*.

Chúng tôi đến một sân vận động, mà tại đó, các bài học trong nhiều giờ được tiếp nối bằng những công việc thực hành trong vùng Tel Aviv, nhằm để nâng cao kỹ thuật theo dõi và chống theo dõi của chúng tôi. Một trong số những bài học ngán ngấm nhất mà chúng tôi phải học, do một tướng của Quân đội Israel giảng, trong hơn sáu giờ đồng hồ với một giọng nói đơn

điều không ai muốn nghe, vị tướng này giảng cho chúng tôi thông qua việc chiếu các phim dương bản về ngục trang, về trang bị vũ khí. ông ta chỉ hoạt động mỗi khi thay các tấm phim, ông nói: “*Đây là một chiến xa của Ai Cập*”, còn “*Đây là tấm ảnh, chụp từ máy bay, bốn chiếc chiến xa của Ai Cập được ngục trang*”, tuyệt đối không có gì để nhìn thấy. Tấm ảnh một chiếc xe tăng được ngục trang tốt giữa sa mạc, trông dễ lẫn với ảnh của chính bãi sa mạc. Vị tướng cũng chỉ cho chúng tôi những chiếc xe Jeep của Syrie, của Mỹ, của Ai Cập, được ngục trang và không được ngục trang. Đó là bài học chán ngán nhất, mà ông ta bắt chúng tôi tham dự.

Bài học tiếp theo mang tính thời sự hơn. Pinhas Aderet; đã làm cho bài học sinh động hơn. Bài học liên quan đến hộ chiếu, căn cước, thẻ tín dụng, bằng lái xe... Vấn đề quan trọng nhất đối với Mossad là hộ chiếu. Các hộ chiếu được chia làm bốn loại: Loại lựa chọn thứ nhất, loại lựa chọn thứ hai, loại hoạt động và loại bình thường.

Loại hộ chiếu gọi là “bình thường” đã bị ăn cắp và được tìm thấy, và hộ chiếu này chỉ được sử dụng nếu có nguy cơ của việc kiểm tra thường lệ. Người ta thay ảnh, đôi khi thay tên, nhưng nguyên tắc còn lại là ít có thể sửa đổi. Và một tấm hộ chiếu như thế không thể chống lại được với việc kiểm tra tỉ mỉ. Loại hộ chiếu này được các sỹ quan Neviot sử dụng (Neviot là những người chịu trách nhiệm đi ăn trộm, đi đặt máy micro...). Người ta cũng dùng loại hộ chiếu này trong những công việc thực hành ở Israel.

Mỗi một hộ chiếu đều kèm theo một hồ sơ, một bản đồ phô tô về thành phố, mà ở đó có ghi địa chỉ của người mang hộ chiếu, cùng với một tấm ảnh ngôi nhà hay một căn hộ, và một bản mô tả những khu vực xung quanh. Vì thế nếu hộ chiếu lỡ bị rơi vào tay một ai đó biết khu phố này, thì không có nguy cơ bị mất.

Khi một ai đó sử dụng hộ chiếu loại “bình thường”, trong hồ sơ chỉ rõ, người này trước kia đã phục vụ ở đâu. Nếu một ai đó đem hộ chiếu trình cho Hilton, trước ít thời gian, chẳng hạn tốt hơn là không tự dẫn thân tới đó.

Người ta cũng sẽ cung cấp cho các anh một quá trình trước đó để chứng minh cho những thời kỳ gặp trở ngại và những thị thực trong hộ chiếu giả của các anh.

Một hộ chiếu loại “hoạt động” được sử dụng ở một nước ngoài, nhân dịp có một nhiệm vụ ngắn. Nhưng không bao giờ dùng để vượt biên giới. Các *katsa*, hầu như không bao giờ trình những giấy tờ, căn cước giả cho lính biên phòng, trừ phi họ cùng đi với một tốp tân binh, một vấn đề họ cố gắng tránh. Hộ chiếu giả mang đi bằng va li ngoại giao, trong một phong bì được đóng dấu niêm phong để không bị phát hiện, chừng nào điều đó không lộ ra. Người mang va li ngoại giao được hưởng quy chế miễn trừ ngoại giao (không bị khám xét). Các hộ chiếu giả có thể được chuyển cho các *katsa* thông qua người đưa thư (người liên lạc), hay bodel.

Loại hộ chiếu “lựa chọn thứ hai”, trên thực tế là một hộ chiếu “thật” được làm giả. Hộ chiếu được làm với đầy đủ tên vỏ bọc của *katsa*, là một người giả định nào đó.

Loại hộ chiếu “lựa chọn thứ nhất”, cũng là một loại hộ chiếu “thật” thuộc về người cầm giữ chính thức, có khả năng bao che cho *katsa*. Những giấy tờ như thế, chống lại được mọi sự kiểm tra, thậm chí, kiểm tra của chính những nhà chức trách của nước có những giấy tờ giả đó.

Mỗi nước đều có những loại giấy đặc biệt để làm các hộ chiếu. Thí dụ, Chính phủ Canada không bao giờ bán giấy mà người ta dùng làm hộ chiếu cho những kiều dân (những người ưa thích của Mossad). Một khía cạnh khác, người ta không có thể làm ra hộ chiếu giả, mà không có giấy thích hợp. Đó giải thích vì sao, Mossad có một nhà in, một viện thí nghiệm bên dưới lòng đất của Viện Hàn lâm. Từ nơi đây, người ta sản xuất ra các loại giấy có chất lượng khác nhau. Các nhà hoá học, phân tích giấy của các loại hộ chiếu thật, để tìm ra công thức chính xác cho phép chế ra các loại giấy có chất lượng chấp nhận được.

Phòng kho, được trang bị máy điều hoà độ ẩm, được giữ ở một nhiệt độ thích hợp. Trên các kệ, có các loại giấy cho phép người ta làm ra hộ chiếu của hầu hết các nước trên thế giới. Nhà in cũng được dùng để in ra tiền Dina của Jordanie. Tiền Dina của Jordanie sau đó được đổi để chống lại đồng đô la thật, đang tràn ngập Jordanie, làm tăng thêm khó khăn lạm phát của họ.

Với tư cách thực tập sinh, người ta cho chúng tôi thăm nhà máy in. Tôi đã nhìn thấy hàng đồng giấy hộ chiếu của Canada còn mới tinh, hơn một nghìn cái chắc chắn là bị ăn cắp, với sự hiểu biết của tôi, chưa có một tờ báo nào nêu vấn đề ấy trước công luận.

Nhiều người di cư khi về Israel, được yêu cầu biểu không các hộ chiếu của họ cho sự nghiệp của nước Do Thái. Thí dụ, một người Achentine gốc Do Thái, khi về Israel, bỏ hộ chiếu của mình, thì chiếc hộ chiếu này được chuyển vào trong thư viện, tại nơi chứa toàn hộ chiếu, ở bộ phận này, người ta phân loại, xếp theo nước, theo thành phố và thậm chí theo từng quận. Những tên có phụ âm Do Thái, được mã hoá và lưu vào bộ nhớ của máy tính điện tử.

Mossad cũng bảo quản trong cuốn sổ Sưu tập, đầy ấn tượng, các loại tem chính thức và các chữ ký, mà phần lớn họ thu thập được là nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát. Cảnh sát là cơ quan thu giữ hộ chiếu, có những chiếc ảnh có đóng dấu, có visa, có tem dán khi cấp visa và chữ ký trước khi trao nó cho chủ sở hữu.

Trong việc làm hộ chiếu giả, mỗi một dấu vết nhỏ nào cũng phải là đối tượng của một việc điều tra có phương pháp. Thí dụ, nếu hộ chiếu của tôi mang dấu của sân bay A Ten với ngày tháng xác định, cơ quan Mossad phải nghiên cứu xem trong chỗ ghi, thì ai là sỹ quan cảnh sát thực hiện việc kiểm tra các hộ chiếu ngày hôm đó, chữ ký, và con dấu của anh ta, để nếu có ai đó kiểm tra hộ chiếu của tôi ở A Ten, người đó sẽ thấy đó là chứng cứ. Những người làm hộ chiếu giả rất tin tưởng vào công việc của mình và kiêu

hãnh vì chưa bao giờ để hoạt động bị thất bại do các chi tiết của hộ chiếu bị phát hiện vì sai.

Với tấm hộ chiếu giả của mình, tôi thu thập được một báo cáo, sau khi học thuộc nó, tôi vứt bỏ đi, tôi thông tin về thời tiết ở A Ten ngày hôm đó, tình hình khách sạn tôi ở, những đồ dùng trong ngày tôi lưu lại, tôi tóm tắt nội dung trang nhất của các báo, và các chủ đề chính nói chuyện với những người ở A Ten...

Với mỗi một nhiệm vụ, các *katsa* nhận được một bản ghi nhớ nhỏ về những thay đổi vị trí trước đó. Ví dụ: “Nhớ rằng, ngày này anh đã ở khách sạn này, và anh tên là M. Machin. Đây là danh sách những người mà anh đã gặp...”. Còn một lý do nữa, ghi lại trong báo cáo từng chi tiết, thậm chí chi tiết đó chả có nghĩa gì cả.

Nếu tôi cần tuyển mộ một người nào đó, thì máy tính sẽ tìm kiếm tất cả những người tôi đã gặp. Ngay cả công việc tuyển mộ trong tương lai của tôi. Từ việc làm như vậy, nếu tôi tới dạ hội với người này, tôi không có nguy cơ nhầm với một ai đó, mà có lẽ tôi đã gặp với một căn cước khác.

Trong sáu tuần tiếp theo, do mỗi ngày học một hoặc hai giờ, có một giáo viên, Arnon, dạy chúng tôi về cuộc sống hàng ngày trong một nước Hồi giáo: Những sự khác biệt thường gặp của Hồi giáo, phong tục tập quán, lịch sử của họ, những ngày lễ tôn giáo của họ, cái gì mà họ tự được phép ngoài tất cả điều kiêng kỵ ra. Đó là một bài học rất có tính giáo huấn, bài học đó đã phác họa cho chúng tôi một bức tranh về kẻ thù, cho phép chúng tôi hiểu được phản ứng của kẻ thù, và cho chúng tôi điều khiển được một số động lực của họ. Bài học kết thúc bằng một bài trả lời viết cho các câu hỏi: Chỉ trong một ngày, soạn viết một tin về cuộc xung đột của Trung Đông.

Chủ đề nghiên cứu tiếp theo là về các bodlim (số nhiều của bodel). Những bodlim dùng làm người liên lạc giữa những người giấu mặt với Đại sứ quán, hoặc thậm chí giữa những người giấu mặt với nhau, hay còn dùng

để chuyển giao các va li ngoại giao. Một bodel phải làm chủ các phương pháp APAM để bảo đảm rằng anh ta không là đối tượng bị theo dõi. Vai trò của anh ta thường là chuyển giao các hộ chiếu và tài liệu cho các *katsa*, và đi tới Đại sứ quán. Trên thực tế, các *katsa* đôi khi bị cầm lưu lại Đại sứ quán Israel. Điều này phụ thuộc vào nhiệm vụ của họ.

Những bodlim thường là những người trẻ dưới 30 tuổi. Họ làm công việc này trong một hay hai năm để có tiền trả học học phí. Tất cả họ đều phục vụ trong các đơn vị chiến đấu. Những đơn vị đó làm cho họ có thể tương đối tin tưởng. Họ rèn luyện kỹ thuật APAM kết hợp với công việc học tập của mình, mặc dù ít vẻ vang, công việc mà họ hiến dâng cho sinh viên cũng có không ít ích lợi. Phần lớn các ăng ten dùng hai hoặc ba bodlim, mà một trong những nhiệm vụ của họ là giữ gìn những nơi ở bí mật. Không ít trường hợp một bodel, phải ở tới sáu nơi bí mật cùng một lúc. Việc làm đó để tránh gây ra sự chú ý của các hộ xung quanh đối với một nơi bỏ trống, hoặc có nhiều thư báo để chồng chất ngoài cửa. Những bodlim chịu trách nhiệm mua đầy các tủ lạnh và giải quyết các hoá đơn... Một khi có những *katsa* cần đến ở, thì các bodlim thu xếp sang ở chỗ khác, chờ đợi nhiệm vụ của họ kết thúc. Họ không được phép mời bạn bè đến chơi trong các nơi ở bí mật, nhưng các hợp đồng ký bảo đảm cho họ từ 1.000 đến 1.500 đô la, tùy theo số lượng nơi ở do họ bảo dưỡng, trông nom. Mọi việc như ăn, ở, học tập của họ do Mossad chi trả, tóm lại như thế cũng không phải là một công việc tồi.

Một chủ đề nghiên cứu khác: Những mishlasim, theo tiếng lóng, là nghề Tình báo, là những nơi cất giấu, là các hộp thư. Đối với Mossad, những việc này có nghĩa duy nhất: Để chuyển các bức điện của chúng tôi về “Văn phòng”. Không bao giờ một điệp viên được sử dụng những thứ này để liên lạc với một điệp viên khác, ngoại trừ để báo cho họ những tình huống nguy hiểm.

Một nhóm điệp viên của Mossad, chịu trách nhiệm về những việc cất giấu, đã giảng cho chúng tôi cách hoạt động của hệ thống đó. Tôi giao cho các anh bốn chìa khoá của một nơi giấu tốt: 1. Lối vào dễ dàng; 2. Đưa vào không biết được; 3. Dễ dàng tìm được bức điện; 4. Bí mật đối với việc mang đi.

Tôi chế tạo ra một cái hòm cất giấu với một hộp xà phòng bằng nhựa. Tôi sơn lên nó một lớp kim loại màu xám với một vệt màu đỏ để báo hiệu sự nguy hiểm. Tôi cưa bốn đỉnh vít với những ốc vặn vào nó, sau đó, tôi sơn màu ghi, gắn chúng lên hộp và lắp một miếng nam châm vào đế. Tôi gắn hộp lên ổ quy bằng miếng nam châm đã có, bên dưới nắp ca pô của xe ô tô. Người ta không lưu ý tới nó, và thậm chí cả trong trường hợp, không ai động chạm tới các mạch điện. Người đưa thư (giao liên) có thể cầm lấy chiếc hộp, cũng giấu dưới nắp ca pô của xe mình rồi đi.

Người ta cũng dạy chúng tôi dành những chỗ giấu trong chỗ ở của mình, ở những nơi dễ vào, nhưng không thể phán đoán ra. Như thế còn tốt hơn một chiếc hòm chắc chắn. Nếu các anh phải tháo gỡ nhanh một vật nào đó, tốt hơn là dự định trước một chỗ giấu, được chế tạo với những vật liệu thông dụng thích hợp hơn.

Thí dụ, người ta chế tạo một cái cửa rỗng giữa, với hai tấm ván gỗ dán. Khi đó chỉ cần chọc thủng một cái lỗ ở mép phía trên cửa và treo ở đó những vật cần giấu. Người ta cũng có thể dùng những thanh treo đỡ vòm cuốn, trong các tủ treo áo. Chỗ để giấu không thiếu, thậm chí, người ta có thể lục tung quần áo của các anh, nhưng người ta thường quên mất xem xét những chiếc giá treo trong tủ.

Một cách thực tiễn để đưa tài liệu qua biên giới là, sử dụng một cái vòng cũ của người làm trò ảo thuật. Hãy dùng hai tờ báo, các anh để giữa hai tờ đó vật cần giấu với hai trang được gấp và dán lại rồi các anh cầm nó qua hải quan mà không sợ gì cả và thậm chí các anh giao tờ báo đó cho

những nhân viên hải quan khi các anh tìm, lục giấy tờ của mình. Chúng tôi đọc rất nhiều sách có hình ảnh.

Đối với những công việc thực hành tiếp sau, những “quán cà phê” , chúng tôi làm việc theo nhóm ba người một: Yosy, Arik F, một con người khổng lồ, cao hai mét, và tôi, cùng với một thầy giáo huấn luyện, Shai Kauly. Chúng tôi đi đến phố Hayarkon, trong khu có nhiều khách sạn. Lần lượt, hai trong số chúng tôi đi vào quán cà phê, trong lúc đó, người thứ ba đi vào trong phòng đợi của một khách sạn, trong tay có những giấy tờ giả và một chiếc bìa. Trong phòng đợi, Kauly chỉ định một người bắt chột, mà người đó cần phải tiếp xúc. Để làm cho nhiệm vụ thêm phức tạp, có một nhân viên của Mossad, chốc chốc lại lộ mặt ra. Mục đích là thu thập được tối đa những thông tin về “cuộc tiếp xúc” và có được cuộc hẹn gặp tiếp theo.

Về phần tôi, tôi có nhiệm vụ đi đến xin lửa của một người trông như là phóng viên của tờ báo *Á-Phi*. Tôi đã lợi dụng việc xin lửa để nói chuyện và tôi nghĩ rằng tôi đã vượt qua nhiệm vụ với lợi thế. Tuy nhiên, cái gã được xác định kia lại là một điệp viên, một *katsa* có vỏ bọc là một hội nghị của PLO Tuni, để làm cho tờ báo này. Anh ta phải cung cấp cho tờ báo nhiều tin, bài.

Sau mỗi bài tập, chúng tôi đều phải viết báo cáo chi tiết về những cuộc tiếp xúc được bố trí dựng lên, về các chủ đề đã được thảo luận, về những cam kết đã có... Hôm sau, theo nghi lễ được sắp đặt tốt, chúng tôi phân tích và phê bình những báo cáo của các học sinh khác. Đôi khi, chúng tôi bị bất ngờ lớn là chúng tôi đã đối mặt nhau với một “cuộc tiếp xúc” ngày hôm trước.

Cũng giống như các bài tập khác, chúng tôi phải làm lại những việc này không biết mệt mỏi. Thời gian biểu của chúng tôi đầy ắp, đã trở thành đien rồ. Ngoài những công việc luyện tập đơn thuần, chúng tôi còn thực hành những phương pháp trong cuộc sống hàng ngày. Chúng tôi không tiếp xúc

với người nào mà không tìm cách biến họ trở thành một người được tuyển mộ có tiềm năng, bằng cách đưa mồi của chúng tôi ra nhử. Về nguyên tắc, khi người ta tuyển mộ, thì tốt hơn là tỏ ra mình giàu có, song luôn giữ vẻ mơ hồ đôi với nghề nghiệp. Nhưng không nên quá mơ hồ, nếu không, dễ bị coi là kẻ lừa đảo.

Tóm lại, chúng tôi đều ở trường bất lương vĩ đại nhất...Người ta đã biến chúng tôi thành những kẻ ăn cắp để phục vụ cho Tổ Quốc. Sau bài tập, mà tôi đóng vai “một nhà thầu khoán” giàu có, tôi đã trải qua mọi khổ đau của thế giới để trở lại với trái đất. Tôi chấm dứt sự giàu có để trở thành một người công chức nhỏ bé làm việc với bản báo cáo của mình.

Những hiệu “cà phê” có thể giấu giếm được các vấn đề không ai ngờ tới. Chẳng hạn, một số học viên có xu hướng phóng đại lên trong báo cáo của họ.

Đây là trường hợp của Yoade Avnets, một tay huyênh hoang và không phải là ma lạnh lắm. Sau mỗi buổi ở “quán cà phê”, thì bấy nhiêu lần hẳn ta không phát hiện ra một *katsa* trá hình, Yoade đã kể những câu chuyện kỳ lạ. Cho tới ngày mà, vào lúc nghỉ, Shai kauly xuất hiện bất ngờ:

— Yoade Avnets! - Ông ta nói toáng lên.

— Vâng, sao?

— Hãy thu dọn toàn bộ đồ dùng và trang bị của người lính theo quy chế rồi đi ngay!

— Nhưng - Avnets nói ấp úng, trong tay vẫn cầm chiếc bánh mì kẹp thịt - nhưng... tại sao ạ?

— Anh có nhớ tới “quán cà phê của anh, hôm qua không? Thế đấy, chính con sâu làm rầu nồi canh! (Nguyên văn tiếng Pháp: Chính một giọt nước đã làm tràn một bình rồi!).

Tiếp đó, chúng tôi hiểu rằng, Yoade giới thiệu chủ đề để tuyển mộ trước, ông ta xin phép được ngồi. Nhưng khi đã ngồi, ông ta không mở miệng.

Bản báo cáo của ông ta, sau đó đã khơi lên cuộc thảo luận sôi nổi. Người ta nói im lặng là vàng, nhưng không phải với Yoade, mà nghề nghiệp của sự im lặng là những lời nói chặn ồn ào.

Hàng ngày, nửa giờ đầu của buổi học dành cho điểm báo. Bài tập gọi là Da, hay là “những kiến thức tổng quát”. Một học viên phân tích những tin tức của báo chí. Đây còn là một gánh nặng nhỏ, nhưng các giáo viên duy trì nó để cho chúng tôi hiểu tình hình thời sự. Nhằm luôn luôn thay đổi căn cước và đóng hài kịch, người ta đã cắt một cách nhanh chóng thế giới thực, sai lạc đi mà điều đó có thể gọi lên định mệnh. Với những đường nét xiêu vẹo đó, chúng tôi cũng phát huy cách nói lưu loát và vì hàng ngày, chúng tôi bắt buộc phải đọc báo chí, nên chúng tôi có thể đề cập tới bất kỳ một chủ đề nào. Chúng tôi cũng có thể đưa ra chính kiến của mình, tại sao lại không nói ngược lại với các kết luận chung đã được chấp nhận.

Một chút trước đó, chúng tôi học làm cái mà người ta gọi là những nhiệm vụ “mệnh lệnh xanh”, ám chỉ một số hoạt động liên lạc. Chúng tôi giả định là, người ta biết những nhà máy hay các trang thiết bị của một nước (được lấy làm ví dụ), đang bị đe dọa bởi một hoạt động khủng bố. Phân tích và đánh giá sự đe dọa đã làm cho cuộc thảo luận sôi nổi. Tóm lại, nếu có một âm mưu phá hoại liên quan tới những trang thiết bị trong khu vực mà không có liên can gì đến Israel, các anh, bằng một cú điện thoại nặc danh, sẽ báo cho cơ quan có thẩm quyền, nhưng không tiết lộ nguồn của các anh, hoặc giả các anh có thể báo thông qua những nhân viên liên lạc. Ngược lại, nếu các anh có chứng cứ thực, mà người ta không hỏi nguồn tin, thì các anh có thể thông báo trực tiếp cho cơ quan nêu trên, và trong trường hợp này, nói như thế, người ta hỏi anh là ai để người ta hỏi lại điều đó một lần nữa.

Nếu mục tiêu là thuộc Israel, các anh hãy dùng mọi phương tiện để tránh được những thiệt hại, khi cần, thậm chí phải hi sinh nguồn của mình. Nếu phải thiêu cháy một điệp viên nào đó của nước “mục tiêu”(người do Mossad tuyển, bất kể là nước Ả Rập nào) để ngăn chặn một âm mưu phá hoại đối với một nước là “chỗ dựa”, thì các anh không bao giờ được do dự. Đó là hi sinh mà người ta luôn luôn đòi hỏi ở chúng ta.

Nếu phải để một nguồn của các anh rơi vào hiểm nguy nhằm thông báo về mục tiêu của một âm mưu phá hoại, mà âm mưu đó không mấy may gây tác hại gì cho Israel, thì hãy dừng hành động gì cả. Điều đó không liên quan gì tới Mossad. Điều tốt hơn mà các anh có thể làm là tung ra một thông báo kín đáo, thận trọng, thông báo này có thể bị chìm trong nhiều thông báo khác và ít có cơ may sẽ được tiếp nhận. (Xem chương IX, phần 3).

Những lời chỉ bảo này ăn sâu vào trong tâm trí chúng tôi và dạy chúng tôi biết phải hành động vì lợi ích của chúng tôi mà không cần tính đến những lợi ích của người khác. Vì rằng, trong tình hình ngược lại, cũng chẳng có ai lo lắng cho chúng tôi. Đây chính là điều người ta đang mong đợi ở các nhân vật cánh hữu ở Israel và hơn nữa, chúng tôi sẽ hưởng tới phái hữu. Đó là một điều xấu xa. ở Israel, chỉ cần giữ được chính kiến về chính trị để tự động tìm lại với cánh tả, bởi vì cả nước đang trượt theo phái hữu. *“Dưới chế độ quốc xã, khắp nơi - Người ta nói - những người không giết chết chúng ta, lại đang tiếp tay cho bọn đao phủ, còn những người khác thì lại thờ ơ”*. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ tham dự vào một cuộc tuần hành chống lại những hành động phạm tội như ở Campuchia chẳng hạn. Thế thì, chúng ta chờ đợi gì ở người khác quan tâm đến số phận của chúng ta? Bởi vì những người Do Thái đã chịu đau khổ, phải chăng họ có quyền trút đau khổ, đói nghèo lên đầu kẻ khác?

Một phần việc giảng dạy của Tsomet dành cống hiến cho công việc chỉ dẫn cho một điệp viên được gửi tới nước mục tiêu. Người điệp viên bình thường, được dùng như một người “làm tín hiệu”. Người làm tín hiệu đó có

thể là một người nữ y tá trong một bệnh viện, và vai trò của nó là dự phòng cho Mossad mọi hoạt động bất bình thường với công việc phục vụ của mình: Chuẩn bị giường bệnh, khăn trải giường mới, dự trữ thuốc men, hay tất cả những thứ chuẩn bị giống như chuẩn bị cho một cuộc tấn công quân sự. Những điệp viên “làm tín hiệu”, trong mỗi cảng, thông báo các chuyến tàu đến, trong các doanh trại của lính bom, và những thứ khác thì được ghi chép lại như công việc chuẩn bị tại chỗ. Những thư viện, trong trường hợp ở đó sẽ có lệnh gọi nhập ngũ, thì với cái cớ là công việc của họ không phải là sự sống còn cho đất nước sẽ không phải nhập ngũ.

Cần rất chính xác khi đưa ra các chỉ thị cho một điệp viên “làm tín hiệu”. Nếu, Tổng thống Syrie đe dọa tấn công chúng ta như ông ta thường đe dọa trong quá khứ, mà ông ta lại không thực hiện, thì đó là điều hoàn toàn tốt. Nhưng nếu trong cùng thời gian đó, ông ta chuẩn bị một vỏ bọc hợp lý, thì vấn đề trở nên cấp bách, cần phải biết rõ.

David Diamond, người phụ trách *katsa*, sau này phụ trách *neviot*, đã giảng cho chúng tôi những bài lý thuyết về cách thức phải nói về các đồ vật và cách theo dõi một ngôi nhà. Giả sử, mục tiêu của chúng tôi ở trên tầng sáu của một ngôi nhà và ông ta có một tài liệu mà các anh muốn tham khảo. Làm như thế nào đây?

Ông ta cũng dạy chúng tôi cách lắp đặt các micro, dạy cách ghi chép vào danh mục những lối đi, lối lại, việc canh sát thường lui tới đi tuần tra, dạy cách phát hiện những địa điểm “nóng” - ví dụ tránh đậu xe trước cửa các ngân hàng - chuẩn bị một kế hoạch rút lui ra sao... Chúng tôi cũng có nhiều buổi học về truyền tin. Các thông tin liên lạc do Mossad gửi tới được thực hiện thông qua vô tuyến, thư từ, điện, thoại, các hộp thư, hay qua một quá trình đơn giản là một cuộc gặp. Mỗi một điệp viên có một máy vô tuyến, một lịch làm việc đặc biệt để thu các bức điện đã được mã hoá, và bức điện chỉ được thay đổi một lần trong một tuần, khi biết chắc là bức điện

gửi cho người điệp viên và đã nhận được. Các điệp viên này làm việc với các vô tuyến có ăng ten cố định, đặt tại nhà ở hoặc tại nơi làm việc.

Người ta cũng sử dụng cả những chiếc “phao”, những micro phim được giấu trong một chiếc phong bì. Người điệp viên cần phải xé chiếc phong bì ra, ngâm nó trong một cốc nước, rồi sau đó dán lên thành cốc để đọc bức điện với một kính lúp.

Các điệp viên, bản thân họ có thể tiếp xúc với các *katsa* của mình bằng điện thoại, bằng télex, thư từ, viết với loại mực không nhìn thấy (bí mật) hoặc không bí mật, bằng những cuộc tiếp xúc đơn giản hoặc bằng vô tuyến điện, trên các tần số đặc biệt, khó phát hiện. Mỗi khi, một điệp viên sử dụng phương pháp này, người đó phải thay đổi thường xuyên theo một trình tự đã được xác lập từ trước.

Nguyên tắc là làm sao cho thông tin liên lạc cũng trực tiếp nếu có thể được. Một điệp viên, càng ở trong một nước mục tiêu, càng nắm giữ những thông tin, thì những trang thiết bị cần thiết cho họ, càng cần phải tinh vi hơn. Song việc nắm giữ máy móc như thế, đặc biệt nguy hiểm, nó làm tăng thêm nỗi lo lắng của các điệp viên.

Nhằm tăng tính năng động của chủ nghĩa si-ô-nít, chúng tôi đã trải qua một ngày trọn vẹn ở Bảo tàng Diaspora, trên khu học xá của Trường Đại học Tổng hợp Tel Aviv. Đó là một bảo tàng có trưng bày nhiều nhà thờ Do Thái được phục chế của tất cả các nước, và nơi đây lịch sử dân tộc Do Thái được kể lại.

Một số Ganit, chịu trách nhiệm về phân ban Jordanie, đã giảng cho chúng tôi một bài cực kỳ quan trọng về vua Hussein của Jordanie và vấn đề Palestine. Bài học này được nối tiếp bằng một bài khác về các hoạt động của Quân đội Ai Cập. Hai ngày ở Shaback, chúng tôi học các phương pháp và các hoạt động của PAHA ở Israel. Và chương trình học của chúng tôi kết

thức với bài học của Lipean, một sử gia của Mossad. Khi đó là tháng sáu năm 1984.

Công việc luyện tập của chúng tôi, trước hết được nhằm vào việc chấp nối các mối liên lạc với những người không có hoạt động tấn công. Đối với chúng tôi, họ giống như những tân binh được tuyển mộ. *“Chỉ cần tôi gặp được họ và tôi giữ được cuộc hẹn, điều đó luôn luôn dùng đến - Người ta nói như vậy”*. Người ta giành được một tình cảm quyền lực lạ lùng. Mỗi một chuyện qua đi, lại trở thành một trò chơi. Tất cả chỉ là nói láo. Chỉ con rối tính rằng người ta có thể điều khiển nó. Vâng, chính nó không phải là tôi, nhưng động lực nào đã khuấy động nó? Làm thế nào để bắt nó phải làm việc cho tôi? Ôi, cả cho đất nước tôi nữa ư?

Tôi luôn luôn biết về những gì đang che giấu toà nhà của Viện Hàn lâm. Ở Israel, mọi người đều biết việc đó. Tới mức, Thủ tướng đã sử dụng toà nhà như dinh thự nghỉ hè để tiếp đón những nhân vật đáng chú ý. Chính Thủ tướng Goda Meir đã sử dụng ngôi nhà này. Nhưng, chúng tôi biết rằng toà nhà đó không phải chỉ dùng như vậy. Đây là những điều người ta sẽ hiểu ra khi người ta lớn lên ở Israel.

Israel là quốc gia của những người hiếu chiến, các anh càng giáp mặt với kẻ thù bao nhiêu, thì các anh càng được kính trọng bấy nhiêu. Đó là điều làm cho Mossad trở thành biểu tượng thực sự của đất nước. Lúc này đây, tôi là một thành viên của Mossad. Tình cảm quyền lực, cái điều khó tìm cách diễn tả được và có giá trị hơn là nỗi đau khô kéo dài của những bằng chứng chua chát. Hiếm có ai ở Israel, lại là người không muốn đổi vị trí của họ lấy vị trí của tôi.

Chương IV: **NHỮNG HỌC SINH NĂM THỨ HAI**

Họ nhồi nhét cho chúng tôi để tiếp thu sự uyển chuyển và khả năng sẵn có. Họ lợi dụng phẩm chất tự nhiên và tài năng của chúng tôi, tích trữ tối đa kiến thức để một ngày nào đó chúng tôi sẽ dùng đến.

Michel M. và Heim M. thuộc nhóm nhỏ của chúng tôi. Cả hai người vào Viện Hàn lâm do sự nâng đỡ. Họ hiểu biết phần lớn những thầy giáo giảng bài, nhưng không có chức phận ở trường, và họ nói rằng họ có khả năng tuyển mộ được các tướng lĩnh, sỹ quan cao cấp một khi cần. Jerrys và tôi là hai người giỏi tiếng Anh nhất, nhưng khả năng chính của tôi là khả năng dự đoán trước. Tôi nhận đoán những trở ngại trước tất cả mọi người.

Heim và Michel tỏ ra có nhiều kinh nghiệm và tôi rất ngưỡng mộ họ. Trên đường quay về, họ đã đùm bọc, che chở cho tôi. Chúng tôi cùng ở trong một ngôi nhà, cùng đi và về trên một quãng đường tới Viện Hàn lâm. Thường là chúng tôi đi khăn trương tới Kapulsky, nơi người ta bán bánh sô cô la hảo hạng. Chúng tôi vừa thưởng thức sô cô la, vừa trao đổi sôi nổi.

Chúng tôi tạo thành một nhóm đoàn kết, có những lợi ích chung, có những suy nghĩ giống nhau. Chúng tôi cùng nhau hoàn thành những bài luyện tập thực hành, chừng nào có thể được, bởi vì chúng tôi dựa dẫm vào nhau hoặc chí ít, chúng tôi cũng cùng suy nghĩ về các bài tập. Người ta chưa bao giờ cố chia rẽ chúng tôi cả.

Oren Riff, giáo viên chính của chúng tôi, một người kỳ cựu của Teven, nhấn mạnh rất nhiều về tầm quan trọng của Mối quan hệ (Liaison). Từ 60 đến 65% tin tức được cung cấp bởi các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình; 25% do vệ tinh, télex, thông tin liên lạc vô tuyến điện, và từ 5 đến 10% là do Mối quan hệ. Các humint -

các nhân viên của Meluckah, Tsomet xưa kia- đối với họ, chỉ cung cấp từ 2 đến 4% tất cả những thông tin, nhưng nó đúng là chủ yếu nhất.

Theo chương trình của buổi họp thứ hai, Zave Alan sẽ có một trình bày trong hai giờ. Alan, một ngôi sao màn bạc của Tsomet, là một nhân viên quan hệ giữa Mossad và CIA. Anh ta trình bày với chúng tôi về Hoa Kỳ và châu Mỹ La tinh. Anh ta giải thích với chúng tôi là: lúc đó anh làm việc với một nhân viên của một tổ chức khác. Anh ta coi các bạn như một người trung gian (môi giới) và các bạn cũng coi anh ta là một người trung gian đối với một nguồn. Các bạn trao đổi với người trung gian kia những thông tin mà những nhân vật cao cấp của các bạn đã sàng lọc, và anh ta cũng làm như vậy với các bạn. Các bạn chỉ là một mắt xích, nhưng là mắt xích bằng người, có da, có thịt, điều này bao hàm cả việc đưa những tình cảm của con người xen vào công việc.

Vì thế, người ta thường kỳ phải thuyết trình các nhân viên làm việc quan hệ. Nếu như thông thường diễn ra giữa các bạn với nhau và giữa các mối quan hệ của các bạn, các bạn có thể tạo ra những mối quan hệ cá nhân. Nếu mối quan hệ này được thắt chặt, người nhân viên của bên kia có thể bắt đầu biểu lộ thiện cảm với sự quan tâm của bạn. Người ấy sẽ nhạy cảm hơn đối với các hiểm họa đang đe dọa đất nước các bạn. Trong công tác tình báo, phải gây dựng được những mối quan hệ bạn bè, nhưng không bao giờ được phép mù quáng bởi chính người đứng trước mình chỉ là một điệp viên của một tổ chức to lớn. Họ biết, biết rất nhiều nhưng họ không được quyền nói cho các bạn.

Nếu anh là bạn của anh ta, đôi khi anh ta cung cấp một cách bột phát một thông tin mà anh cần, tuy nhiên với điều kiện không có rủi ro cho anh ta và anh không nói với bất kỳ ai về nguồn của tin tức. Đó là sự lựa chọn đầu tiên của thông tin mà anh phải sắp xếp nó “Jumbo” (theo tiếng Anh- Người thành công một cách đặc biệt hay vật to lớn khó coi) trong bản báo cáo của các anh. Những con mắt long lanh hiểm độc đằng sau những chiếc

kính đối với John Lennon, Alan khoe khoang đã thu được nhiều thông tin “Jumbo” hơn cả Mossad thu thập được.

Alan có nhiều bạn làm việc trong CIA.

— Nhưng thậm chí, nếu tôi là bạn của họ - Riff nói rõ với chúng tôi - thì không vì thế mà họ lại là bạn của tôi.

Sau đó Riff từ biệt chúng tôi.

Bài trình bày của Alan được nối tiếp với bài học về sự hợp tác kỹ thuật giữa các cơ quan của những nước khác nhau. Vì thế mà chúng tôi biết, để bẻ tất cả các khoá (mở khoá), Mossad đã vượt qua tất cả. Thí dụ, tại Anh, nhiều nhà thầu làm khoá đã đệ trình những phát minh của mình với các cơ quan mật vụ nhằm để các cơ quan này có những biện pháp thử nghiệm độ an toàn. Các tổ chức mật vụ của Anh lại gửi những thứ đó tới Mossad để phân tích. Chúng tôi nghiên cứu các chiếc khoá, tìm xem họ chế tạo nó như thế nào và chúng tôi lại gửi những chiếc khoá trở lại kèm theo một bản xác nhận rằng những chiếc khoá đó là “bất khả xâm phạm”.

Ngày hôm đó, sau bữa ăn trưa, Dov L. dẫn chúng tôi tới một bãi đậu xe có bảy chiếc xe Ford hộ tống, đỗ ở đó (ở Israel, đại bộ phận xe của Mossad, của Shaback và của cảnh sát đều sơn màu trắng. Tuy nhiên, người cầm đầu Mossad lại đi chiếc xe Lincoln lie-de-vin). Người ta dạy chúng tôi làm thế nào nhận ra khi có một chiếc xe theo dõi chúng ta. Họ còn dạy, không bao giờ tin vào trực giác cả, những câu chuyện đủ loại được dựng lên, chỉ có trong tiểu thuyết thôi. Vấn đề là, kỹ thuật mà người ta thu lượm được sau nhiều giờ thực hành.

Ngày hôm sau, Ran S. giảng cho chúng tôi về một mạng lưới duy nhất trên thế giới và mạng lưới đó tạo nên sức mạnh của Mossad. Mạng lưới đó nằm trong *sayanim*, hay là những người trợ thủ, những người Do Thái định cư ở bên ngoài Israel. Chúng tôi có những mối liên hệ với họ, thông qua

những người trong gia đình của họ ở Israel. Người ta có thể đề nghị một người Israel có cháu sống ở Anh, viết một bức thư cho người cháu, xác nhận người cầm thư này là người của một tổ chức có nhiệm vụ bảo vệ những người Do Thái tản cư, và yêu cầu người cháu có sự giúp đỡ cần thiết để người này hoàn thành công việc của mình.

Có hàng nghìn *sayanim* trên thế giới. Riêng ở Anh đã có khoảng 2.000, và khoảng 5.000 người khác đang mong đợi được “khởi động”. Vai trò của họ tăng lên gấp bội. Thí dụ: Một “*sayan* ô tô” có cửa hàng cho thuê xe ô tô, sẽ giúp Mossad thuê xe mà không phải hoàn tất các thủ tục thuê thông thường. Một “*sayan* bất động sản” sẽ tìm một căn hộ mà không đặt những câu hỏi tò mò. Một “*sayan* ngân hàng” sẽ kiếm ngay cho các anh tiền mặt, bất cứ lúc nào, đêm hay ngày. Một “*sayan* y tế” sẽ mổ lấy một viên đạn cho anh mà không phải nhờ cậy vào cảnh sát, và cứ thế tiếp tục. Vì vậy, Mossad có thể dựa vào một mạng lưới tình nguyện mà tính bí mật của nó được bảo đảm nhờ vào lòng trung thành của họ đối với Israel, và việc đó chỉ động chạm tới vấn đề đền bù. Rất hiếm thấy các *sayanim* để cho các *katsa* lạm dụng sự giúp đỡ của họ vào những mục đích cá nhân, mà không chu đáo. Và điều này, người *sayanim* không bao giờ thấy.

Có một lợi thế nữa là: Không bao giờ một người Do Thái lại từ chối cộng tác với Mossad, tố giác họ với nhà cầm quyền. Vì thế, chúng tôi có một hệ thống tuyển mộ bảo đảm, và một lượng dự trữ hàng triệu người Do Thái ở ngoài biên giới của Israel. Vấn đề đơn giản là có chỗ dựa tại chỗ, khi người ta hoạt động ở nước ngoài, và những thuận lợi mà các *sayanim* dành cho không thể đánh giá hết được. Dĩ nhiên người ta tránh để gây nguy hiểm cho họ, và họ không tiếp xúc với tin tức mật.

Hãy hình dung, trong quá trình hoạt động, một *katsa* sử dụng một cửa hàng điện tử hi - fi làm vỏ bọc: Đơn giản, một cú điện thoại cho một *sayanim* mà chính ông ta có cửa hàng đó, và rồi người ta chuyển tới tận kho của ông ta đầy đủ các màn ảnh truyền hình, các máy ghi âm, dàn stéreo...

Hoạt động một cách thích đáng của Mossad trước hết là ở châu Âu, với các công ty ảo này, nhưng Mossad muốn có trụ sở của mình ở Bắc Mỹ. Từ đó, những địa chỉ *sayanim* và những số điện thoại *sayanim* có thể được gọi nhờ để có địa chỉ hoặc số điện thoại của một vỏ bọc. Nếu, một *sayanim* nhận được thư từ hay tin tức, ngay tức khắc họ sẽ biết phải xử lý như thế nào. Một số nhà làm ăn *sayanim*, điều hành các công ty có tới hai chục thư ký trả lời điện thoại, đánh máy tin tức, gửi Fax, thì 60% hoạt động của họ phục vụ Mossad. Nếu không có Mossad, các công ty này sẽ lụn bại.

Nếu hệ thống này bị phát hiện, điều này sẽ tổn hại cho người Do Thái di cư, nhưng Mossad bất chấp. Nếu anh bị một sự bất hạnh do bảo vệ, người ta sẽ trả lời:

— Điều gì sẽ xảy ra với họ? Người ta có trục xuất họ không? Càng hay! Tất cả họ sẽ trở về Israel!

katsa là người chịu trách nhiệm về những *sayanim* và tiếp xúc với những phần tử tích cực nhất trong số họ, từ một đến ba lần trong một tháng. Đối với Mossad, cuộc gặp trực diện kéo dài trung bình hai giờ trong một ngày, thêm vào đó còn có những cuộc nói chuyện qua điện thoại.

Nhưng, hệ thống này cho phép Mossad hoạt động với một số người cơ sở quá ít. Hãy thử nghĩ xem, một chi nhánh của KGB sử dụng ít ra cũng là một trăm người, trong khi đó, Mossad chỉ dùng có sáu hay bảy người thôi!

Những nhân viên được phác họa là một điểm yếu của Mossad, thì không có chân rết trong những nước coi là mục tiêu: Hoa Kỳ có mạng lưới chân rết ở Moscou, những người Xô viết có mạng lưới chân rết ở Washington và một hệ thống chân rết khác ở New York, trong khi Israel lại không có mạng lưới chân rết ở Damas. Đối với Mossad, điều này không được hiểu là, Mossad chỉ có những mục tiêu gồm châu Âu và Hoa Kỳ. Nhìn chung, các nước Ả Rập không sản xuất vũ khí và không có những trường quân sự ở trình độ cao. Để tuyển mộ một nhà ngoại giao Syrie, không cần

thiết phải tới Damas, làm việc đó ở Paris thật dễ dàng. Tương tự như vậy, để có những tin tình báo về tên lửa của các nước Ả Rập, tốt hơn là thông báo sang Pháp, sang Anh, hay sang Mỹ, vì đó là những nước chế tạo ra các loại tên lửa. Người Mỹ nắm giữ tin tức tình báo về nước Ả Rập Saudi, hơn chính những người Ả Rập! Người Ả Rập có cái gì? Những máy bay AWACS. Nhưng các máy bay AWACS lại do hãng Boeing chế tạo; mà Boeing là Mỹ, vậy thì chúng sẽ đến Riyadh để làm gì? Thời chúng tôi, chỉ có duy nhất một người được Mossad tuyển ở Ả Rập Saudi, đó là một tùy viên của Đại sứ quán Nhật! Các sỹ quan cao cấp của Ả Rập đều học ở Anh hoặc Hoa Kỳ. Các phi công của họ, luyện tập ở Anh, Pháp hoặc ở châu Mỹ. Các đơn vị biệt kích của họ được đào tạo tại Italy và ở Pháp. Điều đó cho thấy tuyển mộ họ ở đó là không khó khăn và ít nguy hiểm.

Ran S. cũng nói với chúng tôi về các điệp viên “trắng”, những người do *katsa* tuyển mộ, làm việc có vỏ bọc hoặc không, và có khi họ biết và có khi họ không biết họ làm việc cho Israel. Không bao giờ những người này là người Ả Rập, vì họ bị đánh giá là không đủ kiến thức khoa học. Người Israel mừng rỡ tưởng rằng, những người Ả Rập không hiểu biết gì về công nghệ cao. Ví dụ, có câu chuyện tầm phào nhận xét về họ - về sự tính toán của họ như thế này: Một gã bán bộ óc của người Ả Rập với giá 900 Franc một kg, và bán bộ óc của người Do Thái là 10 Franc một kg. Người ta hỏi gã bán hàng: *“Tại sao có giá cách biệt thế”*. - *“Đó là vì bộ óc của người Ả Rập còn mới nguyên. Bộ óc đó chưa được sử dụng!”* Gã bán hàng trả lời. Câu chuyện này đã được lưu truyền rộng rãi ở Israel.

Làm việc với một nhân viên “trắng” còn dễ hơn là làm việc với một tên “da đen”, ý ám chỉ người Ả Rập. Những người Ả Rập thường chịu đựng sự kiểm soát chặt chẽ khi họ làm việc ở nước ngoài và nếu cơ quan mật vụ của nước họ biết là hợp tác với một *katsa* thì mạng sống của họ sẽ không có giá trị nữa. Thí dụ ở Pháp, nếu một *katsa* bị phát hiện, rủi ro xấu nhất với anh ta là trục xuất. Ngược lại, một điệp viên “trắng” sẽ bị phán quyết vì phản bội do luật pháp của nước đó quy định. Mặc dù có sự bảo vệ của *katsa*, song

chính người điệp viên thường bị phạt. Nhưng, khi một *katsa* làm việc với một tên “đen”, thì *katsa* là gián điệp gây hiểm họa cho mạng sống của họ.

Song song với các bài học lý thuyết, chúng tôi thực hành luyện tập. Chúng tôi học kỹ thuật maulter, nói một cách khác là sử dụng ứng tác một chiếc xe để theo dõi hoặc chống theo dõi. Nếu, anh lái xe trong một khu không quen biết, và không chuẩn bị trước hành trình, thì có một số nguyên tắc bắt buộc phải tuân thủ để tránh bị theo dõi: Rẽ phải, rồi rẽ trái, dừng lại và lại đi... Nhưng phải nhớ rằng các anh không gắn chặt với cái xe. Nếu anh nghĩ rằng mình đang bị người ta theo dõi, mà anh không thể xác định được điều đó, anh hãy cho xe vào chỗ đỗ rồi tiếp tục đi bộ.

Một *katsa* tên là Rabitz dạy chúng tôi về hoạt động của văn phòng Israel có vỏ bọc là Chypre, Ai Cập, Hy Lạp, và Thổ Nhĩ Kỳ. Những *katsa* làm việc ở đây, được gọi là “ngón tay cái” hay những “kangourous” (tên loại động vật có túi trước bụng để nuôi con, nhảy bằng hai chân sau - có chủ yếu ở nước Úc, ND), bởi vì những người này làm việc từ khi ở Tổng hành dinh tại Tel Aviv và họ sẽ không kiểm tra tại chỗ các nhân viên của mình, hoặc *sayanim* trong lúc đột xuất ghé qua vài ngày. Là một *katsa* trong những nước có sự thân thiện về mặt chính trị với Palestine thì thật là hiểm nguy.

Những *katsa* sợ hãi được bổ nhiệm ở văn phòng Israel và trong bài giảng của mình, Ran S. không giấu giếm nói về sự bất hạnh của những người đó. Số phận không may, bất ngờ đã đến với ông: Người ta bổ nhiệm ông chịu phụ trách văn phòng với bao nhiêu gièm pha.

Để thư giãn, chúng tôi tổ chức các cuộc thi thể thao với 25 sinh viên khác của Hàn lâm viện. Họ là những người kế toán, đánh máy, những người làm tin học, những người thư ký và những nhân viên làm hành chính khác. Người ta đã nhồi nhét vào đầu họ những hoạt động của Mossad. Những người này làm việc nghiêm túc hơn chúng tôi.

Để cho họ dứt khỏi bàn bóng bàn đầy quyền rũ, chúng tôi đã giấu bóng đi, nhưng chúng tôi lại phải chạm trán với họ trong những trận bóng rổ. Là những cầu thủ kém, chúng tôi dùng mánh khoé ăn gian trơ trẽn. Một trong số học viên chúng tôi, chiếm lấy tấm bảng ghi điểm và chúng tôi luôn giành chiến thắng, bất chấp sự phản đối của những người khác. Không có gì thay đổi, cứ chiều thứ ba mỗi tuần, chúng tôi gặp họ trong một trận đấu kéo dài khoảng một tiếng. Những bài học chán ngán không tiếp tục nữa. Chúng tôi đã biết rõ tất cả quá trình tuyển mộ, từ những tiếp xúc ban đầu đến lúc quyết định tuyển. Sau đó, người ta giáo huấn cho chúng tôi các hình thái tài chính của họ.

Trước khi hứa một điều gì, cần điều tra xem tình hình tài chính của việc tuyển mộ. Nếu một người nào đó đang nghèo khổ thì sự cải thiện đột ngột mức sống của người ấy sẽ tạo nên những nghi vấn. Chúng ta giả thử rằng, một điệp viên quay lại nước mục tiêu của mình và anh ta cần tiền để sống. Nếu điệp viên này có quan hệ với Mossad trong hai năm. Mossad trả lương hàng tháng cho anh ta là 4.000 đô la, và 1.000 đô la, không làm thay đổi cách sinh hoạt của anh ta. *katsa* sẽ mở một tài khoản theo tên của người điệp viên vừa nói, ở một ngân hàng của Anh hay một ngân hàng khác và sẽ thấy số tiền lương hàng năm dư ra tại đó. Vì thế, điệp viên sẽ lĩnh 12.000 đô la tiền mặt và tài khoản ngân hàng của anh ta ghi vào 36.000 đô la. Trong năm thứ hai cũng như vậy. Việc làm này, không chỉ để cải thiện cuộc sống hàng ngày của người điệp viên, mà còn bảo đảm tương lai cho anh ta. Như thế, *katsa* nắm chắc con người anh ta.

Cũng còn có một hệ thống tiền thưởng được xác lập trên cơ sở giá trị của các thông tin, hay khả năng nghề nghiệp của người điệp viên. Tiền thưởng thông thường từ 100 đến 1.000 đô la bằng thư, nhưng, người ta đã thấy một Bộ trưởng Syrie lĩnh từ 10.000 đến 20.000 đô la bằng thông báo.

Mỗi một người trong số 30 đến 35 *katsa* trung bình có khoảng 20 điệp viên phục vụ mình. Nếu cứ tính, một điệp viên lĩnh khoảng 3.000 đô la và

thêm 3.000 đô la tiền thưởng - nhiều người trong số điệp viên lĩnh hơn thế - thì mỗi tháng, Mossad phải chi tới 15 triệu đô la cho 600 điệp viên (những người tuyển mộ vào làm, nhưng không phải nhân viên chính thức của Mossad). Ngoài ra còn phải tính tới các phí cho công việc tuyển mộ, nơi ẩn náu, các hoạt động, phương tiện xe cộ, và nhiều chi tiêu khác nữa. Tất cả, lên tới hàng trăm triệu đô la mỗi tháng.

Một *katsa* chi tiêu dễ dàng 100 đến 200 đô la mỗi ngày, trong các cửa hàng ăn uống, và hơn 1.000 đô la trong chi phí thông thường, điều đó tốn kém cho Mossad hơn 30.000 đô la nữa mỗi ngày để trợ giúp các nhu cầu của *katsa*. Tôi không tính đến lương cấp bậc của từng người là 500 và 1.500 đô la mỗi tháng.

Không một ai dám khẳng định rằng nghề tình báo là ăn không.

Để dạy cho chúng tôi kỹ thuật của các cuộc hành trình được bảo vệ, Dov chiếu cho chúng tôi xem một phim minh họa vai trò của Ngành Yarid, chịu trách nhiệm tất cả những hoạt động theo dõi.

Ngành Yarid, vào thời kỳ này gồm ba đội, mỗi đội có từ năm đến bảy người. Tại châu Âu, các đội này làm việc dưới sự chỉ huy của người đứng đầu Cơ quan An ninh.

Dov muốn chỉ cho chúng tôi biết những sự trợ giúp hậu cần nào đã được cung cấp cho các đội Yarid, và cũng cho chúng tôi biết chuyển giao nó như thế nào, nếu một trong số những đội ấy tạm nghỉ. Điều mà tôi học được ở đó là thay đổi cách nhìn nhận thế giới của mình. Tôi có thói quen lui tới các quán cà phê ở Tel Aviv. Đột nhiên, tôi lưu ý thấy các đường phố là nơi diễn ra dày đặc các hoạt động mà không bao giờ tôi ngờ tới: Các công việc theo dõi của cảnh sát. Việc đó diễn ra mọi lúc, nhưng ít ra thì anh cũng không bị cuốn hút theo, các anh chưa bao giờ nhìn thấy cảnh ấy đâu.

Bài giảng của Yehuda Gil cho phép chúng tôi nghiên cứu sâu mọi khía cạnh tế nhị của công việc tuyển mộ. Gil, người mà Riff giới thiệu với chúng tôi là một thầy giáo, là một *katsa* huyền thoại (xem phần mở đầu, Chiến dịch Sphinx, và xem thêm ở chương IV và VII, phần 3). Gil bắt đầu bài giảng của mình bằng cách nhấn mạnh vào ba cái mối chính là: Tiền, gái, và những tình cảm (ý muốn nói đến điều mong muốn trả thù hoặc về một lý tưởng).

— Không bao giờ quên sử dụng thời gian của mình và tiến lên phía trước với sự suy xét, Gil nhấn mạnh. Chẳng hạn, hãy dùng một gã thuộc dân tộc ít người. Gã này muốn trả thù vì phải chịu đựng nhiều sự phục vụ, hay hẳn là nạn nhân của một sự bất công. Đây là một khả năng tuyển mộ. Ngay từ khi hắn ta nhận tiền, hắn ta đã được tuyển mộ và hắn ta biết điều đó. Không một ai tin rằng tiền bạc lại là cho không; vì thế, các anh hãy chờ đợi ở hắn ta đổi lại một vật gì đó.

— Còn có chuyện trai, gái. Đó cũng là một đòn bẩy tốt, nhưng đấy không phải là một cách thanh toán (tiền), vì rằng phần lớn những tân binh là đàn ông. Hãy nhớ câu châm ngôn: “Người phụ nữ cho đi và tha thứ, người đàn ông lấy và quên đi”. Đó, chúng ta không phải thanh toán bằng hiện vật: Tiền, những người đàn ông hãy luôn luôn nhớ tới nó.

Gil nói trước với chúng tôi: Một lần thắng lợi không bắt buộc là một lần được dự kiến tốt. Một chiến thuật mũi nhọn tiến đến tất cả, nhưng, thậm chí một chiến thuật khắp khiêng cũng có thể đi đến thành công. Để minh họa, Gil kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện về một điệp viên người Ả Rập, một oter, điều này có thể dịch ra là “người tài tìm kiếm”, coi như tổ chức một cuộc gặp với một gã mà Mossad muốn tuyển mộ. Gil, người phải đóng vai cho một quan hệ làm ăn, ngồi đợi trong xe, để người khác vào gặp đối tượng. Oter làm việc cho Mossad từ lâu, tuy nhiên, khi bước lên xe cùng với Ahmed, người mới tuyển mộ, tuy vậy, oter đã làm những động tác giới thiệu họ với nhau dưới hình thức:

— Đây là Albert (Gil), người của Cơ quan Mật vụ Israel, mà tôi đã nói với anh. Albert, và Ahmed đồng ý hợp tác với nhau. Anh ta yêu cầu mỗi tháng, trả cho anh ta 10.000 Franc; với giá đó anh ta sẽ làm tất cả.

Những oter luôn luôn là những người Ả Rập, một phần là vì có ít *katsa* nói được tiếng này, nhưng trước hết là vì một người Ả Rập tạo được lòng tin tốt hơn đối với một người Ả Rập của họ. Vai trò của những oter là làm cho vỡ tảng băng và dần dần, họ trở thành cần thiết cho các *katsa*.

Ahmed được tuyển mộ, nhưng Gil đã khuyên người này đừng tiếp cận trực tiếp. Ngược lại, chúng tôi phải tổ chức những cuộc gặp trùng khớp đã định trước. Lấy một ví dụ: Người được tuyển mộ mà anh muốn điều khiển, đang ngồi trong một quán rượu nhỏ ở Paris, vào một buổi tối đã hẹn; anh biết người đó nói tiếng Ả Rập. Người ta tiến hành ra sao: Gil ngồi vào bàn bên cạnh và oter đứng lùi vào chỗ bar. Một lúc sau, oter dường như nhận ra Gil, thế là họ bắt đầu nói chuyện với nhau bằng tiếng Ả Rập. Hồi lâu sau người sẽ được tuyển mộ tham gia vào câu chuyện, hơn thế nữa vì anh đã nghiên cứu kỹ lịch sử của anh ta, anh sẽ thảo luận về các chủ đề mà anh ta quan tâm.

Trong quá trình nói chuyện, Gil rỉ tai oter:

— Cuối cùng, chiều nay anh gặp cô bạn gái phải không?

— Vâng, nhưng cô ta sẽ đến với một anh bạn, như thế càng tốt hơn, nếu anh có thể nán lại.

Gil sẽ tạo ra cái cớ có một bữa ăn tối làm việc, chuẩn bị dọn đường cho công việc tuyển mộ của mình và chắc chắn là một người khác sẽ đề nghị thay bữa ăn tối đó.

— Nếu các anh ở trong một bar tại Paris, và cũng diễn ra một cảnh như thế bằng tiếng Hébreu, thì chính các anh là người mà người ta có thể tuyển

mộ. Gil nói tiếp - Nghe tiếng nói của chính bản thân mình ở nước ngoài, thật là quyến rũ không thể cưỡng lại được.

Cuộc tiếp xúc đầu tiên cần luôn luôn phải tự nhiên, để người được tuyển mộ khỏi có điều gì nghi ngờ. Nếu như người định tuyển mộ không “cần câu”, họ cũng không cho rằng có một âm mưu nào. Nhưng, trước hết hãy thuộc lòng lịch sử của người ta, thị hiếu của người ta, chính kiến của người ta; hãy thăm tra lại thời gian làm việc buổi tối của người ta, và đừng để xảy ra điều gì do ngẫu nhiên, như thế, các anh sẽ giảm đáng kể những rủi ro.

Trong một bài học khác, Yatzak Knafy giải thích cho chúng tôi: Nhờ có các biểu đồ, kết cấu của việc hỗ trợ hậu cần mà Tsomet đã sử dụng cho những hoạt động của mình. Những *sayanim*, tiền bạc, xe cộ, nhà cửa,... tất cả những thứ đó thật đồ sộ, nhưng cái đặc biệt nhất, chính là biết cải thiện không ngừng những vỏ bọc. Nếu một *katsa* dám làm P - DG (cương vị Tổng Giám đốc -ND) của một nhà máy sản xuất chai, lọ, hay là một cán bộ cao cấp của hãng IBM, anh ta sẽ có tất cả những thứ cần thiết để biện bạch. IBM là một công ty lớn, một vỏ bọc tốt, mà muốn biết anh có làm việc ở đây hay không, người ta cần phải có nhiều năm trước đó xem xét. Mossad có các cửa hàng IBM, những người làm, một văn phòng, và ban lãnh đạo của công ty không bao giờ biết đến họ.

Để có những vỏ bọc tốt, cần có các visite, trên đó có ghi số điện thoại, số fax... Mossad lưu giữ cả một kho các công ty bình phong, với những sổ máy đăng ký thương mại, đang chờ được hoạt động trở lại. Các công ty này có vốn luân chuyển riêng, cho phép họ thanh toán những đóng góp xã hội, thuế, nhằm tránh tạo nên mối nghi ngờ. Hàng trăm công ty loại này đang tồn tại trên khắp thế giới.

Tổng hành dinh, năm phòng đầy ắp được dành cho giấy tờ của các công ty, đã sắp xếp theo thứ tự A,B,C... trên các kệ. Mỗi phòng có tám kệ cao gồm sáu mươi cặp sắp xếp đó. Mọi phích (tờ phiếu) gồm có lịch sử của

công ty, những quy chế của nó, giải thích thần ngôn của công ty và tất cả những thông tin cần thiết cho một *katsa*.

Sau sáu tháng học, chúng tôi có một cuộc họp kéo dài sáu giờ, gọi là bablat, theo tiếng Hébreu: Bilbul baitsim, cái đó nghĩa là làm cho những quả bóng trộn lẫn vào nhau, hay nếu anh thích có thể gọi là: Thảo luận kiểu cóc nhảy.

Hai hôm trước, chúng tôi đã thực hiện một bài tập thực hành, trong môn học đó, Arik F. và tôi đã phải ngồi chờ đợi trong một quán cà phê bên đường Henrietta Sold, không xa Kiker Hamdina. Tôi hỏi Arik liệu anh ta có bị theo dõi không. Arik xác nhận với tôi rằng không.

Được - Tôi nói với cậu ta - Nhưng, thế thì cái gã theo dõi chúng ta ở đó, là ai?

Arik nói với tôi rằng, chúng ta phải ở đây và đợi người ta đến kiểm mình thôi. Tôi trả lời cậu ta rằng: Muốn làm gì thì cứ làm.

Nhưng, rốt cuộc, tôi đã chuẩn.

Arik đáp lại rằng, tôi có những ý nghĩ viễn vông. Và thế là tôi đề nghị đợi cậu ta ở Kiker Hamdina. Tôi đã dành cho cậu ta ba mươi phút.

Ý nghĩ của tôi là giám sát quán cà phê. Do vậy, tôi đi quanh, kiểm tra xem người ta có theo dõi mình không, rồi bước chân quay lại và trèo lên mái một căn nhà, từ đó, tôi quan sát quán cà phê. Tôi ngồi đó chừng mười phút lúc đó, người mà tôi có cuộc hẹn đi đến và bước vào trong toà nhà. Hai phút sau đó, cảnh sát bao vây những nơi đó. Họ bắt hai người đàn ông và hành hung họ. Sau này, tôi được biết tình tiết đó là một phần của bài học luyện tập do Viện Hàn lâm của Mossad và Cảnh sát mật của Tel Aviv cùng phối hợp tiến hành. Chúng tôi chỉ đơn thuần là những con mồi Arik, khi đó hai mươi tám tuổi, nói tiếng Anh và giống với Terry Waite, một mục sư Anh bị bắt cóc ở Lyban. Anh ta đã từng phục vụ trong các tổ chức mật của

quân đội trước khi được Mossad tuyển mộ. Đó là vua nói dóc. Anh ta có thể nói đã bán những đôi giày cho những người không có chân và không có đùi. Anh ta đã tránh được hãm hữu lúc ngồi vào bàn. Tất nhiên, anh ta kể chuyện tào lao, nhưng anh ta biết rất rõ là mình nói cái gì. Anh ta đã tránh được những cú đòn.

Song một người khác, tên là Jacob đã phản kháng lại: *“Tôi không hiểu các ông muốn gì ở tôi”*. Đến mức, một viên cảnh sát tát anh ta mạnh khiến đầu anh ta đập vào tường và anh ta bị rạn sọ não. Anh ta hôn mê trong hai ngày và phải điều trị trong bệnh viện sáu tuần. Người ta đã trả lương cho anh ta trong một năm, nhưng anh từ chức.

Những cuộc đánh đập được ghi nhận trong một loại thi đấu. Những viên cảnh sát muốn chứng tỏ rằng họ hơn chúng tôi. Thật là tồi tệ, nếu chúng tôi thực sự muốn để rơi vào tay họ. Những người chỉ huy của- chúng tôi đưa ra những thách đố:

— Tôi đánh cược rằng các chàng trai của tôi sẽ không thất bại.

Anh có tin điều đó không? Vậy thì, ta sẽ chứng kiến điều ấy! Trong sự hỗn độn, chúng tôi phản đối chống lại bạo lực của hành hung. Người ta vịn lại chúng tôi rằng, nếu chúng tôi bị bắt, chúng tôi chỉ phải nói không chống cự. *“Chừng nào các anh sẽ nói như thế, họ sẽ không đánh các anh và họ sẽ không dùng những thứ khó nuốt lên người các anh nữa”*. Ở mỗi bài luyện chúng tôi có nguy cơ rơi vào nanh vuốt của những người cảnh sát, ít ra điều đó cũng dạy cho chúng tôi phải biết khôn khéo.

Có một hôm, một bài học của Mark Hessener (xem chương I; phần 3), được sắp xếp chương trình cho ngày hôm sau. Ông ta phải nói với chúng tôi về một hoạt động được tiến hành có phối hợp với các Cơ quan Mật vụ Pháp. Chúng tôi quyết định cùng với các bạn mình là học thuộc lòng trước bài học, rồi sau giờ học, ngày hôm đó, chúng tôi quay lại Viện Hàn lâm. Chúng tôi leo lên phòng số 6 tầng 3, tại đó có lưu giữ các tài liệu và chúng

tôi đã nghiên cứu tài liệu đề cập đến vấn đề. Khi đó là tháng tám năm 1984, vào ngày thứ tư, đêm nóng nực và chúng tôi không vùi đầu vào tiêu phí thời gian ở đó. Chưa tới nửa đêm, chúng tôi đã rời khỏi phòng. Chúng tôi quay lại những chiếc xe của mình đang đậu tại bãi xe, ngay cạnh phòng ăn. Lúc này, chúng tôi nghe thấy tiếng động từ bể bơi vọng lại.

Tôi hỏi Michel:

— Cái gì ồn ào đó?

— Tôi không biết gì. Chúng ta hãy lại xem.

— Hãy nhẹ nhàng - Heim khuyên như vậy - Đừng có tạo ra tiếng động.

— Này, tớ có một ý nghĩ hay hơn - Tôi nói - Hãy leo lên tầng hai, qua cửa sổ, ta sẽ thấy rõ cái gì xảy ra.

Miệng nói, chân đi, chúng tôi leo vào một phòng tắm nhỏ, nơi tôi đã bị nhốt khi qua các kỳ thi tuyển chọn ban đầu, có cánh cửa mở quay về phía bể bơi.

Không bao giờ tôi có thể quên được cái điều mình nhìn thấy. Hai mươi lăm con người trần như nhộng, xếp hàng xung quanh bể bơi hay ở trong bể. Hình ảnh thứ hai của Mossad- còn lưu lại trong đầu tôi ngày nay- là Henner, và nhiều thư ký ở đó. Thật là một cảnh tượng ghê gớm! Những người đàn ông không phải là những người đẹp trai, nhưng những người phụ nữ thì thật là tuyệt. Tóm lại là, những người phụ nữ khêu gợi trong “đồng phục” của họ! Phần lớn họ là nữ quân nhân đang làm việc tại “Văn phòng” và không một ai hơn hai mươi tuổi cả.

Một vài người đùa giỡn dưới nước, một số khác thì nhảy, còn một số khác nữa, đang ôm ghì nhau, cựa quậy trong những chiếc khăn trải ra đây đó. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì giống như vậy!

— Nếu chúng ta muốn mô tả một danh mục cái đẹp của thế giới thì sao?
-Tôi hỏi.

Heim khuyên là hãy chụp ảnh.

— A, không! - Michel phản đối - Không có tớ! Tớ không có ý muốn mình bị đuổi.

Yosy ủng hộ ý kiến đó và Heim thừa nhận ý nghĩ chụp ảnh là xấu.

Chúng tôi xem trò đùa giỡn của họ trong hai mươi phút. Tất cả những nhân vật quan trọng còn ở đó, rồi họ trao đổi các đối tác với nhau. Tôi thấy chán ngấy rồi. Tôi mong đợi mọi tốt lành xảy ra ở đó. Những người đàn ông mà tôi coi như các anh hùng, mà tôi tôn thờ, thì lại bắt gặp họ chìm đắm trong cuộc truy hoan! Heim và Michel, họ không có vẻ gì bị sốc cả!

Chúng tôi rón rén đi ra, đẩy xe của chúng tôi mà không nổ máy khi lướt qua các chấn song cửa.

Sau đó, chúng tôi biết đó là một loại dạ hội được tổ chức thường lệ. Bể bơi là một trong những nơi được bảo vệ tốt nhất ở Israel, không ai có thể thâm nhập vào đó mà không phải người của Mossad. Như thế có điều gì nguy hiểm đâu? Bị bắt gặp bởi một học viên ư? Không có gì quan- trọng.

Chỉ cần chối bỏ thôi.

Dự bài học của Hessner ngày hôm sau, là một cảm nghĩ lỗ bịch đối với tôi, sau cái điều mà tôi chứng kiến hôm trước. Tôi nhớ là mình đã không thể kiềm chế được khi đặt câu hỏi:

— Thưa ông, ông có đau lưng không?

— Vì sao lại có câu hỏi này?

— Thế sao, người ta nói ông bị chấn thương cơ bắp.

Bị sửng sốt, Heim đưa một cái nhìn nhẹ nhàng vào tôi.

Sau buổi trình bày dài và ngán ngẫm của Heim, chúng tôi được học môn khác về tổ chức của Quân đội Syrie, Những bài giảng này làm cho tôi buồn ngủ. Lúc người ta đề cập đến Golan (vùng cao nguyên Golan), người ta quan tâm tới những lời giải thích rõ ràng này, nhưng ở đó, học cách Quân đội Syrie triển khai như thế nào là hoàn toàn buồn ngủ! Tuy nhiên, ý đã ghi vào não tôi, và đó là tất cả những gì mà người giáo viên mong muốn.

Các bài học về bảo vệ các nước là “chỗ dựa” được nối tiếp theo. Người ta chiếu một phim do Mossad sản xuất về chủ đề đó. Chúng tôi chú ý tới nó chút ít. Người ta trông thấy những người ngồi trong cửa hàng ăn, các anh hãy nói về lợi ích xem! Điều phải tính toán, đó là chọn địa điểm và thời gian. Trước mỗi cuộc hẹn phải bảo đảm rằng nơi gặp không phải mục tiêu của việc theo dõi, và rằng đó cũng chẳng phải nơi bắt kẻ gian (ý đen là bắt chuột nhất). Nếu, người ta cần gặp một điệp viên, người ta đợi cho người đó đi vào để kiểm tra xem anh ta có phải là một tù nhân không. Mọi thứ trong nghề này đều tuân thủ các nguyên tắc, nếu các anh không tuân thủ các nguyên tắc, các anh sẽ phải trả giá đắt. Nếu các anh ngồi chờ người điệp viên trong cửa hàng ăn, thì các anh trở thành mục tiêu. Và nếu anh chàng ngây ngô của các anh vắng mặt để vào vệ sinh, thì hãy chuẩn bị trước khi hắn ta quay trở lại.

Đây là cái đã xảy ra với một *katsa* gọi là Tsadok Offir, ở Bỉ. Anh ta trao đổi với một điệp viên người Ả Rập. Chính người điệp viên này đã đứng dậy, lấy cớ đi tìm một vật gì đó, Offir ngồi chờ hắn ta. Khi người Ả Rập quay lại, hắn rút ra khẩu súng lục và chĩa thẳng vào Offir bất hạnh. May sao, Offir đã rút lui được, và sau đó một thời gian, tên điệp viên “đen” kia bị giết ở Lyban. Từ ngày đó, Offir đã kể lại câu chuyện của mình cho những ai muốn nghe, với hi vọng, những người khác sẽ tránh được những sai lầm như vậy.

Người ta đã lập đi lập lại danh sách an ninh phòng ngừa sơ đẳng.

— Đây là cái lúc này các anh đang học. Nó giống như chiếc xe đạp mà người ta nói với các anh. Khi người ta hiểu, người ta sẽ không bao giờ quên nữa.

Nguyên tắc của việc tuyển mộ, chính là viên đá lăn xuống dốc. Chúng ta học điều ấy có nghĩa là làm cho hòn đá lăn từ trên đỉnh quả núi. Tương tự như vậy với những người được tuyển mộ, người ta làm cho họ lăn xuống dốc. Người ta chọn một người, và người ta làm cho người đó phạm những hành động bất hợp pháp, hoặc hành động vô đạo đức. Rồi người ta đẩy anh ta dần dần phạm các tội khác. Nếu anh ta quá liêm khiết thì không thể tuyển mộ được, cần một người dễ bảo. Một người không uống rượu, không trai gái, không cần tiền, không có những vấn đề chính trị, yêu quý cuộc sống mình đang sống, người đó sẽ không bao giờ là một người dễ tuyển mộ. Tốt hơn là tìm một kẻ phản bội. Một điệp viên là một kẻ phản bội, thậm chí anh ta cố gắng hợp lý hoá những hành động của mình. Chúng ta làm việc với căn bản của nhân loại. Mossad khẳng định rằng mình không sử dụng việc dọa phát giác. Mossad không cần điều đó, sức mạnh của Mossad, chính là sự thao tác gian xảo.

Không bao giờ có ai lại nói rằng nghề Tình báo là trong sạch.

Chương V: **NHỮNG NGƯỜI MỚI VÀO NGHỀ**

Chúng tôi kết thúc khoá học của mình vào tháng ba năm 1984!

Còn lại mười ba người. Họ chia chúng tôi thành ba đội, trên cơ sở mỗi đội ở trong một căn hộ ở Tel Aviv, hoặc vùng ngoại vi. Đội của tôi được gửi đến một căn nhà trong vùng Givantayim; đội thứ hai ở trong trung tâm, gần đường Dizengoff; đội thứ ba ở đại lộ Ben-gourion, phía Bắc thành phố.

Mỗi căn hộ vừa được dùng làm nơi ẩn giấu, đồng thời làm ăn ten. Căn hộ của chúng tôi ở trên tầng tư, của một toà nhà không có thang máy, có một phòng khách, một ban công và hai phòng ngủ, một bếp cũng có ban công, một phòng tắm và phòng vệ sinh riêng biệt. Đồ đạc chỉ có ít đối với một *katsa* làm nhiệm vụ ở nước ngoài.

Shai Kauly là người phụ trách nơi ẩn giấu và ăn ten của tôi. Tôi ở chung với Tsvy, một nhà tâm lý học; A rik F. ở với bạn tôi, Avigdo, và một người tên là Ami, một nhà ngôn ngữ tâm thần thì đúng hơn. Ngoài những sai sót khác ra, anh này còn là một chiến sỹ không hút thuốc lá, nhưng lại lọt vào giữa những người hút thuốc nhiều.

Ami, một chàng trai chưa vợ, đến từ vùng Haifa, là một thanh niên khỏe mạnh, đã sợ hãi vì bị đánh đập. Đây là câu trả lời điều người ta tự hỏi, anh ta đã vượt qua những thử thách như thế nào.

Vào lúc chín giờ, chúng tôi thu xếp va li, mỗi đứa được ứng 300 đô la, một số tiền không đáng kể, khi một người mới vào nghề được lĩnh lương 500 đô la một tháng.

Bực mình với sự có mặt của Ami, một người yếu ớt, chúng tôi bắt đầu trêu chọc, cùng lúc làm cho cảnh sát ập đến khám hỏi, những cách thức tránh các cú đòn, làm thế nào để chịu đựng được nỗi đau đớn. Nhìn qua,

thấy cậu ta tái mét. Chúng tôi tỏ ra miễn nguyện trong trò đùa không đứng đắn ấy.

Khi người ta gõ cửa, Ami, hoảng sợ, giật bản mình lên. Nhưng đó chỉ là Kauly, đem đến cho mỗi chúng tôi một chiếc phong bì bằng giấy bao bì.

— Tôi không chịu nổi điều này lâu hơn được nữa! - Ami hét lên.

Vì việc này, Kauly ra lệnh cho Ami quay lại gặp Araleh Sherf, người phụ trách Hàn lâm viện.

Ami bị chuyển sang đội ở đại lộ Dizengoff, nhưng trong một đêm, vì cảnh sát gõ cửa, Ami bật đứng dậy, gào lên: *“Tôi chán ngấy trò này rồi! Tôi ngán lắm rồi!”*, rồi cậu ta biến đi mất để không bao giờ trở lại nữa. Vì thế, chúng tôi chỉ còn lại mười hai người.

Những chiếc phong bì Kauly đem đến, có chứa những nhiệm vụ của mỗi người. Tôi phải liên hệ với một người tên là Mike Harari, mà khi đó tôi không hề biết, rồi thu thập tin tức về một người gọi là “Mickey”, một cựu cảnh sát, đã tình nguyện tòng ngũ trong cuộc chiến tranh Độc lập, vào khoảng cuối những năm 40.

Kauly giải thích cho chúng tôi rằng, chúng tôi phải tương trợ nhau. Vì thế, chúng tôi xây dựng kế hoạch của các hoạt động và một quá trình bảo vệ nơi trú ẩn của chúng tôi. Kauly cũng giao cho chúng tôi các tấm căn cước - một lần nữa, tôi lại gọi là “Simon”- như là tên gọi trong các thể thức làm báo cáo.

Việc đầu tiên, là chúng tôi phải thu xếp chỗ giấu tài liệu của mình, và bịa ra cho mỗi người một lý lịch để minh chứng cho sự hiện diện của mình khi rơi vào tay cảnh sát. Chúng tôi tìm chọn sự giải thích trong ngăn kéo của mình: Tôi sẽ khẳng định từ Holon đến, rồi kể về Jack, ông chủ căn hộ trong quán cà phê của Tel Aviv, và nói ông ta đã để lại các chìa khoá cho tôi trong thời gian ông đi vắng hai tháng. Sau đó, trong một quán ăn, tôi sẽ kể

về Arik, người bạn chiến đấu đến từ Haifa, và tôi đã đề nghị ở chung căn hộ với anh ta. Avigdor sẽ giới thiệu là bạn của Arik, rồi mỗi người, kể một chuyện na ná như vậy. Chúng tôi đề nghị chính Kauly cũng tạo ra một lý lịch có thể chấp nhận được.

Trong phòng khách, chúng tôi có một trong số những bàn bằng gỗ, mặt bàn được phủ một tấm kính. Chúng tôi đã chế ra một chỗ cất giấu bằng cách thích nghi với một “mặt bàn giả” dưới tấm kính. Như thế, chỉ cần nhấc tấm mặt bàn giả này lên, đưa tài liệu vào giữa hai tấm thì không ai có thể nhìn thấy.

Chúng tôi đã quy định mật hiệu gõ cửa: Gõ hai tiếng- rồi một tiếng, rồi hai tiếng, rồi một tiếng, và chúng tôi gọi điện thoại bằng một thông điệp được mã hóa đối với căn hộ trước khi vào. Trong trường hợp đi vắng cả, một chiếc khăn vàng được treo lên dây phơi ở ban công nhà bếp, để báo cho biết là đường đi tự do.

Cuối cùng, chúng tôi đã có một nhiệm vụ, thậm chí đó chỉ là nhiệm vụ trong tập luyện.

Hôm đó, trước lúc Kauly đi, chúng tôi đã nghiên cứu một kế hoạch tiếp cận và vì chúng tôi đã có sẵn các mục tiêu của mình nên chúng tôi quyết định bắt đầu bằng công việc theo dõi nơi ở của các mục tiêu. Chính vì vậy, Avigdor sẽ theo dõi ngôi nhà của Harari, còn tôi, theo dõi mục tiêu của Arik, chủ nhân của một công ty những “Đồ chơi Bukis”.

Tôi chỉ biết tên và địa chỉ của Harari thôi. Tuy nhiên, có người cho tôi biết, ông ta là chủ tịch một trong những công ty bảo hiểm quan trọng nhất, công ty Migdal, có trụ sở trong khu có nhiều nhà ở. Tôi cũng biết, vợ của Harari là người trông thư viện ở Trường Đại học Tổng hợp Tel Aviv. Tôi quyết định xin một việc làm ở công ty Migdal, và thân chinh đến văn phòng phụ trách nhân sự. Trong khi chờ đợi đến lượt mình, tôi quan sát một người

trạc tuổi mình đang làm việc trong văn phòng bên cạnh. Một người làm có tên gọi: “Yakov”.

Tôi tiến đến văn phòng này và hỏi:

— Anh là Yakov?

Chính anh ta hỏi lại:

— Anh là ai?

— Tôi là Simon. Anh không nhớ tôi ư? Chúng ta đã cùng ở Tel Hashomer - Tôi trả lời đồng thời kể về căn cứ quân sự, nơi ghé qua của tất cả những người được gọi của đội ngũ.

— Thế anh ở đó khi nào?

Tránh trả lời trực tiếp câu hỏi, tôi nói với anh rằng tôi là một “203”, gọi cho anh ta nhớ lại thời gian ở lớp học.

— Tôi cũng vậy, một thằng “203” đây! - Yakov kêu lên.

— Anh ở trong không quân à?

— Không, trong đơn vị chiến xa.

— Không nói đùa đấy chứ! Anh đã trở thành một pongos ư? (thành ngữ này trong tiếng Hébreu giữ vai trò trong từ Champion, người ngồi bên trong xe tăng, thì nổi tiếng là âm ứốt và đen tối).

Tôi bịa ra rằng, tôi biết qua loa về Harari và tôi hỏi Yakov xem liệu họ có tuyển người không.

— Có, họ cần tìm kiếm người làm đại diện.

— Thế ông Harari vẫn làm chủ tịch công ty à?

— Không, anh có nghĩ là... - Vừa trả lời, anh ta vừa đọc một tên.

— Hay quá! Thế bây giờ anh có biết ông ta làm gì không?

— Ông ta là một nhà ngoại giao - Yakov nói với tôi - Nhưng, ông ta cũng điều hành một công ty xuất nhập khẩu trong khu tháp Kur.

Chà, đây là những lời chỉ bảo quý giá quá. Avigdor còn nói cho biết chiếc xe Mercedes có một tấm biển đăng ký ngoại giao, và tôi thấy sững sốt hơn vì điều này. Ở Israel, việc lui tới của những nhà ngoại giao không được nhìn với con mắt thiện cảm. Tất cả những nhà ngoại giao đều được coi là gián điệp. Vì thế, một người lính, khi vấy xe đi nhờ, họ luôn luôn từ chối leo lên xe ngoại giao. Người ta sẽ đưa họ ra toà án quân sự, nếu người bất hạnh kia chấp nhận đi nhờ xe ngoại giao. Khi Avigdor kể cho tôi nghe về việc anh ta nhìn thấy chiếc xe của Harari, tôi đã nghĩ ngay rằng chiếc xe Mercedes là của một vị khách tới thăm viếng.

Tôi đang nói chuyện phiếm với Avigdor, thì một phụ nữ báo cho tôi là đã đến lượt mình. Để tránh gây ra sự nghi ngờ, tôi chụp chiếc mũ lên chào vội vã rồi đi theo người phụ nữ.

Vì vậy, theo những điều tôi biết, vợ của Harari là một người làm ở thư viện, và bản thân Harari là một nhà ngoại giao. Đúng thế, nhưng ở đâu? Làm việc cho nước nào? Việc theo dõi chiếc xe của Harari thì đơn giản, nhưng nếu ông ta là một nhà ngoại giao thực sự, thì người ta đã phải dạy cho ông ta biết những mảnh khoé bị săn đuổi, và tôi thì không muốn ngồi trong chốn song sắt ngay từ nhiệm vụ đầu tiên của mình (ý nói vào tù).

Ngày thứ hai, tôi đã tuyên bố với Kauly là tôi đã hoàn thành hai phần theo trình tự công việc. Trước hết là tiếp xúc với Harari, sau đó tìm hiểu Mikey là ai.

Khi rời khỏi căn hộ nếu biết bị theo dõi, thì chúng tôi phải báo trước cho những người khác là nơi ở đã bị lộ. Chúng tôi luôn luôn biết là chúng

tôi sẽ gặp nhau ở đâu, nhờ có những báo cáo chúng tôi viết gửi Kauly. Từ những công việc ấy, tôi đã mơ tới APAM tới mức, tôi làm chủ được kỹ thuật.

Ngày thứ tư, tôi đi tới tháp Kur, lúc đó, tôi nhận thấy một gã theo dõi chuyển tàu của tôi ngay từ khu Hakirya. Để đảm bảo an toàn cho hành trình của mình, tôi phải đi xe buýt ở Givatayim theo hướng Derah Petha Tiqva xuống ở góc phố Kaplan. Phố này sẽ chạy qua Hakirya.

Ngày hôm đó, tôi xuống xe buýt, rồi đi ngoặt - tôi cũng đã làm như thế trước khi nhảy xe buýt tới Givatayim - tôi nhìn quanh một lượt, song không thấy gì. Tuy nhiên, trong lúc liếc mắt nhìn, tôi đã lưu ý đến một chiếc xe đang bận bịu trong bãi đậu xe. Những hành khách thấy quả là không thích hợp ở nơi này khi tôi nói: *“A, như vậy hả! Đợi mình với các cậu ơi, tôi sẽ làm cho các cậu phục sát đất”*.

Tôi đi về hướng Nam, phía Derah Petha Tiqva, một con đường huyết mạch lớn, có ba con đường tách đôi. Mỗi đường đi về một hướng khác nhau. Tôi tới một chiếc cầu bắc qua Petha Tiqva để nối với tháp Kalka. Lúc gần 11 giờ 45, việc đi lại đông nghẹt. Tôi bước lên cầu, từ đó không ai biết tôi có thể nhìn thấy người lái xe đang đưa đôi mắt tìm kiếm tôi. Một người đàn ông theo dõi tôi từ xa, và từ mé bên kia cầu, có một người khác đang chuẩn bị sẵn sàng theo gót tôi trong trường hợp tôi đi về hướng Bắc; trong khi đó, một người thứ ba, đang đợi tôi ở phía Nam. Từ vị trí chiến lược của tôi trên cầu, tôi có một cái nhìn đầy đủ các việc bố trí của họ.

— Bên dưới cầu, có một tuyến đường nối, cho phép các xe chạy một nửa vòng đường. Lẽ ra phải vượt qua cầu, tôi làm ra vẻ quên một cái gì đó, rồi quay ngược trở lại. Tôi đã đi theo đường Kaplan với vẻ chậm chạp để người ta khỏi đuổi theo mình. Tôi cười thầm trong lúc lắng nghe bản hoà tấu của các loại còi xe giữa đám tắc nghẽn.

Trong phố Kaplan, họ chỉ theo dõi tôi trên một tuyến. Tôi đi tới một trạm quân cảnh, trước cửa Victor - cái tên của tôi khi còn là thượng sỹ- rồi tôi qua đường, mua một cái bánh ngọt và một chai nước gazouz, một loại như nước chanh gaz.

Trong lúc đang ăn, tôi thấy chiếc xe tiến gần lại một cách êm nhẹ, và đột nhiên tôi nhận ra, người lái xe không ai khác lại là Dov L. Ăn xong bánh, tôi vượt qua trước chiếc xe bị ách tắc giao thông, rồi tôi dựa vào đường dành cho bộ hành, trước mũi xe để tót lên vỉa hè, trước khi đi xa về hướng khác. Dov L. bấm một hồi còi như để nói cho tôi biết: *“Thôi được rồi, cậu đã thắng. Một điểm nữa ghi cho cậu”*.

Tôi mừng rỡ. Sau này, Dov L. thú nhận với tôi rằng, không bao giờ, người ta dám xem thường cách làm thế này, và người ta thấy bị phiền hà vì phải làm việc đuổi bắt.

Sau khi kiểm tra lại, biết việc săn đuổi đã chấm dứt, tôi yêu cầu một chiếc tắcxi chở tôi tới đầu khác của Tel Aviv, tại đó, tôi bắt đầu thực hiện kỹ thuật chống theo dõi. Tôi sợ rằng có ngón xảo trá của phía họ nhằm kích tôi bỏ sự chú ý của mình. Không theo dõi nữa, tôi quay trở lại tháp Kur, và tôi tuyên bố tại phòng đón tiếp là tôi có hẹn với Mike Harari. Một người hướng dẫn tôi lên tầng bốn, chỗ có tấm biển ghi của một công ty xuất nhập khẩu.

Tôi tính giờ ăn trưa, bởi vì ở Israel, các cán bộ cao cấp thường vắng mặt trong bữa ăn trưa, và thực sự tôi chỉ muốn người thư ký cho tôi biết số điện thoại thôi. Nếu chẳng may, Harari có ở đó, thì tôi sẽ phải ứng tác thôi.

Nhưng, khi đó người nữ thư ký tiếp tôi. Cô ta giải thích với tôi rằng công ty nhập khẩu những sản phẩm của họ thôi, chủ yếu từ châu Mỹ La Tinh, nhưng, thỉnh thoảng, công ty cũng nhận chở hàng nếu các container còn vơi. Tôi nói với người nữ thư ký rằng qua sự khẳng định của công ty tôi, là tôi có thể tới gặp ông Harari, tại địa chỉ này.

— Không, ông Harari là một người hùn vốn phối hợp. Ông ta không làm việc ở đây - Cô thư ký cam đoan với tôi, và nói tiếp: - ông ta là Đại sứ của Panama.

— Thôi được - Tôi buông một câu ngắn gọn - Tôi cứ tưởng ông ta là người Israel.

— Vâng, đúng ông ấy là người Israel, nhưng ông ta cũng là Đại sứ danh dự cho Panama.

Sau khi đã có tất cả những điều tôi muốn biết, tôi trở về viết báo cáo, không phải là trước đây không viết một vài chi tiết đánh lạc hướng để làm thất bại mọi việc theo dõi.

Khi Kauly tới và sau khi tôi nộp báo cáo cho ông, ông muốn biết tôi tính toán sẽ làm việc gì tiếp theo.

— Tôi sẽ đến Đại sứ quán Panama - Tôi nói.

— Cậu hãy nói vì sao?

— Tôi đã chuẩn bị kế hoạch cho mình. Quần đảo Ngọc, trong vịnh Panama, có một nền công nghiệp nuôi cấy ngọc trai thịnh vượng. Biển Đỏ ở Israel, có tất cả những điều kiện thuận lợi để nuôi trai lấy ngọc. Đó là vùng biển yên tĩnh, tỷ lệ muối trong nước là lý tưởng. Rồi đi lui về vịnh Persique, người ta thấy, nuôi trai lấy ngọc rất trù phú. Tôi đã được đọc tư liệu ở thư viện, đặc biệt là những tài liệu nói về các biện pháp nuôi trai lấy ngọc. Vì thế, tôi quyết định đến Đại sứ quán Panama như một người cộng tác của nhà kinh doanh Mỹ giàu có, mong muốn thành lập một nơi nuôi trai lấy ngọc ở Eilat. Tôi bịa ra rằng, người cùng hùn vốn với tôi mong muốn nhập một container toàn trai ngọc của Panama, vì chất lượng của nó rất cao. Tôi đã xây dựng một kế hoạch khuyến dụ những nhà đầu tư có vốn quan trọng rằng việc nuôi trai ngọc chỉ sau ba năm là có lãi, và chúng tôi là những

người làm ăn đứng đắn, và không phải đi tìm kiếm lợi nhuận ngay trước mắt.

Kauly ủng hộ dự án của tôi.

Tôi đợi có cuộc hẹn với Harari. Tôi gọi điện thoại tới Đại sứ quán, giới thiệu mình với cái tên Simon Lahav, và tôi nói rõ là muốn đầu tư vào Panama. Người nữ thư ký, đề nghị tôi gặp một tùy viên.

— Không - Tôi trả lời - Tôi muốn nói chuyện với ai đó có kinh nghiệm về làm ăn.

— Về vấn đề này, có lẽ, ông có thể gặp ngài Harari được không?

Chúng tôi thoả thuận cuộc gặp vào sáng hôm sau.

Tôi bảo đảm với người thư ký là, người ta có thể gặp tôi ở Sheraton. Mossad đã thu xếp với nhiều khách sạn: Các sỹ quan của Mossad đăng ký tên ở đó và mỗi người có một số phòng riêng, như kiểu “hộp thư”.

Hôm ấy, người ta đã chuyển cho tôi một thông điệp nói là mời tôi tới Đại sứ quán vào lúc 18 giờ. Điều này làm tôi hơi buồn cười, vì tất cả các văn phòng làm việc đều đóng cửa lúc 17 giờ.

Đại sứ quán Panama ở tầng một của một ngôi nhà nhìn ra bãi biển, nằm về phía Nam sân bay Sede Dov. Tôi tới Đại sứ quán trong bộ quần áo đẹp nhất. Tôi yêu cầu Kauly cho một hộ chiếu nhà kinh doanh Canada sống ở Colombie - Anh. Trước đây, tôi điện thoại cho Thị trưởng Eilat, Rafi Hochman, mà tôi quen từ thời học trung học ở Eilat. Tôi đã ở nơi đây một năm. Tôi không tự khai với Hochman tôi là ai, nhưng chúng tôi đã thảo luận về dự án. Harari, vì thế có thể kiểm tra nên tôi tránh.

Rủi thay, Kauly không có được một tấm hộ chiếu cho tôi, tôi quyết định không cần nó nữa. Nếu cần, tôi sẽ nói tôi là người Canada và không mang

hộ chiếu theo khắp nơi.

Có một mình Harari ở Đại sứ quán, ông ta đón tiếp tôi trong một phòng sang trọng và nghe tôi trình bày về dự án của mình. Câu hỏi đầu tiên của ông là:

— Ngài được sự hỗ trợ của các nhà đầu tư tư nhân, hay của một ngân hàng?

Tôi giải thích cho ông Đại sứ rằng, vấn đề vốn có mạo hiểm. Điều này làm ông ta cười. Tôi nói về những chi tiết kỹ thuật của việc nuôi trai lấy ngọc, nhưng ông ta đã cắt ngang.

— Thế ngài có bao nhiêu tiền? - ông hỏi tôi.

— Chúng tôi sẽ đầu tư, điều này sẽ cần tối đa là 15 triệu đô la. Nhưng, chúng tôi có một sự tự do lớn trong việc điều hành. Chúng tôi cũng dự tính chi phí khai khẩn sẽ không phải vượt quá 3,5 triệu đô la cho thời gian 3 năm.

Tôi đề cập nhanh về vấn đề kỹ thuật, nêu ra tên ông Thị trưởng Eilat, một đòn chơi lớn. Nhưng Harari đã đến trước tôi, ngả người trên bàn của mình, nói nhỏ nhẹ:

— Nếu ngài sẵn sàng trả giá, ngài sẽ có tất cả những gì ngài muốn ở Panama.

Tôi lúng túng. Tôi vừa mời ra một người, thì bị ngắt. Tôi bắt đầu đóng vai một người lương thiện, và trước hết, tôi có thể xếp đặt những con tốt của tôi. Chính ông ta là người giúp tôi đưa ra những đề nghị. Ngài Đại sứ, người đang chuếch choáng men rượu không hiểu gì về tôi, nói với tôi chẳng phải về Eva cũng chẳng phải Adam!

— Thưa ngài, ngài muốn nói gì ạ? - Tôi hỏi.

— À, Panama là một nước đặc biệt, vả lại, chính xác ra, nó không phải là một nước. Nó chỉ là một cửa hàng lớn thì đúng hơn. Panama biết tôi có những mối quan hệ, hay nếu ngài muốn tìm hiểu, tôi có biết một số người bán ở cửa hàng đó. Ở Panama, cánh tả thì chả hiểu biết gì, mọi thứ đều do cánh hữu gánh vác. Giả sử, nếu chúng tôi giúp đỡ các ngài thực hiện dự án, thì ngày mai, chúng tôi có thể nhờ các ngài. Chính tương lai đang cuốn hút chúng ta, chắc ngài hiểu vấn đề? Nhưng trước khi đi sâu nghiên cứu về sự hợp tác giữa chúng ta sau một phút im lặng, ngài Đại sứ nói tiếp: Tôi có thể xem giấy tờ của ngài được không?

— Giấy tờ gì thưa ông?

— Chắc...hộ chiếu của ngài là hộ chiếu Canada.

— Tôi không bao giờ mang nó bên mình.

— Ngài nhầm rồi, ở Israel, điều đó là bắt buộc. Thôi, thế này, ngài hãy gọi lại cho tôi khi nào ngài có hộ chiếu, chúng ta sẽ tiếp tục cuộc nói chuyện ngắn này. Hôm nay, như ngài thấy đấy, Đại sứ quán đã đóng cửa.

Tối đây, ông đứng dậy và tiễn tôi không nói một lời nào.

Khi Harari hỏi tôi về hộ chiếu, tôi đã có một chút do dự thật tai hại. Tôi đã hầu như ập ứng. Tôi làm cho ông ta cảnh giác và thái độ của ông ta có sự thay đổi. Đó là một con người nguy hiểm.

Sau khi đã sử dụng các biện pháp phòng ngừa, tôi trở về nhà, viết báo cáo. Vào lúc 22 giờ, tôi hoàn thành xong báo cáo, khi đó Kauly tới. Kauly lục tung tài liệu của tôi một cách vội vã để tìm hiểu nội dung.

Kauly vừa ra khỏi, cảnh sát ập ngay tới. Những cú đấm, cú đá làm thủng cả cánh cửa. Lũ cớm xuất hiện đầy căn hộ và bắt chúng tôi đưa tới Sở Cảnh sát Ramat Gan. Tại đó, họ nhốt tôi trong một buồng giam. Tôi thăm tra lại, một lần nữa, thấy kẻ thù tồi tệ của chúng tôi là cảnh sát địa phương.

Một khi bị theo dõi, chúng tôi phải viết rõ trong báo cáo của mình, đó là những nhà chức trách của quận hay của một đơn vị cảnh sát khác. Chúng tôi ngủ qua đêm ở bất cảnh sát, và khi chúng tôi về nhà, thì cánh cửa đã được sửa chữa lại. Về tới nơi ở chừng mười phút, thì chuông điện thoại reo. Đó là Sherf, phụ trách của Hàn lâm viện gọi.

— A lô! Victor phải không? Đến ngay lập tức - Ông ta ra lệnh cho tôi - Hãy bỏ tất cả lại đây, mà tới đây nhanh lên, có hiểu không?

Tôi gọi một taxi và đề nghị người lái cho tôi xuống ngã tư đường, gần Viện Hàn lâm. Còn lại, tôi đi bộ. Có cái gì đó đi ngang qua. Có thể người buôn bán đồ chơi, một người cũ của Mossad, và ông chủ của xưởng rượu, mới tiếp xúc của Avigdor.

— Tôi sẽ nói một cách chân thành với anh - Sherf báo cho tôi biết như vậy -Mike Harari là người phụ trách cũ của Metsada. Chỉ có một điều đại đột ông ta phạm phải là ở Lillehammer.

Shai Kauly rất tự hào về cậu. Ông đã cho tôi xem báo cáo của cậu. Buồn thay, là cậu đã đem đến cho ông ta một vai trò xấu. Vì vậy, đêm hôm trước, tôi đã cho gọi ông ta về để nghe ông ta giải thích. Tôi đọc báo cáo của cậu cho ông ta nghe, và cậu có biết ông ta nói gì không? Rằng đó chỉ là một mớ đối trá.

— Sherf đưa cho tôi bản giải thích của Harari. Theo ông ta, ông ta đã làm tôi phải đợi hai mươi phút trước khi đến đón tôi. Tôi trình bày bằng tiếng Anh không rõ, ông ta hiểu ngay tức khắc tôi là ai và quăng tôi ra ngoài, ông ta khẳng định không biết gì về nuôi trai lấy ngọc và bây giờ tôi đã bịa ra câu chuyện với mọi tình tiết.

— Harari từng là chỉ huy của tôi - Sherf giải thích với tôi - Lời nói của ông ta lại trái với lời nói của cậu. Cậu có nghĩ rằng tôi đã lường lự trong giây lát không?

Tôi ngao ngán quá chừng.

Tôi đã không có một trí nhớ tốt với các tên, đúng vậy, nhưng, người ta không thể làm cho bản báo cáo của tôi thành một sự ngờ vực! Tôi giấu một máy ghi âm trong túi của mình, trước khi đi vào văn phòng của Harari. Tôi đã đưa cuốn băng ghi cho Sherf.

— Xin ông cầm lấy, đó là cuộn băng ghi lại cuộc nói chuyện của chúng tôi, rồi sau đó, xin ông hãy nói cho biết là ông tin ai.

Sherf cầm cuốn băng và đi ra. Mười lăm phút sau ông ta trở lại.

— Đi, tôi sẽ đưa cậu tới nơi ẩn náu của cậu - Sherf nói với tôi - Ông ta có một sự hiểu nhầm ở đó. Hãy cầm lấy những chiếc phong bì này, đấy là tiền của nhóm cậu.

— Tôi có thể xin lại cuộn băng ghi âm được không? - Tôi hỏi. Phía trên đoạn đó còn có những đoạn ghi khác của một hoạt động trước đó. Tôi cần những phần ấy.

— Cuốn băng nào?

— Nhưng... nhưng cuốn băng mà tôi đã đưa cho ông ấy!

— Hãy nghe đây, anh bạn của tôi, tôi biết rằng cậu đã phải trải qua một đêm vất vả ở đồn cảnh sát và tôi không biết là đã làm phiền cậu, đúng là để trả lại tiền cho đội của cậu. Nhưng, đó là cuộc sống.

Về sau, Kauly thú nhận với tôi là ông đã được nhẹ nhõm, vì tôi nghĩ đến việc ghi âm cuộc nói chuyện với Harari.

— Nếu không - Ông ta nói thêm - cậu đã bị sạt nghiệp. Và tôi tin rằng cậu sẽ không đặt chân của mình vào Văn phòng sớm thế.

Tôi không bao giờ xem lại cuộn băng nữa, nhưng tôi giữ lại bài học. Quan niệm của tôi về Mossad đã bị tan vỡ. Tôi thường được nghe nói đến những chiến công của Harari, nhưng tôi chỉ quen với cái tên “Cobra” (rắn hổ mang bành). Và tôi mới phát hiện ra đúng người đó là ông ta!

Quá nửa đêm, ngày 20 tháng 12 năm 1989, Hoa Kỳ xâm lược Panama của Tướng Noriega, Những thông cáo đầu tiên là tình huống bắt Harari. Trên các máy nhận điện tín, ông ta được mô tả là “một cựu sỹ quan tình báo của Mossad, Cơ quan Mật vụ của Israel, đã trở thành một trong số những cố vấn có ảnh hưởng nhất của Noriega”. Một đại diện của Chính phủ mới do Mỹ dựng lên, bày tỏ sự hài lòng, vì Harari là một trong những “nhân vật quan trọng nhất của Panama, bên cạnh Noriega”. Tuy nhiên, niềm vui đó qua ngấn ngui. Người ta bắt sống Noriega, nhưng Harari thì đã biến mất. Ít lâu sau, Harari xuất hiện ở Israel, nơi mà ông sống đến khi qua đời.

Còn phần thứ hai trong nhiệm vụ của tôi: Thu thập tin tức về “Mikey”, cựu phi công. Cha tôi, ông Syd, người đã Anh hoá tên của Mikey thành Osten và hiện đang sống ở Nebraska, trước đây đã từng là đại úy phi công Israel. Vì vậy, tôi đã có dịp làm quen với những đội bay anh hùng và vinh quang từng xung trận trong cuộc chiến tranh độc lập. Họ, những người phần lớn đã từng phục vụ trong hàng ngũ không quân Anh, Mỹ hoặc Canada, thời Chiến tranh thế giới thứ hai, đã tình nguyện bảo vệ Israel.

Đại đa số họ đã có nơi yên thân gắn bó với căn cứ Sede Dov mà cha tôi đã chỉ huy. Tôi đã khai tìm kho lưu trữ, nhưng tuyệt nhiên không tìm thấy một dấu vết nào của cái tên “Mikey”.

Tôi gọi Moussa M., trưởng phụ trách an ninh, đăng ký tên tôi với Khách sạn Hilton. Tôi tìm những tấm biển, hai cái giá ba chân và gọi điện cho viên sỹ quan liên lạc của căn cứ không quân, nói rằng tôi là một nhà quay phim Canada, và nói tôi muốn quay một phim tài liệu về những người tình nguyện đã chiến đấu để khai sinh ra nước Israel. Tôi nói thêm, tôi đang ở

Khách sạn Hilton hai ngày nữa, và tôi muốn được gặp những người anh hùng đó.

Viên sỹ quan liên lạc, nhắc lại với tôi và cho tôi biết là một tháng trước đây, không quân đã làm lễ kỷ niệm. Và danh sách của họ vì vậy còn đến hôm nay. Viên sỹ quan liên lạc khẳng định đã liên lạc được với hai mươi ba chiến sỹ tình nguyện trước kia, và mười lăm người trong số đó hứa sẽ gặp tôi ở Hilton. Viên sỹ quan cũng nói thêm, nếu tôi cần gì nữa, thì đừng ngại, cứ gọi điện thoại cho ông ta.

Tôi viết trên những tấm biển của tôi: “Những hiệp sỹ của bầu trời. Lịch sử của cuộc chiến tranh Độc lập”. Và bên trên viết: “Hãng phim tài liệu Canada”.

Vào ngày thứ sáu, lúc 10 giờ, Avigdor và tôi đi vào Khách sạn Hilton. Avigdor, trong bộ quân áo làm việc màu xanh, mang những tấm biển. Tôi mặc một bộ ba mảnh. Avigdor để một tấm biển trên lối vào chính, với số phòng sẽ có cuộc họp và một tấm biển khác để trong phòng đợi. Những người làm của khách sạn thậm chí cũng không lo nghĩ để biết chúng tôi làm cái gì.

Cuộc gặp gỡ kéo dài trong năm giờ, được ghi lại một cách trọn vẹn. Một trong số những người anh hùng đó đã nói chuyện với tôi, thậm chí nói cả về bố tôi, nhưng không biết tôi là ai.

Vào lúc có ba câu chuyện diễn ra đồng thời, tôi kêu lên:

— Mikey đâu? Ai là Mikey?

Dĩ nhiên không có ai nói tên mình ra.

— Ồ! Đó là Jake Cohen! - Một người trong đám phi công thốt lên thế - Anh ta là bác sỹ ở Nam - Phi.

Các phi công bắt đầu kể những câu chuyện vui về “Mikey”, người hiện đang chia sẻ thời gian của mình cho Israel và Hoa Kỳ. Một lúc sau, tôi cảm ơn mọi người, và lấy cớ có việc bận, tôi xin nghỉ. Tôi không đưa các vi-sít cho một ai, cũng không đưa ra một lời hứa nào. Tôi ghi tên từng người. Tất cả mọi người muốn mời tôi ăn bữa trưa. Bọt nhào đã dậy mùi, thì người ta có thể làm những gì người ta muốn. Rồi, tôi ở lại đó.

Tôi quay về nhà, viết báo cáo, và quảng nó cho Kauly:

— Nếu có cái gì đó trong cuốn băng này, mà tôi không phải viết vào báo cáo thì hãy nói cho tôi biết.

Điều này làm mọi người cười rộ lên.

Tháng ba năm 1984, Araleh Sherf tập hợp chúng tôi trong một cuộc biểu diễn do Amos Ettinger trình diễn. Ông Amos là một nhà sản xuất phim. Cuộc biểu diễn này đã được trình diễn tại phòng nghe nhạc Mann của Tel Aviv, trong buổi bế mạc theo tập tục của Mossad. Tamar Avidar, vợ của Ettinger, một người viết thời luận nổi tiếng, có một thời là tùy viên văn hoá của Đại sứ quán ở Washington.

Đó là một trong những cuộc biểu thị hiếm hoi công khai, do Mossad tổ chức, còn thì người ta làm “trong gia đình” - những chính trị gia, những nhà tình báo quân sự, những cán bộ cũ của Văn phòng, và một vài nhà xuất bản của báo chí.

Ngày trình diễn, chúng tôi bị làm kiệt sức. Chúng tôi không có thời gian để ngủ vì công việc soạn thảo các báo cáo cho Kauly và ôn luyện. Vì chúng tôi phải đồng diễn vào buổi tối, Yosy đã đề nghị chúng tôi về nhà anh ta ngủ một hai hai tiếng. Vừa về đến nhà, cậu ta đã chuẩn đi và gặp một cô bạn gái láng giềng, người mà cậu ta hứa sẽ “phục vụ”, như thế nghĩa là cậu ta không ngủ nghê gì hết.

— Cậu vừa cưới vợ - Tôi chọc Yosy - vợ cậu đang chờ có một thằng con trai đấy. Thực tình, mình chả hiểu cậu ra làm sao! Mình muốn biết rõ điều cậu sẽ giải thích.

Yosy sẵn sàng giải thích cho tôi, ông bà ngoại của cậu ta là chủ một cửa hàng ở khu quý phái Kiker Hamdina và cậu ta không phải lo nghĩ về vấn đề tiền nong. Mặt khác, cậu ta sinh ra trong một gia đình của những người Do Thái sùng đạo, và bố mẹ cậu ta mong có một đứa cháu trai.

— Như thế đã đáp ứng câu hỏi của cậu chưa? - Yosy hỏi tôi.

— Được một phần thôi. Thế cậu không yêu vợ à?

— Có chứ... mỗi tuần hai lần.

Chỉ có Heim là người có khả năng đua tài với những kỳ tích của Yosy. Tôi không bao giờ hiểu nổi, tại sao Mossad lại tuyển mộ một con người tồi tệ như Yosy. Ngoại trừ những thủ đoạn của đường phố, cậu ta chả hiểu cái gì với cái gì cả. Những thành tích của cậu ta còn làm ngạc nhiên hơn nữa vì cậu ta xấu như ma, với cái mũi to tướng. Nhưng, cậu ta chỉ tìm kiếm số lượng chứ không phải tìm chất lượng. Nếu họ biết rằng các anh làm việc cho Mossad, những người gây được ấn tượng rất mạnh mẽ, họ nghĩ các anh có quyền lực. Vậy đấy, hai gã kia đã khoe khoang thuộc Mossad để làm thoả chí những chiến công của họ. Thật là nguy hiểm, nó trái với những quy chuẩn, nhưng họ cóc cần.

Heim đã có vợ, thường xuyên cùng vợ đến dự dạ hội chỗ chúng tôi. Một hôm bà vợ này tuyên bố với Bella, vợ tôi rằng Heim “là một trong số những người chồng chung thuỷ nhất”. Trước một sự mù quáng đến mức đó, những cánh tay tôi buông thõng xuống.

Nơi Yosy đã đi quá giới hạn, khi cậu ta sử dụng gian phòng “cấm” của Tổng hành dinh ở trên tầng sáu. Đó là phòng các *katsa* đến gọi điện thoại cho các điệp viên của họ. Hệ thống cho phép gọi điện thoại, chẳng hạn, tới

Lyban, nhưng lại làm cho người nghe tưởng rằng tiếng của người gọi từ London, hay Paris hoặc từ một thủ đô nào đó của châu Âu. Khi phòng bận, một chiếc đèn đỏ bật lên cấm không ai vào.

Yosy đã đưa một cô thư ký vào đó, điều này đã là một vết nhơ đối với nội quy, và còn lạm dụng việc gọi điện thoại cho điệp viên của cậu ta ở Lyban nữa. Cậu ta nhét một chiếc quần lót của người con gái dưới một máy điện thoại, coi như một bằng chứng về “chiến công” của cậu ta. Heim đã đi kiểm tra, tìm thấy vật chứng của kẻ phạm tội, rồi đem vật chứng trả lại cho chủ nhân của nó.

— Đây, cầm lấy, tôi tin rằng nó là của cô.

— Ô, không, không phải đâu - Cô ta ngượng ngịu đáp lại.

Heim ném chiếc quần lót xuống bàn và vừa đi ra vừa nói:

— Trước hết, hãy đừng để phải cảm lạnh.

Những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên này là thường xuyên đối với một số trong chúng tôi, và nó đã biến thành những mối liên hệ. Quá nghiêm túc, chính bản thân tôi đã tự tách mình ra khỏi thế giới này và tự tước bỏ nhiều mối quan hệ. Tôi đã biểu lộ một sự thất vọng sâu sắc. Tôi đã tin vào Chúa Trời của Israel, hạ được xuống Sodome và Goraorrhe. Tổng hành dinh đã biến thành baisodrom mênh mông. Anh nhờ tôi cái này, tôi lại nhờ anh cái kia. Anh cho tôi cái này, tôi lại muốn trả anh cái kia. Những *katsa* đã trèo tới những nấc thang nhờ vào những câu chuyện của hải hùng.

Những người được tuyển mộ, trước hết là vì thể chất con người họ. Những nữ thư ký, đại đa số là những cô gái rất đẹp, nhưng không một cô nào đáng tin cậy. Tuy nhiên có một quy định: Không được ăn ngủ với chính thư ký của mình, điều đó đã có hại cho công việc.

Các chiến sỹ, chính họ, ra đi làm nhiệm vụ trong hai, ba hoặc thậm chí bốn năm. Các *katsa*, người chỉ huy họ, những người của Metsada, là những mối liên hệ duy nhất gắn bó họ với những người vợ. Các *katsa*, hàng tuần bắt đầu viếng thăm những người vợ này, và dần dần những cuộc thăm viếng không còn dùng để thông báo tin tức của người chồng nữa, mà chỉ để giữ vị trí của người vợ.

Hãy hiến dâng cho họ cả cuộc đời của mình, nhưng đừng bao giờ hiến dâng vợ mình. Khi mà anh gặp rủi ro trong một nước Ả Rập nào đó, anh sẽ mất vợ anh vào tay một *katsa*. Thực tiễn diễn ra hàng ngày là nếu anh thỉnh cầu với Metsada, người ta sẽ hỏi anh:

— Vì sao? Anh muốn bán một phát ư?

Buổi biểu diễn do những người mới vào nghề tự xưng là “Những chiếc bóng” trình diễn, một câu chuyện tình báo được đóng trong bóng đêm của Trung Hoa, diễn ra đằng sau ba tấm màn phong.

Những *katsa* trong tương lai đã không phải lột tả hết bộ mặt của họ trước công chúng.

Một điệu múa uốn bụng đệm nhạc của Thổ Nhĩ Kỳ, đã khai mạc buổi dạ hội. Một người đàn ông mang một bộ tai nghe, bước ra ngoài rèm phong, đưa mắt liếc nhìn những người am hiểu. Người ta pha trò bằng cách nói rằng *katsa* được nhận ra với ba chữ s: Samonite, Sept Etoiles (nhãn hiệu của một cuốn lịch bằng da) và montre Seiko, (ba chữ s là Samonite, Bảy ngôi sao và đồng hồ Seiko).

Màn tiếp theo mô tả một hoạt động tuyển mộ người, rồi tiếp đó là một cảnh châm biếm về việc mở khám và li ngoại giao. Sau đó, người ta tìm thấy một căn hộ ở London, nơi đây có một người đàn ông đang nói trong một phòng, mà trong một phòng bên cạnh có một người khác đưa bộ nghe lên tai để nghe cuộc nói chuyện.

Màn tiếp theo, mô tả một dạ hội ở London, với những người Ả Rập mặc quần áo truyền thống của họ. Tất cả mọi người uống, và bầu không khí càng ngày càng trở nên thân hữu. Trên tấm phong bên cạnh, một *katsa* gặp một người Ả Rập trên đường phố. Họ trao đổi Samonite của họ cho nhau.

Kết thúc buổi biểu diễn, tất cả diễn viên tay cầm tay vẫy chào và cùng hát bằng tiếng Hebreu bài *Ngày đợi chờ*. Âm nhạc chuyển sang một bài nổi tiếng *Năm tới ở Jelusalem*, niềm mơ ước truyền thống của những người Do Thái trước khi tạo lập nước Israel.

Hai hôm sau, chúng tôi tổ chức một buổi nướng thịt ăn ngoài trời, ngay trong sân của Hàn lâm viện. Những bà vợ của chúng tôi, các giáo viên của chúng tôi, và tất cả những ai đã tham dự vào bài học tập sự của chúng tôi đều có mặt cả.

Chúng tôi đã giành được thắng lợi.

Phần thứ hai:

Bên trong và bên ngoài

Chương I:

CHIẾC BÀN CỦA BỈ

Tháng 4 năm 1984, chúng tôi chưa phải là những *katsa*, nhưng cũng không còn là những học sinh sỹ quan nữa. Chúng tôi là những người tập sự mà ở Tổng hành dinh có những nhiệm vụ khác nhau đang chờ đợi, trước khi theo học một khóa thứ hai về đào tạo tình báo, và chúng tôi mơ ước đến danh hiệu *katsa*.

Tôi được bổ nhiệm vào bộ phận Nghiên cứu. Như Kauly đã giải thích cho chúng tôi, trong khoảng một năm, những người thực tập, cứ hai tháng sẽ thay đổi công việc một lần, để có được cái nhìn tổng quát về Văn phòng, trước khi bắt đầu khoá học thứ hai của họ.

Một hôm, khi kết thúc một cuộc thảo luận dài, có tô điểm các chuyện vui thông thường, và được tưới cả phê trong bầu không khí đầy khói thuốc, Kauly thông báo cho chúng tôi rằng Aaron Shahar có ý muốn thăm chúng tôi. Aaron là phụ trách của Komemiute, trước đây là Metsada, mà người ta đã thay tên cùng lúc với tên của các tổ chức khác sau khi một quyển ghi mật mã đã bị biến mất ở London, tháng 7 năm 1984. Shahar chọn hai người trong số chúng tôi để vào Komenmiute, là Tsvy G., nhà tâm lý, và Amiram, một anh chàng trầm tĩnh, và dễ cảm tình. Amiram đã trực tiếp gắn với Văn phòng từ hồi trong quân đội, lúc đó anh ta là trung tá. Họ sẽ trở thành các sỹ quan xử lý đối với các chiến sỹ.

Momenminute, có thể được dịch ra là “Độc lập và Kiêu hãnh”, nó hoạt động như một Mossad trong Mossad. Đó là một vụ cực kỳ bí mật, gồm các chiến sỹ, những “tình báo viên” thực sự. Họ được gửi tới các nước Ả Rập

với một vỏ bọc chắc như bê tông. Cơ quan này có một đơn vị nhỏ gọi là kidom, nghĩa là lừa lẻo. Kidora gồm ba nhóm, mỗi nhóm mười hai người. Họ là những người “bắn, giết”, mà theo cách chuyển ngữ, người ta gọi là: “Những cánh tay dài của công lý Israel”, về nguyên tắc, một đội đi làm nhiệm vụ ở nước ngoài, trong khi đó, hai đội kia tập luyện ở trong nước. Các chiến sỹ không biết gì về cơ chế của Mossad, cũng như tên thật của các đồng nghiệp.

Các chiến sỹ tạo thành những nhóm, hai với hai, rất gắn bó. Một người là chiến sỹ “nước mục tiêu”, người kia là chiến sỹ “nước chỗ dựa”. Họ không có những hoạt động đặc thù trong các nước bạn, như Algérie chẳng hạn, nhưng họ có thể cùng nhau tạo ra một công ty ở nước đó. Khi cần thiết, người chiến sỹ “nước mục tiêu” lên đường tới nước mục tiêu, phục vụ công ty này như một vỏ bọc, trong lúc đó, người bạn của anh ta, chiến sỹ “nước chỗ dựa”, tiếp tục cuộc sống hàng ngày bình thường, và tìm kiếm cho mình tất cả những thứ cần thiết.

Trải qua nhiều năm tháng, vị trí của các chiến sỹ phát triển lên, giống như ở Israel. Một thời kỳ, Mossad có những người ở trong các nước Ả Rập, nhưng họ lưu trú ở đó quá lâu và cuối cùng kết thúc bằng tù tội. Những người đó, chủ yếu là những người Ả Rập, những người Israel, học tập và nói tiếng Ả Rập ở đó. Vào lúc khai sinh ra Nhà nước Israel, nhiều người Do Thái sống trong các nước Ả Rập đã di cư tới miền Đất Hứa, và những người Ả Rập chiếm số đông. Ngày nay, điều này không còn đúng nữa, và tiếng Ả Rập mà người ta dạy ở trường không đủ.

Ngày nay, những người của Komenmiute đã chuyển sang hàng ngũ những người châu Âu. Họ cam kết ở bốn năm, một thời kỳ tối thiểu cho phép họ mở ra một công ty, yêu cầu có các chuyến đi làm ăn trong các nước Ả Rập. Mossad chọn một người cho họ, một người cùng làm, một chiến sỹ của nước chỗ dựa. Những công ty được thành lập, vì thế, nhìn chung, tốt

hơn các vỏ bọc đơn giản, khi đó, người ta có các cuộc thương lượng thật sự trong buôn bán xuất nhập khẩu ở đó.

Khoảng 70% các công ty này có trụ sở ở Canada. Lãnh đạo của các công ty chỉ liên lạc với văn phòng thông qua trung gian một sỹ quan xử lý. Viên sỹ quan này chỉ chịu trách nhiệm về bốn, hoặc năm nhóm chiến sỹ, không bao giờ nhiều hơn.

Khoảng hai chục chuyên gia thương mại làm việc cho Komenmiute. Họ phân tích từng công ty, đánh giá thị trường và thông báo những kết luận của họ cho người sỹ quan xử lý, người này đến lượt mình lại cố vấn cho các chiến sỹ trong công tác quản lý làm ăn.

Các chiến sỹ được tuyển từ mọi tầng lớp của dân chúng, bác sỹ, luật sư, kỹ sư, các đại học gia. Tất cả họ là những người yêu nước, chấp nhận hi sinh bốn năm cho đất nước. Gia đình họ nhận được sự đãi ngộ tương xứng với mức lương trung bình ở Israel, và một khoản tiền được gửi vào tài khoản riêng cho mỗi người; người chiến sỹ này sẽ lĩnh số tiền đó khi họ kết thúc cam kết của họ, một số tiền khuyến khích trị giá từ 20.000 đến 30.000 đô la.

Những nhân viên của Komenmiute không quan tâm tới tin tức tình báo trực tiếp - hoạt động của quân đội, công tác chuẩn bị của phòng vệ dân sự - nhưng lại chuyên môn hoá trong lĩnh vực thông tin “tổng hợp”, nghĩa là phân tích về kinh tế, những dư luận, những phong tục, tập quán, những quan điểm... Là những người tự do với các hoạt động của mình, họ có thể, không có rủi ro, mà chỉ tập trung quan tâm tới công ty nơi họ sống. Họ không bao giờ truyền tin qua vô tuyến điện từ một nước mục tiêu. Thỉnh thoảng, người ta chuyển tiền cho họ, và chuyển các thông điệp cho các điệp viên “đen”. Trong các nước Ả Rập, các chiến sỹ đã đánh mìn nhiều cầu. Tất cả các chiến sỹ đều được huấn luyện về kỹ thuật phá hoại. Trong trường hợp chiến tranh, mỗi chiến sỹ đều được trang bị các kíp nổ đủ để phá các cầu.

Sau khi Tsvi và Amiran đi sang tổ chức Komenmiute, Shai Kauly đã giành cho chúng tôi một sự bất ngờ.

— Những kế hoạch đã soạn thảo được thay đổi, Kauly mở đầu. Tôi biết các anh đang kiên trì chờ đợi kỳ nghỉ hè của các anh, nhưng trước đây, Văn phòng đã giành cho các anh những ưu đãi vô hạn. Các anh sẽ là những người đầu tiên tiếp nhận khoá đào tạo tin học cấp tốc, bằng việc làm quen với máy tính QG (của Tổng hành dinh). Việc đó không chiếm của các anh quá ba tuần lễ, và sẽ còn lại cho các anh một ít thời gian để nghỉ hè.

Chúng tôi đã quen, không ngạc nhiên đối với việc đảo lộn thời gian thế này. Không hiếm những lúc đang ngày nghỉ, có một người đột nhiên gọi, nói là có việc cần đến chúng tôi, nhưng trong thời gian 24 giờ, không được chậm hơn, và nói chung chúng tôi phải dành 20 phút để thu xếp gia đình. Dĩ nhiên, điện thoại được dùng liên tục.

Những *katsa*, bản thân họ, sử dụng những thông điệp ghi âm sẵn. Băng ghi âm này tự động mở: “*Xin chào, Đây là Văn phòng. Chồng bà còn đang bận, ông không thể về nhà như dự định được. Ông sẽ gọi điện cho bà ngay khi nào có thể được. Trong trường hợp khẩn cấp, xin hãy liên hệ với Jacob*”.

Sự lưỡng lự là có ý muốn. Thấy được tầm quan trọng mà việc quan hệ nam nữ giữa trong cuộc sống của họ, các *katsa* xem việc lưỡng lự này như một yếu tố của tự do. Nếu một trong số họ say mê một người lính nữ và muốn cùng cô này đi nghỉ cuối tuần, người vợ anh ta, người đàn bà hay lui tới cản trở vào phút cuối cùng, sẽ không quan tâm đến việc anh ta vắng mặt. Sự hài hước của câu chuyện, đó là người ta không có thể trở thành *katsa* mà không có vợ. Người ta chứng minh điều đó bằng sự sợ một người chưa có vợ tán tỉnh những cô gái đẹp, rồi sẽ dễ trở thành con mồi cho một nữ gián điệp được một nước thù địch điều khiển từ xa. Nhưng, công việc bận rộn chính của *katsa* là đào bới và thậm chí, họ còn hiến cho kẻ thù của mình cả

ngàn dịp để ca ngợi việc làm đó. Tôi chưa bao giờ hiểu được, vì sao người ta chỉ tuyển những người có vợ. Đây còn là một điều bí ẩn.

Một trong những phòng trên tầng hai của Viện Hàn lâm được dọn dẹp lại, những chiếc bàn được sắp xếp thành nửa vòng tròn và được trang bị các bàn phím điều khiển, cho khoá đào tạo tin học của chúng tôi. Giáo viên chiếu cho chúng tôi xem các phim dương bản để giải thích. Trước tiên, chúng tôi học làm thế nào để điền vào một chiếc phiếu nhận dạng nhờ một tờ giấy vàng, gọi là “cà rốt”, chứa đựng một loạt các câu hỏi phải điền vào để có đường dẫn tới tủ phiếu của máy tính. Chúng tôi làm việc trên những bảng điều khiển thật, được nối với Tổng hành dinh, mở đường vào các tủ phiếu thật, trên những tủ phiếu đó, chúng tôi học sử dụng chương trình và các dữ liệu.

Người ta cũng dạy chúng tôi sử dụng phần mềm, gọi là Ksharim (các đầu mối, hay các mối quan hệ). Phần này xử lý các mối quan hệ của những người này hoặc người kia, và đây là điều đã xảy ra: Arik ngồi trước bảng phím điều khiển của thầy giáo chúng tôi, ông này đi vắng và Arik gõ đường dẫn vào tên Arafat theo Ksharim. Mã số Arafat có đường dẫn ưu tiên vào bộ nhớ của máy tính. Chuyển biến theo tầm quan trọng của con người, mà trong đó, người ta muốn có những tin tức tình báo, người ta có được những câu trả lời, dù nhanh hơn hay chậm hơn, nhưng, Arafat lại là ưu tiên của những ưu tiên. Vì thế, máy tính trung tâm làm việc theo những câu hỏi được đặt cho nó. Vì lý do này hay lý do khác, đối với Arafat, máy trung tâm sử dụng hết mọi khả năng để giải quyết vấn đề này, đồng thời ngưng mọi mạch hoạt động của các máy tính khác. Arik đã làm tê liệt máy tính của Mossad trong 8 giờ liền.

Từ đó, hệ thống đã được sửa đổi, những câu hỏi cần phải được cụ thể và những câu trả lời giới hạn trong 300 dòng. Từ đây, người ta phải nêu rõ, thí dụ về các quan hệ của Arafat với những người Syrie, hơn là hỏi tổng quát, danh sách những quan hệ của Arafat.

Sau đợt thực tập này và ba ngày nghỉ hè còn lại cho tôi, tôi đã trở về với nhiệm vụ đầu tiên được giao là nghiên cứu, ở văn phòng Ả Rập Saudi của Mossad, dưới sự dẫn dắt của bà Aerna. Văn phòng này ở ngay cạnh văn phòng Jordanie do Ganit điều hành, và không có văn phòng nào trong hai văn phòng đó là quan trọng cả. Mossad chỉ có một “taupe” (một con chuột chũi) là một tùy viên làm việc trong Đại sứ quán Nhật. Các tin tức về khu vực này, đều thông qua báo chí, tạp chí và các phương tiện thông tin đại chúng. Thêm vào đó có một số tin tình báo được đơn vị 8200 dàn dựng sai lệch đi.

Bà Aerna làm việc ở toà soạn cuốn sách về các thể hệ của gia đình hoàng tộc Ả Rập. Song song với việc đó, bà tập hợp các tư liệu về dự án ống dẫn dầu thứ hai mà những người Iraq đang xem xét thoả thuận lại để dẫn dầu, nhằm mục đích tài trợ cho những nỗ lực chiến tranh của họ chống Iran, cuộc chiến tranh làm cho công việc chuyển vận dầu hoả trong vùng vịnh Persique trở nên phiêu lưu. Tôi đã có trong tay những bản báo cáo mang tính giáo huấn mạnh mẽ của các Cơ quan Tình báo Anh về nước Ả Rập Saudi. Những báo cáo của Anh cực kỳ mang tính tư liệu, nhưng, nó đề cập đến phân tích chính trị hơn là về Tình báo. Người Anh, không muốn chia sẻ trong tình báo. Một trong những báo cáo này cho thấy những người Ả Rập đang xem xét việc mở rộng khai thác dầu hoả, điều này làm cho đường ống dẫn dầu thứ hai trở thành cần thiết. Nhưng, những người Anh đã tạo ra tình trạng sản xuất thừa cho thế giới trong tương lai, việc này gây nên mối đe dọa đối với nền kinh tế của Ả Rập, một đòn trừng phạt nặng nề vì chính sách chăm sóc và hệ thống giáo dục không mất tiền của Ả Rập.

Chúng tôi đã có những thông tin từ những người Anh, rất nghiêm túc, nhưng mọi người trong cơ quan lại nghĩ rằng họ đã chịu ảnh hưởng bởi “Garce”, cái tên mà Mossad gán một cách khó coi cho bà Margaret Thatcher, nhãn hiệu một lần đối với tất cả những người Do Thái. Các việc nằm vị trí, không bao giờ được phân tích theo tiêu chuẩn chính trị, người ta tự hỏi một cách đơn giản: “*Người Do Thái có tốt không?*” và nếu câu trả

lời mang tính tiêu cực, thì những người đó được liệt vào loại Do Thái, và sự phán quyết là xứng đáng hay không.

Chúng tôi nhận được những tờ giấy dài, giống như giấy than trắng, trên đó là những bản dịch viết các cuộc nghe điện thoại giữa vua Ả Rập Saudi với những người cộng sự thân cận. Ví như bản dịch: Hoàng thân Ả Rập đã gọi điện thoại cho một người bà con ở châu Âu báo trước rằng thiếu tiền để sử dụng ngay. Ông ta để người bà con liên hệ với một người có khả năng làm việc này. Một bản dịch khác liên quan đến một chuyến tàu chở hàng, vận chuyển hàng nghìn tấn dầu hỏa, đi tới Amsterdam, và không người nào, trong số nói trên, đưa ra những chỉ thị cho người bà con để chuyển bảo đảm theo tên của Hoàng thân và đặt cọc tiền chuyển giao vào một tài khoản của Ngân hàng Thụy Sĩ. Gia đình hoàng gia vì thế có ngay số tiền khổng lồ.

Một trong những cuộc nói chuyện đáng nhớ nhất là cuộc nói chuyện của Arafat kêu gọi sự can thiệp của vua bên cạnh Assad của Syrie, người đã từ chối nói chuyện với Arafat. Vì vậy, vua điện thoại cho Assad, ca ngợi ông này, và gọi ông Assad là “Cha của những người Ả Rập” hay “Người con của Thanh kiếm thần”. Assad chấp nhận nói chuyện với vua của Ả Rập, nhưng không nói chuyện với Arafat!

Tôi gặp một số Ephraim (mà chúng tôi gọi là Effy), những điệp viên cũ liên lạc với CIA ở Washington. Effy bịa ra, trong năm 1977, đã chịu trách nhiệm về sự sụp đổ của Itzhak Rabin, người của Đảng Lao động, lúc đó là Thủ tướng đã ba năm. Mossad không ưa Rabin. Là Đại sứ ở Hoa Kỳ, năm 1974, ông đã từ nhiệm, để về cầm đầu Đảng Lao động và đã kế nhiệm chức Thủ tướng của bà Golda Meir. Rabin đòi hỏi Mossad những dữ liệu tàn ác và không phải là những bản trình bày làm dịu tin buồn thông thường phục vụ những ham muốn bóp méo đường lối chính trị của Israel theo hướng cho lợi ích của mình, điều đòi hỏi này gây phức tạp cho nhiệm vụ của Mossad.

Tháng 12 năm 1976, Rabin và Nội các của ông đã từ chức sau khi bắt ba Bộ trưởng của Đảng Dân tộc tôn giáo phải rời Chính phủ tiếp sau việc

họ bỏ phiếu trắng trong cuộc bỏ phiếu tín nhiệm ở Knesset. Rabin ở lại làm Thủ tướng của Chính phủ giao thời, chờ tới cuộc tuyển cử tháng 5 năm 1977, cuộc tuyển cử đã đem lại thắng lợi cho Menahem Begin, đã đem lại sự hài lòng lớn cho Mossad. Tuy vậy, đây là một vụ “bê bối” do nhà báo nổi tiếng Dan Margalit phanh phui, đã làm cho Rabin phải ra đi ngay trước khi có cuộc tuyển cử.

Luật của Israel cấm không được mở một tài khoản ở một ngân hàng nước ngoài. Thế mà, vợ của Rabin đúng là có một tài khoản ở New York, mà số tiền gửi không quá 10.000 đô la, và bà ta đã sử dụng khi chuyển sang ở Hoa Kỳ. Thế nhưng, mọi chi phí cho vợ Thủ tướng, do Chính phủ gánh chịu. Mossad biết có tài khoản và Rabin cũng biết là Mossad biết, nhưng, Thủ tướng đã không áp dụng những sự đe dọa nghiêm khắc. Một sai lầm trầm trọng!

Mossad chờ đợi cơ hội thích hợp và tung ra cho Margalit. Theo Ephraim (những điệp viên cũ liên lạc với CIA), việc này, chính Mossad đã cung cấp những chi tiết chính xác cần thiết cho Margalit khi ông này tới Hoa Kỳ để thẩm tra thông tin. Vụ bê bối này đã giúp cho Begin đánh bại Rabin, một con người liêm khiết, nhưng Mossad không ưa. Họ say mê với việc đó. Khắp nơi, Ephraim kể rằng Mossad là người gây ra sự sụp đổ này và chưa bao giờ tôi thấy ai nói ngược lại.

Khi còn là học sinh sỹ quan ở Viện Hàn lâm, người ta đã cho chúng tôi thăm quan các ngành công nghiệp hàng không của Israel (IAI). Khi thực tập tại văn phòng về các vấn đề của Ả Rập Saudi, tôi đã biết người Israel đã bán cho Ả Rập, thông qua một nước thứ ba (tôi không biết nước nào), những bình nhiên liệu phụ (do IAI sản xuất), cho phép các máy bay tiêm kích của Ả Rập mang được nhiều nhiên liệu hơn và hoạt động với bán kính xa hơn. Israel cũng ký một hợp đồng với Hoa Kỳ để cung cấp những bình nhiên liệu phụ giống như của họ.

Người Ả Rập thấy sự dàn xếp bị tổn kém, quay sang mua của Hoa Kỳ các bình nhiên liệu phụ với giá hời hơn. Israel không đồng ý và nói rằng không phải vì vấn đề giá cả. Trong chừng mực nào đó, những người Ả Rập sẽ có thể tấn công Israel với các máy bay F.16. Lúng túng bởi thiệt chí kém, khi người ta biết rằng những bình nhiên liệu phụ đã được bán, nấp dưới cái vỏ dân sự với cái giá cao hơn nhiều so với giá bán mà Hoa Kỳ đề nghị. Rất nhiều thứ bán cho Ả Rập Saudi theo cách này. Đó là một thị trường lớn.

Vụ nghiên cứu, chiếm cứ ở tầng trệt và dưới hầm của Tổng hành dinh còn có văn phòng của người phụ trách, người phó phụ trách, thư viện, một phòng máy tính, một ban thư ký, một văn phòng liên lạc. Nhân sự được phân bổ cho các bộ phận Hoa Kỳ, Nam Mỹ, văn phòng tổng hợp gồm Canada, Tây Âu, văn phòng Hạt nhân, dưới cái tên “Kaput” do không có nghĩa lý gì, và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Lybie, Maghreb (Maroc, Algérie, Tuynisie), châu Phi, Liên Xô và Trung Quốc.

Vụ viết các báo cáo hàng ngày ngắn, mà mỗi một báo cáo có thể tìm hiểu bằng cách tra hỏi máy tính mỗi buổi sáng, ngay từ khi đến. Một báo cáo đầy đủ hơn gồm bốn trang giấy xanh, xuất hiện hàng tuần và nêu lên những việc đáng chú ý nhất gửi từ thế giới Ả Rập về. Một báo cáo khác, khoảng 20 trang, cực kỳ chi tiết với các bản đồ và các biểu đồ được đưa ra, cứ ba tháng một kỳ.

Tôi đã phải vẽ một bản đồ về dự án ông dẫn đầu và một biểu đồ thống kê đánh giá khả năng một tàu chở dầu vượt qua vịnh Persique vô sự. Thời kỳ đó, tôi đánh giá khả năng này là 30%. Quá 48%, chính sách của Mossad là báo hiệu ngay cho mỗi doanh trại, việc di chuyển của các tàu phía kia. Một trong số những người của chúng tôi ở London gọi điện thoại cho các Đại sứ quán Iran và Iraq đồng thời bày tỏ ý kiến và cho họ biết tình hình. Họ muốn trả tiền cho người gọi điện thoại chừng nào những thông tin là chính xác, nhưng, người ta từ chối tiền, và khẳng định, chỉ hành động vì lợi

ích của nước họ. Chúng tôi cho phép các tàu bè tự do đi lại, nhưng, ngay khi nào con số 48% kia bị vượt qua, chúng tôi sẽ thông báo cho căn cứ trước mặt, và các tàu chở dầu sẽ bị oanh tạc. Một cách như kiểu đổ dầu vào lửa: Chừng nào mà họ đánh lẫn nhau, thì họ không đe dọa chúng tôi.

Sau nhiều tháng trong công tác nghiên cứu, tôi được chuyển sang phục vụ. Niềm say mê nhất với tôi, là Quan hệ, hay gọi là Kaisarut. Tôi làm việc trong ban gọi là Dardasim (hay “Smerfs”), vụ này chịu trách nhiệm về Viễn Đông và châu Phi, do Amy Yaar lãnh đạo.

Đó là một Bộ Ngoại giao thu nhỏ, giải quyết những vấn đề của các nước chưa có quan hệ ngoại giao với Israel. Người ta ví nó như một nhà ga tàu hoả. Nhiều tướng lĩnh về hưu và các sỹ quan cũ của Văn phòng thường đến thăm dùng những mối quan hệ cũ với Mossad để thương thuyết các hợp đồng, mà chủ yếu là bán vũ khí, có lợi cho các công ty của họ. Những người Israel, những nhà “tư vấn” đa dạng này không có thể tới được một số nước, và cơ quan Quan hệ, tạo điều kiện cho họ bằng cách kiếm cho họ những hộ chiếu giả, hay các giấy tờ cần thiết khác.

Đó là bất hợp pháp, nhưng không ai nói gì cả. Mỗi người đều biết rằng, một ngày nào đó, họ sẽ về hưu và cũng sẽ làm giống như vậy thôi.

Amy cho tôi biết trước rằng, trong trường hợp có yêu cầu bất bình thường, tôi không phải đặt câu hỏi, nhưng phải trực tiếp báo ngay việc đó. Một hôm, có một người tới trình bản hợp đồng nhờ đưa Thủ tướng ký. Bản hợp đồng này dự kiến bán cho Indonesia từ 20 đến 30 chiến đấu cơ Skyhawk do Mỹ chế tạo, việc bán này trái với Hiệp định giữa Mỹ và Israel. Israel không thể bán lại những chiến đấu cơ này mà không có chuẩn y của Hoa Kỳ.

— Ngày mai ông có thể trở lại được không? Tôi hỏi- Ngoài ra, ông có thể để số điện thoại của ông lại cho tôi. Tôi sẽ gọi ngay cho ông khi đã sẵn sàng.

— Không, tôi đợi- Người đàn ông đáp.

Khi thăm các cơ sở công nghiệp phục vụ hàng không (IAI), tôi đã nhìn thấy trên đường băng có chừng 30 máy bay Skyhawk được phủ vải nhựa màu vàng tươi. Lúc đó, tôi đã hỏi những thứ này làm gì ở đây, người ta trả lời nó đang chờ được chuyển đi, nhưng không nói rõ đi đâu. Tôi hiểu rằng người Mỹ không chấp thuận việc bán các máy bay này cho Indonesia, bởi vì việc đó sẽ tạo ra sự thay đổi tương quan lực lượng trong khu vực này của thế giới. Nhưng, việc này không do tôi quyết định được. Lúc đó, người đàn ông nói rằng ông chờ đợi câu trả lời của Thủ tướng Simon Perés. Tôi mở ngăn bàn, gọi: “Simon! Simon! Tôi đang cô đơn đây, ngài Perés không có ở đây lúc này.”

Người kia nhìn tôi giận dữ và ra lệnh cho tôi đi tìm Amy. Thậm chí tôi không cảm thấy khó chịu phải hỏi tên ông ta, nhưng khi tôi đang nói chuyện với ông ta về điều này, thì đột nhiên Amy đến, hét to:

— Ông ta ở đâu? Ông ta ở đâu?

— Đang trong phòng đợi.

— Thế thì chuyển ông ta lên tôi cùng với bản hợp đồng của ông nữa.

Hai mươi phút sau, người đó ra khỏi văn phòng Amy và đi qua văn phòng của tôi, bản hợp đồng đã được làm sáng rõ và ông ta tỏ ra rất vui.

Cuối cùng, ông Perés ở đó, ông khách kia làm ầm ĩ lên.

Trên thực tế, ông Perés có thể đang ở Jerusalem, mà chả biết gì về chữ ký của mình được ký bên dưới các văn bản này. Giấy tờ được nêu ở trên, mà chúng tôi gọi là “bidon”, chỉ được dùng trong nội bộ, chỉ nhằm để bảo đảm cho người vận chuyển, che đậy về mặt tài chính, bởi vì việc mua bán đã có sự đồng ý của Thủ tướng.

Một cách chính thức, những nhân viên của Mossad làm việc cho văn phòng của Thủ tướng. Thủ tướng đã được biết việc mà cả mua bán, tuy nhiên không biết chi tiết về các giao kèo có liên quan. Thông thường, muốn rằng mình không biết các giao kèo mua bán. Việc này tránh cho ông phải có những quyết định. Với cách đó, trong trường hợp người Mỹ phản đối, thì Thủ tướng sẽ nói rằng ông không hay biết gì. Đây chính là điều mà người Mỹ gọi là “một sự cự tuyệt có thể chấp nhận”.

Ngôi nhà châu Á của Israel Saul Eisenberg, ở gần Tổng hành dinh. Nhờ có nhiều mối liên hệ ở Trung Đông, Saul Eisenberg đã trở thành chiếc cầu nối giữa Mossad với Trung Quốc, và đã bán được vũ khí ra khắp thế giới. Phần lớn việc buôn bán này dựa vào số vũ khí thừa, trang thiết bị do Nga sản xuất cung cấp cho Ai Cập, Syrie bị Israel lấy được trong các cuộc chiến tranh. Khi bán tất cả những kho vũ khí AK-47 do Nga chế tạo, Israel đã sản xuất ra một loại súng gọi là Galil, một loại súng kết hợp giữa AK-47 của Nga và M-16 của Mỹ. Israel đã bán loại vũ khí này ra khắp thế giới.

Tôi ấn tượng đang làm việc trong một siêu thị thì phải. Những nhà tư vấn tư nhân coi như những con tốt (trong bàn cờ) của chúng tôi nhưng lại là những con tốt chơi những nước của chính họ. Đúng hơn, khi có một kinh nghiệm rộng lớn hơn bất kỳ điều gì của chúng tôi, thì chính họ sẽ biến chúng tôi thành những con tốt của họ.

Vào khoảng giữa tháng bảy, năm 1984, một trong những nhiệm vụ của tôi là hộ vệ cho một nhóm những nhà nghiên cứu nguyên tử của Ấn Độ, sang thăm bí mật Israel để gặp gỡ, trao đổi thông tin với các nhà bác học và chuyên gia hạt nhân của Israel, bởi vì Ấn Độ lo lắng về sự đe dọa của một quả “bom Hồi giáo” (Ý nói về vũ khí hạt nhân của Pakistan). Thực ra, người Israel chấp nhận những thông báo thiện chí mà người ta đưa đến nhưng họ lại không sẵn sàng cung cấp thông tin của mình cho người ta.

Sau hôm đoàn Ấn Độ đi, khi Amy cho gọi tôi, tôi đã tập hợp tài liệu làm việc của mình. Ông ta giao cho tôi hai nhiệm vụ. Trước hết, tôi phải giúp

sắp xếp hành lý và giúp đưa một nhóm người Israel đi Nam Phi để huấn luyện cho những đơn vị cảnh sát mật của nước này. Sau đó, tôi phải tìm một kiều dân châu Phi ở trong Đại sứ quán, đưa về nhà ở của họ tại Herzilya Pituah, và đưa tới sân bay. Tại sân bay, tôi phải giúp họ qua mọi sự kiểm soát của an ninh.

— Tôi sẽ cùng ra sân bay với anh - Amy nói với tôi - Tôi phải đón một nhóm Sri Lanka, mà chúng ta sẽ huấn luyện. Khi tôi tới sân bay, Amy đợi một chiếc máy bay chở những người Sri Lanka từ London tới.

— Khi nào thì họ đến? - Amy hỏi tôi.

— Tại sao anh hỏi tôi như vậy?

— Này nhé, tất cả họ đều là khi cả. Cậu biết đấy, họ từ một khu vực kém phát triển đến và điều này, mới đây thôi, họ từ giã cái cây của họ để xuống đất.

Chúng tôi đưa 9 người Sri Lanka ra bằng cửa sơ cua (cửa dự phòng), và hộ tống họ tới một chiếc xe mi ni buýt có máy điều hoà. Họ là những người đầu tiên trong một nhóm khoảng 50 người. Họ được chia thành ba nhóm nhỏ:

Một nhóm luyện tập chống khủng bố, ở Kfar Sirkin, một căn cứ quân sự gần Petah Tiqva. Người ta sẽ dạy họ làm thế nào để chống cường đoạt máy bay hoặc xe buýt, làm thế nào để chế ngự được một kẻ giữ con tin ẩn náu trong một toà nhà, làm thế nào để từ trực thăng xuống với một thang dây... Và dĩ nhiên, người ta sẽ bán cho họ những Uzis, và các trang thiết bị khác được sản xuất tại Israel như áo giáp, lựu đạn đặc biệt...

Một nhóm là những người đi mua, đến thương thuyết các hợp đồng vũ khí quan trọng. Vì thế, những người Sri Lanka đã đặt 7 hoặc 8 tàu phóng ngư lôi Devora, để tuần tiểu dọc bờ biển phía Bắc và tự vệ chống lại người Tamoul.

Một nhóm các sỹ quan cao cấp muốn mua ra -da và một trang bị hải quân để ngăn chặn sự xâm nhập của người Tamoul.

Tôi phải hộ tống Penny (xem chương III; phần 1) trong hai ngày. Đó là con gái của Tổng thống Jayawardene. Rồi tôi đưa Penny đi thăm các thắng cảnh du lịch. Sau đó, có một ai đó của Văn phòng làm công đoạn tiếp theo. Penny là một người phụ nữ đẹp, duyên dáng, theo cách giải thích của người Ấn Độ là Cory Aquino. Là một người theo Phật giáo, vì chồng theo đạo Phật, tuy vậy, Penny vẫn giữ lại chút dáng dấp của một người theo Thiên Chúa giáo. Ngày thứ hai, tôi đưa Penny đến Veret Haglit, hay Rose de Galilée, một cửa hàng ăn nổi tiếng, nơi đây nhìn bao quát được phong cảnh. Mossad có một ngân khoản ở đây.

Tiếp sau, người ta lại giao cho tôi nhóm sỹ quan cao cấp đến tìm hiểu mua trang thiết bị ra - da. Người ta dặn tôi đưa họ tới Ashdod, tới một nhà buôn tên là Alta, người này lo toan chuyện làm ăn. Nhưng, khi tôi nêu ra những quy cách kỹ thuật với người đại diện của ông Alta, thì ông này phản đối:

— Họ làm như muốn mua, nhưng họ không phải là khách hàng!

— Thế, vì sao? - Tôi hỏi.

— Những con khỉ này đã không thể đẻ ra được một quyền vớ của những chức trách đâu. Đó là một gã người Anh, tay Deca, một lái buôn ra-da. Gã này đã đạo diễn cho họ thôi. Vì thế, một lời khuyên tốt là hãy cho chúng một ít chuối rồi thả chúng về chỗ của chúng. Các anh đã phung phí thời gian của mình đấy.

— Thôi được, nhưng ít ra cũng cho họ một sổ sách giới thiệu hay quảng cáo, chả nhẽ họ đến đây để về không à.

Chúng tôi cùng ngồi uống chè, uống cà phê với nhau, nhưng nói chuyện bằng tiếng Hébreu. Người đại diện của ông Alta chấp nhận làm một khoá

học cho các sỹ quan cao cấp này, để họ không có cảm tưởng bị gửi tới xứ hoa hồng. “*Các anh hãy đợi, người ta sẽ vui đùa*”, người đại diện nói với một mình tôi.

Ông ta đi vào trong văn phòng và quay trở lại chiếu phim dương bản cho chúng tôi xem một hệ thống máy hút được sử dụng trong các cảng để dọn những váng dầu. Một số phim dương bản, giới thiệu lại các biểu đồ bằng màu. Lời chú thích viết bằng chữ Hébreu, nhưng ông ta dịch sang tiếng Anh “những khả năng vô tận của các thiết bị ra- da này”. Tôi thấy buồn khi phải giữ thái độ nghiêm túc của mình, ông này đã nhấn mạnh một cách khó nhọc, bịa ra những công dụng của ra-da. ông ta nói, ra-da có thể phát hiện được một người bơi, có thể chỉ rõ kích thước và thậm chí biết được cả cỡ giày, tên, địa chỉ và nhóm máu của người bơi. Khi mà ông ta giới thiệu xong, những người Sri Lanka cảm ơn ông đại diện, và tuyên bố rất cảm kích với những công nghệ tiên tiến, kỳ diệu này, nhưng lấy làm tiếc là không thể mua loại ra-da này được, vì nó không thích hợp với các, tàu của họ. Các tàu của họ! Khốn thay, các tàu đó lại do chính chúng tôi đóng!

Khi Amy để tôi về khách sạn, tôi giải thích cho ông rằng, những người Sri Lanka không mua ra-da.

“*Đúng, chúng tôi biết việc này*”, Amy trả lời.

Amy ra lệnh cho tôi về Kfàr Sirkin, nơi các lực lượng đặc biệt Sri Lanka đang luyện tập, để tìm kiếm những thứ họ cần thiết, sau đó đưa họ tới Tel Aviv để dự dạ hội.

Amy dặn trước, tôi phải rất thận trọng và phải hợp đồng tốt việc đi lại của tôi với Yosy, người vừa được chuyển sang cùng làm nhiệm vụ.

Chính bản thân Yosy cũng đang hướng dẫn một nhóm do Israel huấn luyện, nhưng nhóm này chưa có một trường hợp nào gặp phải Cinghalai. Thực tế đó là những người Tamoul, những kẻ thù đáng nguyền rủa của

những Cinghalai, về phần mình, những người Tamoul, người Hindu, nói họ là nạn nhân của sự kỳ thị chủng tộc của những người Cinghalai theo đạo Phật chiếm đa số trong hòn đảo, kể từ khi nước Anh trao trả độc lập cho Sri Lanka (thời kỳ đó là Ceylan) năm 1948. Trong số 16 triệu dân Sri Lanka, khoảng 74% là người Cinghalai và chỉ có 20% người Taraoul, mà đại bộ phận tập trung ở phía Bắc hòn đảo. Vào khoảng năm 1983, một nhóm nghĩa quân, những Con hổ Tamoul, đã lao vào cuộc đấu tranh vũ trang để tạo lập một quốc gia độc lập Eclam. Cuộc chiến tranh kéo dài và đã có hàng nghìn nạn nhân.

Bang Tamil Nadu (trước đây là Bang Madras), ở phía Nam Ấn Độ, nơi đây có khoảng 40 triệu người Tamoul. Họ không che giấu cảm tình của họ đối với những người khởi nghĩa (có khi còn gọi là quân phiến loạn). Rất nhiều người Tamoul ở Sri Lanka bị tàn sát, đã tìm đến đây tỵ nạn, và Chính phủ Sri Lanka thường cáo buộc những sỹ quan Ấn Độ đã trang bị và huấn luyện cho quân Tamoul. Tốt hơn là nên cáo buộc Mossad đã làm việc này.

Những người Tamoul theo các khoá huấn luyện ở căn cứ của lính biệt kích hải quân, để tiếp thu những kỹ thuật thâm nhập, đánh mìn vào các thánh địa, thông tin liên lạc, phá hoại bằng tàu phóng ngư lôi (kiểu Devoral!).

Mỗi đội gồm khoảng 30 người, tôi và Yosy đã quyết định, trong khi Yosy dẫn đội Tamoul của anh đi dạ hội ở Kafar Sirkin, thì tôi ở lại với đội Cinghalai.

Sau hai tuần, mọi việc suýt nữa đổ bể, khi những người Tamoul và những người Cinghalai - tất nhiên đội này không biết có sự hiện diện của đội kia - theo một khoá huấn luyện trong cùng một thời kỳ ở Kfaf Sirkin, nơi đây không thiếu không gian tập, nhưng một ngày trong lúc đi bộ nóng bức, hai đội đã gặp nhau.

Khi đợt luyện tập của họ ở Kfar Sirkin kết thúc, những người Cinghalai được đưa về căn cứ hải quân, tại đó người ta dạy đúng các môn kỹ thuật mà những người Tamoul vừa mới học. Chúng tôi phải cảm ơn họ do không có một sai lầm nào. Chúng tôi luôn luôn bịa ra những lý do hoặc những bài luyện tập ban đêm, để tránh cho hai đội không gặp nhau vào buổi tối ở Tel Aviv. Nếu không, những sự phối hợp của Amy có thể thực sự làm nguy hại cho chính sách của Israel. Nếu ông Perés biết được việc đã xảy ra, tôi tin chắc rằng ông ta sẽ mất ngủ suốt đêm. Nhưng vì sự khéo léo, nên không người nào biết việc này.

Cuối tuần thứ ba, những người Cinghalai chuẩn đi về Atlit, một căn cứ tuyệt mật của lính biệt kích hải quân. Amy giải thích với tôi rằng ông không thể đi cùng với đội này được, và đơn vị Sayret Matcal, một đơn vị biệt kích kiểu mẫu về trinh sát và tình báo, đơn vị này sẽ làm tiếp công việc. Đây chính là đơn vị đã thực hiện cuộc đột kích Entebbe nổi tiếng trước đây.

— Có một việc khó- Amy thông báo cho tôi - Tôi có một đội 27 SWAT mới từ Ấn Độ tới.

— Mẹ kiếp! - Tôi thốt lên - Trò xiếc này là gì đây? Những người Cinghalai, những người Tamoul và bây giờ là những người Ấn Độ, rồi còn ai nữa?

Đội SWAT hình như sẽ luyện tập ở căn cứ, mà Yosy và những người Tamoul đang ở đây. Tình hình bùng nổ bột phát. Buổi chiều, sau khi kết thúc công việc của tôi ở văn phòng, kết thúc các báo cáo, tôi dẫn những người Ấn Độ đi ăn cơm tối tại một nhà hàng trong thành phố, đồng thời tránh không chọn phải cửa hàng ăn mà Yosy đã chọn. Người ta giao cho tôi mỗi ngày một phong bì có 300 đô la tiền Israel để chi phí.

Cũng trong thời gian này, tôi gặp một tướng không quân Đài Loan, ngài Ky, người phụ trách công tác tình báo cho nước ông ở Israel, và ông tướng này muốn mua vũ khí. Người ta yêu cầu tôi đi hướng dẫn ông Ky, nhưng

không bán gì cho ông ta. Những người Trung Hoa Đài Loan nổi tiếng có khả năng tái sản xuất ra tất cả những thứ họ mua được chỉ trong hai ngày, và họ đang tìm cách cạnh tranh với Israel trên thị trường thế giới.

Tôi đưa người bạn Trung Hoa tới nhà máy Sultan chuyên sản xuất súng cối và đạn súng cối. Ông rất cảm kích. Tuy nhiên ông giám đốc nhà máy nói, ông ta không muốn bán gì cho ông Ky. Bởi vì, trước hết là ông Ky mua cho Đài Loan và một lý do nữa, là tất cả sản phẩm đã bán hết. Tôi tỏ ngạc nhiên, đồng thời nói rằng, chúng tôi muốn mua một số lượng súng ống như thế là để phục vụ tập luyện.

—Ồ không! Điều đó không thuộc phạm vi chúng tôi- Ông giám đốc thanh minh - Chính những người Israel đã đặt mua những sản phẩm đó.

Đấy, người ta đã bắt chúng tôi đi vòng vèo như vậy.

Mossad đã đạt được việc thông qua một thoả thuận cho một nhóm người Trung Hoa Đài Loan đến Israel để học tập. Đó là một sự thỏa hiệp đạt được sau một thời gian bàn bạc. Thực tế, Đài Loan đã đề nghị Mossad cử các chiến sỹ sang Trung Hoa, Mossad đã từ chối việc này, nhưng lại chấp nhận dạy cho một đơn vị đặc biệt về nghệ thuật làm cho các đồ vật biết nói, kiểu giống như đơn vị neviot của họ. (đặt giấu các máy phát trong đồ dùng để nghe trộm).

Trong cùng thời gian đó, tất cả những người Phi chuyển sang cơ quan nơi tôi biết, nhằm kết thúc công việc. Theo đề nghị khẩn cấp của Amy, tôi ở lại vị trí này hai tháng phụ thêm. Đây cũng đồng thời là làm cho vui và là một phương tiện lớn đối với báo cáo của tôi.

Một câu chuyện vui được lưu truyền đã phác họa lên tính kỳ dị của những người Phi và khuynh hướng tự nhiên của họ ném tiền qua cửa sổ để mua những vật dụng mới lạ không cần thiết: Họ hỏi một lãnh tụ người Phi liệu ông có mua một chiếc máy MegaAoc không, ông ta trả lời không và

người ta đề nghị xây dựng cho ông cái đó với giá 25 triệu đô la. Họ bắt đầu bằng việc xây dựng một cánh tay khổng lồ dài gần 300 mét, với 200 mét trên mặt nước, rồi đề nghị thêm 5 triệu đô là phát sinh để hoàn thành công việc. Họ xây dựng một thang máy để đỡ một thanh sắt tròn khổng lồ, đường kính 2 mét. Người ta mời những người gần gũi với nhà lãnh đạo và các quan chức có nhân phẩm nhất của chế độ tới khánh thành một kỳ quan, rồi họ nhìn thấy gì? Chiếc thang máy nâng lên từ từ, tới đầu mút của cánh tay khổng lồ đang đung đưa, rồi chiếc thanh sắt tròn khổng lồ kia rơi tòm xuống “MégaAoc”.

Dĩ nhiên đó là một chuyện vui, nhưng nó phản ánh khá rõ sự thật.

Tôi chưa bao giờ nhìn thấy chừng ấy tiền chuyển nhanh như thế, trong thời gian tôi ở bên cạnh Amy. Mossad nghĩ sử dụng những mối quan hệ đầu tiên này như chiếc cầu nhảy để nối các quan hệ ngoại giao với một số nước sau đó, và không thấy một lập luận nào có lợi mà những người trung gian thực hiện. Nhưng những người này chỉ quan tâm đến tiền bạc tạo ra từ những ủy ban ketch xù mà không bao giờ chuẩn bị một cơ sở cho một hành động ngoại giao nào đó.

Nhiệm vụ cuối cùng của tôi do Amy giao, là phục vụ hướng dẫn một người đàn ông và một người đàn bà từ Trung Hoa đến, trong bốn ngày, để thương lượng các hợp đồng mua bán vũ khí.

Điều khiến tôi bức mình là người ta giới thiệu những trang thiết bị có phẩm chất kém cho khách. Amy lấy quyền phụ trách của mình để tiến hành việc đó.

Amy làm như Bộ trưởng Ngoại giao, mà không cần tham khảo bất kỳ một người nào, cả cuộc đời, ông làm việc cho chính phủ với lương của một công chức, nhưng ông ở tại ngôi biệt thự lộng lẫy nằm trong một khu rừng của gia đình phía Bắc Tel Aviv. Thỉnh thoảng, chúng tôi đến đây, để uống ly rượu sau ngày cuối tuần làm việc.

— Anh đã làm thế nào để có được tất cả những thứ người ta cung phụng cho anh? - Một hôm, tôi đã hỏi Amy như vậy.

—Ồ đơn giản thôi. Chỉ cần làm việc cật lực và tiết kiệm từng xu, từng xu một.

Đợt thực tập tiếp của tôi diễn ra ở Tsomet. Người ta bổ nhiệm tôi vào văn phòng Benelux, nơi mà một phần nhiệm vụ của tôi là nghiên cứu những yêu cầu về thị thực cho người Đan Mạch.

Trong nhiều trường hợp, người phụ trách chi nhánh có quyền ngang hàng với người phụ trách ngành bao trùm lên nó. (Kaisarut thì hoàn toàn ngược lại. Các quyết định được thông qua tại đây trong các văn phòng và các ngành, tựa như người phụ trách chi nhánh Quan hệ ở London chẳng hạn, là phụ thuộc trực tiếp vào người phụ trách văn phòng về Anh tại Tel Aviv, và văn phòng về Anh có quyền cao nhất đối với các hoạt động).

Ngành thứ nhất của Tsomet được chia thành nhiều ngăn hay văn phòng. Văn phòng của Benelux kiểm soát Bỉ, Hà Lan, Luxembourg, những cũng kiểm soát cả bán đảo Scandiavie (Các chi nhánh đặt tại Bruxelles và Copenhagen). Các văn phòng Pháp, và Anh có các chi nhánh ở Paris, Marseilles và London.

Ngành thứ hai của Tsomet đảm nhiệm văn phòng Italy, với chi nhánh ở Rô-ma và Milan. Văn phòng Đức- Áo có chi nhánh ở Hambourg và nay là ở Berlin.

Ngành thứ ba, được gọi là ngành Israel, quản lý các văn phòng có trụ sở tại Tổng hành dinh của Tel Aviv. Từ đó, các *katsa* thực hiện các cú “nhảy bọ chết” sang Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập hay Tây Ban Nha.

Người phụ trách của một chi nhánh có quyền như một người phụ trách ngành và thậm chí, có thể huỷ bỏ những quyết định của ngành này nếu điều đó là cần thiết và yêu cầu trọng tài của người phụ trách Tsomet. Việc thuyên

chuyển không ngừng về nhân sự, hệ thống này đã gây ra những cuộc đấu tranh thường xuyên trong nội bộ. Để tránh có những cuộc xung đột, Mossad không áp đặt mệnh lệnh của mình, đó là mặt tốt của Mossad. Nhiều người đã lợi dụng việc này để có hai người bảo vệ: Một người bảo vệ leo trèo lên các nấc thang thứ bậc và người kia bảo vệ rút ra khỏi bước đi xấu, nếu cần thiết. Người ta đã bỏ thời gian của mình để cố trở thành người bảo vệ cho con người.

Một hôm, có tin một điệp viên là tùy viên không quân của Đại sứ quán Syrie ở Paris, đã báo cho chúng tôi biết trước người phụ trách không quân của Syrie (ông ta cũng là người phụ trách các Cơ quan Mật vụ) sẽ tới châu Âu để mua đồ đạc cao cấp dùng trong nhà (động sản). Tổng hành dinh ngay lập tức có ý làm cho những đồ đạc này biết nói, hay nói một cách khác là giấu những máy phát vào các đồ dùng đó.

Người ta đã yêu cầu máy tính đưa ra một danh sách các “*sayanim* động sản”. Một dự án của chiếc bàn “biết nói” sẽ được gửi tới bày trong nhà của các văn phòng thuộc Tổng hành dinh lực lượng không quân Syrie, bắt đầu được nghiên cứu. Người ta vội vã cử một *katsa* từ chi nhánh London tới để tổ chức việc bán, mặc dù Mossad biết rằng việc làm ăn sẽ được xử lý ở Bỉ chứ không phải ở Pháp.

Trước khi viên tướng không quân của Syrie tới, *katsa* của London đã có sự thống nhất của người trung gian nổi tiếng bán bất cứ một đồ dùng nào với giá cả cạnh tranh bất ngờ. Mossad biết rằng viên tướng kia không bao giờ mặc cả việc mua bán. Ông ta là một người giàu có, và hiển nhiên, Đại sứ quán sẽ thanh toán tiền. Vì vậy, mục đích không phải là chờ đợi ông ta, nhưng là chờ viên sỹ quan tùy tùng của ông ta, người lo toan việc mua bán. Chúng tôi có không tới ba tuần lễ để tổ chức.

Chúng tôi liên hệ với một người trang trí có tiếng, một *sayan*. Người này chuyển cho chúng tôi những tấm ảnh về những tác phẩm của ông ta. Với những tấm ảnh này, chúng tôi nghiên cứu trong hai ngày một catalogue

của một công ty có khả năng cung cấp các đồ dùng trong nhà có chất lượng với giá cả có thể cạnh tranh được. Để nhử viên sỹ quan tùy tùng của ông tướng kia, chúng tôi lập một kế hoạch gồm ba phần. Chúng tôi, định tiếp cận trực tiếp để giao catalogue cho ông tướng. Nếu ông ta căn câu và mua những đồ dùng của Mossad thì tốt biết chừng nào. Nếu điều đó không tiến triển, chúng tôi sẽ cố phát hiện xem ông ta muốn mua đồ dùng ở đâu, và chúng ta chịu trách nhiệm vận chuyển. Nếu tất cả đều thất bại, phải thay đổi việc mua bán hoặc đánh tráo hàng.

Chúng tôi biết khách sạn mà viên tướng kia sẽ đến ở Bruxelles trước khi tới Paris, và chúng tôi cũng biết ông ta sẽ ở lại đó ba ngày, cùng với lính cận vệ. Chúng tôi theo ông ta đến các cửa hàng, bản thân ông ta và viên sỹ quan tùy tùng sẽ ghi chép. Được một lúc, hatsa nghĩ rằng công việc đã hỏng cả rồi. Chúng tôi không biết phải làm gì đây.

Con “chuột chũi” (taupe) của chúng tôi trong Đại sứ quán Syrie thông báo rằng, ngày mai, viên tướng không quân sẽ đi Paris, nhưng chỉ có một trong hai chiếc vé được huỷ thôi. Chúng tôi quyết định đây phải là người sỹ quan tùy tùng, chịu trách nhiệm giải quyết những chi tiết mua bán cuối cùng.

Chúng tôi đã phán đoán chính xác. Ngày hôm sau, người ta theo dõi viên sỹ quan tùy tùng tới một cửa hàng đồ gỗ rất đắt tiền. Tại đây, người ta trao đổi với những người bán hàng nhiều chuyện.

Vì thế, *katsa* quyết định xen vào đó. *katsa* thâm nhập vào cửa hàng. Một *sayan*, tới lượt mình, bước vào, lớn tiếng đưa ra một câu cảm ơn *katsa* đã giúp ông ta mua sắm đồ dùng và làm cho ông tiết kiệm được hàng nghìn đô la, rồi ra về.

Sau khi *sayan* đi khỏi, viên sỹ quan tùy tùng của ông tướng Syrie nhìn chăm chú vào *katsa* với sự quan tâm.

— Thưa, ông muốn mua đồ dùng? *katsa* hỏi viên sỹ quan tùy tùng.

— Vâng.

— Xin ông cầm lấy, hãy xem ở bên trên - *katsa* vừa nói, vừa đưa catalogue ra.

— Ông làm việc trong cửa hàng này ư? - Viên sỹ quan tùy tùng ngạc nhiên hỏi. - Không, không, tôi là người gia công cho khách hàng. Tôi mua nhiều, để bán lại. Tôi lo vận chuyển và dành cho khách một cách thanh toán rộng rãi.

— Thế nghĩa là?

— Ờ, như ông thấy đấy, tôi có số khách hàng khắp nơi. Họ đến đây chọn mẫu hàng và tôi mua trực tiếp từ nơi sản xuất. Tôi lo việc vận chuyển, còn khách hàng trả tiền tại nơi tiếp nhận ở nơi bán. Nếu vì lý do gì đó, có hư hỏng, tôi chịu trách nhiệm tất cả, bảo đảm, bồi thường.

— Làm thế nào để ông tin sẽ được thanh toán?

— Ồ, tôi không lo ngại về điều đó.

Liệu viên sỹ quan tùy tùng đã cắn câu chưa? Tất cả sự hấp háy của ông ta đã báo hiệu và sự tính toán của ông ta là thủ tục của việc khởi động. *katsa* đã mất ba tiếng đồng hồ với ông này và đã đạt được một danh sách đầy đủ do ông tướng lựa chọn. Hoá đơn tính lên tới 180.000 đô la, không kể các chi phí ở cảng và đóng gói, và *katsa* đã bán với giá tất cả là 105.000 đô la. Như vậy ông ta còn được hưởng lợi 75.000 đô la.

Hầm hừ thay, viên sỹ quan tùy tùng người Syrie yêu cầu với những thứ hàng mua phải gửi tới Lattaquie, nhưng lại cho những tên giả của chính ông ta và của cả viên tướng kia. ông ta nói rõ là nếu những việc kiểm tra tỏ ra cần thiết, thì ông ta có thể gọi điện thoại tới Đại sứ quán Syrie ở Paris. Một

nửa giờ, sau khi rời khỏi *katsa*, ông ta gọi điện cho “chuột chũi” người Paris trong Đại sứ quán Syrie báo trước, trả lời tất cả những yêu cầu kiểm tra các tên và các địa chỉ mà ông ta đưa cho, làm cho thấy một hoạt động tuyệt đối được ưu tiên.

Hai ngày sau đó, chiếc bàn từ Bì được chuyển giao về Israel. Chiếc bàn lập tức được rút xương và một thiết bị điện tử, trị giá khoảng 50.000 đô la - ngoài ra còn có một pin chạy được trong ba hoặc bốn năm, được giấu vào đó. Chiếc bàn sau đó được lắp ráp rất cẩn thận, mà người ta không thể phát hiện ra hệ thống nghe trộm, trừ phi cưa đôi nó. Sau đó, chiếc bàn được gửi sang Bì, và được chuyển về Syrie, tồn tại như một đồ dùng trong gia đình.

Mossad luôn trông đợi những tin tức từ chiếc bàn gửi về. Mossad đã phá nhiều chiến sỹ trang bị những đài thu, cố bắt các tín hiệu, nhưng vô vọng. Nếu như các biện pháp được tiến triển, thì đó quả thực sự là được ban một phúc lành. Có khả năng là chiếc bàn được đưa về Damas, và để trong một căn buồng công sự kín như người Nga đã xây ở Syrie, và công sự đó không cho phép các sóng vô tuyến thâm nhập được. Nhưng người ta đã thấy những micro, do người Syrie dùng phục vụ cho lợi ích của chính họ.

Ngoài câu chuyện vui này, công việc của tôi ở Tsomet ngán ngấm lắm. Tôi làm đầy đủ các thẻ fiche, theo dõi thời gian biểu. Nhưng, đại bộ phận thời gian của tôi dành để trả lời điện thoại, chủ yếu là các bà vợ của những người có vai vế của cơ quan, và lặp lại rằng chồng của họ không có ở đó.

“Thưa bà, tôi thực sự lấy làm tiếc, ông nhà đang đi công tác...”

Chương II:

BỘ TÓC GIÀ

Ngày 27 tháng 10 năm 1984, chúng tôi kết thúc tập sự ở Tổng hành dinh. Chúng tôi bắt đầu giai đoạn cuối cùng trong công việc đào tạo của mình. Những bài học sẽ được thực hiện ở tầng hai của toà nhà chính thuộc Viện Hàn lâm. Chúng tôi không còn đủ 12 người nữa, bởi 3 người đã bỏ. Khoá học hiện không còn sỹ số như trước, vì vậy, Viện Hàn lâm quyết định ngưng khoá đào tạo. Ba người bạn học mới của chúng tôi là: Oded L., Pinhas M. và Ygal A.

Nhưng không phải chỉ có thay đổi như thế.

Araleh Sherf, đã rời bỏ chức vụ phụ trách Viện Hàn lâm để phụ trách Tsafirm, hay còn gọi là “*Gió Brizo buổi sáng*” (bộ phận này nhóm họp các tổ chức phòng vệ của người Do Thái di tản), đã được thay thế bởi David Arbel, ông chủ cũ của văn phòng Paris, mới thoát khỏi vụ làm ăn Lillehammer đáng xấu hổ mà trong vụ này, ông ta đã làm lay động tất cả cái gì mà ông biết đối với những nhà chức trách địa phương. Shai Kauly, vẫn luôn ở đây, nhưng Oren Riff đã chuyển sang Văn phòng của Mossad. Người chịu trách nhiệm mới của chúng tôi là Itsik E (xem Phần mở đầu và Chiến dịch Sphinx), là một *katsa* có nghề nghiệp, ít vinh quang - một trong hai *katsa* mà câu chuyện ở sân bay Orly đã nêu, sau khi đã đổ vào trong máy bay của Rôm một điệp viên quan trọng, đã bị bắt vì những thành viên của PLO nói tiếng Hébreu.

Arbel, một người thấp, rụt rè, luôn đeo kính, tóc trắng, cắt ngắn, không lộ vẻ tự tin mấy. về phần mình, Itsik tỏ cho thấy là một người có khả năng, vừa trở về từ một sứ mệnh mà ông ta giữ cương vị người thứ hai của chi nhánh Paris, ông nói thành thạo tiếng Anh, Pháp và tiếng Hy Lạp, và kết thân ngay với Michel M. Hai người nói chuyện hoàn toàn bằng tiếng Pháp và hầu như không rời nhau, điều này làm tăng thêm ác cảm của Michel đối

với các bạn đồng nghiệp. Tuy nhiên, anh ta vẫn là thành viên trong nhóm của chúng tôi, nhưng không chỉ đánh bóng cho những sự khoa trương của Itsik, mà anh ta còn gièm pha những người khác, trong đó có cả chúng tôi. Vì thế, chúng tôi đã gạt anh ta ra ngoài và đối xử với anh ta như “con ếch” (Grenouille là cái tên mà những người Anglo- Saxon dùng để nhục mạ những người Pháp sau lưng họ). Ngay từ khi người ta nhìn thấy Michel đến, họ đã tỏ bằng điệu bộ cái chân của con ếch nhay. Michel nói đến chán tai với chúng tôi về kiểu nấu ăn Pháp, rượu Pháp, các kỹ xảo và các máy móc Pháp của anh ta. Song, chúng tôi lại không chán câu chuyện này: Một người Israel đi vào một quán ăn Pháp và hỏi một chàng trai:

— Đây, chàng trai! Các anh có đùi ếch không?

— Dạ, thưa ông dĩ nhiên là có ạ.

— Hay lắm. Hay lắm, vậy thì hãy nhảy vào bếp và mang ra đây cho tôi câu chuyện hài hước đi.

Yosy, Heim và tôi, chúng tôi luôn luôn bên nhau, rồi dần dần trở thành tàn bạo và xấu, hoàn toàn đều giả. Có thể tất cả mọi người đều biết. Giáo viên huấn luyện của chúng tôi cho biết, chúng tôi sẽ chuyển sang những sự việc nghiêm túc hơn, vì cho tới lúc này, chúng tôi mới chỉ nghiên cứu được B.A.BA của ngành Tình báo.

Nahaman Lavy và một người có tên gọi là Tal bắt đầu chiếu các phim do Mossad quay cho chúng tôi xem, và kể câu chuyện về một trận đánh bị thất bại vì quên không đóng sắt vào móng ngựa của người chỉ huy. Tinh thần câu chuyện là: Một sự cẩu thả nhỏ, cũng có thể làm thất bại một cuộc hành quân.

Sau việc này, thầy giáo hướng dẫn NAKA. Ury Dinure đã giảng cho chúng tôi một bài dài chừng một giờ. Chúng tôi cũng đã bắt đầu một khoá đào tạo cấp tốc về thương mại quốc tế, bao gồm cả việc lãnh đạo xí nghiệp,

cách mua bằng gửi thư, cơ cấu lãnh đạo, những quan hệ giữa lãnh đạo và các cổ đông, vai trò của Chủ tịch Hội đồng hành chính, hoạt động của tín phiếu, chuẩn bị các hợp đồng quốc tế, thanh toán đối với việc giao hàng, và tất cả những cái mà chúng tôi phải biết. Những bài học này được trải dài suốt thời kỳ khoá học cuối cùng của chúng tôi, với nhịp độ mỗi tuần hai hay ba lần, mỗi lần trong hai giờ, không tính đến rất nhiều bài thi kiểm tra và các giấy tờ phải hoàn chỉnh.

Itsik đã cho chúng tôi một bài tập để chúng tôi học sử dụng tốt hơn những điệp viên của mình. Một việc mới, là làm thế nào để thoát ra khỏi một điệp viên nguy hiểm, trong trường hợp chúng tôi không thể nhờ cậy được vào Metsada để gửi cho chúng tôi một đơn vị kidom. Họ chia chúng tôi thành 3 nhóm 5 người. Mỗi nhóm làm việc về một “chủ đề”, tập hợp những tin tức cần thiết với việc loại bỏ chủ đề trong tương lai.

Nhóm của chúng tôi đã gặt hái được những thông tin nói trên trong 3 ngày. Chỉ duy nhất có một việc có thể phục vụ cho chúng tôi là chủ đề: Hàng ngày mua hai bao thuốc lá, ở cùng một cửa hiệu thuốc lá, và luôn luôn vào cùng một thời gian là mười bảy giờ ba mươi. Nó đã được điều chỉnh như một cái đồng hồ, cửa hiệu cửa hàng thuốc lá, là một nơi lý tưởng để tiếp đón. Ngồi phía sau cùng với một bạn tập sự, do lái xe đưa đi, tôi gọi người điệp viên của mình mà người này biết *katsa* của họ, đang leo lên chiếc xe bên cạnh xe chúng tôi. Chúng tôi khởi thành phố, tới một địa điểm thích hợp. Tại đây, chúng tôi dùng cây hoàng mộc đánh nó. Tất cả những điều này, dĩ nhiên chỉ là giả vờ thôi.

Phần còn lại của kế hoạch là hoá trang tội ác bị tai nạn. Trước đây, khi đã giấu chiếc xe của nạn nhân vào bờ đá, gần biển rồi, chúng tôi có thể chuyển nạn nhân bất tỉnh vào trong chiếc xe của họ, để họ ngồi bên vô lăng. Rồi đổ rượu vốt ka vào trong cuống họng nạn nhân (rượu này dễ cháy), nhờ một chiếc phễu làm bằng một tờ báo. Tiếp đó, sau khi đã chờ đợi cho rượu ngấm vào máu, đồng thời nghĩ tới việc mổ xác để nghiên cứu, chúng tôi đã

đổ nốt chỗ rượu còn lại vào chỗ ngồi của nạn nhân, để một chiếc bật lửa và một điều thuốc lá đã hút dở bên cạnh nạn nhân. Những chi tiết này dường như cắt nghĩa cho nguyên nhân của việc bị cháy. Ngay khi ngọn lửa bén vào nạn nhân, theo dự tính, người ta sẽ đẩy chiếc xe xuống bên dưới bờ vực.

Một tổ khác cho thấy “chủ đề” của họ là thích đi đến câu lạc bộ, vào tất cả các buổi tối. Họ chấp nhận một chiến thuật trực tiếp hơn. Họ đi gặp nạn nhân khi họ tới câu lạc bộ, bắn những đường đạn vô hại vào người anh ta rồi nhảy lên xe và chuồn đi một cách thật đơn giản.

Cũng trong cùng thời gian đó, chúng tôi hoàn thiện nghệ thuật làm vỏ bọc, đồng thời học làm thế nào để sử dụng được các hộ chiếu khác nhau. Họ thả chúng tôi ra đường cùng với một chiếc hộ chiếu. Ngay tức khắc, chúng tôi bị bắt tại đó. Chúng tôi chịu những cuộc thẩm vấn liên tục. Họ để cho chúng tôi bị theo dõi, một bodel ghé sát vào chúng tôi và trao cho chúng tôi hộ chiếu mới, rồi vù ngay. Một gã cảnh sát khác lại bắt chúng tôi, và chúng tôi phải chứng minh cho chiếc hộ chiếu mới của mình.

Họ cho chúng tôi làm quen với Tsafririm và các tổ chức quốc phòng được Do Thái đẻ ra từ những người di tản. Cái đó đã đặt ra một vấn đề về tinh thần, chí ít cũng đối với một số người. Tôi phản đối chống lại ý tưởng của những đội tự vệ. Chẳng hạn, tôi nghĩ tại nước Anh, những tổ chức mà bọn trẻ con phải học là xây dựng những nơi cất giấu vũ khí, và học bảo vệ những đền thờ của người Israel, làm cho người ta hiểu nhầm về cộng đồng người Do Thái. Lập luận của tôi như sau: Ngay cả một dân tộc đã từng bị áp bức, từng bị người ta tìm cách loại bỏ - như trường hợp của người Do Thái - thì dân tộc đó cũng không có quyền hành động, chống lại luật pháp, trong các nước dân chủ. Tôi hiểu rằng người ta đang bảo vệ ở Chile, ở Argentine, trong tất cả các nước mà ở đó con người bị bắt cóc ngay trên đường phố, nhưng ở Anh, Pháp hay ở Bỉ lại không có những trường hợp đó.

Sự tồn tại của những nhóm nhỏ chống Do Thái, có thực hoặc tưởng tượng, không phải là lý do để thoái thác, người ta sẽ nhận thấy có những

nhóm chống người Palestine ngay ở trong nước Israel. Liệu chúng ta có cho là bình thường khi có biết bao người Palestine tổ chức thành những đơn vị tự vệ và tàng trữ vũ khí không? Hay, chúng ta xem họ như những người của chủ nghĩa khủng bố?

Loại lập luận này chắc chắn không được đánh giá cao ở Mossad, nhất là trong bối cảnh của sự hi sinh vì Tổ Quốc. Tôi không phản đối sự hi sinh là tột đỉnh nhất trong các tai họa mà người Do Thái đã phải gánh chịu. Cha Bella đã trải qua 4 năm trong trại tập trung Auschwitz và hầu hết cả gia đình cha đã bị người Đức trừ khử. Nhưng không nên quên rằng còn 50 triệu nạn nhân khác. Người Đức mưu tính triệt hạ hết những người Tziganes, và các cộng đồng tôn giáo khác, hàng triệu người Nga, người Ba Lan. Sự hi sinh có thể, hoặc phải là cái cớ để tập hợp mọi dân tộc lại, hơn là lấy nó làm cái cớ để chia rẽ họ. Và đây chính là quan niệm đúng đắn của tôi.

Những hoạt động thể thao đã được dùng làm tình huống nguy hiểm hết mức, đặc biệt với một loại thể thao mới: Chúng tôi đang đi trong toà nhà của một trại quân sự gần Herzliya, chúng tôi phải đi lên và đi xuống cầu thang đó, vừa đi, vừa bắn đạn thật, trong khi đó, một khẩu súng máy bắn vào chúng tôi những viên đạn bằng gỗ, rất đau. Tất cả những cái đó, bắt chúng tôi phải vừa bắn, vừa nhảy xuống, bắt chúng tôi phải bảo vệ vũ khí của mình, ngoài việc luyện tập thể thao.

Chúng tôi cũng luyện tập hiệu lệnh, tập trượt trên một sợi dây dài, nhảy bằng qua mặt trước của một ngôi nhà, tập xuống máy bay trực thăng bằng thang dây, rồi những kỹ thuật khác, như kỹ thuật được gọi là “nhảy và bắn” ứng dụng để chống lại một tên “cướp” đang ở trong chiếc ô tô ca.

Một trong những bài học của chúng tôi có tựa đề: “*Tuyển mộ một điệp viên chung với một người bạn làm nghĩa vụ quân sự*”, với CIA chẳng hạn. Đó giải thích vì sao người ta gọi là tuyển mộ lẫn nhau. Sau lời giới thiệu cho bài giảng của mình, thầy giáo đã tuyên bố với chúng tôi:

— Người ta đã thực hiện ra sao? Đương nhiên, người ta chả làm gì cả. Chúng ta không áp dụng việc tuyển mộ này. Nếu người ta đề nghị chúng ta chia sẻ những công việc làm của một điệp viên, tại sao lại không, nhưng nếu chúng ta có thể tự mình làm được thì hãy làm lấy.

Ông dạy chúng tôi làm thế nào để cài cắm một điệp viên vào cơ quan của bạn. Trước hết ngay từ lúc có thể, người ta giao cho người điệp viên những chỉ thị riêng, và lại những chỉ thị đó được gửi cho họ trước, rồi khẳng định khi ở bên cạnh cơ quan của bạn, không còn để dấu vết gì lại cho người điệp viên. Thật đơn giản, nếu đánh giá rằng người điệp viên đáng làm việc đó, người ta sẽ làm cho người điệp viên biến mất bằng cách giao trách nhiệm cho người điệp viên làm việc hai mang với những việc mà cơ quan khác trả lương. Và thế là người đó trở thành điệp viên của chúng ta, loại điệp viên mà chúng ta gọi là điệp viên “xanh và trắng”, theo màu cờ của Israel.

Một bộ phim làm tôi phải suy nghĩ. Phim có tiêu đề Ngài Tổng thống sau chiếc kính chiếu chi tiết vụ ám sát John F. Kennedy, ngày 22 tháng 11 năm 1963. Theo Mossad, những kẻ ám sát - là những sát thủ của Mafia và không phải Lee Harvey Oswald thực ra muốn hạ sát Thống đốc bang Texas, John Connally, người tháp tùng Kennedy trong xe, nhưng ông này chỉ bị thương. Văn phòng nghĩ rằng Oswald là một con mồi giả thôi, và Connally, mục tiêu thật của một băng, tìm kiếm việc mở ra con đường trong việc làm ăn về dầu hoả. Mossad nắm giữ bản giải trình chính thức đối với chuyện tầm phào thuần túy này. Để thẩm tra, về lý thuyết người ta dựng lại cảnh diễu hành của Tổng thống và bố trí, sắp đặt những tay xạ thủ giỏi, được trang bị vũ khí có tiêu chuẩn cao hơn vũ khí của Oswald, ở khoảng cách thực là 80 m. Những tay xạ thủ này đã bắn trượt mục tiêu.

Thật là hoàn hảo nếu Connally bị giết, thì tất cả mọi người sẽ nghĩ ngay tới mục tiêu là Kennedy. Tuy nhiên, nếu họ muốn giết Kennedy, thì họ có thể giết ông ta ở bất kỳ đâu. Người ta nói rằng, viên đạn chạm tới Connally

đã vượt qua đầu của Tổng thống, xuyên qua ngực để đập vào người của viên Thống đốc. Trong khi xem phim, người ta thấy rõ rằng ba điểm được nêu trên không thẳng hàng. Viên đạn này thực sự là một vũ nữ nhảy valse.

Mossad lưu giữ tất cả những phim về cuộc ám sát Dallas, những tấm ảnh của vùng đó, địa hình những nơi xảy ra, những tấm ảnh chụp từ máy bay. Người ta chế tạo ra những hình mẫu người và bắt đầu với một số lần không thể tính toán nổi dựa vào kinh nghiệm của cuộc điều hành với lý do sau đây: Nếu sử dụng khẩu súng có độ chính xác cao, tôi có thể đứng ở bất cứ vị trí nào. Tôi chọn một địa điểm, từ đó, có thể nhận ra mục tiêu trong thời gian có thể lâu nhất, ở khoảng cách có thể là ngắn nhất, đồng thời tránh để người ta chú ý tới mình. Với những dữ liệu này, Mossad đã chọn những điểm bắn thích hợp, để từ đó, nhiều xạ thủ sẽ cùng bắn đồng loạt.

Oswald đã dùng khẩu súng có culasse Mannlicher - Carcano, cỡ đạn 6,5mm, có băng nạp đạn và có kính ngắm bắn xa, mà ông ta đã mua qua đặt hàng để người ta chuyển tới. Ông ta đã chọn trong catalogue, và đã trả 21 đô la 45 xu. ông ta cũng có một khẩu súng lục Smith&Wesson cỡ đạn 38. Ông ta không bao giờ biết mình bắn hai hoặc ba phát, nhưng ông ta sử dụng đạn thông thường của quân đội, có tốc độ ban đầu là 660m/giây.

Trong lúc dừng lại, những người xạ thủ của Mossad với mức độ mạnh hơn, nhằm mục tiêu, súng của họ được gắn vào một chân ba chạc, rồi hét qua micro “bắn” để phát ra một tia la-de xác định sự tác động của viên đạn lên cơ thể con người lên xe và xác định điểm xuyên qua. Phân tích những màn dừng lại nhiều lần, chỉ cho thấy rằng, không còn nghi ngờ gì nữa, kẻ sát thủ đã nhắm vào gáy Connally, và Kennedy đã có một động tác, hay một hoạt động đúng vào lúc xấu số đó, ở chừng mức nào đó người bắn đã có do dự.

Đây cũng chỉ là dừng lại, nhưng màn dừng lại cho thấy rằng Oswald đã không thể hành động như người ta dự định. Thậm chí ông ta cũng không phải là một người chuyên nghiệp. Hãy nhìn với khoảng cách đó, người ta ở

trên tầng sáu, hãy nghiên cứu khẩu súng của anh ta. Anh ta không dùng loại đạn được tăng cường sức mạnh. Các anh hãy suy nghĩ xem, đúng là khẩu súng vừa mua. Mọi người đều biết rằng anh ta cần phải có thời gian và sự khéo léo để làm quen với việc bắn có kính ngắm. Không, việc giải thích chính thức đúng là không thể tưởng tượng được.

Một vụ khác, tôi thấy không thể tưởng tượng, đó là vụ do Dan Drory giới thiệu, một buổi sáng đẹp trời, vào cuối tháng đầu của khoá học. Là một người không quá một mét bảy mươi, ông ta bắt đầu bài học theo cách như sau:

— Chào các bạn, tên tôi không quan trọng, tôi tới đây để nói với các bạn về một hoạt động, mà tôi đã tham gia cùng với một người gọi là Amikan. Thời kỳ đó, tôi làm việc cho một đơn vị kindon, và đơn vị tôi nhận được lệnh phải giết người phụ trách đại diện của Palestine ở ATen và người trợ lý của ông ta. Amikan là một người khổng lồ, cao hai mét, rất mê tín.

Hoạt động mà Dan Drory kể lại cho chúng tôi, gọi là PASAT, và là một thắng lợi của Mossad vào giữa những năm 70.

Một cách thấy rõ là Dan Drory yêu công việc của ông ta: Ông ta rút trong chiếc cặp mang theo một khẩu súng lục Đức, Parabelum, tương tự như khẩu Luger, và đặt lên trước mặt bàn.

— Tôi rất quý thứ này... Và, cái này cũng vậy - Ông ta vừa nói, vừa rút ra một khẩu Eagle, một súng của Israel có hệ thống làm mát - nhưng người ta cấm đeo nó bên mình. Ngược lại, khẩu súng này, tôi lại có quyền được sử dụng (lúc đó, ông ta giới thiệu với chúng tôi một khẩu Bretta 22). Và với khẩu súng này, không cần bộ phận giảm thanh.

Ông ta dừng lại một lúc, rồi chìa ra một con dao găm lưỡi lê mà lưỡi dao bấm về phía trước, vuốt đầu thành một mũi nhọn sắc.

Đây là cái mà tôi ưa thích nhất. Khi các anh rút con dao khỏi người bị đâm, miệng vết thương khép lại và ngưng không cho máu chảy ra. Ví dụ, anh có thể ấn lưỡi dao vào sâu, sau đó ngoáy lưỡi dao, làm như vậy, các anh sẽ mở rộng vết thương, rồi rút dao ra nhẹ nhàng. Tiếp đó, ông ta khoe một loại bao găng tay có móng vuốt, ở đầu ngón cái có gắn một lưỡi dao dày như lưỡi dao Thụy Sĩ và ở ngón trỏ gắn một lưỡi dao khác gọi là lưỡi dao máy cắt cho thâm lát sâu.

— Đó là công cụ thuận lợi của Amikan- Ông tuyên bố như vậy đồng thời xỏ tay vào găng - Các anh tóm bắt một gã nào đó ở cổ, rồi siết bàn tay lại. Nó cũng giống một cái kéo, cắt được mọi thứ. Thêm nữa, cái chết không xảy ra tức thì. Điều này, Amikan đánh giá cao. Nhưng để dùng chiếc găng tay này, cần phải có một nắm đấm thép như nắm đấm của Amikan.

Điều đó đủ để tôi thoát khỏi gã này.

Araikan không bao giờ ra khỏi nhà mà không theo chiếc mũ kippa của mình. Bắt buộc phải hoạt động trong bóng tối và trong các nước thù địch, không để ý thì sẽ khó vượt qua được cái bọp tai của hắn ta. Vì thế, ông ta đã quyết định cạo trọc tóc ở trên đỉnh đầu và mang một bộ tóc giả... một chiếc kippa bằng tóc thật.

Khi nhận được lệnh phải thủ tiêu hai thành viên của PLO, Drory và Amikan cùng với đội của họ đã đến ATen và ở trong vùng của hai mục tiêu ở. Người Palestine sống trong những ngôi nhà riêng biệt trong thành phố, và hàng ngày chỉ gặp nhau trong các buổi làm việc Văn phòng vẫn chưa nghiên cứu kỹ về vụ bê bối Lillehamer, trong vụ này, một người vô tội đã bị giết chết do vô ý (xem chương II; phần 3), và người phụ trách mới của Mossad, ông Itzhak Hofi, đích thân giám sát hoạt động. Ông ta chỉ bật đèn xanh ra lệnh sau khi đã kiểm tra tại chỗ thấy các mục tiêu là ngon ăn.

Để đơn giản hoá việc thuyết trình, tôi gọi người phụ trách bộ phận Palestine là “Abdul” và gọi người trợ lý của ông là “Said”. Sau khi phân

tích, quyết định được đưa ra là công việc không có thể thực hiện trong căn hộ của Abdul. Hai nhân vật này, hàng tuần, cứ các ngày thứ ba và thứ năm đều có các cuộc gặp gỡ với các quan chức chính thức của PLO, trong một khách sạn ở trên một đường phố chính của ATen. Một công việc theo dõi chặt chẽ đối với hai nhân vật này đã kéo dài, trước khi quyết định được thông qua.

Amikan và các điệp viên của ông ta đã chụp nhiều ảnh, và kiểm tra giấy tờ của họ hai lần chứ không phải là một lần, để đảm bảo đúng đối tượng mục tiêu. Họ phát hiện ra rằng, Abdul đã bị cảnh sát Jordanie bắt giữ, khi còn là thanh niên, nhờ có những hồ sơ tìm thấy ở Đông Jerusalem, sau khi người Israel chiếm đóng khu vực này. Người ta cũng thu được một chiếc cốc mà Abdul dùng khi ở khách sạn, và người ta so sánh dấu vân tay trên cốc với dấu vân tay trong hồ sơ của ông. Kết quả cho thấy, ông ta chính là mục tiêu.

Sau mỗi cuộc họp, Abdul lên xe, trở về nhà một người bạn gái. Said đi cùng bên cạnh ông. ông ta tới các cuộc gặp trong bộ quần áo mặc hàng ngày, và chỉ thay khi trở về căn hộ của ông, một dinh thự ở ngoại ô, cách xa chừng 20 phút đi xe, rồi đi dự dạ hội. Ông ở tầng hai, là tầng cuối cùng của một ngôi nhà có bốn căn hộ. Một đường dẫn xuống ga-ra ở dưới tầng hầm gồm bốn ngăn thẳng hàng. Các ngăn được những chiếc đèn gắn trên tường chiếu sáng và ga-ra được chiếu sáng bằng đèn trên trần. Said lái chiếc xe vào trong ngăn thứ hai, tính từ trong ra, rồi đi ngược trở lại đường vào ga-ra và đi vào nhà qua cửa.

Abdul là một nhà chính trị và ít quan tâm đến việc để phòng an ninh, nhưng Said lại thuộc một bộ phận của quân đội PLO và ông ta ở cùng chung căn hộ, một loại tương đương với các nhà ăn náu của chúng tôi. Họ ở cùng với ba người Palestine khác, mà ít nhất hai trong số họ là lính cận vệ.

Con đường có khách sạn ở, là một trục đường đôi với hai làn đường riêng biệt được ngăn bằng một giải phân cách ở giữa. Khách sạn có chỗ để

xe tư, dành riêng cho các khách đến nhà hàng ăn. Abdul và Said để xe ở đây. Còn một bãi để xe nữa, đằng sau ngôi nhà dành cho những người ở trong khách sạn.

Sau khi phân tích, Drory và Amikan quyết định hành động vào lúc kết thúc cuộc họp, buổi chiều ngày thứ năm.

Có một trạm điện thoại tự động ở phía bên kia của con đường, ở cách nửa ngôi nhà, và một trạm điện thoại khác gần căn hộ của Said. Vì Said luôn luôn rời khách sạn trước Abdul. Kế hoạch hành động bắt đầu lúc Abdul đi xuống trước cửa khách sạn, nhân viên Mossad sẽ gọi điện thoại cho người cùng tham gia, khi người này đứng đợi trong trạm điện thoại kia và hạ sát lúc Said đi về.

Amikan lãnh đạo một đội chịu trách nhiệm về Said. Người ta đòi hỏi phải dùng khẩu súng lục cỡ đạn 9mm và người chỉ huy của Amikan đã kiểm tra lại thấy súng không được nạp đạn nổ hai lần. Thực tế, tất cả mọi người đều biết rằng Mossad dùng các loại đạn này và cần phải tránh để lại dấu ấn. Ngược lại, người ta cần phải làm cho mọi người tin là có một âm mưu sát hại giữa các phe cánh kinh địch của PLO.

Vào buổi chiều như đã nói, một chiếc xe tải nhỏ lách vượt trước mặt khách sạn, phía bên kia đường. Một người đàn ông ngồi trên ghế phòng đợi của khách sạn, và Drory đi vào từ nơi đậu xe của khách đến ăn, Itzhak Hofi đi sát cạnh. Drory và Hofi sẽ ở lại trong xe của họ cho tới khi có tín hiệu, một loạt tiếng kêu tích tích trong máy bộ đàm.

Buổi chiều hôm đó, không rõ nguyên nhân, lần đầu tiên Abdul và Said lại cùng đi từ khách sạn và không ai đi xen vào. Những sát thủ lấy làm hài lòng nhìn họ bước lên xe và nổ máy đi.

Thứ năm sau đó, đội của Drory và Hofi lại vào vị trí. Lần này Said rời khỏi khách sạn vào lúc hai mươi một giờ và đi thẳng tới xe của mình.

Người của Mossad cho chiếc xe tải nhỏ tiến lên vài bước - như là họ vừa đến và thực hiện một màn mở đầu - trong lúc đó, Said nổ máy đi.

Hai phút sau, người ngồi trong ghế phòng đợi, ra ám hiệu như đã thoả thuận: Abdul chuẩn bị đi ra. Khách sạn có hai cửa, một cửa bình thường và một cửa quay. Để chắc chắn rằng Abdul sử dụng cửa qua3t, người ta đã đóng chiếc cửa bình thường lại.

Một nhân viên của Mossad đã hành động, đi vào phòng đợi, vượt qua cửa đứng phía sau Abdul, và bao vây làm cho người này không thể ra được. Một người đàn ông khác chiếm giữ một trạm điện thoại, ở phía cuối đường một chút, và liên lạc với một đội viên khác đang đứng trong trạm điện thoại gần khu của Said.

Abdul bước xuống cầu thang, ngoặt sang trái và đi vào khu để xe. Drory tiến tới gặp ông ta, Hofi theo gót họ. “*Abdul phải không?*”, Hofi hỏi. Khi nghe câu trả lời, Drory nã hai phát đạn, gần sát vào đúng ngực và một viên khác vào đầu ông ta. Abdul ngã vật xuống và chết ngay. Hofi đã kịp vượt qua bên đường, leo lên chiếc xe tải nhỏ đã lăn bánh được một bước. Người đàn ông đứng trong trạm điện thoại thông báo: “*Sứ mệnh đã hoàn thành*” với người ở đầu dây bên kia, để báo hiệu rằng giai, đoạn hai của cuộc hành động có thể bắt đầu.

Về phần mình, Drory quay đi bước những bước lạng lẽ lên xe và rời đi xa. Người đàn ông ngồi trong phòng đợi quay lại khách sạn và đi ra cửa sau, nơi có một chiếc xe đã chờ ông ta. Toàn bộ cảnh này diễn ra trong mười giây, và nếu có người khách nào quan sát thấy, người khách đó sẽ kết luận là người vừa đi ra, do quên một cái gì đó quay vào đi tìm. Phải mất mười phút mới có thể phát hiện ra thi thể của Abdul trong bãi để xe.

Khi Said đưa xe vào ngăn của mình trong ga - ra, Amikan trốn trong một bụi cây, ngăn cách giữa hai nhà ở kế bên, ngồi đợi ông ta. Ngọn đèn trên trần đỏ, nhưng nhờ có ánh sáng trên tường, Amikan qua lỗ cửa thông

hơi, biết rằng Said đã bắt gặp một người nào đó trong quá trình đi trên đường. Từ chỗ đó, Amikan không đoán được ai là Said trong hai người ấy, thế là ông ta quyết định bạn của kẻ thù mình, thì cũng là kẻ thù của mình. Amikan tiến sát gần, từ phía sau chiếc xe đến, và bọc khẩu súng ngắn cỡ 9mm bằng một cuốn tạp chí, rồi nhắm đầu hai người, nhả hết cơ số đạn.

Amikan tiến lại gần để kiểm tra xem họ chết hẳn chưa. Những viên đạn được bắn từ phía sau đầu, và khi thoát ra phía trước đã tạo ra những lỗ thủng há miệng.

Việc bắn xảy ra nhanh chóng, nhưng thật tàn bạo. Amikan đã dùng súng giảm thanh, nhưng tiếng động của kính vỡ và những tiếng các viên đạn đập vào tường đã làm cho những cận vệ của Said chú ý. Họ chạy ra khỏi căn hộ được chiếu sáng và men theo ban công ngược sang kêu to “Said! Said!”. Một thành viên trong nhóm của Amikan, đang giấu mình trước ngôi nhà, đã đáp lại bằng tiếng Ả Rập “*Xuống ngay! Xuống nhanh lên*”, những câu nói này làm cho các lính cận vệ hành động theo. Không chờ đợi những người xuống, người giấu mặt kia trong nhóm Amikan, đã nhanh chóng cùng Amikan chạy ra chiếc xe đợi họ phía bên kia đường. Tại đây, một người đàn ông đã đứng đợi họ trong trạm điện thoại. Chiếc xe nổ máy và biến đi trong đêm.

Tôi sẽ mãi mãi nhớ tới sắc mặt của Drory. Ông ta mô tả lại việc làm, như người ta nói về một bữa ăn ngon với một người phàm ăn. Tôi hầu như không quên được khuôn mặt của ông ta. Ông ta giơ tay lên trước mặt của ông như đang cầm khẩu súng và ngắm bắn. Nhưng với một cái nhếch mép cười giễu cợt làm sao! Ông ta nói bã bọt mép về những điều đó.

Vào cuối giờ học, một ai đó đã hỏi ông rằng, người ta đã biểu lộ tình cảm như thế nào khi người ta giết một người khi không ở trong tình thế phải tự vệ chính đáng, cũng không phải đang ở trên chiến trường.

Nhưng đó là tự vệ chính đáng cho quốc gia !- Drory tuyên bố như vậy- Tất nhiên, người đó không đe dọa tôi bằng vũ khí, nhưng, người đó là hiện thân cho việc đang hưởng vũ khí của họ vào Israel. Cụ thể, trong trường hợp này, tình cảm không có ý nghĩa gì.

Người đã hỏi ông về Amikan, một người bạn chiến đấu của ông, có thể nghĩ gì khi anh ta đứng đợi, giấu mình trong bụi cây. Drory giải thích rằng Amikan luôn luôn theo dõi giờ, bởi vì trời đã muộn và anh ta có thể chết vì đói. Anh ta nóng ruột muốn kết thúc công việc theo dõi và để đi kiếm một miếng gì ăn như bất kỳ một người đi làm nào bị chậm trễ vì công việc .

Đột nhiên, chúng tôi không muốn đặt thêm những câu hỏi khác nữa.

Một lát sau, bài học về chụp ảnh bắt đầu.

Chúng tôi học sử dụng các loại máy khác nhau, cũng như học cách tráng phim. Một trong những vấn đề kỹ thuật là hoà tan hai viên thuốc trong nước ấm, rồi nhúng phim vào trong nước này với thời gian tám mươi giây, làm thế nào để phim không hoàn toàn hiện hết hình lên - luôn còn thời gian để làm tiếp tục nữa - nhưng cho phép bảo đảm chắc chắn là chủ đề đã lựa chọn phải được chụp tốt. Người ta cũng bắt chúng tôi phải luyện tập với các ống kính khác nhau, và giới thiệu cho chúng tôi biết làm thế nào để chụp được ảnh với những chiếc máy được cất giấu, chẳng hạn như để trong túi thể thao.

Pinhas M một trong ba người mới, đã quyết định chuyển sang công việc thực hành để kiếm tiền.

Gần bãi biển ở phía bắc Tel Aviv, không xa Câu lạc bộ Quốc gia là Tel Barbeach. Đó là nơi có hoạt động mại dâm. Những cô gái chờ khách đi xe tới, và dẫn họ ra đằng sau những đụn cát. Pinhas đặt chiếc máy có trang bị hệ thống chụp đêm của mình tại một ngọn đồi, trên những đụn cát, rồi chụp những gã đàn ông trông vẻ phong nhã với những chiếc xe của họ. Pinhas đã

chụp được những tấm phim âm bản tuyệt diệu, nhờ có những máy chất lượng cao và có ống kính chụp xa tốt. Chúng tôi biết cách nối vào máy tính của cảnh sát như thế nào, và Maidan, người lo việc ghi chép số đăng ký xe của các nạn nhân, và cũng không đến nỗi tồi để tìm ra tên họ và địa chỉ của những người này. Qua điện thoại, Pinhas đã trao đổi những tài liệu đã thoả thuận để lấy tiền.

Cậu ta khoe là đã làm được một khoản lời khá, nhưng không cho biết rõ tổng số là bao nhiêu. Kết cục, có một ai đó đã khiếu kiện và cậu này đã bị phạt. Tôi chờ đợi xem người ta có xin lỗi không, nhưng đã không có gì xảy ra cả. Những người có trách nhiệm, chắc chắn nghĩ rằng một suy nghĩ sáng kiến như vậy, xứng đáng được bù đắp. Cố sức đắm mình vào trong sự rắc rối, người ta càng nhận thấy hơn cái gì là thối tha.

Trong đầu óc của Mossad, những bức ảnh như vậy có thể nêu lên một cách thuyết phục mạnh mẽ trong trường hợp cần tuyển mộ người, còn nữa... Người ta đã kể một câu chuyện về một viên chức người Ả Rập Saudi bị chụp ảnh ở trên giường với một cô gái. Mossad đã cảnh báo cho cô gái, để cô ta đưa khách tới những nơi rõ ràng và chụp ảnh. Một hôm, một *katsa* chạm trán với người Ả Rập, cùng với những chứng cứ về những hành động cuồng loạn của ông ta.

— Anh nói gì về hợp tác với chúng tôi? - Người của Mossad hỏi đồng thời đặt những tấm ảnh lên bàn.

Nhưng trong khi đợi sự phản ứng, thì người Ả Rập nọ thốt lên:

— A ha, thật tuyệt! Những tấm ảnh này quả là tuyệt! Tôi lấy ba tấm này và hai tấm này. Nhất định, tôi sẽ đưa cho bạn bè xem những tấm ảnh này.

Không cần phải nói thêm điều gì cũng đủ biết việc tuyển dụng đã thất bại.

Chương trình học được nối tiếp bằng một buổi giới thiệu về những cách thức làm tình báo trong các nước Ả Rập. Sau đó, chúng tôi hỏi cảnh sát điều tra khách sạn về những kỹ thuật giám sát của họ. Các *katsa* thường xuyên dùng khách sạn vào hoạt động của họ, và vấn đề quan trọng là làm thế nào để tránh tạo ra sự chú ý của người khác. Luôn luôn là những chi tiết nhỏ nhất. Thí dụ, một phục vụ buồng gõ cửa đi vào và nhận thấy rằng các câu chuyện đột nhiên ngừng bật, người phục vụ buồng mạo hiểm báo cho cảnh sát điều tra rằng trong phòng đó đang diễn ra điều gì ám muội. Ngược lại nếu câu chuyện cứ tiếp tục, coi như không có cô ta ở đó, thì sẽ không gọi nên sự ngờ vực. Chúng tôi cũng có một loạt bài học về cảnh sát châu Âu, lần lượt từng nước. Chúng tôi phân tích chỗ yếu, chỗ mạnh của họ, phương pháp điều tra của họ. Chúng tôi cũng nghiên cứu quả bom Hồi giáo (ý nói về bom nguyên tử của Pakistan), và tham quan nhiều cơ sở quân sự, cũng như nhà máy nguyên tử của trung tâm nghiên cứu Dimona trong khu vực Neguev, cách Beersheba khoảng 60 km. Lúc đầu, nhà máy được ngụy trang là nhà máy dệt, sau đó thành “trạm khai thác đã hết” cho tới lúc CIA thu được bằng chứng, nhờ những tấm ảnh do máy bay U.2 chụp tháng 12 năm 1960 cho thấy nhà máy che giấu một lò phản ứng hạt nhân. Một lò phản ứng hạt nhân khác, nhỏ hơn đặt ở Nahl Sorek, trong một căn cứ không quân nằm về phía Nam Tel Aviv. Người ta đã gọi nó là KAMG (viết tắt của chữ Kure Gorny Le Machkar, nói một cách khác là Trung tâm nghiên cứu hạt nhân). Tôi đã tham quan cả hai trung tâm này.

Một khi bí mật đã bị bóc trần, David Ben Gourion thông báo một cách chính thức sự tồn tại một dự án về trung tâm hạt nhân sẽ dùng vào mục đích hoà bình. Một sự nói dối thành kính!

Năm 1986, một người Israel gốc Ma rốc, tên là Mordechai Vanunu, từng làm việc ở Dimona từ 1976 đến 1985, trước khi di tản sang Úc, để lộ ra, đã chụp 57 tấm ảnh các bộ phận khác nhau, bí mật nhất của trung tâm, ở nhiều tầng dưới mặt đất ở đó người ta tàng trữ khá nhiều plutonium nhằm sản xuất 150 liều thuốc cho bom hạt nhân và bom nhiệt hạch. Ông này cũng

khẳng định rằng, Israel đã giúp Nam Phi tiến hành các cuộc thử nghiệm hạt nhân ở cực Nam của biển Ấn Độ, trên các hòn đảo sa mạc của Prince Eduard và Marion trong tháng 9 năm 1979.

Vanunu bị kết án 18 năm tù về tội làm gián điệp, trong một phiên toà bí mật ở Jerusalem. Bị quyến rũ bởi một người nữ đồng phạm của Mossad, thu hút trong một chiếc thuyền thả neo ngoài khơi của Rôm, ông ta đã bị bỏ thuốc mê rồi bị đưa lên một tàu của Israel và bị đưa về Israel. Tờ *Sunday Times* của London đã vội vã cho xuất bản một loạt những lời tự thú của ông, kèm theo nhiều bức ảnh, khi Mossad thực hiện việc bắt và phán xử ông ta.

Việc bắt cóc là một sai lầm. Vanunu không phải là một nhà chuyên môn và cũng không tạo nên bất kỳ mối nguy hiểm nào, nhưng, những cách thức mà Mossad dùng đã đóng góp vào việc tạo ra một vụ làm ăn in ấn, đi ngược lại với mục đích nghiên cứu của họ. Vanunu đã được dẫn độ về Israel, nhưng Mossad đã không tạo được lý lẽ để tự hào về việc này.

Theo những gì mà tôi được thấy ở nhà máy Dimona, thì những thông tin của Vanunu là chính xác. Đúng như những gì ông ta đã kết luận, ông ta khẳng định là chúng tôi đã chế tạo các quả bom nguyên tử và chế tạo ra những máy bay, để trong trường hợp cần thiết, chúng tôi sử dụng. Điều đó là chính xác. Và điều này, ở Học viện, không phải là một bí mật với bất kỳ ai, rằng chúng tôi giúp đỡ Nam Phi, cung cấp cho họ đại bộ phận những trang thiết bị quân sự, huấn luyện các đơn vị tinh nhuệ đặc biệt cho họ. Chúng tôi sẽ sát cánh làm việc với họ trong nhiều năm, cả Israel và Nam Phi tin vào sự cần thiết tàng trữ vũ khí hạt nhân. Và hai nước chúng tôi sẵn sàng dùng đến nó.

Những biện pháp an ninh rất chặt chẽ ở Dimona, đã gợi lại trong tôi câu chuyện về những tên lửa đất đối không Hawk và Chapparral. Những tên lửa kinh hãi này đã là chủ đề cho không biết bao nhiêu câu chuyện vui trong khoá học sinh sỹ quan của chúng tôi. Khi chúng tôi thăm các dàn phóng tên lửa, chúng tôi đã thấy những quả đạn lăn lộn tại chỗ. Chúng được bảo vệ kỹ

lượng! Sau đó, Israel đã đem bán nó cho Iran. Điều này làm cho chúng tôi còn phì cười hơn.

Chúng tôi có nhiều bài học về hệ thống thông tin liên lạc quốc tế, đặc biệt, đường cáp Địa Trung Hải, đi ngầm dưới biển tới Palerme, tới đảo Sicile, từ đó liên lạc với các vệ tinh. Các vệ tinh này truyền phần lớn nhưng tin tức của các nước Ả Rập. Đơn vị 8200 đã đạt được việc móc nối và bắt được tất cả những gì các nước Ả Rập phát đi.

Cứ hai tuần, chúng tôi phải viết một bài tập về “môn quan hệ xã hội”. Mỗi người trong chúng tôi sắp xếp các môn học của mình theo trình tự tra

Chương III:

CHÀO VÀ VĨNH BIỆT

Trước hôm có bài tập cuối cùng sau hai tuần lễ nữa, tôi nhận được một cú điện thoại của anh bạn Jerry. Vào thời kỳ đó, tôi không hình dung ra tầm quan trọng của cuộc gọi điện này.

Khi đó, Jerry 32 tuổi, là một công dân Mỹ. Với bộ râu, ria mép, tóc lượn sóng và mỏng, Jerry là một luật sư làm việc trong văn phòng luật sư của Cyrus Vance, cựu Bộ trưởng Ngoại giao của Tổng thống Jimmy Carter. Chúng tôi là bạn của nhau. Cả Jerry và tôi, ngay cả tôi cũng không biết gì về những dư luận liên quan tới đồng tính luyến ái. Jerry đã nói với tất cả mọi người về một người bạn gái nhỏ từ Hoa Kỳ đến và ở nhà anh ta, nhưng khi có chồng, cô ta phải quay trở về. Vì không có ai nhìn thấy cô ta bao giờ, nên dư luận vẫn tồn tại. Jerry thường đến nhà tôi, và tôi cũng thường đến nhà anh ta. Tôi thường đến giúp anh ta tạo “một vỏ bọc” và ngoại trừ một vài bất đồng nhỏ xảy ra, chúng tôi sống rất tốt với nhau. Không có gì là bất bình thường đối với việc anh ta mời tôi tới nhà.

Anh ta nói rằng, đơn giản là muốn tôi tới tán gẫu và giới thiệu với tôi cái gì đó. Tôi đã trả lời: Tại sao lại không nhỉ?

Lúc tôi đến nhà, Jerry đã chuẩn bị cho chúng tôi một cocktail mà tôi thích, một cốc vốt ka, có đá và quả dâu nghiền. Trước khi ngồi, anh ta mở một băng video.

— Tôi có cái này chiếu cho cậu xem - Anh ta bắt đầu - nhưng trước hết, cho phép tôi nói với cậu là tôi đã thấy một nguồn ở trong nội bộ và từ giờ trở đi, trước một bài tập, tôi có thể biết chúng ta bị theo dõi. Tôi có thể nói cho cậu biết ở đâu và khi nào. Chúng ta không cần phải bực bội về điều này nữa.

— Một cách chân thành nhé, Jerry - Tôi đáp lại - điều đó không làm tôi bức bối vì bị theo dõi. Thực ra, tôi thấy nó đáng khích lệ.

— Nghe đây, tôi đã nói điều này cho Ran S. H. (Một học sinh vừa có những vấn đề nghiêm trọng với APAM), nó rất vui thích.

— Tôi không nghi ngờ. Nhưng anh nghĩ xem, phục vụ ai, cái loại đó?

— Tuy nhiên, cậu luôn luôn không biết họ theo dõi cậu như thế nào - Jerry cài lại một cách khô khốc.

— Đồng ý, hãy làm việc gì đó của cậu đi, cái kia tôi có cần. Nếu cậu nghĩ rằng điều đó sẽ giúp cho cậu, rất tốt. Ngay cả tôi, là người tò mò muốn biết làm thế nào cậu thu được loại thông tin này. Người phụ nữ mà Itsik cần quan tâm là một người nổi tiếng mang số 4. Tôi cũng vậy, tôi có một mối liên hệ nhỏ với bà ta, và bà ta theo dõi tôi ở mọi nơi.

— Cậu đùa đấy chứ?

— Tôi biết rằng anh không tin tôi, vì thế, anh hãy ngồi xuống, anh hãy thư giãn một chút, và hãy xem video cassette.

Jerry qua nhà Itsik hơi sớm một chút và đã thấy một người phụ nữ đi từ trong nhà ra. Một người đẹp, có làn da nâu, mái tóc đen bóng và thân hình bốc lửa. Anh ta phải đợi một lúc cho người phụ nữ kia đi, rồi mới vào thăm Itsik. Vợ Itsik không ở đó, và ông ta cũng chẳng nói gì về người phụ nữ vô danh kia.

La Yarid, đội chịu trách nhiệm về an ninh ở châu Âu, hiển nhiên là đã đào tạo những nhân viên của họ tại Israel. Một trong những phương pháp luyện tập tốt nhất của họ là thử thách sự khéo léo của họ đối với việc theo dõi các *katsa* trẻ.

Họ sử dụng tên số, mà không dùng tên, và các *katsa* dường như không biết được họ là ai. Đội này đã được thông báo nhận dạng người bị theo dõi hôm trước, giờ, địa điểm xuất phát, và người ta đưa cho đội tấm ảnh của mục tiêu. Người phụ nữ này mang số 4.

Jerry đã phát hiện ra điều này trong quá trình luyện tập trước đây, và mặc dù vào thời kỳ đó, không biết người phụ nữ này là ai, anh ta đã thông báo sự việc trong báo cáo của mình. Sau này, khi anh ta thấy người phụ nữ nọ ra khỏi nhà của Itsik, anh ta đã làm phép tính $2 \text{ cộng } 2$. Lúc người phụ nữ lên xe của bà ta, Jerry lấy ra số ấy, số này cho phép anh ta biết tên, và địa chỉ của người phụ nữ nhờ vào máy tính của cảnh sát.

Bây giờ, anh ta muốn khai thác điều anh ta đã biết. Trước hết, Jerry biết cái điều mà người ta nói về anh, và muốn chấm dứt sự đồn đại. Anh cũng muốn biết ai sẽ tiếp bị theo dõi ngày này hoặc ngày khác của việc luyện tập, để không phải lo âu triền miên về APAM. Không thích thú gì trong bài tập này, anh ta muốn đi tắt, bởi vì anh ta tính toán rất nhiều trong việc đào tạo. Một *katsa* không thể ra nước ngoài mà không được APAM bật đèn xanh.

Căn hộ của ông ta được trang bị toàn đồ dùng điện tử đầy ấn tượng, cũng có một máy luyện tập cơ bắp gọi là máy Soloflex, với một chiếc ghế băng và một chiếc xà treo trên một khung. Một trong những bài luyện tập là bám tay vào (chân thông xuống) xà bằng những thanh treo nhờ có những cái găng vào bằng cao su, rồi thực hiện những động tác uốn vặn để luyện bụng.

Một nhân tố quan trọng khác của thiết bị, là một máy quay phim nhỏ gắn vào trong một chiếc cặp. Người ta đã dùng những thứ đó vào việc tập luyện, và người ta có thể mang chúng tới Viện Hàn lâm khi nào cảm thấy cần. Không phải chỉ các diễn viên màn bạc thực hiện làm người ta tin vào cương vị của họ, mà còn do chất lượng cao của các dụng cụ máy móc đã tạo nên những hình ảnh xứng đáng với điện ảnh.

Đó là một phim với hình ảnh khiêu dâm mà Jerry và N₀4 thực hiện trong phòng.

— Jerry, anh không cần làm một phim để bắt buộc cô ta hợp tác - Tôi nói, khi cuộn băng đã hết.

— Có thể là không. Nhưng tôi tự nhủ rằng, nếu cô ta khước từ, tôi sẽ chiếu cho cô ta xem phim và cô ta sẽ thay đổi ý kiến. Bắt buộc ư, không?

— Bằng cách nào đó - Tôi trả lời, một cách thận trọng.

— Cậu có biết người ta nói gì về tôi ở Văn phòng không?

— Rằng anh là người đồng tính luyến ái chứ gì?

— Đúng.

— Đó là vấn đề của anh chứ không phải của tôi.

— Tôi đến đây không phải để phán quyết anh.

Jerry, khi đó đến ngồi sát tôi.

— Cậu đã thấy đấy, tôi có phải người đồng tính luyến ái đâu.

— Tại sao anh nói với tôi tất cả những điều ấy- Tôi hỏi, lúc này, đầu óc hơi căng thẳng.

— Này, tôi có chiếc thuyền chạy buồm. Chúng ta có thể cùng nhau vui chơi...

— Jerry, tôi hiểu rõ điều anh vừa nói với tôi đấy chứ? - Tôi hi vọng là như vậy.

Tôi bị choáng váng và khùng lên. Tôi đứng lên khỏi chiếc ghế giường, đi ra phía cửa. Khi Jerry đặt bàn tay lên vai tôi để giữ tôi lại, mặt tôi đỏ gay. Tôi gạt cánh tay anh ta ra, và đánh vào người anh ta.. Chưa bao giờ tôi đánh vào một người nào mạnh như vậy. Tôi đi xuống cầu thang, nhảy xổ ra ngoài để hít thở không khí. Rồi tôi chạy dọc theo con đường - có thể là 8 hoặc 9 km - cho tới Viện Hàn lâm. Tôi không ăn mặc theo đúng thể thức, tôi ho nhưng vẫn tiếp tục chạy.

Tới Viện Hàn lâm, tôi ngã người vào Itsik.

— Tôi phải nói với anh - Tôi bảo anh ta - cần chấm dứt cái đó.

— Hãy vào phòng tôi cái đã.

Tôi đã kể cho Itsik nghe cả câu chuyện. Tôi chỉ có thể bảo đảm là tôi đem đến cho ông ta một sự giải thích chặt chẽ về câu chuyện vì tôi nói lúng túng, nhưng như thế cũng đủ để rõ ràng: Jerry có một cuốn băng cassette cho thấy anh ta đang ôm hôn cô bạn gái nhỏ của anh ta, và anh ta muốn làm thân với tôi.

— Cậu hãy bình tĩnh lại, hãy bình tĩnh lại - Itsik nói - Tôi sẽ đưa cậu về nhà.

— Tôi cảm ơn ông ta và nói, tôi có một chiếc xe đạp để ở Viện Hàn lâm. Tôi thích đi xe đạp về.

— Hãy nghe đây - Itsik nói tiếp - Cậu vừa kể cho mình nghe. Bây giờ, cậu hãy quên ngay nó đi. “Hãy quên câu chuyện đó đi”, điều đó nghĩa là muốn nói cái gì?

— Tôi không muốn phải nghe nói về nó nữa.

— Gã này, anh ta có loại “ngựa” gì đây? Ngựa thành Troie à?

— Hãy quên nó đi.

Tôi không thể làm gì hơn. Biết làm sao đây, khi Itsik ra lệnh cho tôi hãy quên câu chuyện này, thậm chí không được thăm định lại. Đây là điều không thể tưởng tượng được. Ông ta còn nói thêm:

— Tôi không muốn nghe bất kỳ ai khác nói về câu chuyện này, không nói một câu nào với Yosy và Heim, hay bất kỳ một ai khác. Hiểu chưa?

— Đồng ý, tôi sẽ quên. Nhưng tôi sẽ có một báo cáo viết cho anh và xin một bản phô-tô-cóp-pi để lưu trữ.

— Hãy làm đi!

Một bản cóp-pi cho lưu trữ nghĩa là hai lần của một bức thư bí mật có thể được giấu trong phong bì xếp trong một hồ sơ, tại đó, hồ sơ sẽ được giấu kín. Nhưng, nhân vật được gửi cho bản cóp-pi phải ký tên để cho biết là bản cóp-pi đã được đọc, rồi ngày, tháng cũng phải ghi vào đó. Giả sử có một *katsa* thông báo cho thượng cấp của anh ta về một cuộc tấn công của Syrie, và thượng cấp lại không đếm xỉa gì đến những cảnh báo này. Khi cuộc tấn công xảy ra, mọi người hỏi vì sao thượng cấp lại không được thông báo trước về cuộc tấn công này. Người *katsa* đã có một bản cóp-pi ở lưu trữ, cái đó đủ để đưa ra chứng minh rằng các thượng cấp đã được thông báo thực sự.

Trên đường về, tôi dừng lại nhà Moussa M- người phụ trách an ninh và đã trình bày sự việc với ông ta.

— Ông đã phải điều chỉnh chương trình và chuyển hướng việc theo dõi - tôi đưa ra một lời khuyến dụ.

— Thế cậu đã nói việc này với Itsik chưa?

— Nói rồi.

— Ông ta đã nói gì?

— Ông ta yêu cầu tôi hãy quên tất cả đi.

Không có thể thay đổi cách theo dõi, nếu không, Itsik sẽ biết là cậu đã để tôi biết chuyện- Moussa kết luận.

Vào khoảng ngày 15 tháng 10 năm 1985, khi bắt đầu bài tập cuối cùng, thì nhiệm vụ thứ nhất được xác định cho các nhóm năm người một, là đến ở trong những căn hộ. Một nhóm ở Haifa, nhóm nữa ở Jerusalem, và nhóm của chúng tôi ở tầng hai của một nhà bên cạnh rạp chiếu bóng Mugraby, gần các phố Allenby và Ben Yehuda, trong vùng trung tâm phía Nam của Tel Aviv, một khu tồi tệ, thường chỉ có gái điếm lui tới. Ngoài Jerry thêm vào, nhóm chúng tôi gồm Arik Oded và Michel. Sau khi bố trí xong chỗ ẩn giấu, trong một quán ăn phục vụ suốt ngày, và thực hiện tất cả những công việc an ninh cần thiết cho “chỗ giấu mình” của chúng tôi. Người ta đã giao các hộ chiếu và đưa chúng tôi ra sân bay. Người ta bắt chúng tôi phải qua kiểm soát của hải quan, làm như chúng tôi vừa đến Israel. Tôi có hộ chiếu Canada.

Tôi gọi taxi về căn hộ, quan sát vùng xung quanh, phát hiện những trạm điện thoại (tự động)... Và, tôi đã đến trước chỉ dẫn lúc mười ba giờ. (Dần dần chúng tôi được quyền trở về chỗ ở của chúng tôi, luân phiên nhau, bởi vì ban đêm luôn luôn cần phải có một người ở nhà). Lúc tôi trở về “nơi ở giấu”, cứ coi như không có việc gì xảy ra giữa Jerry và tôi, ngoại trừ việc tôi thấy, lúc này tôi không thể “động chạm” gì tới cậu ta cũng như không tự bảo vệ mình trước cậu ta. “Con ngựa” của cậu ta quá mạnh.

Bài tập đầu tiên trên hiện trường: Đi tới Khách sạn Bãi tắm biển lớn ở góc phố Dizengoff và ở góc đại lộ Ben Gourion, đối diện với Sheraton. Sheraton cũ đã được dành cho người Mỹ xây dựng một đường băng hạ cánh ở Néguev trong khuôn khổ Hiệp định hoà bình Camp David, sau khi Israel đã khước từ đối với những đường băng hạ cánh ở Sinai. Tôi giữ một phòng

ở Bãi tắm biển lớn qua điện thoại, trong khi đó, Jerry hình như đã gặp một “người quan hệ” trong phòng đợi của khách sạn này. Người quan hệ này có những tài liệu để trong cốp xe của anh ta; những tấm ảnh và đã giao chúng cho Jerry tại chỗ mà không ai biết được.

Chúng tôi đã có chìa khoá xe. Xe này phải để chỗ thứ sáu tính từ lối vào của Sheraton cũ. Trong trường hợp ấy, xe lại chỉ để ở chỗ thứ ba, rõ ràng với mục đích để gác cổng.

Jerry có nhiệm vụ nói với người quan hệ ở trong phòng đợi của Khách sạn Bãi tắm biển lớn, về địa điểm, để từ đó, người này có thể làm tôi nhìn thấy anh ta mang chiếc cặp đựng tài liệu đi vào và đi qua phòng đợi tiến về phía thang máy. Một khi, những tài liệu được chụp ảnh để trong phòng ngủ của khách sạn, tôi phải xoá tất cả những giấu ẩn trong chiếc cặp này và đem nó ra xe. Tôi sẽ ra hiệu cho Arik, Arik lại ra hiệu cho Jerry, để Jerry có thể cho “người quan hệ” kia đi khỏi.

Khó khăn duy nhất là chiếc xe luôn luôn bị người gác cổng theo dõi. Tôi đề nghị Arik bỏ hết giấy tờ trong ví đi, chỉ để lại một vài vé cần thiết qua đưa cho người gác cổng, đồng thời nói rằng Arik đã tìm thấy vé và đem nó tới những đồ vật đã biết. Mặt khác, cũng làm như vậy, tôi sẽ đi lấy chiếc cặp để trong cốp xe.

Hai giờ sau, tất cả chúng tôi lại gặp nhau ở nhà. Itsik và Shaikauly, vội vã tới chỗ chúng tôi. Chúng tôi đã làm một báo cáo chi tiết cho họ về những việc đã xảy ra, nhưng lúc mỗi người làm xong báo cáo, Jerry quay lại Itsik và nói:

— Tôi phê phán tư cách của Vic.

Tôi lấy làm sững sốt. Tôi đã làm nhiều hơn những gì người ta chờ đợi ở tôi, vậy mà gã ngu này lại phê bình tôi.

Khi Victor làm việc với những Smerfs của Kaisarut, anh ta đã ở trong khách sạn này cùng với những người Phi. Thực hiện bài tập tại khách sạn này, nơi mà Vic đã biết rõ, anh ta đã làm hại tới thanh danh của mọi hoạt động.

Một phút sau tôi phản kháng lại - Chúng ta đã thực hiện những bài tập trong tất cả các khách sạn của thành phố. Mặt khác, chúng ta coi như đang ở Paris, và ở đó, không ai biết tôi.

Itsik, đã không viết những lời đó trong sổ của ông, đồng thời nói:

— Lời nhận xét thích đáng.

Tôi quay sang Kauly.

— Shai...

— Đừng đem tôi vào việc đó - Shai Kauly nói.

Hôm sau, tôi đề nghị được bắt đầu nhiệm vụ thứ hai của tôi, ngay lập tức. Việc đó tạo cơ hội cho tôi rời khỏi nơi ẩn giấu này trong nhiều ngày: Tôi thấy ở cùng một chỗ với Jerry đã quá đủ rồi.

Nhiệm vụ của tôi là bắt liên lạc với một nhà ngoại giao Anh chịu trách nhiệm bảo dưỡng các nghĩa trang Quân đội Anh ở Israel (chủ yếu là trong cuộc Chiến tranh thế giới lần Thứ nhất). Ông ta có văn phòng làm việc ở Ramlah - nơi đó có một nghĩa trang lớn - một văn phòng làm việc khác ở trong Đại sứ quán Anh. La Shaback đã nhiều lần thấy ông ta dừng xe trên đường ô tô cao tốc để chụp ảnh những nơi đóng quân, rồi lại đi. Chúng tôi nghi ngờ là bản thân ông ta làm gián điệp, hoặc ông làm tình báo. La Shaback đề nghị nên có một cuộc điều tra.

Tôi phải bắt đầu bịa ra một lý do để gặp con người này. Tại sao lại không có một cuốn phim mới nhỉ? Sau khi đã giành một phòng trong Khách

sạn Carlton, đối diện với Khách sạn Maina, phố Hayarkon, ở Tel Aviv, tôi tới một công trình kỷ niệm được xây dựng, gần nơi mà những đội quân Anh của tướng Allenby đã tràn qua Yarkon, trong cuộc Chiến tranh thế giới lần Thứ nhất, chấm dứt bốn thế kỷ đô hộ của người Ottoman (trong lịch sử gọi là người Thổ Nhĩ Kỳ) trên vùng Đất Thánh. Giữ lại trong ký ức ngày, tháng của những trận đánh và tên tuổi của những chiến sỹ, tôi đi tới một nghĩa trang lớn khác, của người Anh, nằm ở cửa ngõ Haifa, cạo những phiến đá để tìm tên của một người lính (Mc Phee) đã hi sinh trong một trận đánh thời đó.

Giới thiệu mình như một người Canada từ Toronto đến, tôi kể rằng, tôi đang làm một cuốn phim về một gia đình đã rời London đến Canada, và gia đình đó có một người hi sinh trong trận đánh để giải phóng Đất Thánh. Đầu tiên, tôi gọi điện đến văn phòng ở Ramlah, phục vụ việc giao hàng của tôi là một người làm Ả Rập theo Thiên Chúa giáo. Người này cho tôi số điện thoại của “mục tiêu” ở Đại sứ quán. Tôi lặp lại việc chào hàng của mình với nhà ngoại giao, nói với ông ta về Mc Phee (nói rằng tôi không biết anh ta được chôn cất ở đâu). Tôi nói, mình đang ở Khách sạn Carlton và xin hẹn được gặp.

Như đã hẹn, nhà ngoại giao Anh đến cùng với một người khác, nên chúng tôi nói chuyện tay ba trong hai tiếng rưỡi đồng hồ. Được đào tạo về kiến trúc vườn tược, nhà ngoại giao sẵn sàng giúp đỡ tôi và chỉ rõ nơi có ngôi mộ. Câu chuyện của tôi kể cho ông ta đã thu hút ông và chúng tôi đã bắt đầu thảo luận cả việc tham gia của ông ta vào quay một số cảnh lớn của trận đánh mà tôi muốn quay. Tôi nói với ông ta, tôi phải ra đi sớm nhưng trong vòng một tháng nữa, tôi sẽ trở lại làm. Tôi có những chỉ thị phải hạn chế thiết lập mối tiếp xúc và hạn chế mở ra một cửa.

Đối với nhiệm vụ tiếp theo của tôi, tôi phải tiếp xúc với một gã ở Đông Jerusalem đứng bên cửa hàng lưu niệm trên phố Salaha Adin. Tôi điều tra khu phố, chụp ảnh bằng một chiếc máy được thu nhỏ và tôi kết bạn với một

người, một thành viên của PLO - đó là lý do để chúng tôi muốn biết thêm về con người kia. Trong một nhiệm vụ khác, Itsik dẫn tôi tới một ngôi nhà ở Tel Aviv, nói với tôi là trong căn hộ, trên tầng hai, có một người đang tiếp một ai đó, tôi có 20 phút để vào đó bắt chuyện với người khách mời ấy.

— Chutzpah- Tôi nói. Chuzpah, câu đó là muốn nói cái gì?

— Anh trút bớt gánh nặng trong bụng ra trước cửa của gã ấy, anh đập cửa rồi anh xin ông ta giấy. Chuzpah nghĩa là như vậy.

Tôi đi sang cửa hiệu gần để mua hai chai mouton-cadet; tôi quay trở lại ngôi nhà và đọc tên những chủ thuê nhà, ấn nút vào bộ loa nói và báo rằng tôi có một bó hoa mang tới cho một bà.

— Có đúng người ông kiểm là Dina không - Một giọng nói trả lời qua máy nói trung gian ở cửa.

— Bà ta đã có chồng phải không ạ?

— Không.

Tôi ấn vào nút máy nói trung gian căn hộ của Dina, nhưng cô ta không có nhà. Tôi đi vào phòng đợi của ngôi nhà, là nơi mà mọi người đều đi qua trước tất cả các cửa để lên gác. Nơi mà mục tiêu của tôi đang ở phải đi qua tầng hai. Tôi lấy một chai nước, cầm lên, rồi thả xuống đất, chiếc chai vỡ tan trước cửa căn hộ đã được xác định. Tôi gõ cửa.

— Tôi thực sự lấy làm khổ tâm - Tôi nói khi cánh cửa mở ra - Tôi lên thăm Dina, nhưng cô ta không có nhà. Trong lúc đi xuống, tôi vô ý đánh rơi làm vỡ chai nước. Xin ông làm ơn cho tôi mượn một cái gì đó để dọn cho sạch được không ạ?

Người đàn ông và vị khách của ông ta đã giúp đỡ tôi. Tôi đề nghị còn một chai, xin cùng uống với người chủ và vị khách của ông. Tôi đã ở đó

trong hai giờ để nghe họ kể chuyện về cuộc sống của họ. Nhiệm vụ của tôi đã được hoàn thành.

Trong khi đó, nhóm của căn hộ Haifa tập trung vào những quân lính của Liên hợp quốc, đặc biệt là những lính Canada. Những người Canada là một mục tiêu quan trọng. Hữu nghị, lịch sự, họ cảm thấy ở Israel như sống trong một nước phương Tây, hoàn toàn thoải mái hơn rất nhiều so với một nước Ả Rập. Nếu các anh muốn vui chơi, xin các anh đến Damas, các anh thấy thế nào?

Có nhiều duyshanim (nói một cách văn vẻ, là những chiếc bánh có mật ong, các lực lượng của Liên hợp quốc chịu trách nhiệm vận chuyển thư từ, tin tức và những gói hàng) những người Canada vận chuyển các kiện hàng từ phía bên kia biên giới cho chúng tôi. Trong một bài tập, bằng cách bẻ khoá (hoặc đào ngạch), chúng tôi phải thâm nhập được vào trụ sở của Mador, trên phố Dizengoff, ở Tel Aviv, cũng như phải thâm nhập được vào trụ sở của cảnh sát đặc biệt Jerusalem, nơi có một người tên là Zigel lãnh đạo một đơn vị cảnh sát điều tra đặc biệt. Một trong những công việc mà Zigel chăm lo vào thời kỳ đó, có tên là “Hồ sơ Câu cá” (“Dossier Pêche”, cũng có thể dịch là “Chiếc ghế tựa Câu cá” - Tiếng Hébreu là Tik Afarset).

Đối với cuộc xuất quân này, chúng tôi mang theo một “chuyên gia có năm dăm”, người này sẽ chỉ cho chúng tôi đâu là những hồ sơ cần lấy. Chuyên gia này xác nhận rằng “Hồ sơ Câu cá” nói về một vụ điều tra mà Yosef Burg, Bộ trưởng- một người lão luyện của Đảng Tôn giáo, một trong những thành viên lâu đời nhất của Nghị viện Israel - đã dính líu vào. Burg làm Bộ trưởng từ rất lâu, mà người ta đã kể lại câu chuyện vui đùa như sau: Ba nhà khảo cổ, một người Mỹ, một người Anh và một người Israel- đã phát hiện ra một xác người Ai Cập ướp lâu tới ba nghìn năm. Khi họ mở chiếc quách ra, chiếc xác ướp tỉnh dậy và hỏi người Mỹ:

”— Ngài ở đâu tới?

— Từ châu Mỹ tới. Một quốc gia vĩ đại ở bên kia bờ Đại dương. Một nước hùng mạnh nhất thế giới.

— Chưa bao giờ nghe nói tới - Chiếc xác ướp trả lời.

Chiếc xác ướp cũng hỏi và trả lời nhà khảo cổ Anh như hỏi và trả lời với người Mỹ, nhưng khi nhà khảo cổ thứ ba trả lời là tôi từ Israel tới, chiếc xác ướp thốt lên:

— Ô! Đúng rồi, tôi biết. À này, ông Burg vẫn là Bộ trưởng đấy chứ?”

Tôi không biết gì về nội dung hồ sơ và chủ đề của công việc điều tra, nhưng tôi biết rằng “Hồ sơ Câu cá” được mang đi, theo đề nghị của Văn phòng Thủ tướng, và công việc đã tan biến vì không đủ tài liệu. Dù rằng đó là Thủ tướng Begin, Perés hay Shamir, không mấy quan trọng. Khi người ta đã có một công cụ, thì người ta có thể sử dụng và dùng nó. Và Mossad đã luôn luôn làm như vậy.

Nếu những *katsa* trẻ thực hiện một số những bài tập mang tính chất này, thì đó là một công việc thực hành đều đặn của những người theo cách luyện tập của neviot. Bị bất ngờ tôi hỏi vì sao chúng tôi được quyền làm những cái trái với những quy định của chính mình. Chúng tôi được xem như hoạt động ở nước ngoài, chứ không phải ở trong nước.

Oren Riff, mà tôi coi như một người bạn, đã trả lời tôi:

— Khi người ta đã đánh mất cái gì, người ta tìm kiếm ở nơi đã đánh mất nó, chứ không phải tìm kiếm ở nơi có ánh sáng. Ảo tưởng đối với câu chuyện của người đánh mất một vật gì đó trong chỗ tăm tối, nhưng người đó lại đi tìm ở chỗ có ánh sáng để cho thuận tiện hơn.

Hãy đóng nó lại và hãy làm việc của cậu đi - Riff nói thêm, bởi vì cái đó cậu không nhìn thấy.

Tiếp đó Riff kể câu chuyện của một người vừa từ sa mạc tới và dừng lại trên đường sắt ông ta nghe thấy tiếng còi tàu hoả, nhưng không biết cái đó nghĩa là gì. Ông ta nhìn thấy một đoàn đang lao về phía mình, nhưng vì không biết đó là tàu hoả, nên ông ta không động dậy, rồi chiếc tàu hỏa đã cán vào người ông ta. Ông ta đã thoát được tai nạn, và sau một thời gian dài điều trị ở bệnh viện, ông ta đã được đưa về nhà. Tại nhà ông, bạn bè tổ chức một ngày hội nhỏ. Một người cho ấm nước lên bếp đun để pha trà, và khi ông nghe thấy tiếng sáo của ấm nước kêu lên báo hiệu nước sôi, thì ông ta nhảy phắt dậy, cầm lấy cái riu, nhảy xô vào bếp và bổ cái ấm nước làm hai. Khi người ta hỏi ông vì sao, ông trả lời: “Đây là những biện pháp cần thiết để giết chết những tiếng còi, khi chúng đang còn trong trứng nước”.

— Thế là tiếng còi ngừng kêu - Oren kết luận.

— Hãy đi làm việc của anh đi! Tôi vẫn lại, giận dữ, trước khi bước ra khỏi cơn bão tố của Văn phòng.

Tôi biết rằng mình có lý. Khi tôi nói với những nhân viên quèn như tôi, họ đều đồng ý cả. Nhưng không một ai dám mở miệng, bởi vì tất cả đều hi vọng đi ra nước ngoài. Đó là điều duy nhất họ tính toán. Với thái độ này, người ta sẽ bác bỏ ngay. Vì thế không thể tiến bước được.

Vào tháng 11 năm 1985, chúng tôi đã trở thành những *katsa* - tổng số sau ba năm đào tạo bầu không khí tồi tệ tới mức, chúng tôi thậm chí không tổ chức lấy một ngày hội. Oded không nhận được bằng tốt nghiệp, nhưng trở thành chuyên gia trong lĩnh vực thông tin liên lạc cho văn phòng của chúng tôi ở châu Âu. Avigdor cũng không được cấp bằng. Thông qua trung gian của Mike Harari, Avigdor được bổ nhiệm làm người chuyên thực hiện những công việc giết chóc, hoặc làm những công việc tội ác giúp cho một số người ở Nam Mỹ. Michel đi Bỉ và Agasy Y trở thành điệp viên quan hệ ở Cairo. Jerry quay lại Tsafririm để làm việc với Araleh Sheft. Lần cuối cùng tôi nghe nói tới cậu ta. Jerry dự định một hoạt động ở Yemen để thu

gom những người Do Thái về Israel. Heim, Yosy và tôi được bổ nhiệm về Văn phòng của Israel.

Tôi đạt được kết quả tốt, nhưng đã tự tạo cho mình nhiều kẻ thù. Thí dụ Efraim Halevy, người phụ trách những điệp viên làm Quan hệ, đã khiến trách tôi là “một người đặc biệt hay quấy rầy”.

Hai ngày sau việc bổ nhiệm, tôi nhận được lệnh chăm lo một gói hàng gửi từ Viễn Đông bằng chuyến bay E1 AI và chuyển tới một địa chỉ của Panama do Mike Harary gửi. Tôi đã đi tìm gói hàng ở Suburu, nhưng khi tôi đến sân bay, tôi hết sức ngạc nhiên, phát hiện ra kiện hàng có kích thước 2 X 3 X 2m, được bọc bên ngoài bằng nhựa, với rất nhiều gói nhỏ để bên trong. Quá to đối với chiếc xe con. Tôi đã gọi một chiếc xe tải đến chở kiện hàng về Văn phòng, rồi dỡ ra, bọc lại để gửi chúng đi Panama.

Tôi hỏi Amy Yaar là cái gì đựng trong đó.

— Cái đó cậu không được xem - Amy trả lời - Cậu hãy làm đúng như người ta đã dặn.

Tại sân bay, những kiện hàng không được đưa lên máy bay Panama, như người ta đã nói với tôi, mà lại được xếp lên một máy bay của Quân đội Israel.

— Có một sự nhầm lẫn ở đây thì phải - Tôi nói.

— Không, không. Máy bay cho Panama mượn đấy.

Đó là một chiếc máy bay vận tải trong đội Hercules. Khi trở về tới Văn phòng, tôi tự trách móc mình. Tôi biết cái gì chứa trong các gói hàng đó. Tôi không phải là thằng ngốc. Chúng tôi không dùng người trung gian để đưa vũ khí từ vùng Viễn Đông tới. Vì thế, chỉ có thể là hoạt động ma túy. Tôi hỏi, vì sao chúng ta dùng máy bay Israel và người ta trả lời rằng ông

chủ của chiếc máy bay Panama đó chính là Harari, vậy là không có vấn đề gì cả.

Trong bữa ăn trưa, và sau này ở Văn phòng, người ta đã có thể nghe thấy tôi than phiền và nghe thấy tôi hỏi: Vì sao, chúng ta lại giúp Harari trong các hoạt động loại này. Ở Văn phòng có một loại “vở ghi ý kiến phản ánh” (nguyên văn là vở ghi lời kêu ca, phàn nàn). Người ta làm theo thể thức đưa những ý kiến khiếu nại vào máy tính điện tử và chuyển nó qua an ninh nội bộ. Tôi chính thức nêu ý kiến. Với hệ thống này, vấn đề chính là những kẻ thần thế được tiếp xúc với những sự khiếu kiện, và Harari vẫn được thông báo về sự khiếu nại của tôi.

Đó là một con sâu làm rầu nồi canh (nguyên văn: đó là một giọt nước đã làm nước trong vại tràn ra). Tôi đã động chạm tới điểm yếu của Harari, người đã từng không ưa tôi lắm, bởi vì chúng tôi đã có một chuyện lôi thôi.

Vào thời kỳ đó, có một việc đang diễn ra là lý do cho chuyến đi của tôi đảo Síp. Tôi thực sự không muốn đi, nhưng Itsik rất muốn tôi đến đó.

Nhiệm vụ của tôi là làm người trung gian cho một hoạt động đã được triển khai. Tôi không biết nhiều về chi tiết, nhưng lại phải gặp một người và tổ chức một hệ thống, qua hệ thống đó người kia sẽ tiếp nhận các loại thuốc nổ khác nhau ở châu Âu. Thậm chí tôi cũng không biết tên con người đó. Ông ta là người châu Âu, đảm nhận việc quan hệ với PLO cho Síp và đồng thời cũng tiến hành buôn bán vũ khí trái phép. Mục tiêu chính là bóp chết việc làm trong trứng nước. Những người mua hàng của người châu Âu kia là những kẻ buôn lậu vũ khí và chúng tôi nghĩ rằng nếu nắm được họ, thì họ sẽ nói những phe cánh nào của PLO đã làm ăn với họ. Tôi phải theo dõi việc mà những người dính líu vào vụ làm ăn này đến một số nơi ở Bruxelles để nhận giao hàng hoá. Sự dàn xếp được thực hiện. Bruxelles vì những chất nổ và những kíp nổ được gửi đi từ trụ sở của Mossad ở Tel Aviv cho ăng ten châu Âu của họ tại Bruxelles qua những chiếc va li ngoại giao.

Những người mua là những nhà buôn trang thiết bị của Bỉ và Hà Lan. Mục đích của họ là làm nguy hại tới các nước đó, phát động một cuộc điều tra của cảnh sát trong các nước tương ứng, và nhằm để cho các nhân viên cảnh sát làm ngất quăng. Hiển nhiên, cảnh sát muốn có bằng chứng. Mossad sẽ cung cấp cho họ bằng chứng, mà không cần cảnh sát biết đến điều đó.

Đối với một số phần của hoạt động, chúng tôi cần viện Michel, người thành thạo tiếng Pháp: Cậu ta sẽ gọi điện thoại cho các tuy - ô của cảnh sát đúng vào lúc mà người ta giao hàng thực sự.

Tôi tới Khách sạn Sun Hall Hotel. Khách sạn quay mặt về phía cảng Larnaca. Hàng được gửi đi tại Bỉ và được xếp trong một chiếc xe. Tôi có một bộ chìa khoá đưa cho một trong số những người Síp đồng thời nói rằng sau đó, họ sẽ được thông báo chính xác nơi có chiếc xe mà họ sẽ thấy. Họ muốn gặp lại tôi trên đồi Papillon, nhưng tôi nhấn mạnh với họ là trả lại chùm chìa khoá cho tôi tại khách sạn, cảnh sát Bỉ đã bắt quả tang trong lúc mà họ đang từ chiếc xe tiến tới, đặc biệt là người mà tôi giao chùm chìa khoá, hôm 2 tháng 2 năm 1986. Hơn 100 kg chất nổ dẻo và 200 hay 300 kíp nổ bị bắt giữ.

Tôi đợi để trở về Israel. Trên thực tế, tôi không biết là được phái đến Síp với một mục đích khác trong khuôn khổ của một hoạt động mà tôi biết mơ hồ để làm việc trên máy tính của Văn phòng.

Những chỉ thị mới cho tôi, yêu cầu tôi ở lại khách sạn và chờ đợi một cuộc điện thoại của một chiến sỹ của Metsada đang làm nhiệm vụ theo dõi cảng hàng không Tripoli, ở Lybie. Thể thức ma thuật (mật hiệu) là: “Những chú gà giò đã bay đi rồi” (poulets: nghĩa đen là những con gà giò; nhưng trong tiếng lóng, nghĩa là những người cảnh sát). Khi đã nhận được thông điệp (điện), tôi phải nhắc lại ngay trên máy phát sóng vô tuyến, trong thời gian 15 giây. Tín hiệu sẽ được một tàu phóng tên lửa tiếp nhận, truyền về cho không quân Israel, mà những chiếc máy bay của không quân đang bay

đội để ép một máy bay Gulfstream - 11 của Lybie phải hạ cánh xuống Israel.

Những “chú gà giò” nói ở trên chính là một vài người trong nhóm khủng bố cứng rắn nhất của PLO và là những người cả thế giới biết tiếng, cụ thể là: About Khaled Amli, Abou Ali Moustapha, Abdul Fatah Ghamen và Arabi Aouad Ahmed Djibril của Tổng chỉ huy FPLP.

Djibril đã tham gia vào việc chuyển hướng của Achille Lauro và là người thực sự gây lo ngại cho đại tá Mỹ Oliver North đến nỗi ông này đã phải mua một hệ thống an ninh rất đắt tiền để bảo vệ nhà mình.

Người hùng của Lybie, đại tá kadhafi, đã triệu tập một cuộc họp ở Tripoli mà ông Kadhafi gọi nó là Sự lãnh đạo thống nhất các lực lượng cách mạng của các nước Ả Rập. Đại diện của hai mươi hai tổ chức của Palestine và Ả Rập đã tham dự trong pháo đài, là trại lính Bal al Azizia. Kadhafi đã phản ứng lại các cuộc tập trận của hải quân Mỹ ở ngoài khơi vùng biển của Lybie, và các đại biểu đã thông qua việc thành lập quân biệt kích cảm tử để đánh trả các mục tiêu ở nước Mỹ và ở các nơi khác, nếu Hoa Kỳ dám tiến hành cuộc xâm lược chống Lybie hoặc bất kỳ một nước Ả Rập nào khác.

Đương nhiên, Mossad đã giám sát cuộc gặp gỡ này. Người Palestine, tất nhiên thừa hiểu việc ấy. Và người ta đã biết được một nguồn tin thất thoát là những người lãnh đạo của PLO có ý định rời Lybie sớm với chiếc máy bay của họ và sẽ bay trên bờ Đông - Nam của Síp để trở về Damas. Mossad có hai chiến sỹ, nhưng hai chiến sỹ này không biết gì - đây cũng là điều tự nhiên thôi - và họ luôn đợi trên một đường điện thoại. Một trong hai người đó giám sát sân bay. Anh ta phải nhìn thấy những người Palestine lên máy bay và bay, báo trước cho một chiến sỹ khác, rồi đến lượt chiến sỹ này báo cho tôi.

Tôi tới Síp với cái tên Jason Burton. Lúc đầu tôi được một tàu phóng ngư lôi Israel chở, sau đó đi trên một chiếc thuyền đưa tư nhân. Hộ chiếu

của tôi đã đóng dấu nhập cảnh coi như tôi đi vào Síp qua sân bay.

Trời lạnh. Khách du lịch thưa thớt. Khi đó có một vài người Palestine ở trong khách sạn mà tôi ở. Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ đầu tiên của mình, tôi không còn việc gì làm nữa, ngoại trừ chờ một cú điện thoại. Tôi có thể ra khỏi phòng, nhưng không được ra khỏi khách sạn. Vì vậy, tôi đề nghị lễ tân chuyển cho tôi mọi cú gọi điện thoại tới chỗ tôi đang ở trong toà nhà.

Chính chiều ngày 3 tháng 2, tôi phát hiện ra một người ở trong phòng đợi. Ông này ăn mặc lịch sự, đeo kính gọng mạ vàng và đeo ba chiếc nhẫn to trên bàn tay phải. Ông ta có râu và ria mép, khoảng chừng 45 tuổi, tóc đen và bắt đầu có điểm bạc.

Ngồi trong phòng đợi, ông ta đọc một tạp chí Ả Rập, nhưng tôi có thể nhìn thấy ông ta có giấu một cuốn Tạp chí Playboy (tạp chí của Mỹ, chuyên giới thiệu ảnh phụ nữ khoả thân). Tôi biết ông ta là người Ả Rập, và tôi cảm thấy ông ta là một nhân vật quan trọng. “Bah! Tôi nói - tôi chả có việc gì khác để làm, và tôi thiết lập mối quan hệ”.

Đó là một quan hệ trực tiếp. Tôi tiến đến gần ông ta và hỏi bằng tiếng Anh:

— Thưa ông, tôi có thể xem qua vài trang ở giữa được không?

— Xin lỗi? Ông ta nói với trọng âm nặng.

— Con gái, ở giữa là con gái.

Ông cười phá lên và đưa cho tôi xem. Tôi giả làm một nhà làm ăn người Anh, đã sống lâu năm ở Canada. Chúng tôi đã nói chuyện thân tình với nhau và quyết định cùng nhau đi ăn tối. Người đàn ông là một người Palestine sinh sống ở Amman, và tôi có cái “vỏ bọc” làm việc xuất nhập

khẩu. Ông ta thích uống, sau khi ăn chúng tôi tới bar, và ông ta uống say bí tỉ.

Trong lúc đó, tôi bày tỏ tình cảm mãnh liệt đối với sự nghiệp của Palestine. Thậm chí tôi kể rằng tôi đã mất rất nhiều tiền trong một chuyến hàng gửi tới Beyrouth và thở dài: *“Mất mát này do bọn Israel!”*

Người đàn ông này không ngừng nói tới những công việc ông ta làm ở Lybia, và cuối cùng, rượu và tình cảm của tôi đã khích lệ ông ta thổ lộ:

— Ngày mai, chúng ta sẽ bắt bọn Israel ăn cứt.

— Thật kinh khủng, ông sẽ làm việc đó như thế nào?

— Chúng tôi đã biết người Israel theo dõi cuộc họp của PLO với Kadhafi. Chúng tôi sẽ cho họ chơi một vòng ở sân bay. Họ nghĩ rằng tất cả các nhà lãnh đạo của PLO đều cùng đi trên một chuyến máy bay, nhưng lại không phải như thế.

Tôi phải đấu tranh để giữ bình tĩnh. Tôi không muốn thiết lập mối quan hệ, nhưng tôi phải làm một cái gì đó. Sau cùng, vào khoảng một giờ sáng, tôi rời ông “bạn”, quay về phòng để quay số điện thoại khẩn cho Itsik.

Người ta không nối điện thoại được vì máy bận.

Thế là gọi cho người phụ trách của Tsomet.

Buồn thay, máy cũng bận.

Tôi kiểm tra lại đồng thời dùng tên mật mã của mình, nhưng một việc thật không thể tưởng tượng nổi, người ta từ chối cho tôi gặp người chịu trách nhiệm. Tôi gọi Araleh Sherf tại nhà riêng. Anh ta không ở nhà. Tôi gọi cho một người bạn trong Cơ quan Mật vụ của hải quân và đề nghị được

liên lạc với nơi có tất cả các người phụ trách, trong một phòng do đơn vị 8.200 thiết lập, trong một căn cứ không quân ở Galilée.

Vì nghe rõ, Itsik tới máy điện thoại.

— Tại sao cậu lại gọi cho tôi ở đây?

— Tất cả là động tác giả. Những con người đó sẽ không có trên máy bay.

— Làm thế nào cậu biết điều đó?

Tôi kể cho Itsik nghe cuộc tiếp xúc, nhưng ông ta trả lời: - Cái đó giống như trò chiến tranh tâm lý (LAP). Và lại, cậu không được quyền quan hệ.

— Chính lúc này là lúc nói điều đó - Tôi cãi lại - Thật lố lăng làm sao!

— Hãy nghe đây, chúng tôi biết chúng tôi phải làm gì. Còn cậu, hãy lo cho công việc của mình đi.

Cậu có nhớ việc gì cậu phải làm không?

— Có, nhưng tôi có thể báo trước cho anh.

— Đồng ý, bây giờ hãy bắt tay vào việc đi.

Suốt đêm, tôi không sao ngủ được. Khoảng trưa hôm sau, rốt cuộc bức điện đã tới: “*Những chú gà giò đã bay.*” Khốn thay, đối với Mossad thì đó lại là sai. Tôi vẫn phải chuyển bức điện đó đi, rồi rời khách sạn ngay lập tức. Tôi đi ra cảng và lên một chiếc thuyền Yacht đưa tôi ra chiếc tàu phóng ngư lôi trước khi chở tôi về Israel.

Ngày hôm đó là 4 tháng 2, người Israel đã ép chiếc máy bay hạ cánh xuống căn cứ không quân Ramat David, gần Haifa. Lẽ ra phải là những vị tai to, mặt lớn của PLO, thì ngược lại, chỉ có 9 hành khách là chính khách

Syrie và Lyban không mấy quan trọng. Tình huống cực kỳ bối rối đối với Mossad và Israel. Bốn hôm sau, những hành khách này mới được thả ra, nhưng không phải trước khi Djibril đã nói trong một cuộc họp báo: *“Hãy nói với mọi người trên toàn thế giới là không dùng máy bay Mỹ hoặc máy bay của Israel. Từ nay trở đi, chúng ta không rộng lượng với những người dân sự dùng các loại máy bay như thế này”*.

Tại Damas, Bộ trưởng Ngoại giao Syrie, Farouk al Shara, đã kêu gọi triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Cuộc họp đã diễn ra trong tuần, nhưng Hoa Kỳ đã dùng quyền phủ quyết với một nghị quyết lên án Israel. Tại Syrie, Tổng Tham mưu trưởng lục quân, tướng Hikmat Shehabi, đã đe dọa: *“Chúng tôi sẽ đáp lại tội ác này bằng cách dạy cho những kẻ phạm tội một bài học để cho họ phải nhớ. Chúng tôi sẽ lựa chọn biện pháp, địa điểm và thời gian.”* Kadhafi đã tuyên bố, khi ra lệnh cho không quân của mình bắt chặn tất cả các máy bay dân sự của Israel, buộc những máy bay này phải hạ cánh xuống Lybie và tìm kiếm những kẻ “khủng bố Israel” trong số các hành khách. Lybie cũng buộc tội hạm đội VI của Mỹ đã tham gia vào hoạt động này.

Bị bối rối, Thủ tướng Shimon Perés đã tuyên bố tại uỷ ban của Knesset cho Quốc phòng và Ngoại giao rằng, do tin vào một nguồn tin cho biết có một nhân vật cao cấp của PLO đi trên máy bay, *“Chúng ta đã quyết định cần phải kiểm tra xem thực sự ông ta có đi trên máy bay không. Nguồn thông tin với tính chất như vậy là cơ sở chắc chắn cho quyết định của chúng ta ngăn chặn chiếc máy bay... Thủ tướng đã xác nhận rằng đó là một sai lầm”*. Trong lúc những sự kiện này đang diễn ra, tôi vẫn còn ở trên tàu phóng ngư lôi. Tàu này đưa tôi về Israel. Tôi đã nhận ra ngay là những người lãnh đạo Mossad đã kết tội tôi về sự thất bại của hoạt động. Để yên tâm là tôi không thể có mặt tại Mossad để bào chữa, những người lãnh đạo Mossad đã ra lệnh cho đại úy, trưởng tàu phóng lôi, một người tôi đã biết khi tôi phục vụ trong hải quân, là “có vấn đề trực trác của các động cơ”, ở xa ngoài khơi của Haifa hàng chục hải lý.

Lúc tàu dừng lại, tôi uống cà phê với đại úy.

Tôi hỏi đại úy là có việc gì xảy ra.

— Người ta vừa báo cho tôi là tôi có những điều ngán ngấm về động cơ
- Anh ta trả lời.

Chúng tôi dừng lại bất động trong hai ngày. Tôi không được quyền sử dụng điện đài liên lạc vô tuyến. Đại úy, thực ra là người chỉ huy một đội tàu phóng lôi gồm 11 chiếc đã được đặc biệt lựa chọn cho nhiệm vụ này. Người ta hẳn đã e rằng tôi có khả năng hăm dọa con người này.

Viên đại úy chả sợ gì cả. Anh ta đã trở thành nổi tiếng từ nhiều năm hơn là trong một đêm sương mù, khi phát hiện ra một chiếc tàu trên màn hình ra-đa của mình. Sợ rằng vô tuyến hoạt động không tốt, đại úy có thể phát sóng, nhưng không tiếp nhận được. Bóng tối sập xuống dần, anh ta đã phát ra một lời cảnh cáo thế này: *“Hãy dừng lại không tôi bắn.”* Đúng vào lúc, đại úy ra lệnh cho khẩu súng phòng không đặt ở phía sau tàu chuẩn bị nổ súng thì một tàu chở máy bay xuất hiện trong sương mù và hướng những đèn chiếu về phía anh ta. Chiếc mỏ neo của vật khổng lồ đó còn lớn hơn chiếc tàu phóng ngư lôi này. Câu chuyện này đã gây ra rất nhiều tiếng cười.

Ngược lại, sai lầm trong việc bắn chặn này lại không làm cho một người nào cười cả - trừ những người Ả Rập và Palestine - và cuối cùng, khi người ta cho phép tôi vào đất liền, Oren Riff đã thông báo với tôi:

— Trong lần này, cậu đã thắng.

Tôi cố giải thích cho ông về những gì đã xảy ra, nhưng ông ngắt lời:

— Tôi không muốn nghe cậu nói nữa.

Tôi cố gặp Nahum Admony, ông chủ của Mossad, nhưng, ông ta từ chối nói chuyện với tôi. Sau đó, người ta cho tôi biết, qua người phụ trách nhân

sự, Amiram Arnon, là họ đã sẵn sàng để tôi ra đi. Ông này khuyên tôi nên xin từ nhiệm. Tôi đã trả lời rằng không có vấn đề gì về việc đó cả, Arnon thở dài:

— Thôi được, hãy chuyển sang tính toán cho mình.

Tôi tìm gặp Riff và nói với ông rằng, tôi vẫn muốn nói chuyện với Admony.

— Không chỉ vì ông ta không muốn tiếp cận- Riff nói - mà ông ta cũng không muốn cậu đề cập đến vấn đề ấy ngoài hành lang hay trong thang máy. Và nếu cậu cứ cố ở bên ngoài, thì ông ta xem việc ấy như là một sự tấn công. Điều này có nghĩa là các lính cận vệ của ông ta có thể bắn cậu.

Tôi nói chuyện với Sherf, ông này cũng tuyên bố là không thể làm gì hơn.

— Nhưng đó là một sự dằn dặt - Tôi phản kháng lại.

— Không quan trọng mấy - Sherf nói - Cậu không có gì ở đây cả.

Vì thế, tôi đưa đơn xin từ nhiệm. Đây là tuần cuối cùng của tháng 3 năm 1986.

Ngày hôm sau, một người bạn trong hải quân của tôi gọi điện thoại hỏi tôi vì sao trong hồ sơ của tôi đã biến khỏi nơi đặc biệt dành riêng mà người ta lưu giữ những hồ sơ của các sỹ quan Mossad để họ khỏi phải làm thời gian dự bị. (Phần lớn những người Israel qua 30, 60 hay 90 ngày của một năm trong quân dự bị. Việc này có liên quan đến phụ nữ chưa chồng và tất cả đàn ông tới tuổi 50. Cấp bậc càng cao thì thời gian dự bị càng dài).

Bình thường, khi một người rời khỏi Mossad, thì hồ sơ của người đó quay trở lại với quân nhân dự bị, nhưng tuy vậy người đó không được bổ nhiệm ra chiến trường, bởi vì anh ta biết quá nhiều. Anh bạn tôi không nghi

ngờ gì những vấn đề của tôi, nên ngạc nhiên khi thấy hồ sơ của tôi bị lấy mất. Anh cho là, tôi phải tự hỏi bản thân vì bình thường hồ sơ chỉ được chuyển giao sau khi rời khỏi Mossad 5 hoặc 6 tháng. Tôi đã rời khỏi Mossad ngày hôm trước. Tệ hơn, người ta yêu cầu bổ nhiệm tôi làm sỹ quan liên lạc với Quân đội Nam Lyban, điều này tương đương với bản án tử hình đối với một thành viên cũ của Mossad.

Tôi đã quyết định rằng điều đó là quá mức. Tôi báo trước cho Bella (vợ tôi) chuẩn bị hành lý, dùng máy bay thuê riêng, Tower Air đi London, rồi sang máy bay TWA đi New York. Sau một hay hai ngày lưu lại đó, tôi trở về Omaha trong bang Nebraska để thăm bố tôi.

Hôm tôi ra đi, mọi giấy tờ đi đường đã được chuyển tới nhà tôi ở Tel Aviv qua thư bảo đảm. Thông thường công việc này phải mất hai tháng cộng thêm 30 ngày chuẩn bị.

Bella nhận giấy thư bảo đảm. Nhưng hôm sau, điện thoại réo lên, những nhà đương cục muốn biết hiện tôi đang ở đâu. Tại sao, tôi không trở về với vợ. Vợ tôi trả lời là tôi đã đi ra nước ngoài.

— Làm thế nào có thể như vậy được? - Một người gọi điện thoại hỏi - Ông không có lệnh được tự do.

Thực ra tôi đã có lệnh, nhưng không phải lệnh của quân đội. Tôi đã làm lệnh đó và chính tôi đóng dấu vào lệnh, rồi tôi ra đi.

Tôi đã ở Washington vài ngày, định gặp một nhân viên quan hệ của Mossad. Nhưng vô ích. Không ai chấp nhận nói chuyện với tôi và tôi cũng không muốn nói tôi đang ở đâu. Sau đó, Bella lên máy bay tới Washington, còn hai đứa con gái đi Montreal. Cuối cùng, chúng tôi sống ở Ottawa.

Tôi không tin chắc vào vấn đề của mình, đó chỉ là nói thôi. Họ sẽ dùng tôi như con mồi để lừa gạt người khác và có thể quăng quật tôi đủ mọi cách. Đó là những điều đã xảy đến.

Những con người Palestine ở đảo Síp, đã làm cho tôi phát hiện ra cái vụ máy bay kia, còn nói với tôi một vài việc rùng rờ hơn. Ông ta có hai người bạn, là người Ả Rập, lớn lên ở Israel, nói tiếng Hébreu như những người Israel. Hai người này đang xây dựng một công ty ở châu Âu vì họ là những điệp viên của Israel, và họ tuyển mộ những người Israel để những người này viết giáo trình huấn luyện những nhóm bí mật. Tất cả các giáo trình là những câu chuyện. Thật ra, họ thu thập các tin tức tình báo - họ làm cho những người Israel nói một cách tự do, như là họ đã làm khi không có một ai xung quanh cả. Khi tôi nói điều này với nhiều người ở Văn phòng, họ trả lời tôi rằng tôi là thằng điên, rằng điều ấy không thể có và dù sao đi nữa, điều ấy không có thể vượt ra khỏi cơ quan, vì nó có thể gây ra một tai hoạ lớn. *“Ông vừa nói cái gì - Tôi hỏi - cần phải cảnh báo cho các điệp viên.”* Nhưng họ cho thấy không gì lay chuyển nổi họ.

Người Palestine kia có thể đã thổ lộ cho tôi, bởi vì thời gian đã quá muộn, vì đó là đêm trước lúc hành động. Tôi đã có thể phải làm gì đây? Chúng tôi đang ở trong Khách sạn Larnaca. Nhân việc người chiến sỹ ở Tripoli đã nhìn thấy “Ba người nặng ký” của PLO đã lên máy bay. Nhưng người ấy không thấy họ xuống phía sau của nhà để máy bay trước khi máy bay vào vị trí để cất cánh.

Lẽ ra, Mossad phải để tôi tiếp tục theo người Ả Rập ở Síp. Hiển nhiên, là ông ta còn biết nhiều điều khác nữa. Nhưng, họ đã không cho tôi có cơ hội. Nếu tình hình bình thường, bởi vì tôi là một *katsa*, các người phụ trách của tôi có thể không phải bị ảnh hưởng bởi các yếu tố về nhân sự, sau cú điện thoại của tôi. Chúng tôi sẽ chia sẻ với nhau về một tình huống bối rối và chúng tôi có thể cùng nhau trở vào một chiếc bẫy chống lại phe khác.

Vả lại, chúng tôi có thể không phải rơi vào bẫy. Những con người có một sự lo sợ với chúng tôi, cả năm người, đã cùng nhau đi một máy bay thật ư? Họ là những con người nhiều mưu mẹo. Họ có kinh nghiệm. Chúng tôi phải hiểu đó là cái bẫy. Và Mossad cũng không có nhu cầu cần một người ở

Síp để chuyển một bức điện. Cái cần cho họ, phải là một người dùng để đánh lừa người khác. Mà tôi là người thủ vai đó. Những vấn đề của tôi đã bắt đầu khi tôi tới Viện Hàn lâm, nhưng các giáo viên của tôi vẫn hi vọng tôi sẽ thay đổi và sẽ thích nghi với hệ thống. Tôi có thiên hướng với công việc này và cũng tỏ cho ra là một sự kìm hãm lớn cho họ, vả lại vì không phải tất cả mọi người chống lại tôi, nên họ cần một thời gian để đi đến quyết định cuối cùng rằng tôi tỏ ra có lợi hơn là làm ảnh hưởng xấu. Đây có thể là vấn đề giữa Jerry với tôi. Anh này có thể đã làm chao đảo mọi việc. Hiển nhiên, anh này là một “con ngựa” làm việc cho bản thân anh ta và chống lại tôi.

Rõ ràng là Mossad không đánh giá được những người đã đặt ra một hệ thống những vấn đề nêu trên. Họ chỉ ưa những người chấp hành một cách ngoan ngoãn và dùng họ vào những lợi ích của mình. Chừng nào, họ không làm cho con thuyền lay động, thì cả thế giới sẽ nhạo báng.

Dù sao đi nữa, tôi cũng đã hiểu được khá nhiều vấn đề trong quá trình được đào tạo và trong cuộc đời nghề nghiệp ngắn ngủi của một *katsa* để nắm giữ một tờ báo và tập hợp các thông tin đối với nhiều hoạt động của Mossad.

Rất nhiều bài học đã do những người từng làm các việc khác nhau cho Mossad giảng. Các học sinh đã nghiên cứu kỹ những hoạt động này, lặp lại chúng đồng thời với việc phân tích cặn kẽ các chi tiết. Ngoài ra, việc tự do sử dụng máy tính của cơ quan đã cho phép tôi có được một sự hiểu biết rộng về tổ chức và các hoạt động, mà trong đó một số lớn sẽ được phơi bày ra với các bạn với rất nhiều sự việc lần đầu sẽ được đưa ra.

Phần thứ ba:

Lừa bịp đủ kiểu

Chương I:

TÊN LỬA STRELLA

Ngày 28 tháng 11 năm 1971, bốn tên khủng bố đã giết hại Thủ tướng Jordanie, Wasfi Tall, trong lúc ông đang đi vào Khách sạn Sheraton của Cairo. Người Ả Rập thân phương Tây, quyết định thương lượng với Israel, Tall đã trở thành nạn nhân đầu tiên của một nhóm khủng bố Palestine được mệnh danh là Thám Chín Đen (tiếng Ả Rập là: *Ailut al Aswad*), để tưởng nhớ tới tháng 9 năm 1970, khi vua Hussein của Jordanie đập tan một nhóm biệt kích Palestine trong nước ông.

Vượt xa sự khát máu nhất, cực đoan nhất của các nhóm Fedayin, Thám Chín Đen đã nhanh chóng theo đuổi công việc giết Tall bằng cách ám sát của năm người Jordanie sinh sống ở Tây Đức và kết tội Tall làm gián điệp cho Israel. Thám Chín Đen toan tính giết Đại sứ Jordanie ở London, đặt chất nổ trong một nhà máy của Hambourg, nơi sản xuất các cấu kiện điện tử bán cho Israel, cũng như tổ chức này đã khẳng định đặt chất nổ trong nhà máy lọc dầu Trieste, lọc dầu vì lợi ích của “các tập đoàn lợi nhuận Sioniste” ở Đức và Áo.

Ngày 8 tháng 5 năm 1972, tại Lod, sân bay quốc tế của Tel Aviv, hai người đàn ông và hai người đàn bà, đã chiếm một máy bay của Sabena có 90 hành khách và một tổ lái 10 người để cố giải thoát cho 117 người Fedayin đang bị tù ở Israel. Ngày hôm sau, hai người đàn ông bị quân biệt kích Israel giết chết, hai người phụ nữ bị bắt sống và bị kết tội tù chung thân. Ngày 30 tháng 5, ba người Nhật cực đoan, được vũ trang bằng súng máy và do Fedayin thuê cũng nổ súng vào chính sân bay Lod, làm cho 26 người chết và 85 người bị thương. Họ là những người đi du lịch.

Ngày 5 tháng 9 năm 1972, tại Thế vận hội Olympique, ở Munich, một tên biệt kích của tổ chức khủng bố Thám Chín Đen đã thâm nhập vào làng Olympique giết 11 vận động viên điền kinh và huấn luyện Israel. Cuộc xung đột với cảnh sát Đức được các hãng truyền hình trên toàn thế giới phát trực tiếp. Một số thành viên của nhóm này đã có mặt tại Đức, và một tuần trước lúc Thế vận hội khai mạc, hai trong số những thành viên này đã tách ra đi riêng tới Munich, mang theo một súng tấn công kiểu Kalachnikov, do Liên Xô chế tạo và một khẩu súng lục và lựu đạn.

Ba hôm sau, Israel đã phản ứng lại những tội ác tàn bạo, bằng việc cho 75 máy bay xuất kích - cuộc oanh kích quan trọng nhất kể từ cuộc chiến tranh năm 1967 - ném bom những nơi được họ liệt vào là các căn cứ của du kích ở Syrie và ở Lyban, làm 70 người chết và hàng chục người bị thương. Máy bay Israel đã bắn hạ ba máy bay của Syrie trên bầu trời cao nguyên Golan, trong khi đó, Syrie phá huỷ hai máy bay Israel. Israel đã đưa các đơn vị bộ binh sang Lyban chiến đấu chống quân khủng bố Palestine. Quân khủng bố này đã đánh mìn các cầu trên đường giao thông của Israel, và Syrie thì tập trung quân của mình trên biên giới với Lyban để đề phòng một cuộc chiến tranh tổng thể bất trắc xảy ra.

Bị bất ngờ vì những hoạt động tiến hành chống lại họ ở ngay bên trong, những người Israel hoàn toàn sững sờ khi ngày 7 tháng 12, Cơ quan Tình báo trong nước, Shin Bet, đã bắt 46 người vì nghi là họ làm tình báo cho Phòng Nhì của Syrie, hoặc biết sự tồn tại của một mạng lưới và không chịu tố cáo. Điều làm sợ hãi thực sự là bốn trong số những người này lại là người Do Thái, và hai trong số những người này, bao gồm cả người phụ trách, là những người của sabras - sinh ra tại Israel - lại làm tình báo cho một nước Ả Rập.

Ngay lập tức sau vụ Munich, Thủ tướng Golda Meir đã ra lệnh trả đũa. Là một người mẹ vĩ đại hơn 70 tuổi, Golda Meir đã phản ứng lại cuộc tàn sát ở Munich bằng việc hứa một cách công khai sẽ tiến hành một cuộc chiến

tranh báo thù, trong đó, Israel sẽ chiến đấu “một cách quả cảm và thông minh (trên một trận tuyến) căng thẳng, đầy nguy hiểm và sống còn” - Rõ hơn, điều đó có nghĩa là Mossad có nhiệm vụ ấy, hoặc như người ta nói: “*Không một ai thoát khỏi cánh tay dài của công lý Israel*” Meir đã ký đạo luật tử hình đối với khoảng 35 người khủng bố được biết dưới các tên Thám Chín Đen, đặc biệt đối với người lãnh đạo của quân khủng bố, Mohammed Yousef Nadjar *bí danh* là Abou Yousouf, có trụ sở ở Beyrouth. Ông này là một cựu quan chức cao cấp của các tổ chức tình báo của Yasser Arafat. Nhóm có một người rất đẹp trai nhưng tàn bạo là Ali Hassan Salameh, Mossad gọi là “Ông Hoàng đỏ”. Ông Hoàng đỏ là người tổ chức cuộc giết chóc ở Munich và đã hoạt động từ khi còn ở Đông Đức. Cuối cùng ông này đã phải chết trong một vụ làm nổ xe ở Beyrouth năm 1979.

Bà Meir đã ra lệnh cho Mossad phải tìm cho ra và trừ khử những kẻ giết người của tổ chức Thám Chín Đen. Chính bà Thủ tướng đã trở thành mục tiêu số một của quân khủng bố. Đối với Mossad, điều này có nghĩa là ngành hành quyết của *Metsada, kidon* được đưa vào hoạt động.

Cuộc viếng thăm đầu tiên mà *kidon* thực hiện, sau vụ Munich là Abdel Wa'il Zwaiter, 36 tuổi, người đại diện của PLO ở Rôm. Ngày 16 tháng 10, ông ta bị bắn 12 phát đạn gần, khi đang đứng chờ cầu thang lên phòng mình. Ngày 8 tháng 12, Mahmoud Hamchari, 34 tuổi, người đại diện chính của PLO ở Pháp, đã trả lời một cú điện thoại tại nhà riêng ở Paris:

— A lô?

— Có phải ngài Hamchari đấy không ạ?

— Vâng, tôi đây.

Bùm! Đội quân của Mossad đã đặt chất nổ vào trong máy điện thoại. Khi Hamchari đưa ống nghe lên tai và được xác định đúng, từ xa, người ta

đã điều khiển cho nổ. Ông ta bị thương nặng, cụt một tay và một tháng sau thì người Palestine này chết.

Cuối tháng 1 năm 1973, - Husein al Bachir, 33 tuổi, giám đốc công ty Palmyra, có hộ chiếu Syrie, đã đi làm việc, đến ngủ ở một phòng trong tầng một của Khách sạn Olympic tại Nicosie. Một lúc sau, một tiếng nổ đã phá tan căn buồng và người đại diện của Fatah ở Chypre. Kẻ giết người đã theo dõi ông Bachir đến khi ông tắt đèn đi ngủ, sau đó, một quả mìn được gài dưới giường do điều khiển từ xa đã phát nổ.

Trong lúc làm rùm beng đám tang của người bạn chiến đấu đã quá cố, Arafat đã thề, chính bản thân ông sẽ báo thù cho bạn, nhưng “không phải ở Chypre, không phải ở Israel, cũng không phải trong vùng lãnh thổ bị chiếm đóng”. Điều được nghe thấy rõ ràng là ông sẽ tung ra một cuộc leo thang quốc tế cho chiến dịch khủng bố Tổng số, Mossad đã giết chết 12 thành viên của tổ chức Thám Chín Đen trong cuộc chiến tranh báo thù của Thủ tướng Golda Meir.

Để làm hiểu rõ hơn, Mossad đã cho công bố trên báo chí địa phương của Ả Rập những cáo thị về người chết. Điều đó như thông báo về cái chết cho những ai được xem là những kẻ khủng bố còn sống sót. Những người khác đã nhận được những bức thư nặc danh để lộ ra sự hiểu biết sâu kín về những đời tư của họ, đặc biệt trong lĩnh vực luyện ái, và khuyên họ hãy rời khỏi thành phố mà họ đang sống. Mặt khác rất nhiều người Ả Rập bị thương ở châu Âu và ở Cận Đông, trong lúc mở rộng vùng đất bị Mossad cài bẫy săn đuổi. Mặc dù Mossad không muốn, nhưng rất nhiều những người vô tội cũng bị động chạm tới trong chiến dịch trả đũa này.

Bản thân PLO cũng gửi những bức thư cài bẫy cho các đại diện của Israel trên khắp thế giới. Các bì thư đều đóng dấu của bưu điện Amsterdam.

Ngày 19 tháng 9 năm 1972, Ami Chachori, 44 tuổi, tham tán về nông nghiệp của Đại sứ quán Israel ở London đã chết sau khi mở một trong

những bức thư đó. Một số vụ mưu sát chống lại các nhân viên của Mossad mà báo chí thời đó đã đề cập tới nhiều, trên thực tế, được người ta gọi là “tiếng đồn vô tội”. Những thông tin giả do chính Mossad truyền đi để thêm vào sự lẫn lộn (lộn xộn) của dư luận. Ngày 26 tháng 1 năm 1973, người ta đã có một ví dụ cổ điển về việc này, khi một người làm ăn của Israel, ông Moshe Ischai, bị một tên khủng bố của tổ chức Tháng Chín Đen giết trên đường phố náo nhiệt Gran Via của Thủ đô Madrid, mà dường như ông này đã bị theo dõi (về sau này, ông ta được xác định là một *katsa* Baruch Cohen, 37 tuổi). Trên thực tế, ông này chẳng theo dõi ai cả; mà điều chính yếu là Mossad muốn làm cho người ta tin như vậy).

Một ví dụ khác, cái chết của một nhà báo Syrie, Khader Kanou, 36 tuổi, trong tháng 11 năm 1972, mạo xưng là một điệp viên hai mang, bị hạ sát ngay trước ngưỡng cửa nhà ông ta tại Paris bởi vì tổ chức Tháng Chín Đen nghĩ rằng ông đã cung cấp tin tình báo về các hoạt động của họ cho Mossad. Thực ra không có gì cả, nhưng báo chí đã đưa tin về cái chết. Thậm chí, người ta viết rất nhiều về những điệp viên hai mang, mà trên thực tế chỉ có ít. Những ai làm gián điệp hai mang phải ở trong những môi trường vững chắc của các văn phòng để hoàn thành những nhiệm vụ của họ.

Mùa Thu năm 1972, bà Golda Meir tìm cách đánh lạc hướng dư luận Israel về những sự ghê sợ của chủ nghĩa khủng bố quốc tế và về sự bị cô lập tăng lên của đất nước từ cuộc Chiến tranh Sáu ngày. Ít ra, trên bình diện chính trị, bà Thủ tướng cần có một sự đánh lạc mục tiêu. Từ lâu, Israel đã yêu cầu có một cuộc yết kiến với Giáo hoàng Paul VI, tại Rô-ma và trong tháng 11, Vatican đã đưa ra một sự đáp ứng thuận lợi. Meir đã yêu cầu các cộng sự của bà tiến hành những công việc chuẩn bị cần thiết.

Tuy nhiên, bà nói thêm: “*Tôi không muốn đến Canossa*” - Lời nói ám chỉ đến toà lâu đài Italy, nơi Henri VI, khi trị vì Đế chế Thần thánh La Mã thuộc nhóm ngôn ngữ Đức, đã tự hạ mình bằng cách xưng tội trước Giáo hoàng Grégoire VII, năm 1077.

Quyết định được đưa ra là Meir sẽ đến Paris để tham dự một cuộc họp của Quốc tế xã hội chủ nghĩa, trong các ngày 13 và 14 tháng 1 - Tổng thống Pháp, Pompidou đã nghiêm khắc phê phán Hội nghị này, và ngày 15 tới Vatican, rồi hai ngày sau đó, đi Côte d'Ivoire cùng với Tổng thống Houphouët-Bogny trước khi trở về Israel.

Một tuần sau lời thỉnh cầu của Meir, cuộc yết kiến Giáo hoàng chính thức được chấp nhận, nhưng không tuyên bố công khai.

Ba phần trăm dân chúng Israel - khoảng một trăm nghìn người là người Ả Rập theo đạo Thiên Chúa. PLO có mối quan hệ ngay trong Vatican, các nguồn tin được biết là đã có những cuộc thảo luận ở bên trong. Chính vì thế mà Abou Yousouf đã nhanh chóng được biết về dự án của Gold Meir. Ông này đã gửi ngay một bức điện cho Ali Hassan Salameh, đang ở Đông Đức: *“Hãy hãy thủ tiêu con mụ đang reo rắc máu của chúng ta trên khắp châu Âu.”* (Bức điện này và một phần lớn các sự kiện được nêu trong chương này, chỉ được người Israel biết đến, sau khi bắt được nhiều tài liệu của PLO trong cuộc chiến tranh Lyban năm 1982.)

Làm thế nào sẽ giết được Meir và giết ở đâu, đó là thuộc thẩm quyền của ông Hoàng Đỏ, nhưng quyết định đã được thông qua và ông cương quyết phải thực hiện. Ngoài Meir là kẻ thù hiển nhiên thấy rõ của tổ chức Tháng Chín Đen, Yousouf cũng nhìn thấy, trong vụ mưu sát này một dịp ngoạn mục để chứng tỏ cho thế giới biết tổ chức của ông ta đang tồn tại như một sức mạnh mà người ta phải chú ý tới nó.

Cuối tháng 11 năm 1972, chi nhánh London của Mossad, nhận được một cú điện thoại bất ngờ của một người có tên là Akbar, sinh viên Palestine muốn kiếm chác ít tiền qua việc bán tin tức cho người Israel, nhưng người ta đã không nghe nói về điều đó từ đã lâu.

Dù cho đây là một “điệp viên được khám phá ra”, Akbar đã có những mối quan hệ với bên trong PLO và anh ta yêu cầu có một cuộc gặp gỡ. Vì

từ đã rất lâu rồi, anh này không biểu lộ ý chí, không có một *katsa* đặc biệt nào chịu trách nhiệm về anh ta, và dù rằng cái tên mà anh ta giới thiệu cho phép có thể kiểm chứng, anh ta đã phải để lại số điện thoại để người ta có thể gọi lại khi cần. Thông điệp của anh ta kiểu như là điều: “*Hãy nói với Robert rằng đó là Isaac gọi*”, đi kèm với số điện thoại và tên thành phố, như đề cập đến một người hoạt động bình thường ở Paris, song lúc này lại gọi điện thoại từ London. Thông điệp sau đó được đưa vào máy tính, điều này cho phép biết được là thực sự Akbar đã đến Anh học tập - với hi vọng tránh khỏi Cơ quan Tình báo trên thế giới - Chính anh ta là một điệp viên da đen cũ (hay người Ả Rập). Hồ sơ của anh ta cho biết, ngày, tháng mỗi quan hệ cuối cùng của anh ta và có dán những tấm ảnh của anh ta: Một ảnh dán bên trên và ba ảnh dán phía dưới, cho biết các hình dạng ở tư thế khác nhau, và cùng với chủ thể hoặc không có râu.

Khi người ta có vấn đề với PLO, ngay cả khi vấn đề đó còn xa vời, người ta đã luôn luôn có sự đề phòng phụ, và thủ tục rất chặt chẽ của APAM phải được tuân thủ trước khi một *katsa*, trên thực tế không gặp Akbar.

Sau khi thoả mãn đầy đủ những công việc thẩm tra, Akbar đã tiết lộ rằng, mối quan hệ với PLO đã yêu cầu anh ta đi Paris để dự một cuộc họp. Anh ta đã nghĩ rằng anh ta phải hoạt động trong một chiến dịch rộng lớn để cho một nhân viên cấp thấp như anh ta được triệu hồi, nhưng cho tới lúc này, anh ta chưa có những thông tin chính xác.

Anh ta muốn có tiền. Anh ta bị căng thẳng, bị kích thích. Anh ta tuyệt đối không muốn xuất hiện trở lại nhưng không có sự lựa chọn nào khác, chính vì PLO đã biết anh ta ở đâu. *katsa* đã đưa tiền ngay lập tức cho anh ta và số điện thoại để gọi ở Paris.

Vì vấn đề khó khăn, nhất là khi người ta có ít thời gian để đưa những nhóm người từ các nước Ả Rập tới. Những kiều dân này không thông hiểu rõ phong tục của người phương Tây, do vậy nên PLO mượn trong số những

sinh viên dự trữ của họ và những người lao động đã sống ở châu Âu và vì thế họ có thể đi du ngoạn mà không lo ngại nên sự ngờ vực, và họ cũng không cần có “vỏ bọc”. Vì cùng một lý do như vậy, PLO thường lui tới cầu viện những nhóm người cách mạng châu Âu, mặc dù PLO không có lòng tin với họ và cũng không tôn trọng họ.

Chính vì vậy mà bây giờ đến lượt Akbar.

Akbar đến Paris để gặp gỡ những điệp viên khác của PLO ở ga tàu điện ngầm Pyramides. Ắng ten của Mossad ở Paris, có lẽ đã theo sát người Palestine này tại điểm hẹn, nhưng sau đó do sự hiểu nhầm, những người Israel đã đến quá muộn. Akbar và các bạn của anh ta đã đi khỏi. Nếu như Mossad giám sát được cuộc gặp gỡ, chụp được ảnh, thì cái đó đã có thể giúp cho Mossad làm sáng tỏ tấm màn rách khoé phức tạp mà tổ chức Tháng Chín Đen đã dệt lên bao xung quanh bà Golda Meir.

Vì những lý do an ninh nội bộ, khi những chỉ thị đã nhận được, những điệp viên của PLO đi du ngoạn với hai người một, nhưng trong khi người bạn vào trong nhà vệ sinh, Akbar đã đi tới gọi rất nhanh số điện thoại Paris. Anh ta đã thông báo rằng một cuộc họp khác đã được trì hoãn. “*Mục tiêu là gì?*” Người *katsa* hỏi. “*Một người trong số các anh*” Akbar trả lời - “*Tôi không thể nói vào lúc này được*”. Anh ta treo máy gọi lại.

Có sự sợ hãi. Tất cả các trạm của Israel ở trên thế giới được cảnh báo trước là PLO đang chuẩn bị tấn công vào một mục tiêu của Israel. Và tất cả đều bồn chồn hỏi để xác định mục tiêu này. Nhưng vì chuyến đi của bà Golda Meir đã chậm lại hai tháng, và chuyến đi không được thông báo công khai, nên không một ai chú ý đến bà ta.

Ngày hôm sau, Akbar gọi điện một lần nữa và nói rằng anh ta đi Rô-ma vào buổi chiều. Anh ta cần tiền, anh muốn gặp một người nào đó, nhưng anh ta không có nhiều thời gian, anh ta phải ra sân bay. Vì anh ta đang ở gần ga tàu điện ngầm Franklin-Roosevelt, người ta đã nói với anh ta đi

chuyến tàu đầu tiên đến quảng trường Concorde, đi bộ theo một hướng nhất định, đồng thời dùng các biện pháp an ninh làm tin trước theo cách thức khác nhau.

Mossad có lẽ muốn có cuộc gặp trong một phòng của khách sạn và cần giữ phòng trước là cách đơn giản để tránh con mắt của tình báo thế giới. Để bắt đầu công việc, cần có hai phòng được nối với một máy quay phim ghi lại cảnh diễn cuộc gặp gỡ và có hai người được vũ trang ở phòng bên cạnh, ngay sát cửa. Hai người này sẵn sàng nhảy ngay vào khi *katsa* bị người điệp viên kia tấn công. Mặt khác, *katsa* này phải nhận chìa khoá phòng trước để khỏi mất thời gian đón tiếp.

Vì Akbar phải đi tới Rô-ma bằng máy bay và anh ta không có nhiều thời gian, người ta đã huỷ ý định dùng đến phòng của một khách sạn. Người ta sẽ gặp anh ta trên phố, khi anh ta đi bộ. Lần này, anh ta nói rõ rằng công việc, cho dù nó là công việc gì đi nữa, vẫn là một hình thái kỹ thuật và cần thiết chuyển một cách bí mật vũ khí sang Italy. Thông tin bề ngoài dường như vô hại này về sau cho thấy là một yếu tố then chốt trong việc lắp ráp trò chơi ghép hình. Công việc thuộc Ăng-ten Paris, người ta quyết định cử một *katsa* đến Rô-ma để dùng tiếp xúc với Akbar.

Tiếp đó, hai người chịu trách nhiệm đưa người Palestine ra sân bay. Do lỗi của các nhân viên Cơ quan An ninh, người ta dùng hai *katsa*. Một trong hai người đó là Itsik, sau này trở thành thầy giáo của chúng tôi tại Viện Hàn lâm. Nhưng, tư cách của ông ta hồi đó không phải là một mẫu để học tập. Ngược hẳn lại, Itsik -và người người đồng nghiệp của ông ta tự tin là “trong sạch”. Tuy nhiên, quy định đòi hỏi rằng một *katsa* không đưa dẫn ra một sân bay một người sợ bị phát hiện và có thể bị nhận diện sau này, trong một công việc khác, trong một sân bay khác hoặc ở nơi khác.

Cũng không bao giờ phải phá bỏ vỏ bọc của mình mà không làm “vô hiệu” trước khu vực.

Trong khi ra sân bay Orly, một trong hai *katsa* đi uống cà phê, trong khi đó người kia tháp tùng Akbar ra cửa bán vé, ghi sổ hành lý và ngồi khá lâu với Akbar để bảo đảm rằng anh ta đã đi được. Họ nghĩ rằng chỉ có một mình Akbar đi Rôm, nhưng thực ra không phải vậy.

Chính vì thế, sau này, Mossad phải tìm ra trong đồng tài liệu thu được từ cuộc chiến tranh với Lyban, một thành viên khác của PLO nhận ra Akbar cùng đi với một người lạ mặt, và theo sau người lạ mặt này còn có một người ở quầy cà phê. Việc không thể tưởng tượng được là hai người rời khỏi sân bay từ lâu, bắt đầu nói với nhau bằng tiếng Hébreu. Điệp viên của PLO, ngay lập tức gọi điện thoại để cảnh báo cho Rôm là Akbar không phải là con người “trong sạch”.

Akbar và Mossad đã phải trả giá đắt cho việc làm cầu thả của Itsik và người đồng đội của anh ta.

Ali Hassan Salameh, ông Hoàng Đỏ, quen gọi với cái tên Abou Hassan hơn, là một nhân vật táo tợn, thích phiêu lưu, mạo hiểm mà vợ hai của ông ta là một người đẹp Lyban, bà Georgina Rizak, hoa hậu năm 1971. Sự thông minh cũng bằng sự khát máu, đó chính là cái đầu đã tổ chức cuộc hành sát ở Munich. Lần này ông ta quyết định dùng tên lửa Strella do Nga sản xuất - Người Xô viết gọi là SA- 7, và Tổ chức quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) đặt cho cái tên mật mã là “Grêle” - để phá nổ chiếc máy bay của bà Golda Meir khi chiếc máy bay này đổ xuống sân bay Fiumicino.

Những tên lửa này hoạt động theo cùng một hệ thống như Redeye của Mỹ, được điều khiển bắn tới mục tiêu bằng một ống phóng nặng 10,6 kg, được cầm ở tay và tỳ vào vai. Bản thân quả tên lửa nặng 9,2 kg, được đẩy đi bằng một tên lửa ba tầng với hệ thống điều khiển bằng tia hồng ngoại và tầm bắn của nó là 3,5 km. Nếu so sánh nó với những loại tên lửa khác thì loại tên lửa này không có gì được cải tiến đặc biệt cả. Bắn lên những máy bay tiêm kích phản lực rất dễ điều khiển, thì phần lớn tên lửa này ít có hiệu quả do không có sự uyển chuyển. Nhưng đối với những mục tiêu lớn, di

chuyển chậm như một chiếc máy bay bay theo đường thẳng, thì tên lửa này là loại nguy hiểm chết người.

Việc cung ứng các tên lửa Strella không thành vấn đề. PLO đã có sẵn trong các trại huấn luyện trên đất Nam Tư (tên cũ), cần tìm cách vận chuyển chúng một cách bí mật qua biển Adriatique nữa là đủ. Thời đó, PLO có một chiếc thuyền Yacht thả neo ở gần Bari, trên bờ biển Italy, đối diện với Dubronik.

Salameh thăm dò các quán rượu ám muội ở Hambourg tới khi ông ta tìm được một người Đức hiểu biết chút ít về hàng hải và sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có tiền. Sau đó, ông ta tuyển dụng hai người phụ nữ mà ông ta gặp ở trong một quán rượu khác và đối với người lái tàu qua Adriatique, Salameh đã làm cho hoa mắt vì tiền, ma túy rồi gái là chủ yếu.

Ba người Đức đã đi máy bay tới Rôm, sau đó đi tới Bari và leo lên một chiếc tàu của PLO, vận tải ma túy, rượu và đồ ăn uống. Chỉ có những lời dặn dò, chỉ dẫn: Tới một hòn đảo nhỏ ngoài khơi của Dubrovnik, chờ người ta đưa những kiện hàng lên tàu rồi quay lại Bari và mỗi người sẽ nhận được hàng nghìn đô la. Người ta cũng khuyên dặn họ là dùng thời gian tốt trong vòng ba hay bốn ngày, bảo đảm đem lại cho họ mọi thứ vui thích trên đất liền mà những người này muốn - khuyên rằng họ làm theo mà không có may mắn một sự hoài nghi tôn giáo nào.

Salameh đã lựa chọn những người Đức vì khi những người này bị bắt thì những nhà cầm quyền nghĩ đến Nhóm vũ trang đỏ (Fraction armée) hay nghĩ đến những nhóm cực đoan khác hơn là nghĩ tới PLO. Khốn thay, cho những người Đức này, Palestine không có thói quen đề phòng rủi ro đối với những người không chuyên nghiệp, một khi công việc đã được hoàn tất. Khi những người Đức trở về với những thùng hàng đựng tên lửa, các điệp viên của PLO đã chuyển giao hàng sang một chiếc tàu nhỏ, đưa những người Đức đi, cắt cổ họ và đánh chìm chiếc thuyền Yacht ở ngoài khơi, cách bờ chừng một hải lý rưỡi.

Những quả tên lửa Stella được chất lên các chiếc xe tải Fiat nhỏ, và từ Bari, đội vận chuyển của PLO tới Rô-ma, qua Avelino, Terracina, Anzio, Ostia, tránh những con đường lớn và chỉ chạy ban ngày để tránh sự nghi ngờ. Đội vận chuyển đã để những kiện hàng tên lửa trong căn nhà. Tại đây, những quả tên lửa được cất giữ cho tới khi nào người ta cần sử dụng.

Tại Beyrouth, người cầm đầu nhóm Tháng Chín Đen, Abou Yousouf, ngay lập tức được thông báo rằng Akbar là một con chuột chũi. Lẽ ra giết anh ta đi và vì có thể làm hại tới toàn bộ công việc, thì người cầm đầu tổ chức Tháng Chín Đen đã quyết định sử dụng điều mà ông ta muốn đánh lạc hướng đi của người Israel. Nếu như những người Israel biết PLO dùng những thứ đó cho mục tiêu, làm sao họ lại không biết Akbar chỉ là một sự hiểu biết rất hạn chế của công việc.

— Chúng ta phải làm một vài việc gì đó khích lệ người Israel phải thốt lên: “A! té ra là thế” - Yousouf nói với các viên chỉ huy phó của ông như vậy.

Đó là vì sao ngày 28 tháng 12 năm 1972, sớm hơn ba tuần trước chuyến viếng thăm Rô-ma của bà Golda Meir, được ấn định vào ngày 15 tháng 1, tổ chức Tháng Chín Đen đã tổ chức cuộc tấn công - lúc đó được xem như không thể áp dụng được - chống sứ quán Israel ở Băng Cốc, Thái Lan. Rõ ràng là hoạt động tấn công đã được chuẩn bị không tốt: PLO đã chọn ngày mà Hoàng thân Vajiralongkorn được tiến cử là người thừa kế ngôi vua ở Quốc hội, và Đại sứ Israel và phần lớn các nhà ngoại giao khác đều tham dự buổi lễ đó.

Tạp chí Time đã mô tả việc chiếm đánh Sứ quán ở đường Soi Lang Suan (một con đường nhỏ đằng sau vườn cây ăn quả) như sau: “Dưới ánh nắng nóng bóng giữa trưa, hai người mặc áo vét da, leo qua bức tường của vườn hoa, trong khi đó hai người khác mặc quần áo màu thẫm băng qua hàng rào sắt với bước đi uể oải. Trước khi có thể phát tín hiệu báo động, người gác đã bị những họng súng máy khống chế. Nhóm người Ả Rập

khủng bố Tháng Chín Đen, tác giả của vụ tàn sát Munich, một lần nữa đã bị trừng phạt”.

Thực tế như vậy, nhưng chỉ có một sự giải thích. Một lính biệt kích đã chiếm Sứ quán, treo lên trên một cửa sổ lá cờ xanh, trắng của Palestine. Người lính biệt kích này đã để cho người gác và toàn bộ nhân viên làm thuê người Thái ra khỏi Sứ quán, nhưng bắt những người Israel làm con tin, trong đó gồm cả ngài Shimon Avimor, Đại sứ tại Cambridge. Không bao lâu, khoảng 500 cảnh sát và binh lính Thái đã bao vây toà nhà. Qua cửa sổ, những tên khủng bố đã ném những thông điệp xuống đòi hỏi Israel phải giải phóng 36 người Palestine bị tù, và đe dọa sẽ cho nổ tung toà nhà Sứ quán và tất cả những gì có trong đó, kể cả chính bản thân họ.

Cuối cùng, Thứ trưởng Ngoại giao Thái Lan, Chartchai Choonhaven, nguyên soái Dwee Chullaspaya, và Đại sứ Ai Cập tại Thái Lan, Moustapha el Essaway, được phép vào bên trong Đại sứ quán để mở cuộc thương lượng. Amir, Đại sứ Israel ở bên ngoài trong một văn phòng gần đó, ngay tức khắc một máy telex đã bảo đảm việc liên lạc với Thủ tướng Meir và Chính phủ của bà ở Jerusalem.

Sau một giờ thương lượng, những kẻ khủng bố chấp nhận khả năng để cho họ rời khỏi Thái Lan, nếu họ thả con tin. Sau đó, họ ăn gà cary với rượu whisky do Thái đãi và rạng sáng lên máy bay của Thái bay đi Thủ đô Le Caire cùng với Essaway, và hai nhà thương thuyết cấp cao của Thái Lan.

Trong một báo cáo về sự kiện này, tờ tạp chí Time đã nhấn mạnh như vậy là nhờ Đại sứ Essway *“một tấm gương hiếm thấy của sự hợp tác giữa người Ả Rập với Israel... Nhưng, sự việc những kẻ khủng bố lắng nghe lẽ phải còn hiếm thấy hơn. Đó là lần đầu tiên tổ chức Tháng Chín Đen lùi bước”.*

Đương nhiên, những nhà báo không có thể tiên đoán trước rằng sự việc này đã được biết trước ngay từ ban đầu. Những người Israel cũng không

biết nốt, và ngoại trừ ra - Shai Kauly, khi đó chịu trách nhiệm về mạng ăng ten ở Milan (Italy) của Mossad - họ tin vào một hoạt động mà Akbar đã báo cho họ.

Để đảm bảo rằng việc nghi binh sẽ lung lạc được Mossad, trước cuộc tấn công Đại sứ quán ở Thái Lan, PLO đã nói với Akbar: Lúc này hãy ở lại Rôm, nơi mà hoạt động lại diễn ra tại một nước rất xa các chiến trường quen thuộc của những người khủng bố như: châu Âu, Trung Đông. Đương nhiên, người Palestine đã truyền thông tin cho Mossad, bằng cách là khi cuộc tấn công ở Băng Kok xảy ra, Tổng hành dinh ở Tel Aviv không chỉ tin rằng đó là hoạt động đã được nêu ở trên mà còn cảm thấy vui sướng vì đã không có một người Israel nào bị giết hoặc bị thương.

Được thuyết phục rằng, Băng Kok là mục tiêu đã được lựa chọn từ buổi đầu, Akbar đã có cuộc tiếp xúc với *katsa* của anh ta ở Rôm tổ chức một cuộc gặp khác. Các Cơ quan An ninh của Israel lại rất thận trọng, còn những người Palestine sẽ không bao giờ dùng đến sự nguy hiểm theo dõi Akbar tại một điểm hẹn khác, sợ rằng bị phát hiện và sẽ không bao giờ thông báo cho Mossad biết việc đó. Mục đích của họ là cung cấp cho Akbar những thông tin để anh ta chuyển cho người Israel.

Do tin rằng công việc đã kết thúc, Akbar đòi tiền. Vì Akbar sẽ trở lại London sớm, nên *katsa* của anh ta đã đề nghị đem theo tất cả những tài liệu về nơi ẩn náu bí mật của PLO, nếu có thể được. Cuộc gặp sẽ diễn ra ở một làng nhỏ phía Nam của Rôm, nhưng cuộc gặp ấy được bắt đầu với các cách thức như thường lệ - cử Akbar tới một quán ăn bình dân của Thủ đô - tiếp đó là những thủ tục thông thường của APAM.

Điều không bình thường, chính là kết quả của cuộc gặp.

Khi Akbar bị đẩy vào trong xe của *katsa* và chiếc cặp da của anh ta bị quăng vào trong chiếc ghế dài phía trước, như bình thường, một nhân viên của các Cơ quan An ninh đã mở chiếc cặp đó ra. Chiếc xe đã nổ tung, giết

chết Akbar, người *katsa* và hai nhân viên của Cơ quan An ninh. Người lái xe sống sót nhưng bị trọng thương đến nỗi hiện nay tình trạng sức khỏe của anh này còn rất kém.

Ba nhân viên khác của Mossad đi chiếc xe theo sau và sau này, một trong số họ nhất quyết rằng anh ta đã nghe, trong máy điện đài xách tay (Walkie-talkie) Akbar kêu lên, một cách hoảng sợ: “Không được mở cặp”. Vì anh ta biết rằng chiếc cặp có chứa thuốc nổ. Tuy nhiên, Mossad không bao giờ có thể xác định được người Palestine biết hay không biết trong chiếc cặp của anh ta đã được gài mìn.

Cho dù việc đó là gì đi nữa, những người trong chiếc xe thứ hai đã phải gọi một đội *sayanim* địa phương - cùng với xe cứu thương, y tá, bác sỹ tới. Những thi thể còn lại của ba người đồng nghiệp và người tài xế bị thương nặng được chuyển đi nhanh chóng, rồi sau đó được đưa về Israel. Thi hài bị thiêu cháy của Akbar được để lại bên vệ đường để cho cảnh sát Italy tìm thấy.

Người ta xác nhận rằng PLO đã phạm sai lầm giết Akbar trước công việc của Meir, khi bà có thể đón chờ chuyển đi rất tốt tới London.

Chắc chắn, Mossad có thể đã biết ai đã giết Akbar, nhưng điều đó không còn quan trọng đối với họ lúc này nữa.

Trong lúc ấy, bà Golda Meir đã tới Pháp để thực hiện bước thứ nhất trong chuyến đi tới Rô-ma. Những nhân vật quan trọng của Mossad vui sướng là Meir đã không đem theo Israel Gali, viên Bộ trưởng Không bộ, một con người mà bà có quan hệ từ lâu ngày cùng đi. Hai người thanh niên trẻ thường gặp lại tại Viện Hàn lâm, vì những cuộc hẹn của họ và những tình cảm nồng thắm khi họ đến trường học.

Mark Hessener (xem chương IV; phần 1), người phụ trách mạng lưới ở Rô-ma, đã hoàn toàn bị lừa dối bởi sự mưu mẹo xảy ra ở Băng Kok. Nhưng,

tại Milan, Shai Kauly vẫn tin rằng cái gì đó khập khiễng trong kịch bản. Đó là một người đàn ông kiên nghị, có nhận thức, với sự nổi danh có công về sự ám ảnh của các chi tiết. Điều đó, đôi khi cho thấy những nguy hiểm, ông ta đã chậm chuyển một ngày bức điện khẩn để người ta có thể sửa chỗ sai ngữ pháp. Nhưng thông thường nhất, tính tỉ mỉ của ông là một phương tiện để thành công. Trong trường hợp ấy, tính tỉ mỉ đã cứu mạng sống của Golda Meir.

Kauly không ngừng đọc các báo cáo liên quan đến cái chết của Akbar và các hoạt động của PLO gắn liền với người Palestine. Cái đó đối với ông ta hình như đã đánh lạc hướng, rằng cuộc tấn công ở Băng Kok là việc Akbar đã nói đến: Tại sao công việc đó lại cần thiết phải chuyển vũ khí qua Italy? Sau vụ người Palestine bị giết hại, thì những nghi ngờ của Kauly càng tăng lên. Tại sao PLO lại giết anh ta, nếu điều đó không phải là PLO đã biết anh ta chính là một điệp viên của Israel? Và, nếu như PLO biết điều đó, thì sự việc ở Băng Kok là một mẹo lừa, Kauly suy luận như vậy.

Tuy vậy, chả có gì chắc chắn để tiếp tục cả. Mossad phái *katsa* tới London, chịu trách nhiệm về một âm mưu sát hại, lập luận rằng khi Mossad đề nghị Akbar đem theo tất cả những tài liệu, Mossad đã không giải thích cho anh ta là làm thế nào để tiến hành mà không để bị bắt.

Về phần Hessner, dã tâm của ông đối với Kauly tạo nên một nguyên nhân nghiêm trọng của sự rắc rối trong diễn biến các sự kiện. Lúc Hessner là học viên của Hàn lâm viện, ông ta đã nhiều lần bị lừa dối về những gì ông ta làm - đặc biệt do Kauly, thời đó là giáo viên của ông ta - vì thế, ông ta bị theo dõi mà ông ta không biết. Đáng lẽ phải hoàn thành nhiệm vụ, Hessner lại quay thẳng trở về nhà và đưa cho Kauly một báo cáo đầy đủ khác với những gì đã xảy ra trong thực tế. Ông ta đã không bị thái hời, nghĩa là ông ta đã là một con “ngựa” có ảnh hưởng trong nhà, nhưng ông ta không bao giờ tha thứ cho Kauly về những sai lầm khi sử dụng ông ta, và Kauly không bao giờ xem ông ta như một người chuyên nghiệp.

Giống như những việc thường xuyên xảy ra trong tình huống loại này, một yếu tố bất ngờ ngoài sự mong đợi, đã thúc đẩy Kauly tới cách làm quyết định. Một phụ nữ ở Brucxelle nói được nhiều thứ tiếng và có nhiều tài năng, đang coi trông một căn nhà cho các chiến sỹ của PLO dùng làm chỗ nương thân tạm thời trong cuộc chiến tranh không bao giờ kết thúc chống lại người Israel. Một người phụ nữ chuyên vay mượn sự quyền quý, đó là một người bạn đầy ấn tượng của các thành viên PLO. Mossad đã đặt các máy nghe trộm trong căn nhà của cô ta, ghi lại các cuộc tranh luận của người phụ nữ trẻ và các bạn của mình ở các giai đoạn khác nhau của sự si tình ngây ngất - mà nó đã trở thành thú tiêu khiển thích thú của những người phụ trách các Cơ quan Mật vụ Israel trên thế giới. Người ta nói rằng người phụ nữ trẻ này có khả năng nói được ít ra là sáu thứ tiếng.

Vài ngày trước chuyến viếng thăm của bà Golda Meir tới Rôm, một ai đó - Kauly nghĩ rằng đó là Salameh, nhưng không bao giờ ông ta dám khẳng định điều đó - trong ngôi nhà ở Bruxcelle đã nói với người phụ nữ trẻ rằng ông ta phải điện thoại về Rôm. Rồi người đó đã lệnh cho một người bắt liên lạc “bỏ lại căn nhà và mang theo đi 14 chiếc bánh ngọt”. Bình thường, một cuộc gọi điện thoại đi Rôm không có gì đặc biệt để gây sự chú ý, nhưng với chuyên viếng thăm sắp tới của bà Golda Meir, và những nghi vấn mà Kauly đã nung nấu, ông ta đã không cần gợi lên một sự phản ứng nữa.

Sinh ra ở Đức, Kauly chỉ cao một mét sáu mươi lăm. Ông ta có bộ mặt xương xương, bộ tóc đen nhánh, nước da sáng. Nhân cách bị xoá bỏ, ông không cố gây ấn tượng với cấp trên của mình, và vì lý do này mà ông ta ở Milan, một ăng ten không mấy quan trọng, trong khi Hessner đang điều hành ăng ten này ở Rôm.

Khi Kauly nghe cuốn băng ghi ở Bruxcelle, ngay lập tức ông ta điện thoại cho một người bạn điệp viên quan hệ, chính người này lại gọi cho một người bạn trong Cơ quan Tình báo của Italy, Vito Michele, và nói rằng anh

ta cần gấp một địa chỉ để trả lời cho một số điện thoại. (Kauly thuộc Tsomet - cơ quan tuyến mộ! Ông này đã đăng ký như một tùy viên và vì vậy, không muốn để lộ ra tư cách của một *katsa* cho các cơ quan địa phương biết. Không có vấn đề điện thoại trực tiếp cho Michele.)

Michele trả lời rằng anh ta không thể thoả mãn được yêu cầu nếu không có sự cho phép của ông chủ, Amburgo Vivani, và người điệp viên quan hệ nói rằng ông bạn gọi thẳng cho Vivani - điều mà ông ta đã làm. Qua một số mạng lưới của Cơ quan Tình báo Italy, mà người ta đã nhờ để có thông tin, thì việc này không làm cho Kauly vui thích. Ông ta chỉ biết được rằng, người đàn ông của căn nhà ở Rôm đã nhận được lệnh ra đi vào ngày hôm sau.

Điều này đã khiến cho họ có rất ít thời gian để tìm lại địa chỉ và xác định xem người phụ nữ kia có biết gì trong buổi chiều hôm đó đối với một hoạt động của PLO không.

Vivani đã đạt được việc có địa chỉ, nhưng một việc không thể tưởng tượng nổi, là viên sỹ quan quan hệ, lẽ ra phải phát thông tin này cho Kauly, thì anh ta lại phát cho ăng ten ở Rôm, mà bộ phận này chả hiểu gì về tầm quan trọng của vấn đề - và từ xung đột Kauly - Hessner - ăng ten ở Rôm đã giữ thông tin này lại trong ngăn kéo tới hôm sau. Cuối cùng thì bản thân Kauly đã tìm được địa chỉ và điện thoại cho ăng ten ở Rôm, đề nghị trực tiếp tới căn nhà bởi vì việc này có quan hệ trực tiếp tới chuyển thăm của bà Meir. Tại thời kỳ này, Kauly không còn một sự tin tưởng chắc chắn nào cả, nhưng ông ta tin rằng sẽ xảy ra một sự kiện lớn.

Khi Mossad tìm tới căn nhà, thì căn nhà trống không, nhưng một cuộc tìm kiếm cho phép họ nắm được một bằng chứng quan trọng: Một mẫu giấy bị xé nát, mặt sau cho thấy chiếc tên lửa Strella và nhiều chữ Nga giải thích về cơ chế vận hành.

Lúc này Kauly đã bay đi. Chưa đầy hai ngày trước khi bà Thủ tướng đến, ông ta biết rằng Rôm đã đầy rẫy các điệp viên của PLO, một hoạt động đang được tiến hành và người Palestine có các tên lửa không bao lâu bà Meir sẽ tới. Nhưng chỉ với những điểm nói trên, thì hoàn toàn chưa chắc chắn.

Kết cục, người ta đã báo trước cho bà Golda Meir về rủi ro có thể xảy ra, nhưng bà Meir trả lời *“Tôi sẽ gặp Đức Giáo hoàng. Các ngài và người của các ngài hãy làm mọi cách để tôi hạ cánh mà không có vấn đề gì”*.

Kauly lúc đó đi tìm gặp Hessner để biết liệu họ có phải để cho các Cơ quan Mật vụ của Italy biết hay không. Hessner cảm ơn sự giúp đỡ của Kauly và nói thêm: *“Ăng ten của anh, chính là Milan. Còn đây là Rôm”*. Và thế là ông ta ra lệnh cho Kauly đi khỏi. Với tư cách là người phụ trách ăng ten ở Rôm, Hessner mặc nhiên chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động. Nếu một quan chức cao cấp nào ở Israel muốn nắm việc điều hành của anh ta, người đó phải tới ăng ten ở Rôm. Đó chưa phải là việc vừa diễn ra ở đây. Rất có thể hôm nay, điều đó sẽ đến.

Nhưng Kauly lại lo lắng về an ninh cho Thủ tướng hơn là một sự khác nhau về việc phán quyết. Kauly đáp lại Hessner là sẽ thấy “tôi ở lại đây”, ông ta nói một cách cương quyết. Giận dữ phát khùng lên, Hessner đã phàn nàn tại trụ sở làm việc rằng Kauly đã gieo rắc sự lẩn lộn trong hệ thống chỉ huy. Khi đó, Tel Aviv đã lệnh cho Kauly bỏ công việc và trở về Illico ở Milan ngay. Kauly đã không rời khỏi Rôm. Ông ta mang theo hai trong số những *katsa* của mình ở Milan theo - việc đó đã làm cho ăng ten của ông ta bỏ trống - và ông ta hứa với Hessner là họ sẽ bằng lòng làm việc sẵn lòng, nhưng không làm ảnh hưởng tới bất kỳ ai. Hessner quá không hài lòng về điều này nữa, nhưng vì đã khăng định đối với chức trách của mình ông ta đã lệnh cho tất cả mọi người của mình hãy ra sân bay và tạo nên một mạng lưới trong vùng xung quanh, mưu tính tìm ra con đường của bọn khủng bố. Nhưng, giả sử như Mossad có thể đã biết nhiều về những nơi ẩn náu của

những kẻ khủng bố hơn, thì trên thực tế, người Palestine đã có sự dự phòng thêm chỗ trú đóng trong đêm ở khu vực bãi biển, cắm trại trong những chiếc xe của họ. Chuyến viếng thăm, trước hôm bà Thủ tướng Meir đến, tất cả các khách sạn, các nhà nghỉ của Lido di Ostia và của vùng xung quanh, cũng như những nơi các thành viên của PLO thường lui tới đều không tỏ ra có điều gì cả.

Biết rõ tầm bắn của các tên lửa, Mossad chỉ ít cũng biết khu vực nào cần phải lòng sục trước khi máy bay hạ cánh. Tuy nhiên, khu vực như thế rất mênh mông - dài 20 km và rộng 8 km - quyết định ngớ ngẩn của Hessner không báo trước cho cảnh sát địa phương một vấn đề có tầm cỡ như vậy và đã không thu xếp được việc gì. Các tên lửa Strella có thể được bắn từ xa. Khi mục tiêu nằm trong bán kính hoạt động của các tên lửa, một sự phát ra bằng điện sẽ làm cho máy phát tín hiệu hoạt động; một khi được phóng đi, tên lửa tự động đi tìm mục tiêu. Những kẻ khủng bố có thể được báo cho biết thời gian biểu về máy bay của bà Meir, bởi vì họ sẽ được thông báo chính xác giờ máy bay cất cánh từ Paris qua các điệp viên của họ cung cấp, và họ có thể dự tính được thời gian hạ cánh của máy bay. Mặt khác, đó là một chiếc máy bay E1 AI - chuyến bay chờ đợi duy nhất trong ngày.

Vào thời kỳ này, bản thân những người lãnh đạo của hãng Alitalia có nói rằng phi trường Leonardo da Fiumicino là một trong những phi trường “tồi tệ nhất trên thế giới” - Do có nhiều máy bay, nên các chuyến bay hàng ngày luôn luôn bị trễ., đôi khi chậm tới ba tiếng đồng hồ, bởi vì sân bay chỉ có hai đường băng tiếp nhận hạ cánh mà lại có 500 máy bay trong một ngày vào thời kỳ cao điểm.

Dĩ nhiên, chiếc máy bay của Thủ tướng sẽ được ưu tiên, nhưng sự lộn xộn ở sân bay không giúp gì cho các nhân viên của Mossad theo đuôi tới chỗ này hay chỗ kia, để tìm những nhóm khủng bố và các tên lửa. Những người Palestine có thể có mặt ở bất cứ đâu, thậm chí trong sân bay, trong các nhà để máy bay gần đó, hoặc trong khu vực xung quanh.

Trong khi lòng sục phía của mình ở sân bay, Kauly đã rơi vào tay của một *katsa* .thuộc ăng ten ở Rôm và hỏi người này là những điệp viên làm công việc Quan hệ ở đâu. (Chính họ chứ không phải các *katsa*, là những người sẽ báo cho các Cảnh sát Italy trong trường hợp cần thiết).

— Những điệp viên quan hệ nào? - Người *katsa* vặn hỏi.

— Anh muốn nói là không có người nào ư? - Kauly kêu lên, tỏ ra sững sờ.

— Không có.

Kauly lập tức gọi viên sỹ quan về quan hệ ở Rôm, yêu cầu anh ta điện thoại cho Vivani giải thích với ông ta về những việc vừa xảy ra.

— Cần phải rút tất cả các mạng lưới nhân viên. Nhất thiết phải có lực lượng tăng cường cho chúng tôi ở đây.

Những kẻ khủng bố có thể đã trú đóng bên ngoài chu vi của sân bay - tương đối gần để máy bay của Thủ tướng Meir nằm trong tầm bắn của tên lửa - vì có rất ít nơi thuận lợi để ẩn náu ngay trong sân bay. Người Israel, trong khi đó đã lòng sục khắp nơi, và không bao lâu đã có sự giúp đỡ của Adaglio Malti, của Cơ quan Phản gián Italy.

Malti hoàn toàn không biết Mossad đã trải nhân viên đông như kiến ra mà chỉ biết qua “tuy ô” của viên sỹ quan quan hệ ở Rôm thông báo về nguồn tin chắc chắn, rằng PLO đã có dự tính tấn công chiếc máy bay của Thủ tướng Meir ở sân bay bằng tên lửa do Liên Xô chế tạo - điều này đã không đặt người Italy vào hoàn cảnh khó xử.

(Trước hết cần phải có sự phê duyệt của cơ quan phụ trách Quan hệ ở Tel Aviv với thông điệp trước khi được chuyển cho người Italy.)

Vào giai đoạn này, những kẻ khủng bố đã được chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất có 4 tên lửa, đặt ở phía Nam sân bay; nhóm thứ hai có 8 tên lửa Strella khác, bố trí ở phía Bắc sân bay. Sự việc mà người ta không thể cắt nghĩa được sau hoạt động, là sự biến mất của hai trong số 14 “chiếc bánh gatô” phải được xác định tiếp sau đó. Nhưng, lúc ấy, nhóm khủng bố ở phía Bắc đã đặt hai tên lửa trong vùng phụ cận, bên cạnh chiếc xe tải nhỏ hiệu Fiat.

Một thành viên của Cơ quan An ninh Mossad làm nhiệm vụ thanh sát khu vực đã nhanh chóng phát hiện ra những tên lửa này. Ông ta kêu lên. Những người Palestine khai hoả. Cảnh sát Italy chạy đến và người của Mossad - là người không mong đợi họ, bởi vì đó chính là Kauly đã báo trước cho họ - đã tẩu thoát đi. Trong lúc hỗn loạn, một trong số những kẻ khủng bố cố chạy thoát, nhưng các sỹ quan của Mossad đã quan sát thấy và kẻ khủng bố liền bị bắt, trói chặt lại, ném lên xe dẫn trở vào trong một nhà hăng ga (nhà để máy bay).

Bị đánh như tử, người Palestine kia đã thú nhận là tổ chức của hắn ta có ý định giết bà Golda Meir và văng ra lời thách thức:

— Các ông không thể làm gì được cả!

— Người ta không thể làm được gì ư? - Một người Israel hỏi vặn lại - Nhưng người ta đã tóm được mày đấy thôi!

Và thế là lại một trận như tử. Thình thoảng, Kauly lại nghe được qua máy phát tin cầm tay là người ta đã bắt được một tù binh. Tin cho biết là tên tù đang ở trong hăng ga. Các đồng sự của Kauly đã cho ông thấy tên khủng bố mà họ đã bắt sống và nói rõ rằng những người Italy đã bắt được một số tên khác và 9 hoặc 10 tên lửa.

Kauly nhớ lại cú điện thoại từ Bruxcelles về vấn đề “14 chiếc bánh gatô”. Không chỉ luôn có vấn đề với Mossad, nhưng vấn đề chỉ tồn tại trong

khoảng nửa giờ trước khi máy bay tới. Hẳn phải có những tên lửa khác nữa, thế nhưng chúng ở đâu?

Kauly gọi nước lên người tên tù bất tỉnh.

Thế là hết đời - Kauly nói với người tù - Lần này, các anh đã dùng roi vọt làm hỏng cả. Bốn phút nữa, máy bay của bà Meir sẽ hạ cánh xuống. Các anh không có thể làm gì nữa.

Thủ tướng của các ông, nó phải chết!- Tên khủng bố hét lên với những người Israel.

Những vẻ sợ hãi tồi tệ nhất của Kauly đã được xác nhận: trên một vài bộ phận của chiếc tên lửa do Liên Xô chế tạo có ghi tên của bà Golda Meir.

Một người của Cơ quan An ninh lúc đó đã đánh chết một người Palestine khác. Khi người ta bắt được tên này, trên mình hắn có mang theo thuốc nổ mà những kẻ khủng bố thường sử dụng có tên là “Betty la sauteuse” (Betty con mụ lẳng lơ). Người ta thường găm chất nổ trong đất như một quả mìn, nhưng nó được nối với một cái cọc nhỏ bằng một sợi dây gắn vào một cái chốt. Những người Israel đã để chất nổ đó bên cạnh tên tù nối một sợi dây dài hơn từ hăng ga ra và kéo sợi dây cho chất nổ làm cho người tù tung ra từng mảnh nhỏ.

Sự căng thẳng thật khủng khiếp. Kauly gọi Hessner bằng máy điện đài xách tay và đề nghị Hessner ra lệnh qua vô tuyến điện cho phi hành đoàn của bà Meir hãy hạ cánh chậm lại. Người ta không biết liệu Hessner có ra lệnh hay không. Điều mà người ta biết, đó là một nhân viên của Mossad tuần tiễu bằng xe suốt dọc một con đường, đã lưu ý tới một việc gì đó kỳ cục. Ba lần qua lại trước một căn nhà tồi tàn được sửa chữa, ba ông tuy ô nổi lên trên mái nhà, nhưng chỉ có một ống có khói. Những kẻ khủng bố đã tổng khứ (khử) một nhà buôn, chọc thủng hai lỗ để qua đó họ có thể đặt tên lửa Stella. Kế hoạch được tính toán như sau: Khi chiếc máy bay của bà

Meir đã đến tương đối gần, rồi tên lửa sẽ bắt đầu phát ra tín hiệu âm thanh, đủ để những kẻ khủng bố tỳ vào cò tên lửa, và 15 giây sau, chiếc máy bay sẽ bị phá huỷ.

Không bỏ lỡ một giây, người của Mossad đã đánh một nửa vòng, lao thẳng chiếc xe của họ vào ngôi nhà tồi tàn kia, làm đổ nhào ngôi nhà, hai tên khủng bố bị kẹt ở bên dưới. Người của Mossad xuống kiểm tra thấy có hai tên lửa - và những người Palestin đã bị mắc bẫy. Nhìn thấy những chiếc xe của cảnh sát đang lao về phía mình, người của Mossad leo lên xe rồi phóng theo hướng đi Rôm. Ngay khi được báo có các đồng nghiệp của Mossad tới, thì tất cả đã biến khỏi khu vực làm như chưa bao giờ họ đặt chân tới đây.

Cảnh sát Italy đã bắt 5 thành viên của tổ chức Tháng Chín Đen. Nhưng sự việc khác thường là những kẻ khủng bố đã bị bắt quả tang khi họ tính giết bà Meir, thì mấy tháng sau, những người này đã được thả và đưa lên một máy bay để trực xuất sang Lybie.

Chương II:

CARLOS

Ngày 21 tháng 2 năm 1973, Israel phái hai chiếc máy bay tiêm kích phản lực Phantom (Con Ma) đi đánh một chiếc máy bay Boeing 727 của Hãng hàng không Lybie Arab Airlines, mà điểm hạ cánh của nó là Thủ đô Le Caire của Ai Cập, nhưng nó bị lạc đường. Họ đã bắn hạ chiếc Boeing, giết chết 105 người trong số 111 hành khách đi trên máy bay. Thảm kịch đã xảy ra 12 giờ sau khi một đơn vị biệt kích của Israel đã tiến hành một hoạt động trả đũa quả cảm vào Thủ đô Beyrouth, phá huỷ nhiều cơ sở của PLO, chiếm được một khối lượng lớn hồ sơ, tài liệu đáng kể và thanh toán được nhiều nhà lãnh đạo của Palestine, đặc biệt có Abou Yousouf, người cầm đầu tổ chức Thám Chín Đen, và người vợ của ông ta.

Việc phá huỷ một chiếc máy bay dân dụng là sai lầm. Vào thời kỳ này, người ta đã đe dọa Israel là sẽ phóng một máy bay mang đầy bom lao vào Tel Aviv. Chiếc Boeing đi thẳng vào một trong những căn cứ quân sự chính của Sinai, và Bộ tư lệnh của không lực không thể dính líu vào, đây là do một viên đại úy đã quyết định bắn hạ chiếc máy bay đó.

Sáu năm đã trôi qua trước khi Mossad không thực hiện được việc trả thù đối với ông Hoàng Đỏ, nhưng sự trả thù cá nhân của Golda Meir chống lại tổ chức Thám Chín Đen đã làm thay đổi về căn bản vai trò của Học viện. PLO đã trở thành một phần quan trọng nhất trong các hoạt động của Mossad, một việc có ảnh hưởng tai hại bởi vì người ta đã ít quan tâm đến những kẻ thù khác, như Syrie và Ai Cập, là những nước đang hô hào chiến tranh và trên thực tế, họ đang chuẩn bị chiến tranh. Anouar Al-Sadate đã thành lập các tổ chức gọi là “Các uỷ ban chiến tranh” trong khắp nơi của Ai Cập. Ngược lại, Mossad dành hầu hết thời gian và nguồn tài lực của mình vào việc săn đuổi những kẻ khủng bố của Thám Chín Đen.

Ngày 6 tháng 10 năm 1973, một vài tháng sau thời kỳ các tên lửa Strella, tướng Eliahu Zeira, người cầm đầu các Cơ quan Tình báo của Quân đội Israel, đã chủ trì một cuộc họp báo ở Tel Aviv: “Sẽ không có chiến tranh”. Giữa lúc đang họp báo, một một sỹ quan đi thẳng vào phòng họp và chuyển một bức điện cho viên tướng. Zeira đọc bức điện và ngay lập tức rời khỏi phòng họp mà không nói một lời.

Ai cập và Syrie đã tấn công, cuộc chiến tranh Kippour đã bắt đầu, ngay từ ngày đầu tiên, đã làm phía Israel chết 500 và bị thương hơn 1.000 người. Vài ngày sau, Israel cầm cự được và bắt đầu đẩy lùi quân xâm lược, nhưng cuộc chiến tranh đã mãi mãi là nguồn khát vọng - đối với bản thân Israel cũng như đối với các nước khác - về hình tượng sức mạnh vô địch mà trước kia Israel đã có.

Bà Golda Meir vẫn luôn luôn sống, nhờ có Mossad, nhưng một trong những hậu quả của cuộc chiến tranh này đã khiến bà phải từ chức Thủ tướng vào ngày 10 tháng 4 năm 1974.

Còn về phần Shai Kauly, ông ta biết rằng ông đã có 2 quả tên lửa Strella mà người ta không bao giờ tìm thấy được sau âm mưu ám hại bà Meir. Tuy nhiên, mối đe dọa đã lùi xa ngay lập tức. Kauly đã trở lại nhiệm sở ở Milan, và cuộc chiến tranh chẳng mấy chốc đã lấn át tất cả những vấn đề khác.

Sau tai họa ở sân bay, cảnh sát Italy đã rất bối rối, người ta đã định ám sát ngay trước mũi họ một nhà chính trị quan trọng và cảnh sát Italy đã chẳng làm được việc gì ngoài việc đến chậm và thu dọn những mảnh vỡ vụn do Mossad để lại ở phía sau. Các Cơ quan Tình báo Italy đã hoàn toàn không nghĩ gì tới sự tồn tại của một kế hoạch giết bà Meir. Trừ phi có một số nhân viên của các Cơ quan Tình báo thế giới biết, còn dư luận không hay biết gì về việc này cả. Và Cơ quan Tình báo của Italy đã yêu cầu người Israel không để các chi tiết của vụ này được truyền lan ra. Mossad đánh giá rằng trong khi giúp những nước khác “che giấu”, họ sẽ thu lại được một lợi thế. Vì thế, Mossad luôn luôn sẵn sàng để cho một người nào đó cứu lấy thế

diện - chừng nào mà người này biết rằng, đối với Mossad, thậm chí nó là một thằng ngu dần chơi đẹp.

LAP, hay *Lohamah Psichlogit*, tổ chức chiến tranh tâm lý của Mossad, vì thế đã chịu trách nhiệm tu chỉnh lại lịch sử để kéo người Italy ra khỏi sự bối rối. Vào thời kỳ này, quan hệ giữa Israel và Ai Cập cực kỳ căng thẳng, nhưng Mossad thật sự bận rộn với việc tìm kiếm các thành viên của tổ chức Tháng Chín Đen mà tổ chức này không có một dấu hiệu gì về việc chuẩn bị một cuộc chiến tranh cả. Với chỉ vền vện 35 hoặc 40 *katsa* hoạt động trên khắp thế giới trong bất kỳ thời điểm nào, việc tập trung vào các hoạt động của PLO - tổ chức có hàng nghìn người trong các phe phái khác nhau - có thể làm bận rộn cả cơ quan và gây ra những hậu quả trầm trọng trong công việc theo dõi các kẻ thù quan trọng khác của Israel.

Dù cho thế nào đi nữa, LAP cũng đã soạn thảo một chuyện hoang đường mà những người Italy đã có thể công bố, nhưng cùng lúc LAP đã thông báo cho các Cơ quan Tình báo của Anh, Pháp và Mỹ về những điều thực sự đã xảy ra. Trong thế giới tình báo, có một quy định gọi là “quy định của người thứ ba”, ví dụ, nếu Mossad truyền tin tức cho CIA bởi vì CIA thoả thuận với cơ quan có mối quan hệ tốt trong công việc, thì CIA không được thông tin cho bên thứ ba vì các thông tin ấy bắt nguồn từ một tổ chức tình báo khác. Tất nhiên, người ta có thể đổi thay quy định bằng cách giải thích những thông tin này trước khi nó được phát đi.

Trong thời gian có sự cố ở sân bay, Mossad thường xuyên cung cấp cho CIA. danh sách các loại quân cụ Xô viết gửi cho Ai Cập và Syrie, bao gồm cả số hiệu của loạt vũ khí. Việc làm gồm hai mục tiêu: Tạo cho Mossad một bộ mặt tốt đẹp, có khả năng thu thập các thông tin như vậy và để cho thấy một kho vũ khí đã được tạo nên trong khu vực. Việc này giúp cho CIA thuyết phục Chính phủ Mỹ tăng viện trợ cho Israel. CIA đã không thể nêu lên trong Quốc hội là những thông tin đó từ đâu mà có, tuy nhiên họ khẳng định những tin tức đó do người Do Thái đưa ra.

Người Mỹ cho rằng Muammar AI Kadhafi của Lybie là một người điên khủng nguy hiểm, và trong giữa những năm 1970, toàn thế giới đã bị rung chuyển do sự xuất hiện khắp nơi những nhóm cách mạng khủng bố: Tổ chức Hành động trực tiếp ở Pháp, băng Baader-Meinhof ở Đức, Hồng quân Nhật, những Đội xích vệ Italy (họ đã ám sát Chủ tịch Hội đồng Aldo Moro trong năm 1978), tổ chức ETA của xứ Baxcơ (người đã báo thù giết chết Carrero Blanco, Tổng thống của Chính phủ Tây Ban Nha, trong năm 1973), và nhiều tổ chức bí mật Palestine. Thậm chí ở ngay Hoa Kỳ, cũng có những tổ chức Weathermen và Quân đội Symbionese giải phóng - tổ chức đã bắt cóc người đàn bà thừa kế Patricia Hearst, năm 1974.

Trong lúc đó, một số lớn nhà thờ và các tu viện của người Do Thái ở châu Âu đã là mục tiêu đánh bom, và Mossad đã phán xử thời điểm được lựa chọn tốt để kết tội những người Ai Cập và người Lybie từ những sự kiện ở Italy, thậm chí, họ hoàn toàn chả làm gì ở đó cả.

Mossad đã thu được danh sách các tên lửa Strella mà Italy bắt được. Lúc nào cũng chỉ có 12 chiếc, nhưng Mossad chỉ lo lắng về 2 chiếc tên lửa không có về sau này. Những số hiệu của loạt tên lửa Strella được bổ xung cho danh sách vũ khí do người Nga giao cho Ai Cập, dù rằng trong lúc thẩm vấn, Mossad đã biết các tên lửa đặc biệt này được đưa từ Nam Tư tới.

Theo những câu chuyện được LAP bịa ra cho công chúng Italy, những kẻ khủng bố đã tiếp nhận những vũ khí từ Lybie và đã rời Beyrouth bằng xe vào cuối năm 1972 cùng với những tên lửa Strella, tới Italy bằng phà và được chuyển tới Rô-ma, sau đó, họ phải tới Viên để đánh chiếm một mục tiêu của người Do Thái. Lý do để người ta giải thích việc đánh lạc hướng này, chính là quá dễ dàng để từ một nước cộng sản, vượt biên giới một nước phương Tây này đến một nước phương Tây khác. Những kẻ khủng bố bị cảnh sát Italy bắt “một cách chính thức” ngày 26 tháng 1 năm 1973 vì mang theo chất nổ. Họ đã bị bắt tù một cách bí mật từ khi âm mưu của họ không thành ở sân bay, trong khi đó, LAP tu sửa lại kịch bản của họ. Không thể

hiếu được vì sao Cảnh sát Italy đã thả những người tù. Trước hết họ thả hai người, sau đó thả ba người khác nữa.

Trong thời gian này, những nhà quân sự Mỹ đã đưa tất cả những thông tin do Mossad cung cấp vào trong các máy tính của họ. Ngày 26 tháng 1, khi người Italy thông báo rằng họ đã bắt được những kẻ khủng bố và thu được một số vũ khí. Bản thân người Italy cũng đã chuyển cho CIA các số hiệu của loạt tên lửa Strella và CIA đã chuyển thông tin đó cho Cơ quan Tình báo Quân đội. Khi những số hiệu của loạt tên lửa này được mang ra đối chiếu với những số hiệu do Mossad cung cấp lấy từ những vũ khí do Liên Xô chuyển cho Ai Cập và Lybie, thì máy tính cho biết đó cũng là một số hiệu. Từ đó, người Mỹ tin rằng người Nga đã cung cấp cho Ai Cập, và chính Ai Cập chuyển giao cho Kadhafi và Kadhafi đã vũ trang cho quân khủng bố - một chứng cứ phụ nữa là nhà lãnh đạo của Lybie lại đúng là người mà Mỹ đã nghĩ đến. Chỉ duy nhất có Mossad là biết sự thật.

Lý do chính để người Italy thả những kẻ khủng bố, đó là họ e rằng sự việc không tránh khỏi bị phán xét và sự thật rồi sẽ lộ ra: Các cơ quan của Italy đã phạm sai lầm khi thả những người khủng bố sát hại một nhà lãnh đạo có tầm cỡ của thế giới. Một vụ bê bối lớn.

Mossad luôn luôn lo lắng về hai chiếc tên lửa không có, nhưng người Italy thì thoải mái, bởi vì họ đã giấu giếm điều lầm lẫn lớn của họ, và người Mỹ lại nghĩ rằng Kadhafi là người đứng đằng sau tất cả những sự việc.

Trong lúc những kẻ khủng bố còn đang trong tù, thì những nhân viên của Shaback đã thẩm vấn họ và đã phát hiện ra rằng Ali Hassan Salameh, ông Hoàng Đỏ, là người thực sự đã dính líu vào sự việc. Mossad, hơn bao giờ hết rất muốn bắt ông này.

Cảnh sát Italy đã cho phép Shaback thẩm vấn những người Palestine tại Rô-ma. Theo mọi khả năng có thể, một nhóm hai người của Shaback được đưa vào trong một buồng, nơi có người tù ngồi trên một chiếc ghế, hai tay

bị trói quặt ra sau lưng bằng các chiếc khoá, hai chân cũng bị xích, với một sợi xích nối vào cổ tay. Công việc đầu tiên mà những nhân viên của Shaback làm là đề nghị những cảnh sát Italy ra ngoài. “Giờ đây, nó là phòng của người Israel, chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm với tên tù”. Chắc chắn là người tù Palestine kia bị làm cho sợ hãi khủng khiếp, người tù tới châu Âu để tránh bị kết liễu trong tay người Israel.

Sau khi cánh cửa được đóng lại, những sỹ quan của Shaback nói một vài điều gì đó bằng tiếng Ả Rập như: “Chúng tôi là những người bạn của *Moukhabarat* (thuật ngữ mà người Ả Rập dùng để chỉ Cơ quan Tình báo nói chung. Trên thực tế, một số lớn các Cơ quan Tình báo của Ả Rập mang tên này).

Họ muốn tin chắc rằng viên tù nhân biết chính xác là hắn làm việc cho ai và tình cảnh của hắn ta như thế nào. Tiếp đó, không nghi ngờ gì nữa là họ tháo các dây trói bình thường và thay vào đó bằng một kiểu tàn bạo hơn rất nhiều mà họ thường dùng. Bằng chất liệu plastique, những dây trói giống như những ghim kẹp được dùng để gắn những tên, hiệu lên trên những chiếc va li, nhưng chắc chắn hơn nhiều và có những lưỡi dao lam nhỏ trên những khoá bấm. Khác với những dây trói bình thường, các dây khoá này để lỏng một chút cho cổ tay cử động được. Khoá thít rất mạnh, cắt đứt việc lưu thông của các mạch máu và gây ra đau đớn dữ dội.

Và còn một số cách tra tấn khác khiến người tù phải mở miệng. Trong trường hợp ấy, những nhân viên của Shaback khốn thay lại không biết rằng người tù sẽ nhanh chóng được trả tự do và vì thế họ đặt nhiều câu hỏi về Salameh với người tù. Chỉ cần một trong số đông người sau khi được thả ra, là ông Hoàng Đỏ sẽ nhanh chóng biết rằng ông là mục tiêu số một của Mossad.

Trong thời kỳ này, Tháng Chín Đen đã duy trì một áp lực rất mạnh, bị bom thư, các vụ đánh bom và đánh lựu đạn trong khắp châu Âu. Nếu Mossad muốn bằng mọi giá thanh toán Salameh, thì những người lãnh đạo

của tổ chức ở Beyrouth sẽ làm tất cả để bảo vệ ông ta và sẽ yêu cầu ông ta về quê nghỉ một thời gian.

Abou Yousouf, người đứng đầu tổ chức Tháng Chín Đen - sau đó vài tuần lễ, đã bị một đơn vị biệt kích Israel giết trong cuộc tấn công vào Tổng hành dinh của ông ở Beyrouth, ngày 20 tháng 2 năm 1973 - khi đó đã quyết định thay thế Salameh, chỉ ít cũng tạm thời, để lãnh đạo những công việc ở châu Âu. Sự lựa chọn rơi vào Mohammed Boudia, người gốc Algerie, rất nổi tiếng. Con người này đã tạo lập riêng cho mình một tổ chức, và đặt cho nó cái tên: “Chi bộ Boudia”.

Lý tưởng của Boudia là phối hợp tất cả các nhóm khủng bố hoạt động ở châu Âu thành một đội quân bí mật. Cho phép các thành viên của các nhóm khác nhau sang huấn luyện ở Lyban và hầu như ngay từ ngày hôm sau, thành lập một tổ chức khủng bố, một loại văn phòng trung ương đối với tất cả các phe phái, về lý thuyết, lý tưởng đó là tốt; vấn đề là ở chỗ những tổ chức của PLO theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan, trong khi đa số những nhóm khác lại thuộc phái Marxist, và phái Marxist theo đạo Hồi, không thích hợp với nhau.

Boudia có riêng nhân viên liên lạc làm nhiệm vụ con thoi giữa Paris và Beyrouth, một người Palestine mệnh danh là Moukharbel. Khi có cuộc tập kích của Israel vào Tổng hành dinh của Tháng Chín Đen, hồ sơ của Moukharbel, kèm theo ảnh là một trong số nhiều tài liệu bị thu và đem về Tel Aviv.

Đi vào cảnh đạo diễn của Oren Riff, một *katsa* của Mossad, tình hình đã bùng nổ. Người ta không có thời gian tung ra những cú đòn với sự khôn ngoan, thận trọng thường lệ. Và Riff, một người nói tiếng Ả Rập, thực hiện trực tiếp một âm mưu tuyển mộ Moukharbel vào tháng 6 năm 1973, nghĩa là đề nghị với ông ta một cách dứt khoát về một giao kèo. (Kỹ thuật này cho thấy nhiều lợi thế: Âm mưu đó một đôi lần đã khai thông cho một việc tuyển mộ, nếu kỹ thuật đó thất bại, thì nó có thể đủ làm cho đối tượng khiếp

sợ để họ từ chối làm việc cho bên kia - hoặc lúc đó dẫn đến hành quyết đơn thuần và đơn giản, như trường hợp đã xảy ra với nhà vật lý Ai Cập, Meshad (đã nêu trong Phần mở đầu).

Đặt chân tới một khách sạn lớn ở London, Moukharbel đã bị theo dõi trong một ngày rưỡi và khách sạn ông ta ở luôn bị giám sát. Riff phải có mặt ở cửa trước một lúc sau khi Moukharbel đi dạo trở về. Người ta đã lục soát căn phòng của ông ta, không có vũ khí cất giấu, không có điều gì khác đáng quan ngại. Trong cầu thang máy, một người đàn ông đã chạm vào người Palestine “do vô ý”, sờ một cách nhanh chóng để kiểm tra biết ông ta cũng không mang vũ khí bên mình. Moukharbel thuộc tổ chức PLO và là người có chức hiệu này thì cực kỳ nguy hiểm, khi đã dùng mọi biện pháp để phòng cho mọi tình huống, Riff đợi cho Moukharbel đi vào trong phòng rồi tiến đến cửa.

Người Israel này đi vào và đọc rất nhanh nội dung hồ sơ về Moukharbel ở Tổng hành dinh tổ chức Tháng Chín Đen và nói thêm:

— Tôi là người của tổ chức Israel, chúng tôi sẵn sàng trả cho ông một khoản tiền lớn. Chúng tôi mong ông sẽ cộng tác làm việc cho chúng tôi.

Rift đứng bên chiếc tủ đựng quần áo sang trọng, ngài Moukharbel ngược nhìn thẳng vào trong đôi mắt của Riff, cười to rồi trả lời:

— Ngài đã chọn đúng thời gian.

Hai người đã có cuộc gặp gỡ trong vài phút và thoả thuận cho một cuộc gặp chính thức hơn với những biện pháp an ninh thích đáng. Đó không phải vì một số tiền lớn làm cho Moukharbel quan tâm - mặc dầu ông cũng muốn có tiền - nhưng một “vỏ bọc” hai mang, để được an toàn cho dù đi với phe này hoặc phe kia. Vấn đề là chính mạng sống của ông ta và thêm nữa là làm cho hai bên thì được trả tiền hậu hơn.

Nhà chính khách Palestine đã giao cho Riff tất cả các địa chỉ của Boudia. Ông ta yêu quý phụ nữ, và có nhiều bà chủ ở Paris. Biết luôn bị nhòm ngó (theo dõi), ông ta đã sử dụng các ngôi nhà của những người phụ nữ này như những nơi ẩn náu bí mật mỗi đêm ngủ trong một nơi khác nhau. Moukharbel phải tiếp xúc thường xuyên với ông ta, do vậy Moukharbel biết được các địa chỉ này. Một khi, Riff chuyển cho Metsada những thông tin này, người Israel bắt đầu theo dõi Boudia. Họ nhanh chóng biết được ông này chuyển tiền vào một tài khoản của một người Venezuela có tên là Ilitch Ramirez Sanchez, xuất thân trong một gia đình giàu có, đã du học ở London và ở Moscou, sống ở Paris và thỉnh thoảng làm việc cho PLO.

Metsada nhanh chóng phát hiện ra Boudia là một con người thận trọng. Việc đầu tiên mà một Cơ quan Tình báo nghiên cứu trong trường hợp tương tự, đó là một việc kiên nhẫn - một việc mà đối tượng thường làm. Trong nghề nghiệp này, người ta không hành động trên sự bốc đồng: “Ông ta đó, chúng ta hãy giết hẳn”. Điều đó không xảy ra, cần phải lường trước để tránh những sự phức tạp. Tính chắc chắn, đối với Boudia, đó là một chiếc xe Renault 16, màu xanh. Với chiếc xe đó, ông ta đi lại khắp nơi. Ông ta cũng có một ngôi nhà trên đường Fossé-Saint-Bernard, là nơi ông ở thường xuyên hơn các địa chỉ khác.

Tuy vậy, không bao giờ Boudia lên xe mà không mở nắp xe, nhìn bên dưới gầm, trong cốp xe, kiểm tra các ông thoát hơi để tìm kiếm xem có chất nổ không. Metsada quyết định để một quả mìn chịu áp lực trong chỗ ngồi của chiếc xe Renault. Nhưng để người Pháp khỏi nghi ngờ Mossad, người ta cân nhắc kỹ để tạo cho quả mìn dáng vẻ của một quả bom tự tạo (thủ công), được nhồi những chiếc đinh ốc và thanh sắt. Quả mìn được chế tạo có một đế dày bằng kim loại ở bên dưới, để khi có một áp lực đè lên, mìn nổ, hất về phía bên trên mà không phải hất về phía dưới.

Ngày 28 tháng 6 năm 1973, Boudia rời căn nhà ở, sau khi thực hiện công việc kiểm tra như thường lệ, mở cửa ngồi lên xe. Khi ông ta đóng cửa

lại, trái mìn phát nổ và giết chết ông ngay tức khắc. Trái mìn nổ mạnh tới mức một số lớn đinh ốc bên trong đã xuyên qua cơ thể ông và phá hỏng cả mui xe.

Là người biết rõ những mối quan hệ của Boudia với các nhóm khủng bố, cảnh sát Pháp, tin là vụ tai nạn nổ do một quả bom ông ta mang theo người - kết luận thường được các cơ quan cảnh sát đưa ra, khi không có những giải thích nào khác.

Ngay cả khi chưa có những chứng cứ trực tiếp cụ thể, tổ chức Tháng Chín Đen cũng biết ngay chính Mossad đã giết Boudia. Họ quyết định hành quyết ngay một người Israel để trả đũa. Một sinh viên Palestine học ở UCLA, bang California, nhận được lệnh tìm kiếm một loại vũ khí và tới Đại sứ quán Israel ở Washington. Tháng Chín Đen lập luận rằng: Một con người hoàn toàn không ai biết đến, có thể có khả năng tấn công và lẩn trốn hơn một người nào đó đã có quan hệ với một nhóm khủng bố” và có thể đã bị cảnh sát Mỹ theo dõi.

Chính vì thế mà ngày 1 tháng 7 năm. 1973, một chàng thanh niên không ai biết đã đi sát gần đại tá Yosef Alon, phó tùy viên của Đại sứ quán, và hạ sát ông này ngay trên đường phố trước khi tẩu thoát. Không bao giờ tìm được kẻ giết người. Chỉ sau này, Mossad mới biết được mối quan hệ của sự việc với Boudia do bắt được tài liệu trong cuộc chiến tranh Kippour.

Sau khi Boudia bị ám sát, Moukharbel thông báo cho Riff biết là Tháng Chín Đen đã đã giao phó cho một người Venezuela có tên là Sanchez những hoạt động ở châu Âu. Mossad biết ít về con người này, nhưng đã nhanh chóng phát hiện ra rằng một trong số những người thích lấy bút danh là Carlos Ramirez - hoặc đơn giản hơn, sau này gọi là Carlos. Con người này đã nhanh chóng trở thành một trong những người nổi tiếng và sợ hãi nhất trên thế giới.

Ali Hassan Salameh, một con người cũng không phải là ngu dốt, đã tích cực chăm lo việc tăng cường việc bảo vệ an ninh cho cá nhân. Ông ta muốn đồng thời tránh khỏi Mossad và giữ lấy hình ảnh của Israel. Vì vậy, ông đã yêu cầu những người tình nguyện làm như là những người được các Cơ quan Tình báo của Israel tuyển mộ đưa vào trong hai Đại sứ quán khác nhau. Nhiệm vụ của những người tình nguyện này là cung cấp cho Israel một loạt ngày, tháng và địa điểm giải thích về những sự di chuyển của Salameh. Tất nhiên không có một sự di chuyển thực sự nào, nhưng là những điều Salameh muốn để họ tin. Việc đầu độc này, cuối cùng đã dẫn Mossad đi vào một thành phố nhỏ của Na Uy, có tên là Lillehammer, cách Thủ đô Oslo 150 km về phía Bắc, là nơi có một người hầu nhà hàng ăn, giống với ông Hoàng Đỏ một cách lạ lùng - và định mệnh đã đến với ông ta.

Mike Harari, người phụ trách của Metsada, chịu trách nhiệm về việc thanh toán Salameh. Harari đã làm thế nào để một số người của ông ta nói chuyện với người hầu của nhà hàng - mà những người Israel làm công việc theo dõi không mà không để ông ta biết - và vì thế, đã khẳng định cái điều Mossad suy nghĩ. Ngày 21 tháng 7 năm 1973, Mossad đã giết hại một người hầu vô tội. Ba người đã bị bắt và bị tù. Một trong ba người đó là David Arbel (xem chương II và VII; phần 3) đã nói rất nhiều và “sự việc ở Lillehammer” có thể, đã trở thành một vụ bê bối lớn nhất trong lịch sử của Mossad.

Carlos đã lấy nơi dừng chân tại Paris. Những giới chức tình báo châu Âu không hay biết gì về ông ta cả. Carlos không nói tiếng Ả Rập; trên thực tế, ông ta cũng không thích gì người Ả Rập. (Chẳng hạn ông đã nói về người Palestine “Nếu những người này trở nên hùng mạnh, họ sẽ kiêu ngạo, tại sao người Israel còn phải quan tâm đến người Palestine?”). Thế nhưng Moukharbel, một con người mới được Orent Riff tuyển mộ, vẫn tiếp tục là nhân viên quan hệ của Carlos. Trong khuôn khổ tăng cường cho trung tâm Paris, Carlos đã kiểm tra các kho vũ khí của Tháng Chín Đen trên khắp

châu Âu. Ông ta đã thừa kế những thứ vũ khí khác ngoài những tên lửa Strella “thiếu hụt” sau âm mưu ám hại Golda Meir.

Ngoài những hoạt động là một người phụ trách quan hệ cho Tháng Chín Đen, Moukharbel cũng còn giữ một vai trò đối với những nhóm Palestine khác: Mặt trận Nhân dân Giải phóng Palestine (FPLP) và Tổ chức thanh niên Palestine.

Khối lượng thông tin mà Mossad nhận được nhờ Moukharbel thật đáng ngạc nhiên và Mossad sau khi đã xử lý giữ lại cho mình một phần, đã cung cấp các thông tin này cho các Cơ quan Tình báo châu Âu và CIA, chừng nào những thông tin này chỉ là những thứ không cần đến. Điều này đã trở thành trò cười cho các Cơ quan Tình báo: *“Chúng tôi đã nhận được cuốn sách của Mossad, ngày hôm nay phải không?”* Mỗi quan hệ với CIA lúc đó chặt chẽ tới mức người ta đã gọi chi nhánh của Mossad ở Mỹ là *“văn phòng của Mossad ở Langley”* (trụ sở của CIA ở bang Virginie). Một loạt những thông tin có sẵn này trên thị trường, có thể đã không có ích cho ai, nhưng ít ra cũng đã cấm một người nào đó, sau này có đòi hỏi, yêu sách rằng họ đã không được thông báo cho biết. Đó là một hệ thống mà về sau này Mossad đã sử dụng thành công. Dĩ nhiên Carlos quan tâm đến hai chiếc tên lửa Strella còn ở Rôm. Về bề ngoài, lúc chia tay nhau, hai nhóm đã đơn giản để lại những chiếc tên lửa trong một nơi cất giấu bí mật mà Mossad không biết chỗ để. Nếu như người Israel không giết chết người khủng bố khi bị bắt lúc có âm mưu ám sát, thì có thể họ đã phát hiện ra, bởi vì người khủng bố đó là một thành viên của nhóm sử dụng ngôi nhà này.

Mặc dù Carlos còn chưa được dùng đối với các mục tiêu của Israel, Mossad đã bắt đầu tính toán ông là một người nguy hiểm. Người Israel được Moukharbel báo cho biết các tên lửa, nhưng Moukharbel chưa có lý do nào để can thiệp vào đó. Và lại người Israel không thể làm cái việc nhảy vào chỗ cất giấu bí mật mà lại “không thiêu cháy” Moukharbel, người mà

cứ hai hoặc ba ngày lại gọi điện thoại cho họ để thông báo tin tức. Một thời họ đã có máy ghi chờ đợi những thông tin của Moukharbel 24/24 giờ.

Carlos muốn những tên lửa được dùng vào việc bắn máy bay của Israel, nhưng ông ta lại từ chối đích thân tham gia vào công việc. Đó là một quy định mà ông ta đặt ra - và một trong những lý do, vì nó, ông chưa bao giờ bị làm mục tiêu. Ông ta phác họa ra những kế hoạch của một chiến dịch, chăm lo việc tiến hành, nhưng không bao giờ tham gia vào đó.

Mossad có vấn đề với những chiếc tên lửa. Rõ ràng là Moukharbel quá quý giá cho người ta “giam giữ” ông đối với duy nhất chiến dịch này, nhưng nếu người ta để cho người Palestine tiến sát tới sân bay cùng với những tên lửa thì trong chừng mức nào đó, họ sẽ bắn hạ một máy bay của Israel.

Oren Riff, một *katsa* của Moukharbel, điều hành những hoạt động này. Đó là một kiểu trực tiếp, không bao gồm những sự lừa phỉnh. Cuối năm 1975, ông ta là 1 trong 11 *katsa* “bỉ ối” (bị bêu riếu nhiều nhất) đã gửi cho ông chủ của Mossad một bức thư, tuyên bố rằng tổ chức đã lãng phí nguồn lực của mình và một quan niệm lạ lùng về nền dân chủ. Tài liệu này được biết đến trong nội bộ cơ quan như là “bức thư của 11 người” và Riff là người ký duy nhất. Tất cả những người khác đã chuyển hướng. Tuy nhiên, người ta đã hai lần phong toả việc nâng bậc của ông ta, và trong năm 1984, khi ông ta đòi hỏi được xem hồ sơ của mình để biết vì sao ông ta đã không có sự thăng tiến. Người ta đã trả lời ông rằng, người ta đã để thất lạc hồ sơ - sự giải thích xem ra ít có lý, bởi vì tổ chức chỉ có tổng số 1.200 người, kể cả thư ký và những người lái xe.

Tiện thể, bức thư này là gốc gác của một sự sửa đổi một quy chế của NAKA, quy định này là từ nay cấm không để một người ký tên của một bức thư nội bộ. Riff đã yêu cầu các điệp viên quan hệ ở Rô-ma gọi điện thoại cho một người bạn trong Cơ quan Tình báo của Italy, Amburgo Vivani, và thông báo cho ông này địa chỉ bí mật có những tên lửa. “*Hãy nói với ông ta rằng*

các anh đã gọi cho ông ta vào lúc mà tất cả các con chim sẽ ở trong tổ, và ông ta cần phải thâm nhập vào trong căn nhà chỉ vào lúc đó, Riff yêu cầu vậy. Bằng cách này, ông ta sẽ có thể tóm được tất cả”.

Một tổ nam giới của *neviot* đã giám sát nơi ẩn giấu bí mật cho Mossad, và ngày 5 tháng 11 năm 1973, khi những người này kéo đến, tất cả những kẻ khủng bố đã đi vào, họ đã đề phòng người Italy. Những người Italy đã ở ngay sát cạnh - giống như các nhân viên của Mossad, họ đuổi người Italy đi, nhưng không canh gác, thế là họ vào nhà và bắt đi 5 người: Một người Lyban, một người Lybie, một người Algerie, một người Iraq và một người Syrie - họ lấy được hai quả tên lửa.

Theo một giải thích chính thức, 5 người này đã có ý định bắn hạ các máy bay dân sự từ mái nhà ở của họ trong lúc các máy bay này cất cánh khỏi sân bay Fiumicino. Một luận thuyết lỗ bịch bởi vì tất cả các máy bay không bay qua mái nhà của họ, không có một tầm quan trọng nào, vậy mà người ta lại tin.

Thời kỳ này, người phụ trách tình báo của Italy rất gần gũi với Mossad. Mang vác những chiếc máy móc nhỏ, những người Italy đi tới các nước Ả Rập và chụp ảnh, quay phim các căn cứ quân sự cho Mossad. Mặc dù những người bị bắt có những tên lửa, người Italy đã thả ngay tức khắc hai người trong số họ dưới sự bảo lãnh. Dĩ nhiên họ phải rời khỏi Rôm. Ba người còn lại được giao cho Lybie, nhưng ngày 1 tháng 3 năm 1974, chiếc máy bay vận tải Dakota, chở họ tới Libie, đã bị nổ tung trên đường quay trở về Rôm, làm thiệt mạng viên phi công và phi hành đoàn. Cuộc điều tra được tổ chức công khai.

Người Italy khẳng định vụ nổ là âm mưu của Mossad nhưng họ không hé ra một lời. Có lẽ đúng hơn, PLO đánh giá viên phi công và phi hành đoàn đã gặp những người khủng bố và họ có khả năng nhận biết những kẻ khủng bố sau này. Nếu Mossad đã đánh nổ chiếc máy bay, thì họ có thể sẽ không đợi những kẻ khủng bố hạ cánh xuống đất.

Ngày 20 tháng 12 năm 1973, Carlos đến Paris. Ông ta có một nơi ở bí mật trong vùng ngoại ô, nơi mà PLO cất giấu những trang thiết bị. Mossad tìm kiếm một cơ hội để thông báo địa chỉ cho người Pháp mà không “thieu cháy” người thông tin quý giá, ông Moukharbel.

Sáng ngày hôm đó, Carlos đã tiến hành một hành động của chủ nghĩa khủng bố như ông đã yêu quý nó: “Pằng-Pằng, và người ta đã theo dõi”. Ông ta rời căn nhà cùng với một trái lựu đạn, ngồi lên xe, rồi xuống phố, ném trái lựu đạn vào một quán sách của người Israel, làm 1 người chết và 6 người bị thương. Đó là một lý do đủ để Mossad chuyển địa chỉ của khu trang thiết bị. Tuy nhiên, khi Cảnh sát Pháp tới nơi, họ tìm thấy những vũ khí, những trái lựu đạn, những chiếc ba toong chứa thuốc nổ TNT, những tài liệu tuyên truyền và khoảng 12 người - nhưng không có Carlos. Ông này đã rời nước Pháp cùng ngày.

Ngày hôm sau, Carlos gọi từ London cho Moukharbel, ông ta muốn gặp Moukharbel ở đó.

Người Palestine này trả lời rằng không thể được vì Cảnh sát Anh đang lùng kiếm ông ta. Mossad cố thuyết phục Moukharbel nên đi London, nhưng ông ta từ chối, và trong chốc lát, những người Israel đã mất dấu vết của Carlos.

Ngày 22 tháng 1 năm 1974, người cầm đầu của những kẻ khủng bố lại tiếp xúc với Moukharbel. *“Hitch đây - Ông ta nói - Tôi đến Paris. Đúng ngày mai hoặc ngày kia tôi phải ký một một Hiệp định”*.

Tất cả những ăng ten của Israel ở Anh, ngay lập tức được đặt trong tình trạng báo động - nhưng với cách thức không thấy được, trong trường hợp mà lời gọi của Carlos chỉ là một việc để kiểm tra lòng trung thực của Moukharbel. Mossad biết rằng Carlos luôn có một bước đi trước trên khắp thế giới.

Hai ngày sau, ngày 24 tháng 1 , một chiếc xe chạy qua cửa một ngân hàng của Israel ở London và người lái xe đã ném một trái lựu đạn về hướng toà nhà, làm bị thương một phụ nữ .

Ngày hôm sau, Carlos gặp Moukarbel ở Paris. Moukharbel nói với Carlos rằng lúc này, ông ta phải từ bỏ các mục tiêu Israel bởi vì tình hình hiện nay quá nguy hiểm và ông ta đang có những khoản nợ phải trả cho những nhóm Nhật Bản và Đức trước khi có thể làm bất cứ cái gì cho PLO.

Điều này gây căng thẳng một chút cho Mossad, nhưng với Carlos, người ta không có thể giữ được căng thẳng lâu. Ngày 3 tháng 8, ba quả bom đã được đặt ở Paris, hai quả được đặt trước các trụ sở báo chí, và một quả (được phát hiện trước khi nổ) đặt trước đài phát thanh, cảnh sát Pháp tin là một chiến dịch của tổ chức Hành động trực tiếp. Đúng là như vậy, nhưng Carlos đã giúp đỡ họ chế tạo và cài đặt bom. Rồi sau đó ông ta tới một nơi khác của Paris để tránh xa nơi đã diễn ra sự việc.

Sau đó, Mossad biết rằng Carlos đã tiếp nhận một loạt súng bắn rốc két RPG-7 chống chiến xa do Nga sản xuất. RPG-7 là một loại vũ khí gọn nhẹ, dễ mang, chỉ nặng 9 kg có tầm bắn tối đa là 500 mét vào một mục tiêu cố định và tầm bắn 300 mét vào mục tiêu di động. Các tên lửa này có thể xuyên thủng các chiến xa có vỏ bọc dày 25 cm.

Ngày 15 tháng 1 năm 1975, Carlos và một người bạn đồng nghiệp, đã đi dọc sân bay Orly để tìm kiếm một mục tiêu.(Bose, thành viên của tổ chức Bande Bader-Meinhof, bị giết ngày 27 tháng 6 năm 1976 trong một cuộc tập kích nổi tiếng do Israel tiến hành để giải phóng con tin ở Entebbe, Ouganda). Hai người phát hiện ra chiếc đuôi một máy bay của Israel trên đường băng.

Carlos lướt xe qua một lần nữa, rồi dừng chiếc xe 2 ngựa (2 CV) và đổ một chai sữa nhỏ ra đường để đánh dấu địa điểm mà từ đó người ta có thể thấy rõ chiếc máy bay. Trong lúc Carlos ngồi xồm sau chiếc xe, ông ta bỏ

mũi xe ra, Bose bước ra phía sau rồi đi lại phía trước một cách chậm chạp, độ 15 phút giờ hẹn. Khi Bose đi đến chỗ có dấu sữa, Carlos đứng dậy và bắn trượt chiếc máy bay của Israel nhưng lại làm hỏng chiếc máy bay của Nam Tư và một ngôi nhà của sân bay. Hai người cho xe chạy vài mét rồi dừng lại. Carlos đóng nhanh nắp ca pô của xe và nhảy lên ngồi vào chỗ của khách, còn Bose nổ máy chạy.

Khi trở về nhà, Carlos, người cầm đầu những kẻ khủng bố, thông báo cho Moukharbel về các hoạt động của ông, nhưng người Palestine này trả lời rằng ông ta đã biết việc đó qua đài phát thanh và nói rằng đã không bắn trúng máy bay của Israel.

— Chúng tôi bắn không trúng lần này, nhưng chúng tôi sẽ trở lại đó vào ngày 19 để bắt đầu lại.

Dĩ nhiên, Moukharbel đã thông báo tin này cho Oren Riff. Còn lần này, Riff cũng không muốn “nướng cháy” một tên điệp viên cũng vô cùng quý giá. Ông ta ra lệnh tăng cường an ninh và di chuyển các máy bay về phía Bắc của phi trường để chỉ còn một cách phải tiến sát vào sân bay, nếu Carlos thực hiện sự đe dọa của ông ta.

Ngày 19 tháng 1, sau khi người Pháp đã được cảnh báo về một cuộc tấn công khủng bố có thể xảy ra, Carlos đã đi trên một chiếc xe cùng với hai người nữa. Ba kẻ khủng bố đã ném lựu đạn vào trong phòng đợi của sân bay, bắn vào đám đông, làm cho khoảng 20 người bị thương. Trong lúc rối loạn chung, giữa lúc những tiếng còi của xe cảnh sát vang lên, bọn khủng bố đã chạy thoát, bắt hai con tin và ẩn náu vào trong nhà vệ sinh. Tình hình bị phong tỏa trong nửa giờ đồng hồ. Rồi sau đó, người ta thương lượng.

Cuối cùng, những kẻ khủng bố có được một chiếc máy bay Boeing 707 của hàng không Pháp. Hình như trong lúc đó, Carlos đã biến mất. Một cuộc chìm nổi ghê sợ trên không trong 24 giờ lại tiếp theo sau đó. Rô-mê, Naples, Tunis, Athene, Damas, lần lượt, sân bay này rồi lại sân bay kia, các đài

kiểm tra sân bay đã từ chối nhận cho hạ cánh. Cuối cùng, máy bay đã hạ xuống Bagdad.

Trong năm tháng, mọi sự đều bình yên. Moukharbel tiếp tục cung cấp các nguồn đáng quan tâm, nhưng không nghe được gì liên quan tới Carlos. Trong giai đoạn này, Moukharbel bắt đầu lo lắng, một vài người bạn báo cho ông ta biết rằng một số lãnh đạo ở Beyrouth đã có nghi ngờ và muốn nói với ông ta. Mossad, khi đó kiên quyết loại bỏ Carlos nhưng tất cả những gì Moukharbel muốn, đó là một tấm căn cước mới để thoát khỏi cuộc chơi này càng nhanh càng tốt. Ông ta sợ rằng Carlos không đi trên đường mòn của ông.

Cơ quan không muốn bản thân Riff chịu trách nhiệm về Carlos và cũng không muốn Metsada thanh toán ông này nữa. Vì thế, người ta quyết định để công việc này lại cho người Pháp, đồng thời giúp đỡ và thông báo tin tức cho họ.

Ngày 10 tháng 6 năm 1975, Carlos điện thoại cho Moukharbel, đang hoảng sợ, nói với Moukharbel rằng ông phải rời khỏi Paris. Nhưng người Venezuela này đã yêu cầu Moukharbel tới gặp trong một căn nhà mà ông ta ở đường Toullier, trong quận V. Trên thực tế, đó là một căn nhà ở đằng sau một toà nhà khác, và ở đó, người ta có thể vào hoặc qua ngôi nhà thứ nhất và cái sân, hoặc trèo qua một cầu thang và đi theo một chiếc cầu nhỏ. Vì nó chỉ có một lối vào và do vậy, chỉ có một lối ra, đó là một nơi lý thú đối với Carlos.

Thông qua trung gian của một *sayan*, Riff đã dành được việc thuê một buồng của căn nhà trước một tuần hoặc một ngày mà người ta thuê cho những kẻ khủng bố. Căn buồng hướng ra phía sân và có tầm nhìn xa về căn hộ của Carlos, cảnh sát Pháp được thông báo rằng có một người liên quan đến một người buôn lậu vũ khí quen biết trong căn hộ và một người khác (Moukarbel) đang muốn rút ra khỏi tình hình tế nhị này và sẵn sàng kể ra.

Người Pháp không được báo trước người đó là Carlos, cũng không cho biết Moukharbel là điệp viên hai mang.

Moukharbel, Riff đã kể lại rằng ông ta đã đề nghị Cảnh sát Pháp kết hợp. *“Anh hãy nói với họ rằng anh muốn bỏ tất cả, rút lui sang Tunis. Chúng tôi sẽ sắp xếp để họ không chống lại anh. Anh biết rằng anh không có an ninh chừng nào Carlos lôi cuốn theo. Họ sẽ đưa cho anh một tấm ảnh của Carlos và của anh, rồi họ sẽ hỏi anh, người kia là ai”*.

“Hãy cố tự lột tả mình ra, hãy trả lời rằng đó là số 0 (không). Họ sẽ dẫn giọng, anh hãy dẫn họ tới Carlos. Họ sẽ bắt ông ta để thẩm vấn và chúng tôi sẽ làm sao đó để họ biết được tên thật của ông ta và họ sẽ nhốt ông ta suốt đời, trong lúc đó anh sẽ yên bình ở Tunis.”

Kế hoạch này cho thấy những điểm yếu rất lớn, nhưng chừng nào nó làm cho bắt được Carlos, thì Mossad cũng chẳng cần gì cả.

Riff đề nghị Tel Aviv cho phép chuyển cho người Pháp số lớn hồ sơ của Carlos, để người Pháp biết được những việc đối với con người đó. Lập luận của Riff là Mossad chuyển giao cho họ một điệp viên, Moukharbel, và vì rằng người Pháp không biết ai là Carlos, tên điệp viên này rất nguy hiểm. Mặt khác, Riff cũng sợ rằng cảnh sát Pháp cũng trong tình huống nguy hiểm nếu như họ không có sự chuẩn bị để đương đầu với một người như Carlos. Sau hết, họ chỉ biết qua loa về con người này mà thôi.

Tel Aviv trả lời cho Riff là khi nào cần thiết, khi Carlos bị bắt, cơ quan Quan hệ sẽ chịu trách nhiệm chuyển những thông tin này, và tùy thuộc vào những điều người ta có thể thương lượng với người Pháp. Nói một cách khác đi, nếu người Pháp muốn có những thông tin này, thì họ phải trả tiền.

Lý do mà người Pháp không được thông tin về danh chính của Carlos, chính là một vấn đề đơn giản của sự kinh địch và đầy tham vọng giữa hai Vụ trong Mossad; Tsomet, hay sau này là Meluckah, người điều hành 35

katsa của cơ quan và là người chịu trách nhiệm chính tuyển mộ điệp viên của địch; với Tvel, hay Kaisarut, chịu trách nhiệm về công việc Quan hệ.

Tevel luôn luôn cãi nhau với Tsomet để có quyền chuyển cho các Cơ quan Tình báo khác những tin tức. Tại Vụ Quan hệ, người ta lập luận: Chúng ta càng cung cấp tin tức cho các Cơ quan Tình báo khác, thì họ càng trở nên thân thiện hơn và cung cấp trở lại cho chúng ta nhiều thông tin hơn. Nhưng, Tsomet thì luôn nhắc lại rằng làm cho các thông tin có giá trị, không phải cung cấp những thông tin quá đơn giản, mà cần phải thu được một cái gì đó ngay tức khắc sau mỗi lần trao đổi tư liệu. Trong trường hợp, khi những người lãnh đạo của hai Vụ họp lại để thảo luận yêu cầu của Oren Riff (khi đó thuộc Tsomet) chuyển giao cho người Pháp vấn đề chủ yếu về hồ sơ của Carlos thì tình hình đã đảo lộn. Tsomet đồng ý cung cấp những chi tiết; Tevel thì chống lại. Năm lấy cơ hội này, người phụ trách Quan hệ lưu ý:

— Việc gì xảy ra? Các anh muốn chuyển giao tin tức cho người Pháp ư? Khi chúng tôi muốn làm việc đó, các anh không đồng ý. Lần này, chúng tôi phản đối việc làm này.

Các thành viên của Tevel có thể được phép có thái độ này, bởi vì họ không phải thanh minh với bất cứ ai. Họ làm việc theo những quy định riêng của chính họ.

Vào ngày đã thoả thuận, Riff nhìn thấy Carlos đi vào trong ngôi nhà. Các sỹ quan Quan hệ đã chỉ cho người Pháp đi bắt Moukharbel ở đâu - việc họ đã làm. Trong căn nhà của Carlos có một nhóm người Nam Mỹ, khách mời tới dự tiệc.

Moukharbel đi đến trong chiếc xe bình thường cùng với ba cảnh sát Pháp. Hai cảnh sát ở lại với Moukharbel ở gần cầu thang, trong khi người thứ ba gõ cửa. Carlos ra mở cửa, viên cảnh sát mặc thường phục tự giới thiệu. Người Venezuela mời viên cảnh sát vào. Hai người nói chuyện trong

khoảng 20 phút. Carlos dường như thấy có thiện cảm, không có vấn đề gì. Những người cảnh sát chưa bao giờ biết ông ta, cũng chưa bao giờ nghe nói tới ông ta. Họ can dự vào công việc dựa trên một tin tức cung cấp đơn giản. Từ những tin tức vụn vặt.

Về sau, Riff kể lại rằng ông ta đã bực bội trong khi quan sát cảnh mà ông ta đã muốn rũ bỏ quy định đi, nhảy xổ tới nơi đó và báo cho những người cảnh sát nhưng đã không làm việc đó.

Cuối cùng, viên cảnh sát phải nói với Carlos rằng cùng đi với anh ta có một người, có thể Carlos quen.

— Tôi có ý muốn là ông nói chuyện với người đó. Ông có muốn cùng đi với tôi không?

Viên cảnh sát ra hiệu cho hai đồng nghiệp đẩy Moukharbel ra phía trước. Nhìn thấy Moukharbel, Carlos tưởng rằng hẳn ta bị giam giữ.

— Được, tôi đi theo ông-Carlos nói.

Carlos cầm trong tay chiếc đàn guitare mà ông ta đang chơi khi viên cảnh sát tới gõ cửa. Những người khách mời Nam Mỹ khác không nghi ngờ việc gì xảy ra nên bữa liên hoan vẫn tiếp tục. Carlos đề nghị nếu có thể được, thì ông ta trả lại chiếc đàn và lấy chiếc áo veston, và viên cảnh sát không thấy có bất cứ lý do nào để từ chối. Trong khi đó cả ba người kia cũng tiến sát tới cửa.

Carlos qua phòng bên cạnh lấy trong bao đàn guitare ra một khẩu súng máy cỡ 38. Ông ta quay lại phía cửa, bắn ngay lập tức, làm viên cảnh sát thứ nhất bị thương nặng bằng một viên đạn vào cổ.

Sau đó, Carlos bắn chết hai cảnh sát kia, bắn chết Moukharbel - bằng ba viên đạn vào ngực, một viên vào đầu ở tầm bắn gần để chắc chắn rằng hẳn đã chết.

Từ căn phòng của mình, Riff không có vũ khí, bất lực nhìn Carlos thanh toán Moukharbel và lặng lẽ rời khỏi nơi ở.

Người Israel nghĩ tới một việc: Người Pháp biết ông ta là ai, chính Carlos. Họ biết Carlos có những móc nối với những người trong vụ việc có vẻ như một chiếc bẫy này. Hai giờ rưỡi sau, Riff, trong bộ áo quần đồng phục của người quản lý (steward), lên một chiếc máy bay E1 AI về Israel (xem chương Trường học).

Viên cảnh sát bị thương đã được các vị khách mời gọi xe cấp cứu. Họ không mấy may có ý gì giống với người chủ mời của họ. Viên cảnh sát được cứu chữa, sau này nhớ lại rằng tên khủng bố, đã không ngớt thét lên, trong khi bắn: *“Tao là Carlos đây! Tao là Carlos đây”*.

Từ ngày đó, Carlos trở nên nổi tiếng.

Ngày 21 tháng 12 năm 1975, người ta nghĩ rằng Carlos đã tham gia vào một chiến dịch tại trụ sở của OPEP ở Viên, nơi một đơn vị biệt kích gồm 6 người thân Palestine đã thâm nhập vào bên trong phòng họp một Hội nghị, giết chết 3 người, làm bị thương 7 người khác và bắt làm con tin 81 người. Trong những năm tiếp sau, người ta đã gán hàng chục vụ mưu đánh bom và các hoạt động khủng bố khác cho Carlos. Riêng chỉ trong thời gian 1979-1980 - sau dịp mà Mossad nghe người ta nói về con người này - 16 hoạt động gán cho tổ chức Hành động trực tiếp, đã tức khắc được “gán cho Carlos”.

Một Cơ quan Tình báo không có cơ chế kiểm soát ông ta, đó như một hòng súng bừa bãi quá độ - ngoài trừ một sự khác biệt ấy. Chính một hòng súng bừa bãi quá độ đã có mưu tính.

Cái chết của những cảnh sát Pháp không có sự chứng minh nào hơn cái chết của những nạn nhân khác của Carlos. Không báo cáo lại cho bất kỳ ai, Mossad không chỉ làm hại cho Học viện mà còn cho cả Israel.

Người ta không thể thiết lập việc hợp tác trên sự dối chác. Về lâu dài, những ngành Quan hệ của các Cơ quan Tình báo khác sẽ chấm dứt tin vào Mossad, là người khi đó sẽ mở đầu làm mất đi tính đáng tin cậy ngay trong cộng đồng tình báo. Đó là điều đang diễn ra. Israel có thể sẽ là một nước ghê gớm nhất của thế giới, nhưng Mossad đã thiêu trụi tất cả bằng những mưu đồ của quyền lực, song những cái đó không phải vì quyền lợi của đất nước mà vì lợi ích của riêng bản thân Mossad.

Chương III: **TÊN LỬA EXOCET (CÁ CHUỒN)**

Vào một buổi sáng trời mưa, ngày 21 tháng 9 năm 1976, Orlando Lettelier, 44 tuổi, rời nơi ở trên đường Embassy Row, trục đường có các dinh thự của Washington, và như thường lệ, ông ngồi bên tay lái của chiếc xe Chevelle màu xanh. Là cựu Bộ trưởng của Tổng thống Chilê Salvador Allende, Lettelier đi cùng với một người bạn Mỹ, đồng nghiệp, Ronni Moffit, 25 tuổi.

Nhưng thật không may, chẳng bao lâu sau đó, một quả bom được điều khiển từ xa nổ phá nát chiếc xe, giết chết ngay một cựu chính khách và nhà nghiên cứu trẻ.

Như thường lệ, trong các vụ việc như thế này, nhiều người đã lên án CIA. Người ta đã quy cho CIA một vai trò quan trọng hơn là vai trò CIA đã đóng trong vụ lật đổ Allende, năm 1973, và từ lâu đã là cơ quan phục vụ cộng đồng quốc tế bung xung này để giải thích mọi loại hành động bạo lực. Một số người khác đã chỉ đích danh DIN A, cơ quan cảnh sát Mật vụ Chilê, tổ chức đã bị nhà lãnh đạo mới của đất nước, tướng Augusto Pinochet giải tán một năm sau đó, do áp lực rất mạnh của Mỹ (nhưng tổ chức này lại ra đời với một ban lãnh đạo khác).

Không một ai thẳng tay chỉ vào Mossad.

Tuy nhiên, nếu Cơ quan Tình báo của Israel không tham gia trực tiếp vào âm mưu do người lãnh đạo DIN A của Chilê ra lệnh, thì Tình báo Israel đã đóng một vai trò gián tiếp quan trọng vào công việc của Hiệp định bí mật với Contreras để mua một tên lửa Exocet ở Chilê (Cá Chuồn) do Pháp sản xuất.

Nhóm thi hành đã không sử dụng các nhân viên của Mossad để giết Lettelier, nhưng không còn nghi ngờ gì là việc hành quyết đã nhờ vào các kỹ thuật mà Mossad đã dạy cho họ trong khuôn khổ của một Hiệp định trước đây với Contreras để chuyển giao tên lửa.

Tháng 8 năm 1978, một hội thẩm lớn của liên bang Mỹ đã quy tội cho Contreras, người lãnh đạo các hoạt động của DINA Pedro Espinoza Bravo; Armando Fernandez, nhân viên của DINA và 4 người Cu Ba lưu vong, thành viên của một tổ chức cuồng nhiệt ở Hoa Kỳ, chống Phidel Castro, cả bảy người đều bị kết án tử hình.

Bằng chứng quyết định của hồ sơ kết tội gồm 12 trang do Michael Vernon Towley, sinh tại Mỹ đem theo. Ông này đã đi Chilê từ lúc 15 tuổi, cùng với cha, mẹ, và ở lại đó làm một thợ cơ khí ô tô, rồi được DINA tuyển mộ. Bị quy là kẻ đồng lõa, không phải buộc tội, người này đã hợp tác với những kẻ bị kết tội, phải chuốc lấy 3 năm 4 tháng tù giam. Chế độ Pinochet đã giao những người Chilê này cho nhà chức trách Hoa Kỳ - những người Cu Ba lưu vong đã trốn thoát, tuy nhiên, một trong hai người đã bị bắt ngày 11 tháng 4 năm 1990 tại Floride - những người này kiên quyết từ chối đã cung cấp cho Contreras, người đàn ông đã tổ chức ám sát Lettelier. Chưa bao giờ Contreras bị phán quyết về tội này, nhưng tháng 10 năm 1977, Pinochet đã buộc y phải từ chức để cố cải thiện hình ảnh đã bị giảm sút trên thế giới của Hội đồng quân nhân.

Mỗi năm một lần, tất cả các Cơ quan Tình báo quân sự của Israel lại gặp nhau để chuẩn bị một lịch trình cho các cuộc họp, mà cuộc họp theo lịch trình đó hàng năm của các Cơ quan Tình báo, gồm cả quân sự lẫn dân sự được gọi là *Tsorech Yediot Hasuvot*, hay viết tắt là *Tsiach*, tên này chỉ đơn giản có nghĩa là “những thông tin cần thiết”.

Tại cuộc họp này, những người nhận tin tức - chẳng hạn như AMAN, văn phòng của Thủ tướng, và những đơn vị quân sự - xem xét chất lượng của các thông tin nhận được trong quá trình một năm và nghiên cứu xem

những tin tức nào là cần thiết cho những năm sau, xếp theo trình tự tính chất quan trọng của nó. Tài liệu được đưa ra từ cuộc họp này cũng có tên là Tsiach và tương xứng với một phiếu yêu cầu cho Mossad và những người cung cấp khác - thí dụ các Cơ quan Tình báo của quân đội - cho năm tiếp sau.

Chủ yếu có ba loại nguồn cung cấp: Humint, hay là tiếp nhận tin tức của các cá nhân, như các *katsa* của Mossad làm việc với các điệp viên khác nhau; Elint, hay là các túi hiệu, nhiệm vụ do đơn vị 8.200 của quân đội thực hiện; Signint, hay gọi là thu nhận các thông tin qua phương tiện thông tin đại chúng thông thường, công việc liên quan đến một số người trong một đơn vị quân sự đặc biệt khác.

Tại Tsiach, các “khách hàng” quyết định những điều không chỉ cần đối với họ về thông tin, mà còn ghi lại những điệp viên thực hiện những hoạt động của họ năm trước. Mỗi một điệp viên có hai tên mật mã, một tên được dùng trong những hoạt động của họ, một tên dùng trong các báo cáo liên quan đến những thông tin. Những tên mật mã thứ nhất do các *katsa* của Mossad thảo ra, không được thông báo cho “khách hàng”. Những người này không biết có những tên đó. Các loại tên mật mã thứ hai, được chia tách ra thành nhiều loại khác nhau, được gửi riêng rẽ.

Trên cơ sở các báo cáo này, những “người sử dụng” ghi tên các điệp viên từ A tới E. Trong thực tế, không một điệp viên nào có quyền ghi A, mặc dù các chiến sỹ có thể thu được nó. B: nguồn rất chắc chắn, C: phương tiện. D: dùng với việc để phòng (phòng ngừa). E: không làm việc với người đó. Mỗi một *katsa* đều ghi lại những tên của điệp viên và cố gắng cải tiến nó. Việc ghi lại này có giá trị trong một năm, và người điệp viên đang hoạt động, được trả tiền theo việc ghi chép của *katsa*. Ví dụ, khi chuyển từ C sang B, người ta có quyền được nâng lên cao hơn.

Khi các *katsa* viết những báo cáo này, họ phải điền đầy đủ vào một khung nhỏ ở phía trên của một mẫu in sẵn. Phía bên trái, lời ghi của điệp

viên, với chữ số ở bên cạnh: 1 nếu như bản thân điệp viên đó đã nghe được hoặc nhìn thấy sự việc anh ta báo cáo; 2 nếu điệp viên nắm được sự việc của một nguồn chắc chắn; 3 nếu đó là thông tin của một bàn tay thứ ba, một dư luận. Vì thế, một báo cáo B 1 chứa đựng những thông tin của bàn tay thứ nhất do một điệp viên tốt cung cấp.

Nếu người lãnh đạo của Cơ quan Tình báo lục quân là một sỹ quan có cấp bậc cao nhất của tình báo quân đội, thì mỗi binh chủng có một đơn vị tình báo của mình. Vì thế, có một đơn vị tình báo của lục quân, một đơn vị tình báo của tăng-thiết giáp, một đơn vị tình báo của không quân, một đơn vị tình báo của hải quân. (Hai đơn vị đầu, nay đã gộp thành một đơn vị tình báo của lục quân). Người cầm đầu của quân đội, được gọi một cách chính thức là Lực lượng Quốc phòng của Israel (Force de defense israelienne), hay viết tắt là FDI, là một viên tướng của quân đoàn, trên vai mang một thanh kiếm cắt chéo một nhánh ô liu, và hai chiếc lá đề (hay lá faiafel).

Khác với Quân đội Mỹ, được chia thành các lực lượng riêng rẽ, FDI chỉ là một quân đội, có các binh chủng khác nhau, như hải quân, không quân. Người cầm đầu các binh chủng này, là các tướng của sư đoàn. Họ cũng mang trên vai một thanh kiếm cắt chéo qua cành ô liu, nhưng chỉ có một lá đề thôi. Về cấp bậc bên dưới, người ta thấy có các tướng của binh đoàn, những người cầm đầu các tổ chức tình báo quân sự khác nhau. Bên dưới nữa là các cấp tá - đây là cấp tôi mang khi mới vào làm ở Mossad rồi tôi đã được thăng chức.

Sự việc nhấn mạnh tới tầm quan trọng của Cơ quan Tình báo đối với những người Israel, là người chỉ huy của quân đoàn tình báo của quân đội có cùng một cấp bậc như những người chỉ huy của hải quân, không quân, lục quân, tăng-thiết giáp tức là tướng sư đoàn và cùng cấp với hệ thống tư pháp quân đội. Viên chỉ huy của hải quân có cấp bậc thấp hơn một chút.

Ông chủ của AMAN, hay của tình báo quân đội, có cấp bậc như những viên chỉ huy của các Cơ quan Tình báo khác, nhưng trên thực tế, hơn tất cả

các viên sỹ quan khác của tình báo quân đội bởi vì ông ta chỉ có báo cáo trực tiếp lên Thủ tướng Chính phủ mà thôi. AMAN có thể tiếp nhận các thông tin, trong khi quân đoàn tình báo chịu trách nhiệm thu thập các tin tình báo mang tính chiến thuật trên thực địa.

Cuối năm 1975, Cơ quan Tình báo Hải quân thông báo về cuộc họp hàng năm của các đơn vị tình báo quân sự rằng họ cần một tên lửa Exocet. Loại tên lửa do cơ quan Hàng không vũ trụ chế tạo tại Pháp là một tên lửa bay sát mặt đất. Được phóng đi từ một tàu chiến, tên lửa bay lên và phát hiện ra mục tiêu nhờ có hệ thống tìm mục tiêu lắp ở đầu, lại hạ xuống sát mặt sóng, làm cho các ra-đa khó có thể phát hiện được. Duy nhất chỉ có một cách hiệu chỉnh việc phòng vệ chống lại một tên lửa như thế, đó là do kinh nghiệm.

Trước hết, Israel sợ rằng một số nước Ả Rập, đặc biệt là Ai Cập không mua các tên lửa Exocet và hải quân lại muốn sẵn sàng cho tình huống bất trắc này. Trên thực tế, không cần cho họ một tên lửa hoàn chỉnh - nhất là bộ phận đầu là nơi tập trung mọi hệ thống điện tử.

Người bán một tên lửa, không giao cho người mua tất cả các thông tin. Người ta cũng không tiến hành các vụ thử liên quan đến việc bảo vệ bờ biển. Và thậm chí nếu như anh đi đến chỗ có được tất cả những chi tiết kỹ thuật từ một công ty như công ty Hàng không vũ trụ, thì công ty đó cũng chỉ giới thiệu cho anh những tính năng tốt nhất của tên lửa. Họ cố bán cho được hàng, thế là xong!

Chính vì thế, Israel muốn có một tên lửa Exocet cho mình để tiến hành các cuộc thử nghiệm. Israel không có thể mua tên lửa đó của người Pháp, một nước đã có luật cấm vận bán vũ khí cho Israel. Nhiều nước còn duy trì lệnh cấm vận này, vì họ biết rằng một khi Israel có thứ vũ khí này trong tay, thì họ sẽ sao chép lại.

Việc có được một đầu của tên lửa Exocet đã được giao phó cho người cầm đầu của Mossad. Tới lượt mình, ông ta đã giao cho Tevel đáp ứng đề nghị của hải quân.

Mossad đã có một số lượng đáng kể thông tin về loại tên lửa này, một phần nhờ qua một *sayan* làm việc trong công ty Hàng không vũ trụ. Một nhóm cũng đã thâm nhập vào trong nhà máy cùng với một chuyên gia về tên lửa - người này được cử từ Israel tới trong nhất thời - người chuyên gia trình bày với nhóm những tài liệu cần phải chụp ảnh. Nhóm làm việc đã trải qua bốn tiếng rưỡi đồng hồ trong nhà máy trước khi đi ra mà không để lại dấu vết gì lại.

Mặc dù có những tấm ảnh, một tên lửa đích thực trong tình trạng hoạt động được sẽ rất cần thiết. Người Anh đã có những tên lửa Exocet, nhưng họ không sẵn sàng nhượng lại cho Israel một chiếc.

Đối với hoạt động này ở châu Âu coi như bế tắc, nhưng Mossad biết rằng nhiều nước ở Nam Mỹ có các tên lửa Exocet. Bình thường, những người Argentin đã có thể được xem là một nguồn tốt, nhưng trong giai đoạn này, người Argentin đã mua một số động cơ phản lực được sản xuất tại Israel và Mossad đã ngờ vực mỗi hoạt động có thể gây tổn hại tới thị trường có lợi của mình.

Vì vậy, giải pháp tốt nhất hình như chỉ có Chilê. Mossad biết nước này vừa mới đề nghị Israel đào tạo cho các Cơ quan An ninh của họ - một lĩnh vực mà khả năng tình thông của Israel được mọi người biết đến. Ngay cả như Mossad không công khai khoe khoang về khả năng ấy, thì Israel cũng đã huấn luyện cho các tổ chức khác nhau như tổ chức đáng gờm Savak của Iraq, các lực lượng an ninh của Colombie, của Argentina, của Tây Đức, của Nam Phi và của nhiều nước châu Phi khác, mà trong đó có cảnh sát mật của nhà cự độc tài Ouganda, Idi Amin Data. Israel cũng đã đào tạo cảnh sát mật cho người hùng mới bị lật đổ là Manuel Noriega (xem chương V; phần 1). Bản thân người hùng này cũng theo một khoá thực tập tại Israel.

Noriega khi đó luôn đeo một phù hiệu của lính dù Israel bên ngực phải của bộ đồng phục (thông thường, người ta đeo bên trái). Và để chứng tỏ họ không phải là người phân biệt chủng tộc, Mossad đã huấn luyện cả hai phe trong cuộc chiến tranh đẫm máu đang diễn ra ở Sri Lanka: Những người Tamoul và những người Cinghalais - cũng như những người Indian được phái đến để thiết lập trật tự.

Do tiếng tăm xấu của DINA trên thế giới, Pinochet xem xét tới việc cải tổ lại tổ chức và giao cho viên tướng của mình là ngài Manuel Contreras lo liệu các công việc chi tiết.

Vì Contreras đề nghị Israel giúp đỡ, nên Nahum Admony, lúc đó là phụ trách của tổ chức Quan hệ, đã giao cho MALAT yêu cầu của hải quân. MALAT, bộ phận phụ trách vùng châu Mỹ La tinh, một vụ nhỏ, chỉ gồm có ba người và người phụ trách. Hai người trong số họ đã bỏ không ít thời gian đi tới Nam Mỹ để chủ yếu cố gắng thiết lập những mối quan hệ thương mại với Israel. Một người trong số họ tên là Amir ở Bolivie. Người này trông nom một nhà máy do một nhà công nghiệp Israel, Saul Eisenberg xây dựng (xem chương I; phần 2). Eisenberg, một con người có sức mạnh đến mức Chính phủ Israel đã phải chấp nhận một đạo luật đặc biệt miễn cho ông một số lớn thuế để ông ta chuyển trụ sở của mình sang Israel. Eisenberg đã chuyên môn hoá trong những hoạt động chìa khoá trao tay: Xây dựng một nhà máy và một khi dự án được thực hiện đầy đủ, trao chìa khoá cho chủ nhân của dự án.

Năm 1976, Eisenberg là trung tâm một vụ bê bối chính trị và trung tâm của một vụ điều tra của cảnh sát ở Canada sau khi báo cáo của viên kiểm tra các Tài khoản đã cáo giác, ít ra là có tới 25 triệu đô la đổ vào các tổ hợp công nghiệp trong việc bán lò phản ứng hạt nhân CANDU cho Argentina và Nam Triều Tiên, qua trung gian của họ là Công ty Năng lượng Nguyên tử hữu hạn của Canada (ACEL). Ông chủ tịch của công ty ACEL, L. Loriie

Grey, thời kỳ đó đã thừa nhận rằng: “*Không một người nào ở Canada biết tiền được chuyển vào đâu*”.

Trước khi rời khỏi Bolivie, Amir đã nhận từ Đại sứ quán Israel các thông tin về những người mà ông ta đã gặp gỡ, những điểm mạnh và yếu của họ - theo trụ sở (tức là cơ quan ở Tel Aviv), thì bất kỳ người nào (trong số đó) đều có thể giúp được Amir. Tel Aviv đã lo liệu các vé máy bay, lo đặt phòng khách sạn và mọi chi tiết khác cho người ấy - kể cả một chai rượu vang Pháp được ưa thích của Contreras, đã được ghi trong hồ sơ của người này đang để ở Mossad.

Amir nhận được lệnh đợi một cuộc họp ở Santiago và nhận được lệnh không có bất kỳ một cam kết gì cả.

Trụ sở ở Tel Aviv đã đáp ứng lời yêu cầu của Chilê về huấn luyện cảnh sát mật và nói rằng trụ sở đã cử Amir, một sỹ quan về hành chính tới thảo luận về dự án, nhưng không hề đưa ra một ý kiến nào khác. Cuộc họp ở Santiago đơn thuần chỉ là một cuộc gặp gỡ với mục đích là lần xem xét, đánh giá đầu tiên.

Amir được một người đại diện của Sứ quán Israel ra sân bay đón và đưa về khách sạn. Ngày hôm sau, ông ta gặp Contreras và nhiều quan chức trong tổ chức của ông ta. Viên chức của Chilê đã nêu lên là ông ta đã nhận được sự giúp đỡ của CIA. Ông cho rằng CIA sẽ có thể không giúp đỡ ông việc này trong một số lĩnh vực. Trên căn bản, Contreras muốn thành lập một đơn vị chịu trách nhiệm về chủ nghĩa khủng bố ở địa phương - loại bỏ vấn đề này và chịu trách nhiệm về những âm mưu đánh bom - cũng như chịu trách nhiệm bảo vệ các khách viếng thăm.

Sau cuộc gặp gỡ, Amir đi New York để gặp người phụ trách của MALAT trong một ngôi nhà mà Mossad có ở bên dưới đó. (Ngôi nhà, trên thực tế được cho MALAT mượn qua một vụ khác, “AI”. AI chỉ hoạt động ở

Hoa Kỳ và có những nơi ở bí mật tại đó. Tổ chức một cuộc gặp gỡ trong một ngôi nhà như vậy, chắc chắn hơn là cử một người khác đi Chilê).

Sau khi nghe bản báo cáo của Amir, người chủ nói với ông ta:

— Chúng ta muốn có một cái gì đó của loại này. Trước hết chúng ta hãy tung mỗi nhữ họ. Người ta thả một cái gì đó ra rồi làm những bước đi phía sau và bày tỏ đề nghị của chúng ta. Chúng ta làm cho họ cắn câu trước khi kéo dây lại.

Quyết định được đưa ra là Amir sẽ gặp lại Contreras một lần nữa để tu chỉnh Hiệp định về huấn luyện cho một đơn vị cảnh sát. Thời kỳ đó, kiểu thực tập như vậy là duy nhất được tổ chức ở Israel. Tiếp sau đó, sẽ là vấn đề cử người huấn luyện ra nước ngoài, thí dụ như ở Nam Phi, và ở Sri Lanka. Nhưng trong những năm 1975-1976, vấn đề được điều chỉnh lại là đưa các thực tập sinh tới.

Việc huấn luyện lúc nào cũng xảy ra trong căn cứ không quân cũ của Anh ở phía Đông Tel Aviv và căn cứ đó có tên là Kfar Sirkin. Israel đã sử dụng căn cứ này một thời gian để đào tạo các sỹ quan rồi sau căn cứ trở thành một căn cứ của các tổ chức đặc biệt, dùng chủ yếu để huấn luyện cho các đồng nghiệp nước ngoài.

Việc thực tập nói chung là thường kéo dài từ sáu tuần đến ba tháng, tùy theo tầm quan trọng của việc huấn luyện. Việc huấn luyện này rất tốn kém. Khi đó, Israel đòi hỏi mỗi thực tập sinh phải trả cho người huấn luyện khoảng từ 50 đến 75 đô la một đêm tập và hơn 100 đô la cho buổi tập ban ngày (Dĩ nhiên, những giáo viên huấn luyện không được nhận tiền. Họ phải cam lòng với số tiền lương bình thường). Israel cũng đòi hỏi từ 30 đến 40 đô la tiền ăn uống một ngày cho một người, cộng thêm khoảng 50 đô la cho việc dùng quân trang, quân dụng và lệ phí khác. Một đơn vị thực tập sinh gồm 60 người, với khoảng 300 đô la một người, thì một ngày lên tới 18.000 đô la, nghĩa là 1.600.000 đô la cho một người trong thời gian 3 tháng.

Thêm vào đó là từ 5.000 đến 6.000 đô la thuê máy bay trực thăng trong 1 giờ, và việc thuê đó cần tới 15 giờ cho một bài tập. Còn phải tính đến giá tiền của các loại súng, đạn đặc biệt dùng trong huấn luyện; một quả đạn Bazôka giá 220 đô la, trong khi đó những súng cối hạng nặng được lập hoá đơn là 1.000 đô la một khẩu; những cỗ pháo phòng không mà một số loại có đến 8 nòng có thể bắn hàng nghìn viên trong vài giây đồng hồ - mỗi viên có giá từ 30 đến 40 đô la.

Đây là một báo cáo rất tốt. Người Israel thu được rất nhiều tiền với những loại thực tập này, thậm chí trước khi bán vũ khí. Tiếp theo, các thực tập sinh được huấn luyện sử dụng vũ khí của Israel, đương nhiên mong muốn tiếp tục sử dụng các vũ khí này khi trở về đất nước họ, vì vậy họ mua vũ khí và đạn dược kèm theo.

Amir đề nghị Contreras chọn 60 người tốt nhất của ông ta để thực tập. Chương trình sẽ được chia thành 3 cấp: Chiến sỹ, hạ sỹ quan và cấp chỉ huy, cùng với các phương pháp huấn luyện đặc thù riêng cho từng cấp. Ba nhóm, mỗi nhóm 20 người sẽ bắt đầu luyện tập cơ bản, sau đó 20 người giỏi nhất sẽ theo học chỉ huy. Nhóm này sẽ cung cấp ra các hạ sỹ quan và các sỹ quan.

Khi Amir đã trình bày đề xuất với Contreras, viên chỉ huy người Chile đã không ngần ngại trả lời ngay:

— Chúng tôi là những người mua.

Ông ta muốn mua tất cả trang thiết bị, cùng với nó là những người của ông được đào tạo và ông đề nghị hoặc là lắp đặt một nhà máy nhỏ, hoặc một kho chứa đạn và các bộ phận thay thế dùng cho thời gian 6 năm.

Khi đã chấp nhận việc đàm bán tổng thể rồi, Contreras mặc cả một chút về giá cả, thậm chí đề nghị cho Amir một khoản tiền trà nước hàng nghìn

đô la để ông này hạ giá xuống. Amir đã từ chối, viên chỉ huy người Chilê cuối cùng đã chấp nhận giá được đề nghị.

Đúng trước khi kết thúc việc huấn luyện cơ bản, Amir quay lại Santiago để gặp Contreras.

— Công việc huấn luyện diễn ra tốt đẹp - Amir nói - Chúng tôi sẽ lựa chọn những người để huấn luyện hạ sỹ quan. Họ là những người rất cừ. Chúng tôi chỉ phải gửi trả về có hai người thôi.

Viên chỉ huy Chilê, chính là người tự lựa chọn những người đi học tỏ ra phần khởi. Sau khi đã nói một hồi về chương trình, Amir đã thuyết phục:

— Chúng tôi muốn đề nghị với ngài một vấn đề. - Vấn đề gì vậy? - Một đầu tên lửa Exocet.

— Điều ấy không thành vấn đề - Contreras trả lời - Hãy ở lại một hoặc hai ngày trong khi tôi xem lại tình hình. Tôi sẽ gọi lại cho ngài.

Hai hôm sau, Contreras yêu cầu gặp lại Amir.

Họ khước từ - Ông ta thông báo - Tôi đã đề nghị, nhưng họ không đồng ý.

— Chúng tôi đang cần nó- Amir trình bày- Chúng tôi sẽ có một ưu đãi cho ngài đối với việc thực tập huấn luyện. Chúng tôi hi vọng rằng ngài có thể giúp được cho chúng tôi.

— Thế này nhé, tôi sẽ lấy một chiếc đầu tên lửa cho ngài với tư cách cá nhân - Contreras tuyên bố - Không qua những con đường chính thức. Một triệu đô la Mỹ, bằng tiền mặt, và các ngài có tên lửa của các ngài.

— Cần bật đèn xanh cho tôi - Contreras nói.

— Đồng ý. Ngài biết tôi ở đâu rồi đó Amir tới New York gặp ông chủ, thông báo về lời đề nghị của Contreras. Họ biết, trong chừng mức nào đó, viên chỉ huy Chilê sẽ thoả mãn yêu cầu đó, nhưng người chỉ huy của Vụ có thể không muốn bắt ông ta phải chấp nhận nữa. Vì thế, người chủ của Amir gọi điện thoại cho Amony ở Tel Aviv, và tới lượt mình, Mossad đã đề nghị Cơ quan Tình báo hải quân xem liệu Hải quân có sẵn sàng chi ra một triệu đô la cho chiếc tên lửa không. Hải quân đồng ý.

— Đồng ý - Amir nói với Contreras.

— Rất tốt. Hãy cử một người nào đó am hiểu vấn đề các ngài cần đến, chúng tôi sẽ đưa họ tới một căn cứ hải quân. Người đó sẽ chỉ cho tôi chính xác, cái mà các ngài muốn, rồi tôi sẽ lấy.

Một chuyên gia của Bamtam, nhà máy của Israel chế tạo tên lửa, ở Atlit, một thành phố nhỏ nằm về phía Nam Haifa, nơi đã tu chỉnh lại tên lửa Gabriel, lên máy bay đi Chilê. Vì những người Israel muốn có một tên lửa Exocet đang trong tình trạng vận hành, nên viên chuyên gia đã nhấn mạnh tới việc người ta chuyển cho họ một chiếc đầu tên lửa chứa đựng đầy đủ. Vậy nên người Israel sẽ tin chắc là người ta không đánh lừa họ bằng việc giao một đầu đạn giả, hay một đầu đạn bị hỏng, không vận hành được.

Theo lệnh của Contreras, tên lửa được dỡ khỏi tàu và xếp lên một chiếc rê móc. Người Israel đã trả trước một triệu đô la.

— Có phải đó là cái các ngài muốn phải không?

Contreras hỏi.

Sau khi kiểm tra chiếc tên lửa, Amir đã đồng ý- Tốt rồi - Viên chỉ huy Chilê nhắc lại- vậy thì, chúng tôi sẽ xếp đầu tên lửa vào trong một thùng, dùng dây thép đóng chặt lại và đưa vào kho ở Santiago. Các ngài có thể nhờ bảo vệ nếu các ngài muốn, điều đó không có vấn đề gì với tôi. Nhưng trước khi các ngài đem nó đi, tôi muốn có vài việc.

— Có việc gì? - Amir hơi lo lắng - Chúng tôi đã đồng ý rồi. Chúng tôi đã hoàn tất phần của mình trong giao kèo.

— Và tôi sẽ hoàn thành phần của mình- Contreras hứa - Nhưng, trước hết, hãy gọi cho ông chủ của ngài, nói với ông ta là tôi muốn nói chuyện với ông ấy.

— Bản thân tôi có thể làm được việc đó, Amir đáp lại.

— Không, hãy nói với ông ấy rằng tôi muốn ông ta tới đây. Tôi muốn nói chuyện với ông ta một cách thành thực với nhau.

Amir không còn sự lựa chọn nào nữa. Một cách biểu lộ như vậy, Contreras đã thấy rằng người Israel này đã không phải là một người có cấp bậc rất cao và làm như thế để thu được mọi lợi ích có thể có. Từ phòng ở của mình ở khách sạn, Amir gọi điện thoại cho ông chủ ở New York, chính ông chủ đã gọi điện cho Admony ở Tel Aviv để giải thích tình hình. Cùng ngày, Admony đáp máy bay đi Santiago ngay để gặp viên tướng Chilê kia.

— Tôi muốn các ngài giúp tôi thành lập một đơn vị an ninh - Contreras đề nghị Admony.

— Chúng tôi đã, đang làm việc đó- Admony đáp lại- Và những người của ngài xoay xử rất tốt.

— Không, không, ngài chưa hiểu. Tôi muốn có một đơn vị giúp tôi thanh trừ các kẻ thù của mình, dù họ ở đâu. Như các ngài đã làm đối với PLO. Kẻ thù của chúng tôi không phải tất cả đều ở Chilê. Chúng tôi muốn tấn công những kẻ đang tạo thành một mối đe dọa trực tiếp đối với chúng tôi. Có những nhóm khủng bố ở nước ngoài hiện đang đe dọa chúng tôi. Chúng tôi mong muốn có thể thanh toán được họ. - Các ngài có hai cách giúp đỡ chúng tôi. Các ngài có thể chấp nhận rằng, người của các ngài chịu trách nhiệm làm việc trong trường hợp có vấn đề. Chúng tôi biết rằng Đài Loan đã đề nghị các ngài loại dịch vụ này và các ngài đã từ chối.

Chúng tôi muốn dùng những con người của chính mình hơn, một nhóm mà các ngài sẽ có thể đào tạo để đáp ứng với những đe dọa của quân khủng bố ở ngoài nước. Các ngài hãy làm việc này, và tên lửa là của các ngài.

Việc phát sinh mới này đã làm cho Admony và Amir sửng sốt. Được cho biết về tính chất của lời yêu cầu, người chỉ huy của Cơ quan Quan hệ đã trả lời viên tướng Chilê rằng ông ta phải hỏi ý kiến của cấp trên của mình trước khi cam kết.

Vì mục đích này, Admony quay về Tel Aviv để tham dự một cuộc họp thượng đỉnh tại trụ sở Mossad. Admony khùng lên là Contreras đã thêm một điều khoản không mong đợi trong bản giao kèo. Điều khoản đã quyết định vấn đề có tính chất chính trị và điều khoản đó thuộc Chính phủ quyết định nếu muốn thoả mãn Contreras hoặc để cho việc đổ bể.

Về phần ông ta, đã không làm gì để bị dính líu vào bản thoả thuận loại này, và quyết định ông ta đưa ra thuộc loại các quyết định mang ý nghĩa là: “Chúng tôi dường như không được biết”.

Vậy là cần phải nhờ cậy một người bên ngoài để kết thúc công việc này. Việc lựa chọn nhắm vào ông chủ của một công ty bảo hiểm khách sạn của Israel, Mike Harari, một người lãnh đạo Mossad mới về hưu. Ông này đã chịu trách nhiệm về vết sần của Lillehammer. Ông ta cũng đã từng là một trong những cố vấn có ảnh hưởng nhất của nhà độc tài Manuel Noriega, và đã đem sự giúp đỡ của ông ra đào tạo K - 7, một đơn vị đặc biệt chống khủng bố của Panama.

Ngoài sứ mệnh liên quan đến một Hiệp định với viên tướng Chilê, Harari đã trực tiếp gắn bó với một công ty hải quân quan trọng, phương tiện lý tưởng để chuyển đầu đạn về Israel một cách bí mật và tuyệt đối an toàn.

Tại Mossad, Harari đã từng lãnh đạo Metsada, một ngành chịu trách nhiệm về *người chiến đấu*, và lãnh đạo *kidon*, một bộ phận của Mossad.

Người ta đã giao phó cho ông tuyên bố với Contreras rằng, ông sẽ dạy cho một đơn vị đặc biệt chống khủng bố tất cả những gì ông biết. Nếu đó không phải là “tất cả” - Harari cần có sự đồng ý của Mossad đối với những cái ông ta dạy, và Văn phòng muốn giữ lại cho ông ta một số kỹ thuật hơn - Văn phòng đã cho ông biết một số điều khá đủ để thực hiện ở nước ngoài của kẻ thù có thực hoặc giả định. Quy định của việc huấn luyện này được cất trong một chiếc két đen do DINA quản lý và được trực tiếp gửi tới cho Harari.

Những chiến sỹ của đơn vị đặc biệt, trên thực tế là người của Contreras. Họ không có những quy chế chính thức. Ông ta tuyển chọn và ông ta trả lương cho họ. Họ làm những công việc ông giao cho họ. Những phương pháp hỏi cung, ghi biên bản của họ có thể vượt ra ngoài những điều họ đã học, nhưng sự việc tồn tại là viên tướng đã đạt được việc nhờ huấn luyện cho một đơn vị đặc biệt, và rằng Israel đã có cho mình tên lửa Exocet. Harari dạy cho họ những kỹ thuật tra tấn như phóng điện, và chỉ cho họ những điểm làm đau đớn. Mục đích chính của việc hỏi cung là nhằm thu được những tin tức. Nhưng những người Chilê bổ sung thêm vào một vài thứ do chính họ nghĩ ra. Họ thích phỏng vấn để phỏng vấn thôi và thường không tìm kiếm được tin tức. Đúng ra là họ thích làm cho bị đối khổ.

Vào một ngày ẩm ướt của tháng 9 năm 1976 tại Washington, khi Letelier đi ra ngoài dạo chơi lần cuối trong đời của mình, không một ai nghi ngờ được rằng tên giết người đã do chính Mossad đào tạo. Và cũng không ai biết rằng Israel đã có trong tay một tên lửa Exocet nữa.

Người Israel đã tiến hành những công việc thử nghiệm bằng cách gắn chiếc đầu tên lửa ở bên dưới bụng một chiếc máy bay tiêm kích phản lực Phantom (Con Ma), cùng nối tất cả những miệng lỗ của ống phát xạ vào một loạt máy thu có thể được đọc trong các điều kiện khác nhau, và đồng thời cho giả các chuyến bay của tên lửa. Công việc thử nghiệm kéo dài ba tháng và được thực hiện với chiếc máy bay phản lực chở hành khách (Jet), cất cánh từ căn cứ không quân Hatsrim, gần Beersheba.

Chương IV: **CỜ VÀ NƯỚC BÍ**

Được nuôi dạy ở Syrie, trong thời niên thiếu của mình, Magid đã mơ, một ngày nào đó, chơi cờ ở trình độ quốc tế. Ông ta có lòng say mê với trò chơi này, nghiên cứu lịch sử của nó, ghi nhớ lại những nước đi của những bậc thầy vĩ đại.

Là một tín đồ Hồi giáo chính thống, Magid đã sống ở Ai Cập từ thời làm cho người ta say sưa cuối những năm 1950, lúc mà Gamal Abdel Nasser đã biến sự thống nhất của Ai Cập và Syrie thành Cộng hoà Ả Rập Thống nhất.

Đó là mùa hè năm 1985, Magid đặt chân tới Copenhagen, với hi vọng vào làm ăn để mở được một ngân hàng đầu tư tư nhân. Ngay ngày ông ta tới, ông ta đã chú ý ở trong phòng đợi của khách sạn có một người lịch sự đang nghiên cứu một cuốn sách, ngả người xuống phía trên một chiếc bàn cờ. Do chậm cho một cuộc hẹn, Magid không có thời gian để dừng lại. Ngày hôm sau, người đó lại xuất hiện ở đó. Bị cuốn hút bởi chiếc bàn cờ như bị nam châm hút, Magid sáp lại gần con người chưa quen biết, vỗ vào vai ông ta và mở đầu với giọng tiếng Anh rất chuẩn:

— Xin lỗi...

— Không phải lúc! - Người kia đáp lại.

Magid lùi ra, lặng lẽ quan sát một lúc rồi khuyên một nước đi hợp lý. Người kia lúc này đã chú ý tới ông ta.

— Ông có chơi cờ không?

Hai người vui vẻ trò chuyện. Trong vòng hai giờ rưỡi tiếp sau đó, Magid và người bạn mới tự giới thiệu tên là Mark, nhà thầu khoán Canada,

gốc Lyban theo Thiên Chúa giáo - họ nói chuyện về thú chơi cờ đã quyến rũ họ. Thực ra Mark tên là Yehuda Gil, một trong những *katsa* của chi nhánh Bruxelles, chịu trách nhiệm thiết lập quan hệ với Magid. Mục tiêu không phải là Magid mà là người anh của ông ta, Jadid, một quan chức cao cấp Syrie mà Mossad hi vọng để tuyển mộ. Tổ chức đã có ý đồ ở nước Pháp, nhưng do thiếu thời gian, việc đó không tiến triển được. Tuy nhiên, trong phần lớn những công việc này, Jadid thậm chí không hay biết gì về ý đồ đó - và chắc chắn là không biết Mossad đã đặt cho ông ta một tên mật mã là “Mở nút chai” (Tũre-bouchon).

Câu chuyện thực sự bắt đầu ngày 13 tháng 6 năm 1984, khi một *katsa* có tên là Ami thuộc tổ chức của văn phòng về Đan Mạch, ở trên tầng sáu trụ sở Mossad tại Tel Aviv (lúc đó đóng trong toà nhà Hadar Dafna, trên đường Roi-Saul), đã nhận được một bức điện như thường lệ của một sỹ quan Quan hệ ở Đan Mạch. Viên sỹ quan Quan hệ này đã chuyển một yêu cầu của “A Đỏ”, tên mật mã của Cơ quan An ninh Dân sự Đan Mạch (SDSC), xin thẩm tra lại một danh sách 40 người có tên Ả Rập hoặc nguồn gốc Ả Rập đã xin chiếu kháng Đan Mạch.

Điều mà nhiều người Đan Mạch không biết - và chỉ có một số người lãnh đạo của họ biết đó chính là Mossad thường xuyên thẩm tra các danh sách xin chiếu kháng của Đan Mạch rồi đánh dấu chữ thập đằng trước những tên không có vấn đề gì. Khi có vấn đề, Mossad báo cho Đan Mạch hay nếu vì lợi ích của Israel, Mossad làm cho việc có chiếu kháng bị chậm lại để nghiên cứu sâu thêm việc xin của đương sự.

Mối quan hệ giữa Mossad với các Cơ quan Tình báo Đan Mạch thân thiết đến mức quan hệ trở thành sỗ sàng. Đó không phải là đức tính của Mossad trong mối quan hệ thoả hiệp ngầm, nhưng đó lại là đức tính của Đan Mạch. Những người Đan Mạch đã nghĩ lầm rằng người Israel sẽ biết ơn họ và họ có thể lấy được lòng tin của Mossad, bởi vì trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Đan Mạch, đã cứu sống một số lớn người Do Thái.

Một nhân viên của Mossad, một *marats*, chẳng hạn, đã làm việc trong trụ sở của SDSC. Tại đây, nhân viên này nghiên cứu tất cả những bức điện liên quan đến người Ả Rập và Palestine chuyển tới cơ quan nghe điện - một sự sắp xếp không thể tưởng tượng được với một Cơ quan Tình báo nước ngoài. Là con người duy nhất trong trụ sở, nói tiếng Ả Rập, nhân viên này hiểu hết các bức điện, nhưng lại gửi về Israel để dịch. (Tất cả được chuyển qua một nhân viên Quan hệ của ăng ten của Mossad tại Copenhagen, mật danh là “Hombre”). Các thông tin thu thập được không phải lúc nào cũng được chia sẻ cho Đan Mạch bởi vì công việc dịch thuật được trả lại thường bị cắt xén một cách nặng nề và bởi vì các băng gốc lại không được hoàn lại.

Đương nhiên, Mossad không đánh giá cao người Đan Mạch. Mossad khai thác những thông tin của fertalach, thuật ngữ tiếng Hébreu để chỉ lời hứa hão. Họ phát hiện tất cả những gì họ làm ở Mossad, nhưng Mossad đã không để ai biết những gì về bí mật.

Bình thường, việc thẩm tra 40 tên tuổi trên máy tính của Mossad mất khoảng một giờ. Nhưng vì đó là lần đầu tiên Ami lo liệu về người Đan Mạch, nên ông ta đã bắt đầu bằng cách cho phát những thông tin liên quan tới SDSC đi từ trạm cuối của ông. Trên màn hình, xuất hiện một bức thư mang số 4647 và con dấu “mật”, mô tả chi tiết về tổ chức, nhân sự, sự hoạt động của Cơ quan Tình báo Đan Mạch, và thậm chí một vài hoạt động nữa. Cứ ba năm một, những người lãnh đạo của Tình báo Đan Mạch lại sang Israel tham dự một cuộc hội thảo do Mossad tổ chức nhằm trao đổi về tình hình phát triển vừa qua đối với các hoạt động khủng bố và đối với kỹ thuật khủng bố. Nhờ những mối quan hệ này, Israel đã thu được những tin tức sẵn có về cộng đồng người Palestine, khoảng 500 thành viên, sinh sống tại Đan Mạch, và được lợi lộc bởi một “sự hợp tác đầy đủ trong lĩnh vực theo dõi”.

Bức thư cho biết Henning Fode, 38 tuổi được cử giữ chức đứng đầu cơ quan SDSC tháng 11 năm 1984, và trước khi sang Israel vào mùa thu năm 1985. Michael Lyngbo, nhân vật số 2 của tổ chức này, mặc dù không có

kinh nghiệm, nhưng lại phụ trách khối Cộng sản. Paul Moza Hanson, cố vấn pháp luật của Fode, quan hệ với Mossad, mới rồi phải rời chức vụ. Halburt Winter Hinagay, phụ trách Vụ Chống khủng bố và lật đổ, cũng đã tham dự Hội thảo chống khủng bố được tổ chức mới đây ở Israel.

(Trên thực tế, Mossad đứng ra tổ chức một loạt hội thảo, đồng thời mỗi một Cơ quan Tình báo dự, vì thế thắt chặt mối quan hệ quý báu trong khi giữ ý nghĩ cho rằng không một tổ chức nào hiểu chủ nghĩa khủng bố tốt hơn Mossad.)

Trên màn hình của Ami, một tài liệu khác cho thấy tên đầy đủ của Cơ quan Tình báo Đan Mạch: *Politiets Efterretningsjtneste Politistatonen* (PEP) và liệt kê các ban ngành khác nhau của tổ chức này. Việc nghe điện thoại thuộc Ban S: Trong một văn bản ngày 25 tháng 8 năm 1982, những người Đan Mạch đã báo cho Hombro biết rằng họ đã xem xét trang bị một hệ thống thông tin mới và họ có thể cho phép chuyển cho Mossad 60 cuộc nghe (60 địa điểm mà họ đặt thiết bị máy nghe cho cơ quan của Israel). Họ cũng đặt trên những máy nghe các trạm điện thoại công cộng “theo lời khuyên của chúng tôi (Mossad), trong các khu phố đã biết để nhạy cảm với các hoạt động lật đổ”.

Tiếp sau, tài liệu cũng than phiền về chất lượng tồi của đội theo dõi: “Những con người dễ bị phát hiện. Họ không hoà lẫn vào hoàn cảnh, có thể vì một sự quay vòng nhanh về nhân sự của đơn vị”.

Cảnh sát được giao việc tuyển mộ cho cơ quan, một nhiệm vụ khó khăn bởi vì việc tuyển mộ không đem lại khả năng tiến lên mấy. Ngày 25 tháng 7 năm 1982, Hombro đã đề nghị các Cơ quan Tình báo về một hoạt động bí mật ở Đan Mạch liên quan đến Bắc Triều Tiên, nhưng người ta đã trả lời ông rằng công việc đó đã được người Mỹ tiến hành, vậy thì “yên lặng nhé” (*Alors motus*).

Trong lúc đòi hỏi máy tính những thông tin khác, Ami đã lấy ra hồ sơ - B. Đỏ, mô tả chi tiết Cơ quan Tình báo quân đội của Đan Mạch (SRDD). Cơ quan Tình báo quân đội Đan Mạch được đặt trực tiếp dưới trách nhiệm của viên tổng chỉ huy quân đội và của Bộ Quốc phòng. Cơ quan này được cấu trúc bởi bốn đơn vị: Quản lý, nghe, nghiên cứu và thu thập tin tức.

Trong khuôn khổ NATO, Tình báo Quân đội Đan Mạch phụ trách về Ba Lan, Đông Đức và các hoạt động của tàu chiến Xô viết trong vùng biển Baltique, nhờ vào các máy móc điện tử được cải tiến do Mỹ cung cấp.

Về phương diện nội bộ (trong nước), Cơ quan Tình báo này chịu trách nhiệm nghiên cứu về quân sự và chính trị, chịu trách nhiệm thu thập “chủ động” (những thông tin của các công dân Đan Mạch về những việc mà họ thấy) bằng cách đối lập với cái “bị động” (các nguồn tin thu thập được ở ngoài biên giới). Cơ quan này cũng làm công việc quan hệ ở cấp quốc tế và cung cấp cho Chính phủ những đánh giá về các nước khác. Thời kỳ ấy, Tình báo Quân đội Đan Mạch có dự án thành lập một đơn vị về các vấn đề của Trung Đông, đồng thời, bắt đầu với một người làm việc về vấn đề nêu trên mỗi tuần một ngày.

Cơ quan này trở thành nổi tiếng vì các bức ảnh chụp rất rõ những hoạt động trên không, trên đất liền và trên biển của Xô viết. Đây là cơ quan đầu tiên cung cấp cho Israel các tấm ảnh của hệ thống tên lửa SSC-3 của Xô viết (hay còn gọi là tên lửa đất đối đất - Missiles sol-sol). “B Đỏ” đã do Mogens Telling lãnh đạo từ 1976. Ông này đã tới Israel năm 1980. Bangsbore, phụ trách ban nhân lực đã về hưu năm 1986. Mossad có nguồn tuyệt hảo ở ngay trong cơ quan SRDD và trong Học viện nghiên cứu Quốc phòng Đan Mạch (IRDD). Các tổ chức Tình báo của Đan Mạch hợp tác làm việc chặt chẽ hơn với Thụy Điển (tên mật danh là “Bourgone”), với đồng minh của họ trong NATO là Na Uy. Gặp dịp, “B Đỏ” gặp gỡ với “Carousel”, mật danh của các Cơ quan Tình báo Anh, làm việc với họ từng sự việc một và tham gia vào các hoạt động khác chống lại Tình báo Xô viết.

Ami đã biết tất cả các thông tin trước khi làm xuất hiện một công thức cho phép đưa vào máy tính một dữ liệu: Một cái tên, một chữ số, bất kỳ cái gì để khám phá ra bộ nhớ của máy. Nếu như người đang có vấn đề là một người Palestine và rằng nếu không có gì xuất hiện trên màn hình, Ami chuyển công thức cho văn phòng Palestine của Mossad, người có quyền quyết định đưa ra thẩm tra hoặc đơn giản là để lại tên trong máy tính của trung tâm. Tất cả các ban, ngành của Mossad được nối với máy tính khổng lồ được đặt tại trụ sở ở Tel Aviv. Cứ mỗi buổi chiều, một đĩa cứng chứa các thông tin trong ngày lại được để vào một nơi chắc chắn.

Ami không chỉ còn là bốn cái tên kết thúc danh sách khi danh sách này của Magid xuất hiện. Và một cái gì đó đã nhắc lại cho anh ta. Lúc có một cuộc nói chuyện với một người bạn của ban Nghiên cứu, một thời gian sớm hơn, ông ta đã nhìn thấy tấm ảnh của một người có cùng tên đứng bên cạnh Tổng thống Hafez el Assad. Nhiều người Ả Rập mang cái tên tương tự thì chừng ấy tên phải thẩm tra. Không tìm được gì trên máy tính liên quan tới Magid, Ami gọi ban Nghiên cứu, yêu cầu người bạn của ông ta tại văn phòng về Syrie đem tấm ảnh tới vào buổi trưa, tại quầy ăn trên tầng tám, để có thể so sánh với tấm ảnh của Magid xin chiếu kháng Đan Mạch.

Sau bữa ăn trưa, có tấm ảnh của Jadid trong tay, Ami cầu cứu tới các chi tiết khác trong máy tính, kiểm tra xem liệu Jadid có phải trong cùng một gia đình - và vì thế, phát hiện thấy rằng ông ta có một người anh em mà việc nhận dạng và tiểu sử tương đồng với những điều của Magid .

Việc phát hiện này đã tạo khả năng “gặp may” - việc tuyển mộ một người để đạt tới một người khác - điều mà Ami đã nhấn mạnh trong báo cáo trước khi để nó vào thư tín nội bộ.

Trong *Tsiach*, hồ sơ hàng năm của Mossad về các tin tức cần thiết, Quân đội Syrie là được ưu tiên từ nhiều năm nay. Vì thế, Mossad đã đề nghị AMAN, Tình báo quân đội của Israel vạch ra một danh sách những việc cần biết về tình trạng chuẩn bị lực lượng của Syrie, theo thứ tự của tầm quan

trọng. Một bản câu hỏi điều tra 11 trang do AMAN cung cấp trở lại, đặc biệt đề cập tới số lượng các tiểu đoàn của Syrie đang có, tình trạng các lữ đoàn thiết giáp 60 và 67 cũng như của lữ đoàn cơ khí 87; số lượng lữ đoàn trong một sư đoàn 14 của “Lực lượng đặc biệt”, và một loạt các câu hỏi có liên quan, như các chi tiết về dự luận sẽ thay thế Ahmad Diab, người phụ trách Văn phòng An ninh Quốc gia bằng Rifat El Assad, người anh em của Tổng thống.

Mossad đã có sẵn một số lượng các nguồn tin ở Syrie (cái mà Mossad gọi là “hệ thống báo động đầu tiên” của mình) thí dụ, trong các bệnh viện và công trường xây dựng, khắp nơi người ta có thể thu được và truyền được những mẩu tin tức, được tập hợp lại, nó có thể báo cho Israel tình huống chuẩn bị chiến tranh xảy ra bất ngờ. Từ những năm đó, người Syrie đã tạo thành thế tấn công suốt dọc theo cao nguyên Golan, và Mossad đã luôn luôn đánh giá cao chủ yếu việc thu thập tin tức chính xác và mới nhất trong lĩnh vực quân sự. Tuyển mộ một người Syrie có cấp bậc cao là một sự kiện lớn.

Đối với Mossad, Syrie là một nước “thất thường” (đồng bóng). Điều đó có nghĩa đơn giản là Syrie chỉ do một con người điều hành, ngài Assad, một người một buổi sáng có thể đứng lên và nói - “*Tôi muốn tiến hành chiến tranh*”. Phương tiện duy nhất được nhắm tới việc đó nhanh hơn, chính là có một nguồn gần gũi với cấp chớp bu nếu có thể được. Mặt khác Mossad biết rằng Assad thiết tha chiếm lại cao nguyên Golan. Về phần mình, Tổng thống Syrie đã nhận thức được rằng ông ta có thể giành lại được đất bằng một cuộc phản công rõ ràng, nhưng không cầm chân lâu dài người Israel được. Từ lâu, vào những năm 1980, Assad đã tìm kiếm từ những người Nga một sự bảo đảm, rằng, thông qua con đường của Liên hợp quốc hoặc cách khác, họ sẽ can thiệp nhằm chấm dứt nhanh chóng cuộc chiến tranh loại này. Không nhận được sự đồng ý của người Nga, Assad đã không bao giờ đưa chiến xa tấn công Golan.

Tình hình phức tạp như thế đã làm cho việc tuyển mộ người anh em của Magid là một ưu tiên hàng đầu, và vài giờ đồng hồ sau đó, Yehuda Gil (Mark) đi Copenhagen đợi “chủ thể” đến. Một nhóm khác được giao nhiệm vụ đặt máy nghe trong phòng khách sạn của Magid và bố trí việc theo dõi cần thiết - bất kỳ một việc gì có thể giúp cho tuyển mộ và thông qua người anh em của ông ta quan trọng biết bao.

Lý tưởng dùng một bàn cờ để bắt liên lạc với Magid đã xuất hiện trong đầu Gil, dù rằng lý tưởng ấy được bắt nguồn từ một cuộc họp trong một địa điểm bí mật ở Copenhagen.

Qua cuộc nói chuyện đầu tiên với Mark, Magid đã gây được ấn tượng có thể tạo được lòng tin với ông ta bởi vì ông ta đã kể cho Magid nghe một phần lớn cuộc đời của mình và gợi ý cùng nhau đi ăn cơm tối chiều hôm đó. Mark nhận lời, rồi quay về nơi ở bí mật thảo luận với các đồng nghiệp về bữa ăn tối.

Trong bữa ăn, Gil cố gắng thăm dò điều gì mà Magid đã để lộ ra - phạm vi gì ông ta biết. Cùng trong lúc đó, Gil cũng tự giới thiệu như một người làm ăn giàu có (vỏ bọc lúc nào cũng được đánh giá cao), có sự tiếp xúc rộng rãi.

Magid đã phân trần rằng gia đình ông sống ở Ai Cập và ông ta muốn đưa gia đình sang Đan Mạch, mặc dù không phải ngay lập tức. Ông ta muốn có một chút thời gian tốt. Lúc này, ông ta đi tìm thuê một căn hộ; rồi sau, khi gia đình đến, ông ta sẽ mua một căn hộ. Mark đề nghị giúp ông ta bằng cách, ngày mai, phái đến cho ông một nhân viên buôn bán bất động sản. Chưa đầy một tuần sau, Magid đã có một căn hộ. Và Mossad đã cài vào nhà những máy nghe trộm, thậm chí đặt cả các máy quay phim trên trần nhà.

Trong cuộc họp sau, tại nơi bí mật ở Copenhagen, đã có quyết định là Mark sẽ nói với Magid rằng ông ta phải quay về Canada một tháng vì công

việc làm ăn. Điều này tạo cho Mossad thời gian sử dụng máy nghe và theo dõi của mình. Học viện biết rằng Magid không phải đi buôn bán ma túy, nhưng là người rất máu gá. Căn hộ lộng lẫy của ông ta được cài đặt những loại máy móc mới gần đây hơn: Máy ghi âm, máy ghi hình từ tính v.v.

Dịp may với Mossad, là mỗi tuần, Magid gọi điện thoại cho người anh hai lần. Nhanh chóng nhận ra là Jadid không phải là một thiên thần, và ông làm việc với Magid trong một công việc tầm tối. Thí dụ, ông ta đã mua ở Đan Mạch một số lượng lớn phim “con heo” rồi đưa về bán tại Syrie để kiếm những khoản lời lớn. Trong một cuộc đàm thoại, ông ta nói với Magid rằng ông sẽ tới thăm Magid tại Copenhagen trong một tuần lễ.

Nhờ vào thông tin này, Mark đã ấn định một cuộc gặp mới với Magid và đóng vai một cán bộ cao cấp của một công ty Canada (không bao giờ là Tổng giám đốc, vì điều này có thể cản trở việc có thời gian tham khảo ý kiến với “ông chủ” - trên thực tế là nhóm ở chỗ bí mật), ông ta bắt đầu đặt các mốc của một Hiệp định thương mại.

— Nhìn chung, điều mà chúng tôi làm, đó là đem đến cho khách hàng của chúng tôi một sự đánh giá về những việc đầu tư có thể được - Mark nói - Chúng tôi khuyên họ đầu tư hoặc không đầu tư vào một nước nào, vì thế chúng tôi phải thu lượm những thông tin về nước đó . Chúng tôi làm việc như một loại CIA tư nhân.

Việc đề cập đến CIA, dường như không có tác dụng với Magid, điều này trong thời gian đầu đã làm cho người Israel lo ngại. Mọi việc nêu ra của cơ quan CIA thông thường đều gợi lên những phản ứng tiêu cực ở người Ả Rập. Mossad bắt đầu sợ rằng Magid đã bị một tổ chức nào khác tuyển mộ rồi.

Đây không phải là trường hợp đó. Một cách đơn giản, ông ta có một sự bình tĩnh kỳ lạ.

— Dĩ nhiên - Mark nói tiếp - chúng tôi sẵn sàng trả tiền cho những tin tức, cho phép chúng tôi biết việc đầu tư ấy là chắc chắn, nếu có thể được đảm bảo trong các khu vực khác của thế giới. Chúng tôi đã làm ăn với một số người chịu chơi kịch sù, các ngài hãy hiểu cho, chúng tôi cần những tin tức chi tiết và chắc chắn, chứ không phải những sự việc mà bất cứ ai cũng thu nhặt được trong một góc của đường phố.

Mark đưa ra một ví dụ đối với quả chà là của Iraq, mà cả thế giới đều biết đến.

— Nhưng các ngài sẽ điều hành chà là với cuộc chiến tranh (Iran - Iraq), đang diễn ra lúc này được không? Chỉ trừ phi hàng được chuyển trong tàu, mới có thể được bảo đảm. Đối với việc đó, cần phải đưa các dữ liệu chính trị và quân sự vào bản giao kèo.

Magid tỏ cho thấy quan tâm.

— Thực sự đó không phải là lĩnh vực của tôi - Ông nói- Nhưng tôi biết một người sẽ làm vừa ý các ngài. Tôi sẽ thu được cái gì ở việc này?

— Chúng tôi thường bỏ ra một khoản tiền khoán hơn 1% cho những gì chúng tôi có được. Điều đó còn tùy thuộc vào giá trị của thông tin, các nước có liên quan. Một vài nghìn đô la hoặc một vài trăm nghìn đô la, điều đó còn tùy.

— Với nước nào các ông quan tâm? - Magid hỏi.

— Lúc này, chúng tôi cần những thông tin về Jordanie, Israel, Chypre và Thailand.

— Syrie thì sao?

— Có thể. Tôi cần kiểm tra lại. Tôi sẽ báo để ông biết. Một lần nữa là tất cả đều phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng chúng tôi và của mức độ

những thông tin ấy đến từ đâu.

— Được, ông hãy tìm hiểu tình hình đi. Nhưng ông anh của tôi hiện đang giữ một chức vụ rất cao ở Syrie đấy.

Hai người thoả thuận ngày kia gặp lại nhau.

Tiếp tục chơi mà không quá vội vàng, Mark nói với Magid nước Syrie cũng có một số vấn đề đáng quan tâm.

— Syrie chưa phải là một ưu tiên của tôi- Mark nói với người bạn Ả Rập - nhưng cái đó có thể có lợi nếu những thông tin thực sự là tốt.

Hôm trước, Magid đã gọi điện thoại cho người anh và đề nghị ông anh thực hiện chuyến thăm Copenhagen sớm: Có một vài việc hệ trọng với ông ta. Jadid đã chấp nhận.

Ngày hôm sau khi người anh tới, Mark đã gặp hai người trong căn hộ của Magid. Không để lộ ra là Mark đã biết các chức trách của Jadid, ông ta đã đặt một loạt câu hỏi với ông này theo tính chất thông tin mà ông ta có thể mong đợi có, để đánh cá việc công ty của ông ta có thể dạm bán hàng. Mark đề cập đến các vấn đề quân sự, nhưng xen lẫn vào một số lớn các chủ đề “dân sự” để giấu mục tiêu thực sự của ông ta. Sau một vài buổi thương lượng, cứ mỗi buổi, có một báo cáo gửi tới địa điểm bí mật - Mark đã chi 30.000 đô la cho Magid, 20.000 đô la cho Jadid mỗi tháng - cộng thêm 10%, tức là 2.000 đô la/tháng, cho Magid. Sáu tháng đầu sẽ được trả tiền trước, tiền được gửi vào tài khoản của Ngân hàng Copenhagen mà Magid mở cho Jadid.

Giai đoạn tiếp theo là dạy cho Jadid biết sử dụng một bút chì có điều chế hoá chất đặc biệt; với chiếc bút đó, Jadid có thể viết các thông tin lên mặt sau của những lá thư bình thường gửi cho cậu em.

Mark đề nghị giao ngay lập tức công cụ cho -Jadid, để mang về Syrie, nhưng ông này từ chối, và họ đã thoả thuận công cụ đó sẽ được gửi tới Damas cho ông ta.

— Ông đã làm việc thực sự như một Cơ quan Tình báo - Jadid đưa ra lời nhận xét.

Hoàn toàn đúng- Mark trả lời- Chúng tôi thậm chí dùng cả những điệp viên cũ. Sự khác nhau, chính là ở chỗ chúng tôi hoạt động để kiếm tiền. Chúng tôi trao đổi những thông tin của chúng tôi, duy nhất cho những người sẵn sàng trả tiền cho những tin tức và cho việc sử dụng nó phục vụ đầu tư.

Mark đã phải truyền đạt với Jadid những vấn đề làm ông quan tâm tới, ông ta đính kèm vào đó một số lớn các chủ đề bìa ra - thí dụ giá trị bất động sản và việc thay đổi trong chính quyền - luôn đưa ra những câu hỏi làm cho các vấn đề mang tính chất quân sự bị chìm đi. Sau nhiều lần tập thử chiếc bút chì đặc biệt, Jadid hình như hài lòng, bảo đảm là người ta sẽ liên hệ với ông ở Damas, để nói với ông ta ở đâu, ông ta có thể nhận được bản danh sách những câu hỏi.

Trong bất cứ hoạt động nào, Mossad cũng nghi rằng hai anh em kia biết rằng họ làm việc cho Israel, nhưng vẫn tiếp tục, thậm chí chơi trò nguy hiểm. Từ những nghi ngờ này, người ta tăng cường an ninh cho một *katsa*.

Nếu lời hứa đã nêu với Jadid là gửi công cụ làm việc cho ông ta có vẻ như dễ dàng nhận được, thì lời hứa đó trên thực tế là một loạt âm mưu phức tạp để tránh bất kỳ một rủi ro nào bị phát hiện.

Mossad sử dụng một điệp viên “trắng” (không phải người Ả Rập) - trong trường hợp này, một trong số những người chuyển thư tín thích hợp hơn, một sỹ quan Canada của Liên hợp quốc, có trụ sở ở Naharia, một thành phố bờ biển, của phía Bắc Israel, gần ngay trong vùng khu phi quân

sự ngăn cách với Syrie. Các sỹ quan này có thể đi qua biên giới theo ý của họ. Viên sỹ quan Canada lĩnh lương một tháng là 500 đô la, để gửi lại một hòn đá có lỗ khoét đựng công cụ làm việc để vào một địa điểm chính xác bên dưới mép của con đường đi Damas: Cách chiếc cột chỉ cây số bình thường năm bước chân.

Khi viên sỹ quan Canada từ bên kia biên giới trở về, một chiến sỹ của Mossad đến thu lượm hòn đá, mang về khách sạn, mở lấy chiếc bút chì ra, các câu hỏi và một phần tiền gửi cho Jadid. Người chiến sỹ của Mossad gửi bưu kiện qua bưu điện, gửi tin tức cho phép nhận lại được, và đáp máy bay đi Italy. Từ đó, tin được chuyển về cho Mossad ở Tel Aviv. Chính người chiến sỹ này để thông tin cho vào một phong bì chuyển theo địa chỉ của Magid và cuối cùng Magid lại chuyển thông tin cho người anh của mình qua bưu điện.

Vì vậy, bản tin chuyển tới trong thư từ của Jadid, cũng giống như một bức thư bình thường của người em, không gợi lên một sự nghi ngờ nào. Không bao lâu, những lời phúc đáp đã chuyển tới và cung cấp cho người Israel tất cả những gì họ muốn biết về tình hình chuẩn bị của Quân đội Syrie.

Hệ thống này hoạt động tuyệt vời trong 5 tháng, với việc Mossad tin rằng đã có một chuột chũi ở trong hàng ngũ cao cấp vào lúc này. Sau đó, vì việc làm này quá thường xuyên trong làng tình báo thế giới, nên mọi việc đã thay đổi. Nếu người Syrie không nghi ngờ Jadid làm việc cho Cơ quan Tình báo Israel, thì họ nghi ông ta là kẻ buôn lậu trong lĩnh vực ma túy và phim ảnh con heo. Họ quyết định đưa ra một cái bẫy: Ông ta sẽ bị bắt là kẻ mang ma túy từ Lyban tới vào lúc ông ta rời khỏi Syrie đi tới các Thủ đô của Châu Âu. Trên thực tế, Jadid tham gia vào một nhóm kiểm tra những việc ghi chép của nhiều Sứ quán đối với các hoạt động quân sự.

Một sự khôi hài là Jadid được cứu thoát bởi lòng hám tiền của một người Syrie khác, một người có tên là Haled, phó tùy viên quân sự tại Sứ

quán ở London. Được Mossad tuyển mộ trong một sự việc trước kia, ông này đã bán cho Mossad mật mã của Đại sứ quán. Mật mã này được thay đổi hàng tháng. Người Israel, vì thế có thể mở được mật mã của tất cả các bức điện gửi đi hay nhận được của các Sứ quán Syrie trên khắp thế giới.

Một trong những bức điện này cho họ biết Jadid phải rời khỏi nhóm kiểm tra các tài khoản. Nhưng một bức điện khác, gửi từ Damas sang Beyrouth, cho hay quan chức Syrie này sẽ bị bắt vì đã đem hêrôin ra khỏi nước.

Người Israel phải báo trước cho Jadid. Chỉ 3 ngày trước dự kiến có cuộc bắt này, họ đã phái tới Syrie một chiến sỹ bằng cách đóng giả một người du lịch Anh. Từ căn phòng của mình ở khách sạn, người này điện thoại cho Jadid, nói một cách đơn giản với ông ta rằng có một sự phiền muộn mong rằng ông không cần phải chuyển hàng như đã thoả thuận, và hàng đó sẽ được chuyển giao sau khi ông tới Hà Lan.

Khi những kẻ buôn lậu tới chỗ hẹn, cảnh sát ở gần ngay sau đấy và tiến hành nhiều vụ bắt bớ. Ngay từ khi đó, những kẻ buôn lậu, bản thân họ cũng muốn bắt Jadid, mà họ nghĩ rằng là thủ phạm chỉ điểm họ.

Chính Jadid chẳng hề biết gì về những việc này. Khi ông ta tới Hà Lan, không một ai dám gặp gỡ ông. Ông điện về Syrie để biết có việc gì xảy ra. Ngay lập tức, ông biết được Chính phủ nghi ông giống như những kẻ buôn lậu ma túy, và rằng tốt hơn, ông ta không nên trở về Syrie. Sau khi đã bòn rút hết mọi tin tức khác mà ông ta nắm giữ - một số lượng đáng kể - Mossad đã tạo cho ông một căn cước khác và định cư ông ở châu Âu.

Đối với Haled, ở London, đây là một câu chuyện khác. Lúc ông đến, những người kiểm tra Đại sứ quán Syrie dưới “sự che giấu” (hoặc im đi trong bóng tối - Black-out), điều mà nó cấm mọi sự thông tin với một Sứ quán khác. Giống như đại đa số các Sứ quán khác, lĩnh vực quân sự được tách khỏi những hoạt động ngoại giao. Với tư cách là phó tùy viên quân sự,

Haled được quyền tiếp xúc ngân quỹ quân sự, và đã lợi dụng việc này để “vay” 15.000 đô la mua một chiếc xe mới. Haled dự tính sẽ trả lại khoản “vay” này với chiếc séc hàng tháng của Mossad và không ngờ tới một cuộc kiểm tra bất thần.

Thật may mắn cho Haled, Mossad đã biết có cuộc kiểm tra này. *katsa* của Mossad đã gọi điện thoại cho Haled qua đường dây cá nhân tới Đại sứ quán, sử dụng tên mật danh và thông điệp thông thường để xác định một điểm hẹn bí mật, trong một vài nhà hàng vào một giờ thoả thuận - người ta thay đổi điểm hẹn đều đặn để an ninh được tốt hơn. Haled phải chờ đợi khoảng 15 phút và nếu *katsa* của ông ta không xuất hiện, gọi một số điện thoại. Nếu người ta không trả lời, điều đó nghĩa là người *katsa* phải chuyển địa điểm hẹn tới một nơi đã xác định trước - hầu như tất cả đều ở nhà hàng. Nhưng nếu Haled bị theo dõi, hay vì một lý do khác nào đó phải tránh điểm hẹn, người *katsa* sẽ trả lời qua điện thoại và sẽ trao cho họ những chỉ thị.

Trong trường hợp, không có vấn đề gì với nhà hàng thứ nhất: Sĩ quan xử lý đã gặp Haled, báo trước cho Haled biết ngày mai có một nhóm thanh tra tới và người sỹ quan xử lý ra đi khi Haled đã bảo đảm với ông ta, không có bất kỳ lý do nào để lo lắng. Nhưng ít ra ông ta đã tin sự việc đó.

Một giờ sau , khi viên sỹ quan Israel trở về địa điểm bí mật, viết báo cáo, Haled gọi điện thoại khẩn cấp tới số điện thoại đặt trước. Ông ta không biết số điện thoại ấy là đường dây của Đại sứ quán Israel (mỗi Đại sứ quán có một số đường điện thoại không nêu trong danh bạ). Haled chuyển một bức điện được mã hoá của loại “ Michael gọi Albert”. Khi một người nhận được một thông tin, người đó đưa ngay thông tin đó vào trong máy tính, và biết người Syrie yêu cầu khẩn cấp có một cuộc gặp. Haled, người có hàm đại tá, đã không bao giờ sử dụng thủ tục này từ ba năm mà ông ta xuất hiện trên những tờ giấy phát lương của Mossad. Theo những báo cáo về tâm lý mà Israel lập về ông ta, đó là một con người hoàn toàn bình thường. Sự việc xảy ra chứng tỏ có điều gì đó.

Biết *katsa* của Haled hiện còn ở chỗ bí mật, Mossad đã phái đến cho anh ta một Bodel. Sau khi biết chắc rằng người này không bị theo dõi, Bodel gọi điện thoại tới địa điểm bí mật và nói một vài lời như: “*Mười lăm phút nữa, tôi gặp anh ở nhà Jack*”. Nhà Jack, đơn giản chỉ là một trạm điện thoại đã được xác định trước chẳng hạn.

Viên *katsa* rời địa điểm bí mật ngay và sau khi đi một vòng kiểm tra thấy mình không bị theo dõi; anh ta đi tới trạm điện thoại gọi cho bodel, luôn luôn bằng mật danh, rằng Haled đã có hẹn với viên *katsa* trong cửa hàng ăn ấy.

Trong thời gian này, hai *katsa* khác của tổ chức ở tại Đại sứ quán đã lên đường, làm động tác đánh lạc hướng, rồi tới nhà hàng để bảo đảm chắc chắn là cửa hàng này “sạch sẽ”. Một người đi vào trong nhà hàng, người kia chốt tại một địa điểm thích hợp, mà viên *katsa* của Haled sẽ tìm gặp và giải thích cho người *katsa* kia biết điều gì đã xảy ra. Haled là người Syrie, và Mossad luôn luôn không biết điều gì không phù hợp, cuộc gặp được xem là nguy hiểm: Hơn một giờ, khi Haled đã gặp người *katsa* của ông ta, thì mọi việc đã đâu vào đấy.

Sau khi nói chuyện với một người gác ở bên ngoài, viên sỹ quan xử lý của Haled điện thoại tới nhà hàng, đề nghị nói chuyện với Haled - bằng cách giới thiệu tên mật danh của mình - và phái ông sang một nhà hàng ăn khác. Người Israel chốt ở bên trong kiểm tra thấy người Syrie này không gọi điện thoại trước khi tới một điểm hẹn bí mật khác.

Bình thường, những công việc loại này sẽ không được giao cho các *katsa* của tổ chức, nhưng vì là khẩn cấp, người ta đã sử dụng “hệ thống ăng ten” để thu xếp điểm hẹn bí mật, điều này đơn giản có nghĩa là người ta giao nhiệm vụ cho các sỹ quan xử lý của ăng ten.

Khi hai người kết thúc cuộc gặp gỡ, viên sỹ quan Syrie tái nhợt và run lên cầm cập.

— Có chuyện gì đấy? - Viên *katsa* hỏi - Người ta vừa gặp gỡ nhau rồi, mọi việc đều tốt cả.

— Tôi không biết phải làm gì, tôi không biết phải làm gì đây! Haled cứ lặp đi, lặp lại.

— Anh cứ bình tĩnh. Có vấn đề gì nào?

— Họ sẽ giết tôi. Tôi là một con người đã chết.

— Ai? Tại sao?

— Tôi phó mặc tính mạng tôi cho các ông. Các ông phải giúp tôi - Haled đòi hỏi.

— Chúng tôi sẽ giúp ông. Nhưng là vấn đề gì chứ?

— Vấn đề chiếc xe của tôi - tiền cho chiếc xe của tôi.

— Ông điên à? Ông điện cho tôi giữa đêm bởi vì ông muốn mua chiếc ô tô phải không?

— Không, không, tôi đã mua chiếc xe rồi!

— Vậy chiếc xe có vấn đề gì?

— Không có gì. Nhưng tôi lấy tiền trong quỹ của Sứ quán để mua xe. Các ông đã nói rằng họ sẽ kiểm tra các tài khoản. Sáng mai, khi tôi tới làm việc, họ sẽ giết chết tôi.

Haled trước đó nghĩ rằng không phải lo ngại bởi vì ông ta có một người bạn giàu có là người đã kéo ông khỏi vụ bê bối nhất thời. Viên sỹ quan Syrie dự tính vay tiền chỉ trong hai hay ba ngày, trong thời gian những người kiểm tra lưu lại. Sau khi họ đi, ông ta lại lấy tiền trong két để trả lại cho người bạn, rồi sau đó sẽ trả dần món “nợ” với tiền lương của Mossad

trả ông. Nhưng Haled biết rằng người bạn của ông ta đã đi khỏi London, không có khả năng để kiểm ra số tiền như vậy trong 24 giờ để bỏ vào két. Haled yêu cầu viên sỹ quan xử lý của mình ứng trước.

— Sáu tháng trước. Đó là tất cả những gì tôi yêu cầu.

— Được, chúng tôi sẽ lo liệu việc này. ông không phải lo lắng. Nhưng trước hết, tôi cần tham khảo một người đã.

Trước khi ra đi với Haled, viên *katsa* gọi điện thoại cho một người đồng nghiệp ở trạm điện thoại, đọc cho anh ta một bức điện được mã hoá có ý nói rằng ông ta cần phải nhanh chóng trở về một khách sạn gần bên và dành một phòng cho một người có tên như đã thoả thuận. Một khi đã ở trong buồng rồi, người Israel kia đưa Haled vào trong buồng tắm.

Trong thời gian đó, viên *katsa* gọi điện thoại cho người phụ trách ăng ten ở địa điểm bí mật, trình bày với ông ta những nét lớn và đề nghị 15.000 đô la tiền mặt, về nguyên tắc, với một khoản tiền lớn hơn 10.000 đô la, cần phải được sự chấp thuận của Tel Aviv, nhưng thấy vấn đề cấp bách, viên chỉ huy ăng ten đã tự mình quyết định chấp nhận, đưa ra điểm hẹn cho *katsa* một giờ rưỡi sau và nói thêm: “Coi chừng với cái mông của cậu đấy, nếu như công việc không tiến triển”. (Ý nói coi chừng bị đánh đít nếu công việc không tiến triển).

Viên chỉ huy biết một *sayan*, người, này nắm giữ một casino và lúc nào cũng có một khoản tiền mặt lớn - người ta đã nhờ tới sự giúp đỡ của ông ta và ngày mai, người ta sẽ hoàn trả. Người *sayan* đã giao cho ông ta thậm chí hơn 30.000 đô la đồng thời nói rằng:

— Có thể ông cần dùng đến số tiền này.

Sự tình cờ vào đúng lúc này, nhân vật số hai của ăng ten lại gặp một *katsa* tấn công có tên là Barda, tới London vì một sứ mệnh khác. Đóng giả một sỹ quan Scotland Yard, Barda đã tuyển mộ hai nhân viên gác đêm cho

Sứ quán Syrie nhằm để chuẩn bị một công việc cần thiết xâm nhập vào toà nhà bằng việc bẻ khoá (hoặc đào ngạch).

Bây giờ những người Israel đã có tiền, vấn đề là chuyển nó vào trong két trước sáng ngày mai. Haled, người biết sự phối hợp này và có thể bịa ra một lời xin lỗi minh chứng cho sự có mặt của ông ở Đại sứ quán vào giữa đêm trong trường hợp mà ông ta có thể xảy ra bị bắt, và phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ này.

Về phần mình, Barda định địa điểm hẹn gặp với một người gác, rồi hẹn người gác kia ở trong những nhà hàng ăn khác nhau (mỗi một người trong họ đều nghĩ rằng người kia tiếp tục bảo đảm công việc của mình) để tạo con đường tự do cho Haled.

Khi quay về phòng khách sạn, viên *katsa* của Haled đã báo trước cho người điệp viên của mình rằng tiền không phải là một khoản ứng trước (người Israel đã nói là nếu họ trả tiền trước, thì ông ta sẽ không có lý do nữa) và rằng hàng nghìn đô la sẽ trừ dần vào tiền lương của ông ta trong thời gian 15 tháng.

— Nếu ông đem đến cho chúng tôi một cái gì đó đặc biệt, chúng tôi sẽ tăng gấp đôi lương cho ông để ông có thể bồi hoàn nhanh hơn - Viên sỹ quan xử lý nói - Nhưng nếu ông lại làm một việc gì phi pháp đối với Đại sứ quán, chúng tôi giết ông.

Qua vẻ ngoài, Haled đã hiểu lời đe dọa nghiêm túc bởi vì sau đó ông ta không bao giờ “vay” một xu nào nữa.

Chương V: GIÚP ĐỠ ARAFAT

Năm 1981 là một năm rung chuyển. Đúng vào ngày ông Ronald Reagan tuyên thệ và trở thành Tổng thống Hoa Kỳ, Iran đã giải thoát 52 con tin Mỹ sau 444 ngày bị bắt giữ. Ngày 30 tháng 3, John Hinkley đã bắn Reagan. Tại Ba Lan, Lech Walesa, người cầm đầu Công đoàn Đoàn kết, tiếp tục những yêu sách tự do đã mở cánh cửa cho những thay đổi vĩ đại cho Đông Âu vào cuối thập kỷ. Tại London, ngày 29 tháng 7, vào một buổi sáng rực rỡ, Hoàng tử Charles và cô Diana Spencer đã làm rạo rục con tim của những người mộng mơ và say đắm của Hoàng gia bằng việc cho phát lại trên tivi trên thế giới đám cưới của họ. Tại Tây Ban Nha, những kẻ khủng bố xứ Basque tung ra những trận đánh chống các nhà chức trách. Và tại Washington, Giám đốc CIA, William Casey, từ chức vì đã ủng hộ một âm mưu ám sát người hùng của Lybie, Muammar al- Kadhafi, và để tiến cử một gã cò mồi chính trị của ông, Max Hugel, viên phụ trách những hoạt động bí mật của CIA, mặc dù dường như không có những khả năng (thẩm quyền) cần thiết. Chính bản thân Hugel không thoải mái với việc ngày 14 tháng 7, khi hai công ty làm ăn cũ lên án ông về những trò xảo trá gian lận thị trường chứng khoán đã làm ông phải từ chức.

Tại Israel tình hình thật xáo động. Năm 1980, lạm phát đạt tới 200% và tiếp tục tăng lên nhanh đến nỗi người ta kể lại rằng có thể mua pho mát trắng với giá gấp 6 lần in trên gói và là pho mát còn tươi. Điều đó chính là lạm phát!

Thủ tướng Menahem Begin và đảng cầm quyền, Likoud, phải đương đầu với một cuộc phản công chính trị đáng gờm từ phía Shimon Perés và Đảng Lao động, tình hình càng phức tạp hơn lúc một trong các Bộ trưởng của Begin, Abou Hatsrea, đã thoả hiệp trong việc mua phiếu, bị bắt giam. Các cuộc bầu cử ngày 29 tháng 6 đã khai thông trong một trận đấu không

có bàn thắng - 48 nghị sỹ ở khắp nơi - nhưng Begin đạt được sự ủng hộ của một vài đảng nhỏ bé để giành được đa số 61 ghế trong số 120 thành viên của Knesset (Quốc hội).

Một thời gian ngắn trước đó, ngày 7 tháng 6, Israel đã gây ra sự giận dữ của Hoa Kỳ bằng việc tấn công và phá huỷ nhà máy điện hạt nhân của Iraq xem (trong Phần mở đầu). Bằng cách tuyên bố cấm vận tạm thời đối với việc chuyển giao những máy bay F.16 cho Israel, người Mỹ thậm chí đã ủng hộ một nghị quyết của Liên hợp quốc lên án cuộc tập kích. Israel cũng đã tăng cường các cuộc tấn công của họ chống Lyban và trong những ngày cuối tháng 7, đã xuất hiện tham gia vào cuộc chiến tranh tổng lực chống Syrie. Đặc phái viên của Mỹ, Philip Habib, một nhà ngoại giao chuyên nghiệp, có gốc Lyban, đã có một chuyến đi tới các Thủ đô ở Trung Đông để thương thuyết một thoả thuận về kế hoạch hoà bình. Robert McFarlane, cố vấn Bộ Ngoại giao đi gặp. Begin trong tháng 7, đề thuyết phục dừng bộ máy chiến tranh của ông ta lại.

Với Mossad, tất cả những điều đó thật là tồi tệ. Duy chỉ có một điều mà Mossad không muốn, đó là nhìn thấy hoà bình rõ lên ở khắp nơi. Vì thế, Mossad đã triển khai khá nhiều hoạt động nhằm ngăn chặn những cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh - một Cơ quan Tình báo là thí dụ mới của mỗi nguy hiểm; họ không cần thanh minh với bất kỳ người nào.

Đối với Yasser Arafat và PLO, năm 1981 cũng không phải là một năm yên bình nốt. Năm 1974, ông ta lên án những hành động khủng bố do tổ chức của mình phạm phải ở bên ngoài biên giới của Israel, chủ yếu là ở châu Âu. Và nếu chủ nghĩa khủng bố Palestine tiếp tục được dùng trên lục địa này, thì đó là công việc của một loạt các phe chống đối Arafat. Trên thực tế, ngoài những lãnh thổ bị chiếm đóng, Arafat không có một vị trí nào thực sự mạnh trong phong trào Palestine. Sức mạnh của ông bắt nguồn từ Cisjordanie và từ dải Gaza, nơi ông ta rất được lòng dân, ngoài những người thuần tuý theo Hồi giáo. Một trong những vấn đề lớn của Arafat là

Tổ chức Thám Sát Đen (OJN), do Sabri Khilil al-Banna lãnh đạo - ông này được biết đến nhiều hơn với cái tên Abou Nidal. Những thành viên của Thám Sát Đen, những người Palestine theo Hồi giáo, cuồng nhiệt vì đạo. Điều này làm cho họ trở thành nguy hiểm hơn các phe khác. Tổ chức hầu như bị giải tán do một cuộc tấn công phối hợp của những người Syrie và những người Lyban theo Thiên Chúa giáo vào cuối những năm 1970, nhưng Nidal bị Arafat kết án tử hình lại trốn thoát. Tất cả những vụ ám sát của Palestine mà người ta gán cho Israel, đã được quy trách nhiệm cho Abou Nidal, người xem là tồi tệ nhất của khủng bố thế giới.

Đây là vụ ám sát do OJN của Shlomo Argov, Đại sứ của Israel ở London, trong năm 1982, người đã dùng cái cớ đối với Israel để phát động một cuộc chiến tranh trên quy mô lớn chống Lyban. Begin gọi cuộc chiến tranh này là “Cuộc chiến tranh được lựa chọn” có nghĩa là qua đó, người Israel không bị dồn vào bước đường cùng - như đối với tất cả các cuộc chiến tranh trước đây - nhưng đó là việc lựa chọn. Sự lựa chọn có thể xấu, nhưng sự mị dân của Begin đã được dùng. Dù cho thế nào đi nữa, vụ mưu sát được gán cho Arafat, mặc dù không để làm gì - nó đã làm giảm tư thế Argov.

Trước vụ Argov, Israel đã bí mật thương lượng một cuộc ngừng bắn chính thức với PLO của Arafat để người Palestine chấm dứt việc bắn rốc két Katioucha do Nga chế tạo từ Nam Lyban vào Israel - thoả thuận phải làm ra vẻ như một quyết định đơn phương của PLO. Khi đó, Arafat đi thăm một số nước trong khối Đông Âu để yêu cầu có sự ủng hộ mạnh mẽ. Mossad biết rằng Arafat có ý định mua một khối lượng lớn vũ khí nhẹ ở châu Âu và gửi chúng sang Lyban. Câu hỏi đặt ra là: Vì sao? Bởi lẽ, cuối cùng thì chỉ cần ông ta tới Tiệp Khắc và nói rằng muốn có vũ khí là đủ. Người ta sẽ trả lời ông ta “hãy ký vào đây” và sẽ để ông thấy tất cả những thứ mà ông cần. Ông ta có vẻ như một người sống rất gần một vòi phun nước, nhưng lại đi bộ 5 km tìm nước ở nơi khác. Nếu giải thích rằng vì nước của vòi phun chảy ra là nước mặn, thì điều đó là phi lý.

Nước mặt của Arafat, đó là một lực lượng 20.000 chiến sỹ được huấn luyện tốt, gọi là Quân Giải phóng Palestine, hay viết tắt là ALP, do một viên tướng lữ đoàn Tarik Khadra chỉ huy. Năm 1983, viên tướng này dường như đã lên án Arafat và chính thức rút sự ủng hộ đối với ông này. ALP gắn bó với quân đội Syrie, điều đã được nói ra ngay trong Mossad là những người Syrie sẽ chiến đấu đánh Israel “đến người Palestine cuối cùng”.

Các nước khối phương Đông, luôn sẵn sàng cung ứng cho người Palestine về vũ khí, tuy nhiên qua các con đường chính thức; năm 1981, nếu Arafat yêu cầu vũ khí, các vũ khí đó sẽ được chuyển cho ALP.

Thế mà sau vụ tàn sát Munich, năm 1972, Arafat đã xây dựng một đơn vị đặc biệt bảo vệ riêng, ở Tổng hành dinh của PLO, tại Beyrouth, ông ta có thể để đơn vị này gần với phòng tuyến 17. Từ đó, Lực lượng 17 là cái tên được gán cho quân đội, khi đó do Abou Tayeb chỉ huy và quân số thực sự của đạo quân này là từ 200 đến 600 chiến sỹ xuất sắc. Arafat cũng nhờ cậy rất nhiều vào Abou Zaim, người chỉ huy các Tổ chức an ninh và tình báo.

Đối với Mossad, người chơi quan trọng nhất của ván cờ được gọi là Dourak Kassim, thành viên của Lực lượng 17, người lái xe và là cận vệ của Arafat. Kassim được tuyển mộ làm điệp viên cho Mossad năm 1977, khi đó, anh ta đang theo học triết học tại Anh. Là một con người tham tiền, hám của, anh ta đã chuyển tin tức cho Israel hàng ngày, gửi các bức điện qua vô tuyến và lĩnh 2.000 đô la cho mỗi báo cáo. Trong thời gian ở trong trụ sở tại Beyrouth, anh ta ở bên cạnh Arafat, thông báo tin tức cho Mossad từ ngay Tổng hành dinh của PLO.

Kassim là người cộng sự gần gũi nhất của Arafat. Chính anh ta, theo một vài nguồn tin tình báo, là người đã cung cấp cho lãnh tụ Palestine những cậu con trai trẻ, đồng tính luyện ái trái với tín ngưỡng Hồi giáo, nhưng vì một sống của người Ả Rập, thì đồng tính luyện ái không phải là hiếm. Trong mọi trường hợp, ở phương Tây, đồng tính luyện ái không bị lên án một cách nghiệt ngã. Mossad không có một chứng cứ nào để làm chỗ

dựa cho những lập luận theo đó Arafat yêu những cậu con trai vị thành niên. Không có được những tấm ảnh, chả có gì cả. Đây chỉ có thể là một phương tiện thêm nữa để làm mất thanh danh của Arafat: Mossad đã sử dụng biện pháp này với nhiều người lãnh đạo của Ả Rập, lên án lối sống cao thượng bằng cách lợi dụng hệ thống này. Mossad không có thể nói về Arafat điều ấy, chừng nào ông vẫn đang sống một cách giản dị, tao nhã với nhân dân của mình. Khi đó, Arafat có rất nhiều cơ hội để thoát ra khỏi trụ sở ở Beyrouth, nhưng ông không đi, trước khi di tản hết những người Palestine khác, và Mossad vì thế cũng không thể lên án ông ta chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân của bản thân. Có thể nào Mossad lại sử dụng câu chuyện này mà không có điều kiện hơn nữa.

Vào giai đoạn này, trong khi cánh hữu của Mossad ca tụng việc ám sát Arafat, bằng cách viện lý rằng những người Palestine sẽ thay thế Arafat bằng một người cấp tiến hơn. Việc ám sát đó không được phương Tây cũng như cánh tả Israel chấp nhận, và nó sẽ ngăn cản một giải pháp hoà bình cho vấn đề. Những cuộc đụng độ dữ dội tiếp theo một sự đầu hàng vô điều kiện - đó là phương cách duy nhất mà Mossad dự kiến để đạt được hoà bình.

Những đối thủ của âm mưu ám sát Arafat tỏ cho thấy rằng ám sát là cách tốt nhất của một băng bắn thiêu, và Arafat là một người có học thức, một sức mạnh thống nhất ở những người Palestine, một người mà nếu một ngày nào đó, có những nhà thương lượng, thì ông ta đại diện một cách hợp pháp cho những người Palestine. Thông qua những tin tức thu nhận được ở Israel, Mossad và Shaback biết rằng Arafat là người được kính trọng, và thậm chí được tôn sùng trong lãnh thổ bị chiếm đóng, nhưng các điệp viên của họ đã không chuyển những thông tin này tới những nhà chính trị cao cấp của họ.

Tháng 8 năm 1986, cuộc tranh luận này đã chấm dứt; cánh hữu đã thắng thế. Arafat luôn luôn trở thành một nhân vật quá nổi tiếng, và Mossad không có cơ gì đủ để thanh toán ông. Việc hành quyết ông tuy thế, vẫn tồn

tại theo trình tự của ngày tháng. Một khi việc này có thể, Mossad sẽ chuyển sang hành động.

Một người đóng vai trò quan trọng nữa vào thời kỳ này, Moustapha Did Khalil, bí danh là Abou Taa, đứng đầu Bộ Chỉ huy của cuộc Đấu tranh vũ trang của Palestine (CLAP), nhóm phối hợp của Arafat. Trước kia nhóm này có tên là Hội đồng Phối hợp Palestine, nhưng sau khi Arafat bị lên án đã sử dụng bạo lực ở bên ngoài lãnh thổ Israel, một số lớn các tổ chức của PLO đã lấy những cái tên kêu hơn mà rộng tuếch, mang tính tấn công hơn, để tránh mọi sự lên án là yếu kém.

Một nhóm khác, cần giữ lại trong tâm trí, Mặt trận Giải phóng Ả Rập (FLA), do Abd el-Wahab Kayyali chỉ huy. Tháng 12 năm 1981 người này đã bị giết ở Beyrouth và Rahim Ahmad đã lên thay thế.

Cho dù thế nào đi nữa, Arafat vẫn muốn có vũ khí nhẹ để trang bị cho Lực lượng 17. Những cuộc tranh giành quyền lực diễn ra ngay trong nội bộ tổ chức và Arafat cảm thấy cần có một “lực lượng tấn công.” Lực lượng này đối với ông có tính chất cá nhân. Nhưng khi ông ta chuyển yêu cầu tới Tổng Tham mưu trưởng quân đội ALP, yêu cầu này bị từ chối. Khadra trả lời với Arafat rằng đừng lo ngại, Khadra sẽ bảo vệ ông ta. Arafat rất lo lắng. Bởi vì chính Khadra kiểm soát các vũ khí do khối Cộng sản gửi cho PLO cũng như đối với tất cả các nhóm khác nhờ qua các nước Ả Rập như Iraq, Lybie nhận vũ khí từ phương Đông.

Ngày 17 tháng 1 năm 1981, Arafat gặp nhà lãnh đạo Đông Đức Erich Honecker tại Berlin. Nhà lãnh đạo Đông Đức đã cung cấp 50 “cố vấn” cho công việc huấn luyện của PLO tại Lyban. Ngày 26 tháng giêng, Arafat một lần nữa đã gặp các nhà lãnh đạo của Đông Đức, lần này tại Beyrouth, và một lần nữa yêu cầu vũ khí. Ông cố gắng đạt được một thoả thuận bí mật không qua Khadra. Nhờ vào các báo cáo của Kassim, Mossad biết được Arafat đang bận rộn với những vấn đề nội bộ và một cuộc tấn công của Israel có thể xảy ra.

Arafat muốn có những vũ khí nhẹ. Ông đến Tyr, ở Lyban để thảo luận với những nhà lãnh đạo của các tổ chức Palestine khác nhau, thuyết phục họ đừng cắn xé nhau và tập trung lực lượng của mình chống kẻ thù thực sự. Israel. Ngày 11 tháng 3, Arafat ngày càng bị thôi thúc, cố gắng giành được cam kết của các nước phương Đông, trước phiên họp toàn thể của PLO tại Damas vào ngày 15 tháng 4. Chỉ trong có một ngày, Arafat đã có những cuộc gặp riêng với các Đại sứ Hungari, Cu Ba, Bulgarie, nhưng tất cả đều không đạt được kết quả cụ thể.

Sự kích thích cũng đến với Mossad. Mossad dự đoán cuối cùng, Arafat sẽ có được vũ khí cho mình. Điều vạch ra cho Cơ quan Tình báo, đó là nhà lãnh đạo PLO đã bắt đầu nói rằng ông ta muốn một người tiếp xúc với các nhà ngoại giao Israel, trong tư cách tên ông để tổ chức những cuộc thương lượng nhằm chấm dứt thù địch với Lyban. Mossad đã được thông báo về sự kiện bí mật lớn lao này trước Chính phủ từ lâu, vì đó là một trường hợp có tính cách tổng quát.

Ngày 12 tháng 3, tại Beyrouth, Arafat gặp Naim Khader, đại diện của PLO ở Belgique, đề nghị ông này sử dụng các quan hệ của mình để gặp Bộ trưởng Ngoại giao Israel, nhằm mở các cuộc thương lượng và chấm dứt việc đổ máu. Mossad cực kỳ lo ngại về việc này. Mossad nghĩ, thực tế là, nếu họ thành công trong việc đưa Israel vào Lyban để giúp đỡ những người theo Thiên Chúa giáo, thì họ có thể loại trừ vĩnh viễn được những người Palestine trong nước này. Nhưng nếu PLO tổ chức được những cuộc thương lượng, thì khả năng này sẽ tiêu tan. Giữa Mossad và Bộ Ngoại giao Israel có một sự đối lập ngầm ngấm. Bộ Ngoại giao không biết rằng trong lúc người ta tính tránh một cuộc chiến tranh, Học viện lại nỗ lực tìm cách làm cho cuộc chiến nổ ra. Những người Palestine cố gắng thiết lập được những liên lạc với các nhà ngoại giao Israel; Mossad lại làm tất cả để ngăn chặn nó.

Và lại, Mossad đã biết được ý đồ của Arafat nhờ cậy vào Genoud, một nhà làm ngân hàng ở Genève, 65 tuổi, ủng hộ tài chính cho Carlos. Ý tưởng của nhà lãnh đạo Palestine - thông qua Kassim lộ cho người Israel - là đạt được một khoản vay của Genoud để mua vũ khí ở Đức với sự hỗ trợ của một nhóm gọi là Khói Đen (Bloc Noir), phát triển từ phái Vũ trang Đỏ, là nhóm đã được các cố vấn Đông Đức huấn luyện tại Lyban trong tháng 4.

Không hài lòng với những tiến bộ mà đặc phái viên của Hoa Kỳ làm trong sứ mệnh hoà bình của ông, Mossad có ý nghĩ dị lỵ tới CIA bằng cách tuyên bố rằng PLO, trên thực tế đang chuẩn bị chiến tranh, trong lúc miệng nói hoà bình. Học viện hi vọng là âm mưu này sẽ phá hỏng sáng kiến hoà bình hoặc ít ra cũng đưa nó tới chỗ bế tắc. Begin, khi đó đang chuẩn bị cho cuộc bầu cử, không hay biết gì đến kế hoạch của Mossad. Cuộc hành quân quân sự được mệnh danh là “Những cây Thông tuyết của Lyban” (Cedres du Lyban) - và Cơ quan Tình báo Israel đã bắt đầu cung cấp các tin tức cho điệp viên Quan hệ của mình làm việc với CIA. Nhưng, ngày 30 tháng 3, vụ mưu sát Tổng thống Reagan của John Hincley đã làm thay đổi ý định của CIA, và cuộc chơi này của chiến dịch đã trở thành lỗi thời.

Ngày 10 tháng 4, Arafat một lần nữa gặp Honecker ở Đông Berlin. Ngày hôm sau, ông ta có mặt tham dự kỳ họp thứ năm của Hội đồng Palestine ở Damas.

Ngày 15 tháng 5, Mossad đã liên lạc với đơn vị chống khủng bố của Đức GSG-9 (*Grenzschutzgruppe*), muốn họ cho biết rõ tin tức để có thể để sử dụng về sau.

Ngày 1 tháng 6, gần ba tháng sau cuộc họp với Arafat, Naim Khader gọi một cú điện thoại vào buổi sáng từ nhà mình cho một đại diện của Bộ Ngoại giao Israel ở Bruxelle để ấn định một cuộc gặp vào ngày 3 tháng 6 nhằm khai phá những khả năng tổ chức các cuộc thương thuyết hoà bình. Khi Khader đi đến nhiệm sở làm việc, một người da ngăm đen để râu lún phún, mặc một chiếc áo vét màu hạt dẻ sáng, đứng trên cao, bắn ông ta năm

phát đạn vào ngực và một viên vào đầu, rồi người đó nhảy xuống hè đường, lên một chiếc taxi chạy qua và biết mất. Mặc dù khi đó Arafat không tin là Mossad tấn công.

Theo Kassim, ông ta đau khổ vì mất ngủ, bị mỗi mệ. Ông ta muốn được bảo vệ, đạt được một Hiệp định chuyển giao vũ khí cho Lực lượng 17.

Đầu tháng 7, tại Đức nổ ra hàng loạt cuộc biểu tình chống lại việc triển khai tên lửa của Mỹ tại nước này. Ngày 9, Arafat tới Belgrade, luôn luôn muốn có được vũ khí. Một thời gian ngắn của thời kỳ này, một máy bay Argentina từ Israel tới và vận chuyển vũ khí cho Iran đựng phải một máy bay Nga trong không phận Liên Xô. Giận dữ vì Israel bán vũ khí cho Iran, Mỹ đã cử Robert McFarlane gặp Begin, sáng kiến đánh dấu việc bắt đầu vụ *Irangate*, Vụ việc Iran- Contra bùng nổ vào giữa cái ngày trọng đại một vài năm sau đó (xem chương IX; phần 3).

Trong cùng thời gian ấy, người Syrie đã đưa tên lửa vào Lyban, tạo nên một cuộc khủng hoảng mới, và người hùng của Lyban, Béchir Gemayel, đã cảnh cáo Syrie rằng việc làm này sẽ gây ra một cuộc chiến tranh tổng lực. (Những người Syrie không ngừng đưa sự ủng hộ về quân sự của họ từ nhóm này cho đến nhóm khác với lý do mà họ gọi là “cân bằng của sự yếu kém”). Họ cho rằng: Nếu một trong các phe phái tăng cường lực lượng, thì cần ủng hộ nhóm kia đánh lại họ. Họ cũng giữ mỗi một phe phái trong tư thế yếu kém và kiểm soát tình hình.

Mossad luôn luôn cố gắng đánh lừa người Mỹ, và Itzhak Hofi, phụ trách Cơ quan Tình báo, ra lệnh cho LAP soạn thảo một kịch bản để thuyết phục họ là người Palestine đang chuẩn bị chiến tranh chứ không phải là hoà bình. Ông ta minh chứng cho người Hoa Kỳ thấy là Quân đội Israel đã tiến vào Nam Lyban.

LAP đưa ra những tấm ảnh của tất cả các kho vũ khí của Quân đội Palestine của tướng Khdra. Vì ALP là một đơn vị của quân đội Syrie,

không có gì ngạc nhiên đối với việc đơn vị này có những kho vũ khí, nhưng điều này cung cấp một “chứng cứ” hữu ích là ALP đã chuẩn bị tấn công Israel, trong khi đó, Mossad biết những nỗ lực kiên trì của Arafat để tránh một cuộc chiến tranh.

ALP cũng đã thông báo cho CIA những tài liệu lấy được của PLO cho thấy hiện đang có những kế hoạch tấn công phía Bắc Israel. Một lần nữa, không có gì bất bình thường ở đó, không có gì cho thấy nhất thiết có một cuộc tấn công sắp xảy ra cả. Người ta tìm được những kế hoạch quân sự chi tiết loại này ở bất kỳ một căn cứ quân sự nào. Hiểu biết là nếu những kế hoạch ấy đã được thông qua, nếu PLO thực sự có ý định thực hiện các kế hoạch tấn công, thì đó là một việc khác. Nhưng Mossad sẵn sàng để cho những ý nghĩ đó làm trở ngại cho kế hoạch riêng của họ.

Ngay trước lúc bắt đầu của những sự kinh dị, người ta đã chuẩn bị các thông cáo báo chí và ảnh. Tiếp đó, sẽ dễ dàng cho việc cung cấp tài liệu minh chứng sự “đe dọa” của Palestine đối với Israel.

Theo lời giáo huấn của Arafat, Abou Taam, viên chỉ huy nhóm phối hợp của ông ta, CLAP, cử hai người đến Francfort thương lượng mua vũ khí nhẹ. Người phụ trách sứ mạng này là viên sỹ quan Juad Ahmed Hamid Aloony, tốt nghiệp Trường Quân sự Alger năm 1969; đã theo một khoá huấn luyện ở Trung Quốc trong những năm 1978-1979, và đã tốt nghiệp Trường Quân sự Hungari năm 1980. Thập niên ông là viên hạ sỹ quan Abd Alrahaman Ahmed Hassim Alsharf, đã tốt nghiệp Trường Quân sự Cu Ba năm 1979 và cũng đã tốt nghiệp Trường Quân sự của Hunggari như Aloony.

Quan hệ giữa Mossad và cảnh sát của Liên bang Đức không được tốt. Nhưng GSG-9, do Israel huấn luyện, lại cho thấy rất hợp tác, như đơn vị đặc biệt chống khủng bố của cảnh sát ở Hambourg. Những người Israel đã giành cho đơn vị này một tên mật danh *Tuganim*, “Frites” (tiếng lóng của Pháp dùng để ám chỉ cảnh sát theo nghĩa xấu, “khoai tây rán”).

Những *Tuganim* cung cấp người cho Mossad, giống như là họ làm việc cho Mossad. Sau hết, Học viện đã đào tạo họ; thậm chí giúp họ thăm vấn những người Ả Rập, Mossad dựng lên mọi việc ở Hambourg, những “Frites” cũng là những người hợp tác. về phía cảnh sát Liên bang, các báo cáo của người Israel với Cơ quan Tình báo Đức đều xoàng cả, nhưng mỗi một lãnh địa đều có cảnh sát riêng của họ và Mossad có những quan hệ trực tiếp với từng đơn vị riêng của họ.

Học viện, mặt khác biết rằng Arafat có ý đồ nhờ bác sỹ Isam Salem, người đại diện của PLO ở Đông Berline, để đạt được một số vốn cần thiết từ nhà ngân hàng người Thụy Sĩ Genoud để mua vũ khí nhẹ cho Lực lượng 17. Genoud đã được thông báo trước để sẵn sàng, trong trường hợp PLO cần tiền. Vũ khí là một mặt hàng “nóng”; không một ai muốn giữ chúng lâu, và thời hạn một khoản vay lớn thường là để đạt được một giao kèo.

Ngoài ra, Arafat đã quyết định đưa một số lượng quan trọng cần xa từ Lyban tới. Một nhóm thành viên của tổ chức Bloc Noir đã huấn luyện ở Lyban, trở về sẽ mang ma túy và đưa đi bán giữa Châu Âu và trả lại tiền cho Isam Salem, ông này sẽ dùng tiền đó để trả mua vũ khí và hoàn lại cho Genoud nếu như thời hạn vay cần thiết. Arafat cũng đã dự định dùng các thành viên của Bloc Noir để chuyên trở vũ khí tới Lyban.

Các thông tin này đã về tới trụ sở Mossad qua *Yahalomim* (những kim cương), là Vụ coi sóc thông tin liên lạc với-các điệp viên. Một khi trong nước mục tiêu, một điệp viên không còn bị theo dõi bởi *katsa* của họ, thông tin liên lạc giữa điệp viên với Mossad được thực hiện qua trung gian của Tổng hành dinh ở Tel Aviv.

Có được những thông tin này, người phụ trách Mossad đã triệu tập một cuộc họp với các ông chủ của Tsomet, của Tevel và của các nghiệp vụ an ninh, để xác định một chiến lược. Họ theo đuổi bốn mục tiêu lớn: Ngăn chặn Arafat đi tìm kiếm vũ khí; phá vỡ trong trứng nước những ý đồ thương lượng giữa PLO và Bộ Ngoại giao Israel; đánh chiếm các tàu chở cần xa và

bán đi lấy tiền mặt; chiếm lấy tiền của Genoud và để PLO treo đấy. Ngoài những lợi thế về chính trị và chiến lược hiển nhiên của công việc, thời kỳ này, Mossad đã có một vấn đề trầm trọng về tiền có thể sử dụng ngay được - như Nhà nước Israel - và Mossad luôn luôn đi tìm kiếm những nguồn thu nhập mới.

Để chuẩn bị cho vụ đánh cắp khổng lồ này, tháng 5 năm 1981, người ta cử một nhóm neviot đã thực hiện tìm một bến cảng và một khu nhà kho chứa hàng rất yên tĩnh. Một *katsa* của ăng ten London vội vàng tổ chức một trận được dàn dựng.

Trong cùng thời gian đó, người ta đặt một đội của Metsada bám Naim Khader, ở Bruxelles, để theo dõi về việc ông ta không mở các cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh, ông ta phải bị giết. Đội này làm thế nào để thực hiện việc hành quyết đây? Người ta chỉ có thể đưa ra những giả thiết, nhưng kiểu của Mossad là: Đơn giản, nhanh chóng, ngay giữa ban ngày trên đường phố.

Người sát thủ dĩ nhiên mang một khẩu súng ngắn có chứa chín viên đạn, trong đó tám viên là dành cho mục tiêu. Ba người khác có lẽ đã dùng để đưa xác chết gắn với bất cứ một người nào định can dự vào.

Cái chết không chỉ những kẻ ngoại đạo mà cũng cả đối với Arafat và Bộ Ngoại giao có dính líu tới Abou Nidal. Hiển nhiên là một thời gian ngắn sau vụ ám sát Khder, các tin tức giới thiệu Nidal, xem như kẻ khủng bố nguy hiểm nhất và được nhiều người tìm đến nhất trên thế giới, đã xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tại Hambourg, năm thành viên của neviot được đặt dưới mệnh lệnh của Mousa M., một con người mới từ Shaback đến và tương đối mới ở Mossad. Họ tới ở một khách sạn sang trọng, *Atlantic Hotel Kempinski*, hướng về phía Alster.

Mousa say mê Hambourg, trước hết vì có những quan hệ làm ăn tốt mà họ duy trì được với cảnh sát và các Cơ quan Tình báo địa phương, sau đó là

các khu phố nóng, nơi có tệ mại dâm diễn ra công khai. Việc đó, đương nhiên là diễn ra vào các buổi chiều tối. Ban ngày, đội này bận rộn trong các bến cảng của con sông phía Nam của Elbe, tìm kiếm những nhà kho để hàng âm thầm có đường vào dễ dàng, đều đó cho phép đội quan sát và chụp được ảnh mà không bị theo dõi.

Đó là một sứ mệnh tương đối phải lo lắng bởi vì Arafat vẫn chưa đạt được một thoả thuận về vũ khí, và Mousa, người không tự mình lui tới những cửa hàng giới thiệu khiêu dâm và những cô gái mại dâm, đã quyết định làm ra một chuyện tầm phào với một người trong số người của họ. Vì công việc còn chưa bắt đầu, những người này chưa làm theo APAM, một thủ tục thường lệ của an ninh. Mousa theo dõi một cách dễ dàng một người trong số họ tới tận quầy Bar của khách sạn, nơi người đó cần tìm lại một cô gái điểm cỡ lớn. Khi anh ta đi vào nhà vệ sinh, Mousa chụp ảnh cô gái, chỉ có mỗi cô ta ở quay bar, rồi ra đi. Tối hôm sau, cũng người này lại gặp cô gái điểm kia và một lần nữa lại qua đêm với cô ta. Sáng hôm sau, khi người đó đi tới phòng của Moussa ở khách sạn để họp, thì tất cả đội viên đã có mặt tại đó. Mọi người có vẻ lo lắng.

— Có việc gì xảy ra thế? - Mousa hỏi anh ta.

— Người ta có một lệnh khẩn cấp cần phong toả thành phố. Trụ sở thông báo cho chúng ta rằng, một điệp viên Xô viết giả danh một cô gái điểm đã thiết lập được liên lạc với một nhân viên của Mossad. Cần phải tìm ra người đó và thẩm vấn anh ta, trục xuất về Israel, và anh ta sẽ bị kết án là kẻ phản bội.

Một mõi, đau khổ vì uống nhiều đến nhức đầu, người ấy tuy vậy, đã không có lấy bất cứ một lý do lo âu gì - ít nhất thì cũng là trước khi Mousa chưa phân phát những bức ảnh của người điệp viên Xô viết. Về mặt tái mét, anh ta ập ứng:

— Tôi có thể nói chuyện với anh một chút được không, Mousa?

— Tất nhiên được, nhưng có vấn đề gì đấy?

—Ồ, chuyện cá nhân thôi.

— Anh có chắc chắn là cô ta không?

— Có, thế sao?

— Người ta đã gặp gã đó khi nào?

— Tuần này, tôi nghĩ vậy - Mousa trả lời - Nhiều lần.

Sau một vài phút, anh chàng đã thú nhận rằng chính anh là khách của cô gái điểm, nhưng khẳng định anh ta không trao cho cô ấy cái gì cả và cô ta cũng không yêu cầu cái gì. Anh chàng van nài Mousa hãy tin anh và giúp đỡ anh ta. Cuối cùng, Mousa ngược nhìn thẳng vào trong đôi mắt anh ta và cười phá lên.

Chính Mousa. Tạm thời có một con át chủ bài đang trong tay, còn những người khác hi vọng rằng việc đó không phải là trái táo của họ.

Đội đã kết thúc công việc, tìm được một nhà kho khả dĩ và Mousa đã báo trước cho một *katsa* ở London bằng cách nói rằng: *“Anh hãy nhanh lên, tôi có thể muốn rút các chàng trai của tôi khỏi đây trước khi họ bị mắc bệnh tật!”*.

Nhờ vào các quan hệ của mình với nhà tỷ phú Ả Rập Saudi Khashoggi (xem chương IX; phần 3), Mossad biết một người Ả Rập khác lo toan việc buôn bán vũ khí hợp pháp. Người này có quyền cung ứng vũ khí - Uzi, thị trường tư nhân châu Âu và các vũ khí khác. kế hoạch là giao phó cho bạn của Khashoggi cung cấp các vũ khí được sản xuất ở Hoa Kỳ để thoả mãn yêu cầu của Arafat. Đương nhiên, người ta dám chắc rằng, những vũ khí ấy bị đánh cắp trong nhiều kho của các căn cứ quân sự ở châu Âu.

katsa Daniel Aitan, đóng giả một anh Harry Stoler nào đó, bắt liên lạc với Isam Salem, đại diện của Arafat ở Đông Berline. Ngay cả Arafat còn chưa yêu cầu ông này đi tìm kiếm vũ khí, thì Mossad đã thấy mình không được chậm trễ làm việc này và đã quyết định làm những việc đó trước.

Aitan, một người nói tiếng Đức trực tiếp, tự giới thiệu với Salem là một nhà làm ăn hoạt động trong cái được gọi là “các thiết bị và vật liệu khác nhau”. Ông này nói với Salem: Ông có thể bảo đảm với giá hời và giao hàng an toàn, chắc chắn. Ông ta nói thêm là, ông ta phải tránh dính líu tới chính trị, ông ta xem sự nghiệp của những người Palestine là chính đáng và mong họ thắng lợi.

Trong cuộc gặp tiếp sau đó - cái mà người ta gọi là một cuộc họp thân mật “giữa bốn con mắt” - Stoler nêu lên rằng, thỉnh thoảng, ông có nghe nói đến “thiết bị thất lạc” thoát ra từ các căn cứ quân sự Mỹ ở Đức và nói ông có thể đặt mua đối với các hàng loại này qua “cổng hậu” nếu Salem có quan tâm.

Trong thời gian này, Mossad bảo đảm với GSG-9 là Mossad có các nguồn về các thành viên của Bloc Noir; Mossad sẽ báo cho GSG-9 biết ở đâu và khi nào họ sẽ có thể bắt bọn đó với khá nhiều chứng cứ để đưa bọn này vào ngục tối.

Như dự kiến, Arafat đã chuyển yêu cầu của ông ta cho Salem bằng cách nhờ viên sỹ quan Aloony và viên hạ sỹ quan Alsharif, người của Abou Taan, đem yêu cầu đó tới Đông Berline. Họ đã trao cho Salem một danh sách đồ trang bị cần thiết cho Lực lượng 17 với trình tự tiến hành trong bối cảnh bí mật lớn nhất và tìm mua các trang bị từ phương Tây. Salem đã tiếp nhận để chỉ thị liên lạc với các bè bạn của phe Hồng Quân (Bloc Noir), hoặc bất kỳ một mối nào khác có thể chịu trách nhiệm làm việc này cho Arafat. Chúng tôi sẽ gửi “thuốc lá” có chất lượng hạng nhất. Loại này sẽ được sử dụng như việc thanh toán, nói rõ đơn đặt hàng. Có nhu cầu, chúng tôi sẽ ký hạn định vay nợ thông qua người trung gian Abou Taan.

Những người mang bức thư này là những nhân vật mới trên địa bàn. Vì thế, họ có thể được sử dụng làm những người trung gian và được đặt dưới sự chỉ huy của anh.

Đương nhiên, Salem gọi Daniel Aitan theo bí danh là Harry Stoler, xác định rõ là công việc phải được kết thúc một cách bí mật và nhanh chóng. Ông ta cũng nói thêm rằng ông sẽ gửi một ai đó (Aloony) với danh mục trang thiết bị đã yêu cầu và muốn biết thời gian để chuyển giao yêu cầu đó là bao lâu.

Kế hoạch của Mossad tới lúc đó là chiếm lấy tiền và cần xa của PLO một cách tinh tế, nhưng một nguồn mối của Kassim đã thông báo cho Mossad biết, Arafat đã có một kế hoạch thay thế.

Nhà lãnh đạo của Palestine đã giao phó cho Ghazi Hussein, người đại diện cho PLO ở Viên một đơn đặt hàng tương tự để phòng cho trường hợp khi kế hoạch của Salem không được thoả mãn. Do vậy, một đội khác của Mossad đã được phái tới Áo để theo dõi Hussein. Viên đối với Israel là một khu vực nhạy cảm bởi vì nước này đã tiếp nhận những người Do Thái di trú sang Israel. Quan hệ giữa Israel và Áo lúc này rất thân thiện. Nơi ấy, Mossad không có bất cứ người nào để nói với họ. Với đường lối trung lập nghiêm túc, người Áo dường như không muốn có các tổ chức tình báo.

Cần xa mà những kẻ khủng bố của tổ chức Bloc Noir phải vận chuyển được đóng gói theo cách bình thường: Một loạt các ba lô ghi những dòng chữ “Các miếng lót đế giày”, bởi vì đó là những đế giày mà rất giống với ma túy. Kế hoạch là vận chuyển hàng bằng tàu biển sang Hy Lạp, tại đây, Bloc Noir sẽ sử dụng mối quan hệ của họ với hải quan để đưa hàng lên các xe ô tô, mỗi xe 25 hoặc 30 kẻ khủng bố đem theo một số ba lô lên xe của họ trước khi ngược về phía Frankfurt.

Một người trong số họ chịu trách nhiệm bán cần sa và phối hợp với Salem. Nhưng GSG-9, đã được Mossad báo trước, chặn bắt họ với lời buộc

tội về mọi hoạt động lật đổ nhằm vào các căn cứ quân sự Mỹ. Người Đức không biết là có hàng cần sa, nhưng khi người ta bị tổng giam, người Đức cho phép người Israel hỏi cung. Một thành viên của Mossad nói tiếng Đức và đóng giả là một sỹ quan của Cơ quan Tình báo Đức để đạt được việc khai từ người tù ra tên nhân vật số 2 của nhóm bằng cách đưa ra với người này một giao kèo. Rồi người Israel thoả thuận với người Đức rằng người tù này sẽ được giữ bí mật cho tới khi sự việc được giải quyết.

— Tôi biết, cần phải giữ kín - Người của Mossad nói với tên khủng bố - Nếu anh không nói với tôi về người mà tôi cần tìm hỏi, anh sẽ sống cả cuộc đời anh ở đây (nhà tù), không phải vì tội có những hành động lật đổ các căn cứ quân sự Mỹ, mà vì tội buôn lậu cần sa.

Và với đơn đặt hàng trong tay, người Israel đi tìm anh bạn Ả Rập Khashoggi. Aloony, một nhà quân sự chuyên nghiệp, sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra các vũ khí và đảm bảo để vũ khí sẽ được chuyển đi Lyban.

Các vũ khí được đưa đến cảng Hambourg bằng các xe tải. Người Đức không biết, nhưng nếu những người Israel rơi vào trường hợp người Đức, họ sẽ đưa ra những giải thích.

Trong thời gian này, Stoler đã yêu cầu Salem có một bức điện gửi Beyrouth là nơi sẽ chuyển vũ khí tới. Đúng là để làm tỉ mỉ kịch bản này, vào thời điểm lúc ấy, Mossad không nghĩ rằng sự dãn dưng sẽ dẫn đến một việc giao hàng thật. Tuy nhiên Stoler đã khoe với Salem rằng hàng báo có lẽ cần có một vỏ bọc nào đó để qua mặt hải quan Lyban. Trong việc mua bán loại này, yêu cầu cần có những sự bố trí nào đó, đơn thuần chỉ để làm ra vẻ “hợp pháp”. Salem đã trả lời rằng ông ta có một người buôn bán nho nhỏ ở Beyrouth, người này cũng có thể cung cấp cho họ một địa chỉ gửi hàng.

— Nho khô từ Đức tới ư? - Stoler nói - Cái này không phải là một ít như nhập khẩu strudel của Senegal à?

Không giống. Hình như người Đức nhập khẩu một số lượng lớn nho và các hoa quả khô, rồi sau đó xuất khẩu rẻ hơn Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

Vì thế, Stoler đã đề nghị Salem có được một đơn đặt hàng “hợp pháp” cho ông ta về nho khô.

— Với cách đó, tôi mới có thể thúc đẩy sự việc tiến triển - Ông ta nói.

Mục tiêu là đề nghị Salem nhiều việc nhất để ông ấy không nghi ngờ về sự gian trá. Sau đó, Stoler nói rằng ông không có tàu, nhưng Salem trả lời điều này không thành vấn đề, vì hàng sẽ để trong conteneur, và đơn giản là bổ sung nó vào trong chiếc tàu hàng chở conteneur gửi đi Lyban.

Giữa lúc đó, một điệp viên Quan hệ của Mossad đã chuyển những thông tin của Tsomet cho một *katsa* khác vạch kế hoạch liên lạc nhân vật số hai của Bloc Noir. Người Israel này gặp kẻ khủng bố, nói với ông ta rằng bạn của ông bị bắt, nhờ ông ta chuyển bức thông điệp nhờ vào “những quan hệ” qua lại ở trong tù: Các kế hoạch đã thay đổi. Đáng lẽ bán cần sa, người ta sẽ đem đổi cần sa lấy vũ khí.

Ngày giờ đến gần. Mossad đã đặt hàng vũ khí và biết rằng Salem sẽ phải tìm kiếm tiền bằng Abou Taan bởi vì ông ta không thể trông chờ vào cần sa được nữa. Tuy nhiên người Palestine ấy không có lý do để lo lắng. Ông ta biết rằng ông ta có thể ký một hạn định vay nợ và nghĩ rằng có thể trả khi bán ma túy. Mặt khác, người của Mossad hứa với người của Bloc Noir một vài tên lửa, bằng cách giao hàng tên lửa giả cho ông ta - những quả tên lửa bằng chất dẻo, giống y như tên lửa thật, nhưng những tên lửa ấy không phóng được bởi vì chả có gì ở bên trong cả.

Những miếng trò chơi ghép hình được xếp vào Hambourg và Francfort không có khó khăn, nhưng ở Viên, Ghazi Hussein tiếp tục đặt ra vấn đề. Tuy nhiên, nhờ vận may, ông ta điện thoại cho Salem khi nhận được yêu cầu đặt mua vũ khí. Mặc dù ông ta không bao giờ thú nhận việc ấy với

Arafat, Hussein cho Salem biết Arafat không có bất kỳ một tiếp xúc nào trong lĩnh vực này và Salem đã tìm ra một người có thể giúp ông ta. Hai người biết rằng họ không có nhiệm vụ về vụ việc này bằng quan hệ, nhưng họ có thể đã làm được gì?

Tại Mossad, những người chịu trách nhiệm về an ninh đang đau đầu tiến hành một chiến dịch đồ sộ chống lại PLO, quen với những trò nham hiểm của mình, và không có lấy bất kỳ một biện pháp an ninh nào được sử dụng! Nhưng ngoại trừ gặp gỡ các thành viên của PLO trong các quán cà phê, những nơi công cộng, và tránh bất kỳ một cuộc gặp gỡ nào trong các địa điểm kín đáo, các điệp viên Israel không làm việc gì lớn lao trong những hoàn cảnh này, nếu điều đó không bị quở trách, bị lên án là thiếu sự an toàn và báo trước cho biết rằng họ không xem mình là những người chịu trách nhiệm trong trường hợp khó khăn.

Đầu tháng 6, kế hoạch đã được hình thành. Cần có thời gian để thu lượm vũ khí, và trong khi chờ đợi họ đều trở nên bồn chồn. Cuối tháng 6, Hussein ở Viên và Salem ở Đông Berlin, cả hai người đã báo cho Arafat biết rằng đơn đặt hàng của họ đã được tiếp nhận và đã sẵn sàng trong hai hoặc ba tuần lễ nữa.

Về phần mình, viên sỹ quan Aloony bắt đầu thấy lo lắng về tiền bạc mà ông ta tính toán từ việc bán cần sa. Không có những tin tức về các “cuộc tiếp xúc”; ông ta không biết ai, cũng không biết họ ở đâu. Mỗi liên lạc duy nhất mà ông ta có, đó là địa chỉ và số điện thoại của một thành viên của Bloc Noir. Nhưng viên chỉ huy đang trong tù và nhân vật số hai, theo lời khuyên của một nhân viên Mossad nhờ qua một người bạn, đã nói với tất cả những kẻ khủng bố của nhóm, trong trường hợp khi đó, một ai đó sẽ báo cho biết là họ đã đổi cần sa lấy vũ khí. Trong trường hợp có vấn đề, hay nếu một người điện thoại cho họ, thì họ phải báo ngay lập tức.

Khi Aloony gọi điện thoại cho người “tiếp xúc” của mình, người ta đã trả lời rằng viên chỉ huy của Bloc Noir đang bị giam, nhưng một người khác

lo công việc. Theo thoả thuận trước, người “tiếp xúc” của Aloony báo động ngay cho nhân vật số hai. Viên *katsa* của Mossad làm việc với người lái buôn vũ khí Ả Rập, thúc ép người này tìm kiếm hàng hoá một cách nhanh chóng, bởi vì có việc khẩn cấp.

Cú điện thoại của Aloony đã cho Mossad biết rằng người Palestine kia đã bắt đầu đặt vấn đề, nhưng việc đó không có gì trầm trọng, người ta đưa ra cho anh ta những câu trả lời do Học viện gợi ý. Người làm trung gian cho Mossad đã đảm bảo với Aloony rằng không có vấn đề gì và ông ta sẽ báo cho biết trước điều đó, ngay khi mà bản giao kèo sẽ được kết thúc. Ý thức được rằng loại bàn bạc này cần có thời gian, Aloony không quá lo lắng. Ông ta cũng biết là ở trong trại huấn luyện, PLO đã làm cho những người khủng bố Đức biết rằng, nếu họ phản bội, điều đó nghĩa là chết. Giống như người ta nói: Anh luôn luôn trốn tránh, thì anh sẽ không có một nơi nào để giấu mình.

Một nhân tố thuận lợi khác đối với người Israel là ngay cả đến những người đang đóng vai chơi của PLO không hề biết đến mức như Mossad biết về sự việc đang diễn ra. Chẳng hạn, ở Đông Berlin, Salem không biết là đơn đặt hàng đã được chuyển qua cho Hussein ở Viên, đã làm hai lần công việc của ông ta. Đơn đặt hàng đã được chuyển không phải do Abou Taan, người chăm lo cho Salem, mà do Abou Zaim, người chịu trách nhiệm công việc an ninh riêng của Arafat. Nếu như Salem biết vũ khí phải được trang bị cho Lực lượng 17, thì Hussein không có ý kiến gì về nơi gửi.

Điệp viên của Mossad ở Viên và Hussein đã dùng cách thức riêng của mình để thanh toán và giao hàng. Hussein biết một cách để chuyên chở vũ khí bằng máy bay của Lybie không bị hải quan kiểm soát. Ông ta không giải thích vì sao, mà chỉ nói một cách đơn giản là ông ta muốn tất cả vũ khí được để trong container rồi, sau đó, ông ta chịu trách nhiệm gửi đi Beyrouth. Kế hoạch là: Chuyển cho ông ta một vài vũ khí thật, nhưng tên lửa như để ở Hambourg và ở Francfort là các tên lửa giả.

Vấn đề chủ yếu là có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa Viên, Hambourg và Francfort. Một kẻ hở nào của một trong ba thành phố này, không chỉ làm hỏng toàn bộ kế hoạch mà còn tạo ra một tình hình cực kỳ nguy hiểm.

Tại Hambourg, hàng đã được để trong một kho mà nó không hề có sự khác biệt nào đối với các kho ở bên cạnh. Vũ khí phải được giấu trong một container nho khô, sau khi để cho Aloony và viên hạ sỹ quan Alsharif nhìn thấy. Sau đó, người ta gắn xi container và đóng cửa kho lại, trao chìa khoá cho Aloony rồi xác định điểm gặp vào ngày mai, cũng ở ngay nơi này. Container sẽ được bốc lên chiếc xe tải rồi chở ra tàu đi Beyrouth.

Sau khi đưa Aloony về nhà của ông, người điệp viên của Mossad quay trở lại kho, lấy khoá và biển số ghi ngoài cửa kho đặt vào nhà kho bên cạnh, mà hai kho giống nhau như hai anh em, ở trong kho này, có một Container khác đựng đầy nho khô kém phẩm chất. Và đó là thứ mà Aloony sẽ gửi đi cho Arafat.

Stoler (Aitan) đề nghị Aloony mang tiền theo ngay, bởi vì anh ta muốn có một vài giờ để cất giấu.

— Không có vấn đề gì - Người Palestine trả lời- Nhưng, tôi phải ngủ trong kho với nho khô.

— Đồng ý - Stoler nói - do đó, trái tim thiếu một tiếng đập.

— Ngày mai, vào lúc mười tám giờ, tôi sẽ đến đón anh.

— Anh đã nói là đón vào buổi sáng...

— Tôi biết, nhưng đi giữa thanh thiên bạch nhật cùng với vũ khí thì không phải là một ý tốt. Khu vực này quá đông người.

Có một vấn đề. Làm thế nào thực hiện việc thay container nếu như Aloony ngủ trong kho?

Trong thời gian này, các vũ khí do Hussein đặt hàng đã được xếp trong một ngôi nhà nhỏ nằm ở cửa ngõ Viên. Người *katsa* báo cho Hussein biết rằng, người phó của ông chịu trách nhiệm dàn xếp, bàn bạc và đã yêu cầu người người Palestine mang theo 3,7 triệu đô la, lẽ ra là tới điểm hẹn. Sau đó, người ta đưa cho ông địa chỉ và chìa khoá ngôi nhà. Trước đây, một trong những người của Hussein, bị bịt mắt, đưa tới ngôi nhà để kiểm tra hàng hoá. Sau đó, người này bị đóng cửa nhốt trong nhà, tiền sẽ được trao tay, Hussein sẽ nhận chìa khoá và địa chỉ. Người Palestine này đã đọc hết một cuốn truyện.

Ngày 27 tháng 7 năm 1981, tại Hambourg, Mossad đã luôn phải thảo luận vấn đề Aloony. Vũ khí trước khi được xếp vào trong Container đã có ở trong kho. Một Container khác giống hệt được móc lên trên trần nhà, nhờ một chiếc cầu ba lạng chạy trên đường ray mà người ta dùng cho những kiện hàng nặng. Tại Genève, Genoud đã cung cấp 5 triệu đô la cho việc dàn xếp từ Hambourg và 3 triệu 7 cho công việc dàn xếp ở Viên.

Vào lúc 18 giờ, ngày 28 tháng 7, một chiếc xe tới đón Aloony và đưa ông ta tới kho hàng. Ông này yêu cầu kiểm tra bất thần nhiều kiện vũ khí, rồi người ta xếp số vũ khí đó vào trong Container. Người ta lấy nơ khô phủ lên vũ khí, gắn chì niêm phong container. Aloony sẵn sàng trao tiền, nhưng Stoler nói với ông rằng: Không phải ở đây. Đây quá đông người. Trong xe ô tô, người ta sẽ yên tâm hơn.

Khi họ vào trong xe rồi, Stoler cùng với Aloony tiến hành kiểm tra tiền: Nhờ có chiếc máy điện tử, Stoler kiểm tra một vài xấp, rồi xác nhận không có tiền giả. Cũng trong thời gian này, người ta hạ chiếc container treo trên trần xuống. Người ta nhấc chiếc container vũ khí đi và xếp nó vào tận cùng của kho, đằng sau những kiện hàng khác.

Việc thay đổi container chỉ diễn ra trong mười phút. Lúc quay về, Aloony nhìn thấy chiếc container vẫn là cái ông ta đã xem, cũng cùng dấu chì niêm phong. Sau khi kiểm tra cẩn thận nơ khô của mình, hôm sau, Aloony lên đường đi Beyrouth.

Sau khi người Palestine ra đi, đội của Mossad quay trở lại nhà kho, dỡ vũ khí trong Container thứ nhất ra, chất lên một xe tải và chở đến cho nhà buôn. Còn nơ khô thì được chuyển về Israel. Cũng trong đêm hôm đó, ở Franckurt, một thoả thuận về đổi cần sa lấy tên lửa cũng được ký kết và người Israel nói với những kẻ khủng bố của tổ chức Bloc Noir là ngày mai, toàn nhóm đến để nhận việc trao vũ khí. Ma tuý đã được trao cho một thành viên của nhóm F-7 Panama, một đơn vị đặc biệt do Harari thành lập. cần sa được chuyển đi Panama để đổi lấy một khoản tín dụng chừng 7 triệu đô la. Ý nghĩ là bán hàng trên thị trường này, thì giá cao hơn bán ở châu Âu. Một khi người Panama đã bán xong cần sa, họ sẽ gửi cho Mossad 7 triệu và giữ cho họ phần lãi mà họ làm được.

Ngày hôm sau, khi những thành viên của tổ chức Bloc Noir đến lấy tên lửa giả, cảnh sát đã chờ sẵn. Ngày hôm đó có khoảng 20 người bị bắt.

Cũng trong ngày 29 tháng 7, tại sân bay Viên, ba người sau khi đã chất một phần vũ khí lấy từ ngôi nhà ở vùng ngoại ô, thì bị cảnh sát địa phương bắt. Cảnh sát đã được Mossad báo là Hussein và những người phó của ông bốc vũ khí chở từ Lyban tới để bí mật đưa vào Áo tấn công một mục tiêu người Do Thái. Một khối lượng lớn vũ khí còn để trong nhà, đã bị Mossad lấy đi. Mossad để lại một vài vũ khí tại chỗ để cảnh sát lấy được; khi đó, cảnh sát sẽ xác nhận rằng Hussein đang tiếp tục tàng trữ vũ khí.

Mossad đã bỏ túi được tổng số là khoảng giữa 15 đến 20 triệu đô la. Khader đã chết. Hussein bị đi đày; hai cộng sự của ông và chừng 20 tên khủng bố của tổ chức Bloc Noir bị tổng giam.

Thắng lợi này đã tạo được một ảnh hưởng tuyệt diệu đối với tinh thần của Mossad. PLO không chỉ mất tất cả, mà còn nợ nhiều triệu cho nhà ngân hàng kia. Cú dàn dựng này làm cho Lực lượng 17 trong một thời gian không có vũ khí và đã giều cột người Palestine. Việc người ta đưa nhò khò về Israel hiện còn là một câu chuyện thần bí.

Một kết thúc khác của câu chuyện này, là số phận người lái xe của Arafat, Dourak Kassim, một điệp viên của Mossad. Ông này đã cụt một chân trong cuộc tập kích của không quân Israel đánh vào một căn cứ của người Palestine ở Tunis. Kassim tiếp tục gửi các báo cáo của mình từ căn cứ này, nhưng lại không được thông báo về cuộc tấn công.

Vì tức giận, Kassim đã bỏ cả hai ông chủ và sang lập nghiệp ở Nam Mỹ.

Chương VI: **CHỈ Ở NƯỚC MỸ**

Cuối năm 1985, Jonathan Pollard, 31 tuổi, và vợ Anne Henderson-Pollard, 25 tuổi, bị bắt, sau khi thực sự định tìm nơi cư trú chính trị trong Đại sứ quán Israel ở Washington. Những người bị bắt có thể dự kiến được lại trùng vào lúc, có sự chú ý về một vấn đề đang lúng túng và khó khăn: Liệu Mossad có hoạt động ở Hoa Kỳ không?

Một cách chính thức, Mossad trả lời là Không. Tuyệt đối không. Trên thực tế, những *katsa* thậm chí không được quyền mang hộ chiếu Mỹ giả hoặc sử dụng các “vỏ bọc Mỹ” trong công việc của mình cũng như những báo cáo giữa Nhà nước Israel với đối tác hùng mạnh nhất của mình là rất tế nhị.

Vậy thì phải giải thích như thế nào về trường hợp Pollard - Thật đơn giản. Họ không phải người của Mossad. Từ buổi đầu của năm 1984, Pollard đã nhận 2.500 đô la mỗi tháng của một tổ chức được gọi *Lishka le Kishrei Mada*, hay là LAKAM, chữ Hébreu viết tắt để chỉ Văn phòng quan hệ về những vấn đề khoa học của Bộ Quốc phòng Israel, và đã gửi các tài liệu mật tới chỗ ở của Irit Erb, bí thư ở Đại sứ quán Israel. Khi đó LAKAM do Rafael Eitan lãnh đạo, ông này đã công khai phủ nhận có những quan hệ với Mossad, nhưng ông ta lại là một cựu *katsa* của Học viện. Ông đã tham gia vào vụ diệt trừ Adolf Eichmann ở Argentina năm 1960.

Pollard là một người Do Thái, một nhà nghiên cứu ở Trung tâm Suitland (bang Maryland), gần Washington. Pollard là người của Cơ quan Tình báo Hải quân. Năm 1984, anh ta được chuyển tới Trung tâm báo động khủng bố của Tiểu đoàn Phân tích những mối đe dọa cũng của Cơ quan Tình báo Hải quân, một sự chuyển lạ lòng, nếu người ta biết rằng các Cơ quan An ninh trước đó đã đổ trách anh ta về việc chuyển tin tức

cho tùy viên quân sự Nam Phi, và cương vị mới của anh ta đã mở đường đến với những tài liệu rất quan trọng.

Không cần phải có thời gian lâu để tạo nên việc Pollard thông báo cho Israel những tài liệu. Do đụng độ với FBI, anh đã chấp nhận hợp tác bằng việc chuyển giao những mối “quan hệ của anh ta” với Israel cho họ. Vì thế, Pollard đã bị đặt dưới sự theo dõi của FBI 24/24 giờ, nhưng không cưỡng lại được sự hoảng sợ, Pollard đã xin cư trú ở Israel. Anh và vợ bị kết án đồng loã, đã bị bắt khi họ rời khỏi Sứ quán, đương nhiên, người Mỹ đòi phải có sự giải thích. Sau cú điện thoại của Bộ trưởng Ngoại giao George Shultz, vào hồi 3 giờ 30 phút sáng ngày 1 tháng 12, theo giờ Jerusalem, chính Thủ tướng Shimon Perés, người đã thành lập ra cơ quan LAKAM trong những năm 1960, lúc đó giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, đã bày tỏ những lời xin lỗi chính thức: *“Do thám Hoa Kỳ là hoàn toàn trái với đường lối của chúng tôi. Một hoạt động như vậy đã xảy ra là một sai lầm, và Chính phủ Israel xin lỗi”*.

Perés nói thêm rằng, nếu những người chịu trách nhiệm của Chính phủ có dính líu vào, họ sẽ phải “báo cáo, tổ chức liên đới... sẽ được giải thể... và sẽ sử dụng những biện pháp cần thiết để các hoạt động như vậy sẽ không tái diễn”. (Tất cả những gì mà người Israel đã làm là thay đổi địa chỉ của LAKAM và gắn nó vào Bộ Ngoại giao).

Tuy nhiên, ngay cả Perés không tin rằng lời nói, những tuyên bố của ông được đưa ra sẽ làm người Mỹ hài lòng. Cựu Giám đốc CIA, Richard Helms, đã nhấn mạnh rằng việc các nước bạn do thám không phải là hiếm. Ông nói: *“Người ta làm những gì người ta muốn. Sai lầm chính là đã để bị bắt”*.

Và trong lúc Pollard bị giải vào nhà tù - Mossad đã xem cơ quan LAKAM như một băng nhóm nghiệp dư - Shultz đã tuyên bố với báo chí: *“Những lời giải thích và xin lỗi của Israel đã làm chúng tôi hài lòng”*. Sự tranh luận đã tắt sau một cơn tức giận công khai ngăn ngui đối với Israel. Dĩ

nhiên, những ngờ vực vẫn còn tồn tại đối với cương vị xã hội đích thực của vợ chồng Pollard nhưng hình như bản thân CIA cũng tin rằng, ngoài các hoạt động quan hệ của mình, Mossad không hoạt động ở Hoa Kỳ.

CIA đã lầm.

Pollard không thuộc người của Mossad, nhưng rất nhiều điệp viên khác, những người đang làm tình báo, tuyển mộ, tổ chức và tiến hành những hoạt động bí mật - chủ yếu tại New York và tại Washington, mà họ đặt cho biệt danh “sân chơi” của họ. Những người làm công việc này thuộc một ngành đặc biệt, cực kỳ bí mật của Mossad, gọi là AI, “ở trên”, “trên cao”.

Đơn vị này bí mật đến nỗi, hoàn toàn tách ra khỏi bộ phận còn lại của tổ chức, mà thậm chí đa số các thành viên của Mossad không hề biết tới những công việc họ làm và đơn vị này đã không truy nhập các tài liệu, hồ sơ của họ vào trong máy tính.

Thế nhưng, đơn vị này vẫn tồn tại, và dùng từ 24 tới 27 người lão luyện trên địa bàn, trong số đó có ba *katsa* tại ngũ. Phần lớn các hoạt động của họ được tiến hành bên trong biên giới của Hoa Kỳ. Nhiệm vụ hàng đầu của họ là thu thập những tin tức về thế giới Ả Rập và PLO - không phải về những hoạt động của người Mỹ. Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy, đường phân chia ranh giới không phải lúc nào cũng chính xác và trong sự mập mờ ấy, AI không hề do dự để vượt qua.

Khẳng định rằng AI không thu thập tin tức về Hoa Kỳ đã nói lên rằng hương vị cay không phải là gia vị chính, nhưng người ta thích quệt nó một ít lên xúc xích nóng. Chúng ta hãy giả định là có một thượng nghị sỹ, thành viên của ủy ban về quân bị quan tâm tới Mossad. AI ít khi cần tới *sayanim*, nhưng các giấy tờ của thượng nghị sỹ này, tất cả những cái có trong văn phòng của ông ta, là những tin tức quý giá, và người ta vì thế có mục tiêu kiểm lấy một trong những cộng tác viên của mình. Nếu người nghị sỹ đó là Do Thái, người ta sẽ cố biến họ thành, một *sayan*. Nếu không được thì

tuyển mộ làm điệp viên, hay biến họ thành một người bạn, rồi thường xuyên tới và nghe.

Chúng ta còn giả định rằng Me Donnell Douglas mong muốn bán máy bay do Mỹ chế tạo cho Ả Rập Saudi. Vậy thì phải chăng đó là vấn đề của người Mỹ hay của người Israel? Đối với những gì có liên quan đến Học viện, đó chính là công việc của Israel. Khi người ta có một định đề như vậy, thì thật là rất khó lại không sử dụng đến nó. Thế là người Israel đã sử dụng việc này.

Một trong số những hoạt động bí mật nhất của AI là chuyển bay làm việc nghiên cứu đối với nhiều tổ hợp nhà máy sản xuất máy bay lớn của Mỹ, hồi tháng 1 năm 1986, nhằm giúp cho Israel giành được một hợp đồng trị giá 25,8 triệu đô la trong vòng 5 năm. Tiền đặt giao cho hải quân và “thủy quân lục chiến” Mỹ 21 máy bay máy bay trinh sát không người lái, có chiều dài 5 mét. Đó là các máy bay Mazlat Pioneer-1 được điều khiển từ xa, phóng lên rồi thu về với các máy chỉ huy từ xa. Các máy bay trinh sát này có máy quay vô tuyến truyền hình gắn dưới bụng, đã được sử dụng trong do thám quân sự. Mazlat, một chi nhánh của công ty sản xuất máy bay Israel được nhà nước hoá (IAI), “được hưởng” hợp đồng khi trúng thầu năm 1985 bằng cách đưa ra những điều kiện tốt nhất đáp ứng yêu cầu của các công ty Mỹ.

Trên thực tế, AI đã ăn cắp tài liệu. Israel làm việc tốt trên chiếc máy bay thám thính, nhưng đã tiến triển một cách không thoả mãn để đuổi theo được với những nhà cạnh tranh Mỹ. Khi mà người ta đã không nêu vào trong bản đề nghị giá thành của công việc nghiên cứu, điều ấy là một sự khác biệt về nội dung.

Sau khi giành được hợp đồng, Mazlat kết hợp với AI ở Baltimore, Maryland để làm tăng thêm phần vinh dự.

AI giống như Tsomet, nhưng lại không bị đặt dưới cùng một sự cầm quyền bởi vì nó phụ thuộc trực tiếp vào ông chủ của Mossad. Khác với các ăng ten thông thường của cơ quan, các ăng ten của AI không hoạt động ở trong Sứ quán của Israel, mà được đặt trong những nhà thuê bí mật hoặc trong các khu nhà lớn.

Ba đội của AI được cơ cấu như một ăng ten.

Giả sử rằng vì một lý do nào đó, quan hệ giữa Israel với Vương quốc Anh đột nhiên xấu đi, và Mossad phải rời khỏi Vương quốc Anh, thì ngày hôm sau, người Israel có thể gửi tới London một đội của AI và sẽ có một mạng lưới đầy đủ. Các sỹ quan xử lý của AI là những người trong số người dày dạn kinh nghiệm của Học viện.

Mỹ là một nước mà công việc đổ bể có thể đã có những hậu quả trầm trọng. Không làm việc dưới vỏ bọc của Sứ quán, đặt ra những vấn đề, đặc biệt đối với việc thông tin liên lạc. Nếu các điệp viên bị bắt ở Hoa Kỳ, họ sẽ bị tổng giam vì tội do thám. Không có việc miễn trừ ngoại giao. Trường hợp xấu nhất đến với một *katsa* bình thường, được hưởng quy chế miễn trừ ngoại giao, đó là trục xuất, về chính thức, Mossad có một ăng ten quan hệ ở Washington và chỉ có thể thôi.

Khó khăn khác nữa ngăn cản công việc từ khi Đại sứ quán Israel thiết lập ở Washington là nó được đặt ngay đằng sau một trung tâm thương mại, trên một sườn đồi, trong khu International Drive (dành cho quốc tế). Có rất ít những ngôi nhà khác ở xung quanh, ngoại trừ Đại sứ quán Jordanie ở cao hơn một chút và cũng ngự trị như Đại sứ quán Israel - một vị trí tồi tàn đối với các hoạt động bí mật. Trái với dư luận, Mossad đã không có ăng ten ở Liên bang Xô viết. 99,99% những tin tức mà Mossad thu lượm được về khối Đông Âu là từ nguồn “thăm vấn tích cực”, điều này có nghĩa là chỉ thăm vấn một cách đơn giản những người Do Thái di cư khỏi các nước Cộng sản, phân tích và xử lý các thông tin này. Vì thế, người ta đã có một hình ảnh trung thực hơn về điều gì đã xảy ra ở Liên Xô, rồi giao phó cho

một Cơ quan Tình báo hoạt động tại chỗ. Trên thực tế, làm việc ở đó cho thấy quá nguy hiểm. Hoạt động duy nhất là giúp con người thoát khỏi những việc loại này - giúp tạo ra những đường dây trốn vượt. Một tổ chức tách biệt đặt dưới trách nhiệm của Mossad chăm lo công việc. Tổ chức ấy mang tên *nativ*, theo tiếng Hébreu có nghĩa là “vượt qua”. Những tin tức về các nước khối phương Đông tạo nên một thứ trao đổi tốt. Khớp với những tin tức đã thu được từ nhiều nước khác, các tin tức đó đã tạo cho Israel là hình ảnh của một nước biết nhiều sự việc - thí dụ những tin tức về ra-da của Đan Mạch.

Người Mỹ không nghi ngờ rằng một phần lớn tin tức của chúng tôi do khối NATO cung cấp, những tin tức mà người ta có thể đem mua bán để làm cho nó trở nên giắt gân hơn. Trước Gorbachev, các phương tiện thông tin đại chúng Xô viết không phải là một nguồn quan trọng, nhưng người ta luôn luôn có thể nhặt nhạnh được thậm chí những tin có tính chất tình báo từ những dư luận, tin đồn hay các cuộc nói chuyện. Thậm chí ngay cả trong trường hợp di chuyển của quân đội. Chẳng hạn, một người nào đó có thể thừa kiện không nhận được tin tức của người bà con. Ngay cả hàng ngày chỉ có 10 người di cư tới Israel thì họ cũng đã cung cấp một số lượng tin tức thật kinh khủng.

Mặc dù ở ngoài Sứ quán, những ăng ten của AI phần lớn hoạt động như những ăng ten thông thường và thông báo trực tiếp bằng điện thoại telex hoặc phương tiện hiện đại. Các ăng ten không dùng đài vô tuyến điện phát sóng, bởi vì ngay cả khi người Mỹ chưa phá được mật mã của các bức điện, thì họ cũng tính đến những hoạt động bí mật trong khu vực, đó là cái mà Mossad cố tránh. Khoảng cách cũng giữ một vai trò quan trọng.

Những *katsa* của AI, là những người duy nhất của cơ quan dùng các hệ chiếu Mỹ. Vì thế họ cùng lúc vi phạm hai quy tắc cơ bản: Hoạt động trong nước mục tiêu, và dùng quốc tịch địa phương để làm “vỏ bọc”. Không bao giờ người ta phải giả dạng như thế đối với người Anh ở nước Anh, hoặc

một người Pháp ở nước Pháp. Việc này quá dễ để kiểm chứng lại các hồ sơ được sử dụng. Nếu như trao cho một viên cảnh sát Paris bằng lái xe của anh chẳng hạn, thì ngay lập tức có thể bảo đảm rằng đó là chính đáng hay không. AI đã tự rút bỏ việc đó bởi vì những giấy tờ giả mà AI sử dụng là giấy có chất lượng loại hạng nhất. Đó là một đòi hỏi cấp bách. Trong lãnh thổ kẻ thù, anh không được dùng để tránh bị đánh gục. Tại Hoa Kỳ, người bạn tốt nhất của mình, anh không được để bị bắt để rồi toàn thể đất nước anh bị ngã gục. Dần dà, có thể FBI có những nghi ngờ nhưng họ không thực sự biết rõ.

Câu chuyện tiếp sau, do Dinure, một thầy giáo của tôi kể lại cho tôi. Lúc đó, ông chịu trách nhiệm về ăng ten của AI ở New York. Dinure tham gia một tích cực vào một hoạt động đã tác động đến chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, tạo ra một vấn đề nội bộ nghiêm trọng đối với Tổng thống Jimmy Carter, và kích lệ một cuộc đụng độ về chủng tộc giữa người Do Thái Mỹ với những nhà lãnh đạo của cộng đồng người da đen. Nếu như Hoa Kỳ hiểu được sự rộng lớn và tính chất của vai trò của Mossad một cách sớm sủa, thì những mối quan hệ giữa hai nước có thể bị dị luy, thậm chí bị cắt đứt.

Trước hết, hãy nhìn vào năm 1979.

Điều đánh dấu cho năm 1979, là việc ký Hiệp định Trại David, hồi tháng 9 năm 1978, xác định được một “khuôn khổ hoà bình”. Carter, Anouar Al-Sadate và Menahem Begin đã ký Hiệp định này. Phần lớn các nước Ả Rập đã có phản ứng giận dữ và khinh bỉ đối với thái độ của Tổng thống Ai Cập. Còn Begin, vừa ra khỏi Trại David, ông đã bắt đầu nuôi tiếc không thể kể hết được.

Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, Cyrus Vance đã làm một chuyến ngoại giao con thoi 17 tiếng đồng hồ nhằm đạt được một thoả thuận trước ngày 17 tháng 12, đã được xác định tại Trại David để ký một Hiệp ước, nhưng đã thất bại vào giờ phút cuối cùng khi Begin từ chối thương lượng nghiêm

chính. Thái độ này đã tạo nên một bầu không khí ngột ngạt giữa Washington và Jerusalem. Đầu năm 1979, Begin cử Moshe Dayan, Bộ trưởng Ngoại giao đã đi vào truyền thuyết của ông, gặp Cyrus Vance và Thủ tướng Ai Cập, Moustapha Khlil, ở Bruxelles để xem xét lại những khả năng nối lại các cuộc thương lượng. Nhưng Begin thông báo không úp mở rằng, vấn đề duy nhất mà Dayan sẽ thảo luận, là “làm thế nào, khi nào và ở đâu” cuộc thương lượng có thể được nối lại, chứ không bàn đến nội dung của một thoả thuận.

Cuối năm 1978, Knesset (Quốc hội), nhìn chung đã bị chia rẽ, đã bỏ phiếu ủng hộ lập trường không thay đổi của Begin đối với Washington và LAKAM với 66 phiếu thuận chống lại 6 phiếu. Vì để minh hoạ cho tâm trạng của các nghị sỹ Quốc hội, Israel đã chấm dứt đối với việc rút thiết bị quân sự trước khi tăng cường việc di dân ra khỏi Sinai sau khi ký một hiệp ước hoà bình. Nhà nước Do Thái cũng tăng cường những cuộc tấn công vào các trại của người Palestine ở Lyban. Điều này đã dẫn Richard Stone, thượng nghị sỹ Dân chủ tiểu bang Florida và là chủ tịch tiểu ban của Thượng viện về các vấn đề Trung Đông và Đông Nam Á phải tuyên bố là: Người Israel đã “tạo nên một vòng tròn với những chiếc xe tập đi của họ” (cũng có thể gọi là những chiếc xe rùa của họ).

Sau cuộc bỏ phiếu của Quốc hội (Knesset), Begin điện thoại cho những người lãnh đạo Mỹ gốc Do Thái, khẩn khoản yêu cầu những nhóm thân Israel tung ra một chiến dịch thư từ và điện tín gửi cho Nhà Trắng và Quốc hội. Một nhóm chừng 30 nhà trí thức, trong đó có Saul Bellow và Irving Howe, những nhà văn đã chỉ trích tính không nhân nhượng của Begin, đã gửi một bức thư cho Carter mô tả - không có thể chấp nhận được” sự ủng hộ của Washington đối với lập trường của Ai Cập.

Tháng 1 năm 1979, với hi vọng mở ra được các cuộc thương lượng mới, Hoa Kỳ mời Israel và Ai Cập tới Trại David gặp Cyrus Vance ở cả hai phía đều chấp nhận, mặc dù Israel rất tức giận với bản báo cáo về nhân quyền

của Quốc hội Mỹ do Vance soạn thảo. Báo cáo đã nêu lên sự tàn bạo có “hệ thống” đối với người Ả Rập ở Cisjorrdanie và ở dải Gaza, những lãnh thổ chiếm đóng.

Hai tuần trước khi tờ báo *Washington Post* chưa công bố bản báo cáo về nhân quyền, những chiến xa của quân đội Israel đã thâm nhập vào một số làng mạc của Cisjorrdanie rồi triệt phá bốn ngôi nhà của người Ả Rập. Chính phủ đã dựng lên một đồn tiền tiêu mới, khúc dạo đầu của khu định cư dân sự, ở Nueima, nằm về phía Đông Bắc Jericho - là vọng gác thứ 51 trên bờ sông phía Đông - nơi đây có khoảng 5.000 người Do Thái sinh sống trong số 700.000 người Palestine.

Trong khung cảnh của tình hình lộn xộn này, tháng 3, Carter đã tung ra chuyến công du riêng của mình tới Le Caire và Jerusalem. Sứ mạng này kéo dài trong 6 ngày. Mặc dù cơ may thành công rất nhỏ nhoi, Carter đã thuyết phục được hai bên chấp thuận một thoả ước do Hoa Kỳ soạn thảo, nhằm đưa hai địch thủ tới gần hoà bình hơn; cái mà họ chưa đạt được từ 30 năm nay. Giá mà Hoa Kỳ phải trả cho thoả ước này là một khoản viện trợ bổ sung 5 tỷ đô la cho Ai Cập và Israel. Hai điều trở ngại chủ yếu là thái độ ngập ngừng của Israel, đất nước không có dầu hoả, đối với việc trao trả những vĩa đất của Sinai và đương nhiên, vấn đề thứ hai là gác lại vấn đề quyền tự trị của người Palestine.

Trong tháng 5, Carter đã cử Texan Robert Strauss, 60 tuổi, cựu chủ tịch ủy ban toàn quốc Đảng Dân chủ, làm Đại sứ đặc biệt chịu trách nhiệm giai đoạn hai của các cuộc thương thuyết hoà bình. Trong khi đưa ra sự đồng ý chính thức của mình, Israel vẫn tiếp tục các cuộc đột kích vào các căn cứ của PLO ở Lyban. Chính phủ Begin đã bỏ phiếu đối với việc xây dựng một khu định cư nữa của người Do Thái ở Elon Moreh, trong Cisjorrdanie bị chiếm đóng với 2 phiếu thuận chống lại 5. Việc này đã làm cho 59 nhân vật người Mỹ, gốc Do Thái phải gửi một lá thư ngỏ cho Begin, công kích chính sách của Israel.

Để khỏi phải dàn xếp việc gì, Begin đã có một cơn đau tim nhẹ và Dayan phát hiện ra rằng ông ta bị ung thư. Tại Israel, lạm phát đã đạt tới 100%. Thâm hụt cán cân thanh toán lên tới 4 tỷ đô la, và nợ nước ngoài phải gánh chịu tới 13 tỷ đô la, tăng gấp đôi trong vòng 5 năm qua. Những khoản này đã gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng trong nước.

Sadad và Carter bắt đầu gây sức ép để Israel chấp nhận một kế hoạch dẫn tới quyền tự trị cho người Palestine. Các nước Ả Rập là những người tán thành một Nhà nước độc lập có chủ quyền trên bờ Tây Jordain và trong dải Gaza. Những vùng này là một phần Tổ Quốc của Palestine . Vùng đất này là nơi sinh sống của hàng triệu người đã phải di tản đi khắp nơi. Những người Israel hoàn toàn chống lại một ý tưởng mà một Nhà nước thù địch - đặc biệt lại do Yasser Arafat, Chủ tịch của PLO lãnh đạo - được thiết lập ngay trên vùng biên giới của mình. Israel nghi ngại rằng sự phụ thuộc của Mỹ vào dầu hoả của các nước Ả Rập đã làm cho Hoa Kỳ nghiêng về phía lợi ích của các nước Ả Rập.

Do sự vắng mặt của Begin, đang dưỡng bệnh, Dayan cố gắng lãnh đạo Chính phủ. Tháng 8, ông ta đã lưu ý Mỹ chống lại một vụ do thám của PLO và tất cả những cái có thể tạo thuận lợi cho việc tạo lập một Nhà nước Palestine độc lập trong vùng Cisjordanie và trong dải Gaza. Trong khuôn khổ 5 giờ đồng hồ của một cuộc họp náo loạn, Văn phòng Thủ tướng của Israel đã quyết định thúc giục Hoa Kỳ phải tôn trọng những cam kết của họ trước đây, đặc biệt lời hứa của họ trái ngược với việc họ phủ quyết mọi ý đồ của các nước Ả Rập để sửa đổi lại Nghị quyết 242 của Liên hợp quốc đã công nhận sự tồn tại của Israel. Dayan đe dọa sẽ rút khỏi các cuộc thương lượng - trong sự bế tắc - về “quyền tự trị”, nếu những người Mỹ kêu gọi với sự quá nhấn mạnh đối với việc thiết lập các quan hệ với PLO.

Điều gây nên tức giận của Israel, đó là các nước Ả Rập Saudi, Koweite và PLO đã có một cuộc tập trận được bàn bạc tung ra vào mùa hè để cố gắng làm nghiêng cán cân về phía họ. Vào tháng 7, người Ả Rập đã bắt đầu

bằng cách quyết định nâng cao sản lượng sản xuất dầu lên một triệu barrels mỗi ngày, trong suốt thời gian kéo dài 3 tháng, vì thế đã hạn chế được việc khan hiếm đã làm cho việc xếp hàng kéo dài trước các cây xăng của Hoa Kỳ trong tháng năm và tháng sáu. Mặt khác, PLO đã chấp nhận một lập trường hoà giải, chí ít cũng là công khai, nhằm cải thiện một hình ảnh tiêu cực ở phương Tây. Tại Liên hợp quốc, những nhà ngoại giao Koweite đã đề trình một dự thảo nghị quyết gần quyền của Israel được tồn tại (Nghị quyết 242) với việc thừa nhận của quốc tế đối với quyền của người Palestine được tự trị.

Kế hoạch này đã được sản sinh ra vào tháng 6 ở Riyadh, nơi mà hoàng thân Fahd Arabie đã mời Arafat tới, và thuyết phục ông ta cải thiện các quan hệ với Hoa Kỳ, bằng cách bắt đầu giảm các hoạt động khủng bố, ít ra cũng trong một thời gian. Koweite đã phối hợp với các hoạt động với những khả năng được biết tới một cách rộng rãi của ngài Đại sứ Koweite, Abdalla Yaccoub Bishara, khi đó đang giữ chiếc ghế trong Hội đồng Bảo an của Liên hợp quốc.

Để trấn an Israel, người Mỹ đã thẳng thừng bác bỏ việc bỏ phiếu cho bất kỳ dự án nào chủ xướng cho một Nhà nước Palestine độc lập, ngoại trừ khả năng của một nghị quyết ôn hoà hơn nhằm khẳng định một cách đơn giản những quyền chính đáng của người Palestine ăn khớp với các điều khoản của Nghị quyết 242 cùng với các thoả thuận ở Trại David.

Khi Thủ tướng Ai Cập, Moustapha Khalil thông báo với các cuộc thương thuyết đang diễn ra tại Khách sạn Mont Carmel, nằm đối diện với cảng Haifa, rằng - nước ông ủng hộ một nghị quyết của Liên hợp quốc về những quyền của người Palestine, thì Bộ trưởng Luật pháp của Israel, Samuel Tamir, đã lên án Ai Cập “đang đưa toàn bộ tiến trình hoà bình tới chỗ nguy hiểm”. Không thể tránh khỏi là bản thân Mossad đã lo ngại về sự phát triển của tình hình, đặc biệt về vai trò đang mạnh lên đối với trong nước của Bộ trưởng Quốc phòng Israel, Eier Weizman. Học viện không tin

tướng vào viên cựu phi công, người đã từng là chỉ huy phó các lực lượng vũ trang trong cuộc chiến tranh Sáu ngày, một sỹ quan anh hùng và là cha đẻ của các huyền thoại của không quân Israel. Ông ta là một người bạn của các nước Ả Rập, thậm chí với cả một kẻ phản bội. Tính hung hăng đối với ông là một điều phi lý. Mặc dù ông ta là Bộ trưởng Quốc phòng, người ta cũng không báo bất kỳ một tin tức nào tuyệt mật cho ông. Weizman là một tinh thần tự do, một loại người có khả năng đồng ý về một điểm, nhưng lại bất đồng toàn bộ về một vấn đề khác. Ông ta không đứng thẳng hàng một cách có hệ thống trên lập trường của đảng ông ta. Ông ta làm điều gì ông ta cảm thấy là đúng. Những con người dạng này thường là nguy hiểm vì không thể đoán trước được.

Tuy nhiên, Weizman đã qua những thử thách. Trong một nước mà hầu hết mọi người phải thực hiện nghĩa vụ quân sự, thì quân đội là quan trọng. Làm thế nào mà người ta ở được với một Chính phủ được cấu tạo với 70% là tướng lĩnh. Dư luận hình như không hiểu được những cái chính yếu trong việc này.

Ngay chính giữa Begin và Dayan đã có những sự bất đồng. Dayan, một Đảng viên Công Đảng ngay từ những giờ phút đầu tiên, đã rời khỏi Đảng để ra nhập với Begin, một nhân vật có uy tín lớn trong phái hữu Israel. Tuy thế, hai con người này đã nhìn những người Palestine với một cách hoàn toàn khác. Vì vậy mà Dayan đã xem phần lớn những thành viên Công Đảng của thế hệ ông như những người đối địch, nhưng vẫn nằm trong một dân tộc. Khi Begin và Đảng của ông nhìn những người Palestine, họ không thấy đó là một dân tộc, mà chỉ là một vấn đề. Dayan nói: *“Tôi thích được sống hoà bình với họ hơn, và tôi nhớ lại cái thời chúng tôi đã như vậy”*. Begin đã nói: *“Tôi có lẽ thích rằng họ không sống ở đó, thế nhưng tôi không thể làm được điều gì lớn lao”*. Những quan điểm khác nhau như vậy không có gì ngạc nhiên là những xích mích giữa hai người ngày càng nhiều.

Chính trong bối cảnh đó, Mossad đã có tiếp xúc với những người trồng thuốc phiện ở Thái Lan. Khi đó, người Mỹ đã tính thúc ép những người nông dân bỏ việc trồng cây thuốc phiện và thay vào đó là trồng cà phê. Kế hoạch của Mossad là len vào phần này để giúp người Thái Lan trồng cà phê - nhưng cũng nhằm xuất khẩu thuốc phiện, một nguồn tài chính cho các hoạt động của Học viện.

Một trong những hoạt động của họ là tăng cường những nỗ lực của Al, ở New York và ở Washington, để phá quyết tâm của Ả Rập tìm kiếm sự giúp đỡ của Hoa Kỳ nhằm để đem lại cho PLO - hay cho người Palestine nói chung - một quy chế cao hơn, qua trung gian Liên hợp quốc.

Những người không hiểu được là những người Israel hoàn toàn không vui thú gì với các âm mưu này, đã liên tục có các cuộc tấn công vào các làng mạc của Israel, những vụ tàn sát, một không khí nguy hiểm luôn thường trực. Người ta đã kiểm tra túi sách tay trước khi vào các cửa hiệu lớn và trước khi vào các rạp chiếu bóng. Nếu người nào đó bỏ quên chiếc cặp của mình, họ có thể phải chờ vào cảnh sát lượm được nó và làm cho nó nổ.

Một số đông người Palestine ở Cisjordanie kéo đến Israel để làm việc. Một số những người Israel, trong lúc thực thi nghĩa vụ quân sự của mình, đã đi tuần tra trong khu vực này, và họ biết rằng những người Palestine căm ghét họ. Ngay cả những người tả khuynh và người ta nghĩ rằng mỗi căm ghét này là chính đáng và không muốn kết cục bị xé nát ra.

Thường gặp những người cánh hữu bày tỏ sự ngờ vực của họ đối với những người Palestine trong đối xử với họ, đó đúng là một cái vòng luẩn quẩn. Nếu có một người cánh tả nào đề nghị: *“Hãy để cho họ tham gia vào bầu cử”*. Thì một người Israel cánh hữu sẽ trả lời: *“Đừng bao giờ nghĩ tới điều đó. Họ sẽ bầu một người mà tôi không muốn nói tới”*. Người theo cánh tả lại lập luận: *“Nhưng họ đã tuyên bố ngừng bắn”*. Rồi người theo cánh hữu đáp lại: *“Cuộc ngừng bắn nào? Chúng tôi không công nhận người*

Palestine như một nhóm có khả năng ra lệnh cho một cuộc ngừng bắn.” Ngày hôm sau, một người Israel bị giết do một quả bom và thế là người theo cánh hữu kết luận: *“Ông đã thấy chưa, tôi đã nói với ông rằng họ sẽ không tôn trọng lệnh ngừng bắn mà”*.

AI đã hoạt động tại New York từ năm 1978 để thu thập tin tức về các hoạt động được những người Ả Rập triển khai xung quanh các cuộc thương lượng hoà bình do Carter mong muốn. Tháng 9 năm 1975, Bộ trưởng Ngoại giao Kissinger đã chính thức cam kết rằng Hoa Kỳ không công nhận PLO và không thương lượng với PLO trước khi PLO xác nhận quyền tồn tại của Israel. Trước tiên là Gerald Ford, rồi sau là Carter tuyên bố rằng họ tôn trọng cam kết này. Tuy nhiên, người Israel không tin hoàn toàn vào đó.

Tháng 11 năm 1978, sau các cuộc thương lượng ở Trại David, nghị sỹ Quốc hội, Paul Findley, Đảng Cộng hoà tiểu bang Illinois, thành viên của ủy ban Ngoại giao của Hạ viện, đã đem một bức thư của Carter cho Arafat, tại Damas, trong một cuộc họp, mà ở đó nhà lãnh đạo Palestine đã tuyên bố rằng PLO sẽ trở nên không bạo lực, nếu người ta tạo ra một Nhà nước Palestine độc lập trên bờ sông phía Đông của Jordain và trong dải Gaza, với một hành lang nối liền hai vùng. Ngay từ năm 1977, Carter kêu gọi một “bên” Palestine, và vào mùa xuân 1979, Milton Wolf, Đại sứ Mỹ ở Áo, một người Do Thái lỗi lạc, gặp đại diện của PLO tại Viên, ngài Issam Sartauoi, đầu tiên là tại một bữa tiệc do Chính phủ Áo tổ chức, rồi sau đó tại một buổi cocktail do Đại sứ quán Ả Rập chiêu đãi. Wolf đã nhận sứ mệnh gặp Sartauoi, nhưng không thảo luận vấn đề gì quan trọng cả. Vào giữa tháng 7, khi Arafat tới Viên để gặp Thủ tướng Áo, Bruno Kreisky và cựu thủ tướng Đức Willi Brandt, Wolf và Sartauoi đã có một cuộc họp nghiêm túc để thảo luận những cuộc thương lượng. Khi tin tức đã tiết lộ, Bộ Ngoại giao tuyên bố đã chính thức “nhắc nhở” Wolf về chính sách khước từ của Mỹ với bất kỳ một cuộc thương lượng nào với PLO, nhưng Mossad thừa hiểu rằng Wolf chỉ làm theo những chỉ thị trực tiếp của Washington.

Tại Mỹ, có một phong trào phát triển, có lợi cho việc giữ một lập trường hoà bình. Ngay cả người Ả Rập cũng đã phải thấy những cái lợi của lập trường ấy và Mossad, nhờ có các micro cài đặt trong văn phòng của nhiều Đại sứ và những người lãnh đạo Ả Rập tại New York và Washington, đã biết được rằng PLO dự định ủng hộ lập trường của Kissinger đưa ra năm 1975, và dự định công nhận quyền tồn tại của Israel.

Đại sứ Mỹ tại Liên hợp quốc, khi đó là Andrew Young, một người theo phái tự do da đen, bạn gần gũi của Carter, ông ta là người đầu tiên tán thành Tổng thống và đã đóng vai trò trong mối tiếp xúc chính giữa Nhà Trắng với người da đen. Đại sứ với lối nói thẳng và thường gây tranh luận, Young là một sản phẩm thuần túy của phong trào người Mỹ vì các quyền dân sự và đã có một yếu kém đối với những năng khiếu (hoặc đối với gia tài). Trong lúc nghiêng về Israel đã cho là chống người Israel lợi hơn là chống những người thân Palestin. Young đã được thuyết phục rằng, Carter muốn có một giải pháp, một quy chế giải phóng những người Palestine khỏi tình cảnh mà họ đang là những tù nhân, và điều đó đồng thời cũng tạo ra những điều kiện hoà bình trong khu vực.

Young chống lại việc thiết lập các khu định cư mới cho người Do Thái ở Cisjordanie, nhưng tuy thế lại muốn đặt trở lại tiểu ban do người Ả Rập về một nghị quyết nhằm công nhận PLO ở Liên hợp quốc, ông lập luận rằng một văn kiện như thế không dẫn đến đâu và vì vậy, vấn đề có giá trị là thảo ra một cách tốt nhất một nghị quyết có cân nhắc hơn, cuối cùng điều đó cho phép đạt được cùng một mục tiêu và có thể có cơ may được thông qua.

Bishara, Đại sứ Koweit, là lực lượng thúc đẩy phía sau nghị quyết của Ả Rập, đương nhiên có quan hệ với người đại diện chính thức của PLO ở Liên hợp quốc, Zehdi Labib Terzi. AI đã thuê các căn hộ trong khắp New York và Washington, đã đặt rất nhiều máy nghe trộm, những cái đó cho phép bắt được một cuộc nói chuyện giữa Bishara và Young, ngày 15 tháng 7: Những người Ả Rập không thể hoãn cuộc thảo luận của Hội đồng Bảo an

Liên hợp quốc về nghị quyết và khuyên rằng Young sẽ thảo luận vấn đề đó với một ai đó của Young tuyên bố với Bishara rằng ông không thể gặp đại diện của PLO, nhưng nói thêm: *“Tôi không thể không từ chối lời mời của một thành viên Hội đồng Bảo an tới nhà ông ta thảo luận công việc”*. Bishara, dĩ nhiên, là một thành viên của Hội đồng Bảo an, rồi Young nói tiếp: *“Cũng không thuộc thẩm quyền của tôi để nói ai là người anh sẽ tiếp đón tại nhà anh.”*

Ngày 25 tháng 7 năm 1979, một điện tín từ New York tới trụ sở của Mossad ở Tel Aviv: *Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc cần gặp đại diện của PLO ở Liên hợp quốc*. Điện tín mang một câu; *“Hoả tốc. Sự tử. Đen”*, điều này có nghĩa rằng bức điện tín đó được dành cho Thủ tướng và một vài người cộng sự của ông ta có cấp bậc cao hơn - có khả năng không quá tổng số năm nhân vật.

Bức điện bằng mật mã đã được chuyển tới văn phòng của Giám đốc Mossad, Ithak Hofi, là người đích thân mang bản dịch điện tới cho thủ tướng Begin. Những nhà lãnh đạo của Israel đã từng sờ biết được rằng Young đã chuẩn bị gặp Terzi. Vấn đề là ngay bây giờ phải biết liệu có cần ngăn chặn cuộc tiếp xúc này hay cứ để nó diễn ra. Giải pháp thứ hai chứng tỏ rằng mối lo sợ của Israel là có cơ sở, rằng luôn có những sự thay đổi về thái độ của Hoa Kỳ đối với Israel. Giải pháp thứ hai, sẽ cho những người bạn Mỹ của Israel trong cấp lãnh đạo thấy mối nguy hiểm mà chính sách hiện nay của Mỹ đang tiềm ẩn, và từ cùng một cách làm sẽ gây nên sự thay đổi có lợi cho Nhà nước Do Thái.

Giải pháp đó cũng sẽ giúp để loại bỏ Young, con người được xem như một mối đe dọa vì sự cởi mở tinh thần của ông và vì thái độ tích cực của ông hướng về PLO. Ông ta không đáp ứng được những mong muốn của Israel.

Ngày 26 tháng 7, Young và người con trai của ông, Andrew, 6 tuổi, tới một khách sạn đặc biệt ở Bishara. Lúc đó, những máy nghe của AI đã thu

được tất cả những gì người ta nói. Young đã được một người Koweit và Đại sứ Syrie tiếp. Năm phút sau đó, Terzi tới, và trong lúc cậu con trai đang chơi một mình, ba nhà ngoại giao thảo luận và chắc là thoả thuận để cuộc họp của Hội đồng Bảo an được họp lùi lại từ ngày 27 tháng 7 tới ngày 23 tháng 8. (Phiên họp thực tế đã được để lại).

Ngay sau đó, Young cùng cậu con trai ra đi. Khoảng gần một giờ sau đó, *katsa* của AI đã mang đi một bản ghi đầy đủ cuộc thảo luận, và người chỉ huy ăng ten, Uri Dinure, đã đáp máy bay của hãng E1 AI đi Tel Aviv, ông được Itzhak Hofi đón ở sân bay. Hofi đã trả lời bức điện trước mà ông đã nhận: “*Con nhện đã nuốt con ruồi*”. Hai người đã trực tiếp mang bức điện tới Begin, trên quãng đường đi, Hofi đã nắm tình hình. Dinure chỉ lưu lại Israel sáu tiếng đồng hồ trước khi ra đi cùng với một bản sao ghi lại điều mà ông ta phải đem trao cho Đại sứ Israel tại Liên hợp quốc, ông Yehuda Blum, một chuyên gia luật pháp quốc tế, gốc Tiệp Khắc.

Hofi không muốn rằng các phương tiện thông tin đại chúng biết cuộc gặp gỡ này. Đặc biệt, ông không muốn “nướng” cháy cả mạng lưới của ông tại New York. Vì vậy, để Begin có thể giành được lợi thế khi nói trực tiếp với Chính phủ Mỹ và thảo luận với họ - như là những người Israel đã làm sau các cuộc tiếp xúc của Milton Wolf với PLO tại Viên. Hofi nói thêm rằng về khía cạnh chính trị, ở Hoa Kỳ, sẽ rất xấu khi đổ lỗi cho Young, một người có sự hậu thuẫn của một đa số những người da đen và bằng mọi cách, người ta sẽ không đạt được sự nhượng bộ của người Mỹ ở đằng sau hậu trường.

Những ngoại giao không làm Begin thích thú. Ông muốn dùng máu. Tuy thế, hai người cũng thoả thuận là việc tiết lộ sự việc chẳng nhằm phục vụ cái gì và chỉ chuốc lấy nguy hiểm “nướng cháy” mạng lưới của họ thôi. Tờ tạp chí *Newsweek*, do vậy chỉ thông tin rằng Young và Terzi đã gặp nhau. Điều này, đương nhiên gợi lên những vấn đề với Bộ Ngoại giao. Bộ Ngoại giao sẽ yêu cầu Young có sự giải thích. Ông này trả lời, trước hết ông

đi dạo chơi với cậu con trai, đi qua chỗ Bishara. Tại đây, bất ngờ ông gặp Terzi. Họ đã trao đổi với nhau “những câu chuyện thân tình” trong khoảng 15 phút, ngoài ra không có gì hơn nữa.

Vance, người vừa từ Equateur trở về, nhận được bức điện của Young làm rõ những sự việc. Được nhẹ nhõm khi biết rằng đó chỉ là một cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ ủy nhiệm cho người phát ngôn, Tom Reston, công bố bản giải thích của Đại sứ, vào trưa ngày thứ hai, 13 tháng 8.

Sự việc hình như không thành công, Mossad dàn xếp để Young có nghe đồn đại của dư luận, theo đó, ông ta đã lầm lẫn một cách ghê gớm, nếu ông ta nghĩ rằng Israel sẽ dừng lại ở đó.

Lo lắng, Young đã xin và đạt được một cuộc trao đổi với Yehuda Blum. Cuộc gặp diễn ra trong hai giờ. Người Mỹ không biết Blum đã có trong tay một bản dịch về cuộc thảo luận với Bishara và Terzi. Việc này cho phép người Israel làm cho Young nói ra nhiều hơn những điều ông ta đã tuyên bố với Bộ Ngoại giao Mỹ.

Blum không say mê gì Young - trong phần lớn những báo cáo của mình, ông ta không làm lớn công việc của người Mỹ, nhưng đây là một mục đích của ngoại giao. Biết chính xác được những sự việc đã xảy ra, Blum đã làm cho Young phải thú nhận về toàn bộ câu chuyện. Điều này có nghĩa rằng, từ giờ trở đi, người Israel có thể nêu tên Young như một nguồn để không phải tiết lộ là họ đã biết sự việc ngay từ đầu. Young, người vẫn còn tin rằng Israel muốn trước hết là mở các cuộc thương lượng, đã không hiểu rằng người ta đã lừa dối ông. Sau cuộc trao đổi với Blum, và những lời thú tội của Young, Đại sứ Mỹ ở Israel bị Begin triệu tới. Begin chính thức phàn nàn. Những lời rì rầm ngay sau đó đã cùng một lúc được đưa ra trong giới ngoại giao và báo chí để bảo đảm rằng nó vẫn đi đúng đường của Washington.

Vào lúc 7 giờ ngày 14 tháng 8, một bức điện khẩn của Đại sứ Hoa Kỳ tại Tel Aviv đã đến văn phòng của Vance ở Washington; những điều mà Young đã kể cho Blum nghe, theo người Israel, khác nhiều với những điều ông ta đã tuyên bố với Bộ Ngoại giao, và khác nhiều với điều ông nay đã thông báo cho các phương tiện thông tin đại chúng. Vance tới Nhà Trắng, nói với Carter rằng Young phải từ chức. Tổng thống chấp nhận, nhưng có một vài do dự, rồi yêu cầu có 24 giờ để suy nghĩ. Young tới khu nhà riêng của Tổng thống ở Nhà Trắng vào lúc 10 giờ sáng ngày hôm sau - ngày 15 tháng 8 năm 1979, với bức thư xin từ chức cầm trong tay. Sau 1 giờ 30 thảo luận, Young bước ra ngoài một lúc rồi gặp lại Carter. Hai người đi tới văn phòng của Hamilton Jordan. Tại đây, các cộng sự chính của Nhà Trắng đã có mặt. Các trợ lý của Carter ngồi xung quanh ông, Young đã thông báo với các bạn mình rằng ông từ chức. Hai giờ đồng hồ sau đó, bí thư phụ trách quan hệ với báo chí, Jody Powell, vừa có khả năng trấn an được sự sững sốt cho bản thân, đã tuyên bố rằng, thật không may Young đã từ chức.

Strauss, phái viên đặc biệt của Hoa Kỳ, tuyên bố trên chuyến máy bay đưa ông tới Trung Đông: *“Vụ Young... đang giữ lại những nghi ngờ mà không có cơ sở, theo đó Hoa Kỳ đang bí mật xử lý với PLO”*.

Sau này, Young cố gắng chứng minh:

— Tôi không nói dối, tôi chưa nói hết sự thật. Tôi đã đưa ra trước các câu chuyện đáng chú ý này của mình (ở Bộ Ngoại giao) *“Tôi sẽ chuyển đến các bạn một lời giải thích chính thức.”*, tôi đã đưa ra một giải thích chính thức rồi, lời giải thích đó không phải là một cách lừa lọc.

Nhưng sự không may đã xảy ra, Young bị đổ lỗi, và việc đó đã kéo theo một thời gian dài trước khi mà Hoa Kỳ không có dự tính giải quyết với PLO. Vì thế, thông qua mạng lưới hoạt động bí mật rộng lớn của mình, AI đã thành công trong việc chấm dứt nghề nghiệp của một trong số những người bạn thân nhất của Carter - nhưng mà ông ta lại không được xem là người bạn của Israel.

Trong vài ngày, câu chuyện đã được nêu trên trang nhất của các báo chí và Uri Dinure, thấy rằng khu vực đã trở nên không lành mạnh (có nguy hại), đã yêu cầu cho mình thuyền chuyển. Tất cả những khu nhà thuê bí mật đều đóng cửa.

Mạng lưới của New York được đặt ở những khu nhà khác. Học viện chờ đợi một chiến dịch có quy mô chống lại họ - chiến dịch này đã không xảy ra. Điều được nghe thấy, chỉ đơn giản là một tiếng réo của một quả bom rơi: Người ta chờ một tiếng nổ, nhưng điều này không đến.

Tuy nhiên, những chính sách lại tung ra từ sự việc, đã mở ra một trong những chương đen tối nhất của quan hệ giữa người Do Thái và người Da đen ở Hoa Kỳ.

Những người lãnh đạo của cộng đồng người da đen Mỹ thấy rụng rời vì sự ra đi của Young. Richard Hatcher, Thị trưởng của Gary, trong vùng Indiana, đã tuyên bố với tạp chí Time rằng đây là một sự “tử chức bị ép buộc”, một “sự xúc phạm tới công chúng người da đen”. Benjamin Hooks, người lãnh đạo Hiệp hội quốc gia vì sự tiến bộ của những người da màu (NAACP) đã nhấn mạnh rằng Young đã là một con “cừ non hi sinh đúng lúc để tránh bị xóa tên mình”. Young - ông ta nói - có lẽ phải nhận một chiếc huân chương đối với “cú nổ ngoại giao” vào lúc ông mất việc làm.

Về phần mình, mục sư Jesse Jackson, người sau này là ứng cử viên Tổng thống, đã tuyên bố: *“Việc tử chức ép buộc này đã tạo ra một bầu không khí cực kỳ căng thẳng”*. Những mối quan hệ giữa người Do Thái và người Da đen “đã trở nên căng thẳng hơn những mối quan hệ có từ 25 năm nay Bản thân Young, bằng mọi cách tránh cho ý tưởng của một cuộc xung đột giữa những người da đen và người Do Thái, đã tiên đoán có “một cái gì đó giống như cuộc đụng độ giữa những người bạn”. Ông ta nói rằng thái độ mới của cộng đồng người da đen về vấn đề Trung Đông “tuyệt đối không thể được xem là chống Do Thái”.

Những nhà lãnh đạo da màu khác muốn biết vì sao Young “từ chức” vì đã gặp một đại diện của PLO; trong khi đó, Đại sứ Mỹ. Wolf, nhà lãnh đạo người Do Thái vào loại hàng đầu gặp gỡ với một đại diện của PLO, lại không bị cách chức, mặc dù ông đã có nhiều cuộc gặp gỡ với PLO. Dĩ nhiên, sự khác biệt chủ yếu, đó là Wolf không bị bắt trong lúc đang nói bậy về chủ đề này.

Trên thực tế, kẻ chiến thắng chính của trò chơi mánh khoé này dường như là PLO chứ không phải là Israel, vì rằng rất nhiều tổ chức của người da đen Mỹ đã bày tỏ sự ủng hộ của họ với Young, và sự nghiệp của người Palestine mà trước đây, ít được các phương tiện thông tin đại chúng chú ý một cách rộng rãi, đã đột nhiên thu được sự chú ý thuận lợi hơn. Cuối tháng 8, mục sư Joseph Lowery, Chủ tịch của Hội nghị những nhà lãnh đạo Thiên Chúa giáo Miền Nam, một phong trào Thiên Chúa giáo, đã đưa một đoàn đại biểu tới New York để bày tỏ với Terzi sự ủng hộ không điều kiện của họ đối với “những quyền của tất cả người Palestine, trong đó gồm cả quyền tự quyết có liên quan đến Tổ Quốc họ”. Hôm sau, khi gặp Blum, Đại sứ Israel, nhóm này đã tuyên bố rằng họ không từ bỏ “sự ủng hộ những quyền của người Palestine, cũng như (họ không từ bỏ) luôn ở bên cạnh PLO tiếp tục ủng hộ cho một Nhà nước Israel”. Blum đã trả lời: *“Sẽ là vô lý nếu đem so sánh chúng tôi với PLO. Điều đó chẳng khác nào quay lại xếp ngang bằng giữa những tên tội phạm với những người cảnh sát”*.

Một tuần sau, 200 nhà lãnh đạo da đen Mỹ tụ họp ở trụ sở của NAACP tại New York và cùng nhấn mạnh rằng: “Một số những nhà tri thức và các tổ chức của người Do Thái, những người trước đây từng là niềm khát vọng của người da đen Mỹ đang bảo vệ tính nguyên trạng về chủng tộc cho tới ngày nay... Những người Do Thái phải chứng tỏ hơn nữa tính nhạy cảm, chứng tỏ sẵn sàng đối với những sự thay đổi quan điểm ngày càng nhiều trước khi có những lập trường trái ngược đối với lợi ích của cộng đồng người da đen”.

Một nhóm gồm 11 tổ chức người Do Thái đã đáp lại: *“Chính vì nỗi lo lắng và nổi tức giận mà chúng tôi đã chú ý tới những tuyên bố này. Chúng tôi không thể làm việc với những người mà họ chỉ nói một nửa sự thật, và một nửa là những lời nói dối và sự cuồng tín, cho dù núp dưới sự đánh lạc hướng nào đi nữa... Chúng tôi không có thể làm việc với những con người không chịu lùi bước đối với sự dọa nạt người Ả Rập”*.

Tạp chí Time đã đưa ra hình ảnh Jesse Jackson ôm hôn Arafat trong khuôn khổ một sứ mệnh - Trung Đông mà nhà lãnh đạo da đen, mà bản thân ông ta tự phân định cho mình, sau khi mà Begin đã từ chối không gặp gỡ Arafat vì lý do tình cảm của Arafat đối với PLO. Jackson đã gọi sự từ chối này là “sự loại bỏ những người da đen Mỹ, loại bỏ sự ủng hộ của họ và loại bỏ tiền bạc của họ”. Cũng cùng trong chuyến công du này, Lowery, người cùng đi với Jackson, đã hát bài We Shall Overcome - “Chúng ta sẽ chiến thắng” đồng ca với Arafat.

Vài ngày sau đó, Chủ tịch Liên đoàn Đô thị toàn quốc, Vernon E. Jordan Jr, định trấn an cơn bão tố trong một bài diễn văn ở Kansas City: *“Những mối quan hệ giữa người Do Thái với người da đen, không nên để rơi vào mối nguy hiểm bởi những người đại dốt luôn được ve vãn với các nhóm khủng bố gắn vào việc thanh trừ của Israel. Phong trào vì những quyền dân sự của người da đen đã không có gì chung với các nhóm mà sự xâm nhập của họ đối với quyền chính đáng đã được thoả thuận bằng một cuộc sát hại thảm nhiên những người dân vô tội và những học sinh”*.

Jackson, người gọi PLO là “Chính phủ lưu vong”, đã gặp Jordan - Chicago và ông này đã giải thích bằng cách như sau: *“Chúng tôi đã thoả thuận với nhau để không đồng ý mà không làm phiền nhau”*. Không thích hợp với Dayan, Tháng 10 năm 1979, một mối với đường lối cứng rắn do Begin áp đặt đối với vấn đề Palestine, Dayan đã đưa đơn từ chức 1 vào một buổi sáng chủ nhật, ngay giữa cuộc họp của Văn phòng Thủ tướng để chính bản thân Begin lo liệu Bộ Ngoại giao. Sau này, trong một cuộc phỏng vấn

dành cho Dean Fisher, trưởng văn phòng của tạp chí Time ở Jerusalem, và David Halevy, phóng viên của tạp chí. Dayan khẳng định: “*Những người Palestine muốn có hoà bình, họ sẵn sàng đưa ra một quy chế. Tôi tin tưởng rằng điều đó là khả thi*”.

Có thể. Ông đã không sống được tương đối lâu để nhìn thấy điều đó.

Sự việc đã mở ra con đường cho khá nhiều những hoạt động thu thập tin tức bên cạnh các nghị sỹ, bởi vì Mossad hình như đã được bật đèn xanh: Người Mỹ đã buộc phải hiểu việc cài cắm của Học viện, tuy vậy, không xảy ra một việc gì, không một ai phản đối. Trong thế giới tình báo, nếu như các anh bắt được một ai đó làm gián điệp và các anh hãy nhìn một cách khác, nó sẽ được khích lệ để thử làm những công việc tàn bạo hơn cho tới lúc mà các anh đánh nó chán tay hay nhức óc, tùy theo từng trường hợp.

AI đã tập hợp những tin tình báo được thực hiện trong nhiều chỗ ở khác nhau, những thông tin từ Thượng viện và Hạ viện. AI đã tiếp xúc, tuyển mộ, tìm các bản sao tài liệu - tiến hành mọi hoạt động của một ăng ten. Các *katsa* của Mossad thường lui tới các buổi dạ hội được tổ chức tại New York và Washington. Tất cả các *katsa* đều đứng đầu các doanh nghiệp hợp pháp. Thậm chí, có một người trong số họ điều hành một công ty bảo vệ. Công ty này hiện còn tồn tại.

Mossad ngoan cố không nhận sự hiện diện của AI. Tại Học viện, người ta khẳng định rằng Mossad không hoạt động ở Hoa Kỳ. Nhưng phần lớn các thành viên của cơ quan biết rằng AI tồn tại, ngay cả như họ không biết chính xác việc nó làm. Khi vụ Pollard bùng nổ, Mossad đã quả quyết một cách cứng đầu: “*Có một vấn đề chắc chắn là: Chúng tôi không hoạt động ở Hoa Kỳ*”.

Cái đó chỉ chứng tỏ rằng người ta không thể luôn tin vào người tình báo trên lời nói.

Chương VII: **HOẠT ĐỘNG MOISE**

Tất cả mọi người đều ở đó: Những nhà ngoại giao chạy trốn cái nóng ngột ngạt của Khartoum; những người du lịch châu Âu đến để học lặn xuống biển Hồng Hải, hay cùng nhau đi du ngoạn trong sa mạc Nubien; những nhà lãnh đạo Soudan, đứng trước Mecque (thành phố thánh đường của Ả Rập Saudi. Các tín đồ Hồi giáo ít nhất hành hương đến đây một lần trong đời họ).

Làm thế nào mà người ta đã có thể hiểu được đó là một “vỏ bọc” của Mossad? Vào một buổi sáng của tháng 1 năm 1985, khi khoảng năm chục khách hàng phát hiện ra một người mất tích - ngoại trừ một vài thứ để lại đó để ăn bữa điểm tâm sáng - thì người ta không hiểu đã xảy ra điều gì. Tối hôm nay còn ít người biết được điều ấy. Đối với những người du lịch, những người chủ châu Âu phức tạp đã phải phá sản, như người mất tích ghi chép để lại giải thích về việc đó. Người ta đã hứa bồi hoàn tất cả (những cái họ đạt được). Những người làm công, về hình thức làm cho Mossad hay cho hải quân Israel phải theo dõi một cách bí mật trong đêm tối, trên tàu hoặc trên máy bay. Họ đã để lại cho khách đồ ăn thừa thãi, cũng như bốn chiếc xe tải để chở họ tới Port-Soudan.

Điều đã xảy ra trong câu lạc bộ nghỉ hè, trên thực tế là một cuộc vượt trốn không bao giờ nhìn thấy, một câu chuyện mà thế giới chỉ được biết một phần dưới cái tên Operation Moise (Hoạt động Moise): Việc cứu vớt hàng nghìn người Do Thái da đen Ethiopie, hay những người Falachas, được lôi ra từ một nước Ethiopie bị tàn phá bởi hạn hán, bởi chiến tranh xâu xé, rồi đưa họ về Israel.

Nhiều tin tức, thậm chí cả các cuốn sách, đã kể về hoạt động táo bạo và bí mật này nhằm di tản bằng máy bay những người Falachas ra khỏi các trại tị nạn của Soudan và của Ethiopie. Một chiếc máy bay vận tải 707 thuê

riêng của một công ty Bì đã được dùng để chuyên chở họ từ Khartum hay Addis-Abeba tới Tel Aviv, bay ngang qua Athen, Bruxelles, Rôm hay Bale.

Những bản báo cáo này - tất cả đều do những chuyên gia khai thác tin của Mossad cung cấp - đã khẳng định rằng 12.000 người Do Thái da đen Ethiopie đã được cứu sống trong suốt cả hoạt động ngăn và ly kỳ này. Trên thực tế, có khoảng 18.000 người được di tản, trong đó chỉ có 5.000 người đi bằng máy bay thuê riêng mà người ta nói tới nhiều. Phần còn lại, chính là sự phức tạp du lịch” của biển Hồng Hải đã gánh chịu.

Cuối thế kỷ vừa qua, hàng trăm nghìn người Falachas đã sinh sống ở Ethiopie, nhưng vào đầu những năm 1980, con số giảm xuống còn 25.000 người, thêm vào đó, họ bị ở phân tán trong tỉnh Gondar xa xôi trong vùng Tây Bắc của đất nước. Từ hai thế kỷ nay, người Falachas mong chờ được trở về vùng Đất Hứa, nhưng chỉ tới năm 1972, họ mới chính thức được Israel công nhận như những người Do Thái. Pháp sư Sefarade Ovadia Yosef tuyên bố rằng những người Falachas thuộc “một cách chắc chắn về bộ tộc Dan”. Điều này đã làm họ trở thành những người dân của lãnh thổ thuộc thánh kinh Havileh, ngày nay ở Torah, những Thánh địa chính của tôn giáo Do Thái. Họ đều cắt bao quy đầu, tuân thủ giáo phái Sabbath và những quy định đúng nghi lễ của con vật giết để thờ cúng của người Do Thái. Việc lạ lùng là một trong số những lập luận chủ yếu đã đưa pháp sư đến kết luận: Những người Falachas là những người Do Thái, đó là họ không kỷ niệm Hanoukah, ngày lễ của thần Ánh sáng. Ngày lễ này tưởng nhớ tới chiến thắng của Judas Maccabé đối với Antiochos IV khoảng năm 167 trước Công nguyên. Sau thắng lợi đó, Đèn thờ đã được làm cho trong sạch và trở thành nơi thờ cúng (Antiochos IV Epiphane (175- 176, trước CN, đã đánh người Do Thái, nhưng không thành công).

Nhưng chiến thắng đó không phải là một phần lịch sử của những người Falachas đã rời bỏ Israel trước đây rất lâu cùng với Hoàng hậu Saba, trong thời trị vì của Vua Salomon.

Kết quả của những kết luận của Hội đồng pháp sư, một ủy ban thuộc Chính phủ, đã quyết định rằng những người Ethiopia có liên đới tới Đạo luật Trở về. Đạo luật này cho phép bất kỳ một người Do Thái nào, ngay từ khi trở về đất nước và sinh sống ở đó, mặc nhiên trở thành công dân Israel.

Năm 1977, khi Menahem Begin trở thành Thủ tướng, ông cam kết giúp đỡ những người Falachas trở về Đất Hứa. Nhà lãnh đạo Ethiopia, Mengistu, trong cuộc nội chiến cay đắng nổ ra đầu những năm 1970, đã ra lệnh trừng phạt nghiêm khắc bất kỳ một người Ethiopia nào định bỏ trốn, và Begin đã dàn dựng một kế hoạch chuyển giao bí mật vũ khí cho Ethiopia bằng cách chuyển đổi những hoạt động cứu những người Falachas bắt đầu từ Soudan và từ Ethiopia. Chỉ có 122 người Do Thái da đen, rời Addis-Abeba bằng máy bay khi Moshe Dayan, Bộ trưởng Ngoại giao Israel, thổ lộ với một ký giả của đài phát thanh ở Zurich, ngày 6 tháng 1 năm 1978, rằng Israel đã bán vũ khí cho Ethiopia. Mengistu, người yêu cầu giữ bí mật, đã huỷ bỏ ngay bản giao kèo mua bán.

Năm 1979, khi Begin và Anouar Al Sadate ký những thoả thuận Trại David, Israel thuyết phục Ai Cập để Tổng thống Gaaffar Al-Nemeyri cho phép những người Falachas được rời khỏi các trại tị nạn Soudan để đi Israel. Suốt trong những năm sau đó, một số ít người Falachas, có thể là 4.000 - một làn nước nhỏ thay cho một lớp sóng thủy triều được tính trước - thực sự đã trở về tới Israel. Vả lại kế hoạch này cũng bị chôn vùi khi Sadate bị ám sát năm 1981, và Nemeyri phải quy theo chủ nghĩa Hồi giáo. Năm 1984, tình hình đã trở nên bi thảm hơn. Vì hàng triệu người Ethiopia khác, những người Falachas đã phải chịu đau khổ một cách khủng khiếp về nạn hạn hán và nạn đói và đã bắt đầu dồn tới Soudan để kiếm cái ăn. Tháng 9 năm 1984, trong cuộc gặp Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, George Shultz tại Washington, phó Thủ tướng Israel, Itzhak Shamir, đã yêu cầu người Mỹ dùng ảnh hưởng của họ đối với Ai Cập và Ả Rập Saudi để đẩy Nemeyri cho phép có một cuộc cứu nạn dưới vỏ bọc là Viện trợ lương thực thực phẩm quốc tế. Soudan cũng có những vấn đề hạn hán của nước họ, và cuộc nội

chiến trong vùng phía Nam của đất nước, không hài lòng với viễn cảnh có hàng nghìn cái mồm há ra chờ chết. Nhưng những nhà lãnh đạo Soudan và Ethiopie đã yêu cầu bí mật tuyệt đối về điều đó. Từ tháng 11 năm 1984 đến tháng 1 năm 1985, hoạt động đã tồn tại trong bí mật. Tuần đầu tiên của tháng 1 năm 1985, George Bush, khi đó là Phó Tổng thống Hoa Kỳ, đã phái một chiếc máy bay Hercules tới Khartum - với sự thoả thuận của Nemeyri tại đó, máy bay đã xếp 500 người Falachas lên, rồi đưa họ tới thẳng Israel.

Phần hoạt động này, về sau được mô tả một cách phong phú trên báo chí và các ấn phẩm khác. Rất nhiều người đã biết chuyện, nhất là người Mỹ, người Anh, người Ai Cập, người Soudan, thậm chí cả những người Ethiopie, cũng như nhiều nhà lãnh đạo của các đường bay châu Âu. Tất cả những người này đều giữ im lặng cho tới việc mà Yehuda Dorainitz, người chịu trách nhiệm của Hãng thông tấn Do Thái, để lộ ra cho một nhà báo *Nekuda*, một tờ báo nhỏ hàng ngày của người Do Thái di cư ở Cisjordanie, khi đó hoạt động cứu nạn còn đang tiếp tục. Điều này không chỉ chấm dứt hoạt động đã nói, mà còn chấm dứt cả hoạt động bí mật mà Mossad tổ chức trên hai bờ biển Hồng Hải.

Một cách tổng quát, vì những điều đã diễn ra trong vụ việc này, báo chí Israel đã biết ngay từ lúc khởi đầu - hoặc ít nhất, đã biết việc mà Mossad và Văn phòng Thủ tướng muốn để họ biết - nhưng báo chí chấp nhận giữ bí mật cho tới khi người ta cho phép xuất bản câu chuyện. Có một ủy ban của chủ bút các toà soạn - *Vaadat Orchim* - những nguyên tắc chính của các phương tiện thông tin đại chúng Israel, ủy ban này họp thường kỳ với những đại diện của Chính phủ để có những thông tin về các sự kiện đang diễn ra. Vì Chính phủ kiểm duyệt vô tuyến truyền hình, đài phát thanh cũng vậy, ngoại trừ một đài phát duy nhất. Các phương tiện Audiovisuel không bao giờ có vấn đề.

Tại các cuộc họp này, người ta phân phát cho các nhà báo những tài liệu chính thức mà người ta đã cố gắng để họ phân phát với nhau. Đôi khi,

người ta gửi cả những tài liệu qua các phái bộ ra ngoài, rồi nghe ngóng xem khi mà có lợi cho đất nước để công bố câu chuyện, thì họ đã có tất cả những thông tin cần thiết. Một số người nghĩ rằng hệ thống này có giá trị hơn là sự kiểm duyệt (Israel cũng còn sử dụng tới việc kiểm duyệt này).

Khi sự việc nổ bung ra ánh sáng, những người Ả Rập đã có một phản ứng có thể dự đoán trước được. Lybie đã kêu gọi có một cuộc họp đặc biệt của Liên đoàn các nước Ả Rập, và báo chí của nhiều nước Ả Rập đã lên án Soudan vì đã hợp tác với Israel về phần mình, Chính phủ Soudan đã phủ nhận mọi sự tham gia vào chiếc cầu không vận này và Bộ trưởng Ngoại giao, Hashem Osman kêu gọi các nhà ngoại giao Ả Rập, châu Phi, châu Á hãy lên án Ethiopie đã “nhắm mắt” đối với việc di dân Falachas để đổi lấy tiền và vũ khí của Israel. Goshu Wolde, Bộ trưởng Ngoại giao Ethiopie đã trả lời rằng Soudan đã trả tiền “cho một số lớn người Do Thái của Ethiopie để khuyến khích họ chạy trốn khỏi đất nước”. Trong một bài xã luận với giọng gay gắt, tờ báo của Koweite - tờ Al rai Aam đã viết: *“Việc vận chuyển bí mật những người Do Thái Ethiopie qua Soudan không có thể được xem là một việc bình thường mà nó phải được xem như một thất bại mới trừng phạt đối với quốc gia Ả Rập”*.

Người ta hãy hình dung xem có bao nhiêu người Ả Rập có thể đã phản nộ nếu như họ biết được tất cả sự việc.

Trong khi có hoạt động này, Thủ tướng Shimon Perés đã tuyên bố công khai: “Chúng tôi sẽ không ngừng việc làm cho những người anh em Ethiopie được quay trở về nhà họ”. Vào mùa xuân năm 1984, tình hình trở nên trầm trọng đối với người Falachas đang bị đói, Perés đã tìm cách thực hiện dự án. Trong khi mà các cuộc thảo luận đã diễn ra với các Chính phủ khác nhằm tổ chức một cầu không vận đi ngang qua Bruxelles, Perés đã đề nghị Nahum Admony, khi đó là ông chủ của Mossad, tìm một phương tiện cứu những người Falachas thêm nữa.

Ý thức được tính cấp bách của tình hình, Adraony đã yêu cầu được quyền sử dụng những nguồn trong nước, cả dân sự cũng như quân sự.

Sau cuộc gặp của ông với Thủ tướng Perés, Admony đã triệu tập David Arbel, lúc này phụ trách Tsafrim, ngành mà mục tiêu duy nhất của nó là cứu giúp những người Do Thái ở khắp mọi nơi họ bị đe dọa. Arbel, người mà chúng ta đã biết, đã làm một cái tên trong một vết nhoè của Lillehammer.

Cơ quan của Arbel chịu trách nhiệm thành lập các nhóm bảo vệ người Do Thái, gọi là *misgerot*, “những cán bộ” trên toàn thế giới, trong đó bao gồm cả một số bộ phận của Hoa Kỳ, nơi chủ nghĩa bài Do Thái được xem như một mối đe dọa. Những người có khả năng đặc biệt, những bác sỹ đã tạo thành một loại “dự trữ” và được gọi ra thực hiện việc giúp đỡ các “cán bộ” trong một thời hạn ngắn. Theo nguyên tắc chung, những người chịu trách nhiệm về “các cán bộ” trong các nước khác nhau đều là những thành viên kỳ cựu của Mossad đã về hưu. Nhiệm vụ của họ được xem như hành động đền đáp và việc làm trung thành, một *tshupar* - mục tiêu là sử dụng kinh nghiệm của những con người này.

Nhiệm vụ chính yếu của họ là giúp các nhà lãnh đạo của cộng đồng những người Do Thái phiêu bạt để bảo đảm an ninh của chính họ. Việc này đã được làm một phần thông qua những *hets va-keshet*, “cung và tên”, những đội thanh niên bán vũ trang (tự vệ). Nếu như tất cả các thanh niên Israel, trai cũng như gái, đều thuộc vào *eduday noar ivry* này, “những tiểu đoàn của thanh niên Hebreu”, những thanh niên của những nước khác thường qua kỳ hè ở Israel để học việc dựng lán trại, làm một cuộc hành quân, học sử dụng một khẩu carbine hay một loại súng tấn công Uzi. Một số người khác thì học xây dựng những nơi ở bí mật để giấu những tài liệu hoặc vũ khí, học những biện pháp bảo vệ an ninh, học tổ chức tiến hành một cuộc điều tra và thu thập tin tức.

Nếu như chưa bao giờ có một nhà lãnh đạo nào ủng hộ việc dùng các cán bộ ngoài quyền tự vệ, thì những kẻ thần thế của Mossad lại biết tất cả

những cái mà người ta vận dụng cho nó. Vì thế, Itzhak Shamir đã biết, nhưng Perés, một người chưa bao giờ thuộc Mossad, chắc chắn là không biết, mặc dù ông ta là Thủ tướng. Israel không bán vũ khí cho các “cán bộ” nước ngoài, nhưng đã cung cấp cho họ một cách gián tiếp thông qua việc dàn xếp với những tay lái súng quen biết.

Học viện không xem những “cán bộ” như những nguồn tin tức, mặc dù những người chịu trách nhiệm của họ qua kinh nghiệm biết rằng con đường ngắn nhất để đạt được những lời tán tụng là cung cấp những tin tình báo hữu ích. Một số lớn những thanh niên được đào tạo trong các trại hè ở Israel sau đó đã trở thành *sayanim*, và tạo thành những nhóm tình nguyện được huấn luyện tốt cũng đã chứng tỏ khả năng của họ nắm bắt những mối nguy hiểm. Ngoại trừ Canada và ngoại trừ phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ, những cộng đồng người Do Thái bạt xứ có những “cán bộ” được huấn luyện và vũ trang, sẵn sàng bảo vệ trong trường hợp cần.

Đối với hoạt động đặc biệt này, Mossad đã phải kêu gọi sự giúp đỡ của bên ngoài. Sau cuộc nói chuyện của mình với Admony, Arbel đã triệu tập tất cả những người chịu trách nhiệm của *Tsafirim*.

— Tôi mong muốn Entebbe “của tôi”- Ông ta nói- tôi muốn tên tôi đi vào lịch .

Arbel cắt nghĩa với họ rằng ông ta muốn đưa ra khỏi Soudan với số lượng lớn nhất người Falachas nếu có thể. “Tất cả”, ông ta đòi hỏi, và ông ta đã đề nghị họ hãy suy nghĩ tới các phương cách phải sử dụng.

Thông thường, cơ quan của Arbel hoạt động với ngân sách nghèo nàn, nhưng rõ ràng hoạt động lần này đã thu được tất cả những gì nó cần đến. Hayem Eliaze, người phụ trách sự đoàn chuyên môn hoá về những hoạt động bí mật để cứu người Do Thái đang sau chiến tuyến của kẻ thù, đã trực tiếp được giao chức trách của dự án Moise, với mệnh lệnh cung cấp một kế hoạch hoạt động một cách nhanh nhất.

Trong vòng ba ngày, Elaze đã tập hợp đơn vị của mình trong một buổi họp căng thẳng tại các văn phòng của vụ, đối diện với toà nhà chính của trụ sở Mossad, trên đại lộ lớn Gevirol, ở đúng bên trên Đại sứ quán Nam Phi tại Tel Aviv.

Trước những tấm bản đồ địa hình treo trên tường, mỗi người có những tin tức thu được về Soudan, trình bày quan điểm của mình về tình hình và cách thức tốt nhất để cập tới vấn đề. Phần lớn người Falachas ở trong các trại của Kassala và của Alatarch, ở phía Đông Khartum, về phía biên giới Ethiopie. Người ta không có thể trông mong vào sự giúp đỡ của quân phiến loạn Soudan miền Nam, những người đã chiến đấu từ nhiều năm nay chống lại Chính phủ trung ương.

Trong một cuộc họp, một trong những người nghiên cứu tấm bản đồ khu vực đã nhắc lại sự việc xảy ra bất ngờ gần Magna, trong mũi Đông-Bắc của biển Hồng Hải, khi một chiếc tàu phóng tên lửa của Israel trở về qua kênh Suez đã có những vấn đề trục trặc kỹ thuật với ra-da của tàu. Chiếc sa bàn đổi hướng đã bị làm ngẫn, chiếc tàu đã bị lạc đường. Nó đã bị mắc cạn, ngay giữa đêm tối trên một bãi biển của Ả Rập, việc làm thất bại này đã nổ ra một sự kiện quốc tế.

May mắn thay, con tàu chạy 30 hải lý, đã thấy một chỗ đi qua trong hàng rào ngăn của san hô trước khi nó trườn lên bãi biển. Trong vài giờ đồng hồ, một đơn vị lính biệt kích của hải quân Israel, đáp ứng ngay những lời kêu cứu của chiếc tàu phóng tên lửa, đã được phái tới địa điểm xảy ra sự cố. Tất cả những tài liệu của con tàu đã được lấy mang đi, tổ lái được chuyển qua một chiếc tàu khác, trong khi lính biệt kích dựng một đầu của chiếc cầu lên bãi biển để bảo vệ vị trí cần dùng. Rạng đông, mặt trời ló lên trên tấm bảng khác thường của tàu phóng tên lửa Israel bị mắc cạn trên bờ biển Ả Rập Saudi, được một đơn vị biệt kích canh giữ.

Giữa hai nước không có quan hệ. Những người lãnh đạo Israel đã đề nghị Hoa Kỳ thông báo cho người Ả Rập rằng không phải một cuộc đổ bộ

mà là một tai nạn, mặt khác, đề nghị bất kỳ ai tiến đến gần chiếc tàu sẽ bị bắn hạ. Bình thường, không có bất kỳ một người nào trong vòng hàng trăm kilômét ở khu vực hoang vắng này, nhưng, một sự ngẫu nhiên, có một bộ lạc người Ả Rập du cư, ở cách nơi đây khoảng một cây số rưỡi, đang tổ chức mừng lễ. May thay, họ không đi tới gần chiếc tàu. Ả Rập đã phái những nhà quan sát tới và đã đạt được một thoả thuận: Nếu những lính biệt kích rời bỏ những vị trí công sự của họ trên bãi biển, Ả Rập để cho những người Israel đưa tàu xuống nước.

Giải pháp thứ nhất được đưa ra là cho nổ tung chiếc tàu, nhưng những người lính hải quân đã chống lại (nhiều tàu phóng tên lửa, sau này được bán cho hải quân Nam Phi. Họ còn sử dụng cho tới nay). Người ta đã quyết định dùng trực thăng đưa tới một chất lỏng trên cơ sở của styrol mà người ta phun vào toàn bộ vỏ tàu; người ta buộc một đầu của tàu vào một sợi dây cáp nối với hai chiếc tàu khác; và bốc chiếc tàu lên khỏi cát rồi kéo nó tới cảng Eilat.

Vì việc này thường xảy tới trong các buổi họp suy nghĩ tập thể, một ý kiến đã dẫn tới một ý kiến khác, và trong lúc lúc phán xét sự việc Magna, một người đã hỏi:

— Xin một phút: Chúng ta có quyền đi qua dọc bờ biển Soudan, chúng ta có thể tiến gần đến bờ biển đó bằng các tàu phóng tên lửa của chúng ta. Tại sao lại không chuyên chở người Falachas bằng tàu?

Người ta đã xem xét ý kiến dưới tất cả những khía cạnh (nguyên văn là dưới mọi đường kim mũi chỉ), nhưng cuối cùng, người ta đã bác bỏ một số lượng lớn lý do. Việc xuống tàu chiếm nhiều thời gian quá và không có thể thực hiện mà không có một ai đó không chú ý tới nó.

— Ít ra, chúng tôi có thể thiết lập được ở đó một kiểu ăng ten - Người thứ hai đề nghị.

— Như thế nào? Có phải với một tấm biển ghi “Cẩn cứ hoạt động của Mossad. Xin miễn vào” không? - Một trong những người đồng đội hài hước nói.

— Không. Créon là một câu lạc bộ bơi lặn. Biển Hồng Hải là một nơi lý tưởng để lặn xuống dưới biển.

Trước tiên, nhóm bác bỏ ý tưởng được đưa ra, nhưng càng để thời gian trôi qua, thì càng có những ý kiến khác nêu ra, ý kiến về một trường học và một câu lạc bộ lặn bắt đầu hình thành. Họ đã biết có một người điều hành một câu lạc bộ mạo hiểm của loại này ở trên bãi biển. Nếu có thêm thời gian nữa cho người lặn và cho kẻ lười nhác đưa ra các bài học để thuê dụng cụ tập, thì ít ra con người đã có một sự hiện diện trên những nơi này. Với việc làm có tổ chức thích đáng và với thỏa thuận Khartum, người ta có thể biến câu lạc bộ thành một khu du lịch phức hợp thật sự.

Yehuda Gil, một trong những *katsa* dày dạn kinh nghiệm của cơ quan, được phái tới Khartum, đóng vai trò đại diện của một công ty du lịch Bỉ mong muốn khuyến khích việc lặn dưới biển Hồng Hải và có những cuộc đi du ngoạn trong sa mạc. Bình thường, các *katsa* không bao giờ được phái tới một nước Ả Rập bởi vì họ biết quá nhiều sự việc mà họ có thể bị lộ ở nơi kẻ thù trong trường hợp họ bị bắt. Nhưng, thấy tình cảnh cấp bách của tình hình, lần này, người ta đã quyết định sử dụng tới điều bất trắc.

Gil có nhiệm vụ dành được sự cho phép cần thiết, điều này bao gồm cả việc đút lót tiền cho một số người. Ông ta thuê một ngôi nhà trong vùng Bắc Khartum và bắt đầu làm việc.

Trong cùng thời gian này, một điệp viên khác của *Tsafirim* đáp máy bay đi Khartum, rồi tới cảng Port-Soudan, và tiếp đó dùng xe đi tới bãi biển; nơi đây con người ở câu lạc bộ bơi lặn nhỏ đang “làm việc”. Điều may mắn dường như là cái câu lạc bộ này có tương đối đủ địa điểm. Sau

một hồi mặc cả lâu, Gil được phái tới Panama - ở đó, người điệp viên còn tiếp tục đi xin những bãi biển - và câu lạc bộ đã thay người chủ sở hữu.

Mossad bắt đầu thấy ở trong việc này một “Tấm thảm Ma thuật” (hoạt động cứu người Do Thái nổi tiếng khỏi Yémen, được đưa về Israel trong một chiếc máy bay Hercules hồi đầu những năm 1950). Mossad đã quyết định sử dụng máy bay Hercules một lần nữa để chuyên chở những người Falachas, nhưng sẽ phải phát triển một cách đáng kể trung tâm du lịch để “bao” hoạt động. Giữa lúc đó, Gil đã đăng ký một công ty sở hữu câu lạc bộ và bắt đầu tổ chức những đường đi từ châu Âu để đưa khách du lịch. Một xác thuyền đắm đã được phát hiện cách bờ khoảng 100 mét, và sâu dưới nước khoảng 20 mét; lý tưởng cho một cuộc lặn sâu, một phương tiện tốt để thu hút sự chú ý của khách du lịch.

Người Israel tuyển dụng nhân công trong số những dân làng sở tại. Trong thời gian này, tại Tel Aviv, *Tsafirim* tuyển dụng những người đầu bếp và người hướng dẫn lặn bằng cách chọn những người biết nói tiếng Pháp hoặc tiếng Anh. Biết tiếng Ả Rập là thêm khả năng cho phép biết các cuộc nói chuyện của những nhà ngoại giao và những người lãnh đạo Ả Rập thường lui tới câu lạc bộ.

Những người được tuyển mộ là những người trong số các điệp viên của *Tsafirim* đã được sử dụng trong những hoạt động khác. Đối với những người thợ lặn, trước khi lên lớp các bài về du lịch, Mossad đã nhờ vào Cơ quan Tình báo của Hải quân.

Một nhóm khoảng 30 người Israel chịu trách nhiệm khởi động khu du lịch này. Những công nhân xây dựng được chia thành bốn đội làm việc. Mỗi đội làm việc một ngày trong số bốn ngày. Ban đêm, một đội người Israel đã thúc đẩy công việc. Tuy nhiên, thực tế việc quay vòng ngày làm việc ấy, không ai ngạc nhiên, khi bốn ngày sau thấy một phần của toà nhà được hoàn thành.

Còn về những công nhân Israel, chính họ cũng bị thay đổi đều đặn. Thà mất thời gian để có những hồ sơ cần thiết cho tất cả mọi người, Mossad đã nhờ làm giấy tờ cho một số cái tên đồng thời dùng cho một số người và cho một số người sẽ kế tiếp.

Mặc dù Mossad được phép đưa đến ba chiếc xe - một xe Land Rover và hai chiếc xe tải - trên thực tế, Mossad đã sử dụng chín chiếc xe tải. Mossad chỉ đơn giản nhờ đăng ký lại các biển số xe và giấy tờ thôi, rồi che đậy những chiếc xe phụ đi.

Công việc suýt bị đảo lộn vì một sai sót dốt nát. Một ai đó đã quyết định nhờ máy bay chở tới trong đêm một chuyến hàng đất có cỏ (những vầng cỏ được đánh đem đi trồng nơi khác), đến nỗi khi những người lao động địa phương, sáng hôm sau tới làm việc, họ phát hiện ra một vạt rộng lớn cỏ xanh ở cái nơi mà từ nhiều thế kỷ nay chỉ có toàn là cát. Làm thế nào mà người ta lại làm cho cỏ mọc trong vòng có 24 giờ đồng hồ? Và ngay cả như người ta giải thích rằng đó là những tảng đất, thì người ta đã tìm thấy đất ở chỗ nào tại Soudan? May mắn thay, những người công nhân Soudan lại hài lòng khi nhìn thấy cỏ và có một chút lúng túng trước khi bắt tay vào làm việc.

Ở Khartum, Gil đã nhờ in những cuốn sách bỏ túi về câu lạc bộ và đã phân phát chúng cho các cơ quan du lịch châu Âu, và đưa ra những biểu giá đặc biệt với những cá nhân đi lẻ. Trung tâm không đón tiếp tập thể từng nhóm; những thành viên trong một nhóm đã biết và cho thấy ích lợi của sự tò mò đối với những gì đang diễn ra quanh họ.

Khu du lịch được xây trong một tháng. Ngoài những toà nhà chính dành cho người du lịch, bếp, ... còn có nhiều sự bất giá, nhận để trang bị vô tuyến điện và vũ khí. Israel cũng đã đưa tới mọi máy móc cần thiết để đặt cọc tiêu và đèn chiếu sáng một đường băng hạ cánh tạm bợ trên sa mạc.

Việc cung ứng hậu cần do các tàu của Israel đảm nhận. Các tàu này tiến gần tới bãi biển, đậu ở ngoài khơi cách bờ chừng vài trăm mét- cách bãi du lịch 800 mét. Vì có 5 hay 6 công nhân địa phương làm việc trên bãi biển, nên cần biết họ làm việc ở chỗ nào trước khi tàu đến nhằm tránh cho họ rơi vào tình huống bất ngờ đối với một chiếc tàu của Israel đang bốc dỡ hàng.

Trong thời gian này, công việc phải nhờ cậy vào chiếc máy bay thuê riêng của Bỉ đang diễn ra ở bên cạnh. Mossad đã phân phát tiền móc ngoặc (tiền biếu, tiền trà thuốc do ai đó giúp mình đạt được việc gì) cho những người Soudan. Một trong số họ, tướng Omar Mohamed Al-Tayeb, cựu Phó Tổng thống, sau trở thành phụ trách các Cơ quan An ninh trong dinh Tổng thống của Nemeyri, sẽ bị kết án tử hình và một khoản phạt 80 triệu Livres (tiền Soudan), hồi tháng 4 năm 1986, vì đã dành sự giúp đỡ cứu những người Falachas.

Trong suốt thời kỳ này, Mossad đã nghe thấy có một quan chức cao cấp Soudan muốn có một chiếc xe đạp 10 tốc độ để dễ trao hồ sơ cho người Falachas khi đi du ngoạn. Nhìn chung công việc không phải là việc có vẻ mang tính nghề nghiệp, Học viện đã đề nghị được làm cho rõ ràng ra.

Người ta đã khẳng định với Học viện về người có yêu cầu một chiếc xe đạp 10 tốc độ. Người Israel đã cố gắng đoán xem điều ấy có nghĩa là gì. Phải chăng ông ta muốn có trọng lượng của một cái xe đạp bằng vàng? Sự việc vẫn rối mù lên, họ gợi ý một lần nữa có sự minh xác và người ta cũng một lần nữa trả lời rằng người Soudan kia muốn có một chiếc xe đạp 10 tốc độ, chấm hết.

Cuối cùng thì họ cũng hiểu được là thực sự ông ta muốn có một chiếc xe đạp. Họ đã gửi cho ông ta một chiếc Raleigh. Đây là việc mà người ta ít nghĩ tới rằng những người Israel đã thúc đẩy làm.

Ở câu lạc bộ bơi lội, những người Israel nghiên cứu những tin tức về một hệ thống ra-da Soudan. Họ đã kết thúc việc nghiên cứu bằng việc tìm ra

một kẻ hở trong hệ thống, được phủ che trong một phần duy nhất bởi các ra-da của Ai cập và Soudan, trong vùng đồi núi Rosal-Hadaribah, gần biên giới Ai Cập và Soudan. Nơi đây, một máy bay bay ở độ cao thấp có thể không bị phát hiện.

Quyết định được đưa ra là máy bay Hercules rời căn cứ quân sự Eiliat, bay qua vịnh Akaba và biển Hồng Hải tới tận hệ thống ra-da của kẻ thù, trước khi quay ngược lên phía đường băng hạ cánh mà người ta đã vạch trên sa mạc. Để nhận ra những địa điểm thích ứng, Mossad đã phái tới câu lạc bộ bốn phi công Israel đóng giả làm những người hướng dẫn các cuộc đi du ngoạn trong sa mạc. Họ có thể đi loanh quanh các vùng lân cận mà không gây sự nghi ngờ và chỉ ra trên bản đồ những địa điểm thích hợp cho một đường băng. Họ cũng giải thích cho những thành viên khác của nhân sự là làm thế nào để vạch ra những đường băng, những công việc chiếu sáng dẫn đường,...

Ngay cả những nhân viên tình báo, đôi khi cũng phải hài hước. Một hôm, một điệp viên của *Tsafirim* hướng dẫn một phi công Israel ở Khartum để làm việc và đưa viên phi công vào một dinh thự địa phương thương thuyết. Gil cũng ở đó và viên phi công hiểu ông ta thực sự là một người làm ăn ở đây. Khi vị khách đi ra ngoài, người điệp viên của *Tsafirim* đã hỏi Gil ở trong ngành nào.

Chính Gil trả lời hỏi lại anh ta:

— Thế còn anh?

— Tôi là một tình báo viên của Israel.

Viên phi công tái người đi nhưng hai người khác cười phá lên và viên phi công không nói một lời nào thêm cho tới lúc trở về. Khi đã rời khỏi Khartum nhiều kilômét, ông kêu to lên với người chiến hữu:

— Một loại điên độn quá! Người ta không bao giờ làm những việc như vậy, ngay cả để vui đùa!

Phải mất gần 15 phút ở bên *Tsafiririm* để trấn an viên phi công và giải thích cho người này biết Oil là ai.

Đưa những người Falachas khỏi các trại còn là một vấn đề đối với những người tổ chức công việc.

Khi đó, có hàng trăm nghìn người Ethiopie, đang chạy trốn chiến tranh và nạn đói trong chính đất nước của họ đã tá túc trong các trại tị nạn Soudan, và cái khó nhất là phân biệt người Do Thái với những người khác.

Vì mục đích này, một số người Falachas dừng cảm đã ở Israel - và những người này sẽ bị hành quyết, nếu như họ bị bắt - chấp nhận trở về các trại tị nạn để tổ chức dân chúng họ thành từng nhóm. Rất nhanh chóng, tin này đã được lan truyền trong số những người Falachas, nhưng tồn tại ở bên trong cộng đồng, và không phải chờ đợi lâu để giai đoạn của công việc này được sẵn sàng.

Vào tháng 3 năm 1984, loạt người du lịch Châu Âu đầu tiên đã tới, và người ta bắt đầu kháo nhau trong giới ngoại giao và quan chức Chính phủ Khartum về câu lạc bộ tuyệt diệu này. Từ lúc mở cửa buổi sáng cho đến tối, nơi mà cái riêng tư biến đi mất, câu lạc bộ phức hợp đã hoàn toàn trở về với thành công thương mại rực rỡ. Người Israel đã ấp ủ ngay cả ý tưởng thu hút những nhà lãnh đạo PLO tới đó tìm kiếm một địa điểm để tổ chức một cuộc hội nghị. Người Palestine sẽ tin vào an ninh ở Soudan, đối diện với thánh địa Mecque. kế hoạch đưa ra là phái một đơn vị biệt kích tới vào ban đêm, rồi bắt những nhà lãnh đạo PLO đưa lên những chiếc tàu đưa về Israel. Điều này đã có thể tiến triển.

Tất cả đã sẵn sàng cho giai đoạn cuối. Người Israel giới hạn đường băng hạ cánh máy bay trong sa mạc, xác định một chỗ hẹn gặp, nơi đây những

người tị nạn lên những chiếc xe tải để vượt một chặng đường mệt lử trong 6 giờ đến với chiếc máy bay Hercules. Thông thường, những chiếc xe tải chỉ chở chừng một trăm người một lượt, nhưng gần gấp đôi số người đã đu bám những chiếc xe, ngồi chất lên bên dưới một tấm bạt cho một chuyến đi dài và khổ nhọc. Hàng trăm người Falachas bị mòn mỏi do đói và bệnh tật đã chết trong chuyến đi này, hàng trăm người khác đi trên máy bay Hercules, nhưng vì họ được công nhận là người Do Thái, nên mỗi khi họ chết, họ được chở về chôn cất tại Israel.

Trước mỗi chuyến xuất phát, một máy bay trinh sát của Israel bay trên độ cao phát hiện những rào chắn đường của Soudan được dựng lên (thông thường được dựng vào giữa buổi chiều) rồi thông báo cho câu lạc bộ qua vô tuyến điện, từ những vị trí của họ.

Đêm đầu tiên, tất cả dường như diễn ra suôn sẻ. Những người Falachas đã tìm thấy địa điểm hẹn; Những chiếc xe tải đã tránh được tất cả những bari-e ngăn cản. Họ đã tới đường băng trước khi chiếc Hercules hạ cánh theo sự dẫn đường bởi hai giải ánh sáng chiếu lên cát ở sa mạc. Khi chiếc máy bay xuất hiện trong bóng đêm, những người Falachas- những người chưa bao giờ nhìn thấy một vật như vậy ngay gần bên - chăm chú nhìn con chim khổng lồ đổ xuống ngược chiều gió, chạy nửa vòng, rồi tiến về phía họ, động cơ rít, thổi tung cát và bụi lên.

Bị khiếp sợ, hai trăm người Falachas, chạy trốn trong đêm tối, định giấu mình để tránh bộ máy kinh khủng kia. Những người Israel tìm lại được khoảng hai chục người. Sau một hồi lâu tìm kiếm, họ đã quyết định để máy bay đi, số người Falachas còn lại ngày mai sẽ chuyên chở.

Sáng hôm sau, người ta đã tìm được tất cả những người tị nạn, ngoại trừ một bà già sống sót một cách kỳ lạ sau ba ngày đi bộ quay trở về trại, và bà này đã về Israel cùng với một tốp khác. Những người Israel đã quyết định để những người Falachas ở nguyên trong những chiếc xe tải tới nơi chiếc Hercules đậu bất động rồi mở chiếc cửa phía sau của máy bay. Họ đưa

những chiếc xe tải tới cách máy bay chừng một mét và đưa người Falachas trực tiếp lên máy bay.

Cho tới một hoạt động Moise khác bị lộ, chiếc cầu không vận trong sa mạc gặp ít vấn đề. Các chuyến bay diễn ra chủ yếu về ban đêm, thường thường có hai hoặc ba chiếc máy bay hoạt động cùng một lúc để chuyên chở tối đa người Falachas trong một thời gian tối thiểu.

Thậm chí họ đã gặp khó khăn. Một chiếc xe tải chạy không quay trở về câu lạc bộ đã rơi vào một ba-ri-e. Tài xế và khách đi xe không có giấy tờ đầy đủ. Họ bị hai lính quân cảnh Soudan bắt, trói dẫn đến một lán. Những ba-ri-e này dựng lên để vây bắt những quân phiến loạn phía Nam. Ba-ri-e chỉ có hai người được trang bị máy vô tuyến trông giữ và người ta ở lại đó trong vài ngày.

Chiếc xe tải đã không trở về câu lạc bộ. Những người Israel đã phái một nhóm đi tìm kiếm họ. Một khi chiếc xe được phát hiện, một kế hoạch được vạch ra vội vã. Chiếc xe thứ hai tiến gần tới chiếc ba-ri-e, người lái xe hét to cho hai tù binh nằm xuống.

Những người lính Soudan tiến lại gần chiếc xe, khi miếng ván hậu được mở ra, một loạt súng tiểu liên đã hạ gục họ. Những người Israel châm lửa vào lán, giữ chiếc bàn đạp máy tăng tốc của chiếc xe thứ nhất cắm sâu xuống nhờ một tảng đá và bỏ lại chiếc xe trong sa mạc để làm cho người ta tin có một cuộc tấn công của quân phiến loạn. Trong toàn bộ sự việc xảy ra đã không có hậu quả.

Mất mát duy nhất mà Israel gánh chịu trong công việc này là một hành khách của chiếc xe tải chạy về Khartum và người tài xế, họ rơi vào một ba-ri-e, nhưng không dừng lại. Lính gác đã bắn, và người hành khách bị thiệt mạng. Vì không có phương tiện thông tin, cũng không có phương tiện vận tải, hai người lính Soudan chỉ còn cách nhắm bắn vào chiếc xe cho tới khi nó chạy khỏi tầm đạn.

Một đêm đầu tháng giêng năm 1975, có một bức điện từ Israel chuyển tới ra lệnh “rút” ngay lập tức. Tại Khartum, Yehuda Gil nhanh chóng thu xếp vali, một số việc cá nhân và toàn bộ tài liệu, lên chuyến máy bay đầu tiên đi Châu Âu, rồi từ đó trở về Israel. Ở câu lạc bộ, trong lúc những người khách đang ngủ, những người Israel xếp hết những thiết bị lên các tàu. Chiếc xe Land Rover và hai chiếc xe tải được đưa lên máy bay Hercules và chuẩn đi. Haylem Eliaze, người chịu trách nhiệm của khu du lịch phức hợp, đã rơi từ trên chiếc xe tải xuống trong lúc chất hàng và bị gãy chân.

Hai giờ sau, ông ta cũng đã tới được Israel.

Bất hạnh thay, hàng nghìn người Falachas ở Soudan hiện nay, lại ở ngoài tầm của những người đi cứu vớt. Người chiến sỹ Falachas Baruch Tanga đã tuyên bố:

— Từ lâu, việc ra đi luôn là một việc cực khổ Và bây giờ, khi mà một nửa các gia đình của chúng tôi còn ở đó, mà người ta lại công bố là tất cả đã được trở về. Làm sao người ta có thể làm một việc như vậy được ư?

Đây chưa phải điều duy nhất của ý kiến này.

Chương VIII: **BẢO HIỂM Ở CẢNG**

Mùa hè năm 1985, Tổng thống Lybie, Muammar al-Kadhafi đã trở nên đáng sợ đối với phần lớn các nước phương Tây. Đến nỗi Reagan đã phải là người duy nhất tung ra các máy bay chiến đấu chống lại ông ta. Những người Israel đã nhìn thấy ở Kadhafi, một con người đã cung cấp cho người Palestine và đã cung cấp cho các nước Ả Rập kẻ thù khác của họ một khối lượng lớn vũ khí.

Tuyển mộ những người Lybie là một khó khăn lớn. Không nơi nào người ta yêu mến họ. Điều này là tự nhiên, cần phải tuyển mộ những người Lybie ở Châu Âu, nhưng đây không phải là những người ham thích đi du lịch lớn.

Lybie có hai hải cảng lớn: Tripoli, Thủ đô, và cảng Beng-hazi, trong vùng vịnh Syrte Lớn. Hải quân Israel giám sát các hoạt động của Lybie, chủ yếu bằng việc thực hiện các tàu tuần tiểu đều đặn trong vùng biển Địa Trung Hải. Israel coi hành lang chạy dọc theo bờ biển của mình đến Gibraltar như một “đường ống khí oxygène” của họ. Chính đó là mối dây liên hệ với châu Mỹ và phần lớn các nước châu Âu, đồng thời là để cho công việc xuất và nhập khẩu.

Năm 1985, Nhà nước Israel đã có những mối quan hệ tốt hơn với một số nước nằm dọc bờ biển phía Nam Địa Trung Hải như: Ai Cập, Ma Rốc, Tunisie và Algerie - nhưng không với Lybie.

Lybie có một lực lượng hải quân mạnh hơn, với một vấn đề nổi cộm về người và việc bảo dưỡng. Những tàu của họ ở trong tình trạng bị xé nhỏ. Họ đã mua một số lớn tàu ngầm của Nga, nhưng hoặc là họ không biết cách đưa tàu lặn xuống, hoặc họ sợ thử nghiệm. Ít ra cũng đã hai lần, những tàu tuần tiểu của Israel đã bắt gặp các tàu ngầm của Lybie. Thông thường, khi

báo động được phát ra, những tàu ngầm phải lặn xuống, nhưng các tàu ngầm của Lybie lại chạy hết tốc độ quay về cảng để tránh né.

Israel có một trạm nghe phụ ở Sicile nhờ có quan hệ với Italy. Italy cũng có một trạm nghe ở đó. Tuy nhiên, điều đó không đủ thoả mãn vì người Lybie, ủng hộ các hoạt động lật đổ của PLO và của các tổ chức khác, đe dọa các bờ biển của Israel. Tel Aviv coi bờ biển như một cái “bụng ẻo lả”, một biên giới dễ bị thương tổn đối với các cuộc tấn công, nhưng cũng là một nơi có phần lớn dân chúng và phần lớn nền công nghiệp Israel định cư.

Một phần đáng kể vũ khí và quân trang, quân dụng được các tàu chở từ Lybie giao cho PLO, thường là có một trạm dừng chân ở Chypre - hay theo cách người ta gọi là “con đường TNT”: Từ Tripoli, ở Lybie, đến Tripoli ở Lyban, qua Nicosie.

Trong thời kỳ này, người Israel đã thu thập được một vài thông tin về các hoạt động của Lybie qua trung gian của Nước Cộng hoà Trung Phi và của nước Tchad, nước đã dính líu trong những sự việc nghiêm trọng về biên giới với các lực lượng của Kadhafi.

Mossad cũng sử dụng những “nhà quan sát biển”, nhìn chung là những người dân sự được các Văn phòng ở châu Âu tuyển mộ, chính xác ra là để chụp ảnh trong lúc các tàu bè ra vào một cảng của Lybie. Việc này không thật sự nguy hiểm và nó cung cấp một số hoạt động trên các hải cảng. Nhưng, nếu vì thế mà Israel phát hiện được - có thể do may mắn hơn - các chuyến hàng chở vũ khí, thì đương nhiên, họ phải có nguồn tin tức đặc biệt về đường buôn bán trên biển tới Tripoli và Benghazi.

Trong một cuộc họp, có sự tham dự của một nhóm nghiên cứu của Mossad về PLO và người phụ trách nhánh của *Tsomet* chịu trách nhiệm về Pháp, về Vương quốc Anh và về Bỉ, quyết định được đưa ra là tuyển mộ một kiểm soát viên về buôn bán ở cảng hay một người làm việc ở văn phòng trưởng bến cảng Tripoli và có tiếp xúc với những tin tình báo chính

xác đối với các tàu, địa điểm mà nó đậu. Mặc dù Mossad biết rõ tên các tàu của PLO, nhưng Mossad không phải lúc nào cũng biết nó đậu ở đâu.

Để đánh đắm hoặc bắt sống một tàu, trước hết phải tìm ra nó. Đây là điều khó khăn khi không biết con đường hành trình của nó, cũng không biết chính xác ngày giờ nhổ neo rời bến của nó. Nhiều tàu chạy dọc bờ biển - những tàu đó chỉ “đi lướt qua” thôi, người ta nói thể ở Mossad - và tránh ra khơi xa, nơi các ra-da có thể phát hiện được. Phát hiện một tàu chạy dọc theo bờ biển không dễ, bởi vì tiếng vang của nó có thể được các núi đồi che phủ, hoặc bởi vì tàu ở một trong số nhiều lòng chảo nằm phía sau các dãy núi. Cuối cùng khi tàu ra khỏi vùng lòng chảo ấy thì người ta không xác định chắc chắn danh tính của nó. Có một số lượng khá đông tàu trong vùng Địa Trung Hải: Hạm đội VI của Mỹ, hạm đội của Liên Xô (cũ) các tàu buôn của khắp thế giới. Mossad không thể tự do làm bất cứ việc gì họ muốn. Các nước ở xung quanh Địa Trung Hải đều có các ra-da, do vậy Học viện cần tỏ ra thận trọng.

Ngay cả việc thu được những tin tình báo ở Lybie, thì nói dễ hơn làm. Phái một người đến tuyển mộ thì tỏ ra quá nguy hiểm, và Mossad sẽ húc đầu vào tường một cách vô vọng. Cuối cùng, một người tham dự hội nghị, làm việc như một phóng viên cho tờ *Á-Phi* (xem chương III; phần 1), một tạp chí bằng tiếng Pháp phục vụ những người làm ăn Ả Rập, đã gợi ý rằng cách bắt đầu tốt nhất, đó là điện thoại một cách bình thường tới cảng Tripoli để phát hiện xem ai nắm giữ tin tức mà những người Israel có nhu cầu. Như thế, ít ra họ có thể tập trung vào được một mục tiêu chính xác.

Đó là một trong những ý kiến đơn giản, không ai nghĩ tới trong khi người ta quá lao sâu vào những mảnh khoé và những chi tiết hoạt động phức tạp. Mossad quyết định sử dụng một đường dây điện thoại mà người ta có thể dùng từ Tel Aviv, nhưng đường dây ấy sẽ dẫn đến một văn phòng một căn hộ ở Paris, phòng trường hợp có một ai muốn tìm hiểu nguồn gọi.

Đây chính là đường dây của một công ty bảo hiểm Pháp thuộc quyền của một *sayan*.

Trước khi gọi, người *katsa* làm một vỏ bọc của một người đi điều tra của công ty bảo hiểm, với văn phòng, với thư ký. Chiếc vỏ bọc này là cái mà người ta gọi là một *bat leveyha*, có nghĩa là một “công ty, một đối tác” (không mang ý nghĩa trai gái của thuật ngữ). Từ được dùng chỉ đơn thuần là một người phụ nữ của đất nước, không cần thiết phải là người Do Thái, người đó được tuyển mộ như một điệp viên phụ và đảm nhiệm công việc mà đối với công việc đó, một phụ nữ là hiệu quả. Người phụ nữ này biết đại thể là bà ta làm việc cho một Cơ quan Tình báo Israel qua trung gian Đại sứ quán của mình trong nước đó.

kế hoạch dựa trên khái niệm của *mikrim ve tvugot*, tiếng Hebreu, nghĩa là “hành động và phản ứng”. Người ta biết hành động, cần dự kiến trước phản ứng. Và đối với mỗi phản ứng có thể có, người ta dự tính một hành động khác. Đây như là một trò chơi cờ không lỗ, ngoại trừ những hoạt động có hai phản ứng, người ta không tham gia vào bởi vì điều đó sẽ trở nên quá phức tạp. Điều này là một phần của việc vạch những kế hoạch hoạt động.

Với người *katsa*, cũng đã có trong phòng làm việc những bộ tai nghe. Menahem Dorf, ông chủ của ngành về PLO của Mossad, và Gidon Naftaly, người phụ trách tâm lý học của Học viện, mà nhiệm vụ là tiến hành ngay tức khắc việc phân tích tâm lý của người trả lời điện thoại.

Khi nhắc máy lên, không nói tiếng Pháp, anh ta chuyển việc thông tin liên lạc cho một người khác. Người thứ hai này cho biết tên của người chịu trách nhiệm, và nói rõ rằng ông ta sẽ có mặt ở đó trong một nửa giờ nữa, rồi dập máy.

Lúc người *katsa* gọi lại, anh ta đề nghị gặp người phụ trách cảnh mà người ta đã cho biết tên. Người *katsa* tự giới thiệu như một người điều tra của một công ty bảo hiểm của Pháp.

Đó là viên đạn duy nhất mà người ta có thể bắn. Cần phải làm cho viên đạn trúng mục tiêu. Không những câu chuyện phải được tin cậy, mà chính câu chuyện đưa ra cho mục tiêu, cần có vẻ tin được.

Người sỹ quan của Israel khẳng định có nhu cầu cần nắm tình hình về một số tàu của cảng, và muốn được gặp người phụ trách.

— Chính tôi là người phụ trách đây. Tôi có thể giúp ông được cái gì?

— Thỉnh thoảng, cảng có đón một số tàu mà những chủ tàu có khiếu nại rằng họ bị trôi dạt và chịu những tổn thất. Chúng tôi là những người làm công tác bảo hiểm, chúng tôi không thể lúc nào cũng tự mình kiểm tra được những luận cứ do họ nêu ra. Vì vậy, chúng tôi muốn biết về những việc đó tốt hơn.

— Sao?

— Chẳng hạn người ta sửa chữa tàu, người ta phải xếp hàng xuống hoặc dỡ hàng lên. Vì các ông biết những việc đó, còn chúng tôi lại không có người đại diện tại chỗ, và chúng tôi muốn rằng sẽ có một người nào đó chăm lo cho quyền lợi của chúng tôi. Nếu ngài có thể đảm bảo cho chúng tôi một người, chúng tôi sẽ sẵn sàng đền đáp một cách thoả đáng.

— Tôi nghĩ rằng tôi có thể giúp ông- Người phụ trách cảng nói- Tôi đã tiếp xúc với những tình hình này, và tôi thấy không có vấn đề gì chừng nào đó là những tàu buôn dân sự, chứ không phải các tàu quân sự.

— Hải quân của các ông không lưu tâm đến chúng tôi- Người Israel trả lời - Chúng tôi không chắc chắn về điều đó.

Cuộc nói chuyện đã kéo dài khoảng mười phút, trong quá trình nói chuyện, viên *katsa* đã đặt ra những câu hỏi về năm hay sáu tàu. Chỉ có một cái của PLO là đang trong tình trạng sửa chữa. Tiếp đó, người *katsa* hỏi địa chỉ để gửi tiền, thông báo với người phụ trách cảng, địa chỉ và số điện thoại

của mình, rồi xin ông phụ trách gọi điện thoại mỗi khi thấy có những vấn đề quan tâm mà ông đánh giá là hữu ích.

Những vấn đề được tiến triển tốt đẹp đến nỗi, người phụ trách cảng dường như thật sự cảm thấy thoải mái là người Israel đã mạnh dạn tới đề nghị ông ta nếu như ông ta được phép nhận thêm một việc làm khác - đại diện cho công ty bảo hiểm - ngoài những chức trách của ông thường ngày.

— Tôi sẽ có thể đặt hợp đồng - Người phụ trách cảng nói - nhưng chỉ làm việc theo từng thời gian, ít ra tôi phải xem công việc diễn ra tới mức nào đã.

— Rất tốt. Tôi sẽ gửi tới ông một cuốn giới thiệu và những tấm cartes của công ty. Khi nào có thời gian ông sẽ xem nó. Chúng ta sẽ nói chuyện về việc đó. Cuộc đàm thoại đã kết thúc. Mossad đã duy trì được một điệp viên ở cảng, thậm chí người Lybie này cũng không biết rằng ông ta đã bị tuyển mộ.

Cần phải nhờ cậy đến ngành làm ăn của Metsada để soạn thảo cuốn sách giới thiệu đã hứa với cách thức bình thường đồng thời cho phép thu lượm được các tin tức mong muốn. Mấy hôm sau, cuốn sách giới thiệu được gửi đi Tripolie. Một khi mà người ta đã thông báo cho một ai đó số điện thoại và địa chỉ trong khuôn khổ của một thủ tục tuyển mộ, cần giữ những sự phối hợp này trong các hoạt động một thời gian ít nhất là ba năm, thậm chí nếu thủ tục tuyển mộ không phù hợp ở giai đoạn khởi đầu - trừ phi có những sự xung đột có thể làm lộ người *katsa*, trong trường hợp xung đột đó, người ta phải rời bỏ ngay tức khắc.

Hai tháng tiếp theo, người điệp viên mới đã gửi đều đặn những tin tức nhưng trong một cuộc gọi điện thoại, người phụ trách cảng nói rằng ông đã đọc cuốn sách giới thiệu công ty và ông chưa thấy rõ công việc của người đại diện cho công ty là gì.

— Tôi hiểu điều này - Người *katsa* nói - Chính bản thân tôi, lần đầu tiên đọc cuốn này, tôi cũng không thấy có vấn đề gì lớn. Này nhé, khi nào anh sẽ đi nghỉ hè?

— Ba tuần nữa.

— Thật khủng khiếp!

— Tốt hơn việc cố giải thích trên điện thoại, tại sao ông không đến Pháp. Chúng tôi sẽ đài thọ chi phí? Tôi sẽ gửi vé máy bay cho ông. Ông đã làm rất tốt công việc cho chúng tôi. Chúng tôi muốn dành cho ông một chuyến đi nghỉ ngắn ở Midi (miền Trung nước Pháp), đồng thời cùng chia sẻ công việc và vui giải trí. Tôi có thể nói thẳng với ông: Việc này do chúng tôi lo liệu, bỏ công việc sang một bên, hãy đến Pháp.

Người điệp viên mới tuyển vui thích. Mossad chỉ bỏ cho ông ta mỗi tháng 1.000 đô la, nhưng đã dành cho ông ta ba chuyến đi du ngoạn nước Pháp trong thời kỳ mà Mossad đang điều khiển ông ta. Nếu con người này cho thấy là hữu ích, thì không có gì phải đem đến nữa ngoài những gì ông ta biết về các tàu của cảng. Vì thế, sau khi đã gặp ông, Mossad quyết định, bãi bỏ một cách nhẹ nhàng ý đồ nhờ ông ta làm những việc khác - điều này có thể đặt ông ta vào tình trạng nguy hiểm và Mossad quyết định tiếp tục sử dụng để có những tin tức về các tàu của PLO.

Trước tiên người Israel chỉ đặt với ông ta những vấn đề về các tàu vào cảng, dưới chiêu bài những tàu đó do công ty của họ bảo hiểm. Rồi sau đó, họ bịa ra một câu chuyện để người chịu trách nhiệm về cảng cung cấp cho họ danh sách tất cả các tàu đậu ở cảng và hứa sẽ trả tiền một cách thích đáng. Việc này sẽ cho phép họ, họ khẳng định như vậy, chuyển những vấn đề quan tâm tới những người bảo hiểm khác mà những người này thì chỉ có quá sung sướng để trả tiền cho họ. Và chính họ sẽ chia sẻ những lợi nhuận với Mossad.

Người Lybie phụ trách cảng sung sướng trở về Tripoli nơi mà ông ta tiếp tục cung cấp cho Mossad những tin tức về buôn bán trên cảng. Một hôm, một chiếc tàu thuộc Abou Nidal, chỉ huy FPLP - Tổng chỉ huy, đậu ở cảng và chở trang bị quân sự đặc biệt là các tên lửa phòng không và nhiều loại vũ khí khác mà Israel không muốn nhìn thấy chúng nằm trong tay binh lính Palestine chốt trên các biên giới họ.

Họ nhận được những bức điện vô tuyến của tổ chức - và nhờ vào sự đại dốt của Nidal, người thông thường tỏ ra rất thận trọng trong các vấn đề của mình. Họ chỉ còn hỏi người phụ trách cảng nơi chiếc tàu đậu chính xác và thời gian tàu còn ở lại cảng. Người phụ trách Lybie kia đã thông báo cho họ sự di chuyển của tàu, cũng như sự di chuyển của một tàu khác cũng chở hàng quân sự tới Chypre.

Vào một đêm hè oi bức, hai tàu phóng tên lửa của Israel, làm như đi tuần tiểu bình thường trong vùng Địa Trung Hải đã dừng lại một thời gian để thả xuống sáu người và một tàu ngầm chạy bằng động cơ điện giống như một chiếc tàu săn đuổi của Đại chiến thứ hai không có cánh, hay như một chiếc phóng lôi với một chân vịt đẩy phía sau. Chiếc tàu có thể lặn được, trang bị một mui che, bên dưới mái che có sáu lính biệt kích ăn mặc quần áo lặn đang ngồi.

Họ tiến sát đến chiếc tàu đang chạy vào cảng, gần vào vỏ tàu nhờ có những tấm mang từ tính, rồi thâm nhập vào trong vũng tàu.

Chiếc nắp đáy của tàu ngầm dùng làm lá chắn cho họ: Trong lúc nói chuyện với người phụ trách cảng, Mossad đã biết rằng trong suốt năm tiếng đồng hồ, lực lượng an ninh của Lybie đi qua bến cảng đồng thời ném lựu đạn xuống nước, điều này gây ra những sóng chấn động khá mạnh để giết những người nhái đang ở xung quanh. Mossad đã phát hiện ra biện pháp an ninh này vào một hôm mà người *katsa* điện thoại cho người phụ trách cảng. Mossad nghe thấy những tiếng nổ và hỏi là tiếng động gì đó. Đó là một biện

pháp an ninh thông thường trong phần lớn các cảng của những nước đang trong tình trạng chiến tranh, cả Syrie và Israel đều làm như vậy.

Vì vậy những thợ lặn phải ngồi đợi trong tàu ngầm của họ cho các Cơ quan An ninh đi qua rồi nhẹ nhàng trườn xuống nước cùng với những quả mìn mót dính. Họ đặt những quả mìn vào hai chiếc tàu của PLO, rồi trở về chiếc tàu ngầm. Toàn bộ công việc không kéo dài quá hai tiếng rưỡi đồng hồ. Cũng biết rõ những chiếc tàu nào sẽ rời khỏi cảng trong đêm hôm đó, họ đã tiến đến gần một chiếc tàu dầu thả neo gần cửa vào cảng, nhưng không gắn vào vỏ tàu ấy vì quá khó để tách chiếc tàu ngầm của họ ra khỏi một khi chiếc tàu dầu có thể tăng hết tốc độ.

Khốn thay, họ rơi vào cảnh không đủ oxygene trong tàu ngầm, mà các bộ ắc quy điện đẩy ra. Họ buộc tàu vào một cái phao tiêu, sau này người ta có thể thu lại tại đó, họ gắn người nọ vào người kia với một sợi dây thừng khác, rồi làm cái mà họ gọi là một cây hương dương: Thối không khí vào trong những chiếc áo bơi, những chiếc áo căng phồng lên như một quả bóng. Thế là người thợ lặn nổi lên trên mặt nước mà không cần phải có một nỗ lực nào cả. Thậm chí những thợ lặn thay nhau ngủ gác được bảo đảm chắc chắn bởi một người trong số họ. Một vài giờ sau đó, một tàu tuần tiểu của Israel đã phát hiện ra họ qua những tín hiệu âm thanh mà họ phát đi. Tàu đến vớt họ lên và đưa họ tới một nơi an toàn chắc chắn.

Vào lúc sáu giờ sáng, bốn tiếng nổ rất mạnh vang lên trong cảng; hai tàu chở hàng quân sự và súng đạn trị giá nhiều triệu đô la đã bị đánh chìm.

Người *katsa* đã dự đoán rằng đó là điều tồi tệ đối với người phụ trách cảng; không còn nghi ngờ gì nữa, những tiếng nổ đã gợi lên sự bất tín của ông ta. Nhưng khi người *katsa* điện thoại cho viên chức Lybie này, thì ông ta tỏ ra rất phấn chấn.

— Thế chưa bao giờ anh đoán được điều gì đã xảy ra - Người phụ trách cảng nói - Họ đã cho nổ hai tàu trong cảng!

— Ai vậy?

— Tất nhiên người Israel! - Người phụ trách cảng đáp - Tôi không biết làm thế nào mà họ lại tìm biết những chiếc tàu, nhưng họ đã thành công. May sao, những chiếc tàu đó lại không phải do các anh bảo hiểm. Các anh không phải làm bảo hiểm cho nó.

Người phụ trách cảng tiếp tục làm việc cho Mossad trong khoảng 18 tháng, ông ta kiếm được nhiều tiền trước cái ngày biến mất. Theo sau dấu vết của ông ta là những chiếc tàu của PLO bị phá huỷ hoặc bị bắt sống.

Chương IX: **BEYROUTH**

Những giờ phút đen tối đối với Israel. Giữa tháng 9 năm 1982, báo chí, tạp chí và vô tuyến truyền hình trên khắp thế giới đưa ra những hình ảnh về cuộc thảm sát. Khắp nơi là xác những người đàn ông, đàn bà và trẻ con. Người ta đã phanh bụng tới cả những con ngựa. Một số người đàn ông bị giết chết bằng một viên đạn vào gáy, một số bị cắt cổ, một số bị hoạn. Xác những nam thanh niên được tập trung thành từng nhóm 10 hoặc 20 người và những người bị xả súng bắn chết thì được tập trung thành đống. Phần lớn 800 người Palestine bị tàn sát trong hai trại Sarbra và Chatila đều là những người dân thường vô tội, không có vũ khí, những nạn nhân của sự trả thù gây ra do những người Phalangiste theo Thiên Chúa giáo.

Các đơn vị quân chiếm đóng Israel không chỉ châm trước cho những hành động này mà còn tạo thuận lợi cho những việc tàn sát. Việc làm đó tức khắc gây ra phản ứng của Ronald Reagan, khi đó đang là đồng minh vững chắc của Israel. Tổng thống Mỹ đã lấy làm tiếc với những cái nhìn của thế giới cho hình ảnh của một nước Israel, từ chỗ phản ứng về Trại David đến phản ứng về Gioliath ở Trung Đông. Hai hôm sau, một lần nữa Tổng thống Mỹ lại gửi lính hải quân đến Beyrouth tham gia trong đội quân hòa bình Mỹ - Pháp - Italy.

Sự phản ứng chống Israel là thống nhất. Tại Italy, công nhân bến cảng tẩy chay bốc dỡ hàng của các tàu Israel. Nước Anh lên án Israel và Ai Cập gọi Đại sứ của họ về nước. Các cuộc biểu tình phản đối Israel được tổ chức ở nhiều nơi trên thế giới và ở ngay cả Israel.

Từ khi Nhà nước Israel ra đời, nhiều người Israel đã mong muốn được sống hòa thuận với những người láng giềng Ả Rập, mơ ước trở thành một bộ phận của thế giới mà ở đó con người có thể đi qua biên giới và được đón tiếp như những người bạn. Đối với phần lớn dân chúng, người ta mong

muốn biên giới được mở cửa, còn như biên giới chia cắt Canada và Mỹ dường như không thể chấp nhận được.

Vào những năm 70 nhờ có CIA và những liên lạc với Châu Âu, Admony - khi đó phụ trách quan hệ của Mossad - đã thắt chặt quan hệ với Bechir - Gemayel, một người Phalangiste. Con người này có sức mạnh tàn bạo đã thuyết phục Mossad rằng Lyban cần tới Israel, về phần mình Mossad thuyết phục Chính phủ Israel về sự chân thành của Gemayel - người bạn gần gũi của Salamed, ông Hoàng đỏ. Việc tuyên truyền thuyết phục này được dàn dựng từ nhiều năm nhờ vào các bài báo có chủ ý (định hướng) mà Mossad đã đưa ra từ từ bên cạnh Chính phủ.

Thời kỳ này, Gemayel đang quan hệ với CIA, nhưng lại có một “người bạn” trong một nước Ả Rập, thậm chí, nếu người bạn này đóng vai trò hai mang, thì đây quả là điều quá hấp dẫn cho Mossad. Mặt khác, Israel không hề sợ Lyban. Theo một câu chuyện vui đang thịnh hành, thì trường hợp nổ ra chiến tranh giữa hai nước, Israel sẽ gửi dàn quân nhạc của mình sang, chỉ cần làm mỗi một việc bịt miệng dàn quân nhạc của Lyban thôi.

Hơn nữa, người Lyban đang quá bận rộn với công việc tự đâm đá nhau. Các lực lượng Hồi giáo và Thiên Chúa giáo khác nhau luôn tranh giành nhau quyền lực y như hiện nay và Gemayel ngồi hướng nhìn về Israel. Mossad thấy một cơ hội vàng ở đó để dẹp bỏ kẻ thù số một của mình là PLO. Từ lâu, sau khi các thủ đoạn của Israel quay lại chống chính họ, Admony, người chỉ huy của Mossad vẫn xem những mạng lưới của Lyban như chính yếu, và ông đã đặt quyền lực của mình vào đó.

Nước Lyban, ngày nay giống với Chicago và New York của những năm 20 và 30 về nhiều điểm, khi đó các băng đảng kinh địch hoặc các dòng họ Maphia đấu tranh một cách công khai để có được ưu thế bạo lực và sự phô trương là tiền tài hiện hành, và những giới cầm quyền dường như bất lực để dẹp bỏ những vấn đề này hoặc là chần chừ trong việc can thiệp Lyban cũng có những dòng họ, mỗi dòng họ được tổ chức tự vệ hoặc thành đội quân

trung thành với “Thiên hướng” của họ. Nhưng những kẻ trung thành với tôn giáo hay của các dòng họ đã bị xóa bỏ từ lâu trước, các cuộc đấu tranh giành quyền lực và những lợi lộc lớn giành được từ nhiều hoạt động đó lại đã nuôi dưỡng sự mua chuộc của người Lyban và duy trì tình trạng quân chủ.

Có những người Druze, môn phái thứ 4 của Lyban xét theo tầm quan trọng của họ, sự thiện xạ trong phong trào giáo phái Ismailien (là người Ả Rập dòng Ismailien). Người Druze ở Lyban có 250.000 (ở Syrie 260.000, Syrie đang tìm hãm những người này; ở Israel có 40.000 người và chính Walid Joumblait là người đứng đầu môn phái này.

Hệ thống Chính phủ được thiết lập trên việc điều tra dân số cuối cùng năm 1932, khi những người Thiên Chúa giáo trở nên đa số. Hiến pháp muốn rằng Tổng thống được bầu trong số những người Thiên Chúa giáo, ngay cả nếu tất cả mọi người đều biết rằng người Hồi giáo chiếm tới 60% số 3,5 triệu dân Lyban, là số lượng lớn nhất; khoảng 40%, là người Chute (người đứng đầu của họ là Nabih Berri). Những người chính giáo Hồi của Racliid Karame, từ đầu những năm 80 đã là một lực lượng quan trọng khác.

Chủ yếu, những lực lượng Thiên Chúa giáo gồm hai dòng họ, những người Gemayel và những người Fraugie. Pierre Gemayel là người sáng lập ra Đảng Kataeb (tức Phalangiste), và Sleimame Frangie đã là Tổng thống Lyban. Để chấp nhận cầm quyền, Bechir Gemayel đã có một đối thủ là Tony Frangie, nhưng ông này đã bị giết.

Tháng 6 năm 1978, trong một cuộc tấn công vào dinh thự mùa hè Ehden, những người Phalangiste đã sát hại Tony, vợ ông và đứa con gái Israel cùng nhiều cận vệ. Gemayel, bị lên án về vụ sát hại này, đã bác bỏ những lời buộc tội và đổ trách nhiệm cuộc phục kích cho “một cuộc nổi loạn của xã hội chống lại chế độ phong kiến chủ nghĩa”. Tháng 2 năm 1980, một chiếc xe bị gài mìn giết chết con gái mới 18 tháng của Gemayed và ba lính cận vệ. Tháng 7 năm 1980, những đội quân của chính Gemayed đã tiêu

diệt tự vệ Thiên Chúa giáo thuộc Đảng Giải phóng dân tộc của cựu Tổng thống Camille Chamoun.

Gemayed ngự trị trong phạm vi dòng họ Bikfaya cổ xưa tới 300 năm, trong vùng rừng núi ở phía Bắc Beyrouth. Họ đã kiếm được hàng triệu đô la trong một vòng quay không thể tưởng tượng nổi, từ năm này qua năm khác. Gia đình ấy đã vớ được một hợp đồng lớn về xây dựng và bảo dưỡng đường xá chạy qua vùng núi, kiếm tiền để xây dựng con đường và bỏ vào kết tất cả lệ phí sửa chữa và bảo dưỡng trong các năm. Duy chỉ có con đường là không bao giờ được xây dựng cả. Họ lập luận rằng: Nếu gia đình khước từ tiền bạc bảo dưỡng thì người ta sẽ biết là con đường ấy không tồn tại.

Dù sao cũng vẫn là Gemayel được Quốc hội Lyban bầu làm Tổng thống nhiệm kỳ 6 năm hồi tháng 8 năm 1982 khi đó Gemayel mới chỉ có 35 tuổi. Ứng cử viên Tổng thống chỉ có một mình Gemayel. Vì chỉ có 56 Nghị sĩ tham gia bỏ phiếu vòng đầu - 6 người ít hơn số đại biểu phải giành được - các lính tự vệ của Gemayel tập hợp lại và kích động 6 Nghị sĩ có thái độ ngật ngưỡng và thế là Tổng thống được bầu với đa số áp đảo 57 phiếu thuận và 5 phiếu trắng. Begin đã gửi tới ông ta bức điện chúc mừng bắt đầu câu: *“Người bạn thân mến của tôi”* (Mon cher ami).

Ngoài các dòng họ ra, thời kỳ này còn một đám băng đảng tự do, những kẻ khát máu cầm đầu những hào hoa: Electroman, Toasteuro, Cowboy, Fireball và King. Electroman giành được họ của mình sau khi nhận một viên đạn của người Syrie vào gáy, ông ta được chữa chạy ở Israel, nơi người ta đặt cho ông ta một máy điện tử trong thanh quản để ông ta có thể nói được. Chính Toasteur có thói quen giam giữ kẻ thù của mình hoàn toàn với việc phóng điện có áp lực cao - Fireball (Boule de Feu) tiếng Việt có nghĩa là: “Quả bóng lửa”. Đó là một con người chuyên bới lửa, ông ta lấy làm khoái trá với quang cảnh những ngôi nhà đang cháy. Cowboy dường như vừa trong một bộ phim của Hollywood bước ra, ông ta luôn đội chiếc mũ Cowboy, một chiếc thắt lưng với hai khẩu súng ngắn. Còn đối với King,

ông ta bắt chước kiểu tóc của Elvis Presley, cố nói tiếng Anh bằng giọng mũi như Elvis và biểu diễn khúc nhạc chiều đối với gia đình ông, đồng thời hát sai nhạc Elvis.

Thành viên của các băng đảng này đi lại bằng những chiếc xe Mercedes hoặc xe BMW và mặc quần áo bằng vải xoa đưa từ Paris tới. Họ luôn có những bữa ăn thịnh soạn. Một ít đồ ăn của họ nhập cảng từ sáu tháng nên họ thường tìm kiếm sò huyết để ăn sáng. Ở đồn lũy của trụ sở tại Beyrouth, năm 1982, một người Lyban làm hàng ăn, (theo người ta nói) đã cố gắng mua được một chiếc tàu ngầm Đức qua kiểu bán sắt vụn, không phải để đánh nhau, mà để nhập cảng rượu vang và thực phẩm từ Châu Âu.

Ngoài những hoạt động tội ác của riêng họ, các băng đảng này lại thuê các gia đình chính yếu nhất để giám sát các chỗ chặn đường. Vì thế, để đi đến dinh thự của Chính phủ, Tổng thống phải vượt qua hai điểm chặn thu thuế cầu đường.

Người ta có thể hưởng một cuộc sống tươi đẹp ở Beyrouth, nhưng người ta không bao giờ biết được thời gian là bao lâu? Ngày nay, không nơi nào sự chết chóc lại gần gũi như ở Beyrouth, điều này giải thích vì sao các thành viên của các băng đảng hay các dòng họ đã phung phí tiền của cho cuộc sống của họ. Nếu 200.000 chiến sĩ sống không thiếu một thứ gì, thì hơn 1 triệu người Lyban ở Beyrouth và vùng phụ cận lại sống trong những điều kiện thật đáng ghê sợ.

Năm 1978, trong cuộc đấu tranh chống lại dòng họ Frangie, Béchir Gemayel, với bộ mặt xinh đẹp, tròn trĩnh, đã kêu gọi xin Mossad vũ khí. Mossad đã chấp nhận cung cấp vũ khí cho ông ta. (Tony Frangie không có quan hệ tốt với Mossad). Việc thanh toán được thực hiện trong các điều kiện mà Mossad hầu như không quên.

Năm 1980, một nhóm Phalangiste đã tới căn cứ quân sự ở Haifa để theo học lớp huấn luyện về những tàu nhỏ hộ tống chống tàu ngầm, loại tàu

Dabur, do một công ty trang bị vũ khí Israel sản xuất tại Beersheva, một thành phố nằm giữa sa mạc, nhưng ở quãng giữa con đường nối biển Đỏ với Địa Trung Hải. Khi kết thúc khóa đào tạo của họ, người chỉ huy hải quân Thiên Chúa giáo Lyban, trong bộ quần áo xoa, đã tới Haifa bằng tàu, cùng đi có ba sĩ quan của Mossad và ba cận vệ trông giữ nhiều vali - người của Gemayel đã mua năm chiếc tàu Dabur với giá 6 triệu đô la một chiếc. Họ trả bằng tiền mặt với ngoại tệ Mỹ mà họ đem theo trong các vali. Họ đưa các tàu về Djouniye, một cảng xinh đẹp nằm ở phía Bắc Beyrouth. Khi các vali được mở ra, người chỉ huy hải quân của Lyban đề nghị người chịu trách nhiệm của Mossad kiểm tra tiền.

— Không, chúng tôi tin tưởng vào lời nói của các ông- Một người của Mossad nói: Nhưng nếu các ông lừa chúng tôi thì các ông là một con người đã chết.

Sau đó tiền được đếm rất đầy đủ .

Với “hải quân” của mình, những người Phalangiste tuần tiễu xa 5 hải lý ở ngoài khơi Tây - Beyrouth, đồng thời xả đạn liên tiếp vào những người Hồi giáo; các bài luyện tập này đã giết chết hàng trăm người dân vô tội, nhưng chỉ có được một chút ít tác động tới những diễn biến thù địch đang xảy ra.

Năm 1979, Gemayel, cho phép Israel thiết lập trạm ra-da hải quân ở Djouniye do khoảng 30 lính Israel điều hành - đội quân đầu tiên của đất nước được trú đóng tại Lyban. Sự hiện diện của họ đã tăng cường quyền lực của người Phalangiste, bởi vì những người Hồi giáo - cả những người Syrie nữa - không thật phấn khởi với ý tưởng quan hệ với người Israel. Những cuộc mặc cả để đặt trạm ra-da đã diễn ra trong sự bao bọc của người Phalangiste ở phía Bắc Beyrouth. Mossad biết đền đáp lại Gemayel về sự hiểu biết của ông ta...

Cùng trong thời gian ấy, người Israel lại có một đồng minh khác ở Nam Lyban với cá nhân tướng Saad - Haddad, một người Thiên Chúa giáo chỉ huy lực lượng tự vệ Chiite và ông này muốn như người Israel tức là đánh đuổi lực lượng của Arafat đi. Vào giờ tấn công Arafat đến, ông tướng này sẽ chứng tỏ là một người rất hợp tác.

Ở Beyrouth, ăng ten của Mossad có tên là “tàu ngầm”, được đặt ở bên dưới gầm của một tòa nhà cũ của Chính phủ, gần đường biên giới chia cắt phía Đông Beyrouth, do người Thiên Chúa giáo chế ngự và phía Tây Beyrouth nằm trong tay những người Hồi giáo. Có cả thảy tới 9 người làm việc ở đó, trong số này có 7 hoặc 8 *katsa* với một hay hai thành viên của đơn vị 504, tương đương như quân đội của Mossad.

Vào buổi đầu của những năm 80, Mossad liên hệ chặt chẽ với nhiều dòng họ Lyban, trả tiền cho những tin tức tình báo, cho họ đi lại, thậm chí trả tiền cho một số băng đảng và cả cho những người Palestine trong các trại tị nạn. Ngoài Gemayel, các dòng họ Joumblatt và Berri cũng được nêu lên trong các danh sách của Mossad.

Người Israel gọi loại tình hình này là: *Halemh*, chữ Ả Rập có nghĩa là “Mớ tạp phí lù”. Nhưng với việc khởi đầu bắt giữ con tin phương Tây, thì sự xấu xa nhất còn để lại cho sau này.

Tháng 7 năm 1982, David Dodge, 58 tuổi, Chủ tịch Trường Đại học tổng hợp của Mỹ ở Beyrouth đã bị 4 người có vũ trang bắt cóc, khi ông vừa ra khỏi văn phòng của mình. Việc “vận chuyển xác ướp” là một cách thông thường để chuyên chở các con tin. Người ta đã cuốn bọc nạn nhân từ đầu tới chân với những tấm băng nhựa màu nâu hạt dẻ, chỉ để lại cho nạn nhân một lỗ phía trên mũi để thở và người ta giấu nạn nhân trong một hòm bên dưới chiếc ghế băng của xe. Nếu những người bắt cóc rơi vào các điểm chặn xe dựng lên bởi một băng đảng kinh địch, những kẻ bất hạnh làm con tin kia khi đó bị bỏ mặc cho số phận và nhiều người trong số con tin bị chết

. Vào thời bấy giờ, ở Lyban việc đó chỉ xảy ra với những người khác, thì không có gì trầm trọng.

Chính vì thế mà Mossad cùng với các mạng lưới người Lyban của mình, Bộ trưởng Quốc phòng Ariel Sharon - mà người Mỹ đã mô tả là: "Một con điều hâu trong những con điều hâu", đã ngửa ngáy với những ý tưởng đánh nhau. Tất cả họ đã thúc đẩy Begin lao vào việc tảo thanh Nam Lyban, vùng của Quân đội Palestine. Quân đội này đã dùng các cứ điểm của họ để phóng rốc két và tổ chức các cuộc đột kích chống lại dân làng Israel ở vùng biên giới.

Sau cuộc chiến tranh Kippour, năm 1973 Sharon đã bị quân đội của mình la ó: "*Arik, Arit ông vua của Israel*". Sharon cao 1m68, nặng 100 kg, biệt danh là "BuUozer" (Chiếc máy ủi), vì cơ thể của ông ta và còn vì tính khí của ông ta. Khi mới 25 tuổi, ông ta đã lãnh đạo một đơn vị biệt kích chịu trách nhiệm về cái chết của nhiều người Jordannie vô tội. Việc này đã buộc Thủ tướng, lúc đó là ông David Ben Gourion, phải công khai xin lỗi. Về sau, Moshes Dayan đã làm thất bại việc đưa vụ này ra tòa án quân sự, đặc biệt để kiểm điểm lại các mệnh lệnh trong chiến dịch của Sinai năm 1956 bằng cách tổ chức một cuộc thao diễn nhảy dù. Cuộc tập trận của các lính dù đã phải trả giá bằng tính mạng của hàng chục lính Israel.

Mấy tháng trước cuộc xâm lược của Israel vào Nam Lyban, PLO đã cảm nhận thấy việc này sẽ tới, Arafat đã ra lệnh ngừng bắn rốc két vào các làng bản của người Israel. Vào mùa xuân năm 1982, Israel đã tập trung tới 4 lần quân đội của họ ra biên giới và chỉ rút quân vào phút chót dưới áp lực của người Mỹ. Begin hứa với người Mỹ là trong trường hợp tấn công, người Israel không vượt qua Litani cách khoảng 30 km ở phía bắc đường biên giới, để làm cho dân làng Israel nằm ngoài tầm bắn rốc két của người Palestine. ông Begin đã không giữ lời hứa của mình và xem xét để ký rõ ràng về lời hứa của mình đối với người Israel đã tới vùng Beyrouth. Người ta tự hỏi liệu ông đã bao giờ có ý định giữ lời hứa chưa.

Ngày 25 tháng 4 năm 1982, phù hợp với các thỏa thuận ở Trại David, Israel đã rút khỏi 1/3 vùng Sinai, mà họ chiếm đóng từ cuộc chiến tranh sáu ngày năm 1967.

Nhưng trong lúc mà các máy ủi của Israel đang ủi những phần còn lại của các ngọn đồi của người Do Thái, thì trên 80 km dọc biên giới với Lyban, Israel đã ngừng bắn. Cuộc ngừng bắn này bắt đầu từ năm 1981. Năm 1978, quân đội của Israel đông tới 10.000 người, cùng với 200 xe tăng, đã xâm chiếm miền Nam Lyban mà không đạt được việc đánh đuổi quân PLO ra khỏi vùng đó.

Tháng 6 năm 1982, tại Galilee, vào một buổi sáng đẹp, chan hòa ánh nắng mặt trời, văn phòng của Begin đã bật đèn xanh cho Sharon xâm lược Lyban. Ngày hôm đó, viên tướng người Ireland William Callaghan, chỉ huy các lực lượng tạm quyền của Liên hợp quốc đối với Lyban (FINUL) đã thông báo tại Tổng hành dinh tiền phương của Bộ chỉ huy phía Bắc của Quân đội Israel ở Zephát để thảo luận về một nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc kêu gọi chấm dứt những những trở ngại ngăn cách giữa Israel - Paslestin. Thay vì làm điều đó, tướng Raphat Eitan lại kêu gọi quân Israel đánh chiếm Lyban trong vòng 80 phút. Vào giờ đã định, 60.000 quân dựa vào sự yểm trợ của hơn 500 xe tăng ồ ạt vào lãnh thổ Lyban, bắt đầu chiến dịch bị nguyên rủa. Chiến dịch này chắc chắn phải đuổi khỏi Lyban 11.000 chiến sĩ của PLO, nhưng cũng làm mờ nhạt hình ảnh của Israel trên quốc tế và đã phải trả giá với 462 lính Israel chết và 2.218 người bị thương.

Mặc dù có một lực lượng kháng cự mạnh ở Sidon (Saida), Tyr (sour) và Ed Damour, các lực lượng quân PLO đã bị quét sạch trong bốn tám giờ đồng hồ, trả lời hai bức thư khẩn của Reagan yêu cầu không tấn công Lyban, Begin đã viết: Israel chỉ muốn đẩy lùi PLO xa khỏi biên giới. *“Một kẻ xâm lược khát máu đang ở cửa nhà chúng tôi, phải chăng chúng tôi không có quyền căn bản bảo vệ chính đáng?”*

Trong lúc một phần của lực lượng Israel tấn công PLO ở phía Nam, thì một phần khác hoạt động phối hợp với những người Phalangiste của Gemagel trong vùng phụ cận Beyrouth. Ban đầu, những người theo Thiên Chúa giáo đón chào họ như những người giải phóng, ném gạo, hoa và bánh kẹo xuống chỗ họ đi qua. Quân Israel đã nhanh chóng bao vây hàng nghìn lính biệt kích của PLO, mà xen lẫn trong số này có khoảng 500.000 người dân cư trú trong vùng Tây Beyrouth. Nhưng những người lính Israel không ở Beyrouth mà lòng ham mê chiến tranh đã choán rất nhiều thời gian của họ. Họ đã tìm được một ngôi làng ở cửa ngõ Beyrouth, một địa điểm lý tưởng, nổi tiếng vì những người phụ nữ xinh đẹp và chồng của họ lại đi vắng.

Thế nhưng những cuộc ném bom, bắn phá Beyrouth vẫn tiếp tục và trong tháng 8, giữa lúc có những lời chỉ trích, phê phán tăng lên ở cả trong nước và trên quốc tế, và những lo âu đối với nhân dân, thì Begin tuyên bố:

”Chúng tôi sẽ làm những cái mà chúng tôi phải làm. Tây - Beyrouth không phải là một thành phố, đó chỉ là mục tiêu quân sự được bao bọc bởi những người dân”.

Cuối cùng, sau 10 tuần lễ vây hãm, các họng súng đại bác đã bị diệt và những lính biệt kích của PLO đã di tản khỏi thành phố. Điều này đã làm cho Thủ tướng Lyban, Chaphic Wazzan cười và nói:

— Chúng tôi đã qua được nỗi khổ của mình.

Ông ta đã nói điều này quá sớm.

Cuối tháng 8, một phân đội của lực lượng hòa bình Pháp - Mỹ - Italia đã chiếm giữ vị trí ở Beyrouth, nhưng quân Israel vẫn tiếp tục siết chặt gọng kìm của họ vào thành phố.

Ngày 14 tháng 9 năm 1982, vào hồi mười sáu giờ tám phút, một quả bom 100 kg giấu ở tầng ba tại Tổng hành dinh của Đảng Phalangiste trong

khu vực Đông Beyrouth, loại bom được hoạt động bằng kíp nổ điều khiển từ xa, đã nổ giết chết Tổng thống được bầu, ông Béchir Gemayel cùng 25 người cận vệ trung thành, giữa lúc khoảng 100 thành viên Phalangiste đang nhóm họp phiên họp hàng tuần của họ. Được người anh cả của Béchir, ông Amine Gemayel 40 tuổi lên thay thế.

Người đặt quả bom, Chartouny, 26 tuổi, thành viên của Đảng Nhân dân Syrie, địch thủ của người Phalangiste đã được xác định. Hoạt động nổ bom này do Cơ quan Tình báo Syrie tiến hành. Cơ quan này do tướng Mohmmmed Ganen chỉ huy. CIA, người đã giúp Gemayed phối hợp với Mossad, đã thỏa thuận với ông này một Hiệp định hợp tác (Hiệp định này luôn có lợi cho Mossad, luôn luôn hạn chế thông báo tin tức). Mossad, người đã xem các nhân viên của CIA như những “điệp viên nghiệp dư”, biết rõ vai trò của Syrie trong vụ sát hại Gemayel, không có gì bất ngờ cả.

Hai hôm, sau vụ đánh bom, ông tướng quân đoàn Israel, Amir Drori, đứng đầu Bộ Chỉ huy miền Bắc và nhiều sỹ quan của Bộ Tham mưu Israel đã đón tiếp các vị khách mời tại nhiệm sở chỉ huy của họ ở cảng Beyrouth. Hiện diện trong buổi đón tiếp này có chỉ huy Bộ Tham mưu của các lực lượng Lyban, Elias Hobeika, nhân vật cao cấp, tàn bạo và rất cực cần. Ông ta đi dạo khắp nơi với khẩu súng ngắn, con dao và lựu đạn (đây là một người Phalangiste đáng sợ nhất của Lyban). Mỗi khi ông ta giết một người lính Syrie, ông ta cắt tai nạn nhân và dùng sợi dây thép xâu những chiếc tai đó để lưu giữ trong nhà như những chiến lợi phẩm. Hobeika rất gắn bó với viên tướng theo Thiên Chúa giáo, Samir Geagea và mãi cho tới sau này, hai người đã thay phiên nhau chỉ huy quân đội Thiên Chúa giáo. Đối với Mossad, Hobeika là một điệp viên quan trọng. Con người này đã học tại trường chiến tranh cao cấp của Israel, chính ông ta đã chỉ huy các lính biệt kích để thâm nhập vào các trại tị nạn và tàn sát thường dân sống tại đó. Hobeika, người căm ghét Amine Gemayel và tìm mọi cách để làm hại ông ta. Bản thân ông ta đã bị vấp phải lực lượng kháng chiến trong cuộc đấu

tranh tranh giành quyền lực, bởi vì một số người đã mắng chửi ông ta về việc bảo vệ kém cho Bechir Gemayel.

Ngày 16 tháng 9, Hobeika đã tập hợp quân lính của ông ở sân bay quốc tế Beyrouth và thâm nhập vào trại Chatila dưới sự yểm trợ của đạn và sau đó là xe tăng, rồi súng cối của lực lượng phòng vệ Israel (FID). Trong cùng lúc này, một bản thông cáo báo chí của Văn phòng Thủ tướng tuyên bố rằng quân đội phòng vệ (FID) *“Đã chiếm được vị trí ở Tây Beyrouth, để phòng ngừa những nguy cơ bạo lực, tàn sát và nguy cơ của chế độ quân chủ”*.

Ngày hôm sau, những người Israel cho phép Hobeika đưa vào trong trại những tiểu đoàn mới, và họ đã biết rằng một cuộc tàn sát đã xảy ra ở đó. Quân đội Israel đã triển khai nhiều trạm quan sát trên nóc các tòa nhà 7 tầng, gần Đại sứ quán Koweit, bởi vậy nên có một tầm nhìn không bị che lấp đối với các cuộc tàn sát.

Cả thế giới phải công phần vì cuộc tàn sát và vì vai trò có mặt của Israel ở đó. Cuộc chiến tranh giữa Reagan và Begin đã được khuếch đại. Đầu tháng 10, Tổng thống Mỹ lại gửi 1.200 lính thủy tới Beyrouth, chỉ có 19 ngày sau là họ được di chuyển đi khỏi Beyrouth. Họ luôn hòa nhập với 1.560 lính dù Pháp và 1.200 lính Italy để thành lập một lực lượng gìn giữ hòa bình mới.

Trong thời gian này, tại nơi đây ăng ten của Mossad ở Beyrouth tiếp tục thu thập các tin tức tình báo. Một trong số những người cung cấp thông tin là người mà ta gọi là một “Stinker” (một người đáng ghét) trong tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung Âu và Đông Âu, hay nói một cách khác là một tên chỉ điểm. Tên này biết một ga-ra đặc biệt trong việc ngụy trang các xe và nơi để bí mật hàng lậu. Rất nhiều lính Israel đi từ đó ra với máy video và thuốc lá của Lyban, để đưa về bán ở Israel nơi mà các hàng hóa này phải chịu từ 100- 200% thuế. Mossad thường làm thất bại loại hàng lậu bằng cách báo cho quân cảnh Israel.

Mùa hè năm 1983, cũng tên chỉ điểm này đã cảnh báo Mossad biết rằng bọn Chiite đã chuyển trong chiếc xe tải Mercedes, những đồ che giấu rỗng để ngụy trang quả bom ở trong. Hẳn ta nói thêm rằng nhìn kích cỡ của các đồ che giấu, thì thường người ta hay nghĩ rằng chiếc xe tải đó được cử tới một mục tiêu có tầm cỡ. Mossad biết rằng mục tiêu tương ứng với việc mô tả này có ít. Một trong những mục tiêu đó là căn cứ quân sự của Mỹ. Khi đó vấn đề đã trở nên khá rõ ràng và nên biết rõ liệu có cần thông báo hay không cho người Mỹ để đề phòng với chiếc xe tải được người chỉ điểm của họ đã thông báo cho họ. Một quyết định quá quan trọng để cho ăng ten tại Beyrouth biết. Quyết định này ngay lập tức được chuyển về Tel Aviv, nơi Admony người chỉ huy của Mossad lựa chọn cách thông báo cho người Mỹ mà không cung cấp chi tiết cho họ. Ông này đã nói với họ rằng ông có lý do xác đáng để nghĩ rằng một kẻ nào đó có thể đang chuẩn bị một hoạt động chống lại người Mỹ. Nhưng như thế thì quá mơ hồ và chung chung, chẳng khác nào cung cấp cho họ một tin dự báo thời tiết; không có một lý do gì để báo động và để có những biện pháp an ninh phụ trợ. Ví dụ, trong 6 tháng tiếp theo đã có hơn 100 vụ báo động đối với bom. Một lần nữa sẽ không làm cho người Mỹ phải đề cao cảnh giác. Vì thế Admony đã chứng minh cho việc ông từ chối cung cấp những sự bổ sung chính xác.

— Chúng ta cần làm việc không phải để bảo vệ người Mỹ. Họ đủ lớn mạnh để tự bảo vệ lấy mình. Hãy thông báo cho họ như thường lệ.

Các doanh trại của Israel và bản thân họ cũng đã nhận được một sự mô tả chi tiết về chiếc xe tải Mercedes.

Ngày 23 tháng 10 năm 1983, vào lúc sáu giờ sáng, một chiếc tải Mercedesz đồ sộ tiến gần tới sân bay Beyrouth, đi qua các trạm kiểm soát của Quân đội Lyban và rẽ trái vào bãi đỗ xe. Một lính gác thủy quân giận dữ báo hiệu rằng xe đã chạy quá tốc độ cho phép, nhưng trước khi người lính gác này có thể hành động, chiếc xe đã lao về phía cửa ra vào của tòa nhà bằng bê tông của Cơ quan An ninh hàng không được dùng làm Tổng

hành dinh của Tiểu đoàn 8 lính thủy đánh bộ; xe lao sâu vào chiếc cửa chính bằng thép, lật đổ vọng gác của bảo vệ, mặc dù được bảo vệ bằng các bị cát và phóng chạy thẳng vào phòng khách cùng tiếng nổ long trời làm cho một tòa nhà bốn tầng ngay tức khắc sập đổ xuống thành một đồng gạch vụn.

Vài phút sau đó, một chiếc xe tải khác lao hết tốc độ vào Tổng hành dinh của lính dù Pháp, ở Bir Hason, khu dinh thự có biển bao bọc dài 3 kilômét kể từ căn cứ của quân Mỹ. Tiếng nổ lớn đến mức làm cho tòa nhà bắn lùi ra tới 9 mét và làm cho 58 lính bị chết.

Hai trăm bốn mươi một (241) lính thủy đánh bộ bị chết khi còn đang ngủ trong những túi ngủ cá nhân, khi xảy ra cuộc tấn công cảm tử, là một sự mất mát nặng nề nhất chỉ trong một ngày, đã được người Mỹ ghi nhận kể từ khi 246 lính Mỹ chết trên toàn Việt Nam trong ngày đầu của cuộc Tổng Tiến công Tết (Mậu Thân), 13 tháng 1 năm 1968.

Những ngày tiếp theo các vụ đánh bom này, người Israel đã thông báo cho CIA một danh sách 13 người mà họ cáo giác là đã chuẩn bị những chiếc xe tải cảm tử. Danh sách này bao gồm các nhân viên của Tình báo Syrie, Iran ở Damas và nhân vật Chiite Mohammad Fadllah Hussein. Tại Tổng hành dinh của Mossad, người ta đã trút hơi thở nhẹ nhõm, trong khi biết rằng binh lính Israel không phải là mục tiêu bị nhòm ngó. Điều đó được xem như một vụ tai nạn nhỏ mà Mossad không có liên quan. Một giải thích chính thức khẳng định là chúng ta đã phát hiện một cách tình cờ một tin tàm thường mà chúng ta đã không muốn tác động đến. Hãy xem sự việc dưới một góc độ khác: Nếu chúng ta đã chuyển thông tin đó cho người Mỹ và rằng những kẻ giết người đó sẽ có thể phát hiện được lỗ dò đó bắt nguồn từ đâu, thì người chỉ điểm của chúng ta liệu có còn sống hay không? Như thế là chúng ta sẽ không còn phương tiện để cho biết, nếu chúng ta nằm trong đường ngắm của những vụ đánh bom trong tương lai.

Tình cảm chung đối với người Mỹ là như sau: “*A ha, họ muốn chỗ mũi của họ vào trong đó, vậy thì việc đó sẽ dạy cho họ bài học!*”.

Đối với tôi, việc này là một dịp chịu đựng những lỗi quở trách đầu tiên của thượng cấp tôi ở Mossad, viên sĩ quan liên lạc Amy Yaar. Vì tôi đã khẳng định rằng chúng tôi có lẽ có thấy cái chết của binh lính Mỹ trong thâm tâm, bởi vì, sau hết họ đến đây chỉ để giúp đỡ chúng tôi thoát ra khỏi tình thế lúng túng, rắc rối mà chúng tôi đang mắc phải. Amy vặn lại tôi:

— Anh câm ngay, anh không biết anh nói cái gì ư? Chúng ta đã cho người Mỹ nhiều hơn cái họ đem lại cho ta.

Điều đó là sai. Một phần lớn các trang thiết bị quân sự của Israel đã được chế tạo ở Mỹ và Mossad còn mang nợ họ rất nhiều.

Trong cùng thời kỳ này, nhiều người phương Tây đã bị các phe phái khác nhau bắt giữ làm con tin. Cuối tháng 3 năm 1984, viên chỉ huy ăng ten của CIA, William Buckley, giữ cương vị tham tán chính trị tại Đại sứ quán Mỹ đã bị 3 lính Chiite bắt đi, khi ông ta vừa rời khỏi chỗ ở tại Tây Beyrouth. William Buckley bị bắt giữ làm tù nhân trong 18 tháng, bị tra tấn một cách man rợ và bị giết chết một cách tàn bạo. Ông ta lẽ ra có thể được cứu sống.

Nhờ vào mạng lưới thông tin của mình Mossad có một ý niệm khá chính xác những nơi mà con tin bị tạm giam giữ, và biết rõ kẻ bắt họ, thậm chí nếu những chỗ giấu bí mật còn chưa được biết thì việc quan trọng là biết ai đã cầm giữ ai, để không bị dẫn tới việc thương lượng với các phe khác, trong khi các phe này không bắt giữ con tin. Sự kiện này đã gợi lại một câu chuyện trong tôi: Một người Lyban yêu cầu người trợ lý của mình, tìm một người nào đó để thương thuyết giải phóng con tin.

— Con tin của ngài là người nước nào? - Người trợ lý hỏi?

— Hãy kiếm cho tôi một nước nào mà họ muốn tìm con tin.

Những con người có cương vị cao như William Buckley, có một tầm quan trọng không thể đánh giá hết đối với các thông tin mà họ nắm giữ. Nhờ họ nói ra, họ sẽ đặt mạng sống của nhiều điệp viên vào mối nguy hiểm. Tổ chức Hồi giáo Jihad đã nhận lấy trách nhiệm bắt Buckley. Với mong muốn cứu lấy Buckley, Giám đốc CIA, William Casey đã nhanh chóng gửi tới Beyrouth một đội chuyên gia của FBI, đã được huấn luyện về khu vực bắt cóc, nhưng sau một tháng, họ đã không tìm kiếm được gì. Chính sách chính của Hoa Kỳ là cấm mọi hình thức buôn bán với những người bắt giữ con tin, nhưng Casey đã tháo khoán một khoản tiền đáng kể nhằm trả tiền thù lao cho người cung cấp thông tin, và nếu cần thì dùng tiền giải phóng Buckley.

CIA đã sớm nhờ đến sự giúp đỡ của Mossad. CIA đã giao phó cho điệp viên phụ trách quan hệ ở Tel Aviv cố gắng có được mọi thông tin từ Mossad đang nắm giữ về Buckley cũng như những con tin khác.

Lúc 11 giờ 30 của một buổi sáng, người ta đã yêu cầu mọi người trong Tổng hành dinh di chuyển khỏi tầng nhà chính và ra khỏi cầu thang trong vòng một giờ, bởi vì các vị khách yêu cầu. Hai đại diện chính thức của CIA đã được cảnh vệ dẫn tới. Văn phòng Admony nằm trên tầng 9. Viên chỉ huy Mossad bảo đảm với họ rằng ông ta sẽ chuyển giao cho họ những gì mà ông ta biết với điều kiện họ phải gửi yêu cầu tới Thủ tướng dưới chiêu bài (cái cớ) là chính quyết định được đưa ra ở đó. Trên thực tế Admony muốn rằng bản yêu cầu phải đúng thể thức và hình thức để có trường hợp xảy ra, người Mỹ sẽ làm việc với ông ta tương tự như vậy.

Qua trung gian Đại sứ quán của mình, những người Mỹ đã chuyển lời yêu cầu chính thức tới Thủ tướng Shimon Perés, người đã cho phép Admony giúp đỡ CIA để giải phóng các con tin. Theo thông lệ, người ta đưa ra một số giới hạn đối với yêu cầu này và sẽ giao cho các bạn cái mà người ta biết, ngoại trừ những cái làm hại cho người của chúng tôi, ở đây

ông ta không có bất kỳ một hạn chế nào, bằng chứng là chuyện các con tin đã là điểm mấu chốt đối với hai nước.

Về mặt chính trị, đó là xuất phát từ tính năng động. Chính quyền Reagan đã ghi lại trong ký ức của mình những lỗi lầm không có thể nào sửa chữa được và một sự trừng phạt nhục nhã đối với Jimmy Carter về các con tin bị cầm giữ ở Iran sau khi Shah sụp đổ.

Admony cam đoan với Perés rằng ông ta sẽ làm hết sức mình để giúp đỡ những người Mỹ.

— Tôi hi vọng khả dĩ - Admony khẳng định. Chúng tôi đang nắm giữ những thông tin có ích đối với họ.

Trên thực tế Admony chả có ý định nào để giúp đỡ họ.

Hai sĩ quan CIA được triệu tới Midrasha (Viện Hàn lâm) để gặp những người *Saifanin* (hay còn gọi là những con cá đồ), là các chuyên viên về PLO. PLO lại được xem là kẻ thù tồi tệ nhất. Mossad có khuynh hướng cho rằng phàm những ai đã mất uy tín của Palestine đều có thể lôi kéo, mua chuộc. Vì thế những *Saifanin* (những con cá đồ) gợi ý rằng những kẻ đi bắt cóc là các thành viên của PLO, lúc đó thậm chí phần lớn con tin trong đó gồm cả Buckley, không hề có một mối liên hệ nào đối với Liên đoàn Palestine.

Về bề ngoài, những người *Saifanin* cho đóng lên tường các bản đồ và tìm cách làm thỏa mãn người Mỹ về các dữ liệu địa lý trên khu vực được xác định coi như có con tin. Mặc dù, người ta thuyên chuyển một cách đáng kể các con tin, Mossad đã có một ý nghĩ tương đối khả dĩ đối với những địa điểm giam giữ. Mossad giấu đi nhiều dấu hiệu do những người chỉ điểm của mình cung cấp, và Mossad đã đề nghị người Mỹ nếu họ muốn đưa ra nhiều chi tiết hơn. Một sự mua bán ngầm ngấm bằng tiền bạc. Tôi đưa ra cho anh nhưng anh nợ lại tôi.

Kết thúc cuộc gặp gỡ, Admony nhận được một báo cáo đầy đủ, về phía mình, người Mỹ phải xin ý kiến tham khảo cấp trên. Hai hôm sau, những người Mỹ quay lại tìm kiếm một phần bổ sung của thông tin đối với tin tình báo mà người ta đã trao cho họ trong cuộc trao đổi đầu tiên. CIA nghĩ rằng cầm giữ ở đó được một viên kim cương thô, nhưng muốn thẩm tra lại. Người Mỹ yêu cầu cho gặp người cung cấp thông tin.

— Không có vấn đề đó - Người của Mossad đáp - Chúng tôi không bao giờ để lộ ra nguồn cung cấp của mình.

— Vâng, tôi hiểu - Viên sĩ quan CIA nhượng bộ - Nhưng tại sao không để chúng tôi nói chuyện với viên sĩ quan xử lý?

Mossad bảo vệ danh tính các *katsa* của họ với quyết tâm cuối cùng. Những *katsa* không thể để nguy hiểm bị nhận diện. Một *katsa* làm việc ở Beyrouth hôm nay, có thể ngày mai lại ở bất kỳ đâu. *katsa* này lại để rơi vào CIA. CIA nhận ra họ, rồi sẽ làm thất bại hoàn toàn cả chiến dịch. Có nhiều cách thức để sắp xếp một cuộc gặp bí mật. Người ta có thể nói đằng sau một tấm màn với tiếng được làm sai lạc đi, mang một áo choàng, đội mũ chỉ để hở con mắt thôi v.v. Nhưng tốt hơn hết, Mossad không muốn tiến tới điểm này. Mặc dù có mệnh lệnh của “Ông chủ” là Thủ tướng Perés, các *Saifanin* vẫn đòi hỏi phải tham khảo người chỉ huy Mossad.

Tiếng xì xào diễn ra ở Tổng hành dinh là Admony đã có liên quan tới dư luận xấu và rằng bà chủ của ông ta, con gái viên chỉ huy Tsomet, chính bà ta cũng vậy, là một người bản tính không được hay. Rồi ngày hôm đó, trong bữa ăn trưa, tất cả mọi người, trong khi nói chuyện về con tin, đã bình luận về phản ứng của Admony.

— “Những điều này đã đẩy những người Mỹ đến chỗ thất bại! Người Mỹ sẽ suy nghĩ thấy điều gì? Người ta sẽ trao các con tin của họ tại chỗ ư? Rồi còn những gì nữa?”

Dù sao thì câu trả lời của ông ta vẫn là không. CIA không có quyền thẩm vấn *katsa*. Tốt hơn, người ta làm cho người Mỹ tin rằng tình báo đã mất hiệu lực và không dính líu tới Buckley. Đây là việc làm sai, nhưng người ta cứ nhấn mạnh vào việc nói dối này bằng cách yêu cầu người Mỹ quên đi thông tin này để bảo vệ mạng sống của các con tin khác. Thậm chí, người ta hứa tăng gấp đôi các nỗ lực cho người Mỹ để tìm kiếm những tin tình báo mới cho họ.

Một số người nghĩ rằng một ngày nào đó Mossad sẽ phải hối tiếc. Nhưng đại đa số giữ cùng một lập trường: *“Người ta biết rõ việc đó! Điều này không phải cứ người Mỹ là sẽ áp đặt được việc điều hành của chúng ta? Chúng ta là Mossad, chúng ta là những con người giỏi nhất!”*

Điều lo lắng cho Buckley đã đẩy Casey lẫn tránh lệnh cấm do Quốc hội Mỹ áp đặt với sự việc bán vũ khí cho Iran, và lẫn tránh thương lượng với chế độ của những người Ayatollahs để đổi lấy việc bảo vệ an toàn cho các con tin. Vụ bê bối về việc bán vũ khí đã lên tới đỉnh cao với giai đoạn Iran - Contra. Nếu Mossad chấp nhận hợp tác, Buckley và nhiều con tin khác đã có thể được giải cứu, và vụ bê bối có lẽ không làm vấy bẩn đời sống chính trị Hoa Kỳ. Thủ tướng Perés đã biết rằng ông ta hợp tác vì lợi ích của Israel, nhưng Mossad và đặc biệt là Admony lại theo đuổi một mục tiêu khác.

Khi Israel rút ra khỏi Lyban, nơi Mossad đã thúc đẩy can thiệp vào, thì ăng ten của “Tàu ngầm” phải đóng cửa, bỏ lại đằng sau nó một số lớn điệp viên và mạng lưới người cung cấp tin tức rộng lớn, bao la. Một số điệp viên đã bị giết, người ta giúp đỡ số điệp viên khác chạy trốn.

Israel đã không bắt đầu cuộc chiến tranh và cũng không đặt một thời hạn nào nữa cho nó ở đây. Đó như là Black Jack ở Casino (như cái chốt đen ở sòng bạc), người ta không bắt đầu trò chơi, và người ta cũng không kết thúc trò chơi. Người ta ở đó, thế thôi! Đó là điều diễn ra ở Lyban đối với Israel, chúng tôi không cuồn được tiền đánh bạc.

Thời kỳ này, Thủ tướng Perés có cố vấn về khủng bố tên là Amiran Nir. Khi Perés nghi ngờ Mossad từ chối hợp tác, Thủ tướng dùng Nir làm người liên lạc cho hai nước. Vì thế mà Nir gặp đại tá Oliver North, người sẽ được phác họa trong vụ bê bối với Iran - Contra. Nir có được một vị trí như vậy, nhờ mang Kinh Thánh nổi tiếng do Ronald Reagan đề tặng khi North và Robert Me Farlane, cựu cố vấn an ninh quốc gia có được các hộ chiếu Ireland để đi vào Iran, hồi tháng 5 năm 1985 nhằm đạt được một Hiệp định bán vũ khí. Tiền nông thu được từ việc bán vũ khí này được chuyển đi mua vũ khí cho phái Contra của Nicaragua là phái được Hoa Kỳ ủng hộ. Nir là một con người am hiểu, có sẵn nhiều mối quan hệ. Ông ta đóng vai trò hàng đầu trong việc bắt giữ những kẻ khủng bố. Những kẻ khủng bố này đã bắt chiếc máy bay Achille Lauro bay đổi hướng, trong năm 1985. Rồi Nir đã đề cho George Bush, thời kỳ đó là Phó Tổng thống Hoa Kỳ (và cả cựu giám đốc CIA), biết về các vụ thương lượng với Iran liên quan đến việc bán vũ khí.

Theo những công bố của riêng ông, trong năm 1985 và 1986, Nir cùng với North đã giám sát nhiều hoạt động chống khủng bố do các thoả thuận bí mật giữa Iran và Hoa Kỳ cho phép. North quy cho Nir có ý tưởng sử dụng lợi nhuận thu được từ nguồn bán vũ khí cho Iran để tài trợ các hoạt động bí mật, trong tháng 11 năm 1985.

Vai trò của Nir trở thành then chốt hơn khi người ta biết được các quan hệ của Nir với Manucher Ghorbanifar, một con người thần bí trong làm ăn ở Iran. Viên phụ trách CIA, William Casey, cuối cùng đã báo trước cho North biết rằng người ta nghi ngờ Ghorbanifar làm việc cho các Cơ quan Tình báo Iran. Tháng 6 năm 1986, Nir và Ghorbanifar đã giành được sự giúp đỡ của những người Iran để giải phóng mục sư Lawrence Jenco, một con tin Mỹ bị những kẻ cực đoan Lyban bắt giữ. Một thời gian ngắn, sau khi thả Jenco, Nir đã làm cho George Bush hiểu sự cần thiết phải biểu lộ lòng biết ơn của mình bằng cách gửi vũ khí tới Iran. Ghorbanifar là người cung cấp tin tức của CIA từ năm 1974. Năm 1981, ông ta đã cung cấp dư

luận mà theo đó một đơn vị biệt kích có lẽ đã được gửi sang Hoa Kỳ để ám sát Tổng thống Reagan. Hai năm sau, sau khi thẩm tra lại sự sai lạc của thông tin này, CIA đã chấm dứt hợp tác của họ và năm 1984, một báo cáo nội bộ đã cáo giác rằng Ghorbanifar là một con người “có tài bịa đặt”.

Thế nhưng, chính ngay cả Ghorbanifar, người đã giành được một khoản vay 5 triệu đô la của nhà tỷ phú Ả Rập Adnan Khashoggi, khi ông ta cần làm dịu đi mối ngờ vực giữa Israel và Iran trong một hợp đồng vũ khí. Mossad đã liên lạc với Khashoggi một vài năm trước. Mặt khác chiếc máy bay phản lực tư nhân của ông - cái gây ra sự tổn kém biết bao nhiêu mực - đã được trang bị ở Israel. Khashoggi không phải là con người giống những người khác: Tiền bạc của Mossad cho ông được dùng thực hiện những đòn tài chính, và mặt khác Mossad đã nhờ trung chuyển (quá cảnh) qua các công ty có số tiền khổng lồ của mình, do nhà tỷ phú Do Thái ở Pháp cung cấp. Đối với nhà tỷ phú này, thường phải cầu cứu khi có nhu cầu đối với số tiền cần thiết.

Dù thế đi chăng nữa, Iran không muốn trả tiền, chừng nào vũ khí chưa được giao, và Israel đã từ chối không gửi đi 508 tên lửa Tow khi chưa có tiền. Khoản này là của Khashoggi cho nên không thể thiếu để công việc được hoàn tất. Không lâu sau bản giao kèo này, một con tin Mỹ khác, mục sư Benfamin Weir, đến lượt được thả - việc này đã thuyết phục người Mỹ rằng Ghorbanifar có lẽ là một con người chuyên bịa ra các tin tức, nhưng cho thấy rằng việc đó không ngăn cản đạt được giải phóng con tin nhờ vào các mối quan hệ của Iran. Trong chính thời gian này Israel đã bí mật bán 500 triệu đô la tiền trang thiết bị quân sự cho Iran của Giáo chủ Khomeiny. Việc bán này để lại ít ngờ vực đối với chiếc đòn bẩy mà bản giao kèo này thủ vai nhằm giải quyết số phận của các con tin, không có tham dự của Ghorbanifar và không có Nir, người cùng ông phối hợp.

Ngày 29 tháng 7 năm 1986, Nir gặp Bush tại Khách sạn Hotel du Roi - David ở Jerusalem. Bản báo cáo tiếp xúc này đã được Chánh văn phòng của

George Bush, Craig Fuller ghi lại trong một báo cáo mật dài ba trang. Craig Fuller kể là Nir đã thừa nhận với Bush: *“Chúng tôi đã thương lượng về những yếu tố cơ bản nhất (ở Iran) bởi vì chúng tôi thấy họ có thể hành động một cách ngược lại với những người ôn hòa”*. Về phía mình, Reagan đã luôn luôn khẳng định rằng Nir đã trao đổi với những người ôn hòa, điều này có thể hiểu rằng tại sao ông ta đã chứng minh việc bán vũ khí bằng cái gì. Nir đã nói với Bush: *“Người Israel đã khởi động quá trình này. Chúng tôi cung cấp một vỏ bọc cho công việc, những cơ sở vật chất, vận tải”*. Việc lắng nghe của Nir, ở vụ kiện của North năm 1989 là rất cần đến. Đây là một nhân chứng chủ chốt, vì lẽ rằng ông ta đã tuyên bố các hoạt động chống khủng bố được tiến hành cùng với North trong năm 1985 và 1986 là kết quả của một Hiệp định bí mật giữa Mỹ và Israel. Nhân chứng của ông có thể là một nguồn gây rắc rối rất lớn đối với Chính quyền Reagan, nhưng cũng cần phải nhấn mạnh đến vai trò của những người Israel nắm giữ trong tất cả mọi sự việc.

Ngày 30 tháng 11 năm 1988, một chiếc máy bay Cessna T210 chở Nir bay qua đồng cỏ nằm cách Tây Mexico 180 km. Máy bay đã nổ, tất cả người trên máy bay đều chết, trong đó có cả Nir và viên phi công. Ba hành khách khác bị thương nhẹ. Đây là trường hợp của Adriana Stanton, cô người Canada, 25 tuổi, gốc ở Toronto, cô gái này đã phủ nhận mọi quan hệ với Nir. Thế nhưng người Mexico lại mô tả cô ta như “Thư ký của Nir” và là “Người hướng dẫn của ông ta”, mà không tính đến rằng cô Adriana Stanton làm việc cho một công ty có liên hệ chặt chẽ với Nir. Cô ta khước từ mọi việc khai báo.

Nir đến Mexico để thảo luận về một giao kèo. Ngày 29 tháng 11, ông ta đã thăm một đồn điền trồng lê Tàu ở bang Michoacan mà ông ta nắm giữ một phần không nhỏ. Hôm sau, ông thuê một chiếc máy bay nhỏ, dưới cái tên Pat Weber, để tới Mexico. Một cách chính thức, thì ông chết trong một vụ tai nạn. Tuy nhiên, thi thể của ông được một người Argentina bí hiểm, Pedro Cruchet nhận ra. Người Argentina này làm việc cho Nir và đi du

ngoại sang Mexico dưới một tên khác. Ông ta khẳng định với cảnh sát rằng ông ta đã để thất lạc mất căn cước trong một hành lang, nhưng thậm chí ông không có cả giấy tờ tùy thân. Ông ta đã làm được việc thu lại thi hài của Nir.

Ngoài ra, các báo cáo của Văn phòng kiểm sát trưởng đã khẳng định rằng Nir và Staton, mặc dù đi làm ăn hợp pháp, nhưng lại nấp dưới những căn cước giả. Sau này, một viên thanh tra phi trường đã chứng nhận ngược lại, mà không để người ta có thể thẩm định xa hơn.

Hơn 1.000 người ở Israel đã dự buổi tang lễ truy điệu Nir và Bộ trưởng Quốc phòng Itzhak Rabin, đã nói về “những bí mật mà ông lưu giữ trong trái tim mình”.

Về cái chết của Nir, tờ báo Toronto Star đã nêu một viên sỹ quan tình báo, mà tên tuổi của ông ta bị phanh phui ra và tờ báo khẳng định rằng người ta chưa tin vào cái chết của Nir. Tờ báo cho rằng Nir đã có những may mắn được phẫu thuật thẩm mỹ ở Genève, nơi có các bệnh viện ngoại khoa tuyệt diệu và rất bí ẩn.

Cho dù điều gì đã xảy đến với Nir đi nữa, thì ông ta cũng chỉ còn lại để tự biện hộ cho những lỗi lầm mà nhân chứng của ông đã gây ra đối với Chính quyền Reagan và Chính phủ Israel. Nhưng trong tháng 6 năm 1987, trong thời gian có Ủy ban điều tra của Thượng viện, có một báo cáo do North soạn thảo gửi cho cựu cố vấn an ninh quốc gia, Phó đô đốc John Poindexter, đề ngày 15 tháng 9 năm 1986 và bị kiểm duyệt vì lý do an ninh, đã yêu cầu Poindexter thảo luận với Casey về giao kèo mua bán vũ khí trước khi thông báo với Tổng thống Reagan.

Trong số 7 nhân vật bị kết án, Poindexter là người duy nhất bị tổng giam. Ngày 11 tháng 6 năm 1990, sau một bài thuyết giáo nghiêm khắc của thẩm phán tòa án Liên bang, Harold Greene, tòa tuyên bố rằng Poindexter là “Cái đầu nghĩ ra sự việc Iran - Contra”; Poindexter bị kết án tù 6 tháng.

Ngày 3 tháng 3 năm 1989, Rober Me Farlane bị kết án phải nộp một khoản tiền phạt 20.000 đô la với 1 năm thử thách, sau khi đã buộc tội đối với 4 viên phụ trách bị cáo giác phạm tội tàng trữ thông tin. Ngày 6 tháng 7 năm 1989 sau bản án ly kỳ của tòa án Washington, Oliver North bị kết án phạt 150.000 đô la, và phải hoàn thành tổng số 1.200 giờ dịch vụ vì lợi ích dân sự. Ngày 4 tháng 5 một hội thẩm đã công bố tội phạm của 3 trong số 12 viên chỉ huy bị cáo giác. North cũng bị kết án 3 năm tù treo cùng với 2 năm thử thách.

Tầm quan trọng về bản báo cáo của North cho Poindexter làm nổi bật vai trò của Nir. “Amiram Nir- North viết: Cố vấn đặc biệt của Thủ tướng Shimon Perés trong cuộc đấu tranh chống khủng bố, đã cho biết rõ, suốt trong mười lăm phút trao đổi riêng với Tổng thống Reagan, Perés đã không quên gợi lên nhiều vấn đề tế nhị”.

Việc ba con tin Mỹ khi được giải thoát, có quan hệ với những việc bán vũ khí. Họ là Jenco, Weir và David Jacobsen.

Trong chương “Các con tin” bản báo cáo nói: “Đã có nhiều tuần lễ Perés bày tỏ mong muốn Hoa Kỳ xem xét khả năng đặt một thời hạn cho cuộc xung đột với Iran. “Người Israel xem xét vấn đề con tin như một rào chắn phải vượt qua nhằm mở rộng các mối quan hệ chiến lược với Chính phủ Iran”.

“Không có bất kỳ nghi hoặc nào, Perés đã tìm kiếm để đạt được bảo đảm rằng Hoa Kỳ sẽ theo đuổi công việc kinh doanh chung mà không có việc kinh doanh này thì có lẽ đã không có việc giải thoát Weir, cũng như Jenco.... mong rằng Tổng thống cảm ơn Perés vì sự giúp đỡ bí mật do người Iran đem đến”.

Hình như là Reagan đã thực hiện. Và thêm vào đó là có thể Perés đáp lại phép lịch sự bằng việc thu xếp “cái chết” của Nir sao cho thuận tiện, và vì thế đã ngăn chặn Nir là một nhân chứng.

Người ta sẽ không bao giờ biết chắc chắn được điều đó, nhưng với những hoàn cảnh đáng ngờ vực được đưa ra về sự mất tích của Nir, cộng thêm với sự việc là những người buôn lậu vũ khí Israel đang cung cấp cho các chúa tể ma túy Colombie qua trung chuyển bởi những người Caraibes, sẽ tạo ra sự bất ngờ rằng Nir đã chết.

Chúng tôi sẽ chẳng bao giờ biết được điều ấy, nhưng cái mà chúng tôi biết đó là nếu Mossad đã thông báo những thông tin của mình về vấn đề con tin Mỹ và con tin phương Tây nói chung, nếu không do dự chần chừ, thì vụ Iran - Contra có lẽ không bao giờ có.

PHẦN KẾT

Ngày 8 tháng 12 năm 1989, một xe vận tải của Quân đội Israel gây tai nạn cho nhiều xe tải nhỏ (xe hòem nhỏ, bít kín), giết chết 4 người Ả Rập và làm bị thương 17 người khác. Một làn sóng công phần nổ ra, lại được phụ họa bởi dự luận cho rằng tai nạn là do cố ý gây ra để trả đũa lại việc tấn công hôm trước. Ngày 6 tháng 12, trên thực tế, người ta đã đâm chết một nhà ngoại giao Israel ở Gaza.

Ngày tiếp sau, những người biểu tình phản đối đã lập nên những chướng ngại bằng lốp xe. Họ đốt các lốp xe và ném đá, ném chai xăng rồi đình Ốc vào quân Israel. Ngày 10 tháng 12, những cuộc nổi dậy đã lan truyền ở Cisjordanie, tới tận trại tị nạn Balata, gần Naplouse.

Ngày 16 tháng 12, các lực lượng đặc biệt chống bạo loạn, lần đầu tiên sử dụng tới các súng phun nước chống lại những người biểu tình, rồi Quân đội Israel được gửi đến tăng cường trong dải Gaza để đàn áp cuộc nổi dậy.

Hai ngày sau, khi ra khỏi các nhà thờ của Gaza, sau buổi lễ cầu nguyện ngày thứ sáu, những thanh niên Palestine đã quấy rối binh lính Israel. Ba người Ả Rập đã bị đạn bắn chết. Sau đó không lâu, binh lính Israel đánh chiếm Bệnh viện Shiphah, bắt hàng chục người Ả Rập bị thương, đánh đập các bác sĩ, y tá đang làm nhiệm vụ cứu chữa người bệnh.

Làn sóng chống đối đã bắt đầu.

Ngày 16 tháng 5 năm 1990, một bản báo cáo dày 1.000 trang do một cơ quan của Thụy Điển sáng lập *Save the Children* (hãy cứu lấy các trẻ em) và do Fondation Fort tài trợ, trình bày, đã lên án Israel về “Những hành động bạo lực trầm trọng, vô cớ, lập dị, lập lại” đối với trẻ em Palestine. Báo cáo đánh giá rằng khoảng từ 50.000 đến 63.000 trẻ em đã phải được chăm sóc chữa chạy các vết thương, mà trong đó ít nhất có 6.500 trường hợp do bị

đạn bắn phải. Báo cáo nhấn mạnh phần lớn các nạn nhân không tham gia vào các vụ ném gạch đá, khi chúng đã bị thương, và nhấn mạnh rằng 1/5 số trẻ em đã bị thương hoặc ở trong nhà chúng hoặc ở xa nhà chúng ít nhất cũng là 30 mét.

Làn sóng chống đối còn kéo dài tới Hôm nay và hình như không có lối thoát. Theo Associated Press, trong tháng 7 năm 1990, 722 người Palestine đã bị quân Israel giết hại, và 230 bị giết bởi bọn cực đoan Palestine. Người ta tính ít nhất có 45 nạn nhân người Israel.

Trong năm 1989, Israel đã gửi 10.000 lính đến Gaza và Cisjordanie để duy trì trật tự. Trong tháng 4 năm 1990 con số này hạ xuống còn 5.000 người.

Ngày 13 tháng 2 năm 1990, tờ báo *Wall Street Journal* đã công bố bản nghiên cứu của một ngân hàng Israel, đánh giá rằng làn sóng chống đối, trong hai năm đầu đã gây thiệt hại cho Israel một tỷ đô la do mất sản xuất và mất tăng trưởng, mặt khác, những chi phí quân sự được dùng chống lại nổi dậy đã lên tới 600 triệu đô la.

Hơn 600.000 người Palestine đã chen chúc nhau trên 378 km² vuông của dải Gaza. Gần 60.000 trong số này hàng ngày sang Israel làm việc cực nhọc để kiếm đồng lương rẻ mạt, chủ yếu trong những công việc thấp kém. Vào buổi chiều những người làm phải trở về Gaza. Họ bị cấm không được ngủ lại chỗ làm việc.

Ngày 16 tháng 3 năm 1990 Knesset (Quốc hội) đã lật đổ Chính quyền của Itzhak Shamir bằng 60 phiếu thuận đối lại 55 phiếu chống. Thế là lần đầu tiên, một Chính phủ bị đổ trong một cuộc bỏ phiếu tái nhiệm. Cuộc bỏ phiếu này xảy ra sau cái mà Sharmir đã từ chối một kế hoạch của Mỹ đối với một Hội nghị hòa bình Israel - Palestine.

Ngày 7 tháng 6 Shamir và Đảng Likud cùng với một vài đảng nhỏ, thành lập Chính phủ liên hiệp đã giành được một đa số ít ỏi hai ghế ở Knesset. Theo phần lớn những nhà quan sát, đây là Chính phủ cực hữu nhất trong lịch sử nước Israel. Mỗi liên minh này cho phép Shamir tiếp tục theo đuổi chính sách của mình ở lại trong các vùng đất chiếm đóng và từ chối cam kết các cuộc thương lượng với người Palestine.

Ngày 15 tháng 11 năm 1988, tại Alger, sau 4 ngày thảo luận, Hội đồng dân tộc Palestin được PLO xem như Quốc hội lưu vong, đã tuyên bố thành lập Nhà nước Palestin độc lập và đã bỏ phiếu chấp thuận các nghị quyết của Liên hợp quốc, lần đầu tiên, công nhận một cách ngầm về quyền tồn tại của Israel.

Trong một thời gian dài của thời kỳ lộn xộn này, hình ảnh của Israel đã giảm sút nghiêm trọng. Bất chấp những nỗ lực lớn lao của nhà cầm quyền Israel đối với việc khuyếch trương thông tin từ Cisjordanie và Gaza, hình ảnh của những binh lính đánh đập và bắn vào những thanh niên Palestin không vũ khí đã bắt đầu gây xúc động cho những đồng minh trung thành của Israel.

Ba ngày sau việc lật đổ Chính phủ Shamir, cựu Tổng thống Jimmy Carter, đang viếng thăm trong khu vực, đã tuyên bố rằng cuộc nổi dậy *“Là một phần kết quả của những cung cách cư xử tồi tệ mà binh lính Israel đã trừng phạt đối với người Palestin”*. Và Carter đã đặt biệt kể đến các việc bắn phá không đúng lúc, việc phá hủy nhà cửa và việc bắt bớ độc đoán.

Theo các số liệu thống kê của Quân đội Israel đưa ra thì từ 15.000 đến 20.000 người Palestine đã bị thương và gần 50.000 người bị bắt. Khoảng 13.000 người hiện còn bị giam.

Ngày 12 tháng 4 năm 1990 trong tuần lễ Paque (Lễ Phục sinh), trong cái được cộng đồng Thiên Chúa giáo cảm thấy như một sự khiêu khích được cân nhắc, một nhóm 150 người Do Thái dân tộc cực đoan quái dị đã tràn

vào những khu bỏ trống của nhà đón khách thập phương của nhà thờ Saint - Jean, ở giữa khu Thiên Chúa giáo của Jerusalem. Nhà đón khách thập phương ở cách nhà thờ Saint - Sépulcre vài bước. Theo những người Thiên Chúa giáo, nhà thờ Saint - Sepulire là nơi để mộ của Jesus - Christ.

Suốt trong 10 ngày, Chính phủ đã bác bỏ mọi trách nhiệm đối với sự việc xảy ra. Cuối cùng Chính phủ buộc phải chấp nhận có một khoản trợ giúp bí mật 1,8 triệu đô la cho nhóm đó, tức là bằng 10% giá thấp hơn giá thuê những tòa nhà.

Thượng nghị sĩ Mỹ Robert Dole, trong một cuộc trả lời phỏng vấn nhân chuyến viếng thăm Israel đã nghe được, là Hoa Kỳ đã xem xét việc giảm viện trợ kinh tế cho Israel để tháo khoán ngân quỹ dành cho các nước dân chủ mới ra đời ở Đông Âu và Châu Mỹ La tinh.

Ngày 1 tháng 3 năm 1990, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, James Baker tuyên bố rằng: Chính quyền Bush đã dự kiến “Cạo trọc” viện trợ đối ngoại cho Israel và các nước khác để giúp các nước dân chủ mới.

Baker đã làm Shamir cảm phẫn, bằng cách gán một thỏa thuận cho vay mới 400 triệu đô la vào việc đình chỉ xây dựng các khu định cư mới trong lãnh thổ chiếm đóng.

Sự việc của pháp sư (Do Thái) Moshe Levinger không còn nghi ngờ gì nữa là hình ảnh tốt nhất về trạng thái tinh thần của phái hữu Israel. Là người cầm đầu tổ chức hoạt động di dân Do Thái, một nhóm cực hữu, Levinger đã bị kết án 6 tháng tù, hồi tháng 6 năm 1990 vì “cầu thả gây tội ác”. Ông ta đập chết một người Ả Rập bằng súng.

Tháng 10 năm 1988, Levinger đi xe tới Hébron, lúc đó có một người đã ném đá vào xe ông ta. Levinger đã nhảy xổ ra ngoài chiếc xe của mình đồng thời xả đạn, trong đó một viên đã trúng vào ông thợ cắt tóc đang đứng trong cửa hiệu của mình, và giết chết ông ta. Trong phiên tòa Levinger đã trình

diện đồng thời giao nộp khẩu súng và tự khoe có “danh dự và đặc quyền” giết một người Ả Rập. Sau quyết định của tòa án, Levinger đã được đám đông cuồng nhiệt kiệu lên, reo hò đưa tới tận nhà giam.

Pháp sư Moshe Tsvy Noriah, cầm đầu tổ chức nổi tiếng B’Nai Akiva Yasheeva (một trường phái tôn giáo) đã tuyên bố trong một buổi thuyết giáo rằng: *“Thời của việc suy ngẫm đã qua rồi, giờ đây đã đến thời của vũ khí”*.

Haim Cohen, thẩm phán của tòa án tối cao, về hưu đã có kết luận: *“Theo chiều hướng của sự việc, tôi không có khả năng để nói đến điều gì đang chờ đợi chúng ta. Tôi cũng không biết là người ta có thể bị kết án vì tội cấu thả gây tội ác sau khi đã giết chết một người mang dòng máu lạnh. Tôi có lẽ đã lỗi thời”*.

Cuộc chống đối và sự sa sút về giá trị đạo đức và nhân đạo đang diễn ra là kết quả trực tiếp của tính hoang tưởng tự đại. Tính hoang tưởng tự đại này là đặc tính của Mossad. Chính ở đó, mọi việc đã được bắt đầu, với ý niệm là mọi thứ đều được phép chừng nào người ta có quyền lực.

Israel đã đương đầu với những thử thách khó khăn nhất của mình. Tình hình đã trở nên không thể kiểm soát nổi. Người ta tiếp tục ngược đãi đối xử thô bạo, nhưng luôn luôn đi đôi với những lời biện bạch: *“Đó là lỗi của họ, nếu như chúng tôi trở nên tàn bạo. Họ đã buộc chúng tôi phải tấn công các trẻ em, các bạn (ngài) tự nhận thấy điều đó hay không?”*

Đó là nơi mà người ta đã đến, sau nhiều năm tháng và những năm tháng bí mật, nơi mà tin tức thất thiệt có hệ thống của những người cầm quyền, sự biện bạch cho bạo lực đang do sự lừa đảo dẫn dắt: *“Do sự lừa phỉnh ...”* phải chăng biểu tượng của Mossad là ở đó?

Gánh nặng đã bắt đầu đè lên vai Mossad. Gánh nặng đó đã lan truyền sang Chính phủ và tới mọi tầng lớp xã hội. Nhiều tiếng nói phản đối chống

lại sự suy giảm của giá trị, nhưng người ta không nghe. Để kéo xuống vực, dễ hơn là cố gắng vượt khó mà lên.

“*Tôi hi vọng được nghe nói về anh trên báo chí*” Đó là điều mà có thể là lời chúc xấu nhất của một *katsa* đối với *katsa*. Nhưng sau hết, đó có thể là cách duy nhất để lật ngược lại tình hình.

CHÚ GIẢI

ACADEMIE: *Midrasha*, chính thức được gọi là Dinh mùa hè của Thủ tướng. Trên thực tế, đó là Trung tâm huấn luyện của Mossad, nằm ở phía của Thủ đô Tel Aviv.

AGENT: Điệp viên. Trái với việc lạm dụng, dùng người bừa bãi một cách rộng rãi, đây không phải những người làm việc của một Cơ quan Tình báo. Điệp viên là một người được tuyển mộ. Mossad có khoảng gần 35.000 điệp viên trên thế giới, trong đó 20.000 là điệp viên “nằm vùng”. Những điệp viên “đen” là chỉ những người Ả Rập; những điệp viên “trắng” thì không phải người Ả Rập. Những điệp viên “tín hiệu” chuyên báo trước cho Mossad những tín hiệu về chuẩn bị chiến tranh: Điệp viên này có thể là một bác sỹ làm trong một bệnh viện của Syrie, hay một người làm công trong một hải cảng, mà cảng này có dính đến việc tăng cường các hoạt động của các tàu chiến.

AL: Một đơn vị bí mật của *katsa* dày dặn kinh nghiệm, làm việc dưới vỏ bọc, được tăng cường ở Hoa Kỳ.

AMAN: Viết tắt của Cơ quan Tình báo quân đội Israel.

APAM: Chữ Do Thái là *Autahat Paylut Modient* (nghĩa là những hoạt động an ninh của tình báo), là công tác bảo vệ tình báo.

BABLAT: “đảo lộn các quả bóng” hay nói một cách khác là luôn luôn có sự thay đổi chủ đề trong thảo luận.

BALDAR: Thư tín.

BODEL: (số nhiều là *Bodlim*) - hay *lehavdil*. Người đưa thư giữ nhưng chỗ ở bí mật với các Đại sứ quán, hoặc giữa những chỗ ở bí mật với nhau.

CADRES: - *Misgarot*. Những nhóm người tự vệ Do Thái di cư.

COMBATTANTS: - Những “người tình báo” thực sự của Mossad. Những người Israel được phái tới một nước Ả Rập dưới “vỏ bọc” bê tông (ý nói vỏ bọc rất chắc chắn). Họ thu thập những tin tức tình báo “có tính chất tổng hợp”.

DARDASIM: (*Smerfs*) - Dưới vụ (hay có thể gọi là Phòng, Ban) của Kaisarut. Những Dardasim hoạt động ở Trung Quốc, ở châu Phi và ở Viễn Đông, là những nơi họ có vai trò thắt chặt các mối liên lạc.

DEVELOPPEMENTS: Gắn liền với đơn vị 8.200. Người ta chế tạo tại đó những chiếc *fermetures* đặc biệt, những chiếc vali có hai đáy.

DIAMANT: (*Yahalomim*) - Đơn vị của Mossad quản lý việc thông tin liên lạc với các điệp viên của các nước là mục tiêu.

DUVSHANIN - Các lực lượng hoà bình của Liên hợp quốc được trả tiền để chuyển các bưu kiện, thư tín từ phần bên này sang phần bên kia biên giới giữa Israel với các nước Ả Rập.

FILON: Người được tuyển mộ để hướng dẫn cho một người được tuyển mộ khác.

HUMINT: Toàn bộ những tin tức thu được từ các loại điệp viên.

INSTITUT: Học viện - một tên gọi chính thức của Mossad. Trong tiếng Hebrew, cái tên đầy đủ là: *Ha Mossad, le Modiyn ve le Tafkidim Mayuhadim*, nghĩa là Học viện Tình báo và những hoạt động đặc biệt.

ITINERAIRE: (như *masluh*) - là hệ thống tự bảo vệ để cảnh giác chống lại những sự theo dõi.

JUMBO: Tin tức được một điệp viên quan hệ của nước ngoài giao cho một điệp viên quan hệ của Mossad (chẳng hạn như CIA).

KAISARUT: *Tevel* cũ. Các sỹ quan quan hệ ở tại các Đại sứ quán của Israel. Những nhà chức trách địa phương xem họ là các sỹ quan của Cơ quan Tình báo.

katsa: Sỹ quan xử lý. Mossad chỉ sử dụng khoảng 35 sỹ quan chịu trách nhiệm tuyển mộ điệp viên của quân thù trên thế giới; KGB và CIA thì có hàng nghìn người.

KESHET: đã trở thành *neviot*, “Khải hoàn môn”. Một ngành của Mossad được chuyên môn hoá trong lĩnh vực nghe trộm.

KIDON: “chiếc lưỡi lê”. Một ngành hành quyết và bắt cóc của Metsada.

KOMEMIUTE: Metsada đã trở thành Komemiute. Vụ bí mật cao, Mossad thực sự trong Mossad, chịu trách nhiệm về các chiến sỹ (combattants).

KSHARIM: Những cái “mắt”, Lưu trữ, bộ nhớ trong máy tính, những quan hệ, bạn bè, các mối tiếp xúc đủ các loại của một con người được làm tư liệu thí (dù như Arafat).

LAKAM: *Lishka le Kishrei Mada*. Văn phòng những công việc về khoa học của Thủ tướng Israel.

LAP: *Lohamah Psichlogit*. Cơ quan chiến tranh tâm lý của Mossad.

MALAT: Ngành của Quan hệ làm việc với Nam Mỹ.

MARAT: điệp viên nghe.

MASLUH: xem Initiaire.

MELUCKAH: tên cũ của *Stomet*, “Vương quốc”. Vụ tuyển mộ mà các *katsa* phụ thuộc vào đó.

METSADA: Xem chữ *Komemiute*.

MISGAROT: Xem chữ “Cadres”.

MISHLASHIM: Các hộp thư.

NAKA: Hệ thống chữ viết của Mossad để biên tập các báo cáo.

NEVIOT: Xem chữ *Keshet*.

OFFICIER TRAITANT: Tương đương với *katsa* trong những Cơ quan Tình báo khác. Tại Mossad, các sỹ quan xử lý làm việc ở Mossad, nơi mà họ giám sát các chiến sỹ (những người tình báo thực sự của Mossad).

OTER: Người Ả Rập được trả tiền để làm việc liên hệ với một người Ả Rập khác rồi tuyển mộ họ. Được đãi ngộ từ 3.000 đến 5.000 đô la một tháng , cộng thêm tiền lệ phí.

PAHA: *Paylut hablamit oynet*. Vụ chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động phá hoại hay các hoạt động của chủ nghĩa khủng bố, thí dụ các hoạt động của PLO.

PAYS D’APPUI: Các nước phương Tây, nơi mà Mossad có những ăng ten (chi nhánh): Tây Âu, Hoa Kỳ và Canada.

PAYS-CIBLE: (Các nước mục tiêu) - Bất kỳ một nước Ả Rập nào.

PLANQUES: Tên gọi những nơi làm việc của Mossad. Đó là những ngôi nhà hay các căn hộ, được thuê để cho các cuộc gặp gỡ bí mật hay xem như căn cứ hoạt động.

PUCES: Những *katsa* giả vờ ở Israel và những người đó thực hiện những cú nhảy của con bọ chét trong các nước kề gần, như Chypre, bằng cách đối lập với những *katsa* hoạt động ở nước ngoài.

RENSEIGNEMENTS DIRECTS: Những hoạt động có thể quan sát được: Những sự di chuyển quân, những công việc chuẩn bị chiến tranh trong các bệnh viện, hay trong các hải cảng.

RENSEIGNEMENT SYNTHETIQUES - Những tin tức gián tiếp như là: Phân tích dư luận, nền kinh tế, những tập tục, những chính kiến,...

SAIFANIM: “Con cá đỏ”, mật vụ của Mossad chịu trách nhiệm về PLO.

SAYAN: (số nhiều viết là *Sayanim*) - Những người Do Thái di tản tình nguyện.

SHABACK: của Israel tương đương với FBI của Mỹ. Cơ quan phụ trách an ninh quốc nội.

SHICKLUT: Cơ quan nghe trộm.

SHIN BET: Tên cũ của Shaback.

TAYESET: Tên mật mã của Vụ đào tạo.

TEUD: “Các hồ sơ”. Cơ quan sản xuất ra các giấy tờ giả.

TEVEL: Xem chữ *Kaisarut*.

TSAFRIRIM: “Gió nhẹ buổi sáng” (*Brise du matin*) Tổ chức các cộng đồng người Do Thái di tản. Tham gia vào tất cả những hoạt động cứu người Do Thái bị đe dọa. Giúp đỡ. công việc chuẩn bị các “cán bộ”.

TSIACH: *Tsorech Yediot Hasuvot*. Cuộc họp hàng năm của các Cơ quan Tình báo quân sự và dân sự. Cũng là tên của hồ sơ mô tả những ưu tiên cho những năm tới, được xếp đặt theo trình tự tăng lên.

TSOMET: Xem chữ *Meluckah*.

UNITE 504: Một kiểu Mossad thu nhỏ. Cơ quan Tình báo quân sự hoạt động trên các biên giới của Israel.

UNITE 8.200: Một đơn vị quân sự chuyên môn hoá trong việc chặn bắt các thông tin liên lạc của địch. Đơn vị này cung cấp cho tất cả những Cơ quan Tình báo Israel.

UNITE 8513: Một ngành tình báo quân sự được chuyên môn hóa trong công việc chụp ảnh, quay phim.

YARIT: Một ngành chịu trách nhiệm về an ninh ở Châu Âu.